

Harald Kidde

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Vnthuquan.net, 2009.



Lời giới thiệu

Nguyên tác: Le Héros

Vốn dòng dõi hoàng tộc có thể lực, nhưng sau khi tốt nghiệp khoa thần học của Học viện Tôn giáo, chàng sinh viên Clemens Bek đã tự nguyện xa rời Copenhagen hoa lệ để đến làm mục sư rồi giáo viên ở một hải đảo xa xôi, một vùng đất hoang vu chỉ có 200 dân chài Đan Mạch bị bão đánh trôi dạt vào sinh sống từ thời xa xưa.

Và từ đó, bắt đầu cuộc sống lao khổ và ly kỳ, những số phận đan xen và cài đặt oái oăm – những thử thách luôn dành cho một người hùng – một á thánh – như mọi người vẫn phong tặng cho mục sư này.

Để đem lại hạnh phúc cho những số phận trôi dạt trên hòn đảo, ông đã vượt bao trở ngại để lập trường dạy học, mở mang trí tuệ, xây nhà hộ sinh, đặt

trạm y tế, làm đường giao thông, dựng đèn biển, mở chợ, hướng dẫn cách giữ gìn sức khỏe, cách làm ăn, khai thác tài nguyên thiên nhiên... Ông đã cùng giáo dân xây dựng hòn đảo thành miền đất văn minh có điện, có bưu điện, có cảng, có đèn pha, có tàu biển liên lạc với đất liền, thu hút khách du lịch từ các nơi về đây tham quan, nghỉ mát.

Trong năm trăm trang sách của nhà văn Đan Mạch Harald Kidde, đã dùng lối kể chuyện bình dị để kể những câu chuyện bi tráng. Xen vào mạch kể về hiện tại là xen vào những đoạn hồi ức với những tình tiết ly kì, dẫn người đọc đi qua những nỗi đau, những số phận bi tráng, những tính cách hoặc cực kỳ độc ác hoặc tận cùng nhân hậu. Một điều đặc biệt trong tiểu thuyết này là những bi kịch gia đình, với những đứa con bị dày đoạ, nhưng vẫn sáng lên tình yêu đối với đồng loại và lý tưởng cùng lòng hy sinh hạnh phúc riêng tư của cá nhân mình cho cộng đồng.

Hồ Thiệu

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Phần I - Chương 1

Khu rừng đen và con đường tối

Erik Lange đẩy tờ báo ra, tựa vào lưng ghế và nhắm mắt lại. Anh lắc đầu liên tiếp. Thôi thế là hết tất cả rồi! Có nghĩa là anh phải ở lại đây cho đến chết. cuộc đời anh chẳng phải đã kết thúc rồi đó ư? Chúng nó, những bạn bè hồi trẻ tuổi của anh đã chiêm đoạt mất cuộc sống của anh mà chỉ vì một lúc lơ là anh đã phó thác nó cho chúng.

Chuyện đã rõ ràng rành: "Một tu viện hiện đại. An dưỡng đường cho những người bệnh tâm thần do các bác sĩ Mangus Kaas và Holger Faber điều khiển". Người ta đã kiếm đủ tiền, đã mua đất, đã bổ nhiệm nhân viên. "Các

kế hoạch đã được giữ kín cho đến khi việc thực hiện được chắc chắn" Vì sao vậy? Họ đã sợ anh đứng lên đòi quyền ưu tiên cho ý tưởng của mình?

Không phải đâu, họ thừa biết rằng anh cứ ở lì ngoài đảo xa ấy thì chẳng thể làm hại gì được. Và lại, qua những người khác, anh có biết tin việc thực hiện đề án của mình cũng đã chậm hơn cả nước một tuần lễ.

Tờ nhật báo từ tám hôm trước, nhưng sáng nay mới tới nơi bằng chuyến tàu thủy của Jutland. Người ta đã khai khẩn đất cho nhà điều dưỡng, miếng đất mà anh đã chỉ cho họ chiều hôm đó khi đứng trên tàu Regensen.

Ngón tay của Erik thôi không gõ xuống bàn nữa. Anh nhìn thấy lại địa điểm đúng như khi nó xuất hiện lần đầu tiên từ trên boong tàu: vịnh đầy bóng râm, sóng do chân vịt tàu cuộn lên vỗ vào những hòn đá rêu phong, những cây sồi thân trắng nổi bật trước khu rừng âm u. Anh nhìn thấy lại con suối nhỏ lấp lánh trong ánh mặt trời và anh cảm thấy rừng mình trước ý nghĩ đến uống nước bên suối và nghỉ ngơi trong đám dương xỉ, giữa lúc đó thì con tàu chạy đi mà anh thì ở lại, mình anh ở lại.

Anh nhìn thấy lại hình chấm nhật của hai con bướm trắng trước bóng đen của khu rừng, anh nhìn thấy chính mình – một cậu bé đang giấu mặt sau cái hộp đồ vẽ của bố, cái hộp có đóng dấu sắc sỡ của tất cả các nhà ga trên thế giới. Rồi bố đặt bàn tay lên gáy anh và hỏi anh với vẻ ngạc nhiên:

- Ô Erik, con làm sao thế, con biết rõ là chúng ta đang ra đi đấy chứ? Vâng, họ đang đi, họ du hành khắp nơi trên hành tinh, cho đến một ngày, khi còn là một chàng sinh viên trẻ tuổi, anh đã mở một lối đi qua những đám dương xỉ và thực sự dừng lại ở mảnh đất nhỏ bé này, mảnh đất mà anh đã mơ ước lâu nay khi còn đang ở những xứ sở miền Nam, trên bờ Địa Trung Hải, ở Tiểu Á, ở Ấn Độ. Bóng mát toả trên trán anh, hai đầu gối anh lún vào trong rêu ẩm khi anh cúi xuống uống nước suối để giải cơn khát hằng bao năm nay. Khi ngẩng lên, cái nhìn ẩm ướt của anh bắt gặp những thân cây sồi trắng xoá, đường lượn uyển chuyển của rừng liễu điệp và bóng râm xanh lơ tựa như linh hồn của sự yên tĩnh, và anh đã hiểu rằng bản năng thời niên thiếu không hề đánh lừa anh, chính ở nơi đây anh phải xây nhà an dưỡng cho những người bệnh tâm thần. Ở đây, nơi mẹ anh đã chào đời. tất cả tâm hồn anh như đã được lôi cuốn về nơi này trong từng giờ của những chuyến đi rong ruổi triền miên. Chính ở nơi đây, dưới tán rừng, trước mặt nhìn ra vịnh, ra các mũi đất và ra biển sẽ được dựng lên nhà an dưỡng cho những người con của thế kỷ hai mươi đầy sóng gió này, mà người ta luôn day dứt nỗi nhớ nhung một dòng suối rừng để giải khát.

Không, anh đã không nhầm trong những nghiên cứu và nhận định của mình sau này. Khu rừng tĩnh mịch trên bờ vịnh chính là địa điểm thích hợp cho một nhà an dưỡng lớn, là địa điểm bậc nhất cho một tu viện hiện đại như tờ báo đã đánh giá.

Anh đã chẳng dùng cụm từ này trong cuộc nói chuyện với Kaas và Faber đó sao? "Chúng ta làm nảy sinh một nền hoà bình ẩn sĩ chính giữa thời đại mới của gươm giáo".

Và đây là công trình của anh, được thực hiện hoàn toàn ở địa điểm do anh chọn, theo đúng những đồ án của anh, và không có anh, mà bởi hai người bạn thân của anh thời niên thiếu.

Còn anh, phải chăng anh đã không trung thành với ý tưởng của mình khi anh từ bỏ thực hiện nó? Cưới vợ xong chẳng suy nghĩ gì, anh đi xin việc làm ở trên đảo rồi sống ở đây từ hơn hai năm nay. Vậy anh có muốn đồ án của anh bị lãng quên như người ta đã quên anh và sẽ không có ai khác trông thấy dòng suối và đền giải khát ở đó? Dù sao dự án vẫn là của anh. Người ta đã thực hiện nó, anh còn muốn gì hơn?

Bất thành linh anh nắm tay lại giờ lên như để đám, rồi anh đứng lên và đi ra phía cửa sổ. Biển trải dài tít tắp phía dưới mãi tận chân trời mờ sương. Biển một màu xám xanh lấp lánh yếu ớt trong nắng chiều. Và cánh tay Erik rơi xuống.

Vậy thì anh muốn gì?

Biển ngăn cách họ và anh, và những năm tháng ngăn cách anh với dự án của anh. Họ đã làm việc trong lúc anh mơ mộng. Họ đã đi tìm, đã kiếm được sự ủng hộ của Chính quyền, trong lúc anh không ngừng cải tiến các đồ án cho đến khi không nhìn thấy rõ nó, đến mất niềm tin vào ước mơ của mình ở trên hòn đảo tách xa anh với mọi người và làm anh biến mất trong thời gian. Trời ơi! Sao anh lại ở đây? Thế nào mà anh lại có ý nghĩ làm thầy thuốc trên một hòn đảo nhỏ cách xa bờ biển gần nhất cũng tới bảy mươi kilômét. Một đảo nhỏ chỉ ven vịnh có hai trăm cư dân. Anh, một con người từ thuở thiếu thời đã trôi dạt từ nơi này đến nơi khác, từ đông sang tây, từ bắc xuống nam, anh, một con người mang trong máu tiếng xịch xịch của các đoàn tàu hoả, tiếng phi phò của những con tàu thuỷ, giữ trong đôi mắt phong cảnh biển đổi của những chân trời và thu trong tai tiếng nói của các dân tộc xa lạ, anh, một con người của thế kỷ, lang thang hơn bất kỳ ai, đau khổ hơn bất kỳ ai vì những tội lỗi của thời đại mà anh muốn đưa lại sự nghi ngại và hoà bình, anh, những thầy thuốc của thế kỷ mình, anh đã thất bại ở đây. Và tại sao? Erik đi về phía cửa của Ellen nhưng bỗng dừng lại ở giữa đường. Không, không, anh không phải tìm ở xa hơn, tìm sâu hơn. Chính bởi vì anh là người con của thế kỷ, anh, hơn ai hết, bởi vì anh đã không học để chờ đợi, để chịu đựng, bởi vì anh chưa bao giờ biết đợi tới lúc chín muồi. Anh đã mất tất cả vì không biết chờ đợi. Và bởi vì anh đã nhầm tương lai với hiện tại, khoảnh khắc với dài lâu, cái trường cửu của anh đã trôi đi, anh đã đánh mất sự nghiệp của anh, số phận của anh chỉ vì cô ấy, ở kia, trong căn phòng bên cạnh, và bởi vì khuyết điểm của chính anh.

Chức thầy thuốc của tổng ở trên đảo đang khuyết. Anh đã xin vào chân đó để cưới ngay Ellen và để hoàn thiện các đồ án của mình trong yên tĩnh. Bây giờ thì những người khác đã làm công việc của anh, còn anh và cô ta thì...

Erik làm một cử chỉ bức mình như muốn xua đuổi một ý nghĩ. Anh những tưởng rằng mình mang danh là thầy thuốc của thế kỷ, nhưng hơn ai hết, anh lại là người bệnh của thế kỷ.

Người bệnh? Tay anh đưa tìm chiếc đồng hồ. Thôi, anh phải đi thăm cụ giáo già nằm liệt giường hơn một tháng nay. Từ trong làng, người ta đã đến tìm bác sĩ. Tất nhiên chuyện cũng chẳng có gì thúc bách, tuy vậy anh đã biết có người ở trên đảo đã chết trên tay họ rồi cuối cùng họ mới quyết định đi tìm anh.

Xét cho cùng thì Nhà nước trả lương cao cho một thầy thuốc để làm gì? Thực tế, ở đây họ có thiếu bà đỡ và người đào huyết đầu. Họ chẳng muốn gì hơn.

Erik rút chiếc ống nghe vào trong túi và cài cúc áo vét. Mamzen[1] Camrath ở trong số người đi mời thì nghĩ rằng có gì đó ở ngực bệnh nhân, nhưng cứ như Erik nhớ lại thì cụ Bek chỉ ốm vì bệnh tuổi già cũng như các trường hợp thường xảy ra ở trên đảo.

Thật ra thì những người này có thể tự bằng lòng rồi, không đòi hỏi đến mức phải có một thầy thuốc thế kỷ! Lange mỉm cười chua chát.

Anh nghe kể lại ngày xưa ở đất này người dân sống ở đây chỉ cần có một bà đỡ và một người đào huyết là đủ.

Bác sĩ bước mạnh qua gian nhà, suy nghĩ một lát rồi gõ mạnh ở cửa phòng khách.

- Anh vào đi! – Giọng trong trẻo của Ellen cất lên.

Anh mở hé cánh cửa.

- Anh đi vào làng, đến thăm một bệnh nhân, cụ giáo Bek, đến chiều mới về - Anh nói, bàn tay anh đặt trên nắm đấm ổ khóa.

Cô vợ gật đầu với anh. Cô ngồi khâu bên cửa sổ. Mớ tóc dày màu vàng hoe uốn lượn quanh khuôn mặt trái xoan trắng trẻo, sáng ngời lên vì đôi mắt xanh sẫm. Cô cắn sợi chỉ với hàm răng khỏe.

- Anh chuyển lời hỏi thăm của em nhé, Erik, và nhờ anh hỏi xem cụ ấy có cần gì không, chẳng hạn như vài chai rượu – cô nói trong khi kéo dẫn chiếc khăn mặt ở trên đầu gối.

- Em biết cụ ấy à? – Lange hỏi.

- Sao em lại không biết cụ ấy? Theo ý anh thì ở đây có nhiều cư dân đến nỗi mọi người không thể biết hết nhau, ngay cả cụ Bek hay sao?

Anh nhún vai.

- Vâng, chính là khuyết điểm của anh đấy, em đã nói với anh mãi rồi

mà – cô nói, vừa lắc đầu và cúi xuống đồ khâu – chẳng bao giờ anh quan tâm đến việc làm quen với họ, chẳng bao giờ anh đến nhà họ.

- Em thấy họ đáng yêu khiến người ta muốn làm quen với họ phải không?

Cô rung rung mớ tóc vàng hoe của mình.

- Họ quả đúng như người ta đã nhìn nhận về họ. Vâng, họ chẳng đáng yêu đâu, nhưng anh hãy nghĩ xem họ đang sống ở đâu và là ngày xưa họ đã sống ở nơi nào. Còn anh thì...

- Anh đâu có nhiệm vụ chăm lo phần hồn cho họ - anh trả lời với giọng dứt khoát – người mang phận sự đó đã chuồn rồi!

- Vâng, một cách đáng xấu hổ, và vô ý thức, thiếu lương tâm. – Cô giậm chân xuống bực.

- Nói thẳng ra là ở đây chẳng thể nào có được một mục sư và các mục sư thì đều được coi như là những dây tở của Chúa!

Erik mỉm cười, nhún vai một lần nữa rồi chào tạm biệt vợ, ra đi.

- Anh hãy nhớ đặt câu hỏi về rượu vang – Ellen kêu lên với anh.

Như một cái máy, anh lấy ống serine tiêm morphine trong tủ thuốc và bước ra cổng.

Thế là thẩm thoát đã hai năm anh ở trên đảo và rất có thể anh còn ở cho đến khi đầu bạc mắt loà, anh đạt tới tuổi tám mươi như người tiền nhiệm của anh, cụ già Hagedorn. Một ngày ở thế kỷ trước người ta đã gửi cụ đến đây vì cái thói say rượu khiến cụ không thể xin việc được trong đất liền. còn bây giờ người ta đã ăn cắp mất ý tưởng của anh thì anh cũng chẳng còn lý do gì mà rời khỏi đảo.

Lange dừng lại trong hành lang hẹp, lúng túng áp trán một lúc vào chiếc áo lông thú dày treo ở mắc.

Anh tưởng mình được gọi điều hành một cơ sở y tế dành để điều trị nỗi lo lắng liên miên của thời đại, thật trớ trêu chính bản thân anh cũng không tìm được sự bình thản. Anh cần phải lấy vợ thật nhanh.

Ellen? Đó là cái áo lông của cô mà trong đó anh đang giấu mặt, cái áo lông cô đã mặc trong chuyến vượt biển mười tiếng đồng hồ của họ trên tàu Anne Henriette. Cô run lập cập, bị say sóng và không muốn anh nhận thấy, đã mỉm cười với anh và nắm bàn tay anh vào trong bàn tay lạnh buốt lấy lấy của cô! cuối cùng họ đã thấy ánh sáng lấp lánh trên nước và cập bến sau khi đi qua ngọn đèn pha của cảng. Đến phía trên cùng của vô số bậc cầu thang đi lên giữa các vách đá màu đen mực như những đám mây băng buổi sáng, anh đã bỏ áo lông ra cho cô và giang tay bế cô. Cuối cùng họ đi về đến nhà, đến nhà của họ, đến tổ ấm của họ.

Cuối cùng! Đúng là thế. Thời gian trước lễ cưới của họ kéo dài sáu tháng.

Nếu anh đã là giám đốc nhà an dưỡng, ở chức vụ của Kaas và Faber... Phải

cần đến những hai người ở chức vụ này, người ta không thể bỏ nhiệm ít hơn. Vâng, nếu, nếu...

Ellen không nhận ra gì hết, anh tin thế. Cô không để ý đến nỗi khổ của anh, cũng không chú ý đến những buổi tối anh ngồi bên cửa sổ, bàn tay co quắp lại. Cô không thấy khi anh nhìn ngày, cái ngày không mục đích ấy đang tắt trên biển, cái biển mênh mông ngăn cách anh khỏi thế giới mà ở đây sẽ phải dựng lên toà lâu đài những ước mơ của anh. Trong năm đầu tiên của yên tĩnh, anh đã xây nên lâu đài này cho lên tận óc, để rồi phá huỷ nó, từng viên gạch một, trong năm thứ hai.

Cũng không nên để cho Ellen biết được rằng công trình đã được xây lên bởi những bàn tay khác, dưới những cái tên khác. Anh giấu tờ báo vào trong túi. Nhưng, nhất là không nên để cô biết được những luyến tiếc của anh.

Lange rùng mình. Nếu cô biết anh tiếc là đã đến đảo này, thì chuyện khác không bao giờ nên để cho cô biết.

Vả lại anh cũng tiếc về cuộc hôn nhân vội vàng, về hai năm sống chung, sự thật có thể không? Cô có phải như anh đã ước mơ, tươi mát, thoải mái như khu rừng. Hôm nay chẳng hạn cô chẳng hề tỏ ra ngạc nhiên hay sung sướng khi thấy anh vào chào tạm biệt, tuy rằng đã bao lần từ một năm nay anh không quên làm việc đó! Cô lại cũng không hiểu rằng anh tìm cô, cũng không hiểu anh muốn gì ở cô. Cô chỉ nói chuyện về Bek và về bổn phận của chồng cô đối với những người trên đảo.

Tóm lại anh muốn gì? chẳng phải anh đã giấu tờ báo để cô không thể đọc, nhìn thấy ở đó thất bại của anh? Đó là một thất bại, vì thế anh giấu tờ báo và tìm Ellen, anh cần được an ủi.

Mọi chuyện có lẽ khá hơn giờ đây, khi mà dự án đã tuột khỏi anh, anh chẳng còn gì ở đây nữa. bây giờ khi, ở kia, những bàn tay mạnh hơn và sự ngờ vực không làm tê liệt, đang xây dựng nhà an dưỡng. bây giờ có lẽ anh sắp tỉnh lại khỏi những suy tư u ám của những tháng trước và biết được rằng chính anh chứ không phải Ellen là người chịu trách nhiệm. Bây giờ anh sẽ thấy hòn đảo mà cô nói chuyện, anh sẽ thấy Bek, bây giờ khi anh đã được giải thoát, bây giờ khi mà anh cố tỏ ra không có khả năng sáng tạo.

Bằng một động tác đột ngột, anh mở cửa và đi xuống các bậc thềm đá.

Không khí lạnh thổi vào mặt anh, anh cài cúc áo khoác ngoài. Từ phía chân trời xa, biển đẩy những đê chắn sóng màu xám giống như những cánh tay căng ra chống lại sự xâm nhập của sóng.

Mặt trời khuất sau các đám mây. Không thấy một cánh buồm, không thấy một làn khói. Những chiếc thuyền của cảng với những cột buồm mảnh khảnh chen chúc vào nhau. Không có lấy một bóng người trong vùng phụ cận của dãy bến dài màu xám của kho tạm. Vụ đánh bắt mùa thu đã kết thúc. Mười lăm hôm trước, cảng lúc nhúc những tàu nước ngoài đưa từ Seeland,

từ Jutland, từ Thụy Điển những lái buôn, những nhà xuất cảng đến mua cá. Suốt cả ngày người ta chỉ nghe tiếng động cơ ù ù đều đều. những thuyền cá trích vào ra. Bây giờ tất cả đều vắng lặng như suốt cả năm, chỉ trừ hai tháng đánh bắt cá trích.

Mấy con mòng biển bay chéo nhau ở phía lều đội tuần phòng và các vòm thủy tinh của đèn pha.

Hai tay dứt túi, Erik đi về hướng tây bắc. Những quả đồi khổng lồ và u ám hiện ra trơ trụi, lác lõng dưới bầu trời. đường ranh giới với khu đánh cá có bề ngoài như một đường vạch nhỏ xíu.

Mùa đông đến. Những con mòng biển là những sinh vật duy nhất phát ra tiếng ồn.

Lange đi qua trước chiếc cầu thang gỗ dựng đứng với hai trăm bậc dẫn từ trên cao xuống cảng. Anh nhìn thấy mái ngói nhà người quản lý bến cảng ở dưới sườn núi phủ đầy cỏ khô, và ở phía thấp hơn một tí là nhà của người phụ tá thứ nhất. không một ngọn khói bốc lên từ các ống khói. Hầu như mọi người đã rời bỏ đảo để đi ra thế giới bên ngoài, và chỉ mình Ellen và anh ở lại, bị lãng quên ở đây.

Anh rảo bước đi theo con đường nhỏ rải đá cuội giữa những đám đất canh tác. Những cồn cát ở phía đông và phía nam trải dài dưới bầu trời bất động, dưới chân các cồn cát là một dải đai bằng bột nước. Những cồn cát đã ở đây trước khi con người đến, chúng còn ở đây, bị ruồng bỏ chính giữa biển.

Tiếng chân của Lange bước trên sỏi phá tan yên lặng. Vòng quanh khu vườn đầy cát của ông quản lý cảng, anh lại đi tiếp vào con đường và bắt đầu leo lên đồi. Biển biến mất sau lưng khi anh đi sâu vào các cồn cát. Từ khoảng rộng màu xám thoi lên một luồng gió lạnh. Người ta bảo đó là một tấm vải liệm cũng không sai. Những cái lỗ trên thân những cây thông khô giống như những con mắt người chết dưới đám cỏ dài bị gió thổi rạp xuống. Một con chim sẻ nhanh nhẹn như một con chuột lén vào trong các luống cây, nơi một khu rừng được trù liệu cho tương lai đã biến mất dưới cát và khí lạnh.

Bây giờ Erik đi về phía "đầm" ở ngay chính giữa hòn đảo. Con đường như một dải lụa trắng cắt đôi khoảng rộng của đầm tĩnh mịch màu lụa, và ở phía bên kia đi lên các quả đồi tối sẫm. Mùa thu nhuộm đen cảnh lá một lùm cây um tùm, con dê lấp lánh trong sương mù và những cây liễu cổ thụ ở đằng xa, nơi cánh đồng cỏ mọc ra một mũi nhọn giữa những vách đá. Những cây liễu già này đang ngủ sát cạnh nhau như những cụ già mỗi một, những cư dân cuối cùng của đảo già quá rồi, không thể rời khỏi đảo.

Erik mò mẫm trong bóng tối ẩm ướt, anh đi theo đường tắt qua sườn đồi có cỏ mọc. Cỏ giảm thanh tiếng chân bước và anh thở không khí đầm lầy.

Chung quanh anh, những quả đồi dưới áo khoác lá xanh nguyên vẹn càng tròn lại. Chỉ có một quả có chỗ đứt trên mặt đất, nhưng chiếc cây bỏ lại bây

giờ đang dựng những chiếc sừng của nó lên bầu trời âm u, ở chỗ này ngày xưa là một cái hồ. những người cũ trên đảo vẫn còn nhớ điều đó. Hồi nhỏ họ đã cho bò uống nước ở những "nguồn nước dài".

Ngày xưa người ta sinh sống bằng gì, thời mà nơi duy nhất trồng trọt được trên đảo lại nằm dưới nước? Erik lắc đầu. Vâng, người xưa sống bằng gì hồi còn cái hồ, khi bão càn quét toàn bộ đảo cũng như trường hợp bão ở "sa mạc". Những dải đất đai màu mỡ thuộc về lãnh chúa, toàn thể dân cư đều thuộc về hoàng thân, cả đến những mảnh vỡ trôi dạt trên biển cũng là của ông ấy. Bưu phẩm đi đến đôi lần hiếm hoi trong mùa hè, có thể nói là chẳng bao giờ trong mùa đông. Không có thầy thuốc và thực tế là không có mục sư, vì họa hoằn may ra có được một ông, thì lại là một người nghiện rượu bị đuổi ra khỏi đất liền hoặc là một người giữ đồ thờ.

Một mùi cỏ khô và đất đập vào lỗ mũi của bác sĩ. Trước mặt anh là lùm cây màu nâu buồn và màu đỏ đất son, cái tổ cuối cùng của năm đang qua, cái tổ cuối cùng của mùa thu trên hòn đảo không có lá cây này. Lange dừng lại giữa đường như anh đã giẫm dưới chân mình nắm mồ của những thế hệ đã mất, dường như trong chính bản thân, anh cảm nhận được những đòn đau của họ, nỗi đòn đau của những cuộc đời từ lúc nằm nôi đến khi xuống mồ đều trải qua trên chốn hoang vu vô tận ngoài biển cả này.

Bỗng nhiên anh ngẩng đầu lên và lắng nghe. Trên cao trong những đám mây âm u, tĩnh lặng một con chiến chiến cất tiếng hát. Lại thêm một điệu ngân nga cuối cùng ngân ngui nữa rồi chim lao đến trước mặt Erik và im lặng. Lange buông một tiếng thở dài rồi tiếp tục đi. họ đã sống cuộc đời của họ dưới bầu trời này, tất cả những người hiện nay đang yên nghỉ trong đất của đảo này từ đời cha đến đời con giữa biển cả này, mà chiều nay cũng vẫn giống như ngàn năm trước đây.

Xét cho cùng thì họ cũng có lý, ngoài bà đỡ và người đào huyệt, họ có còn cần ai nữa đâu. Một đời người ở trên đảo diễn ra như thế nào? Cụ giáo Bek đã chẳng sống suốt đời ở đây là gì? Cụ cũng phải đến bảy hai, bảy ba tuổi rồi, nhưng cụ có sinh ra trên đảo không? Chưa chắc. Chẳng có một người trí thức nào xuất thân ở đây. Không ai chịu đi xa để học tập cả. Không ai nghĩ đến chuyện học hành cả, từ đời cha đến đời con họ đều là dân đánh cá, từ khi một gia đình ngư dân đầu tiên từ bờ biển Jutland bị bão đánh vào đảo từ thời kỳ đồ đá. Bị cuốn đi trên sóng trong một thân cây rồng và như nhờ phép màu kỳ diệu, họ đã cập bến lên mảnh đất xa lạ không có người ở này rồi không bao giờ rời khỏi nó nữa.

Nhưng Bek không giống những người dân đảo mà tất cả đều là anh chị em, là thành viên của một gia đình ruột thịt. Cụ phải đến từ đất liền như chính bản thân Erik, nhưng đến từ bao giờ? Và đây, cụ lại sắp chết ở đây, nơi đất khách, chứ không phải ở đất quê nhà, nơi cụ tìm thấy nòi giống của mình

trong từng hạt cát.

Lange đi sâu vào đường phay ngăn cách dãy núi phía bắc của đồi với làng và dừng sững lại như anh vẫn thường làm khi đi theo con đường này. Sau những vết xe phủ cát, "sa mạc" hiện ra trước mặt anh, đen ngòm, gồ ghề lởm chởm đá, địa y mọc lơ thơ, chỉ một cây thông một mình mọc lên, khá xa về phía đông thu mình lại, dường như để dùng một đà nhảy đơn độc từ bờ biển đi tìm thực phẩm, nhưng vẫn đứng đấy sừng sờ nhìn khoảng rộng mênh mông, cái đáy biển khô phủ mưa cát. Chôm đá có hình như một cột sống mà những công trường đá lửa cũ là những xương sườn. Xung quanh một chuỗi cồn cát có dáng như những đám mây bão biển. Trên bờ đường mọc vài cọng thạch thảo và guốc bê. Những cột điện thoại leo dốc sườn đồi Nordbjaerg. Những bụi cây gầy guộc bám vào đất như những con vật bị đẩy đi vì hoảng sợ. Những đường dây điện thoại kêu khe khẽ không nghe rõ. Những cây thông cô độc đã đứng ngấm nơi này từ đời nọ sang đời kia, trong lúc cái cồn cát ở phía chân trời và những hạt cát đổ xuống như mưa vào tán lá của chúng. Những hòn đá lăn xuống, bị đẩy thêm bởi những bàn chân lén lút của một con thỏ chạy trốn không không trông thấy, không bắt được như những ngày, những năm. Từ phía biển đưa lên một tiếng ì ầm khẽ, rồi một tiếng chim kêu, chân trời và thời gian hoà tan trong bóng tối. Bỗng nhiên một tia chớp, ở kia trong bóng tối như một ý nghĩ chạy trốn, một kỷ niệm lãng quên. Một lát sau một tia chớp khác nữa ở xa hơn. Nhưng tia chớp đầu lại loé lên, đòi trả lời. Đó là chiếc tàu-đèn-pha ở hai dặm ngoài biển và ngọn đèn pha ở mũi hòn đảo tìm nhau trong đêm tối.

Chú thích:

[1] *Man zelle: Phụ nữ chưa chồng, bất kỳ già hay trẻ*

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu
Chương 2

Lange đã đi vòng quanh thế giới trước khi mười lăm tuổi. từ khi lọt lòng anh đã du lịch, anh đã đến giữa biển Thái Bình Dương, đến một đảo của Fidji – nơi người ta chôn cất mẹ anh. Và giờ đây anh đến hoang mạc này. Bố anh, một kẻ lang thang, một người không thoả mãn, đã chi tiêu cho những chuyến đi bằng nghệ thuật của ông. Thật đau khổ cho một cô gái nhỏ tỉnh lẻ hiền

hoà ở những nơi xa lạ, không biết ngôn ngữ, ở những nơi mà người ta không có gốc rễ! Bà đã đau khổ xiết bao vì sự săn tìm say mê và khôn nguôi cái mới trước khi tìm được sự bình yên trong mảnh đất cách xa tổ quốc hàng ngàn dặm!

Sự mỗi một của con trai phải chăng chỉ duy nhất bắt nguồn từ cuộc sống bản thân nay đây mai đó của mình hay lây truyền từ mẹ?

Một sự hồi tiếc đột ngột đã thúc đẩy người cha đến thăm khu rừng này của miền đông Jutland và Erik đã tìm thấy ở đó xứ sở lựa chọn. Nhưng họ còn chạy đi xa hơn, đến nơi mới, nơi chưa biết, nơi đáng lo ngại.

Những bức tranh phong cảnh của toàn thế giới đã được bán với giá cao nhưng chưa bao giờ có bức nào của cái vịnh nhỏ xanh rờn này cả. "Vì sao em lại khóc? Em thấy rõ là chúng ta đang đi cơ mà?"

Erik xoa bàn tay xung quanh cây gậy của anh.

Tại sao mẹ anh lại phải khóc? Tại sao bà lại phải chết ở đầu kia trái đất, xa hẳn tổ quốc và người thân? Tại sao chính bản thân anh không bao giờ biết lấy một ngôi nhà, một bầu trời, một khuôn mặt, lối đi nào là của anh? Tại sao từ lúc nằm nôi, tất cả những chân trời của anh đã tiêu tan và vì sao cuối cùng thì anh lại thất bại ở đây?

Phải chăng vì để cho bố anh có thể thoả mãn ước muốn nghệ sĩ của ông là được đi thăm tất cả các miền đất nổi tiếng thế giới, ngắm nghía những màu sắc thay đổi của tất cả các vùng, của mọi bầu trời sao, của các buổi hoàng hôn, để chạy qua khoảng không bao la cùng hệ thống mặt trời? phải chăng để chế tạo ra hàng tá các hình ảnh đó với màu sắc tô vôi vàng mà ông đã gieo rắc khắp nơi, cả trong các bộ sưu tập của các nhà tỉ phú Mỹ cũng như trong phòng trưng bày tranh của các vương công Ấn Độ? Xứ sở quê hương ông thì không giữ lại được một bức nào gọi là của ông, đó là một tài năng đáng quý đã toả ra trên khắp nơi các gió và mọi luồng gió đã tản mát không còn để lại dấu vết?

Nhưng không, anh biết rõ điều đó hơn ai hết. Bố anh không có tài năng, không có khả năng đặc biệt nào hết, ông cũng không phải là một người ngôn việc! Ông chỉ là một bệnh nhân, một nạn nhân vô trách nhiệm bị bánh xe của thế kỷ nghiền nát. Hiện nay ông đang yên nghỉ, khô kiệt đi ở nghĩa địa

Thượng Hải.

Bố anh ở Trung Hoa, mẹ anh ở Naviti Levu, bản thân anh ở Biển Bắc lạnh giá. Erik nhắm mắt lại. cũng như anh, những người thân của anh cũng bị mang đi mỗi người ở một nơi, bánh xe thời gian, cái bánh xe không bao giờ dừng lại, nó đã mang đi tất cả những người con của thế kỷ, họ và những tư tưởng của họ.

Bỏ lại các bạn bè, những kẻ phản bội ở đó, để lao ra chống lại bánh xe thời gian, tự để cho nó nghiền nát, anh đã ở lại đây trong sự tĩnh lặng mà tất cả chấm hết bên ngoài thời gian và thế giới.

Nhưng Ellen? Anh đã lôi kéo cô vào trong vòng xoáy, đã ném cô xuống hòn đảo. Ellen đang ở nhà một mình hôm nay, cô ấy đã trở lại một mình trong hàng trăm ngày và buổi tối, hầu như trong suốt thời gian từ ngày họ đến "tổ ấm" của họ như họ nói hồi đó. Anh nghĩ rằng. Ôi, có thể rồi cô cũng phải chấp nhận như anh, như mẹ anh. Tất cả đều là những nạn nhân hy sinh. Tuy thế chẳng phải Ellen, chẳng phải những người ở đây là những người con của bánh xe, cả mẹ Erik cũng không phải. Họ không phải là của thời kỳ này, họ là của thế kỷ trước, những thế kỷ của tu viện.

Tu viện mà anh muốn xây dựng có ở đây không? Anh để tâm nhìn lướt trên hoang mạc. những bụi cây bách xù trên mặt đất đen giống như những con người bất động đội mũ trùm đầu, những người ẩn dật đang ngủ.

Ai sẽ trả lời anh? Ellen? Cụ già Bek mà anh sẽ đến thăm với tư cách là bác sĩ? Anh mỉm cười nghĩ rằng anh đã mơ ước thành thầy thuốc của nhân loại! Hiện giờ anh mới hiểu ra. Anh không phải chết để đến với đảo, anh đến đó bởi vì anh đi kiếm ngôi mộ cho mình. Ai sẽ đánh thức anh về chuyện đó? Và trong khi Lange đi theo lối đi có cỏ về phía làng, anh nhớ lại một đêm anh đã nói gì trong một túp lều của nông dân Ivan Ssavitch Nikitin, người chủ quán, về bài thơ của Voronotz "Hãy học ở đây để có lòng tin và sự kiên nhẫn".

Anh phân biệt trong bóng tối nhá nhem những mái nhà thấp bằng gỗ đạt giống như những thành lũy xung quanh tháp chuông màu ghi, và bước qua trước một chỗ hơi lồi chồm ra trên các nhà, anh đi theo các lưới đánh cá giữa các cây sào làm giàn sấy cá.

Ở nhà giáo sĩ xây trên cao lồi ra, tất cả đều rào kín và tối tăm. Chủ nhật trước có mục s của Jutland làm lễ, nhưng các chủ nhật tiếp theo đành bỏ qua. Erik đi vào trong phố làng toả mùi mốc, giữa những bức tường đá và những đầu hồi có vách ngăn cái nọ nghiêng sang cái kia. Trước mặt anh loé lên một ánh lửa đỏ như một ngọn đèn bỏ quên trên bàn sau khi người ở trong nhà ra đi và sẽ chiếu sáng thêm một lúc nữa, cái kỷ niệm duy nhất về sự có mặt của

con người, rồi từ từ, từ từ nó sẽ tắt đi, nhường chỗ cho đêm tối vĩnh hằng. Bỗng nhiên Erik rùng mình. Anh nghe tiếng một dây gầu kéo nước giếng, rồi một ngư dân xuất hiện từ trong bóng tối, vai mang một cái gùi. Khuôn mặt xanh xao bao quanh bởi một chòm râu đen mực, hơi quay nghiêng sang bên phía bác sĩ và ông bỏ mũ. Erik chào ngắn gọn nhưng tử tế hơn mọi ngày! Vậy là vẫn còn những người trên đảo để anh có thể hỏi han, để anh có thể đến thăm, như cụ Bek hôm nay.

Ông ngư dân rời xa làm lẫn đá cuội, trong khi Erik đến nhà của hoàng thân. Mặt trước nhà bằng gỗ lộ ra, buồn tẻ trong bóng tối đen của khu vườn dưới gác chuông. Những cánh cửa vẫn đóng nguyên từ ngày ông hoàng mất, những người thừa kế chưa bao giờ đặt chân lên hòn đảo của ông, lên nhà ông.

Erik ngắm những cánh cửa. Người sống sau những cánh cửa đó gần một nửa thế kỷ đã là Trưởng quan hý lạc (Maitre de plaisir) của một triều đại, sủng thần của nhà vua. Là đại sứ ở các thủ đô Châu Âu, Rome, Paris, Saint-Peterbourg, được đón tiếp nồng hậu, được nịnh nọt, bỗng bị đổ vì một hành động xấu xa. Ông đã giam mình sau những cánh cửa đó, trong nắm mồ tức là hòn đảo này. Từ bấy thâm thoát đã thêm năm mươi năm nữa ông ấy nằm ngủ trong cát mà hiện nay Erik đang giẫm chân lên.

Cụ già Bek cũng đã sống lâu gần như thế để cuối cùng thành tù nhân trên đảo.

Bản thân Erik có nghĩ đến người đi trước của mình, thầy thuốc Hagedorn, nửa mù và yếu, thế mà học vẫn có từ đầu thế kỷ trước không? Hòn đảo đã giữ người nhà của nó như biển giữ những người chết để chỉ trả lời cho họ vào ngày cuối cùng.

Anh dừng lại ở tường đá của ngôi nhà cuối cùng trước hoang mạc. một ngày kia liệu có một thanh niên nào đến đây và tìm thấy anh như anh đã tìm thấy Hagedorn không? và giá mà anh cũng đi khỏi đây như ông mục sư đã từ chối không trở lại nữa? Không, anh sẽ không lỗi hẹn với nghĩa vụ của anh đâu. Tóm lại, ai mà lại đi ruồng bỏ nơi đến thật sự của mình, ruồng bỏ công việc đích thực của mình?

Các bạn anh đã đánh cắp mất dự án và vinh quang của anh ư? Anh đã chẳng tự mình nhường nó cho họ là gì? chẳng phải anh đã chót lại đây hơn cả ông hoàng, hơn cả cụ Bek như một cái cây trong đất nuôi dưỡng đó sao?

Còn Ellen? Anh nắm thật mạnh cây gậy của mình và tiếp tục đi theo con đường phía tây như người ta vẫn gọi, lại hướng về phía biển. Ngọn đồi nhà thờ, ở bên phải từ từ xa ra. Và Lange trông thấy lại ánh sáng mờ ảo của đầm lầy. dưới kia là con đường anh vừa đi qua ban nãy, nó chạy về hướng ngược lại, Sonderbjaerg, đỉnh cao nhất của đảo đã che khuất tầm nhìn phía bên kia, nhưng Erik đã đến nhà cụ giáo già.

Nhà bé nhỏ, đen ngòm, mái lợp bằng tảo dạt nhô lên lơ lửng giữa bầu trời, không có hàng rào bao quanh, những bức tường màu xám vươn cao trên đám thạch thảo và yến mạch. Dưới ô văng, một tia sáng lập loè bị che bởi một tấm màn đỏ. Sau nhà, hoang mạc trải rộng trong đêm.

Erik dừng lại để lắng nghe tiếng sóng mà đỉnh ngọn sỏi bọt anh trông thấy chỉ cách xa khoảng gần trăm mét phía sau những hình dạng mờ ảo của chữ thập đen dựng trên đồi. Cây thánh giá Agnète, như người ta vẫn gọi.

Hiện giờ người ta nghe tiếng ầm ầm của biển ở bên kia làng, về phía bắc, nhưng sóng gầm cả ở phía đông, phía tây, phía nam, biển ở khắp nơi, biển và đêm.

Vậy là ông già Bek cư trú tại đây. Erik đã gặp ông như đã gặp những cư dân khác của đảo, nhưng anh chưa hề nói chuyện với cụ bao giờ. Anh không biết chuyện trò với mọi người bởi vì từ thời niên thiếu anh đã trông thấy hàng ngàn người mà không biết một ai. Những người ở đây cũng có tiếng nói riêng của họ. Ngay cả ông già Hagedorn sống với họ trong hai thế hệ cũng không hiểu họ lúc họ nói chuyện với nhau. Họ bị tù hãm trong hòn đảo của họ và trong ngôn ngữ của họ. Erik không có chìa khóa đó. Sau khi bỏ mắt, anh trở về tổ quốc khi mười tám tuổi, biết nói chào và vĩnh biệt, nhất là vĩnh biệt trong nhiều thành ngữ khác nhau, nhưng không biết nhiều hơn trong tiếng Đan Mạch.

Anh đã thoáng thấy cụ Bek ở nhà thờ lần đầu tiên, cái hôm mà Ellen cùng anh đến thăm xã giao ông mục sư đã rời khỏi đảo. Ngay lần gặp đầu tiên anh đã nhận xét cụ già và hiểu rằng đây không phải là một ngư dân mà là một người có học. Cụ đang đứng, mái tóc dài bạc trắng chải mượt, chiếc áo choàng có đuôi dài màu thanh thiên, áo gilê đen, cổ còng. Khi những người khác đi qua trước mặt, cụ mỉm cười bắt tay họ và chào họ rất khế. Erik nhìn thấy lại cụ trong buổi thuyết giáo buồn bã của mục sư, cụ ngồi trước ánh nắng chiếu qua chiếc cửa sổ thấp đóng khung quả đồi của hoang mạc. Cái đầu bạc im lặng và bình tĩnh, hai tay chắp lại trên quyển thánh ca, hai mắt nhìn xuống. Bác sĩ cảm thấy trong một lát một sự bình an khác thường lướt vào trong tim như gợi nhớ một kỷ niệm rất mơ hồ lúc đó, nhưng bây giờ anh hiểu rằng đó là kỷ niệm về cái cửa vào rừng mà ở đây phải dựng lên lâu đài của anh, ở đây lâu đài sắp dựng lên lại xây dựng bởi người khác.

Thôi, không nên nghĩ đến đó nữa. Nhiệm vụ đầu tiên là vào nhà ông già.

Erik leo các bậc đầy cát giữa các cây tùng khô, có mùi khó chịu như những vòng hoa cũ. Trời mà biết được vì sao Bek đã trồng những cây đó xung quanh cửa vào nhà cụ. Có phải đó là vườn hoa của cụ không? Biết đâu cụ lại không đi dạo ở đây và hài lòng như đi dạo dưới những cây cọ!

Lange nghe có tiếng nói ở bên trong, một giọng nói du dương với những âm điệu cao, có lẽ của Bek.

- Tại sao cô lại cho mời ông ấy? Tại sao lại làm phiền người ta, bắt người ta đi từ ngoài cảng vào tận đây chỉ vì tôi? Có thực thể không cô Lucie, chúng ta biết rõ mục đích ông ấy đến đây là vì tôi, tại sao lại bắt ông ấy đi xa thế?

Và một giọng khác trả lời, rất bé và không có âm sắc cứ như là tiếng gió thổi không ngớt qua các khe hở đầu hồi nhà.

- Ông đừng nói thế nữa ông Bek, ông có nghe không? Ông không nên nghĩ đến việc rời bỏ tôi, bỏ tôi một mình ở đây.

- Nhưng cô Lucie – Bek trả lời với giọng trêu tức – thế lại cũng không đúng nữa rồi. Có phải cô đến đảo này sau tôi ba năm không nào? Cô không thể chạy trốn khỏi đây trước khi hoàn thành ba năm chậm trễ đó.

Erik tìm cửa đi vào.

- Nghe này, kia kia, ông ấy, chúc mừng ông ấy...

Tiếng giục cất lên.

- Cô Lucie, vậy mở cửa ra!

Lange trông thấy một cái bóng xám lách ra và trước ánh đèn yếu ớt, anh trông thấy khuôn mặt của cụ Bek đóng khung trong mớ tóc bạc trắng. Ông già ngồi tựa vào những cái gối. Cụ đón tiếp thầy thuốc với một nụ cười cáo lỗi.

- Thật là đáng xấu hổ - cụ bắt đầu.

Nhưng Erik có một cử chỉ phản đối. giọng nói của anh nghẹn lại và anh ngồi thụp xuống chiếc ghế rơm. Mắt anh đưa nhìn gian nhà thấp trệt với những màn đỏ ở các cửa sổ, cái lò sưởi cổ lỗ sĩ, cái bàn của cụ ở dưới giá sách. Hai người già nhẹ nhàng mỉm cười với anh. Anh thở thấy mùi than bùn và mùi gì già cỗi quyện vào hương thơm êm dịu của cây vòivoi. Tiếng tíc tắc của chiếc đồng hồ giống như tiếng ru thì thầm của biển vô biên. Và anh, Erik đã mất mục tiêu, cảm thấy nơi đây gần gũi hơn.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 3

Mặt trời buổi sáng chiếu qua cửa sổ hướng đông vẽ nên những hình vuông trên chiếc bàn gấp và trên sàn nhà rải rác cát. Ngọn lửa lập loè như một cái lưỡi đỏ trong đó cái lò sưởi đất nung và chiếu lên quả lắc lấp lánh của chiếc đồng hồ treo tường. Erik ngồi bên giường nhìn người bệnh. Ông này, hai tay

chấp lại trên chăn, mỉm cười với bác sĩ.

- Vâng, cụ Bek ạ, cụ muốn biết thì tôi cũng không thể giấu là sức khỏe cụ giảm sút nhiều. Chỉ là phổi và tuổi cụ...

- Cảm ơn ông bác sĩ.

Ông già lắc đầu và mở hai bàn tay. Cụ đưa một cái nhìn qua cửa sổ đầy ánh nắng về phía quả đồi xám và những khoảng rộng đen đầy đá của hoang mạc đang tắm trong sương vàng rực.

- Ông tin là tôi có thể sống được bao lâu nữa?

Lange nhìn khuôn mặt gầy guộc với gò má cao, mũi khum. Một nụ cười làm đôi môi mỏng hình như đỏ hơn. Tóc xoã trên gối giống như một nắm tuyết.

- Chính cụ tin rằng cụ không qua được vào mùa xuân. Vả lại đó là một thời kỳ khắc nghiệt trên đảo cho người già và người đau ốm.

Những ngón tay vàng khè, nhăn nheo hơi co rúm lại, rồi cụ Bek cúi đầu xuống:

- Nhưng... - bác sĩ vội nói thêm - ở cụ thì tóm lại là tuổi già.

- Không, không... - cụ Bek cười – đừng tin rằng tôi sợ chết, ông bác sĩ à. Đó không phải là trường hợp ở tuổi tôi, mặc dù có những lúc tôi muốn chết hơn bây giờ. Nhưng...

- Ô, cụ Bek!

Lange nhìn cụ:

- Không, không tin gì hết. Ông tha thứ cho tôi - cụ vội vàng nói chữa – tôi không dám thất lễ, tôi chỉ nghĩ là một cơn bệnh kéo dài đã lâu...

- Cụ nghĩ đến chuyện tiền phải không? – Lange hơi ngập ngừng nói.

- Vâng, nhưng thôi, chúng ta đừng nói chuyện đó nữa, tôi cũng có một ít tiền tiết kiệm, nhưng Chúa sẽ chi cấp việc đó – cụ lắc đầu và cười hồn nhiên.

Erik còn ngồi yên thêm một lúc rồi đứng lên đi ra phía giá sách. Nên chẳng anh đến săn sóc miễn phí cho ông già và ngoài ra cần một vài khoản cứu trợ? Chuyện đó dễ thôi, nhưng cần có Ellen giúp đỡ thêm với anh. Anh sẽ dẫn cô ấy theo khi đến thăm cụ Bek. Họ hình như là chỗ quen biết cũ, cụ Bek và cô ấy.

- Xin phép cụ cho tôi xem những cuốn sách của cụ một tí, có được không? – Anh lấy một cuốn sách đóng bìa cứng màu đen từ trên giá treo trên tường bằng dây cây kẻ màu sẫm.

- Vâng thưa bác sĩ, xin mời, phần lớn đó là những quyển sách cũ, nhưng đối với tôi nó còn quý hơn là ông có thể hình dung.

Lange dừng tay, cầm một cuốn sách nhỏ.

Bốn quyển của cuốn Noi gương Chúa Jesus của Thomas tặng Kempis với lời đề tặng. Đại khái là Dicovobis.

- Cụ thích đọc sách lắm phải không, cụ Bek?

- Có, tôi thích đọc lắm! Bác sĩ thân mến ơi, nếu tôi không có những sách này và những quyển khác hồi trước tôi mượn của ông Jacobus Uz, thì cuộc sống của tôi trên đảo khó khăn lắm. không phải trong những năm sau này – cụ Bek nói thêm, vừa mân mê dây cua roa của giường – Nhưng những năm đầu thì... Khi về già người ta có những ý nghĩ riêng và những kỷ niệm của nó.

Lange cầm cuốn Noi gương Chúa Jesus trong tay. Anh nhìn một chương ngắn viết dưới lời ghi chú Ps. 85,9.

- Cụ Bek, cụ ở đảo này lâu lắm rồi phải không ạ? – Anh hỏi nhẹ nhàng.

- Đến mùa xuân mà ông nói thì sẽ là năm mười lăm năm rưỡi.

- Trong năm mười lăm năm rưỡi!

Erik đặt cuốn sách xuống tấm thảm đan móc của tủ com mốt.

- Những năm mười lăm năm!

- Vâng – ông già đáp.

Đến mùa xuân giải thoát của cụ ấy là tròn năm mười lăm năm!

- Nhưng cụ không rời khỏi đảo trong vòng năm mười lăm năm đó chứ?

– Lange hỏi và xếp vào giá cuốn sách và cầm lên một cuốn khác.

- Không, không khi nào. Đúng ra là chỉ có một lần, - cụ Bek nói với một nụ cười yếu ớt – Tôi đã qua một ngày và một đêm xa nơi này, tôi đã ở Grenaa của Jutland, cách đây ba mươi năm, đó là một trường hợp rất đặc biệt.

- Vậy là cụ chỉ đi xa đảo này không quá một lần trong nửa thế kỷ nay và không xa hơn Jutland?

- Vâng, thưa bác sĩ.

- Cụ không có bố mẹ và bạn bè đến thăm à?

Một phút im lặng. chỉ có quả lắc đồng hồ đi qua với tiếng động nhẹ từ ánh sáng ngọn lửa đến ánh sáng mặt trời, và Lange sợ đã nêu lên một câu hỏi vô ý thức.

- Không, không, ông bác sĩ à, tôi không bao giờ biết có bố, có mẹ, có anh chị em, có bạn bè theo đúng nghĩa mà ông hiểu.

Im lặng nặng nề, biển gầm trong nắng và một con ruồi muện màng vo ve xung quanh những cây vòi vôi. Lange nhìn những cuốn sách anh cầm trong tay: Hoa thánh năm, Những bài thánh ca của một người cô đơn. Anh còn nhìn thấy những tên sách khác: Geistliches Liederkastlein của Hiller, Những nhu cầu của trái tim của Spencer.

- Thưa cụ Bek – anh hỏi khẽ - cụ có phải là một tín đồ công giáo rất sùng đạo không ạ?

- Nếu tôi tin!Ồ, ông bác sĩ – cụ cười – chỉ một nửa thôi! – Erik đỏ mặt vì câu hỏi nêu lên thiếu tế nhị - Tôi và những người giống tôi luôn luôn chống lại Nhà thờ, ông mục sư Tang đã nói thế khi tôi còn trẻ, và Nhà thờ là

Chúa. Tôi chỉ biết rằng tôi hiểu Jesus Christ, hiểu hơn cả mọi á thánh, tôi tin vào lời của Người, tôi tin đó là sự thật, tôi khát khao tìm thấy Người trong mọi giờ phút của tôi.

- Nhưng tất cả những quyển sách cụ có ở kia?
- Đó là sách của ông Eberhard Sebastien Bade.
- Eberhard?
- Đó là một cựu sinh viên thần học của Khu Rừng Đen, ông ấy đến Copenhagen từ đầu thế kỷ để... nhưng đó là một câu chuyện cũ và kỳ lạ. Tôi đã nói với ông rằng tôi không biết bố tôi, nhưng tôi đã có Eberhard thì tôi còn cần gì đến một người cha?

- Ông ấy đã mất từ khi cụ đến đây à?
- Không, trước đó, chính vì thế tôi phải đến đây. Ông ấy có rất nhiều sách. Đó là một người thông thái đã học ở trường đại học tổng hợp Halle ở Saale mặc dù ông không bao giờ qua một kỳ thi nào. Ở Copenhagen ông ấy đã làm việc cho một nhà buôn Đức, đã dạy tiếng Đức, tiếng Hy Lạp và tiếng Do Thái. Rồi ông làm trực của ở một trường trung học, nhưng bác sĩ ạ, người ta không muốn để ông ấy sống.

Tiếng nói của ông già run run, hai bàn tay cựa quậy trên chăn. Lange nhìn vào chỗ trống, nó làm hiện ra một thời kỳ đã biến mất, những cuộc đời đã tắt, những sự đau khổ, những bất công đã trải qua. Ai là người sinh viên xưa mà sách của anh ta hiện giờ ông già đang cầm trên tay? Ai là chủ những công trình nghiên cứu thuyết kiên tín thuần khiết hay chính ông già đang nằm trên giường đó? Phải chăng ông già đó cũng đã học nhưng không dự một kỳ thi nào cả và người ta không muốn để ông sống trên lục địa? Từ những quyển sách vàng khè đó bốc lên một mùi hương tù hãm, một mùi bụi cũ kỹ. Và đây là tên người chủ: Eberhard Sebastien Baden, Niederwasser, 1812, rồi một lần khác nữa với chỉ dẫn về địa điểm và thời gian lưu trú: Glaucha, Halle ở Saale 1816, ở chỗ khác, cũng nét chữ chắc chắn và vuông vắn đó đã ghi tên ông già Bek, Benedict Clémens Bek Hafnia, 1847.

- Thừa cụ Bek, - Erik nói – hiện giờ cụ không phải bận làm việc tại trường học và tôi cũng chẳng phải làm gì ngoài việc đến thăm bệnh cho cụ và một vài người đau ốm khác, cụ và tôi còn nhiều thì giờ rỗi rãi. Cụ có thể kể cho tôi một ít về chuyện của ông Eberhard và của chính cụ trong năm mươi năm nay không?

- Chuyện của chúng tôi?

Ông già ngạc nhiên quay đầu lại.

- Nhưng thưa bác sĩ, cái gì khiến ông chú ý tới trong những cuộc đời tầm thường ấy? Ông không thể hình dung những điều kiện sống của chúng tôi và thời gian nó đã diễn ra?

- Đúng là thời gian đó... Tôi khẩn khoản đề nghị cụ nói cho tôi hay.

Nhưng tôi không muốn quấy rầy cụ. Biết đâu chuyện kể đó sẽ làm cụ buồn phiền?

- Quấy rầy tôi, ông nghĩ thế sao? Và làm tôi buồn phiền? Không, không, cô Camrath và tôi, chúng tôi đã nói nhiều về cuộc đời của chúng tôi, của cô ấy và của tôi. Tôi đã duyệt qua trong trí tất cả những chi tiết, từ đầu chí cuối và tôi đã thử viết ra. Nhưng cái đó tôi làm không mấy kết quả, tôi chưa bao giờ là người viết lách giỏi, và cũng chẳng giỏi giang gì ở những môn khác, tuy vậy tôi tin rằng tôi đã sắp xếp mọi chuyện chính xác cả trong thời gian tôi sống ở Copenhagen cũng như thời gian tôi sống ở đây, và ngoài ra, về cả cuộc đời của ông già Eberhard. Tôi thấy lại rất rõ ràng những cuộc đời đó, nhất là trong thời gian gần đây, mà này, như là tôi nhìn thấy hòn đảo, và tôi tin rằng tôi biết rõ các cuộc đời đó như là tôi biết hết mọi ngóc ngách trên đảo này.

- Và cụ sẽ kể cho tôi nghe chứ? – Lange đã đến gần bên giường và ngồi lại xuống chiếc ghế rơm.

- Vâng, nhưng một người có học thức, một người trẻ tuổi như ông sao lại quan tâm đến chuyện đó? Tôi và những ai liên quan đến tôi, chúng tôi đều là quá khứ.

Lange nhìn qua cửa sổ ra phía các cồn cát mà ở đó cát đang sụt, ở đó có cây guốc bê mọc lưa thưa, về phía khoảng rộng đen kịt của hoang mạc và dãy đá ở đằng xa. Ở cách khá xa một dặm phía trên đường vạch mờ hồ và xanh lơ của các cồn cát người ta trông thấy ngọn đèn pha giống như một ngọn nến trắng lập loè dựng thẳng lên bầu trời.

- Nhưng có thể trong thời đại đã qua, cụ đã quán triệt một điều gì đó mà những người trẻ tuổi chúng tôi, như cụ nói, không thể bỏ qua nếu chúng tôi muốn sống.

- Ông đừng nói như thế! Cứ như là tôi có thể bảo ông được điều gì đó, tôi chỉ là một người giáo già dạy trẻ con, từ bao năm nay đã quên hết những kiến thức ít ỏi học được trong thời đại của mình, còn ông, một thầy thuốc có năng lực, học vắn theo đúng những phương pháp mới, một bác sĩ đại học. Erik vẫn nhìn qua cửa sổ.

- Cụ Bek ơi – anh nói với giọng ít vang hơn – tôi cũng có một nỗi buồn mà có lẽ một ngày kia tôi sẽ nói với cụ, nhưng bây giờ tôi xin cụ kể cho tôi nghe về những gì liên quan đến cụ và đến những thân của cụ và về cách thức mà con người chịu đựng đau khổ và tìm được niềm vui sống, tôi tin rằng cụ biết.

Im lặng đổ xuống, một con bò rống ở đằng xa trong đầm lầy xanh um bên ngoài cửa sổ phía hoàng hôn.

- Có thể, ông Lange ạ - cụ Bek nói. Cặp mắt màu xanh nhạt liếc trộm người thầy thuốc trẻ - qua chuyện kể chỉ nên tin rằng tôi sẽ có thể....

- Có, cụ có thể, tôi biết mà, tôi chắc thế - ông bác sĩ cầm chặt tay người ốm trong tay mình.

- Thôi được, tôi xin vâng lời ông, bởi vì cuộc đời tôi dù có tầm thường đi chăng nữa thì đối với tôi cũng là cuộc đời duy nhất trên thế gian này, trên đảo này mà tôi nói đến - ông già ho - Và ông thấy đấy, ông có nhớ...Mà không, bây giờ người ta không đọc những sách cũ, nhưng trong cuốn *Lebengeschichte*, Jung Stilling mô tả thời niên thiếu của mình, kể lại rằng ông nội già cả của ông ấy một hôm ngồi gần ở đồng than của họ ở tận trên rừng Westphalie đắm nhìn vào một xứ sở tối tăm, đã nói với ông ấy "Chúng ta và người nhà của chúng ta đều là những con người bé nhỏ dưới trái đất, nhưng ở trên thiên đường tất cả tổ tiên chúng ta biết sự khai hoa, sự nảy nở." Và ông già còn nói thêm với Stilling "Khi chúng ta chết thì chúng ta là gì ở thế gian này không quan trọng, miễn là chúng ta yêu mến Christ và chúng ta chung thủy với Người".

Lange quay đầu. Bên ngoài cửa sổ, về phía tây anh trông thấy cái nền tối của *Sonderbjaerg* và vết đứt sâu của đầm lầy đến tận con đường mà anh đã đi theo hôm qua và cả sáng nay.

- Cụ Bek ạ, hôm qua tôi có nghe tiếng nói chuyện của cụ và Mazelle Camrath, cô ấy ở hòn đảo này có lâu bằng cụ không?

- Gần bằng! Thực tế là kém ba năm. Phải nói để ông biết là cô ấy đến ở nhà ông chủ của tôi, mục sư Rasmus Schwarzflugel. Cô ấy vừa mới có nỗi buồn lớn mất cha mẹ. Mẹ cô chết vì bệnh dịch tả năm 1853 còn cha thì mất hai năm sau đó. Mục sư Schwarzflugel là người họ hàng duy nhất, người ta đã gửi cô đến đây để cho cô nguôi ngoai chút ít. Vả lại, cô là một thiếu nữ giàu có, cha cô là nhà buôn ở Ấn độ để lại cho cô rất nhiều tiền. Nhưng người đỡ đầu của cô đã buôn đầu cơ sạt nghiệt mất hết và trốn mất đến Bengale. Rồi khi ông già Schwarzflugel chết, cô ở lại tại nhà mục sư mới, rồi ở tiếp với các mục sư khác nữa, cô còn biết đi đâu?

- Vậy ra cô ấy đã từng là một quý cô?

- Vâng, chính là một quý cô mặc quần áo thanh lịch hơn, có những cử chỉ tao nhã hơn bất kỳ ai. Là con gái độc nhất của bố mẹ giàu sụ nhưng cô ấy đã quen với công việc phục vụ của một cô hầu phòng, và của đầy tớ. rồi từ đó, cô đã trở thành người ngang hàng với tôi và chúng tôi đã phải lao động vất vả để kiếm ăn.

- Và bây giờ, cô ấy trông nom cụ?

- Vâng, thưa bác sĩ, cô ấy không có nơi làm nữa vì ông Cloud đã bỏ chúng tôi, cô ấy luôn luôn ở chỗ các mục sư.

- Như là đầy tớ à?

- Vâng, tất nhiên, cô ấy đã thành một con ở sau khi người ta quên đi thân phận ban đầu của cô. Nhưng xét cho cùng, không phải phục vụ là vất

và khi ở trong tim mình cho là phụng sự Chúa. Tuy vậy bây giờ cô ấy đã quá già không làm xuể công việc trong nhà và cần được nghỉ ngơi trong những ngày cuối đời. Cả hai người chúng tôi mong được chút ít giúp đỡ từ số tiền trợ cấp cho đảo của ông gác đèn pha Horn khi ông ấy còn làm việc ở đây, cứu trợ cho tôi trong khi ốm đau này, cho cô ấy trong những ngày cuối đời. Lange đi ra phía cửa.

- Hay cụ cứ để tôi... Phải chăng đây là một sự tương trợ người nghèo?
- Người nghèo? Ô, ông Lange, chúng tôi là ai khác, nếu không phải là người nghèo, cả hai chúng tôi?

Một nụ cười sáng trên đôi mắt xanh mờ nhạt.

- Ông hãy nghĩ rằng nếu chúng tôi được cứu trợ thì chúng tôi sẽ được thừa nhận là người ở đây. (Chuyện đó thì tuần sau sẽ được quyết định trong một cuộc họp ở Svenning Gai.)
- Các cụ sẽ là người ở đây?
- Thưa vâng, chúng tôi không sinh ra ở trên đảo, nên chưa phải là người ở đây, mặc dù nhiều lần chúng tôi rất ngạc nhiên vì điều đó. Đôi khi cũng phải suy nghĩ thật nghiêm túc để nhớ lại rằng ngày xưa có một thế giới khác với đảo này. Chính vì thế mà người ta không muốn thực sự thừa nhận chúng tôi.

Lange nghĩ, đặc biệt ở trường hợp này thì những người dân trên đảo chẳng tử tế gì. Họ tỏ ra nhanh miệng hay nói và lễ phép đối với những người ngoại quốc hiếm hoi, thỉnh thoảng lại đến chỗ họ vì một cuộc đến thăm đơn giản do tò mò, nhưng đối với hai người này, sau năm mươi năm phục vụ trên đảo, cuối cùng đã được thừa nhận là người nghèo cần tương trợ thì... Ellen đã có lý, cô ấy và anh đã sống cô đơn.

- Người gác đèn pha Horn, chắc hẳn ông đã cụ ấy, khi tôi đến đây thì cụ ấy đã già. TG sẽ kể cho ông câu chuyện khác thường của cụ ấy, của bà vợ, của cô bé Madeleine xứ Provence và của Jacobus Uz, vì đó chính là lịch sử của đảo, mặc dù câu chuyện của họ khác hẳn với chuyện của chúng tôi. Vâng, tôi biết hòn đảo và tôi nhớ lại từng người dân của đảo từ năm mươi năm nay. Tuy vậy thật kỳ cục khi phải bỏ đi. Nhưng kia Mamzelle Camrath Lange ngược mắt lên. Mamzelle Camrath đi qua, bé nhỏ, lưng còng, hai bàn tay chắp lại trên khăn choàng, chiếc giỏ khoác ở cánh tay, trước cửa sổ, phía mặt trời lặn. Cô đội chiếc mũ dân tộc của đảo với những đặng ten hồ bột t đứng trên trán. Rồi đây cô sẽ có quyền đội nó như một người địa phương. Chốt cửa rít lên và cô bước vào phòng. Ngược lại với khuôn mặt thanh tú và hồng tươi như khuôn mặt trẻ con của cụ Bek, một khuôn mặt bé choắt, đầy nếp nhăn sạm lại vì gió buốt của đảo, đỏ lên khi trông thấy bác sĩ. Cô lúng túng cúi chào trong khi gập một đầu gối xuống và đặt chiếc giỏ lên bàn. Bảo rằng ngày trước cô là con g ai một nhà buôn lớn mà bây giờ...

- Cô khỏe không, cô Camrath? May mắn được có cô chăm cho người bệnh của chúng ta – Erik vừa cười vừa nói, mà cũng ngạc nhiên về những lời thốt ra.

Cô liền ngược mắt lên, đôi mắt nhỏ xíu màu nâu dưới cặp lông mày thưa.

- Cảm ơn ông bác sĩ, thật là vui vì có thể....

Hai bàn tay bà già, bàn tay nhỏ xíu như của trẻ con nhưng cong queo vì lao động, vuốt thẳng chiếc gối của cụ Bek.

- Xem này, cụ Bek, tôi mua xúc xích gan vì tàu Anne Henriette đã đến hôm qua và tôi nghĩ, trời nắng đẹp quá và chúng ta có thể ăn mừng một tí. Tôi đã mua ở hàng anh Gravemand trẻ tuổi đấy.

Cụ Bek mỉm cười:

- Tốt quá, cô Lucie ạ, chúng ta xài sang hôm nay đây.

Ông già cố ngھn lên trên khuỷu tay để chào tạm biệt bác sĩ thật nghiêm chỉnh

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 4

Erik ngồi bên cửa sổ phòng khách, lãnh vực của vợ anh, đã từ lâu anh không ngồi ở đây. anh đưa mắt nhìn xuống cảng và biển chuyển động vĩnh hằng, nơi đang không thấy lấy một làn khói, một cánh buồm.

- Ellen à – anh nói – Anh tin là em có lý, anh cần phải nói với những người ở đây rằng anh muốn được họ tín nhiệm và năng nhờ anh phục vụ, điều mà xưa nay họ không làm.

Ellen đang tưới nước cho chậu cây latania bỗng quay nhìn sang nơi khác.

Rồi cô lặng lẽ cúi mái tóc vàng hoe xuống tiếp tục công việc tưới cây.

- Đó là điều em vẫn thường bảo anh mà – cô vừa nói vừa đưa cái cào bé nhỏ vun đất ướt quanh rễ cây.

- Ellen à – anh nói tiếp, rất khế - Anh đã không muốn kể cho em chuyện Kaas và Faber, chắc em còn nhớ họ đã trình bày với Riksdag những kế hoạch nhà an dưỡng của anh và người ta đã bổ nhiệm họ làm bác sĩ của cơ quan đó.

Đầu Ellen không ngẩng lên, nhưng giọng cô hơi run khi trả lời:

- Anh Erik thân yêu ơi, em thấy rồi. Em không tìm thấy tờ báo sau khi anh đi khỏi nên em đã xuống nhà ông giám đốc cảng để mượn tờ báo của ông ấy.

Anh vươn cánh tay trên chiếc gối ở cái tì tay.

- Vậy là chúng ta sẽ ở lại đây, trong nhiều năm.
- Đúng như em đã nghĩ – cô nói với giọng ghen lại.

Anh ngược mắt nhìn cô.

- Ellen – anh đột ngột nói như thể tên gọi này tự nhiên buột ra khỏi miệng anh.

Trong một nháy mắt cô đã đến bên anh "Erik!" và cô ôm đầu anh trong bàn tay vững chắc của cô, bàn tay toát lên mùi đất ẩm "Erik!"

Họ nhìn vào mắt nhau. Đôi môi cô run run trong chòm râu sẫm của anh.

- Sao anh có thể giấu em?
- Để chuẩn bị cho em, để...
- Chuẩn bị cho em! Không, không phải. Để ngồi một mình với nỗi buồn của anh, cũng như anh đã một mình với các dự án của anh, với tất cả, anh Erik ạ, trong cả năm vừa qua.

Anh giờ bàn tay trong một cử chỉ phản đối:

- Không đúng.

Cô nhìn anh chăm chăm, hai bàn tay cô vẫn ôm má chồng, đôi má mọc đầy râu dài và quăn.

- Ô, đúng chứ, chẳng bao giờ em hiểu được vì sao anh lại muốn ở một mình và để em một mình. Em vẫn luôn tự nhủ, đó là vì dự án lớn khi anh ngồi vào bàn và im lặng, khi uống cà phê xong anh lập tức rút vào phòng ngay và ít khi anh đến đây vào buổi chiều trước lúc chúng ta đi ngủ. Càng hiếm hơn nữa anh bảo đến đi dạo cùng anh vào làng, trên các cồn cát hay vào hoang mạc. Nhưng bây giờ đang buồn phiền, anh về với em và em không muốn hỏi anh về chuyện đó nữa. Ôi các người! Các người không muốn chúng tôi dính đến các dự án của các người!

Cô cười, mắt rướm lệ. Anh cũng cúi mắt xuống. Hay hơn biết mấy, giá mà cô cứ tưởng anh làm việc với các dự án suốt cả những buổi chiều anh ngồi bất động, đứng trước cửa sổ, mắt nhìn vào khoảng bao la, tai chỉ nghe tiếng biển trong các độ sâu, chỉ cảm thấy hơi mát của sóng trên trán! Giá mà cô không bao giờ biết được những ý nghĩ anh bịa ra về cô, về anh, giá mà cô không biết rằng anh không thể vào phòng cô, rằng nếu anh không ngồi dưới chao đèn, bên rổ đồ khâu vá, là để không kêu to lên trong nhà tù của anh. Giờ đây, đau khổ đã đến, anh trở về với cô và cô đã sẵn sàng, cô đã chờ đợi như thung lũng xanh của khu rừng đã chờ đợi trong khi anh đi khắp trái đất và các hồ biển với cha anh. Thật vậy, thung lũng ở kia đang chờ đợi trong lúc anh ruồng bỏ nó. Những người khác đã chiếm hữu và đã khai thác của cải của nó, nhưng...anh đã giữ được Ellen. Không một ai trên thế gian có thể đoạt mất cô ấy của anh, không ai có thể chiếm đoạt anh. Anh áp đầu vào bộ ngực cao và bàn tay của Ellen đang vuốt ve gáy anh.

- Erik, anh không đi kháng nghị, đòi quyền của anh, kiện những kẻ đã

cướp mất của anh theo kiểu ấy à?

Anh mở mắt nhìn biển.

- Quyền của anh? Anh đã có quyền nghĩ ra dự án đó và để cho ai có thể thực hiện. Còn anh?

- Ồi!

Anh cười.

- Anh sắp xuất hiện ở nhà an dưỡng với tư cách là bệnh nhân hơn là với tư cách thầy thuốc.

- Tuy nhiên... - cô thông thả nói.

Lông mày cau lại, cô nhìn vào khoảng trống.

- Nếu anh không đến đây xa với cuộc sống thực của anh, nếu anh không tìm cách thực hiện ước mơ của mình ở xa các thư viện, các phòng thí nghiệm, các bệnh viện, các bạn đồng sự, xa hẳn thời đại của anh thì anh có tin rằng...?

Anh áp đầu vào vai Ellen và cô cảm thấy anh run. Anh nói rất khẽ với giọng khàn khàn như bị thúc đẩy bởi ý muốn của người khác.

- Anh đã tin vào nó cho đến bây giờ. Hôm nay, anh biết rằng nếu chúng ta không đến đây, có thể anh đã là thầy thuốc giám đốc trong lâu đài của anh, nhưng nếu chúng ta đến đây thì lỗi chỉ tại một mình anh.

Cô cúi đầu một cách nặng nề.

- Em đã nói với anh điều đó, Erik ạ, tuy nhiên...

Bỗng cô đỏ mặt.

- Tuy nhiên?

- Không phải chỉ lỗi tại mình anh... - cô nói, vừa giấu khuôn mặt nóng bừng vào vai chồng.

Anh cười nhẹ nhàng và vuốt ve cái gáy trắng và vàng ánh.

- Ellen bé bỏng của anh ơi, trong trường hợp này thì anh là người đầu tiên phải cảm ơn em.

- Nhưng bởi vì kết quả đã là của...

- Kết quả là đúng như nó phải thế. Em thấy không, lâu đài của anh sắp được xây dựng, cánh cửa của tu viện sẽ được mở ra, người bệnh có thể đến thưởng thức nước suối, còn anh...

- Nhưng anh, nói cho đúng thì thế nào?

- Anh ấy à?

Anh vòng cánh tay quanh cổ Ellen.

- Anh tin bây giờ ở đây có chỗ cho một thầy thuốc và với thời gian anh sẽ là thầy thuốc đó, người đó.

Cô thở nhanh hơn và áp môi vào má Erik, cô trượt nửa chừng trên đầu gối anh.

- Và – anh nói thêm – ngay cả nếu anh không được dành cho chức vụ

đó ngay thì chắc anh cũng sẽ đạt được sau khi đã học được những gì cần học.

Họ im lặng, mắt dán vào ngọn sóng vô biên ngăn cách họ với phần còn lại của thế giới trên hòn đảo bé nhỏ này.

- Anh tin là anh đang học được rằng hòn đảo cũng là thế giới, Ellen ạ. Cô đồng ý nhiệt liệt và nhìn thẳng vào mặt anh.
- Anh tin rằng mình đã đến đúng lúc với ông già Bek.
- Đến nhà cụ Clemens Bek?
- Ừ, em có biết cụ đã ở đây năm mươi lăm năm rồi không?
- Lâu thế ư?

Anh cầm tay cô.

- Ellen à, chúng ta sẽ ở lại bằng ấy năm trên đảo chứ?
- Cô không nhúc nhích, một nụ cười run rẩy lướt qua đôi môi cô.
- Cùng với anh, Erik ạ. Đảo này đối với em là cả thế giới!
 - Ellen!

Anh kéo cô về phía mình và ôm hôn cô.

- Em đi cùng anh đến nhà cụ Bek đi, tìm hiểu xem người ta sống cuộc đời mình ở đây như thế nào.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 5

- Thật không, bà nhà cũng đến ư?
- Vâng ạ, tôi đến đây, thưa cụ giáo, vì tôi nghe có tin vui.
- Bà đã biết?

Ông già bối rối đưa bàn tay vàng ệch vuốt vuốt cái chăn. Cụ nhìn những đám mây đuổi nhau trên bầu trời, trôi nhanh và xám đen phía trên hoang mạc mù mịt. tiếng biển rì rào vang lên từ bên ngoài.

- đối với tôi, nói chung là chuyện này không quan trọng mấy, bởi vì chồng bà đã cho tôi biết trước rằng tôi sẽ không sống được đến ngoài mùa xuân, và lạy Chúa, mong sao tôi có thể chết được cũng như tôi đã sống không để ai phải chịu gánh nặng vì mình. nhưng đối với Mamzelle Camrath! Ô, bà Lange ạ, tôi chắc rằng từ hồi trẻ đến giờ tôi chưa bao giờ bằng lòng như thế. Tôi thấy hình mặt trời chiếu sáng thường xuyên và tôi không ngừng tự nhủ rằng sẽ không nên để cô ấy phục vụ người mục sư mới.
- Nếu người ta cử đến cho chúng ta một mục sư? – Erik buột miệng.
- Với lại – cụ Bek nói, nhìn họ - khi tôi chết, Svenning Gai xem như đã

hứa với tôi là cô ấy sẽ được phần của tôi. Các vị nghĩ xem, cô ấy sẽ có 350 cuaron một năm. Cô ấy sẽ giàu bằng hồi cô ấy còn trẻ.

Erik nhìn cụ. Gần như giàu bằng thời cô ấy còn trẻ, con gái của một thương gia ở Đông Ấn Độ! Đảo đã khiến cụ quên hết chuyện tiền bạc đến thế sao?

Ellen yên lặng mở một chai Bourgogne và đặt nó lên bàn.

- Thưa cụ Bek, chúng ta sẽ uống rượu trong dịp đặc biệt này. Boél sẽ đưa đến chai khác để cụ bồi dưỡng.

-Ồ, bà cho rượu vang!

Đôi mắt cụ Bek cười.

- Có thể nói là tôi không được ném nữa từ hồi Hoàng thân.

- Cụ cũng có quen biết Hoàng thân à? – Erik hỏi.

- Có, tôi có quen ông ấy! Ông ấy sống ở đây trong mười ba năm đầu tiên cư trú của tôi tại đây. Sao tôi lại không biết ông ấy? chúng tôi đều thuộc về ông ấy hết. Bây giờ ông ấy yên nghỉ trong nhà nguyện ở hoang mạc. Ông ấy vẫn mơ ước rằng cuối cùng đặc ân của nhà vua sẽ kéo ông ấy ra khỏi đây, ân huệ này ông ấy đã từng có ở nhiều nơi hơn bất cứ ai. Nhưng những bức thư ông ấy cầu xin ân huệ đó chẳng có kết quả gì. Đúng ra ông ấy đã được đặt quá cao và đã rơi xuống quá thấp. Nhưng tôi phải cảm ơn bà nhiều về món quà này, thưa bà thân mến. Nghe nói rằng bà cũng cùng đi với chồng phải không?

Đôi mắt màu xanh lơ của cụ liếc nhìn từ người này sang người kia.

Ellen đỏ mặt và Lange quay mặt đi. Dân trên đảo chẳng đã nói là họ ít cùng nhau đi dạo chơi là gì? Ở đây người ta không thể bước đi một bước mà không có mắt theo dõi, chỉ trừ trong hoang mạc, chẳng bao giờ có ai đặt chân đến.

- Cụ có nghĩ rằng – Erik hỏi – mặc dù không gian chật hẹp được phân cho cụ trên đảo này, vẫn còn có những nơi chưa hề có chân người bước tới không?

Ông già Bek im lặng nhìn ngấm phong cảnh âm u. Một cánh chim sà xuống đây như một cánh bướm đen, rồi cụ giảo lắc đầu.

- Không, - cụ nói – tôi không nghĩ rằng còn có một nơi nào mà bàn chân này của tôi chưa từng đặt tới. Ông hãy nghĩ rằng tôi đã sống ở đây năm mươi lăm năm rồi và hòn đảo chỉ dài một dặm rưỡi và rộng gần nửa dặm. còn hoang mạc thì tôi đã trốn ở đấy bao lần hồi đầu ấy, ông bà ạ. Không, chẳng còn một tác đất nào ở đây mà tôi không đến ngồi suy nghĩ, cầu nguyện, mà ở đấy tôi không thấy tuyệt vọng, rồi tôi lại tìm được bản thân. Nếu không có hoang mạc thì tôi cũng chẳng biết thoát khỏi như thế nào. Có lúc thậm chí tôi còn nghĩ rằng thiên đường không thể tồn tại nếu nó không

có hoang mạc.

- Thưa cụ Bek – Erik nói – cụ có thấy bất tiện là vợ tôi cũng tham dự vào câu chuyện mà cụ sắp kể cho tôi về cuộc đời của cụ không?

-Ồ không, nhưng sao tôi dám nói đến những sự kiện tầm thường mà, nói chung, chỉ liên quan đến tôi?

-Đó chính là cái mà chúng tôi thích nghe và chúng tôi cần nhất.

Cụ Bek lắc đầu.

- Ông thật tốt khi nói với tôi như thế. Hôm qua tôi đã nhờ Mamzelle Camrath tìm những giấy tờ mà tôi đã nói với bác sĩ. Nó ở kia, nếu ông cầm. Ellen đứng lên và với một bó giấy lớn ở trên bàn.

- Tôi chắc là cụ đã viết trên mặt trái của các tờ biên lai cũ.

- Vâng, đó là những tờ biên lai cho các năm làm việc của tôi ở trường. Ông bà thấy tất cả các tên của các mục sư. Không dưới chín người, và mục sư Flak, tuy vậy cũng đã ở lại ba mươi một năm.

- Còn các thầy thuốc?

- Các thầy thuốc ư? Chỉ một người đến ở khoảng mười hay mười hai năm trước khi tôi đến. Đó là bác sĩ Orebro ở lại đảo cho đến khi chết. Từ đó chúng tôi chỉ có ông bác sĩ già Hagedorn.

Erik mỉm cười nói:

- Tôi vui sướng cho nghề nghiệp của tôi là các thầy thuốc của thể chất đã trụ vững hơn các thầy thuốc của linh hồn.

- Cụ vẫn ở nhà này từ xưa chứ? – Ellen hỏi.

- Vâng, tức là khi tôi đến đảo này, tôi đã phải ở trong nhà mục sư và tôi đã ở như thế trong bảy năm đầu tiên. Nhưng từ khi mục sư Tang đến, thì đây là những năm tồi tệ nhất của đời tôi, tôi chắc là thế. Ông ấy đã lấy mất của tôi cùng một lúc cả cái việc làm con con, cả cái gác áp mái ở nhà mục sư.

- Vâng, vâng, ông bà hãy nhớ là tôi không bao giờ được coi như những thầy giáo khác của trường. Các mục sư phải cùng một lúc vừa là thầy giáo của mười lăm hay hai mươi đứa trẻ của làng. Nhưng ông Schwaryflugel không thể đảm đương được, ông ấy đã già yếu quá. Ông ấy tìm một người phụ. Nhưng đó lại không phải là lý do để mục sư Tang buộc phải dùng tôi. tuy vậy, các mục sư khác đều có lòng tốt lấy tôi trở lại, nhưng việc làm của tôi thì chưa bao giờ chắc chắn cả!

- Và cụ đã sợ mất việc trong suốt cả thời gian?

- Vâng, đúng như thế, tám lần tôi đã run lên hỏi xem ông mục sư mới sắp sửa làm gì, nhưng rồi cũng trót lọt cả.

- Cụ làm gì khi bị mục sư Tang đuổi việc?

- Nếu bác sĩ Orebo không lấy tôi về để dạy học cho cô con gái Barbara của ông ấy thì tôi đã chết trên đảo rồi. Sau đó hoàng thân đã cho phép tôi được ở tại căn nhà nhỏ bỏ không này bởi vì những người lẽ ra phải ở đây

đều chết cả rồi. Đó là đôi vợ chồng trẻ đã đến Grenaa để làm lễ cưới, nhưng khi trở về họ đã bị chết đuối. Tôi đã đến ở trong tổ ấm của họ và tôi đã ở lại đây từ bấy đến giờ. Tôi không trả tiền nhà. Chắc là nhà sẽ thuộc về những người thừa kế của hoàng thân. Nhưng tôi sẽ kể cho ông bà nghe điều đó, hỏi ông ấy còn sống.

Cụ giở các giấy tờ.

Mắt của Ellen và Erik gặp nhau rồi nhìn vào đây đó trong căn nhà thấp bé. Nó có hai cửa sổ, một mở ra hoang mạc, một nhìn ra vịnh Sonderbjaerg và đầm lầy. Về phía đông tầm nhìn phóng khoáng. Về phía tây trải dài bóng của dãy núi. Cái rầm chính chạy từ cửa bếp đến cửa ra vào. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ nghe đơn điệu như tiếng biển rì rào. Một mùi hương êm dịu của cây vôi vôi bốc lên từ các lỗ cửa. Đồ đạc gồm có một cái bàn gấp giải khăn ren móc, chiếc ghế tựa rơm và chiếc ghế sơn đỏ, cái lò sưởi đất nung có những viên gạch lát màu lục mà người ta gọi là ông thầy tu. Trên tường một vài hình thánh với những lời ghi bằng tiếng Đức, bốn người trong lò lửa, cuộc chiến đấu của Samson với sư tử, những môn đồ uể oải ở Gethsémani. Chính ở đây cụ Bek đã trải qua cuộc đời mình, trong gian nhà này, dành cho đôi vợ chồng trẻ. Erik lắng nghe tiếng đồng hồ trôi đi, như là đã trôi qua và còn sẽ trôi qua đi tất cả các thế kỷ, trong khi biển đập mãi vào bờ.

- Cụ Bek ơi, hãy kể đi – Lange nói, vừa nắm chặt tay Ellen.

- Vâng, vâng.

Cụ Bek nhìn thật xa về phía hoang mạc. Nụ cười hiền lành biến mất khỏi đôi mắt cụ, cụ ngược lông mày lên và một dáng vẻ dữ tợn lộ qua khuôn mặt như thể cụ đã trông thấy những hình ảnh xa xôi và cao cả bị thần Chết biến thành những thiên cảm vĩnh hằng, như thể cuộc đời mà Chúa đã cho cụ từ đầu cho tới giờ đã biến mất trước cái nhìn nội tâm của cụ.

Nếu tôi phải kể chuyện đời tôi, ông bà bác sĩ ạ, thì tôi phải bắt đầu từ đầu, và tôi biết rõ, cái buổi đầu đó diễn ra trong một ngôi nhà tầm thường của thung lũng Gutach trong khu rừng Đen. Ở đấy, trong một thung lũng nhỏ theo chiều ngang, với những dãy rừng bao bọc, gần thị trấn Niederwasser có một tiểu phụ tên là Théobald Ephraim Baden sống cùng người vợ Théodora. Họ chẳng hề ham thích các thú vui tuổi trẻ và chỉ gặp nhau khá muộn màng, nhưng Chúa đã cho họ được hai người con, một con trai Ebernard Sébestien, và một con gái, Christine.

Họ sống trong một vùng theo đạo Thiên Chúa, nhưng vẫn giữ vững tôn giáo Tin lành của họ đưa từ Westphalie, nơi mà có lần gia đình họ lưu vong đến. cậu con trai coi là thiêng liêng những gì mà cha cậu dạy cậu nên không hề có chuyện cãi cò gì với hàng xóm và khi Théobald, Théodora và các con đi qua những nhà nguyện của các lãnh địa lớn hay đi qua vô số các thánh giá bên

đường hay trong rừng, họ đều quỳ xuống và thành kính cầu nguyện, bởi vì trong những ngôi nhà cũ kỹ, tối tăm và lạnh lẽo đó, dưới bóng râm ẩm ướt của những cây tùng cũng như ở dưới chân của các thánh giá bằng gỗ kết hoa, nhiều thế hệ đã quỳ xuống, bày tỏ những nỗi buồn phiền, cầu xin giúp đỡ và an ủi. Théobald và bà vợ đã ngắm nghía những cây gỗ thâm đen vì năm tháng dựng trên bệ, được người ta trang trí bằng những cảnh anh đào nở hoa hoặc bằng những cây râu dê, và đã cúi đầu với một cử chỉ biết ơn, vì họ biết rằng những thánh giá kia đã là sự an ủi của biết bao thế hệ sùng đạo. Bậc thầy lớn ở Halle đã dạy họ rằng tất cả mọi sự tranh luận về lòng tin đều trái với ý tưởng của Chúa vì Người chỉ đòi hỏi tâm của con người.

Théobald và gia đình sống rất nghèo nàn, nhưng không bao giờ họ thiếu bánh mì. Théobald chặt cây trong rừng rồi chở xe quệt xuống cho nông dân trong thung lũng Reichen bach hoặc Gutach. Nhưng phần lớn là ông trông vào các đồng than. Cứ thứ hai ông vào rừng đốt than và đến chiều thứ bảy, khi các đồng than đầy rồi thì ông xuống rừng trở về nhà sum họp với vợ con, để đọc một trăm tư của Rieger hay vài giải nghĩa về Kinh Thánh cổ của Berleburg. Họ còn hát một bài thánh ca rút ra từ Der andächtig singende Christenmund. Théobald nói chuyện với Théodora và các con về những gì ông vừa đọc được, rồi chơi với bọn trẻ trên đồng cỏ bên bờ suối. Sáng thứ hai, mang đủ thực phẩm cho cả tuần, ông lại lên đường qua những lối đi dựng đứng để khuất đi sau bóng tối dày đặc của khu rừng.

Lên năm tuổi, Eberhard được phép đi theo cha. Đây quả là một niềm vui cho cậu bé được đi sâu hơn trong đêm rừng tùng, được nghe tiếng thì thầm nghiêm trang của những cây cối thâm u, được xem những tia mặt trời chiếu ánh sáng trắng lên những lá kim màu hung, và được đi theo cha mà cái bóng cao leo trước, cái rìu và thực phẩm trên lưng. Và đó quả là một cuộc phiêu lưu đối với một cậu bé chưa từng khi nào đi quá quá con đường từ Niederwasser đến sát bên kia đồng than mà khói trắng bốc lên dưới những cành cây! Cậu ngủ với bố trong túp lều cỏ, nghe tiếng run rẩy ban đêm của rừng và thức dậy buổi sáng với tiếng chim hót.

Khi Eberhard đã lớn, cậu được đi học ở trường Hornberg, trong một cộng đồng Tin Lành nhỏ. Cậu phải đi nửa dặm đường với cái cặp đựng một tấm bảng, một quyển tập đọc và quyển giáo lý công giáo của Heidelberg. Nhưng cậu lại thích phòng học ngoại khóa và hội bạn của những đứa trẻ khác và cậu hát suốt dọc con đường hai bên có những cây lê đá già về mùa xuân nở bật lên với màu trắng tuyết, về mùa thu với màu đỏ san hô trước bức tường khổng lồ của khu rừng. Con đường chạy qua lưu vực xanh rờn của dòng sông Gutach sủi bọt, nó tạt ngay trước những xưởng cưa và cái trang trại lớn vắng vẻ với những mái nhà rộng mênh mông trông giống như một nơi trú ẩn chắc chắn và bí mật. Những cửa sổ bé xíu và những bông hoa đỏ ở các hành

lang rất khó thấy. Nhà thờ Hornberg và những phế tích lâu đài trên ngọn đồi um tùm cuối cùng cũng lộ ra. Eberhard đi qua cái cầu, vào trong phố và đi theo các ngôi nhà thấp màu xám với những nhãn hiệu nghề thủ công, những cửa hiệu với những ngạn ngữ cũ phía trên các cửa. rồi đến ngôi trường bên bờ sông Gutach, những cửa sổ mở ra dòng sông và những dãy núi phủ đầy cây tùng.

Ông mục sư và thầy giáo của trường tên là Tobias Beutel. Đó là một người khô khan và lực lưỡng với khuôn mặt vàng và bộ tóc giả màu nâu phủ bụi. Ông đeo đôi mục kính to tướng gọng sắt và mặc quần áo quylốt ngắn. Chẳng mấy chốc sự hăng say và chuyên cần của Eberhard đã khiến ông chú ý nhưng ông vẫn tỏ ra nghiêm khắc và tiết kiệm lời đối với cậu cũng như đối với những đứa trẻ khác. Eberhard chơi đùa thoải mái với chúng trong các giờ ra chơi và lúc tan học cậu giơ tay chào không ngớt các bạn toả ra mọi hướng rồi lần lượt đi khuất dần hết vào trong rừng. Không có đứa nào đi đến Neiderwasser, làng này theo đạo Thiên Chúa.

Eberhard chạy nhanh hết sức vì cậu khao khát gặp lại cha mẹ và bé Christine, căn phòng thấp trệt thoảng mùi thơm quả bách xù, cái lò ba chân, cái bàn cọ nhẵn bằng ván gỗ tùng, những dây thìa bằng gỗ ở trên tường, cái khung dệt của mẹ và góc của Chúa, cái bàn thờ bé nhỏ với cây thánh giá mà gia đình tuy thuộc đạo Tin Lành vẫn lập nên trong một góc phòng hết như những người hàng xóm. Eberhard và em gái giữ cho ở đây lúc nào cũng có hoa tươi hái trên đồng cỏ ẩm ướt của thung lũng, nơi có ngôi nhà của chúng mà chúng là những người chủ tối thượng. Một cây anh đào mọc trước cửa và có một bụi cây hồ đào nhỏ để treo cái đu cho trẻ con. Một con suối nhỏ chảy sát ngay ngưỡng cửa. Nó đến từ trên cao trong rừng và đem tin tức của bố. Đôi khi ông đã thực tế thả những mảnh gỗ xuống nước và dòng suối đã trung thành mang nó đến cho Eberhard và Christine. Những suối nhỏ phun ra trong cỏ. Khói từ bếp nấu bữa chiều bốc lên trôi trắng xóa trên lá cây rừng đen thẫm. Hòi chuông cầu kinh Đức Bà vang lên từ Hornberg và những chuông ở Neiderwasser đáp lại. Trong khi mặt trời đỏ rực trên mái rạ, Eberhard và Christine thành kính làm dấu chữ thập.

Eberhard nhắm mắt, mơ đến những chiều thứ bảy ngày xưa khi hai bố con từ rừng ra đến "Feierabendfelsen", bỏ mũ cầm ở tay. Họ đặt các dụng cụ xuống chân và lắng nghe tường của vô số nhà thờ ẩn mình trong rừng sâu vang lên chào ngày Chúa nhật. Lệ trào lên đôi mắt cậu bé bà cậu hứa với bé Christine là sẽ dẫn nó đến ngay sau khi nó có thể leo lên mỏm đá Feierabend để nghe các chuông của Khu Rừng Đen điểm mặt trời lặn.

Eberhard đã lớn và vạm vỡ như bố, trong lúc đó thì Christine lại bé nhỏ và tẻ nhị, giống như mẹ nó hồi trẻ. Eberhard rất yêu quý nó. Nó tự làm cho mình những dây chuyền cổ bằng quả lê đá, nó hái những hoa tán mọc đầy trên

đồng cỏ tét lại và cài lên tóc rồi soi mặt xuống suối. Bố không đồng ý với chuyện đó bao giờ và lắc cái đầu tóc hoa râm một cách nghiêm khắc, nhưng Eberhard thì chạy đi tìm hoa co bé và đem về cho nó những quả ngấy ngon nhất gói trong một cái lá hồ đào có mùi thơm, hoặc nhặt cho nó những quả phỉ lầy trong các tổ sóc.

Nhưng một hôm, mục sư Tobias Beutel bước qua ngưỡng cửa, cây gậy cầm ở tay. Mọi người kính cẩn chào. Ông ngồi xuống chiếc ghế dài bên cạnh "góc của Chúa" mà ông vừa chau mũi nhìn, ông hắng giọng và sửa lại áo gilê. Ông ấy muốn thế này. Cha mẹ phải cho phép Eberhard học tập. Bản thân ông sẽ dạy cho nó tiếng La tinh, tiếng Hy Lạp, tiếng Do Thái mà ông đã tiếp tục trau dồi bằng cách đọc kinh thánh trong nguyên bản, rồi tiếp đó chúa sẽ đến giúp cho họ. tất nhiên là Eberhard chẳng có thiên tư gì về những năng khiếu như thế. Ông mục sư biết rằng họ có gia đình ở Halle, ở quán trọ "Zum guten Geist". Có thể là Eberhard sẽ ở đây và nó chỉ được cấp một số tiền ít ỏi theo định kỳ, nó có thể kiếm thêm được ít tiền rất dễ dàng bằng việc làm gia sư ở các nhà giàu.

Ông Théobald giữ im lặng rất lâu, hai bàn tay to lớn đặt lên đầu gối, ông suy nghĩ, bà Théodora đi đi, lại lại, bỏ củi vào trong lò và cũng chẳng nói chẳng rằng. Bé Christine chạy lảng vảng trong gian nhà và nói luôn miệng.

Eberhard ngồi run trên ghế đến nỗi không dám ngước mắt lên. Ông ấy nói gì vậy, cái ông Tobias Beutel? Halle chẳng phải cách xa đây những ngàn dặm đó sao? Rồi đến nào sinh viên, nào giáo sư, nào mục sư nữa? Ôi, thế còn những đồng than ở trên ấy, còn bé Christine, còn làng Niederwasser.

Không, không, chẳng bao giờ, chẳng bao giờ!!!

- Dạ thưa – ông già Théobald nói – ông mục sư đã đưa đến cho chúng tôi một tin quan trọng. Nhưng không có người nào trong chúng tôi rời khỏi Gutach và ngôi nhà này bao giờ, kể từ ngày gia đình dọn từ Westphalie đến đây. Tất cả chúng tôi đều sống nhờ rừng, ngay cả đến ông anh của ông chúng tôi vốn là một thợ săn ở nhà Đức trưởng tu viện Bénédictins de Saint-Blaise. Chúng tôi không biết ông mục sư với nói gì với chúng tôi.

- Đó không phải là lý do để nói rằng ý kiến của tôi là không tốt, bản thân tôi cũng là con nhà nông dân ở Odenwald, và tôi cũng thích tin rằng...

- Vâng, nhưng ai mà biết được Chúa muốn đưa thằng bé Eberhard đi ra xa như ông đã được dẫn dắt. Halle ở Saale? Đúng là ở đây chúng tôi có bà con, nhưng chúng tôi đã không thấy họ từ ngày tôi còn bé và thành phố lại cách đây hàng bao nhiêu dặm.

Ông Tobias gập cầm vào trong cà vạt và cầm gậy. Khi ra đi ông đã đạt được thắng lợi. Làm sao mà ông Théobald sùng đạo lại dám phản bác ông khi ông ta đang tin rằng có sự can thiệp của Chúa vì Người đã phú cho Eberhard những thiên tư để phụng sự và tôn vinh Người trong thời buổi biến đổi này?

Ông Théobald hay thở dài mỗi khi ăn tối, ông ăn miếng bánh mì đen lúa mạch thô phết, hoặc nhìn vào cái rìu mà cán đã nứt thối vì bàn tay lao động của ông và tổ tiên. Sẽ phải làm việc cật lực mới có đủ ăn. Bà Théodora tưởng trong một lúc đã trông thấy những vết máu của Jesus trên những bàn tay nâu và bàn chân của con trai, nhưng cái nhìn của bà gặp cái nhìn của ông Théobald và họ cùng mỉm cười với nhau. Chúa đã cho họ con trai. Họ không thể tính toán gì trong việc Người muốn sử dụng nó.

Con mắt của Christine đi từ bố mẹ sang anh trai. Sao họ lại nghiêm trọng thế? Bởi vì người lạ kia đến nhà ư? Christine luôn thấy vui khi có những người lạ đến thung lũng. Chuyện đó rất hiếm. Chỉ thi thoảng thôi, một người bán rong mang kiện hàng đi qua, hoặc là một bác thợ đồng hồ với vô số đồng hồ cứ tích tắc hoài quanh mình. Christine tìm cái nhìn, nhưng nó vội cúi mặt xuống. Đôi mắt của Eberhard sáng chiếu như mắt của thánh Sébastien trên bức tranh những người tuần đạo ở Wiesereck.

- Eberhard – cuối cùng nó bảo – anh không đến chơi à?

Nhưng Eberhard lắc đầu.

- Chẳng bao giờ anh chơi nữa.

Christine ngăn người ra, không chơi nữa khi nó muốn chơi!

Nhưng bố buồn bã lắc đầu và bé không dám hỏi gì thêm, nó không nhận ra Eberhard nữa.

Những lời nói của ông mục sư liên quan đến lời kêu gọi và ý Chúa đã lọt được vào trái tim bố mẹ, nhưng nó lại như một ngọn giáo đâm vào tim Eberhard, ngăn cách nó với tất cả những gì nó đã tin là của nó. Hiện giờ khi đi đến Hornberg, nó nhìn thẳng trước mặt, không chú ý gì đến những đứa trẻ khác. Lạ chưa, chẳng có lúc nào nó có thể quên được những lời khiển trách mà ông mục sư trong cơn nóng giận đã thốt ra chống lại sự phản kháng ngớ ngẩn của họ. Chúa cũng đã định đoạt, đã lựa chọn nó, nó phải trở thành người hầu hạ Chúa hết như những người mà những nỗi thống khổ của họ bố nó đã đọc được trong quyển sách những người tuần đạo! Nó không có quyền chơi đùa nữa. Chỉ mình bé Christine còn có thể làm cho nó cười được thôi. Nhưng đôi khi nó trông thấy buổi chiều khói bốc lên trên túp lều và bố từ trong rừng xuất hiện với cái rìu và bó củi, trong lúc ông ra hiệu cho nó và bé Christine chạy ra gặp bố, lệ đã ứa tràn trên đôi mắt Eberhard. Nó nghĩ cuộc đời của ông cha đã là thế và cho đến ngày nay đó là số phận của nó. Nhưng ông cha vẫn không bao giờ phàn nàn về cuộc sống khó khăn và bấp bênh và họ đã uống cốc rượu đắng với lòng biết ơn, không bao giờ một câu phàn nàn thốt ra khỏi miệng, không bao giờ một lời cầu nguyện van xin được giải thoát.

Đến kỳ hẹn, nó ra đi khỏi ngôi nhà, nơi chôn nhau cắt rốn của nó, và nơi tổ tiên nó chưa bao giờ xa rời. Nó đi lên phía bắc, trên con đường lạ dẫn đến

thành phố xa xôi. Nó đã ra đi, được Chúa dẫn dắt. Cây gậy và cái túi cầm tay, nó rời khỏi những thung lũng âm u của Khu Rừng Đen, đi qua những đồng nhỏ của sông Rhin và cả vùng Souable. Đó là thời kỳ trận đánh Leipzig, vào cuối mùa thu 1813. Eberhard đã gặp những làng mạc, những thành phố chạy trốn toàn bộ. thế giới đã bốc cháy, các dân tộc đổ xô lên các con đường. Nó đã gặp những chiếc xe ngựa chất cao đồ chạy loạn suýt đổ, những người đàn ông luôn mồm nguyên rửa, những người đàn bà kêu khóc, những đứa trẻ trần truồng. Nó đã tìm thấy ở dưới các hố những người ốm, những cụ già, cả đến những bé sơ sinh bị những người chạy loạn bỏ lại. Nó đã phải đến giúp đỡ người này, an ủi người kia và tiến đi rất chậm chạp. Nhưng nó đã đi đến với số phận của nó một cách kiên trì, bền bỉ, trong lúc đó Napoléon không ngờ rằng ông ta đã hoàn thành việc của mình như cây gậy báo thù của Chúa trong ngày cuối cùng.

Cuối cùng Eberhard tới được một căn phòng áp mái bé nhỏ niềm nở của quán Zum guten Geist, ở Glaucha, ngoại ô Halle, và nó bắt đầu nghiên cứu thần học.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 6

Eberhard đã trưởng thành, thành một thanh niên cao lớn có khuôn mặt gầy với dáng vẻ bề ngoài nghiêm khắc không thu hút cảm tình. Anh có giọng nói gay gắt và kéo dài, những cử chỉ đột ngột, vụng về. Anh đau khổ trong thành phố xa lạ này vì đầu óc anh chỉ nghe tiếng rì rào của những cây tùng của Khu Rừng Đen, chỉ trông thấy ánh đỏ nhạt của những đồng than, chỉ cảm nhận những ý tưởng chậm chạp và buồn bã của nòi giống anh. Anh không hề có khả năng gì về buôn bán sách hay viết lách như ông Tobias tưởng. Nhưng anh vâng theo lệnh dứt khoát của Chúa và đã là một sinh viên chăm chỉ. Anh cũng kiên trì làm công việc gia sư dạy các con của những ông chủ ruộng muối hay những thương gia trong thành phố. Anh đã kiếm đủ tiền để đóng góp phần chi phí ở nhà những người bà con, ông chủ quán tử tế và vợ ông ta, người họ bên ngoại của anh. Khi nỗi nhớ quê hương giày vò quá mạnh anh đã cầm cây gậy và đi ra, bước dọc theo bờ dốc đứng dòng sông Saale để rửa mát lên trán ở Geshchatein hay ở Peissnitz và để cử động chân tay tê cứng vì tư thế ngồi cúi liên tục. Hay là còn thế này, khi không có

người lạ, anh ngồi trong gian quán thoảng mùi hương bách xù, nói chuyện với chủ quán, vì sao họ đã thất bại ở đây, và phải làm thế nào? cuối cùng ông chủ quán trọ đứng lên, đập lên vai Eberhard và nhẹ nhàng nói "Ừ, Khu Rừng Đen đẹp hơn bất kỳ miền nào khác, nhưng cũng là nghèo hơn cả, nó không thể nuôi được các con cái của nó. Họ phải rời bỏ nó, nhưng nó vẫn sống trong mọi ý nghĩ của họ, cho đến ý nghĩ cuối cùng".

Tuy nhiên, một hôm Khu Rừng Đen đã đến với Eberhard dưới dáng vẻ thân thiết nhất. Đó là bé Christine đã mang đến cho anh lời chào của Gutach. Nó đã qua một chuyến đi dài, trước tiên với một người lái buôn ở Hornberg đến hội chợ Leipzig, rồi những nông dân, những tài xế xe tải, và đây, nó xuất hiện trước ngưỡng cửa căn phòng nhỏ. Hình như nó rất khó đứng thẳng người ở đó, nó đã lớn lên biết bao nhiêu. Nó mảnh khảnh như một trong số những cây bạch dương ở nhà. Nó cười thật vui, trả lời một cách hăng say trước sự cảm phục câm lặng của Eberhard, khiến anh cảm thấy ngượng ngùng trước mặt em gái. Phải chăng nó vẫn còn là đứa em gái bé bỏng của anh ở dòng suối, ngọn nguồn? Hạnh phúc của Eberhard quá lớn và nước mắt đã ngăn anh nói lên. Anh còn quên cả ngạc nhiên rằng Christine đã rời bỏ một cách dễ dàng cha mẹ già. Tuy nhiên, lòng anh thất lại, anh không hiểu sao anh lại trông thấy nó cũng xa rời được ngôi nhà mà những người trong dòng họ Baden sống từ đời cha sang đời con qua bao thế hệ, nơi mà họ chưa hề rời xa quá lấy hai ngày và quá lấy hai dặm, lại trông thấy nó cũng ở trong thành phố lớn này.

Ôi, chuyện tiếp theo đã chỉ rõ rằng những linh cảm đen tối của Eberhard rất có cơ sở chính đáng. Bé Christine không giống với cha mẹ hay với hai người chủ quán tốt bụng. Nó đã nhìn quá nhiều vào một tia sáng mặt trời trong thung lũng, hay vào những cây lê đá đỏ ối? Có phải con chim hót mà nó đã thử chạy theo khi bay vào trong rừng đã gọi lên cho nó ý muốn ra đi? Nó đã nghe quá nhiều những chuyện kể của người bán đồng hồ? Dù thế nào thì nó cũng không thuộc về xứ sở của những nhà thờ cổ. Quê hương của nó là thành phố chứ không phải là Halle, sùng đạo chịu ảnh hưởng của August Hermann Francké và Breithaupt, Halle, nơi Thomasius đã sống, Halle, nơi có nhà trẻ mồ côi, Halle, thành phố của thuyết kiên tín. Không, Christine thích những thành phố lớn nguy hiểm, chuyện thật kỳ lạ. Eberhard kinh hoàng nhận ngay ra điều đó. Christine không quan tâm đến việc đến các "Collegia pietatis", nơi những gì còn lại của những cộng đồng bé nhỏ của thời đại Spencer và của những ngày thịnh vượng của thuyết kiên tín tập hợp

lai để trao đổi về những tác hại của thế kỷ và về sự lên ngôi của vương quốc ngàn năm. Lẽ ra phải lắng nghe những người kiên tín cuối cùng trình bày những lo lắng và những hy vọng của họ. Christine đã đến thăm các cửa hiệu thời trang ở quảng trường chợ gần nhà thờ Đức Bà hoặc xung quanh Tháp Đỏ để ngắm nghía nhìn đồ trang sức hàng mã mà quý sứ bắt đầu đưa lậu từ tận bên kia sông Rhin vào để cấm đồ đàn bà. Và khi nó đã kiếm được vài cái đồ trang sức, nó bắt đầu xuống dưới phòng quán hàng những lúc có khách lạ vào. Chính ở đây nó đã gặp số phận của nó và Eberhard gặp số phận của mình.

Một bá tước đi du lịch đến Halle, vào trọ ở Zum guten Geist. Đó là một người đàn ông hết sức khôn khéo trong mọi mảnh khoé yêu đương! Một hôm, khi Eberhard thức dậy, em gái của anh không ngủ trong gian áp mái bên cạnh. Nó đã biến mất với người khách lạ. Anh giữ chuồng ngựa đã trông thấy Christine ra đi trên xe ngựa của bá tước.

Khi bị ruồng bỏ cho một nỗi đau thâm lặng, Eberhard quỳ xuống cầu nguyện rất lâu và tin tưởng vào ý Chúa. Nhưng cùng lúc đó anh đã cắt đứt viết thành phố và quay về nhà cha mẹ ở Gutach bắt chập tiếng cười của bạn cùng học và sự giận dữ của ông Beutel. Anh muốn trở lại thành con trai của bố mẹ anh để cho trong tuổi già họ khỏi cô đơn không con cái. Anh cởi chiếc áo khoác dài đen, tắm ngực hồ bột và chiếc cà vạt trắng. tiếp theo, anh xếp những cuốn sách của anh lên giá và cầm lấy cái riu của bố. Ông già Théobald đã quá lụ khụ chỉ còn có thể ngồi trong "góc của Chúa" và chạm khắc hộp đồng hồ bên cạnh bà Théodora làm những tấm thảm tuyệt đẹp, bà nhớ lại trong một thời gian lâu dài hồi còn trẻ, làm nghề này trên Khu Rừng Đen bà rất khéo léo, về sau khi đến ở trong thung lũng bà mới lấy Théobald.

Những người buôn rong lấy hàng của họ đem đến cho các cửa hàng của Fribourg, của Pforzheim, của Waldkirch. Tuy nhiên mỗi lần cha mẹ nghĩ đến số phận của Christine, mắt của họ nhòa lệ và họ không thể làm việc được nữa, ngay cả những chuyện cũ trong các tờ báo công giáo họ rất thích nhưng cũng không đọc được nữa.

Eberhard tìm lại đồng than, anh lại ngắm nhìn khu rừng mênh mông quê nhà và vô vàn cột khói ở chân trời phía dãy núi Alpes hình như đang trôi bồng

bệnh như những làn mây nhẹ xanh lơ. Đó là nơi ngày xưa anh và em gái đặt chốn thiên đường. Trong khi làm than, người thanh niên đã tranh thủ thời gian giở một cuốn sách thần học đặt trên đầu gối ra hăng say nghiên cứu. Anh hy vọng rồi dần dà ông Tobias sẽ nguôi giận và sẽ cho anh một việc làm vào chân thầy giáo ở Hornberg để anh có thể nuôi cha mẹ già, không để phí hoài những kiến thức học được. Nhưng khi nghĩ đến Christine mà trong hồi ấu thơ anh đã rất yêu thương và tự hào thì anh không sao tiếp tục đọc những văn tự Hebre được nữa và không mơ tưởng đến những dự định và những hy vọng của mình nữa, anh đã cúi đầu phục tùng.

Cuộc chiến đấu mà anh phải tiến hành để chấp nhận ý Chúa rất gay go khi một người bán đồng hồ rong quê ở Triberg cho anh biết rằng ông ta đã gặp và nói chuyện với Christine tận Đan Mạch. Cô ấy sống ở Copenhagen, thủ đô, làm gái mãi dâm. Kẻ quyến rũ cô sau khi chơi bời hoang phí gần hai năm với cô ở lãnh địa của hãn tại Na Uy, đã trả cô lại Đan Mạch với tên hầu phòng và bỏ cô ở đấy khi cô từ chối kết hôn với tên đầy tớ. Hiện giờ cô sống trong một phố tồi tàn ở một ngôi nhà kinh khủng giữa những người đàn bà sa đoạ. Khi biết được tin đó hai người già oà lên khóc, nhưng Eberhard chạy ra bụi hồ đào nằm áp mặt xuống đất và kêu với Chúa như Jacob. Anh phải đến cứu em gái hay ở lại với cha mẹ, thiếu anh không người giúp đỡ, họ sống sao nổi? Anh thấy lại khuôn mặt ngây thơ và tươi cười của Christine dưới tán lá hồ đào. Anh thấy lại nó đang kính cẩn nghe bố đọc Kinh Thánh cổ của Berleburg. Anh thấy lại nó cái buổi tối cuối cùng ở Halle khi nó vừa cười vừa khóc cùng một lúc, mà đầu óc của anh quá chậm chạp, quá ít kinh nghiệm chẳng hiểu gì hết, lại còn vui mừng vì đôi má hồng, đôi mắt sáng, đôi môi tươi cười của Christine. Cuối cùng nó đã ngã vào cánh tay anh, để ôm hôn anh và áp má nó vào má anh, vừa khóc vừa thì thầm tên các địa điểm thân yêu của quê hương. Nó gọi lên bố mẹ, rồi dòng suối, quả đồi và cái hồ trắng cuối thung lũng mà hai anh em đã đặt cho những cái tên thuộc về Kinh Thánh, và cuối cùng nó nói đến "góc của Chúa".

Nhưng, trời ơi, gã bá tước đã giở ngón xảo quyệt mà Eberhard thì lại mù quáng chẳng đoán biết gì cả. Giờ đây anh nhớ lại khi nó đội vòng hoa lê đá lên đầu và soi mình xuống suối. Anh cầu Chúa cho anh sức mạnh để quên nó đi và để ở lại với bố mẹ. Trong mười hai năm anh đã làm việc ở Niederwasser, rồi thực hiện ý Chúa, anh đã tách khỏi công việc của cha ông, và nay lại quay về đây.

Ông Tobias hình như vẫn ngoan cố tin rằng Eberhard lãng phí thời gian và

hiểu biết của mình trong khi làm cái công việc bình thường của nông dân. Eberhard nói với ông về praxis pietatis cũng vô ích. Ông Tobias nổi giận và tuôn ra những lời thoá mạ chống lại Malum pietisticum và errores speneriani. Ông rời bỏ người học trò cũ của ông trong cơn giận bùng bùng. Eberhard nhìn theo cái bóng nghiêng lùn tịt trong chiếc áo khoác màu xám bằng cái nhìn cuối cùng là sáng suốt. Ông Beutel chẳng phải là một người đầy tớ của Nhà Thờ của các hoàng tử, các nhà thờ mà nhà tiên tri của Halle đã tuôn sấm sét chống lại, còn các tín đồ của rừng núi thì xin Chúa che chở họ, đó sao? Chẳng phải ông đã thoát ra những lời dọa nạt giới tăng lữ về tinh thần ecclesiolae in eccleisa, cái tinh thần cần được thiết lập như thời các tông đồ trong số các đệ tử nghèo và những người lao động, cái tinh thần đã bị xem nhẹ từ khi Giáo hội dưới thời Constantin bị sụp đổ, đó ư?

Rõ ràng là ông Tobias không muốn Eberhard trở thành một đầy tớ của Chúa mà thành một nhân công của cái Sion biến chất. Eberhard quỳ thụp xuống và cảm ơn Chúa đã mở mắt cho anh và đã tháo bỏ cho anh những cạm bẫy của kẻ đạo đức giả. Sau đó anh vung cây rìu với một lực gấp bội, tin rằng mình đã thực hiện ý Chúa trong các việc nhỏ thì chắc chắn những việc lớn sẽ chờ đợi anh. Những việc đó gọi anh trong năm thứ mười ba.

Hai ông bà già mất ngay trong tuần lễ đó trong niềm vui của Chúa và một ánh sáng định mệnh đã soi rõ con đường cho Eberhard phải đi theo. Anh đã đóng cửa túp lều trong một ngày thu vàng yên tĩnh, đeo chiếc chìa khoá vào cổ bằng một sợi dây nhỏ, mang chiếc ba lô nhỏ đựng quần áo và sách lên vai, anh để nguyên các thứ trong nhà, cái giường trên đó cha mẹ anh mất, cái nôi trong đó Christine và anh đã nằm ngủ cũng như tất cả các người con của gia đình từ khi một người cha trẻ đã làm ra và khắc vào trên đầu mấy chữ: Memento mori. Những chiếc thìa gỗ vẫn treo lên tường và chiếc bát tô đất nung vẫn để trên bàn. Eberhard còn cắm đầy hoa tươi trên "góc của Chúa" để cho tất cả sẽ thân thiết mỉm cười với Christine khi mà anh sẽ mở lại cửa thời thơ ấu cho nó.

Anh chặt cho mình một cây gậy bằng cành lê đá, ngắm nghía thêm một lần nữa thung lũng và những bức tường tối đen của khu rừng, nơi lối mòn chạy mất hút, rồi giơ tay vẫy chào tạm biệt và ra đi. Khi anh quỳ xuống bên mộ bố mẹ trong nghĩa địa của Neiderwasser sau con sông nhỏ và hôn lên đất thì tiếng chuông cầu kinh chiều vang lên từ ngọn tháp phủ kín dây thường xuân

hoà vào điệu đồng ca của các chuông trong thung lũng. Eberhard đứng lên và rào bước để không mất một tí thời gian quý báu nào, đi ngay trong đêm đó thật dài đường lên thành phố phía bắc, đến với Christine.

Cả vùng rừng đều đang cầu nguyện trong lúc này. Eberhard cảm thấy anh đang được chúc phúc lành trong khi anh lên đường để đưa đứa con về cho miền đất thiêng liêng.

Anh đi lại con đường mà anh đã đi hồi thơ ấu, khi lần đầu tiên anh xa nhà cha mẹ. Anh còn đi nữa và vẫn được Chúa dẫn đường, mặc dù giờ đây anh hiểu hơn những yêu cầu của mình. Xưa kia dân chúng đổ ra trên con đường này vì những cuộc chiến tranh Napoléon đã đưa đất nước vào lửa và máu, ngày nay cả vùng quê trải dài dưới bầu trời đông âm u của Liên Minh Thần Thánh. Nhưng đối với Eberhard chẳng có gì là khác biệt giữa những dấu vết để lại từ vị hoàng đế của cái thế giới được Lucifer phong tặng và của cái thế giới được "xức dầu Thánh", chẳng có dấu vết nào giống như dấu vết của những bàn chân rớm máu mà Eberhard đang đơn độc đi tìm trên trái đất này.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu **Chương 7**

Ánh hoàng hôn đổ vào gian nhà nhỏ, tia phản chiếu của ngọn lửa thạch thảo trong lò sưởi lấp lóa trên những tờ giấy mà ông già cầm trên tay. Bek quay mặt sang hai người trẻ tuổi và dịu dàng mỉm cười với họ dưới làn tóc bạc phơ. Nhưng Erik đứng lên như thể anh muốn theo Eberhard trong chuyến đi. Anh đứng, hai bàn tay tựa vào lưng ghế, Ellen nhìn ngọn lửa qua cặp mắt mở to của cô, tưởng rằng cô cũng đang đứng trước cái bếp lò thơm mùi nhựa cây, cái lò hiện nay đang bị bỏ không trong thung lũng Gutach.

Cửa rít lên ở chỗ bản lề, một luồng gió lạnh lọt vào phòng và họ trông thấy Mamzelle Camrath đang cúi chào.

- nghe kìa, tiếng biển gầm rít, ngày mai sẽ có bão, ông bà phải đi quá xa về tận bến cảng vất vả lắm đấy – cụ Bek nói.

- Vâng, ta về thôi, Ellen.

Erik ngược mắt lên.

Cô đứng dậy đột ngột, hoạt động như để bước ra khỏi một giấc mộng. Cụ

Bek vừa kể về con đường dài mà Eberhard đã đi từ Niederwasser đến Copenhagen, giờ lại nói đến con đường trên đảo.

- chúng tôi đã quên khuấy mất món rượu vang mà chúng tôi muốn cùng uống với mamzelle Camrath và cụ - Người phụ nữ trẻ kêu lên.
- Đáng tiếc là trong nhà tôi không có ly uống rượu vang, bà ạ.
- Ồ, chúng ta sẽ thu xếp được thôi, rượu ngon thì uống bằng tách cà phê vẫn là rượu ngon! – Ellen cười trong khi mở cửa vào bếp. Đó là một góc nhỏ có cửa con mở ra phía làng, một cái lò nhỏ xít ba chân, một cái bồn rửa bát, mấy cái xoong và hai cái giá để đầy chén đĩa bằng sành, ở đây lạnh lẽo, người ta ngửi thấy mùi mốc. Khi nghiêng mình ở cửa sổ Ellen đã làm cát từ ngoài cồn thổi đến kêu sào sạo. Cô áp trán vào tấm kính nứt. những túp lều lợp táo dạt trong làng chen chúc nhau chung quanh tháp chuông xám, những làn mây chạy trên bầu trời và những tia cát kêu rít lên, đập vào tường. Trên một chiếc đĩa Ellen nhìn thấy hai con cá trích rán, một miếng bánh mì và một mẫu mỡ.

Vậy chính là ở đây, trong bao năm trời cụ ấy đã chuẩn bị những bữa ăn thanh đạm để duy trì sự sống, trong lời cầu nguyện và lòng biết ơn. Trong khi đó thì cô và Erik... Cô đã phàn nàn, đã khóc trong căn phòng tiện nghi, tự bảo rằng bị ruồng bỏ, cứ như thể là cô không biết hơn cả Erik rằng chồng cô là của cô, gắn bó với cô biết mấy. Không thể để cho có một ngày nào đó anh ấy giải thoát khỏi cái ý nghĩ này, cái ý nghĩ đã không đem đến cho anh một kết quả gì mà sức đè nặng của nó đã làm anh ấy gập xuống như một cái cây yếu ớt.

Ở nhà, trong nhà linh mục Fyen, người ta thường hát bài thánh ca: Ô! Đừng tìm những nơi cao... Anh không tìm những nơi cao nữa, Erik, mà anh đã tìm lại được em và anh cũng tìm lại cả anh nữa. Ông già Bek không cần phải từ bỏ cái đó, chính vì thế giờ đây Chúa kéo cụ ấy lên trên cao.

Ellen nghe thấy tiếng nói ở phòng bên, cô lấy vội mấy cái bát, một cái bình và trở về. Cụ Bek nhìn cô, vừa lắc đầu:

- Thừa bà, chắc hẳn bà rất ngạc nhiên về cái bếp này phải không?
- Ellen cười:

- Tôi cũng muốn bếp của tôi được ngăn nắp như thế này. Nhưng có lẽ một ông già cô độc khó mà giữ được trong nhà sạch sẽ gọn gàng như thế này! Thôi, nào, chúng ta uống đi – cô nói thêm.

Erik, Ellen, Mamzelle Camrath đứng trước ánh sáng ngọn lửa và ánh đèn pha nơi xa, quây xung quanh cụ già Bek. Cụ cũng đã nhồm lên trên giường tựa lưng vào đồng gối. Đôi mắt ông bác sĩ đi từ cái bóng này sang cái bóng khác đang nâng rượu đậm trên những bàn tay run.

- Chúng ta chạm chén chúc mừng những công dân của đảo.
- Erik nhắm mắt lại, không hiểu là vì nỗi đau đang giày vò anh hay vì thắm

nhuần sự nhận thức đối với Chúa mà anh không biết.

Ánh sáng ngọn đèn pha run run trên biển như phản quang của một mặt trăng bị che khuất sau những đám mây. Những làn sóng sủi bọt chuyển từ bóng tối ra chỗ sáng, rồi đổ vào trong đêm. Những con mòng biển tự để bão cuốn đi và những con chim yến bay trên những đá cuội trên bãi sỏi. Erik và Ellen cầm tay nhau tiến bước dọc bờ dốc xanh của Droethoj, dưới chân Sonderbjaerg người ta trông thấy cái vịnh nhỏ, nơi có nhà kho hàng, nó được che phủ bằng tảo dạt và bọt nước trắng, ngọn đèn pha không nhìn thấy đâu. Ellen cười khi vấp chân vào những hòn đá và rễ cây, chiếc váy phồng lên quanh người cô. một tay giữ chiếc mũ trùm của thủy thủ, tay kia vịn vào vào Erik.

- Ô, anh Erik ạ, nói cho đúng thì chúng ta đã phải đến nhà cụ ấy theo con đường này, đúng như hôm nay.

Erik dừng lại, chống người vào cây gậy để lấy hơi. Những làn mây bay trên biển sủi bọt, ở cuối vịnh người ta trông thấy một chiếc tàu trượt neo, mũi cắm sâu xuống, cố chờ hết bão để khởi trả phí neo đậu cao ở trong cảng. Erik nhìn về đằng sau ở kia, sau những đê chắn sóng mà bọt nước che lại hôm nay bằng mây tuyết, cựa quậy và đung đưa một vài cột buồm thâm đen. Tất cả thuyền bè của đảo đã thả neo trong cảng. Những ngọn đồi hạ xuống vịnh bằng những bậc khổng lồ, ở mỗi bậc có một ngôi nhà nhỏ xiu. Nhà của họ ở tít trên cao, rồi đến nhà của ông quản lý cảng và của ông phó quản lý, và ở bậc thấp cuối cùng là nhà của những người lái buôn. Làm thế nào người ta có thể sống được ở đây trong giông tố ngay giữa biển? Ông bác sĩ nắm chặt bàn tay vợ.

- Chúng ta cần học tập tìm hiểu hòn đảo của chúng ta.

Cô nhìn anh:

- nếu họ lấy dự án của anh, liệu anh có...?

- Dự án đó ư? Đó là tất cả những gì anh có, tất cả sự đóng góp của anh cho lợi ích nhân loại, nó đã được thực hiện, bây giờ anh đi tìm sự cứu giúp cho mình.

- Đây, anh đến đây.

Cô bám chặt hơn vào vai Erik.

- Chúng ta sẽ chạy vòng quanh hòn đảo của chúng ta.

- Tuy nhiên, anh tin – anh đáp trong khi họ chệnh choạng trong giông bão mặc dù dựa vào nhau – anh tin rằng thật khó mà đi được lấy một phần ba dặm trong gió này.

- Quả thật chẳng có gì hơn nữa và chúng ta một mình giữa biển cách Jutland và Thụy Điển bảy dặm ư?

- Cách hòn đảo gần nhất tám dặm, cách Seeland mười dặm – Anh nói với một nụ cười – Nào, chạy đi, cô em bé bỏng của anh.

Và họ bắt đầu lên đường, vừa vật lộn với gió. Phía trước một đợt sóng dồi lại dựng lên như một đài hoa huệ xung quanh một khung tàu cổ.

- Nghe nói rằng xác thuyền đắm này đã trụ vững với những trận bão như thế này sắp sửa được một trăm năm rồi đó, cho nên biển đã thọc sâu nó xuống cát.

Erik cười mơ hồ:

- Tất cả những thứ bị ném vào bờ biển này đều ở lại đây.

Bây giờ họ đi vòng dưới chân đồi Sonderbjaerg. Đó là một khối đen dựng lên phía trên đầu họ với những bụi bách xù nhỏ giống như những con nhím. Trên đỉnh đồi cột xêma;pho phát lên những tín hiệu báo bão mà những luồng gió mạnh lay rung.

- Anh xem này, Erik, thánh giá Agnete.

Phía trước họ, nơi con đường làng biển mất giữa các cồn cát, cây thánh giá cao gấp đôi một người đứng thẳng trên đế hình quan tài giờ những cánh tay tối đen vào trong đêm hoang mạc. Cây gỗ dày có nẹp sắt rít lên.

- Anh có biết chuyện của Agnète Vendelin không? – Ellen hỏi.

- Không, anh chỉ nhớ là cô ấy đã kết hôn với mục sư Tang và cô bị chết đuối vì muốn cứu một đứa trẻ.

- Cần phải để cụ Bek nói với chúng ta về cô ấy, cụ ấy sẽ phải để chúng ta làm quen với đảo, cho chúng ta biết hết mọi chuyện vì cụ đã biết hết các cư dân ở đây từ năm mươi năm nay.

Làng lại hiện ra với tháp chuông thấp của nhà thờ và những ngôi nhà chen chúc dưới những quả đồi. Phía đầu bờ của hoang mạc vươn lên nhà nguyện của ông hoàng, một bức tường bằng đất đắp bao bọc mộ của ông và cả các mộ của những ngư dân nghèo và của những người ngoại quốc chết đuối trên biển.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 8

Ngôi nhà của cụ Bek nấp dưới mái tảo dạt như bị đè nặng hơn thường ngày, hình như nó phải mang trên lưng tất cả các cơn giận của biển, của cơn bão và nó bị lún xuống, nhục nhã, giữa những cây tùng vàng úa và khô héo.

- Chiều nay các cuộc đắm tàu đáng sợ lắm đây – Cụ già nói khi hai người bước vào trong gian nhà bé nhỏ thân mật, có cái lò đang bập bùng ngọn lửa thạch thảo toả tro xuống sàn.

- Cụ tin như thế ư?

- Tôi sợ thế, ồ, ông bác sĩ ạ, trong một cơn bão như thế này biết bao kỷ niệm lại trở về trong trí tôi, từ hồi chưa có con tàu cứu nạn và người ta phải liều mạng đi ra trên những chiếc thuyền thường, bị sóng ném từng đợt lên bờ. Hoặc là họ bất lực đứng nhìn tai họa của người khác.

Erik và Ellen nhìn nhau. Họ còn phải học hỏi nhiều mới hiểu được thế nào là sống trên đảo. Họ cũng đã phần nào cảm thấy nỗi sợ bão tố, nhưng chưa bao giờ nghĩ đến bản thân họ, cũng không hề nghĩ đến những người khác phải đi ra khơi và còn cô đơn hơn họ nhiều, vì đối với những người này thì mảnh đất bé nhỏ này là sự cứu nguy hay là cái chết. Hòn đảo rải những mỏm đá ngầm ra xa hàng dặm. Người ta đã nói với họ rằng hòn đảo này giữa biển Bắc là nỗi kinh hoàng của các thủy thủ toàn thế giới, nhưng trong hai năm họ sống ở đây thì chỉ có một vụ đắm tàu và mọi thủy thủ đều được cứu sống. Erik đã được mời đến săn sóc cho một người trong số họ, một người Nga bị thương ở háng và vai. Nhưng hồi đó thì hòn đảo có quan trọng gì đối với anh đâu! Anh còn phải thăm khám cho bao nhiêu khách nữa nếu biển làm tăng thêm nạn nhân?

- Trong mười năm cuối của thế kỷ qua – cụ Bek nói – có hơn ba mươi vụ đắm tàu, hẳn là ông đã thấy được người dân đảo trong trường hợp đó, ông đã mong được là người của họ và ông đã hiểu được ước muốn của chúng tôi, của mamzelle Camrath và của tôi, là được quyền làm công dân ở đây. Cụ cười, Erik thâm mật gật đầu với cụ.

- Nhưng cụ hãy kể tiếp chuyện của Eberhard đi – anh nói với giọng khẩn khoản – cụ kể cho chúng tôi về lúc anh ấy đến Copenhagen.

- Tôi cảm thấy rất lo lắng hôm nay – ông già nói – và tôi chắc là tôi không nhầm đâu, tôi đã sống quá lâu trên đảo này rồi, tôi biết rõ là khi nào thì tai họa uy hiếp bờ biển của nó, nhưng ông bà muốn nghe thì cũng xin kể tiếp chuyện của tôi cho đến khi nào tôi bị ngắt lại.

Cụ ngồi, những chiếc gối chèn kỹ sau lưng và cụ nhìn qua cửa sổ mở ra hoang mạc, thấy những cột cát như những con ma dài chệnh choạng phía trên những mỏm đá đỏ và những đồng đá lửa. Những cột đó ngã xuống, đứng lên, bị đẩy ra xa hơn. Có lúc, trong một tia mặt trời, cái đèn pha hiện ra để rồi lại biến mất. Những bóng ma đi tuần tra xung quanh ngôi nhà cuối cùng của đảo. Chúng cố tắt nguồn ánh sáng đang chỉ cho thủy thủ con đường phải theo, và chú ý chạy vào mũi đất để tìm mồi. tiếng súng âm âm xung quanh túp lều, những bức tường đồ nát thờ dài. Từ cửa sổ con của tầng áp mái phát ra những lời cảnh báo như những tiếng gọi, những chiếc đồng hồ lại vang lên tiếng tích tắc đều đặn và thủy chung của nó. Không hề biết tí gì về nỗi kinh hoàng trong giờ phút hiện tại, nó vẫn đi theo đường đi đến vĩnh hằng.

Cụ Bek xua tay trong một cử chỉ bất lực:

- Không, tôi không thể tiếp tục chuyện kể của tôi hôm nay, hãy thứ lỗi cho tôi. Tôi tiên cảm một tai hoạ, tôi đoán là có chuyện thê thảm ngoài kia, trên biển. Lắng nghe gió thổi kia.

- Đúng đấy – Erik nói.

Và anh đứng dậy đi ra cửa sổ. con lốc cát vừa đập vào đây, trong khi đó, dưới áp lực không khí, khói và những ngọn lửa nhảy ra ngoài lò và tiếng sóng gầm rú càng inh ỏi.

- Dù sao, hai năm nay có những trận bão cũng mạnh như thế, nhưng lại không có đắm tàu.

- Quả đúng là không phải thời tiết – cụ Bek nói, đôi mắt xanh lơ của cụ quay về cửa sổ - nhưng khi người ta sống lâu năm như tôi giữa biển, cơ thể đoán trước được một cách mơ hồ tai hoạ, như trường hợp ở các loài vật, Jacobus Uz...nhưng ông bà không biết ông ấy là ai, cả những người trẻ tuổi cũng không biết ông ấy đâu, dù rằng đã có ngày cái tên này đồng nghĩa với tên của hòn đảo. Ông ấy lẽ ra đã có thể mua tất cả, kể cả ông hoàng, bằng tiền của ông ấy, và ông ấy thực tế đã mua chúng tôi bằng cuộc sống của ông ấy giữa chúng ta, Jacobus luôn luôn đoán được sự đắm tàu sắp tới và ông đau khổ về chuyện đó hơn tất cả, bởi vì, như ông ấy nói, nếu chúng tôi không có ở đây, đe dọa các tàu bè thì chúng đã có thể đi qua hãnh diện, nhưng để cho dải đất nghèo khổ này có thể mang chúng ta, thì những người con của những bến bờ sướng hơn phải chết. Và ông nguyện rửa hòn đảo. Uz không phải sinh ra để sống ở đây, nhưng ông ta đã phải ở lại đây cho đến khi chết. Biển, sau khi đã ngăn cách ông ta khỏi cái thế giới mà lẽ ra ông phải thực hiện hoạt động con người của ông. Lúc đó ông giấu đầu vào hai bàn tay, run lên vì hoảng sợ trước những cơn sóng mà ông phải trông thấy hàng ngày, ở đâu ông đi tới. Ông đang nằm ngủ ở nghĩa trang giữa bao người đến từ phía nam và phía bắc mà biển đã lấy mất cuộc sống, cũng như nó đã lấy đi của ông. Nhưng tôi tưởng tượng thấy ông ta nhận thức được khi biển phô trương sức mạnh, cũng như là những người ở quanh ông, những nạn nhân của sóng như ông ấy.

Tôi nói càn rồi, nhưng hãy tin tôi, tôi bị lây nhiễm tinh thần lo lắng của Jacobus. Hồi trẻ tôi đã trông thấy ông ta chạy trong những gian nhà tối tăm của bố mẹ ông, cánh tay giơ ra, mắt nhìn lên những chiếc xà nặng trên trần, vừa khóc than vừa vịn cái thân gù lùn tịt. Tôi biết rõ là sự nhạy cảm bệnh hoạn của Uz đã gây ra những lầm lạc đó, không phải chúng tôi đã cấm hòn đảo của chúng tôi ở giữa biển, tôi nghĩ rằng không ai làm việc đó cả. chúng tôi không chịu trách nhiệm về những tảng đá và mỏm đá ngầm ấy. Nhưng trái lại có thể là chúng được đặt ở đây để biểu tượng sự giúp đỡ của chúng tôi hay ít ra cũng để che chở nhẹ nhàng cho chúng tôi trên mảnh đất bé nhỏ này giữa cái độ sâu thù địch. Biết bao lần rồi trước khi thiết lập ra cái tàu đèn

pha và trạm cứu nạn, tôi đã thức dậy trong đêm, lòng buồn phiền lo lắng? Hay còn nữa, trong cái trường học nhỏ bé của tôi mà tôi cảm thấy luôn luôn có nước ngập dâng sau mình và cũng như Jacobus tôi nghĩ rằng mình có tội khi được bình yên ở ngoài tai nạn. Biển thật là khủng khiếp, nó chẳng bao giờ đem lại cái gì cả.

Ông già cúi người về phía trước. Bản thân cụ giữa đồng chấn lòng, trong căn phòng nửa tối, nửa sáng, làn tóc bạc trắng như bột nước cũng giống như một người chết đuối đến để báo tin những tai nạn khác. Ngay lúc đó, mọi người rung mình. Những âm thanh ngắn, nhanh và giật, tan mất trong tiếng sóng rồi lại phát ra.

- Đấy! Đấy! – cụ Bek kêu.

Cánh cửa trước mở mạnh và mamzelle Camrath bị ném vào trong phòng, hai bàn tay đỡ đầu, vấy phần phật quanh đùi, bão ập vào nhà làm rung kính cửa, Erik lao ra cửa, đóng nó lại rất khó nhọc\

- Mamzelle Camrath, ở đâu thế? – cụ Bek kêu.

- Ở Stensore – cô rên rỉ - cầu Chúa cứu giúp.

Có một lúc im lặng, họ chỉ còn nghe tiếng chuông chống chọi với cơn bão.

- Greis Turner đã trông thấy nó và đã chạy đến điện thoại, đó là thuyền hai buồng dọc lớn, chắc thế.

- Họ đã kia rồi, cầu Chúa che chở cho họ.

Cụ Bek chỉ về cái cửa sổ mở ra phía tây, giọng run run.

Như một đám mây bão, người và phương tiện cứu nạn xồng xộc lướt qua dưới bầu trời âm u và chuyển động, tám con ngựa chồm lên ngược gió, tàu cứu nạn màu đỏ lửa, mười một ngư dân mang dây thừng, thắt lưng cứu hộ và đèn lồng chạy hồi hả! Cát xoáy dâng sau họ.

- Ô lạy Chúa! – cụ Bek rên rỉ - tôi đã trông thấy cảnh này luôn, nhất là vào ban đêm, khi bỗng nhiên một tiếng kêu trên đảo xé tan im lặng. một con tàu ở các mỏm đá ngầm tây bắc, ở các đá ngầm phía đông, ở Stensore! Và bao nhiêu quan tài, tôi không theo dõi!

- Thừa cụ Bek thân mến – Lange cúi xuống, cảm động, về phía cụ già- Không nên nhập tâm chuyện đó, hãy nhớ là cụ đang ốm.

- Phải nhập tâm chứ! Ồ, ông Lange, ông có thể chịu đựng được cái đó không nào?

Erik lắc đầu, rồi nhìn Ellen. Cúi về phía cửa sổ, hơi thở ngắt quãng, cô áp khăn mùi xoa vào môi, một bàn tay ép lên ngực. Mamzelle Camrath đứng giữa nhà, đầu cúi xuống, hai bàn tay chấp lại, cô im lặng cầu nguyện.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu
Chương 9

Đêm đó, khi Erik và Ellen, cuối cùng về đến nhà, đã nằm cạnh nhau, im lặng hai mắt mở to, lắng tai nghe tiếng gầm giận dữ của biển và bão, họ cảm thấy hơn bao giờ hết, họ đang ở trên hòn đảo bị bỏ quên này và rất cảm ơn đối với đồng đá khốn khổ này. Họ cũng có trái tim đầy đau khổ của Jacobus Uz, mà cụ Bek đã nói với họ.

Bỗng nhiên, tiếng chuông điện thoại vang lên. Erik dậy mò mẫm trong bóng tối và Ellen cúi xuống thành giường lắng nghe. Tiếng nói vẳng đến tai Erik trong luồng gió buốt lạnh thổi rung cây nến, và tiếng sóng gầm không ngớt át cả tiếng nói:

- Vâng, vâng đến ngay. Anh đã đưa họ vào bờ rồi chứ? tất cả à? Ô! Chỉ có năm... và họ...Thuyền trưởng?... Hai đứa... Vâng, tôi đến ngay. Ông ấy đã ở đây trong tám giờ rồi à? Vâng, tôi đến đó.

Tiếng chuông báo kết thúc liên lạc, Erik chạy vào chỗ vợ anh.

- Ô, Erik!

Cô oà khóc dưới chăn.

- Hãy nghĩ đến những người khốn khổ kia, họ đã lỡ lại tám tiếng vật lộn với biển, trong lúc chúng ta... và chỉ năm người thoát nạn.

Erik chộp các dụng cụ cùng hộp bông băng trong tủ kính và quay nhanh sang phía vợ trước ngọn lửa rung rinh của cây nến.

- Vâng, những người cứu nạn đã làm việc suốt tám tiếng, bị ném liên tục vào bờ, lại dốc sức vờn ra biển. Họ đã nhìn thấy những người khác ở ngoài kia, trên các cột buồm rơi xuống, sau thủy thủ này đến thủy thủ khác, và biến mất trong các cơn sóng như những con ruồi cho đến khi chỉ còn năm người, và những người đó, họ đã đưa vào bờ, họ đã làm nhiệm vụ của họ, anh cũng đi làm nhiệm vụ của anh đây, bây giờ anh cảm thấy anh có nhiệm vụ phải thực hiện trên hòn đảo này.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu
Phần II - Chương 1

Erik và Ellen đi vào con đường lổm. Về âm u của hoang mạc bao bọc những

sườn dốc màu lục của quả đồi như trườn lên đó một tấm da thú, bầu trời xa run rẩy trong sương mù phớt xanh.

- Ai mà chẳng bảo đây là tiết trời tháng tám?

Hết hơi, Ellen cởi áo khoác ra.

- Em có thể hình dung chính là đảo này hai hôm trước không?

Họ quay lại để nhìn đầm lầy mà sắc xanh cây lá sáng nắng trải ra như một chiếc lá sồi rũNG VỚI một giọt sương mai của cái ao nhỏ giữa các độ cao có nhiều đường lượn sóng. Con đường ngoằn ngoèo, trắng và lồi giữa những mảnh đất canh tác leo mãi lên tận các đỉnh núi xa xanh um. Những vách đá lấp lánh như bạc và trong vết nứt, giữa dãy đồi loé lên những làn sóng xanh.

- Yên tĩnh quá – Ellen nói – người ta tưởng như đang ở tận sâu trong đất màu mỡ hay ở tận đáy đài hoa. Anh xem này, không một ngọn cỏ nào động đây.

Cô gơ lên một cuộng cỏ lưỡi bà. Erik đồng ý về mặt môi.

- Hoà bình này mua được thật khó khăn, chúng ta sẽ hưởng được bao lâu đây?

- Anh bạn đáng thương ơi – cô nói, vừa nhẹ nhàng đặt bàn tay lớn trắng trẻo lên trán chồng – anh đã phải làm một công việc vất vả trong suốt ba ngày nay.

- Nếu ít ra sự đau khổ ngừng lại với cơn bão, nhưng thuyền trưởng... có thể phải cắt cụt chân kia.

- Không, không nên đâu, ông ta đã đau đớn quá rồi và anh đã đến kịp thời kia mà.

- Chúng ta sẽ xem – Lange thì thầm – Ô! Ellen, hoang mạc đẹp quá! Trên diện tích xám nhạt, những bụi bách xù tạo ra những vệt bóng. Những con thỏ rừng nhẹ nhàng đứng dừng trên các mỏm đá và cồn cát, rồi chạy thẳng trên khoảng rộng vô tận rải rác những đảo nhỏ địa y. Những chim mòng rạch bầu trời bằng những đường bay. Màu xanh của biển đóng khung tất cả đồng bằng với màu nâu vàng rực. Trận bão với rồi đã để lại những lớp bọt. Những bức tường nhà nguyện ông hoàng hoà lẫn vào trong vẻ âm u. Ngôi nhà cũng như những túp lều lụp xụp mái rạ hình như đang nằm nghỉ như những con vật mệt mỏi dưới sự che chở âm thầm của gác chuông.

- Trời mát mẻ và thanh khiết, chắc là trời cũng như thế này trên mặt đất trước khi loài người xuất hiện – Ellen thở dài – Nhưng khi em nghĩ đến tất cả những người đã tuột thẳng đứng ở kia ... - Và cô đưa ngón tay chỉ về hướng nam, phía Stensore.

Tận đằng xa, sau hàng thẳng màu lục sẫm của những quả đồi người ta trông thấy chính giữa làn nước xanh lơ sáng chói, những cột buồm nghiêng ngả của thuyền Californie, giống như những que diêm bé tí.

- Ellen.

Anh bắt tay cô thật mạnh.

- Chúng ta sống, nhưng chúng ta có biết là trong bao lâu không? Hãy nghĩ đến Jacobus Uz, có ngày ông ta đã từng là chúa tể của cả đảo này mà không còn ai nhớ đến ông ta nữa. Mọi thứ không hề thay đổi ở đây từ khi xuất hiện con người.

Cô nhìn anh.

- Sao anh nói chuyện đó tin chắc thế?

- Ừ, bởi vì anh tin rằng anh đang tìm thấy lại những dấu đầu tiên của con người trên đảo, nhưng thôi em hãy vào nhà cụ Bek trước đi, anh đi thăm thuyền trưởng rồi anh sẽ theo em ngay.

Mùi thơm cây vòi vòi trên bệ cửa sổ giống như ánh nắng bốc hương và quả lắc đồng hồ ném tia sáng của nó lên giấy dán tường vẽ hoa. Gỗ tùng của mặt bàn soi lên như một chiếc gương kính của những chiếc bát đất nhỏ đặt xung quanh ấm cà phê bốc hơi. Cụ Bek tựa trên gối, mỉm cười với Ellen.

Mamzelle Camrath cúi người, nửa quay đi, rồi cúi hơn xuống miếng đường phèn và bánh mì đen.

- Bà đến đúng lúc cùng chúng tôi uống cà phê, xin mời bà một chén – ông già nói, vừa đặt bàn tay trong suốt lên trán – Thế là sự yên tĩnh đã trở lại, chẳng biết sẽ được bao lâu. Ôi, mấy ngày hôm nay sao nặng nề thế! Bà có biết người nào bị ném vào bãi đá không?

- Chưa có đâu, thưa cụ giáo – một người dân đảo ngồi trên chiếc hòm gần cửa vào bếp nhanh nhẩu nói. Trên nắp hòm, một vòng giọt máu nằm vây quanh một cây thánh giá như một tràng hoa hồng – Cụ đã biết là ít khi họ đến bờ biển chúng ta lắm. Họ bị cuốn về Falkenborg ở Thụy Điển, nếu không thì bị chìm thẳng xuống đáy biển.

Ellen ngược mắt lên. Người đàn ông đứng là kiểu người ở đây. Khuôn mặt gầy, xanh xao đóng khung trong mớ tóc đen trông hơi ngô ngố, lông mày hầu như chụm lại trên đôi mắt nâu. Đôi môi vẽ nên một đường máu trong chòm râu đen hình rẽ quạt dài đến tận ngực. Mắt nhấp nháy trước ánh sáng, và người đàn ông nắm chặt hai bàn tay xương xẩu cái nọ trong cái kia. Phải chăng từ trong lòng một hang động tiền sử, khuôn mặt trắng bệch này đang nhìn ta bằng cái nhìn đầy bí hiểm? Trên đó người ta có đọc được lịch sử mập mờ của những người bị mắc cạn một ngày kia ở trên đảo rồi bị vĩnh viễn tách rời khỏi anh em đồng bào của mình? Họ mất tích giữa biển khơi, biển gợn giữ cái còn lại cuối cùng này của những người dân nguyên thủy của đất nước đã bị tiêu diệt trên lục địa bởi những bộ lạc xâm lược mới. Như thế cái phần bé nhỏ này của Đan Mạch, trên hòn đảo nhỏ cô đơn khốn khổ này nòi giống của họ vẫn còn thuần chủng, được để riêng ra bởi cái hàng rào vĩnh viễn của những ngọn sóng.

Thiếu phụ nhắm mắt lại, nhưng trong trí cô nhìn thấy những công trình đá

lửa của hoang mạc, dãy dài các công xưởng của thời kỳ đồ đá chạy qua từ bắc xuống nam đảo, giống như những bộ xương của những con vật khổng lồ nửa vùi xuống cát. Người ta có nghe được ở kia tiếng đập của đá vào đá? Những năm tháng mà cụ Bek đã trải qua trên đảo tương đương với cái gì so với sự trường tồn của nòi giống này, trường tồn trong quá khứ và trong tương lai? Erik đã có lý, người ta tìm thấy ở đây những dấu vết nguyên lai.

- Tôi đã mệt mỏi – cụ Bek nói sau khi Erik đến, sau khi uống cà phê và người khách lạ ra đi – Mệt mỏi như Uz trong thời của ông ta, mỗi khi ở trong một góc phòng lớn, ông ta co rúm người lại, kiệt quệ vì lo sợ những giờ giông bão, ở trên một chiếc ghế bành khổng lồ thừa hưởng của những tổ tiên khổng lồ. Một ánh nắng êm dịu lại lấp lánh và chúng ta quên mau những người chết, chúng ta rồi đây cũng chết.

- Cụ hãy kể cho chúng tôi về những người chết đó – Erik nói – để chúng tôi có thể cảm ơn mặt trời đã chiếu sáng, biển đã êm dịu và xanh ngắt. Một sợi cây trinh nữ bay trước kính, lấp lánh rồi biến mất.

- Khoảng đời dài nhất của cái thời gian lâu nhất không vượt quá độ dài của sợi tơ nhện này đâu – Cụ Bek nói tiếp – Một hôm trong thời niên thiếu tôi đã tin rằng những đau khổ của tôi không bao giờ chấm dứt thế mà, ông thấy không, nó đã hết từ lâu rồi. Nhưng nếu không có cái chết, thì con người cũng buộc phải đặt ra nó, cuộc sống vĩnh hằng cũng thế thôi.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 2

Cụ Bek nói tiếp, mặt ngoảnh về phía những bông hoa và mặt trời, hai tay chấp lại trên những trang giấy.

Chẳng bao giờ có ai biết được Eberhard đi được từ Gutach đến Copenhagen như thế nào đâu. Ta có thể tưởng tượng anh ta đã phải chịu đói, chịu khổ, chịu vất vả như thế nào trong chuyến đi, khi hình dung ra việc đi lại của thời ấy và cái túi tiền nhẹ tênh của Eberhard. Cũng nên nghĩ rằng anh không bao giờ thờ ơ đi qua một sinh linh bị ruồng bỏ trên đường đi. Nhưng rồi một buổi chiều tháng mười một rầu rĩ, cái thân hình cao to với khuôn mặt khắc khổ, đầy đặn, đôi mắt sắc, xuất hiện với cái hòm và túi dết ở ngưỡng cửa cái nhà ở phố Pistolet. Anh mặc áo có đuôi dài, gilê chéo có hai hàng cúc, quần qui lốt ngắn có vòng khuyên sắt tây và tất len đen.

Nghe có bước chân đàn ông, các cô gái chạy vội ra cửa riêng của mình, đã đánh mắt tiếng cười và buông thõng những bàn tay đang ôm những bó hoa đầy bụi bặm. Bà chủ nhà, bà Gundlachsen, áp úng mấy lời chào mừng. Mắt Eberhard không hề bối rối nhìn vào tất cả các cô, rồi anh bỏ cái hòm nặng xuống, chẳng phải anh đã đi tới đích ư? Và với giọng Đức nghiêm nghị anh nói mấy tiếng độc nhất anh học được trên boong tàu Semange ở Eckernförde:

- Tôi đến để đưa em gái Christine của tôi về.

Một sự run rẩy lướt trên khuôn mặt ở các cửa, những khuôn mặt béo ị, đỏ chót, những khuôn mặt hốc hác, bị phấn.

Em gái tôi! Tất cả các cô gái này trong lúc đó đều nhớ đến một cái phòng nhỏ, một người cha, một người anh và hy vọng giải thoát của họ mà các cô đã quên đi từ lâu. Các cô cũng đã tin rằng có một ngày, ai đó sẽ xuất hiện trước ngưỡng cửa và nói: tôi đến để tìm em gái tôi.

Cái hình bóng mục sư cao lớn của Eberhard có lẽ cũng đã gọi ra cho họ một nhà thuyết giáo hoặc một nhân vật được tôn trọng khác của xứ đạo mà trước mặt họ các cô phải cúi mình trong lúc đang chạy trên các nẻo đường của truông. Các cô thấy ở ông ta Đức Chúa mà các cô đã học trong các bài giảng của Pontoppidan.

Bà Gundlachsen cúi chào và ngập ngừng hỏi:

- Có phải ngài muốn nói đến cô gái người Đức không ạ?

Eberhard trả lời bằng giọng khàn khàn rằng đúng là cô gái người Đức. Bà Gundlachsen, vẫn còn ngập ngừng yêu cầu anh đi theo bà. Khi Eberhard vào trong căn phòng tối tăm với những bức tường ẩm chảy nước, trần bục, có cái giường đã tháo ra ở đằng sau những bức màn bằng lụa hoa và anh nhìn thấy Christine trên cái hòm cạnh cửa sổ trông ra một bức tường bẩn thỉu và thâm đen vì nước mưa, anh cảm thấy lão đảo lần đầu tiên. Lần đầu tiên tiếng kêu này buột ra khỏi môi một tín đồ: Chúa ơi! Chúa ơi! Tại sao Người ruồng bỏ con?

Anh đổ sụp xuống chiếc ghế khập khiễng, giấu mặt vào hai bàn tay và khóc nức nở rất to. Bởi vì người đàn bà anh trông thấy kia phồng lên như chiếc chăn lông trong chiếc áo màu hồng, trán bao bọc bởi những mớ tóc ướt vì đổ mồ hôi, đôi mắt buồn tẻ và vô cảm, hai bàn tay béo đeo đầy nhẫn, đặt trên đầu gối, người đàn bà này anh sẽ không đưa đi theo. Cô ấy không biết gì nữa về Gutach, về ngôi nhà nhỏ ở thung lũng. Đó không còn là một con người nữa, mà là một con vật. Đó là những gì mười hai năm của thành phố lớn đã

làm cho bé Christine.

Cô không nhích khỏi chiếc hòm của cô, nhưng khi cô nghe Eberhard khóc thì góc miệng của cô sệ xuống, mí mắt nặng nề đập đập và những giọt lệ to lăn trên đôi má bự phần. Cô khóc to với những tiếng kêu như gà mái, vừa lắc lư cái đầu to, vừa nhỏ dãi trên đôi vú trần với những vết thương lộ lộ.

Bà Gundlachsen và các cô gái ép vào nhau im lặng ở cửa. Đầu cúi xuống, cánh tay vòng lại, họ ở đấy, thở dài và hít mạnh, lắc lư từ phải sang trái như một đàn cừ nháo nhác nghe thấy người chẵn cừ đến. Lúc bấy giờ Eberhard đứng thẳng dậy, mớ tóc bù xù của anh quét cả những mạng nhện trên trần, anh chìa hai bàn tay ra và kêu to giọng "Chúa ơi, Người rủ lòng thương!"

Rồi anh quỳ thụp xuống và cầu nguyện cho sự cứu vớt những cô gái khôn khổ đó. Anh cầu xin Chúa cho anh sức mạnh để diu dắt họ, để chịu đựng sống trong nhà này cho đến khi Christine rời bỏ nó được và cả cái nhà này cũng biến khỏi mặt đất. Các cô gái khóc lên xung quanh anh. Christine hít mạnh và lắc lư trên chiếc hòm của cô. Các cô gái khôn khổ tiên cảm cái điều mà các cô không hiểu gì cả.

Ông chồng bà Gundlachsen nhập vào trong nhóm. Ông bỏ bộ tóc giả bé nhỏ ra để lau cái đầu đang ra mồ hôi, cười với vẻ sợ sệt và cởi cúc áo vét canmúc.

Eberhard đã đi vào căn nhà ở phố Pistolet như vậy đấy. Anh ở lại đó trong hai mươi ba năm sau, dưới tầng áp mái, trong một gian phòng tồi tàn nhìn xuống cái mái đỏ cấu bần của nhà bên cạnh, xuống những ống khói đang đung đưa, những tấm kính vỡ, một cái máng mà nước bắn bắn lên tận cửa sổ của anh, và nhìn ra một mảnh trời mong manh luôn luôn tối sầm vì khói và mây. Những con chuột nô đùa bên cánh cửa mục, tiếng kêu gào của những người say rượu, tiếng cãi nhau và những cuộc ẩu đả bằng gậy, bằng ghế, tiếng chai vỡ loảng xoảng đưa đến tai anh. Anh nghe cả tiếng người gác đêm hát các điệp khúc của mình.

Ngồi thẳng đứng và cứng đờ trước cái cửa sổ thấp trong bộ trang phục màu hạt dẻ có đuôi áo, áo gilê chéo và đôi ghệt, mái tóc cứng có đuôi gáy, anh trao đổi thư tín hoặc dịch các hợp đồng của một nhà buôn Đức, hoặc chữa bài văn cho học trò mà anh đã tập hợp được. Lông mày anh dựng như bụi rậm trên trán. Hai nếp nhăn lớn chạy từ lỗ mũi lõ xuống cái miệng khô khan. Chiếc ngòi bút lông ngỗng chạy trên những tờ giấy lớn kẻ hàng xanh. Xung quanh anh, trên giấy dán tường ẩm, anh treo các tranh khắc sùng đạo, những điều văn với cha mẹ và bằng tốt nghiệp đại học Halle. Những cuốn sách của anh xếp trên giá phía trên chiếc tủ nhỏ bằng gỗ tùng. Tất cả những quyển sách đó hiện nay ở trên tủ và các ngăn của tôi. Bề ngoài thì Eberhard không nghe gì hết, không thấy gì hết, anh trung thực viết, không để chệch hướng công việc của mình. Tuy nhiên chẳng có gì tuyệt khỏi anh. Không còn những tiếng cười, những chuyện eo sèo của các cô gái với các nhân tình khi anh vừa xuống cầu thang vừa nghiêng răng để co họ những bài học. Không còn những lời nói thô tục và ồn ào ở ngoài phố vào buổi tối khi anh đi về sau buổi họp cầu nguyện trong phòng của cộng đồng Herrenhut. Anh cũng nhận thấy những con mắt đắm lệ và sợ hãi của các cô gái, tiếng khóc và tiếng rên của họ vào chủ nhật, mỗi khi các cánh cửa đóng lại với khách chơi trong một hoặc hai giờ (điều mà đối với uy tín thanh bình của anh người ta không cưỡng lại, đã đạt được), anh giảng Kinh Thánh cho các khách trọ của bà Gundlachsen. Ngọn lửa lớp đóp của cây nến chiếu sáng các nữ thánh giả. Christine ngồi trong đám các cô gái đó là u mê và sa ngã hơn cả. Eberhard đọc cho họ nghe vườn thiên đường của Arudl và những suy tư về dục vọng của Rambach. Anh giảng giải Kinh Thánh cho họ, trước tiên anh đọc nguyên bản tiếng Hy Lạp để cho họ nghe chính tiếng của Chúa Jesus. Rồi anh dịch ra bằng tiếng Đan Mạch lưng còng của mình. Anh hát cho họ nghe lời của tuyển tập Halle, của nhạc Freylinghausen. Họ không hiểu tiếng Đức nhưng rất nhạy cảm với những chỗ nhấn làm xúc động trái tim họ và họ đòi hỏi những bản tiếng Đức khi Eberhard muốn hát các bài thánh ca Đan Mạch.

Eberhard cầu nguyện cho đàn cừu bé nhỏ của mình, khuôn mặt gầy và nghiêm khắc hướng lên trần nhà thấp trệt. Anh xin Chúa cứu thế làm lại sự hy sinh trên giá chữ thập cho mỗi con chiên lạc đường và mặc lại cho họ những đồ trang sức trắng của các bà vợ của Người. Thực ra, một vài người trong số các cô gái đã đứng lên được. Họ đã từ biệt nhà chứa và trở lại cuộc sống bình thường. Nhưng cô gái mà vì cô ta anh đã phải cất công cả một chuyến đi dài thì không thể cứu vớt được. Cô đã bị buộc chặt với nghề của

mình như một con vật với cái ách của nó. Đành thở dài khi anh nhìn mình, cô bất lực không thể nào hiểu và làm theo lời anh. Cô khóc khi nhìn những bức tranh sùng đạo của Eberhard treo trên tường và những đoạn thơ điệu cha mẹ cô. Cô run rẩy khi anh đặt lên cô một bàn tay nài nỉ và gọi lên sự phán xét của Chúa và thời hạn ban cho con người. Không ai có quyền lơ là với cái *Terminus peremptorius salutis*, sau đó sẽ đến sự đầy địa ngục vĩnh viễn. Christine thốn thức khi anh nhắc đến Gutach, những khu rừng tùng, cây anh đào nở hoa cạnh cửa và những quả hồ đào có mùi táo. Một hôm anh đã đưa cô đi ra xa ngôi nhà phố Pistolet để tìm một chỗ ở khác. Một lần khác anh đã có được cơ hội đưa cô xuống một con tàu đi Kiel, nhưng anh chỉ vừa quay lưng đi là cô đã chuồn mất và sau khi buông tiếng thở dài, cầm lại cây gậy, với bước chân nặng nề, cứng đờ, anh đã phải quay trở về đuổi theo em gái. Cuối cùng anh đành bỏ mọi hy vọng ra đi, cúi đầu và ở lại phố Pistolet để giúp đỡ Christine khi đến giờ của Chúa, khi tâm hồn con người trong trắng không vết gợn xuất hiện lại trên vũng bùn tội lỗi. Eberhard không tin vào cái *Terminus* mà người ta đã nói với anh ở trường đại học Halle. Sau khi quỳ nhiều trước vị Chúa không thể cảm nhận được này anh nhận thấy người anh hùng máu me đã phá cửa địa ngục, đã thăm ngay cả bóng tối của những người hiện đang sống mà đối với họ chẳng tồn tại một *terminus salutis* nào cả.

Trong những đêm đông dài anh đã quỳ trên sàn lạnh của gian gác nhỏ, đầu cúi áp xuống gỗ cứng thành giường trong lúc những tiếng cười vì say khướt của em gái và các cô gái khác lẫn vào những tiếng kêu dâm dăng của bọn đàn ông. Anh chiến đấu cùng với Chúa Trời, lê từ mép áo đến đầu gối, đến ngực, đến tim anh để cứu vớt Christine, không phải trong cuộc đời sắp kết thúc này, mà vì một cuộc đời khác, cuộc đời vĩnh hằng.

Chỉ buổi sáng, khi sự yên lặng lập lại ở các tầng dưới, Eberhard rời vào được một giấc ngủ ngắn, đầy run rẩy. Lúc bấy giờ anh trông thấy bố mẹ anh cầm tay nhau như những ngày hè sáng chủ nhật họ đi lễ dưới những cây hồ đào. Họ hứa với anh một phần thưởng tức thì nếu anh đứng vững, vẫy chào anh và biến mất.

Nhưng đối với các thánh thì ngàn năm cũng chỉ như một ngày. Thời gian không trôi nhanh với Eberhard, người vẫn ở mãi phố Pistolet.

Tuy nhiên, một hôm anh đã tìm được một người em đến giúp anh trong cuộc chiến đấu để cứu vớt em gái anh, tất cả các em gái anh và trong những cố gắng để đưa họ về nhà của Cha. Một tia sáng mặt trời chiếu vào các căn gác thiếu nắng. Chúa Trời gửi đến cho Eberhard một sứ giả đặc biệt. Đó là một đứa trẻ, một đứa trẻ sinh ra trong cái nhà mà sự trừng phạt và phúc lành do Chúa phán truyền cho một đôi trai gái đã bị quên đi. Một đứa trẻ sẽ khóc trong nơi ở những gái điếm. Nó đã làm cái mà Eberhard đã không bao giờ làm được, nó hé mở cửa cho hoà bình vĩnh cửu. Tôi đã là đứa trẻ được ý Trời chọn lựa ấy, mà không hề xứng đáng tí nào.

Cụ Bek im lặng một lát và một biểu hiện cao cả loé sáng nét mặt của cụ, rồi cụ nói tiếp.

Một hôm một trong số cô gái trở về cùng với một cô gái lạ. Đó là một tối trời mưa âm u của tháng mười một, chín năm, theo đúng từng ngày sau ngày Eberhard đến nhà ấy. Nước nhỏ giọt từ quần áo của cô khách lạ. Cô lão đảo như trong cơn say. Các cô gái tụ tập xung quanh cô, và trong ngọn lửa cây nến của bà Gundlachsen họ nhận thấy rằng cô ta rất trẻ và điều ngạc nhiên hơn hết là quần áo bê bết bùn và rách bươm của cô là bằng vải tốt. Mặt và bàn tay trắng trẻo đang run vì sốt cho thấy đó là một quý bà thượng lưu.

Khi cô gái dẫn cô này tới cởi chiếc áo khoác ướt ra cho cô, tất cả các cô khác đều buông tiếng thở dài, vóc dáng chỉ rõ lý do việc cô đến đây. Tôi dẫn cô ấy đến – cô bạn của cô ấy nói rất khẽ - vì tôi thấy cô ấy ở dưới cảng. cô ấy đã xuống thang của bể tắm và ngắm nhìn nước. Đó là con gái của một mục sư.

Bà Gundlachsen xoa mũi rồi với một dấu hiệu miễn cưỡng, thôi, phải cho cô ấy trú trong lúc này. Trong một buổi tối như thế một giáo dân không đuổi ra đường một cô gái ở hoàn cảnh này.

Nhưng Christine theo thói quen ngồi xa phía sau những người khác trên một chiếc hòm, lắc lư từ phải sang trái, bỗng ngừng lại khi cô gái cầm tay người lạ dẫn vào phòng cô phía trên cùng cầu thang. Cô ngồi nhìn xoáy vào người

kia, ngهن nửa người dậy và theo dõi bằng một cái nhìn mỗi lúc một cố định hơn. Cuối cùng cô oà khóc nức nở.

Tôi chào đời một tuần lễ sau trong cái phòng nhỏ của nhà chứa gái mãi dâm. Tất cả các cô gái tụ tập lại sau cửa, chấp hai tay, không dám thở, lắng nghe những tiếng kêu phát ra từ căn phòng. Nhiều người trong số các cô hình như bị lạc đi trong sự chiêm ngưỡng một cái gì đặt ở rất xa, họ rên rỉ rất khẽ. Những cô khác tựa vào nhau, vặn bản tay.

Khi Eberhard trở về, quần áo nặng vì nước mưa, anh tưởng rằng họ lắng nghe một bài giảng đạo. Nhưng lúc bấy giờ, hai tay nắm những cái đuôi áo, mắt cúi xuống, anh thấy Christine toả sáng như trong cơn điên.

- Eberhard, Eberhard, - cô rên rỉ - Anh coi chừng để lần nay người ta không lấy nó mất của em – Và đây là bỗng nhiên cô ấy nói thổ ngữ quê nhà. Eberhard run run cúi xuống phía cô, hai cánh tay giang ra:

- Chúa ơi, cuối cùng em chấp thuận anh rồi ư?

Nhưng những tiếng kêu ngưng lại ở trong phòng và sau đó một lát bà Gundlachsen mở cửa. Mọi cái nhìn liền quay về phía bà, bà lau mặt mồ hôi và nói:

- Vâng, đứa bé sống nhưng mẹ nó thì chết.

Những cái đầu cúi xuống và những giọng nói khàn khàn thì ào ào:

- Chúng tôi có thể xem nó không?

Bà Gundlachsen ngáp ngừng một lúc rồi gật đầu với vẻ long trọng và các cô gái hai người một đi qua ngưỡng cửa tối đen ra căn phòng sáng ở đầu hành lang. Christine đứng lên, anh dừng:

- Dẫn em đến bên nó. Eberhard, để em có thể ôm nó áp vào ngực của em.

Eberhard đỡ cô, đưa cô vào và khi cảm thấy trong tay mình bàn tay của Christine hình như lại sống trở lại nhưng run lên vì sốt, anh cầu Trời tha thứ cho anh nếu trong một giây lát sự ra đời này đã làm anh nhớ đến một sự ra đời khác diễn ra trong một túp lều tồi tàn giữa những người nghèo khổ lâu, lâu lắm rồi.

Christine chết trong đêm đó, nhưng Eberhard đặt đứa bé sơ sinh vào những cánh tay cô cho tới giờ phút cuối cùng ấy. Cô từ giã trái đất với nụ cười rạng rỡ, vừa lầm rầm hát bài hát ru thiêng liêng cổ mà mẹ họ đã ru họ trong ngôi nhà nhỏ trên chiếc nôi có khắc dòng chữ Memento mori. Lúc đó Eberhard

đứng thẳng đờ bên cạnh Christine và hát to những bài thánh ca của Halle, thụp xuống đầu giường. Anh nhận được cái nhìn hạnh phúc cuối cùng của em gái, vuốt mắt cho cô, đặt quyển thánh ca của mẹ dưới cằm Christine rồi ngấm nhìn cô trong ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn ngủ. Anh thấy cô mỉm cười giống như khuôn mặt trẻ thơ của cô cười khi cha đọc Kinh Thánh. Rồi anh hôn vào bàn tay cô, thì thầm:

- Em ngủ bình yên, em đã chịu một nỗi thống khổ vô song – rồi anh ngược mắt lên và nói rằng cô hạnh phúc, dù cho anh đã chia sẻ với cô nhiều đau khổ và đau khổ vì chuyện đó nhiều hơn những đau khổ của mình, phải chuộc tội nhiều hơn vì tội lỗi của mình.

Sự sụp đổ của Christine không còn đáng kể nữa. Chúa đã để cho cô trả giá tội lỗi của cô bằng cách tước đi lý trí của cô. Trong những năm cuối cùng của đời cô, cô đã đeo thánh giá của Đấng Cứu Thế cho những tội lỗi của thế gian.

Eberhard trong khi nắm bàn tay mình vào bàn tay của Christine đã cầu xin cho cái chết của chính anh cũng được giải thoát tội lỗi, cũng được tha thứ như cái chết của em gái. Anh nghiêng trán vào thành giường với tiếng thở dài biết ơn và mệt mỏi.

Anh thức dậy khi chạm vào một bàn tay nhỏ ẩm ướt và trông thấy một khuôn mặt đỏ ửng non choẹt với đôi mắt xanh lơ. Đôi lông mày bụi rậm của anh chau lại. Anh đặt bàn tay to lớn cứng đờ của anh lên đứa bé. Nhân danh Chúa, anh thì thầm và anh không dám không vâng lời Chúa, bằng bàn tay trẻ con này Người đã kéo Christine về thiên đường của Người. Thực vậy, Chúa đã hy vọng nhiều thứ đối với đứa bé này, từ khi nó sinh ra đã dùng nó làm công cụ. Eberhard thề rằng anh sẽ trở thành Saint-Christophe của nó qua những sóng gió của thế gian này.

Nhưng Chúa còn có một sứ mệnh nữa giao cho Eberhard. Anh rời căn phòng áp mái của mình. Bế đứa bé trong một tay, tay kia xách cái hòm cũ nằm trong xó từ chín năm nay. Đi xuống cầu thang. Ý định của anh là rời khỏi nhà này và tìm một chỗ ở trong thành phố, chờ cho đứa bé lớn hơn tí nữa anh có thể đưa nó về xứ sở Bade ở với những tín đồ miền rừng núi. Nhưng anh thấy các cô gái mãi dâm tụ tập ở chân cầu thang trước cửa, run rẩy và lặng lẽ chặn lại. Khi gặp cái nhìn đầy sợ hãi và cầu khẩn của họ, anh cảm thấy bị bắn trúng vào tim và đoán rằng anh sẽ không bao giờ đặt chân lên mảnh đất của cha ông nữa. Cánh cửa dưới cây anh đào sẽ đóng lại mãi mãi. Số phận của Eberhard cũng như của Christine là chết ở đất khách. Anh thụp quỳ xuống dưới chân cầu thang, đầu úp vào hai bàn tay và đấu tranh cùng với Chúa. Khi anh ngẩng lên, khuôn mặt anh, hai cánh tay giang ra của anh chỉ rằng anh đã giành thắng lợi.

- Các cô có lý, các cô đều là em gái tôi như đứa em đã chết. Đứa bé

sinh ra trong nhà này để cứu các cô cũng như để cứu nó, tôi có quyền lấy nó đi. Các cô hãy mang cái hòm của tôi lên phòng của tôi và kê vào đấy một cái giường khác. Thằng bé và tôi sẽ ở lại đây, nơi mà Chúa Trời đã sắp đặt chúng ta. Mong sao ý nguyện của Chúa Trời được thực hiện, chúng ta hãy ca ngợi Chúa Trời.

Người ta chôn Christine và mẹ tôi cùng ngày ở nghĩa địa người nghèo. Các cô gái mai dâm làm một cuộc quyên góp trong bọn họ và dựng lên trên mộ của cả hai người chết một cây thánh giá chung bằng gỗ. Nói về mẹ tôi chẳng ai biết gì ngoài chuyện bà đã thổ lộ với người con gái đã đưa bà ra xa bên cảng đến nhà này. Là con gái của mục sư ở Seeland bà đã có một người tình là dòng dõi thượng lưu, rồi ông ấy đã ruồng bỏ bà. Cha bà đã đuổi bà ra khỏi nhà, và bà quyết định đi tìm người tình ở Copenhagen. Nhưng bà đã bị từ chối không cho vào nhà mặc dù bà đã viết thư trước nói rõ tình cảnh của mình và tính nghiêm khắc của người cha. Bà không muốn nói ra tên của bố và tên của người tình.

- Bố tôi – bà nói thêm – đã tuyên bố là tôi không xứng đáng với tên của ông và người tình cũng cho rằng tôi không xứng đáng mang họ hắn. Đừng cố tìm họ làm gì. Chỉ mong sao đích thân Chúa, một ngày kia sẽ con chọn tôi tên nó và quyền của nó, nếu không vì tội của tôi, mà tôi đã đánh mất đi của cả hai mẹ con.

Rồi con sốt đã đưa bà đi và bà không còn cần đến một tên nào cả.

Eberhard đặt tên đứa trẻ là Benedict Clemens Bek. Cô gái đã đưa mẹ nó đến tên là Bek. Đứa bé đã được gửi đến như một việc chúc phúc của Chúa. Nó hoà nhã như ý nguyện của Chúa. Eberhard tôn trọng ý nguyện của mẹ đứa trẻ và không đi tìm bố và người tình của bà. Họ cũng không hề ra mặt và Bennedict lớn lên trong căn nhà ở phố Pistolet, trong phòng xếp tầng áp mái bên cạnh Eberhard Sébestien Baden.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 3

Quyển sách áp sát vào kính cửa, Bénédicte ngồi trên đầu gối của Eberhard đánh vần bài học. Bên ngoài một con chim sẻ vừa nhảy vừa kêu chiêm chiếp trong ống máng. Nó chẳng hề sợ Eberhard và Bénédicte. Tổ của nó ở cạnh ống xả nước và nó có con nhỏ trong tổ, nó mang mồi cho chúng ăn. Đang là

mùa xuân. Bénédicte quay đầu nhìn những con chim con há mỏ khi mẹ chúng mang đến cho chúng những mẩu bánh mì, nhưng bàn tay Eberhard nhẹ nhàng nắm lấy đứa bé, quay đầu nó về phía cuốn sách. Eberhard có lý, còn nhiều thứ để xem trong sách hơn ở ngoài kia trong ống máng. Chúa đòi hỏi Bénédicte phải biết đọc. Ôi! Chỉ giá mà những chú sẻ con cũng không giống chiếc to thế, giá mà mặt trời cũng chẳng buồn chiếu hồng thế trên mái ngói, nơi mamzelle Liebelein già đặt những chậu hoa xuân! Giọng trầm của Eberhard vang lên và Bénédicte cúi đầu dưới bàn tay mạnh mẽ, phải chăng đó chính là bàn tay Chúa?

Tuy nhiên, một hôm Eberhard đưa đứa bé ra ngoài. Bầu trời xanh thẳm! Bénédicte ngã mình trên cỏ, giấu mặt trong đó để hít mùi thơm của cây cỏ và của đất, nhưng ngay sau đó nó nấp mình vào áo gilê của Eberhard và van nài đưa nó về nhà, về với những cuốn sách của nó tận phố Pistolet. Đứa bé để đầu tựa vào vai người bạn đường. Nó run sợ trước khoảng xanh bao la trên đầu họ, khoảng mênh mông quái ác vừa trống rỗng vừa đầy chim và gió. Chỉ khi nghe cửa đóng đàng sau, nó mới dám ngước mắt lên. Về đến phòng, nó chạy thẳng đến quyển sách và ném một cái nhìn cảm ơn lên cái trần nhà thấp. Eberhard ngồi xuống cái hòm và hai bàn tay che mắt, anh thì thầm:

- Ừ, mày có lý, Bénédicte. Chúng ta không thuộc vào thế giới bên ngoài xứ sở xa lạ này!

Ban đêm, Bénédicte mơ thấy nó đang ở dưới bầu trời xanh lơ và nó chạy trên cỏ cũng nhẹ như chim bay. Nó tỉnh dậy, má đầm lệ nhưng không dám đòi Eberhard đưa nó đi ra ngoài lần nữa.

Bao giờ nó cũng gọi người bạn đường của nó là Eberhard và Eberhard cũng chỉ gọi nó là Bénédicte. Cha là Chúa, con là Jesus! Eberhard và Bénédicte là những đầy tớ của cha và con. Nhân loại, đó là những đàn bà kia, ở phía dưới, họ kêu la, náo động suốt cả tuần lễ, mãi đến tận đêm khuya. Nhiều khi, Bénédicte giật mình tỉnh dậy, kêu cứu, nhưng nó luôn luôn được yên lòng dưới bàn tay Eberhard đặt nhẹ nhàng lặng lẽ lên trán nó. Ngày chủ nhật khi Eberhard đến với quyển thánh ca và Kinh Thánh, tất cả các cô gái ngồi lại xung quanh anh, úp đầu vào hai bàn tay, Eberhard và Bénédicte ngồi trên cao, đầu cái bàn dài, cạnh chiếc đèn dầu. Eberhard cầm cuốn sách mở và nói tiếng Đan Mạch, tiếng nói mà Bénédicte không hiểu, nhưng khi Eberhard hát, đó là tiếng Đức và những người tham dự khóc hơn bao giờ hết, vì đó là lời của Chúa.

Sau buổi lễ người đàn ông và đứa trẻ lại leo lên chiếc cầu thang dựng đứng của gác xép ở tận trên cao, gần những ngôi sao, để khỏi mất thời gian trước khi các cô gái lại nô đùa âm ỉ. Trên gác xép thật yên tĩnh. Những con chim sẻ không kêu chiêm chiêm trong ống máng nữa, vì mùa đông đã tới, nhưng

nhân là tối chủ nhật, Eberhard bắt đầu kể chuyện sau bữa ăn tối đạm bạc. Chú bé quỳ trên chiếc ghế bên cạnh, không rời mắt nhìn người bạn và chăm chú lắng tai nghe, ánh sáng hai cây nến thấp lên để chào mừng buổi tối chủ nhật soi hình trong kính bóng tối những bức tường bao phủ hai người cô đơn như bóng của một đôi cánh đen. Đôi lúc một ngôi sao sáng chói đến tận họ. Những tiếng kêu la từ những gian phía dưới đưa lên, nhưng họ không chú ý. Họ ở xa, trong ngôi nhà của Khu Rừng Đen, hay *Silvae nigrae*, như Eberhard nói bằng giọng long trọng của anh. Bénédict nhìn thấy những khu rừng từng bao la, nơi khói bốc lên từ những đồng than đốt. Nó đi như Eberhard đã đi hồi còn là một chú chồn cừu bé nhỏ, ngập mình trong cỏ thạch thảo cao đến cổ, chiếc mũ nhọn chỉ cao hơn một tí. Anh đi hết giờ này đến giờ kia, trên những cao nguyên rất cao theo các đàn cừu. Trong nhiều dặm người ta không thấy lấy một bóng người. Chỉ là rừng âm u và cột khói. Gió rít, đơn điệu. Đôi khi Bénédict đi đến một trong những con đường trên đỉnh cao nguyên từ Bade đến Pforzheim hoặc đến một trong các thành phố khác, của Khu Rừng Đen mà những người bán hàng rong thường nói đến. Những cột mốc bé bằng đá giữa các thạch thảo và bách xù chỉ hướng đi. Đứa bé ngồi tận trên cao lắng nghe mãi mới nghe được tiếng lục lạc của những con bò, hoặc trèo lên một mỏm đá dựng đứng như một chiếc sừng trên đám thạch thảo và bám riết vào đỉnh, nó nhìn vào tận đáy khu rừng âm u thấy một phay xanh lục: thung lũng Gutach. Có lẽ người ta còn nhìn thấy cả chiếc kim ở cái tháp đồng hồ trắng của Niederwasser.

Ngày chủ nhật tín đồ đến nhà thờ đi theo các thung lũng nhỏ giữa những vách tường thành cây từng thâm u dọc theo các dòng suối chảy xiết. Họ đi qua dưới những cây anh đào nở hoa và gần cái xưởng cưa đang nghỉ việc rồi vào thung lũng chính màu lục bảo với những ngôi nhà lợp rạ trải qua thời gian đã ngả màu nâu. Tất cả những người đó đến trong trang phục dân tộc, phụ nữ mặc sơ mi có ống tay trắng, đội mũ phớt lông màu đen có trang trí bằng những túp len đỏ hay trắng. Váy của họ ngắn và xếp nếp trên đôi tất trắng và giày có vòng bạc. Đàn ông mặc quần áo ngày hội, mũ to vành, áo vét nhỏ bằng nhung, áo gilê chéo có vòng bạc. Cao, to, gầy, nghiêm nghị, họ cầm những cây gậy cao, đi đến nhà thờ, bước chân lặng lẽ, vững chắc. thỉnh thoảng chạy qua một chiếc xe có ghế dài bằng song mây chở từ mười lăm đến hai mươi người, được kéo bởi những con ngựa nặng nề với yên cương bọc kim loại. Mặt trời chiếu rọi trên những cánh rừng tối và các chuông réo gọi tín đồ.

Eberhard ngừng nói và nhìn phía trước bằng cặp mắt buồn bã, trong lúc đó Bénédict, áp má vào cánh tay anh, ngắm nhìn người bạn đường. Xanh xao, hơi thở ngắt quãng, nó cảm thấy choáng váng như ngày nào nó đi ra ngoài trời cùng với Eberhard. Một lúc sau, Eberhard hướng về nó một cái nhìn

đắm lệ, vuốt má nó và đi tìm trên giá những quyển sách nhỏ mà anh đọc cho chú bé nghe: những Truyện của Hauff, cuốn Rheinlandische Hausfreund của Hebel và những quyển khác. Cả đêm Bénédict mơ thấy những cây anh đào nở hoa giống như một con đường sáng lóa dẫn tới Chúa qua vô số cánh rừng tối đen. Nó mơ đến tiếng rì rào của những cây tùng không bao giờ ngừng, không bao giờ biến mất, không bao giờ hoàn toàn tiếp cận được như Chúa. Nó mơ thấy những cuộc chạy cô đơn trên các đỉnh cát mọc đầy thạch thảo, nó mơ thấy các chuyến tuột xuống các lối mòn dốc đứng tới đêm tối của cây cối mà ngay ở tận cùng đêm tối đó là chính trái tim của xứ sở rừng cây này: cây thánh giá đâm máu.

Bénédict tỉnh dậy như ngầy ngật trong gian nhà tối tăm, lạnh giá và nhìn về phía ngọn nến chập chờn thấy Eberhard đang tìm quần áo, chuẩn bị bữa ăn và quỳ xuống đất cầu Chúa cho anh đủ sức sống qua ngày mới này, để trụ vững trong nhà này cho đến khi anh đã dẫn đến với Jesus từng người trong số phụ nữ kia cũng như anh đã dẫn Christine đến với Người. Sau đó Eberhard lão đảo bước xuống chiếc cầu thang dốc đứng và tối tăm. Anh qua trước cửa của các phòng, từ bên trong phát ra những tiếng thì thầm, những tiếng cười, và đi làm cho một lái buôn Đức. Chú bé ngủ lại cho đến khi bà già Gundlachsen hen suyễn song tốt bụng đến thức nó dậy, đốt lửa cho nó trong một cái lò ba chân, làm thoáng căn phòng và gấp gọn chăn màn. Eberhard đã dọn giường mình và chuẩn bị bếp lửa trước khi ra đi. Lúc đầu Bénédict không thể chuyện trò với bà Gundlachsen vì bà ăn nói sống sượng và chú bé không hiểu gì cả. Eberhard muốn giữ cho tai của nó khỏi phải nghe người ta nói trong nhà này. Nhưng bà già và chú bé nhìn những ngọn lửa tóe ra từ củi gỗ hoặc chơi đuổi bắt nhau. Họ nhìn những hình do cát tạo ra trên sàn nhà, những hình nghiêng mà sữa tạo ra trong đĩa xúp, thiên nga, xe ngựa và cây.

Bà Gundlachsen nói về tất cả những gì bà trông thấy và làm ngày xưa với chồng bà, khi họ còn trẻ, trước khi họ suy mòn vì lao động. Lúc bấy giờ quý ông chủ ngôi nhà nhỏ của họ ở nhà quê đã xếp họ ở đây để cai quản công việc này, nhưng ông Gundlachsen bị bệnh tràn dịch màng ngoài tim không cử động được và dành ngôi một chỗ trên chiếc ghế rom làm kế toán. Đôi khi các cô gái trắng trẻo leo lên chỗ Bénédict, ngồi xuống sàn cạnh nó và chơi với nó bằng những mảnh chai và nút chai. Họ kể rằng đó là những con bò, con dê, những chiếc tàu, tất cả những gì họ nhớ lại từ hồi còn trẻ con ở ngoài đồng và trên bờ biển. Nhưng giữa lúc đang chơi vui, cười đùa thì người ta gọi họ xuống nhà. Bộ mặt họ thay đổi trở nên giống như mặt của những người tử vì đạo trong các cuốn sách của Eberhard. Các cô rút xuống lạnh lùng và im lìm như đi từ cõi sống đến cõi chết. Bénédict buồn rầu nhìn theo họ. không bao giờ họ sờ đến nó, ngay cả trong lúc chơi. Trong những

khi nô đùa vui nhất họ cũng không ngớt ngắm nhìn nó với vẻ tĩnh tâm như trong ngày chủ nhật họ ngược mắt lên nhìn nó từ trên hai bàn tay chấp lại giống như, ừ, giống như những chú chồn cừu của bức tranh nhìn lên hài đồng Jesus. Các cô chỉ dám nói chuyện với nó bằng dấu hiệu, nhưng nó vẫn dần dần học được tiếng nói của họ và Eberhard cũng không phản đối chuyện đó. Trên đó, họ chỉ là những đứa trẻ vui vẻ và ngôn ngữ của họ như tiếng chim hót trườn vào môi của Bénédict khá dễ dàng, dễ dàng hơn ngôn ngữ của Eberhard lúng cạ lúng cụng, chối cả tai. Bénédict làm việc tiếp. Nó cần mẫn tìm hiểu tất cả các chương trình giáo lý công giáo của Heildeberg, học thuộc lòng các thánh ca, các tên địa lý và làm cả các phép toán cho mãi đến khi nó nghe thấy tiếng chân bước nặng nề của Eberhard ở cầu thang, và nửa mừng nửa lo, nó chạy ra mở cửa.

Buổi chiều Eberhard bận dịch các thư tín thương mại dài dằng dặc, nó ngồi bên cạnh đọc cuốn Người xám của Stilling và những quyển sách nhỏ khác đóng bìa đen, hoặc mắt hướng về các đám mây và các ống khói, nó nghĩ đến các vì sao mờ nhạt hiện ra trên bầu trời! Những tiếng nói nghiêm khắc của Eberhard nhắc nhở nó còn nhiều việc khác phải làm và nó lại phải cầm lên những quyển sách. Nó đọc cả Kinh Thánh ở ngọn lửa yếu ớt của cây nến và suy nghĩ về ý nghĩa của các bài ngụ ngôn:

"Thật là tốt khi trái tim được thấm nhuần ơn Chúa" (Tiếng Do Thái, 13.9), "hãy vững lòng tin, hãy là những người đàn ông mạnh dạn lên" (I, tiếng Do Thái Coranh, 16,13), "Hãy cảm nhận, hãy nhìn xem Vĩnh Hằng là tốt" (Thánh Vịnh 34, 9), "Christ là đời sống của tôi và cái chết với tôi là một điều được" (Philippien, I,21).

Nhìn ở đâu nó cũng trông thấy thánh giá. Nó trông thấy thánh giá trong các giấc mơ. Ô! Khu Rừng Đen! Đứa trẻ liếc sang khuôn mặt nghiêm khắc, không râu, nhăn nheo của Eberhard và rừng m'inh. Sự dịu dàng, lòng nhân ái chỉ có trong ngày chủ nhật, chỉ có trong các cuộc dạo chơi qua Khu Rừng Đen, nhưng ở cuối khu rừng tối tăm cũng lại có cả thánh giá. Thánh giá.

Bénédict giấu đầu trong hai bàn tay. Nó sợ và khóc rất khê cho đến khi Eberhard nâng mặt nó lên, rồi bốn mắt nhìn nhau, anh nói với nó:

- Khóc đi, chú bé, khóc đi, những gì Chúa đã làm cho chúng ta đáng để khóc lắm. Hãy nhớ rằng mỗi giọt nước mắt là một thứ thuốc thơm xoa dịu vết thương và mỗi tiếng cười là một mũi tên bắn vào trái tim con người. Người nào khóc là sung sướng hơn người cười. Bất hạnh thay cho người cười, nó chắc chắn đi đến địa ngục.

Eberhard quỳ xuống ôm Bénédict vào hai cánh tay cầu xin Chúa rất to để Người ban cho họ Thánh giá, cho anh và cho đứa bé, rồi anh thổi tắt ngọn nến và cả hai cởi quần áo trong bóng tối, lặng lẽ leo lên giường.

Eberhard luôn luôn cầu nguyện cho đứa bé mà khuôn mặt chói sáng trong

nhà chứa mại dâm như khuôn mặt của một thiên thần và hướng dẫn những bước đi chuệch choạng của các cô gái lầm lạc đến với ngai của Chúa Jesus. Vì nó, Chúa trời sẽ tha thứ cho Sodome và Gomorrhe. Anh cầu Chúa xin thực hiện ý nguyện của mình qua đứa bé, người được anh lựa chọn.

- Xin Đức Chúa Trời ban ơn nhìn xuống con cừu non này. Người sẽ được hài lòng. Người hãy làm nhục trái tim nó, hãy gập đầu nó xuống, hãy bẻ xương nó, hãy lập cho nó một chiếc ngai đầm máu, lạy Đức Chúa Trời, con sẽ không buông. Người ra chừng nào Người chưa hứa sẽ làm co nó thành kẻ chứng kiến thực tế của Người. Á thánh của Người. Thừa Đức Chúa Trời, không phải là con, con có là gì đâu, mà chính là nó đã được Người chỉ định từ khi sinh ra, nó đã được Người cho sinh ra trong nhà này, trong thế giới bằng thịt này để rồi một ngày kia nó sẽ phá bỏ mái nhà và đưa đàn cừu bị thương đến tận chân Người bị đóng đinh.

Bénédict lắng nghe, run lên, mắt nhìn chăm chăm vào bóng vạch chéo mà ánh trăng chiếu cây thánh giá vào trong phòng.

Một hôm, một mục sư xuất hiện trên chót cầu thang. Một người quyền thế có bộ mặt độc đoán mặc áo có cổ còn nhọn. Ông đeo cà vạt đen, tay áo măng sét gập, cầm chiếc gậy có đầu vàng. Eberhard vừa trông thấy ông ta, anh đã đứng lên, dựa nắm tay lên bàn. Bénédict sợ hãi nhìn anh. không khí trong căn phòng thấp trở nên nặng nề và chứa đầy dọa nạt. Hai người xung đột gay gắt khiến chú bé để rơi cuốn sách và co rúm người lại trong góc của nó, run rẩy, miệng há ra.

Ông mục sư tên là Gotthardsen, nói tiếng Đức, nhưng rất khó khăn, dùng những lời ngạo mạn, mỏng mồm. Eberhard đã ở trong nhà này, đã làm lễ tại đây cho bọn gái mãi dâm, lại cả gan dám tổ chức nghiên cứu Kinh Thánh và các buổi họp sáng cho đám bình dân xung quanh, toàn là bọn cư dân của những ngõ cụt đê tiện này.

- Anh có biết là – ông mục sư thét, mặt đỏ gay dưới bộ râu xanh – những cuộc tụ họp như vậy đều bị cấm theo sắc lệnh về các cuộc mưu phản ngày 13 tháng giêng năm 1741? Người ta chỉ được tụ họp nhóm nhỏ và bao giờ cũng phải có mặt mục sư của giáo xứ. Tôi là mục sư giáo xứ của anh, đã bao giờ anh xin phép tôi chưa? Chưa. Cả đến việc anh bước vào nhà của Chúa cũng không xin phép. Nhưng hãy nghe đây. Người tiền nhiệm của tôi, ngài mục sư Stenerson, trong lúc già yếu, đã hành động khoan dung. Còn bây giờ là tôi, và tôi biết anh và những người khác thuộc phái theo thuyết kiên tín của Herrenhut, của Marienborn, của Halle, các anh là những kẻ dèm pha cứng đầu đối với quyền lực chính trị và giáo hội, các anh là "ecclesiola extra ecclesiam et societatem" mà các anh khoác lác là các anh chế giễu Chúa và mọi người. Tôi sẽ đập tan các anh, các anh và tinh thần chống đối của các anh. Các anh đánh giá nhóm các anh là "Cruciata" và các anh bảo

rằng chính các anh là quần chúng thực hiện sự tuần đạo của Jesus. Nào, các anh hãy đi mà chịu tử vì đạo ở Cột Thánh Giá. Chúa đã lập nên Giáo hội trên đất nước này rồi và mọi thứ "ecclesiola in ecclesia" đối với Người đều là sự ghê tởm. Chỉ một người là vua mà thôi! bây giờ anh đã biết, tôi đã cảnh cáo anh rồi đấy. Khốn cho anh nếu tôi bắt được anh đang làm sai lệnh tôi. Còn đối với đứa bé kia (đã nửa người quay ra cửa ông còn giơ cây gậy có đầu quả táo chỉ vào Bénédicte đang hoảng sợ) anh không xấu hổ để cho sinh linh ngây thơ này sống dưới mái nhà này với bọn gái điếm và bọn truy lạc, để cho nó thở cái không khí sặc mùi này, để cho nó tham gia vào... Nhưng giữa lúc đó, Eberhard đẩy lùi cái bàn và tiến thẳng đến ông mục sư, dấn mạnh bước chân. Anh đến sát khiến ông kia lùi lại, mặt tái đi dưới chòm râu.

- Cút đi! – Eberhard thét, vừa giơ bàn tay nặng nề với cử chỉ dọa nạt – Ra khỏi nhà này, nhà thờ Chúa Trời, đây tớ của Baal và của Belial! Khốn thay cho ông, đây tớ rơm và phản đạo của Giáo hội. Sự trừng phạt đối với ông sẽ lớn đấy. Tôi biết ông, ông không phải là kẻ tôi tớ đã đánh Đức Chúa Trời, cũng không phải là người giả đạo đức phán xét Người, ông là Judas, là Iscariote đã bán rẻ Người lấy ba mươi đồng tiền. Khốn khổ cho ông là ông ôm lấy người mà ông phản bội. Sự trừng trị đối với ông sẽ lớn đấy. Chú bé này, ông bảo sao? Hãy cúi mắt xuống trước cái nhìn của nó. Ông nói đến các cô gái phạm tội trong nhà này, nhưng ông đã đến quá muộn rồi. Chỉ còn có bảy người. Những người khác, tất cả những người khác đã được chú bé kia dẫn đến chân Chúa. Ông nghe không? Nhờ có chú bé kia ngôi nhà này và người ở trong nhà sẽ được vinh dự trong ngày phán xử, trong khi đó thì ông ở bên tay phải của Chúa Trời, ông sẽ bị tụt xuống cái đêm nước mắt vĩnh viễn và cái đêm nghiền răng kèn kẹt. Mỗi một phụ nữ đó sẽ chói sáng như một mặt trời trước Chúa trong khi cái xác thối rữa bên trong của ông sẽ phơi bày ra giữa ban ngày và ông sẽ sặc mùi hôi thối như một đồng phân. Ông ra khỏi đây, giờ của ông đã đến gần hơn là ông tưởng.

Một tuần lễ chưa trôi qua thì đã có lệnh cho Eberhard phải rời khỏi ngôi nhà ở phố Pistolet. Mục sư đã báo động cho giáo xứ về vấn đề các cuộc họp cầu kinh diễn ra trong nhà chứa, và về đứa bé cư ngụ trong gác xép của kẻ phản lập ngoại quốc.

Ngày ra đi, Eberhard, mặt mày rạn rở, bước vào chỗ Bénédicte. Chú bé đỏ gay và sợ hãi nhìn mấy chiếc đồ gỗ xếp đống lại, cái tráp đi đường, cái hòm, cái túi và những quyển sách. Tất cả như đảo lộn, dọn nhà khỏi mảnh đất mà nó biết và ở đây nó có thể sống! Eberhard cầm tay nó:

- Lại đây – anh nói – lại đây, Chúa Trời ở cạnh chúng ta. Thời gian bị cầm tù của chúng ta đã qua. Bà Gundlachsen ở lại một mi l nh với chúng ta và Chúa. Chúa Trời đã phóng thích tất cả những người khác, cho họ một

cuộc sống mới hoặc đã gọi họ về với Người. Bảy cô gái đã đi khỏi đây từ một tuần lễ, từng người một, và trong mười ba năm tôi ở trong nhà này, bốn mươi ba phụ nữ đã đi khỏi đây, trong số đó chỉ có sáu người rơi lại vào tội lỗi và đã thất bại trong các nơi khác tệ hơn ở đây. Bảy người trong một tuần! Chúa thật vĩ đại. Tời hạn của chúng ta hết rồi. Chúa Trời ban cho chúng ta tự do. Chúng ta sắp đưa về với Người bà chị cuối cùng của chúng ta và nhà này sẽ giải tán.

Bénédict rung mình. Nó biết những cái giường người sắp chết mà trước giường nó phải quỳ hàng giờ, trong khi Eberhard hát và đọc Kinh Thánh không mệt, giọng anh to và mạnh át cả hơi thở yếu ớt của người hấp hối. Bénédict vỗ cả đầu gối vì gập lại quá lâu. Ừ, nó biết những khuôn mặt kinh khủng đó, co quắp và xanh tái vì hấp hối, và đây đến lượt bà Gundlachsen. Bà đã trông nom nó như là một người mẹ và đã dạy nó biết cười, biết chơi. Bà Gundlachsen sắp chết, và họ sẽ rời khỏi nhà này.

Eberhard đưa nó xuống dưới cầu thang, các bậc rên lên thật to. Ngôi nhà trước kia đông đúc và ồn ào thế, nay trống vắng và im lìm. Người chủ, một tư sản nông thôn và là cố vấn Nhà nước đã bán đấu giá nó để phá đi. Các cửa được đóng, khoá lại. Bénédict và Eberhard ở lại một mình với bà Gundlachsen. Chồng bà đã chết vì bệnh phù thũng hồi mùa thu. Trong lúc Bénédict quỳ, tay chân run cầm cập thì Eberhard, với bàn tay mạnh mẽ đỡ bà chủ nhà chứa già nua, người đàn bà suy sụp nhưng không ác độc, trên chiếc thang cao chót vót lấp lánh bắc lên người Bạn của mọi kẻ phạm tội. Eberhard cầu nguyện "Bà đã trung thành với công việc của bà nhưng bà không phải chịu trách nhiệm về nó. Lỗi thuộc về kẻ đã giao việc cho bà, người đã tìm bà từ những trang trại trồng trọt, nơi mà bà không còn có thể tích góp đủ tiền cho hần đem đi mua chuộc ân huệ của Nhà nước và của nhiều người. Kẻ đã xếp bà ở đây là hình ảnh trung thực của thế giới hần đã ở, hần là người được, và bà là người thua. Bà ân cần và nhanh nhẹn, đáng thương và dịu dàng, bà đã là một người mẹ đối với đứa bé, đối với các chị khốn khổ của nó. Xin Chúa Trời nhận bà vào tổ quốc Thiên đường!"

- Và bây giờ, Bénédict – anh nói khi đứng lên, mặt sáng ra như anh không cảm thấy tí mệt mỏi nào – Chúa đã giải thoát chúng ta. Ngày mai chúng ta sẽ trở về ngôi nhà nhỏ ở Gutach gần Niederwasser, ngôi nhà đang đợi chúng ta. Kiếp tôi đòi của chúng ta đã hết, người ta cho chúng ta về nhà chúng ta. Ôi, Bénédict, mày không biết ý nghĩa của mấy tiếng: ở nhà chúng ta!

Hai bàn tay đang chấp lại của cụ Bek mở ra và cụ quay mặt sang phía Erik và Ellen với một nụ cười gượng gạo. Mồ hôi lổm đóm trên trán. Cụ run run giờ bàn tay lau.

Các bạn ơi, tha lỗi cho tôi vì không thể tiếp tục chuyện kể của tôi hôm nay. Không, không phải lỗi tại tình trạng thể lực của tôi mà vì cơn bão và những

biến cố mà tôi vừa kể. Tha lỗi cho tôi nếu tôi nói về những điều ít bình thường, những điều mà theo ý kiến nhiều người thì không nên nói ra. Đứa bé ở trong nhà đó là tôi và Eberhard là bố nuôi của tôi. Cuộc đời tôi đã bắt đầu ở phố Pistolet. Từ ngôi nhà nhỏ trong Khu Rừng Đen và sự nghèo nàn của cuộc đời tôi. Nhưng tôi thấy ông bà mỉm cười với tôi và tôi sẽ dám tiếp tục kể đoạn đời tiếp theo. Đừng chảy nước mắt, bà Ellen, đừng khóc cho chúng ta, hãy nhìn sợi vàng những ngày của tôi chói sáng phía trên những sợi đen

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu Chương 4

- Cụ đã nghe tin chúng ta sắp có một mục sư trên đảo chưa? – Ellen nói.

Đứng ở ngưỡng cửa, cô cầm một ôm cành cây xanh và nâu hái trên những cây liễu già của đầm lầy. Cô mệt thở hết cả hơi. Những giọt nước chảy từ mái tóc vàng hoe, hơi ẩm và bùn bám đen viền áo. Một cơn mưa nhỏ sáng nay đã đổ xuống làm cho đầm lầy rất ẩm ướt.

- Bà nói sao? Ở đây, một mục sư?

Cụ già Bek thì cùi tay:

- Một mục sư có ý định ở lại?

- Vâng.

Ellen bỏ bó hoa xuống bàn, sau khi đã gạt ra bên cái khăn lót.

- Nhân viên bưu điện vừa báo tin đó đêm qua. Mọi người biết chuyện đó ở cảng sáng nay rất sớm. Cụ có thể tưởng tượng ai đã xin làm chức vụ này không? Ông ấy tên là Honorius. Ông ấy thuộc một gia đình học giả cũ...Nhưng cụ sao thế, thưa cụ Bek?

- À không!

Ông già lại ngã xuống đồng gôi.

- À! Tôi...không có gì, bà Ellen ạ. Tôi quá vui cho mọi người trên đảo. Miễn sao ông ấy trụ được.

Cô bày cắm những cành cây vào trong cái bình đặt mà cô đã biết chỗ lấy ở trên ngăn giá.

- Tôi nghĩ là ông ấy sẽ làm được, vì người bưu tá nghe ở Grenaa rằng đây là một nhà thần học hơi lớn tuổi, ngày xưa đã có hoạt động trí thức nhiều ở Copenhagen và đã dạy những lớp học tư ở trường Đại học. Hơn nữa, hình như ông ấy giàu có. Mới đầu tôi cũng nghĩ bụng, thế thì ông ấy sẽ không ở lại đâu. Nhưng Erik lại nghĩ rằng nếu một người đã chọn chức vụ

này đã bị bỏ trống từ gần năm nay, chắc đúng là sẽ ở lại. Bởi vì ông ấy không bị bắt ép, mà là tự nguyện, lại chưa vợ!

- Vàng – ông già đáp sau khi lấy lại tư thế thường ngày, mắt nhìn ra cửa sổ.

Dưới bầu trời xám màu lông cu gáy nơi hoàng hôn tô màu phớt hồng, trải ra những cánh đồng guốc bê ẩm ướt mà hoang mạc lặng lẽ, đen lại vì mưa. Cây thánh giá Agnète nghiêng những cánh tay rộng trên cồn cát:

- Một người tên là Honorius không lừa dối kẻ khác, bà Ellen ạ - Ông đột ngột nói – Tôi đã đánh lừa bà, tuy nhiên, tôi đã hứa với bà là kẻ hết chuyện của tôi. Tôi không vui mừng thấy đảo từ nay không còn thuộc thế giới không có mục sư nữa..Tôi không tin rằng các mục sư đã đặc biệt đóng góp, trong bao năm trời mà tôi trải qua ở đây, vào việc làm cho cuộc sống được an ủi hơn. Không, tôi đã cảm động bởi vì...ồ, thưa bà, tôi ngần ngại đụng chạm đến điều đó, tôi không bao giờ nói điều đó cho Jacobus Uz và Mamzelle Camrath...Nhưng khi tôi trông thấy bà vào đây, ướt sũng mà tươi mát và hồng hào như rạng đông, giấc mơ của tôi lại hiện lên sinh động trước mặt tôi, giấc mơ của tuổi trẻ. Nó ở đây, đang đến thăm tôi trên giường hấp hối. Không chỉ bà giống cô ấy. Nhưng bà trẻ và dịu dàng như cô ấy, bà là một phụ nữ như cô ấy và bà vừa nói lên tên của cô ấy, Honorius. Cô ấy là Dorète Honorius.

Ellen đã đặt bình hoa lên bàn và đi đến gần giường. Cô chỉ dám thở rất khẽ. Cụ ngước mắt lên phía cô với một nụ cười mơ hồ, nhưng cô đột ngột cúi xuống hôn bàn tay cụ già.

- Không, không, thưa bà, bà làm gì thế? – cụ nói, vừa giơ bàn tay kia lên trong một cử chỉ phản đối – đối với những người khác tất cả những cái đó không bỏ công nghe, nhng vì tôi vẫn phải nói về tôi và về những gì liên quan đến tôi ,tôi được an ủi vì được nói ra bây giờ và bà biết là tôi cũng đã có một tình yêu.

Cụ qua người, gáy gầy gò của ông già run run dưới mớ tóc bạc. Đôi môi Ellen không rời bàn tay của cụ Clemens Bek, cụ nói tiếp, mặt vẫn quay đi.

- Đừng khóc, bà Ellen. Bà hãy nhớ lại là tôi đã nói với bà về chuyện sồi vàng. Sồi vàng của tôi, đó là tình yêu của tôi. Tôi không có lòng tin vững chắc và nhớ nhung bầu trời của Eberhard. Tôi quá gắn bó với mảnh đất, với đảo, nhưng tôi đã yêu.

Giọng của cụ cao lên như tiếng hát rồi hạ xuống.

Chiếc đồng hồ ngắt nhịp thời gian trong sự im lặng khá sâu khiến Ellen tưởng chừng các năm trôi đi từng thập kỷ giữa mỗi giao động của quả lắc.

- Nếu một người đàn ông có tên như thế đổ bộ lên đảo tức là để ở lại. Mặt cụ Bek hơi đỏ lên. Ellen nhìn cụ. Năm tháng có thực đã trôi đi? Phải chăng cô đang ở trước mặt một sinh viên trẻ măng, sinh viên thời yêu

đương, thời Dorète Honorius?

- Suyt! Kia ông chồng bà!

Ellen vênh tai:

- Tôi không nghe được.

- Thật ư? - Cụ Bek mỉm cười - Đó là vì bà không nghe sự im lặng trong số năm nh tôi. Nhưng ông ấy đến và chắc là đi quá nhà cha xứ rồi. Cụ nhắm mắt lại một nửa và nắm chặt tay Ellen.

- Tôi nóng lòng và không yên tâm nhìn thấy ông mục sư Honorius vào trong phòng tôi.

Không, không phải các năm tháng qua đi không trở lại. Bek run rẩy như thể chính Dorète sắp sửa bước qua ngưỡng cửa.

- Thừa cụ Bek – thiếu phụ thì thảo – bà ấy có bao giờ đến đảo này không?

- Đến đây?

Cụ nhìn cô, sững sờ:

- Làm sao cô ấy đến đây được?

- Nhưng bà ấy còn sống chứ?

- Vâng, nhờ ơn Chúa, cô ấy vẫn còn sống, cô ấy goá chồng.

- Bà ấy có biết cụ ở đây không?

Cụ lắc đầu.

- Không, không. Cô ấy làm sao mà biết được.

Ellen ngấm nhìn cụ vẻ trầm ngâm, cô van nài:

- Cụ phải kể cho tôi nghe về bà ấy và về cụ.

- Tôi sẽ kể, nhưng phải đến lúc, tôi có quyền kể bởi vì chuyện chỉ liên quan đến tôi.

- Chỉ liên quan đến mình cụ?

- Tôi tin thế - Cụ thì thâm vừa tránh cái nhìn của cô thêm một lần nữa.

Những bước chân bước nhanh lên làm cát kêu xào xạc phía ngoài. Cánh cửa mở. Erik, áo choàng phanh ra, chòm râu ướt nước mưa, bước vào trong phòng. Ánh sáng ban mai phản chiếu lấp lánh trên đôi mắt xanh trong của anh.

- Thế nào, cụ khoẻ chứ? – Anh nói.

- Chúng ta đừng nói về tôi. Bác sĩ thân mến ời, tôi rất sung sướng được gặp ông, nhưng không phải là tôi gọi thầy thuốc. Tôi biết rất rõ rằng giờ ra đi của tôi đang đến gần.

- Ôi! Cụ Bek...

- Chính ông cũng đã bảo rằng ông không tìm ra một bệnh gì ở tôi cả, tôi hết thời rồi, thế thôi.

Erik nhìn cụ bằng con mắt dò la rồi cúi đầu xuống.

- Nhờ ơn Chúa – ông già nói thêm, mắt đưa nhìn hai thanh niên hết

người nọ sang người kia – Bởi vì nếu ông bà tuổi thanh xuân, thì tất nhiên tôi là tuổi già.

- Nhưng cụ đã từng có tuổi thanh xuân – Ellen thì thào.

Cụ già cười:

- Đúng thế, tôi đã có một thời thanh xuân.

Erik bỏ áo mưa ra và treo lên cái móc ở cánh cửa, rồi anh ngồi xuống cạnh Ellen, nắm tay cô trong tay mình, cô tươi cười nhìn anh.

Chiếc đồng hồ quả lắc lại không ngừng, tuổi trẻ và tuổi già! Tuổi trẻ và tuổi già! Họ nghe, ngón tay họ đan vào nhau, mắt họ nhìn vào cụ giáo già đang chấp tay, ngược mắt lên bầu trời. Nhịp điệu bình thản đều đặn chính xác của chiếc đồng hồ khẳng định quyền muôn thưở của thời gian, đã có tiếng vang vọng trong tim họ. Tuy nhiên cụ Bek lấy những giấy tờ ở giá phía trên giường của cụ và bắt đầu sắp xếp lại những tờ giấy chứa đựng một thời kỳ đánh dấu bởi những tiếng đập của chính chiếc đồng hồ này, những tiếng đập cùng lúc vừa làm dịu lòng vừa là báo hiệu.

- Người hãy nhớ rằng khoảnh khắc này thuộc về người, nhưng nó như một món vay mà người phải trả trong khoảnh khắc sau. Người cũng chính là cái giây đang chạy trốn. Ta là thời gian đã sinh ra hàng ngàn giây và làm cho nó tính ra hàng ngàn giây khác. Tuy nhiên, ta, sự Vĩnh Hằng, ta chỉ được tạo nên bởi tất cả tiếng vang của tất cả các cuộc đời của các người.

Được đệm bởi bài hát này, cụ Bek tiếp tục chuyện kể của cụ.

Eberhard đứng lên sau lời cầu nguyện cuối cùng này, mang xác lên lưng và cầm cây gậy trên tay. Anh có cảm tưởng đã sống chỉ một ngày trong nhà này chứ không phải hai mươi ba năm. Anh bước xuống cầu thang như là anh đã ở ngay trước cửa nhà anh tại Gutack, chỉ cần mở ra để tìm thấy lại tuổi trẻ của anh, để trải qua tuổi già ở đây.

Anh không thấy rằng cái nhì của Bénédicte gắn bó với gian phòng tối tăm hiện giờ trống trải, nhưng trước kia, với cái đồ đạc ít ỏi đã là tổ ấm của đứa trẻ. Mỗi chỗ rách của giấy sơn, mỗi vết rãnh trên sàn, mỗi khe nứt ở ống máng đều thuộc về nó. Nó chưa khi nào rời khỏi cái gác xép mà giờ đây Eberhard muốn đòi cho nó lấy bầu trời lồng lộng, những khu rừng sâu, tất cả cái thế giới mà nó đã thoáng thấy một hôm và đã khiến nó choáng ngợp đến ngây ngất.

Nhưng đây, những tiếng động mạnh vang lên ở cửa. Eberhard đột ngột đặt cái hòm xuống và quay sang Bénédicte một cái nhìn cũng hốt hoảng, một bộ mặt cũng tái xanh như bộ mặt của Saul khi sét của Chúa Trời đổ xuống trước mặt. Nó không động đậy, nín thở hình như nó tưởng rằng giấu mình đi thì có thể thoát khỏi thầy giáo của nó và làm cho ý muốn của mình thắng được ý Chúa. Những tiếng động lại vang lên, dồn dập. Lúc bấy giờ Eberhard cúi gáy xuống, hướng ra cửa và xuống cầu thang, vừa buông một tiếng thở dài

thật sâu thật đau khổ mà không bao giờ Bénédicte quên được. Nó còn nghe thấy trong giấc ngủ.

Bénédicte thụp quỳ xuống cầu xin Chúa cho cái bàn tay đập phá ở ngoài kia cản lại việc ra đi của họ và nhốt họ lại mãi mãi trong gác xép này, xa hẳn Khu Rừng Đen, xa bầu trời, xa thế giới. Tiếng của Eberhard cất lên. Một tiếng nói là trả lời nó, tiếng nói hỏi nó, Bénédicte Clémens Be. Nó bắt đầu run lên trong nỗi khiếp sợ sự trừng phạt của Chúa vì lời cầu xin ích kỷ của nó đi ngược lại hạnh phúc của Eberhard. Chúa đâu có bỏ nó lại cho người xa lạ, để cho Eberhard trở về nhà một mình, để nhận thưởng ở đây cho anh? Bénédicte không còn nghe thấy các tiếng nói và cả tiếng cửa khép nữa, nó chỉ lấy lại tinh thần khi trông thấy Eberhard đứng ở cửa sổ đang đọc một bức thư anh cầm trên tay. Khuôn mặt đầy đặn đã già hẳn đi trong khoảnh khắc ngắn ngủi diễn ra các tiếng đập ở cửa!

Những tiếng đập đó báo cho nó, Bénédicte, một tin. Vấn đề là về nó trong bức thư, và nó có ý muốn điên cuồng kêu lên rằng nó muốn ở bên cạnh Eberhard bất kỳ ở đâu họ phải đặt chân tới, ngay cả phải cầm lại xác và gậy lên đường đến miền đất lạ, miễn là từ đây họ được cho ở cùng nhau. Nhưng, như thường lệ nó không dám nói ra trước và nó đã im lặng. Nó nhớ lại duy chỉ một lần nó đã khóc và kêu. Bây giờ nó năm tuổi, nó đói và rét, nó đã khóc lên để được ấm và được ăn. Đó là một ngày mùa đông, tuyết đập ở kính cửa và lọt vào trong phòng qua các khe hở mỗi khi gió thổi mạnh ở cửa. Eberhard ngồi viết ở bàn. Anh đã bọc Bénédicte vào áo khoác và chặn cửa anh, và anh run lên dưới cái áo mỏng có đuôi, cái tráp và cái xác kéo sát vào đùi để giữ ấm. Tuyết kêu kèn kẹt dưới ngòai bút và dưới khuỷu tay anh, nhưng anh tiếp tục viết bằng những ngón tay cồng buốt mãi cho đến khi làm xong công việc, sau đó anh phải chuẩn bị bữa ăn cho Bénédicte và cho anh. Anh đã giảng giải tất cả cái đó cho Bénédicte nhưng nó không muốn nghe gì cả. Bây giờ nó đang muốn ăn, bây giờ nó đang muốn ấm. Nó không thể chịu nổi đói, chịu nổi rét.

Bà Gundlachsen đã cố làm cho nó im bằng cách chỉ cho nó Eberhard. Nhưng Bénédicte biết là bà đã dọn cà phê nóng và bánh mì lấy từ bữa ăn của bà và của các cô gái. Bà còn cho cả củi. Eberhard đành phải lắc đầu, vẻ kiêu kỳ.

- Không bao giờ, không bao giờ, không phải vì cái đó mà chúng ta ở trong nhà này. Chúa Trời chu cấp cho các nhu cầu của chúng ta.

Vì thế Bénédicte kêu và không muốn im, không muốn rét, không muốn đói. Bà Gundlachsen buồn rầu, bước ra khỏi phòng.

Bỗng dưng Eberhard nhẩy ra khỏi ghế, mạnh đến nỗi lọ mực và hộp cát của anh lộn nhào và cái ghế đổ ầm xuống. Hai nắm tay giơ lên, người đàn ông nguyên rửa số phận hẩm hiu. Mặt vàng khè, đầu tóc hoa râm rồi bù, anh

nguyên rửa Chúa của anh đã gọi anh đến miền đất dã man này với mùa đông triền miên để làm cho anh chết đói và chết rét, để bắt anh tham dự một cách bất lực vào những tiếng kêu thiếu thốn của một đứa trẻ.

- Chúa Trời muốn gì ở con? Người hãy chà nát con ngay đi. Con có không vâng lời Người từ tuổi ấu thơ, con có không theo lệnh Người cho đến cuối cùng? Con chẳng đã hiến đời mình cho người khác như Người đó ư? Xin đừng đòi hỏi con thêm nữa để con khỏi quay đi khỏi Người, Chúa Trời ơi. Người đã thấy con là đầy tớ thế nào của Người rồi đó. Người có sợ con khi con trở thành kẻ thù của Người, Người có biết rằng con rất khoẻ không? Bénédicte cuộn mình lại đầu giường và kinh ngạc nhìn Eberhard sùi bọt mép, bàn tay nắm lại, thóa mạ Chúa. Bất thành linh anh ngã xuống phía trước, sụp sập như bị búa bổ, kiệt quệ vì đói và xúc động.

Bénédicte không thể quên cảnh đó và những đêm của những năm tháng về sau, suốt đêm Eberhard hai cánh tay giơ ra, chỉ mặc mỗi chiếc sơ mi thô để hở đùi dơ xương và lông lá quỳ trên sàn lạnh giá để cầu xin Chúa tha thứ. Anh xấu hổ, tự lên án là đã ngạo mạn, đã tin rằng mình được giải thoát và những công trình của mình, anh tự xếp mình thấp hơn bọn tội phạm, kém cả những người đàn bà trong nhà này, thấp hơn cả tên nhà giàu đã giam họ ở đây.

Cuối cùng anh đứng dậy, khuôn mặt thanh bình nhưng tràn nước mắt, anh nói: cảm ơn Đức Chúa Trời, giờ đây con cảm thấy nhờ có công trình của Người mà tính kiêu ngạo của con đã chết. Chúa trời ơi, Người hãy cày trái tim con bằng lưỡi cày của sự tức giận của Người. Chỉ duy nhất Người là vĩ đại và hùng mạnh.

Chính là vì đó mà Bénédicte im lặng. Eberhard muốn dạy nó rằng sự giải thoát, hoà bình chỉ đạt được bằng cách làm theo ý chí của Chúa. Chỉ khi nào ý muốn riêng của chúng ta chết đi thì Chúa mới vào trái tim ta.

Bénédicte cũng nhớ lại khi nhìn chiếc hòm với vành giọt máu, cái buổi sáng xa xưa ấy cửa đã đóng lại với Eberhard ở mảnh đất lạ và thù địch này. Anh đã đánh thức Bénédicte trước khi đi tìm một việc làm khác thay cho công việc người ta đã cho anh nghỉ vì anh đã ở trong nhà phố Pistolet và đã tổ chức các buổi hội họp buổi sáng. Bénédicte trông thấy dưới ánh sáng nhợt nhạt của kính cửa động sương giá, anh giơ cho nó cái khay thức ăn hàng ngày. Đứa bé đói bụng nhưng còn ngái ngủ, cầm lấy nhưng chỉ thấy trên đó mỗi một mẩu bánh mì mốc và một ly nước lạnh. Trong khoảnh khắc một giây nó suýt kêu lên. Những tiếng kêu hồi nó còn bé thơ, những tiếng kêu của thể xác muốn được no bụng và sưởi ấm. Nhưng nó nhận được một tiếng động khẽ từ phía Eberhard, cái khay rung lên trên bàn tay anh, bàn tay mạnh mẽ mà Bénédicte trước kia chưa bao giờ trông thấy run, và đứa trẻ đã cầm lấy cái khay trong hai bàn tay của anh chỉ cốt để làm ngừng sự run rẩy này. Trong

lúc đó, nó còn nghe tiếng động của cái khay và nó im lặng.

Bất thình lình một tờ bạc năm mươi couron rơi ra từ trong thư. Eberhard quay lại, khuôn mặt biến đổi khác hẳn và giọng nói mơ hồ, anh bảo:

- Bénédicte, mày muốn ở lại một mình, phải không? Mày hãy ngồi trên cái hòm này. Mày không sợ bà Gundlachsen phải không? Ta sẽ đóng cửa ra vào lại để không ai có thể đến chỗ này. Ta phải đi tìm anh đây tớ đã đưa cho ta lá thư này. Đó là quyền và nghĩa vụ của ta.

Anh quàng lên người chiếc áo khoác với một sự mãnh liệt và một tốc độ mà Bénédicte chưa bao giờ thấy, chạy ra cửa.

- Bénédicte – anh kêu trước khi đi ra – chúng ta không ở trong phòng này, nhưng chúng ta ở trong đất nước này, quê hương của mày.

Giọng của anh hình như vỡ ra ở những tiếng cuối cùng đó, rồi Bénédicte nghe anh chạy lao xuống cầu thang. Nó ở lại, ngồi trên cái hòm trong căn phòng có mùi tù hãm khó chịu, lò mờ chiếu sáng bởi ngọn lửa yếu ớt của cây nến.

Đôi mắt nó không rời tờ bạc trên sàn nhà. Tờ bạc này từ đâu đến, nó muốn gì? Bénédicte nghĩ đến cuộc sống của nó và của Eberhard, đến cuộc sống của những người đàn bà ở các tầng dưới. Nó nghĩ đến bao ngày âm u mùa đông, có tuyết rơi, khi không còn lấy một mẩu bánh mì nào cả ở chỗ nó, cả ở dưới nhà và không còn một que củi nào để đốt nóng cái lò sưởi đang hút gió.

Nó hiểu một cách mù mờ về sự khác biệt giữa nhà này và các nhà khác, không phải là sự khác biệt trong các ngõ và ngõ cụt Peter Madsen vì các nhà ở đây đều giống nhau. Khi gió làm bật các cửa thì tất cả các cửa trong khu đều vang lên trong bão tuyết và thời tiết xấu như tiếng nghiền răng của thần chết. Không, Bénédicte nghĩ đến những ngôi nhà ở các phố khác, những toà nhà lớn mà nó trông thấy cùng với Eberhard trong những cuộc dạo chơi hàng tuần của họ vào buổi chiều, những toà nhà có tường lớn màu xám có cổng sơn và khóa chặt. Không bao giờ các cổng đó kêu cọt két. Nhớ lại những lời nói gần đây của ông mục sư, nó hiểu rằng Eberhard và nó đối khổ là chỉ vì họ ở đây, nhưng nó đã sinh ra ở đây. Chúa đã quyết định để họ, Eberhard và nó, sống ở đây cho đến khi cô gái cuối cùng vượt qua ngưỡng cửa. Bây giờ người cuối cùng đã đi, bà Gundlachsen nằm chết ở tầng dưới. Bản thân họ phải ra đi. Tờ giấy bạc thu hút họ ở bên ngoài. Nó có thể có giá trị gì? Nếu nó đến sớm hơn thì có lẽ tất cả mọi người đã rời khỏi nhà từ lâu rồi, bản thân nó, Eberhard, bà Gundlachsen, các cô gái.

Tại sao ông mục sư lại nổi giận vì họ đã sống ở đây? Đó là ý Chúa cơ mà, hơn nữa họ đã thành công khi đem được các cô gái đến những thành phố và cả những ngôi nhà lớn. Một buổi chiều Bénédicte đã trông thấy Eberhard nói chuyện lâu với một người trong số đó. Đó là ở cổng một ngôi nhà khá rộng và khá chắc chắn, bão dừng hòng lay chuyển. Cô gái mặc bộ áo đen, mang tạp dề trắng và đội chiếc mũ bé.

Tại sao tờ bạc lại đến gọi họ trong khi họ vẫn phải rời khỏi cái nhà trống, nơi mà họ chẳng còn việc gì để làm? Bénédicte nhắm hai mắt lại. Nó run và cuộn mình chặt hơn ở trên chiếc hòm. Vậy tại sao mọi người ghét cái nhà này đến thế? Tại sao Eberhard mất hết chỗ dạy học khi người ta biết tin anh ở đây?

Tại sao các cô gái phải ra khỏi nhà này?

Đúng là ở đây người ta đói. Nhưng về mùa hè khi mặt trời giống như một mũi tên vàng đập lên các bức tường đen và nâu, và những bông hoa ngũ sắc của cô Lieblein lấp lánh trên cửa sổ của cô, khi người ta hít thở mùi hương lạ và êm đến từ xa, rất xa. Bénédicte muốn khóc. Khẽ thôi để Eberhard không nhận ra. Nó muốn khóc vì sung sướng thấy trời quá đẹp ở đây.

Một hôm có con bướm đến bay trong phòng, một con bướm trắng tuyết. Lúc đầu Bénédicte tưởng là một cụm tuyết. Nó kêu lên, rất lo lắng, Eberhard, kia, mùa đông đến. Nhưng Eberhard mỉm cười, bảo rằng đó là một con bướm. Anh đã giữ nó rất lâu trong lòng bàn tay. Mắt Eberhard rớm lệ bộc lộ sự dịu dàng như khi anh nói về Khu Rừng Đen ngày chủ nhật.

"Một đứa bé ở đây!" Ông mục sư đã thét lên như thế. Thừa vâng, đúng là ở đây một đứa trẻ đã được sung sướng. Các cô gái thật tử tế đối với nó. Các cô ấy quỳ xuống để nhìn nó khiến nó rất cảm động. Bà Gundlachsen hay vào và nói:

- Các cô phải nhớ rằng các cô không được đụng vào nó.

Các cô ấy khóc khi nhìn thấy bàn tay họ đầy vết thương như bàn tay những người tuần đạo.

Đúng là buổi tối các cô thường hay say sưa và kêu gào, nhưng đó là khi những người đàn ông đến. Lý ra ông mục sư phải dọa nạt và trừng trị bọn đàn ông theo ý kiến của Bénédicte. Thỉnh thoảng có những ông đến, đầu đội mũ lụa. Eberhard đã nói rằng ông mục sư là đầu tở của họ và tiền lương của ông ta cũng lấy từ quỹ trả cho các cô gái.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 5

Tuy nhiên Eberhard chạy theo người đầy tớ. Đến góc phố Peter Madsen anh dừng lại ngập ngừng, nhưng trong khoảnh khắc một giây anh thấy lại cái áo choàng ngắn màu xanh và vôi vàng chạy đuổi theo. Anh dừng lại cách người đầy tớ một quãng đứng dưới bóng những bức tường. Thế là hai người đến một phố lớn ít có ngọn đèn đường chiếu ánh sáng yếu ớt xuống những mặt tiền lộng lẫy và những cửa sổ cao.

Đó là khu lịch sự của thành phố, tĩnh mịch và trang nghiêm. Bước chân của những đầy tớ vang lên trên gạch lát và Eberhard phải đi chậm lại. Bỗng nhiên những đầy tớ đi ngang qua giữa hai chiếc đèn lồng bằng đá treo bằng những sợi dây. Một cánh cửa nhỏ mở ra ở một cổng lớn rồi đóng lại phát tiếng vang ra ngoài phố. Eberhard vội vàng bước ra khỏi bóng tối và đọc trên phù hiệu ở tường thành, dưới cái mũ miện bá tước, một cái tên mà tôi buộc phải giữ kín, ông bác sĩ ạ, một cái tên mà môi tôi chưa đọc lên bao giờ mà cũng sẽ không bao giờ đọc lên. Nó được mang bởi một trong những dòng họ quan trọng nhất và lâu đời nhất nước. Đó là tên của bố tôi. Nó lẽ ra cũng là họ của mẹ tôi và của tôi nếu... Nhưng chỉ có Chúa mới biết được đường đi tốt hơn.

Không lưỡng lự một giây nào, Eberhard giờ tay kéo cái vòng sắt nặng. Vang lên những bước chân ở bên kia cổng và người ta mở một lỗ nhìn. Eberhard nhận thấy một khuôn mặt chiếu sáng bởi ngọn đèn cầm ở tay. Đó là mặt của người gác cổng đội mũ cát kết, có hàng ria mép đen bé. Eberhard xin nói chuyện với bá tước.

- Nói chuyện với bá tước – Người gác cổng cầu nhàu trong khi giờ cao chiếc đèn để ánh sáng rơi vào Eberhard – với ai trong hai bá tước?

- Với bá tước trẻ - Eberhard đáp.

- Anh không thể gặp ông ấy như thế này được, anh bạn ạ, cần phải báo trước.

Và người gác cổng định đóng lỗ nhìn.

Nhưng Eberhard đã đặt bàn tay ở đó và đòi đưa vào chỗ bá tước trẻ ngay lập tức. Người gác cổng nhìn anh ngần ngại. Khuôn mặt và giọng nói của Eberhard bộc lộ một uy quyền khiến người kia phải cân nhắc hành động, và sau khi xem xét lại anh một lần nữa qua ánh đèn, liền kéo thanh sắt chốt bên trong cánh cửa nhỏ. Cửa mở ra. Eberhard bước vào dưới một vòm cao trắng, nền lát đá. Trước mặt anh bóng râm bao trùm những toà nhà, người ta chỉ thấy một góc của chuồng ngựa quét vôi!

- Bartholin – người gác cổng gọi – nên làm thế nào với người này?

Anh ta muốn nói chuyện với bá tước trẻ.

Người đầy tớ xuất hiện ở cầu thang danh dự và nhìn Eberhard.

- Trời ơi, lại là anh! Sao anh lại có thể nghĩ, người ta đã bảo anh rằng...

Eberhard bình tĩnh bước lên cầu thang. Anh đẩy người kia ra một bên và tiếp tục leo lên các bậc đá cẩm thạch trắng. Hai người đầy tớ há miệng nhìn

nhau.

- Anh ta điên – Bartholin kêu lên – khôn nạn rồi , bá tước già sẽ nói sao đây? Nếu mày biết là hôm nay tao đã ở đâu! Người ta sẽ đuổi cả hai chúng ta vì đã để cho anh ta vào – Và anh ta leo bốn bậc một đuổi theo người khách không mời mà đến.

Nhưng khách đã ở trong tiền sảnh, giữa những cây cột và những pho tượng và khi Bartholin chạy đến để ngăn anh lại, anh đã giơ hai cánh tay dài ra đẩy ép người hầu phòng vào tường. Bartholin trông thấy anh đi đến cái cửa đồ lớn ở bên phải đã cố sức ngăn lại. Họ đánh nhau trong im lặng một lúc rồi người đầy tớ ngã quỵ xuống vừa buột ra một tiếng kêu đau rất ngắn. Màn cửa đẩy ra và một ánh sáng gay gắt soi sáng gian phòng tiền sảnh tối tăm. một người bé nhỏ tóc bạc hiện ra chỗ hé mở. Ông có bộ mặt nhọn hoắt, cao nhẵn và mặc trang phục thị thần quy lột và gươm ngắn.

- Ai kêu ở đâu vậy? Tôi đang trông thấy gì thế này?

- Tôi tên là Eberhard Sébastien Baden – Eberhard nói, vừa tiến lên một bước – Đầy tớ của ông muốn ngăn tôi đến tìm con trai ông. Tôi tìm anh ấy chứ không phải ông.

- Cái gì? Sao anh dám? – Bá tước già nổi giận, nhìn Eberhard từ đầu đến chân – Anh dám xung hô với tôi như thế hả?

- Tôi dùng tiếng "ông" để nói với tất cả mọi người trừ Chúa. Chỉ có đối với Người tôi mới gọi là Chúa Trời – Eberhard nhìn bá tước với vẻ nghiêm khắc khiến ông quay nhìn sang bên – Đừng khiêu khích tôi nếu ông không muốn công bố cho mọi nhà trong thành phố này biết một hành động sai trái phải trong bí mật. Chính là tôi muốn nói chuyện với con ông.

Giữa lúc ấy một tiếng nói yếu ớt cất lên trong phòng.

- Cái gì vậy bố?

Bá tước lúng túng lùi lại một bước, nên Eberhard có thể vào trong phòng khách sáng choang. Cái nhìn của anh lướt qua một cách thờ ơ những cửa sổ lớn phủ màn, cái đèn chùm pha lê, những tấm gương bọc vàng, những công xon, những bức tranh, trang trí tường và trần. Anh đứng lại giữa cảnh huy hoàng này, trước một người trẻ tuổi nằm gần bàn, trên một cái giường nghỉ có rải thảm Đông Phương. Ông giở một cuốn sách nhỏ đóng bìa da dê. Vừa nhìn thấy Eberhard ông chống khuỷu tay ngẩng lên, bộ mặt tái nhợt của ông càng tái hơn và sững sờ trong lúc những ngón tay gầy guộc để rơi cuốn sách.

- Tôi thấy ông đoán biết tôi là ai, bá tước Hermann ạ - Eberhard nói to – và tôi thấy rằng ông biết tôi từ đâu đến. Tôi đến từ ngôi nhà ở phố Pistolet, cái nhà thô mà vợ ông đã cho ra đời đứa con trai thừa kế tên ông, địa vị của ông, lâu đài này. Tôi đến để hỏi ông vì sao mãi đến hôm nay, mười ba năm sau ngày sinh của con và ngày chết của mẹ nó, ông mới cho biết tin tức của

ông. Ông đã trốn đi, ông đã bỏ cô ấy, vợ ông chết vì nhục nhã và khốn cùng, con trai ông sinh ra ở nhà chúng tôi, ở chỗ các cô gái mại dâm phố Pistolet.

Tại sao ông ruồng bỏ đứa con, không cứu giúp, không nâng đỡ?

Một sự yên lặng nặng nề. Chỉ nghe những cây nến cháy lách tách, tiếng thì thầm của tia nước trong vườn, và tiếng lửa bập bùng. Eberhard tiếp tục:

- Đừng nghĩ rằng tôi đến đòi hỏi ông nhiều tiền hơn số ông đã hứa cho trong văn bản này – Anh chỉ bức thư – Đừng nghĩ rằng tôi đòi hỏi ông phải nhận lại con trai của ông và cho nó tên ông, địa vị của ông và cho phép nó ở phòng khách này. Tôi đã dạy cho nó biết đánh giá và vứt bỏ xã hội thượng lưu này, của cải, vàng bạc, những phòng khách đẹp để sang trọng và tôi sẽ dạy nó khinh bỉ bố nó và những kẻ giống thế. Tôi đã nuôi nó thành cây gậy của Chúa Trời để trừng phạt ông và những người giống như ông. Chúng tôi chỉ đòi có thể - Anh vung vung bức thư cấp tiền cho nó đi học – rồi đây nó sẽ trở thành một tôi tớ chân chính không phải của cái Giáo hội của các ông, vốn là công trình của Béalial, mà là của nhà thờ của những trái tim. Nó sẽ được trang bị để một ngày kia sẽ chế ngự ông, bố nó. Nó sẽ đủ mạnh để nắm giữ những cột trụ kia và đập đổ mái nhà của ông xuống đầu ông và những người của ông. Ông viết rằng thằng bé phải ở lại trong nước, nó sẽ ở lại, mặc dù tôi đã có những kế hoạch khác. Nhưng ông hãy hiểu rằng nó phải dưới sự bảo vệ của tôi như từ trước đến giờ. Tôi không tha thứ bất kỳ sự can dự nào của ông. Mong sao ý chí của Chúa phòng giữ cho nó khỏi ông và người của ông. Tôi đến đây chỉ duy nhất để báo cho ông biết một lần cuối cùng. Hãy thay đổi cách sống, hãy trở về với mình, hãy quỳ xuống chân Chúa. Cuộc phán xét đã gần rồi. Cái rìu đã gần với gốc rễ của tim ông. Đừng quên lời tôi vì Chúa nói qua miệng tôi.

Eberhard cầm tài liệu trên tay, quay sang phía ông bá tước già. Ông này tái xanh như xác chết, run rẩy chân tay, đã kéo ra một nửa cái kiếm để phô trương, trong khi thân mình yếu ớt của con trai, chấn động bởi cơn co giật, ngã lại vào đồng chặn và từ các quyển sách nhỏ bung ra một trận mưa những hoa khô, thư và thiếp ướp nước thơm.

- Bỏ kiếm vào bao đi, ông già tội lỗi và chai đá kia. Với cái tạt trái của bàn tay, tôi có thể bẻ gãy sự chống cự của ông và ném ông ra khỏi cửa sổ này. Nhưng bàn tay của Chúa sẽ quật ông chắc hơn. Nó sẽ biến ông thành bụi cũng như vua mà ông phụng sự và nhà nước mà ông đại diện.

Anh quay trở lại, bình thần đi ra qua trước mặt người hầu phòng hoảng sợ và những đầy tớ khác nghe động chạy đến. Đằng sau anh người ta nghe ông bá tước già kêu lên: Đồ điên rồ! Mày đã làm gì? Ồ, nông cuồng, mơ mộng! Rồi một tiếng kêu thê lên tiếp theo là tiếng than của bọn đầy tớ: bá tước Hermann lại lên cơn co giật!

Eberhard xuống cầu thang, bình yên và trở về nhà, thằng bé đã ngủ trong căn

phòng vắng vẻ. Eberhard bế nó lên tay, áp đầu nó vào ngực mình, bọc nó trong áo choàng và im lặng, mắt mở to, ngồi suốt đêm trên chiếc hòm với gánh nặng của anh. Chắc là anh nhìn thấy trong bóng đêm, những khu rừng xanh muôn thuở của tổ quốc anh, cái nhà nhỏ mà anh sẽ không bao giờ bước khỏi ngưỡng cửa nữa nếu anh không muốn làm cho đứa bé tuột khỏi số phận của nó, đứa bé anh đang giữ trên cánh tay mà anh chính là Saint-Christophe của nó. Một ngày kia – anh đã nói – đứa bé này sẽ được trang bị sẽ đứng lên trước mặt bố nó và ông nó, trước con rắn hai đầu là Giáo hội và Nhà nước. Than ôi! Những vũ khí của Eberhard đã bị gỉ từ lâu rồi. Anh đã phải rời Halle trước khi tốt nghiệp và mười hai năm lao động vất vả trong Khu Rừng Đen, hai mươi ba năm kiệt sức trong việc đi dạy kèm và liên lạc thu tín thương mại đã làm anh quên hết những kiến thức đã học. Nhưng lẽ nào anh lại không như thánh Chirstophe chỉ có sức mạnh thôi cùng đủ khoẻ để bế Christ?

Trong đêm, Eberhard đã cảm ơn Chúa đã lấy đi của anh không những tham vọng thời tuổi trẻ mà lấy đi cả hy vọng cuối cùng của anh, như thế là cho phép anh chỉ còn là một công cụ dễ bảo.

- Ô, bà Guyon, ô, Fénelon, thiên nga của cambrai, chúc mừng sự giáo dục mà các vị đã cho tôi. Sung sướng thay, tôi đã được nghe tiếng nói của các vị từ hồi tôi còn trẻ!

Eberhard suy nghĩ rất lâu về tương lai của họ và thừa nhận rằng họ phải ở lại trong xã hội này để Bénédict có thể hiểu được những nguy hiểm của nó và để học nhìn thẳng vào mặt kẻ thù. Anh nhớ đến một quảng cáo trong tờ báo Berlingske Tidende liên quan đến một chỗ làm trực cửa trong một trường học lớn gần Norrenport. Anh xin làm việc đó. Người ta sẽ không từ chối công việc đó với một sinh viên đã bán phần tú tài thần học. Bénédict có thể theo học các lớp và thường xuyên dưới sự trông nom của anh. Một trăm rixdanle của bố Bénédict đóng hàng sáu tháng một lần không đặt vào khoảng trợ cấp hàng tháng mà được gửi vào nơi chắc chắn để làm học phí cho đứa trẻ nhờ khi Chúa gọi Eberhard về trước khi nó chưa học xong. Tiền lương làm trực cửa sẽ nuôi sống cả hai. Eberhard áp mái đầu bạc của anh vào tường xám và ngủ say sưa. Anh nghe tiếng thì thảo của khu rừng lớn. Phải chăng là những silvae nigrae hoặc là những silvaealbae, những khu rừng hoa huệ trên bầu trời giữa biển pha lê?

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 6

Eberhard và Bénédicte rời khỏi chỗ trú trong tầng áp mái của họ và ra đi từ xã hội đến sự tuần đạo.

Bàn tay của Eberhard không đặt lên vai của Bénédicte nữa. Đứa bé bị mù quáng và tê liệt sau lâu ngày ở lại trong cái nhà thổ, phải đi một mình từ nay. Chúa đã chọn nó và chúc phúc nó bằng những vết thương và mụn nhọt. Hãy tha thứ cho tôi, các bạn nhé, về những lời mà tôi nói về chuyện của tôi! Những lời đó phải chăng đã như một đám mây bao phủ xuống đời tôi từ khi mới sinh? Nhưng thực tế thì tôi chỉ sinh vào số phận tầm thường của con chim sẻ cho một cuộc đời khiêm tốn và che giấu. Tôi không được tạo ra thành một con thiên nga để hát cho đến chết, lôi cuốn mọi người lên những tầng cao vì sự đau khổ và sắc đẹp. Eberhard trong khi rời khỏi Khu Rừng Đen đã mang theo cùng với anh ấy khát vọng lên trời của những cư dân thung lũng, sự khát khao ánh sáng của những khu rừng tối tăm và của cây thánh giá vùi tận trong rừng sâu. Anh ấy đã trút xuống cho tôi tất cả mọi giấc mơ của anh ấy, tuy vẫn mang Chúa Jesus bằng cái vai khá lực lưỡng, và là ông thánh Christophe duy nhất mà tôi từng biết. Than ôi! Anh ấy muốn rót rượu của Chúa, thứ rượu đã làm nổ những thùng chứa chắc nhất vào trong một cái bình đất dễ vỡ nhất.

Ông bà hãy thử xem ngày ấy tôi, Bénédicte Clémens Bek như thế nào trong những quần áo vá chằng vá đụp mà bà Gundlachsen đã cắt may bằng vải áo vét và quần quy lột của chồng bà. Mắt tôi nửa mù đi, tay chân tôi yếu ớt, nhọt nhọt. Các bạn cứ tưởng tượng tôi bỗng dưng bị đưa ra giữa ánh sáng dữ dội của trường học, bao vây, chen lấn bởi hàng trăm đứa trẻ khoẻ mạnh, vững vàng ăn mặc tươm tất. Tôi chỉ mới bập bẹ được tiếng nói của chúng bởi vì tôi nói một phần thì theo phương ngữ và tiếng lóng của các cô gái, một phần thì theo tiếng Đức – Đan Mạch của Eberhard. Tôi thuộc lòng hàng trăm tiết và đoạn Kinh Thánh, hàng trăm tiết và câu dẫn, nhưng lại không biết một trò chơi nào. Mỗi cái đình, mỗi cái khe hở trên sàn, mỗi một thay đổi nhỏ của ánh sáng trong gác xép của chúng tôi đều quen thuộc với tôi, nhưng tôi lại chẳng quen một đường phố, một ngôi nhà nào của Copenhagen cả. Ngay trong những giấc mơ tôi chỉ thấy trái tim con người đầy những ham muốn của xã hội này, hoặc đầy khát vọng đến với thiên đường nhưng chẳng bao giờ thấy một cái cây, một đồng cỏ, một dòng sông. Chỉ có trái tim con người có thể biết được tôi đau khổ vì cái gì, biết được con người và sự hiểm độc của tâm hồn họ từ thời ấu thơ. Chỉ là bởi sự nhục nhã và sự đau khổ về thất bại, bởi những tàn phế và những đau đớn do tuổi tác, trái tim mới dịu lại. Đó chỉ là một cái ao của máu chúng ta đã dạy chúng ta tiết kiệm từng giọt máu của tương lai chúng ta. Tôi đâu có không biết sự tàn ác của con người! Những người nghèo, người xấu xí, người hèn yếu về thể chất và tinh

thần cũng như những người cô đơn càng dễ biết được cuộc đời không son phấn đúng như chính nó. Tôi đã thấy con người đúng như chính nó. Tại sao họ lại phải cất công đặt một mặt nạ ra trước tôi? Tôi chẳng là đứa yếu nhất đó ư? Tôi đã trông thấy ở Copenhagen cũng như ở trên đảo, cũng như các bạn sẽ biết, con người giống như những con vật. Nhưng, ơn Trời ban phúc! Tôi cũng thấy những người đi theo Chúa Jesus. Những người không tìm lợi riêng của họ, những người dù cho có những yếu đuối và thiếu sót, là muối của đất. Những người đó làm cho cuộc đời chịu đựng được, và sự kiên nhẫn của Chúa thể hiện ở họ. Vì họ, Chúa đổ xức rộng lượng và cứu vớt những người khác và một ngày kia, Chúa sẽ kéo tất cả về với Người. Eberhard là một trong những người đó. rồi đến một người bố và một cô con gái mà tôi không nêu ra nhưng tôi sẽ nói sau, rồi đến bác sĩ Orebro, và nhất là Jacobus Uz vừa là thú săn mồi vừa là á thánh. Lucie Camrath là một trong những người đó và cả ông bác sĩ và bà Ellen nữa. Ơn Chúa ban phúc, ông bà đã nghe câu chuyện chẳng thú vị gì về cuộc đời của một ông già khốn khổ, lại còn bảo là chuyện này là bỏ ỉch và làm ông bà hài lòng.

Rượu đậm của Chúa Trời mà Eberhard muốn thấy tràn đầy hồn tôi, tôi đã để mất nhưng tôi đã biết gìn giữ những giọt nước mắt vô tư của sự thông cảm khóc về tôi và tôi sẽ mang đến cho Đức Chúa Trời, không để rơi đi một giọt nào trong ngày Phán xét. Như vậy tôi, một sinh linh bé nhỏ nhất, tôi vẫn có thể sẽ là một trong những bằng chứng mà Eberhard nhìn thấy ở tôi.

Tôi sẽ nói một chút về cuộc đời đi học của tôi. Các giáo sư không chú ý gì đến tôi, khinh tôi nhút nhát và kém cỏi. Bây giờ họ đã chết cũng như phần lớn các bạn tôi, những đứa đã tiếp tục các trò chơi trẻ con vzb con cóc con giun trên chộc tôi. Nhưng Chúa đã thấy trong tim chúng là chúng không biết chúng làm gì, cũng như tôi đã thấy từ lâu và tôi đã tha thứ cho chúng. Chúng xé dây đeo quần, bẻ gãy bảng, đổ mực vào mũ và túi áo, vứt lung tung sách vở của tôi. Tôi trốn vào góc nào chúng cũng tìm được, cật vấn tôi về ngôi nhà ở phố Pistolet, về Eberhard, về mẹ tôi mà cô gái mãi dâm đã tìm thấy trên các bậc thềm ở cảng. Tôi chẳng hiểu từ đâu chúng biết tất cả những chuyện ấy. Chúng giữ tôi dưới bơm nước cho đến khi tôi cứng đờ và tái xanh vì lạnh, ném vào người tôi những nắm tuyết và cục nước đá.

Các thầy giáo thấy hành động của chúng thì nhún vai và cười to vì tôi chẳng khác nào một con gà mái ướt.

Một buổi chiều đi học về, khi tôi leo lên chỗ Eberhard để nằm trong gác xép, tôi đã nấp dưới cầu thang để khóc thoả thích. Làm sao mà tôi lại than phiền bên cạnh Eberhard được? chẳng lẽ tôi không nhớ cái khay rung rung trong tay anh? Chẳng lẽ tôi không trông thấy anh trong cơn ngái ngủ, vùng dậy từ ba giờ sáng, lưng còng xuống vì tuổi tác và bệnh gút sau buổi cầu kinh, nhiệt tâm quỳ trên sàn không trái thắm, mặc quần áo vôi vàng để quét các

lớp học lạnh lẽo bằng giá, để đốt lửa? Tôi biết anh làm cái đó cho tôi, để tôi có thể có được sự học vấn mà anh đã phải từ bỏ chỉ vì bố mẹ và em gái Christine. Với lại chẳng lẽ tôi không giữ được kỷ niệm cái đêm kinh khủng mà những tiếng kêu của tôi làm anh gợn bàn tay chống Chúa?

Một hôm tôi thấy một chuyện mà tôi phải giữ bí mật tuyệt đối, một chuyện đã dập tắt mọi than phiền của tôi nhưng là lần đầu tiên nó dạy tôi hiểu được những lời của Eberhard nói về những bộn quyền quý ở trong xã hội này. Tôi không bao giờ quên những lời nói đó. Ông hiệu trưởng trường chúng ta, sau này là giáo sư Đại Học và ông mục sư thanh tra nhà trường đã ra lệnh cho Eberhard trèo lên mái nhà đầy tuyết để sửa lại một ống khói bị nghiêng. Eberhard bấy giờ đã gần sáu mươi tuổi, cái thân hình to lớn lực sĩ đã còng và mòn mỏi vì bao năm thiếu thốn, vì lạnh rét của xứ sở này, vì những sàn nhà bằng giá và vì những gàu than nặng trĩu.

Tôi thấy cái nhìn Eberhard ném vào họ khi họ ra lệnh cho anh trèo lên cao. Tôi trông thấy con giận dữ dội mà anh phải nén xuống vì yêu tôi, vì tình yêu đối với Jesus đã ra lệnh cho chúng tôi phải hoàn thành công trình của chúng tôi, và tôi trông thấy anh kéo cái thang nặng nề ra để leo. Tôi trông thấy anh lên cao trên mái. Tôi trông thấy anh run hết chân tay, tôi trông thấy anh chóng mặt nhắm mắt, tôi trông thấy anh bò trên mặt mái nhà trơn trượt, tôi trông thấy những cụm tuyết đập dòn quanh cái đầu hoa râm của anh rồi chất đống trên cái lưng còng của anh.

Tôi trông thấy hai người đàn ông đứng trong sân chỉ huy anh từ phía dưới và thét ra mệnh lệnh của họ, những con người phì nộn chùm kín áo lông và mũ cát kết có tai, những người ủng hộ Giáo hội và Nhà nước. Giờ đây tôi hiểu thái độ của họ. Đối với họ cũng như đối với bọn học sinh của trường, chúng tôi không phải là đồng bào của họ. Họ không thấy rằng chúng tôi nghèo ư? Và lại lúc đó thì không phải là sự tức giận tràn ngập lòng tôi mà là một thất vọng lớn lao, không phải vì Eberhard vất vưởng trên cao mà bởi vì một việc như thế có thể xảy ra. Tôi thất vọng đến mức chỉ muốn vùi mình trong một đống tuyết để rồi không bao giờ ra khỏi đó nữa, nếu tôi dám rời con mắt khỏi Eberhard lấy một lát.

- Mà có cầu nguyện không? – Khi xuống, anh hỏi tôi.

Tôi không trả lời bởi vì tôi tin và tôi đã biết rằng Chúa Trời không nghe lời cầu nguyện của chúng tôi, không thấy sự khốn khổ của chúng tôi, mà để cho người ta hành động theo như họ muốn và họ có thể cho đến khi Người gọi họ về với Người. Tôi không dám nói cái đó ra với Eberhard. Và lại tôi còn khó thứ phải làm, phải nhìn xem anh ấy như thế nào, khi tụt xuống ở ngưỡng cửa, im lặng nhìn trước mặt, tay đung đưa trong lúc ông hiệu trưởng và ông mục sư đi ra xa dưới cổng trường. Anh ấy bất động như vậy suốt một tiếng đồng hồ như người chết. Tôi không dám đánh thức anh, tôi chỉ dám

thở khẽ khi bất thành linh anh ấy đứng thẳng dậy cao hết cỡ.

- Sáng danh Chúa Trời nhân từ. Chúa đã trông thấy từ thời thơ ấu trái tim con cứng rắn và luôn muốn công bằng cho mình. con tạ ơn Chúa đã đập tan tội lỗi đó trong tuổi già và trong lúc con tàn phế, đã nghiền nát con một cách kiên quyết để con trở thành một viên đá có ích trong nhà Chúa. Con cảm ơn Chúa đã làm nhục con, bởi vì sự kiêu ngạo là tội lỗi ban đầu của con.

Tôi nhìn anh và không nhận ra anh nữa. Dưới đôi mắt anh hiện ra bóng tối sâu thẳm, cái mũi của anh đã vàng ra và vàng trán rộng của anh hình như đè nặng hơn lên đôi mắt đang chói lên một ngọn lửa lo lắng. Sự việc tình cờ đó và sự chiến thắng bản thân mà Eberhard đạt được đã đè bẹp tội lỗi của anh nhưng cũng đè bẹp luôn cả sức lực của anh. Anh trở nên dịu dàng đến kỳ lạ, cách đọc sách của anh là một chứng cứ. Trong những lúc giải trí ngắn ngủi, Eberhard không cố tìm được những tác phẩm cũ mờ mịt của những người kiên tín, cũng không mê những lời nỉ non mềm yếu trong thơ Herrenhut, mà đọc những truyện thần bí với những khát vọng nhớ nhung với bầu trời của Sainte Thérèse và Jean de la Croix.

Khẩu hiệu của nữ đồng trinh thần tiên Aut pati, aut mea phù hợp quá với tình cảm của Eberhard hồi đó. Eberhard đã mỏi mệt và hiểu rằng sự nghỉ ngơi là đường dẫn đến mọin thứ và cũng như anh trồng những hoa nhỏ của thánh Francois d Assise, anh đã lặn vào những bài viết của các đệ tử thánh Thérèse de Jésus và Jean de la Croix, Michael Moliere và Fénelon và trong sự thờ ơ thánh thiện của thuyết tĩnh tịch. Trước kia anh đã muốn bắt mọi người quỳ trước Chúa thì nay chỉ quỳ mình anh thôi. Trước kia anh đã phụng sự Chúa nhiều hơn mọi người nhưng lại từ bỏ tham vọng một phần thưởng trên thiên đường cũng như anh đã từ bỏ phần thưởng của anh trên thế gian ở ngôi nhà nhỏ ở Gutach.

Một lần duy nhất ông già Eberhard tỉnh ngộ lại. Hôm đó anh đang ngồi ở cửa sổ lợi dụng một lúc tự do để đọc Rạng Đông của Jacol Boehme thì bỗng thấy bọn trẻ tụ tập lại quanh tôi ở sân và chúng nhắc bỗng tôi lên để cho tôi rơi xuống gạch nhiều lần. Lúc bấy giờ cộng tác viên đó của Chúa đã quên ánh rạng đông của giải thoát, cái Mysterium magnum đang hình thành cho mình, và đã chạy xuống cầu thang bốn bậc một để lao đến giữa đám trẻ mà anh giải tán như rơm trước gió. Chúng hoảng sợ bỏ chạy để tránh những cú đấm và bộ mặt của anh. Bản tính rầu rĩ và đáng vẻ người ngoại quốc của anh đã gọi lên ở chúng một sự kính trọng âm thầm và nếu tôi muốn than phiền với anh thì chúng đã để tôi yên từ lâu. Nhưng anh đã từng dạy tôi bằng tín ngưỡng bản thân, rằng nỗi đau khổ và những vết thương là số phận của chúng ta trên trần gian và nó được Chúa trao cho cơ mà?

Các thầy giáo đến ngay. Mới đầu họ rất tức tối với sự can thiệp mạnh mẽ của

người gác cửa, nhưng họ đã bối rối khi anh ngoảnh lại phía họ bộ mặt đóng kkkhung trong mái tóc dài bông bông. Ông hiệu trưởng ho mấy tiếng rồi bỏ đi, trong lúc các giáo viên khác nghiêm khắc khiển trách các bạn tôi.

Eberhard im lặng nghe họ, rồi cầm tay tôi, anh nói "Xin phép các ông, tôi sẽ đưa cậu bé này về nhà tôi trong ngày hôm nay". Các thầy giáo đưa mắt hỏi ông hiệu trưởng. Ông này ngập ngừng nhún vai và tôi đi theo Eberhard về cái gác xép, ở đây mặt trời, chim hoàng yến, những cuốn sách sùng đạo và thuần túy đang chờ đợi tôi.

Tôi sẽ không khi nào quên được hạnh phúc của chiều hôm ấy, nó chỉ rõ cho tôi thấy cuộc sống học đường đau khổ biết mấy. một nỗi khổ vô tận cho tôi là phải tập trung vào việc học, phải giải phóng đầu óc ra khỏi các mộng mơ, khỏi mọi giấy vò, khỏi các kỷ niệm để hiểu tầm quan trọng của những biến cách ngữ pháp, những công thức. Tôi tiếp thu điệu dàng thi ca Hy Lạp La Mã, lịch sử và thần thoại. Còn ngữ pháp và toán học, tôi có thể học thuộc lòng nhưng hiểu được ý nghĩa và cách dùng thì... Tôi không khi nào đạt được đến đó cả. Phải chăng nó là cơ cấu của xã hội? Rõ ràng là tôi và những người như tôi đâu có là thành phần của xã hội. Có phải nó như tôi đã đọc trong Triết lý vật chất của Novalis, cũng chính là đời sống của các thần thánh? Các thầy của những công thức, các nhà toán học có phải là những duy nhất được hạnh phúc? Thế thì sự yên tĩnh sung sướng của suy niệm, sự tĩnh mịch của bầu trời đã bị khép lại với tôi vĩnh viễn.

Trong số các giáo viên, có một người ít ra cũng đau khổ như tôi. Ông ấy dạy thuật viết chữ đẹp và âm nhạc. Đó là một người nghèo khổ sinh ra ở thị trấn Jutland, ở đây chắc có mục sư nào đó, phát hiện ra năng khiếu thông minh, đã gửi ông đến trường rồi đến Copenhagen để thi bằng tú tài. Sau đó ông còn quên ngay cả việc hàng trăm sinh viên nghèo cũng được dẫn dắt bởi những mục sư tốt bụng đã phát hiện và đã lôi họ đi khỏi hoạt động êm đềm của ông cha họ, cũng như ông Tobias Beutle đã làm đối với Eberhard.

Người đó tên là Smaakjaer, tự nuôi sống một cách vất vả bằng chữ đẹp và khả năng âm nhạc của mình. Tôi tin rằng khả năng của ông rất lớn tuy không hiểu được hết nhưng ít ra cũng nghe được trong tiếng đàn của ông tiếng than của gió tây ở trên những ngôi nhà lụp xụp của thành phố quê hương ông, lời đờ và loong coong gần biên, với những tiếng thở dài muôn thuở. Đúng là từ khi mới lọt lòng tôi đã có khả năng cảm nhận được cái âm thanh rất khẽ xé ra từ sự đau khổ, tiếng thì thầm khẽ nhất. Với chiếc đàn vĩ cầm và cuốn vở tập viết ông chạy từ trường này qua trường khác, từ cửa nọ đến cửa kia, khắp các phố ở Copenhagen, hồi đó rất hẹp. Ông đi đến đâu các giáo viên khác cũng chỉ chào miễn cưỡng hoặc quay lưng lại. Ông không bao giờ có thể trở thành một sinh viên đại học thực sự được vì uy tín của kỳ thi hồi đó rất lớn. Bọn học sinh kêu rú lên vui thích khi ông bước vào, những miếng xóp,

những bút viết bảng, ngay cả đến phân ngựa khô ở đường phố tung khắp quanh ông. Những lời chửi rủa, những cái giậm chân, tiếng đấm thình thình vào bàn ắt cả tiếng của ông và tiếng đàn violon khốn khổ mà ông dùng để giải trừ các dã tâm, cuối cùng là tiếng nấc của ông. Tôi nghe những điều mà tôi đã thừa biết, những chế giễu vẽ quần áo bạc màu, giày mòn gót, tất len thô, và về nguồn gốc cùng khổ của ông. Lúc bấy giờ ông giấu bộ mặt xanh gầy vào hai bàn tay và giữ như thế cho đến lúc giật mình ngẩng lên khi có tiếng kết lên và cửa mở ra, ông bắt gặp cái nhìn của ông hiệu trưởng sau cặp kính. Một sự yên lặng chết chóc tiếp theo, rồi ông cúi đầu nghe khiển trách. Vậy là ông đã không giữ được trật tự và bắt học sinh vâng lời như ý kiến ông hiệu trưởng và các giáo viên khác? Người ta dọa thải hồi ông và màn kịch kết thúc bằng một vài nhận xét nhẹ nhàng đối với học sinh về bốn phần phải phục tùng thầy giáo. Nỗi thống khổ này được lặp lại trong từng trường, ngày này qua ngày khác, năm nọ sang năm kia, ở nhà, con người khốn khổ này có bà vợ bị bệnh lao phổi và ba đứa con. Buổi sáng ông phải dậy sớm làm đủ mọi việc.

Hồi tôi còn là học sinh mới ở trường, một buổi sáng tôi đã bỏ mũ khi trông thấy ông Smaakjaer đang đi nhanh dọc theo các bức tường, đàn violon cầm tay, cái bàn viết mòn lòi ra ở túi. Ông ngạc nhiên dừng lại nhìn tôi, tưởng rằng cử chỉ của tôi là một kiểu chế giễu mới đối với ông. Nhưng do tôi không đi, ông đã cúi xuống đặt bàn tay lên má tôi và nói:

- Em là ai? Em tên là gì, cậu bé của tôi?

Ngay lúc ấy bọn học sinh rú lên đằng sau chúng tôi:

- chuyện rò dại này nghĩa là thế nào? Mày chào Smmakjaer? Hãy đợi một tí, mày sẽ phải hối hận đấy. Chào Smaakjaer, thằng điên!

Tôi lại thêm đau khổ, nhưng tôi đứng vững và tôi tiếp tục chào ông, tiếp tục im lặng khi những đứa khác kêu lên, tiếp tục chăm chỉ tập viết và ca hát. Ông ấy biết, chúng tôi quen biết nhau, nhưng cái nhìn của chúng tôi gặp nhau, tin tưởng nhau giữa tiếng ồn ào ghê người. Âm nhạc của ông thâm nhập nhẹ nhàng từ tai vào tận trái tim tôi, và qua tiếng hát của tôi – ngày xưa tôi có giọng hát tạm được – tôi cố trả lời, có, tôi ở đây, người anh em.

Tôi nhớ lại có một hôm, trước lời đe dọa sa thải, ông đã trả lời ông hiệu trưởng kết tội ông một cách khôi hài là không làm cho một đứa bé nào chào mình được cả "Có chứ, thưa ông hiệu trưởng, con trai người gác cửa, thằng bé Clémens Bek chào tôi và còn hát trong giờ học".

Rồi thời điểm giải thoát của ông đến. học sinh đã bỏ thuốc xỏ vào cái tàu thuốc nhỏ của ông, niềm an ủi duy nhất của ông. Ngọn lửa toé lên mặt và ông thét lên đau đớn, ngã nhào xuống bậc. Một lát sau, được chào bằng một loạt tiếng cười rộ, ông đã ở ngoài sân. Hoảng sợ và đau khổ, ông đột ngột quần quai, sùi bọt mép, ngã quỵ xuống, chân tay rã rời. Trong lúc hấp hối, ở

giữa đám giáo viên và học sinh chạy đến, còn sợ cho sự sinh tồn của ông và người thân, ông còn lắp bắp:

- Nó, nó chào tôi, nó hát trong các giờ học.

Một cử chỉ tôi đã làm cho con người ấy chỉ là biểu hiện nhỏ của lòng biết ơn đối với cái vỗ nhẹ ông đã cho tôi sau khi tôi chào. Cái vỗ này là cái vuốt ve duy nhất tôi được nhận trong một cuộc đời, bên cạnh những cái vuốt ve của các cô gái điểm bị bà Gundlachsen mắng là dám động đến tôi. Tôi còn chịu ơn ông Smaakjaer về một tấm gương lớn về lòng kiên trì và nhẫn nại. Nếu ông đã sống một cách vô ích (vợ con ông phải nhân cứu tế) thì ông chết lại chẳng phí hoài, bởi vì cả các thầy giáo lẫn các học sinh đều không thể quên cảnh xảy ra trong sân trường. Một tinh thần mới dịu dàng hơn, thân thiện hơn, hình như toát lên từ những viên đá lát vấy máu như thể ông giáo âm nhạc đã để lại ở đó một phần tâm hồn ông. Tất cả không trở nên tốt, và lại người ta cũng không như thế trong bất kỳ trường nào hồi ngày xưa. Hoặc là các thầy giáo hành hạ học sinh hoặc là học sinh đẩy các giáo viên và bạn đồng học đến chỗ thất vọng. Tuy nhiên những bạo hành không xảy ra nữa và tôi tiến tới bằng tú tài của tôi bằng những lối đi bớt chông gai hơn là tôi có thể mong muốn.

Than ôi, ngày tôi được quyền đội mũ mào mà tôi mua hết sức gian nan đó lại là ngày đau đớn nhất của đời tôi. Nỗi đau đó lớn hơn cả nỗi đau mà tôi sắp nói với các bạn bởi vì nỗi đau khác này cũng là niềm hạnh phúc duy nhất của tôi. Khi tôi lảo đảo bước vào chỗ Eberhard (sau bao nhiêu cố gắng mà không ai biết được tôi đã tốn bao nhiêu công sức) tay cầm mảnh bằng mà tôi đưa đến cho anh như một con chó đem con thú săn được đến cho chủ, không phải là nó muốn, mà để vâng theo ý muốn của chủ, tôi trông thấy Eberhard nằm ở giường. Anh ngهن dậy, hai tay giơ ra, mặt tươi cười:

- Đừng lo cho ta – anh nói – ta đã mong đứng mãi cho đến khi mày đến, nhưng không thể được. Ta đành phải nằm xuống. Ta cúi xuống đất, mày thấy không. Nhưng đây là kỳ nghỉ, mày là sinh viên, ta có quyền ngã xuống.

Lệ trào trên mũi, nhưng mặc dù mệt mỏi và lo lắng, nó vẫn không chảy xuống và với bàn tay run run tôi mở ra trước Eberhard tờ giấy lớn có đóng dấu của trường Đại học. Anh nhìn, gật đầu:

- Đây rồi, tấm bằng! Mày hãy quỳ xuống và cảm ơn Chúa đã dẫn dắt chúng ta tới đây. Hãy cầu nguyện xin Người cho phép mày đi lên hơn nữa trong khoa học để với vũ khí đó trong tay, mày có thể đánh bại những kẻ thù của Chúa Trời. Hãy cầu nguyện Người nắm lấy mày từ trong tay ta vào tay Người và để mày thực hiện đến cùng ý chí của người. Đừng sợ cho sự sinh tồn của mày nó còn được bảo đảm đủ một thời gian nữa.

Tôi không biết anh muốn nói gì và không hiểu cả sự đe dọa trong hứa hẹn

của những lời nói đó. Tôi đành quỳ xuống và cúi đầu dưới cái ách của sứ mạng này mà từ lâu anh không nói đến nữa và tôi mơ hồ nghĩ rằng anh sẽ giải phóng cho tôi, khỏi sứ mạng đó vì anh biết đôi vai tôi khó mà gánh vác nổi. Nhưng tối hôm đó đôi mắt anh sáng chói lên ngọn lửa ngày xưa và trong khi tôi cầu nguyện theo yêu cầu của anh tôi đã run đến tận đáy lòng, tin chắc mình không phải là người anh tưởng. Một sự thú nhận khác mà tôi phải nói ra với anh, một bí mật khác mà tôi phải nêu ra đã giầy vò tôi. Nhưng anh không để cho tôi nói ra lúc bấy giờ cũng như suốt cả thời gian anh ôm về sau. Ngồi trong giường, anh hát bài thánh ca của Novalis như là anh đọc lời thề cho anh và cho tôi.

- Nếu tất cả trở nên không trung thành, con vẫn là trung thành với Người để cho sự biết ơn không biến mất khỏi thế gian này.

Rồi anh kêu lên, mắt long lanh, tay giang ra:

- Mày hãy nhớ rằng mày phải dẫn dắt cả cái thế giới nhục dục này, tất cả những ai chơi bời và cười cợt tới tận bậc đi dưới ngai của Người. Mày phải bóp nghẹt ở mày mọi giấc mơ, mọi hy vọng, mọi ham muốn, nhấn chìm nó trong máu nếu mày muốn Người thừa nhận mày trong ngày cuối cùng. Chúa Trời ơi, sức lực của con đã thuộc về Người, chỉ thuộc về Người. Nhưng Chúa ơi, hãy thực hiện ý chí của Người bằng đứa trẻ này, ở nó cả Người, Đức Cha và Con. Người hãy dẫn nó đến đỉnh đồi Golgotha. Con không sợ cho nó vì cuộc sống và cái chết phải chăng nó ở trong số những đứa con yêu dấu của Người?

Anh ngã lại ra đằng sau, vừa mỉm cười, anh ấy, người hầu như không khi nào mỉm cười. Còn tôi không sợ nụ cười này, cũng như hai bàn tay lạnh giá, đôi má xanh tái mét, đôi mắt lờm của anh nữa. Tôi van nài anh cho mời thầy thuốc.

- Một thầy thuốc đích thực – anh nói với một cái chép miệng kiêu căng – thầy thuốc đích thực sẽ không đến chậm đâu. Đừng đi làm hỏng công trình của ông ấy. Ông ấy có thể chữa cả những vết thương của ta, ngay cả vết thương tội lỗi của ta.

Mắt nhoà lệ, bị lo lắng giầy vò vẫn ngoan ngoãn, vâng lời, tôi lên giường nằm. Kỳ nghỉ qua đi, Eberhard vẫn nằm, bề ngoài vẫn thế, xanh mướt, nhăn nheo và lạnh lùng, nhưng anh vừa hát thánh ca vừa đọc những lời cầu nguyện với một giọng khoẻ đến nỗi tôi phải ngạc nhiên thấy nó thoát ra từ bộ ngực mỗi lúc một lõm xuống. Anh không cho người ta gọi bác sĩ và không ăn gì cả. Anh có vẻ như quên cả sự có mặt của tôi, chỉ hát và cầu nguyện, chốc chốc ngừng lại để kêu lên "Chúa Trời, Người đừng quên rằng nếu con nguyện rửa Người một lần thì con đã chúc tụng Người hàng nghìn lần".

Trong lúc đó, tôi im lặng, đầu áp vào khung cửa sổ nóng bỏng. Loá mắt vì

tia phản quang đỏ của mặt trời, tôi ngắm nghía cái sân vắng vẻ của nhà trường. Như thường lệ, tôi đến chỗ bà vợ người gác cổng để kiếm gì ăn và lấy ít sữa cho Eberhard. Tôi kiệt quệ vì lo sợ, vì nước mắt, vì nắng cháy, bị điếc vì tiếng kêu của người hấp hối.

Một đêm tháng chín, khi năm học đã bắt đầu từ lâu và khi ông hiệu trưởng bắt đầu cầu nhàu là chúng tôi ở kéo dài mãi, tôi đã bị thức tỉnh lại bởi một tiếng hát tự phát vang lên giữa các bức tường hẹp, như một hợp xướng của sự phản xét cuối cùng:

Hãy xuống trong lòng đất,
Xa vương quốc ánh sáng.
Sức mạnh của sự đau khổ,
Là dấu hiệu của cuộc ra đi hạnh phúc.

Trên chiếc thuyền hẹp chúng ta sẽ nhanh đến
Bên bờ của bầu trời

Chúc phúc lành cho đêm vĩnh cửu
Chúc phúc lành giấc ngủ ngàn năm.

Tôi vùng dậy trên giường, rất kinh hoàng, muốn chạy nhanh đến anh, đến hai cánh tay giơ lên của anh như muốn đẩy đồ trần nhà. Tôi muốn bịt miệng anh đang hát với sự bộc lộ niềm vui đến đáng sợ. Nhưng khuôn mặt anh sáng lên như lửa, như ánh mặt trời trong căn phòng đã ló xanh rạng đông. Chân tay anh không còn chống đỡ một cuộc đấu tranh nào nữa, chúng ôm lấy Chúa của Jacob với cái siết say sưa của người đang bay tới bầu trời. Và tôi hoảng sợ nhắm mắt lại.

Anh hát cho đến hết bài thánh ca của Novalis, rồi tôi nghe một tiếng gọi:

- Vâng, vâng, con đây, Eberhard! – Sébastien Baden, đầy tớ trung thành của Người, cửa mở ra, thánh giá chói sáng trong "Góc của Chúa". Con đến, thưa Chúa Trời. Hãy nghe tiếng róc rách của suối và tiếng xì xào của rừng. Chúa hãy cầm lấy nó trong tay Người, hãy thực hiện những gì Người đã định cho nó, Saint Christophe.

Anh ngã xuống đằng sau rất mạnh, đầu đập vào thành giường kêu to. Anh chết.

- Còn tôi – giọng cụ Bek chỉ còn là một tiếng thì thào – tôi ở lại một mình. Tôi, con cừu của Chúa.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 7

Cửa phòng ngoài mở ra, xuất hiện thân hình loắt choắt và còng rạp của Mamzelle Camrath. Bà đã nghe những tiếng cuối, đầu cúi, chắp hai tay trên chiếc rổ.

Ellen ngồi im lặng bên cửa sổ, chống khuỷu tay giữa các cây mỗ hạc và cây quế trúc, để cái nhìn lang thang trên hoang mạc, rồi đôi mắt cô, sau khi dừng lại ở Mamzelle Camrath, lại gặp đôi mắt của Erik, đôi mắt cảm nhận được ý nghĩ của cô.

- Những con cừu tội nghiệp của Chúa bị đuổi trong hoang mạc.
Cụ già Bek thu lại các giấy tờ, bàn tay run run và đôi mắt nhợt nhạt của cụ hình như còn nhợt nhạt hơn bình thường ngày trên khuôn mặt trắng bệch. Nhưng cụ nói với bà Lucie:

- Bà đã đưa bữa sáng vào đây rồi à, mamzelle Camrath? Chắc bà đã nghe tin chúng ta sắp có một mục sư mới. Và, cũng thật ngạc nhiên là bà sẽ không phải trông coi việc nhà cho ông ta. Bà có nghĩ rằng ông ấy xoay xở được không? Một mục sư trên đảo này không có Mamzelle Camrath trông coi nhà cửa?

Bà Lucie tiến lên một bước. Bà hình như đắm chìm vào trong những ý nghĩ riêng.

- Thực ra, cụ Bek ạ, người ta có thể tự hỏi rồi mọi việc sẽ tiến hành như thế nào, bởi vì ông mục sư mới còn độc thân, người ta bảo thế. Trên đảo này, không có ai, trừ tôi ra, nhận làm bếp cho những người ở lục địa. Và tôi nghĩ rằng nếu ông ấy đã được chúng ta thông cảm và ông ấy có xin đến đây...

- Không, không mamzelle Camrath ạ - Cụ Bek lắc đầu – Nay bà đã bảy mươi tuổi rồi, dù thế nào bà cũng không có quyền làm việc cho người khác. Với lại, cũng không thể. Người ta sẽ nói như thế nào khi thấy mamzelle Camrath mà họ hiểu cho trợ cấp, vẫn tiếp tục đi làm. Họ cho chúng ta trợ cấp bởi vì chúng ta đã phục vụ họ lâu ngày rồi và bây giờ chúng ta không làm được nữa. Chúng ta cảm ơn họ nhưng chúng ta phải nghỉ ngơi. Tôi ở trong giường của tôi, bà ở trong cái phòng nhỏ, bởi vì bà đã có một phòng của bà ở chòi bên trái, chỗ cậu Gravemand rồi còn gì?

- Đúng thế, cụ Bek ạ. Cái phòng mà cụ không thể đến xem!
Mamzelle Camrath ngược mắt lên. Một nụ cười bỗng sáng lên trên khuôn mặt bé nhỏ nhăn nheo.

- Cũng kỳ lạ thật – bà nói thêm, vừa đưa tay qua cái khăn trắng đặt trên cái rổ - Chúng ta quen biết nhau từ gần năm mươi năm nay và ông không thể đến ngồi ở trong phòng của tôi, bây giờ tôi đã có một phòng, thế mà tôi lại luôn đến ngồi ở chỗ ông.

Cụ Bek cúi đầu. Erik và Ellen biết rằng buổi tối mamzelle Lucie đã nhiều

đến trốn trong căn phòng nghèo nàn để nghỉ ngơi sau một ngày lao động, để nghỉ ngơi và để im lặng. Bà đến nhà ai mà ở đó bà không chỉ là một người đi trốn im lặng mà là một con người đến với những hy vọng và kỷ niệm, hy vọng và kỷ niệm chung của họ.

Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ vang lên không hề thay đổi và mệt mỏi trong phòng. Hoang mạc xanh um ở bên ngoài như hồi hai người mắc cạn trên bờ cát vẫn đang tìm và tìm thấy trong cái yên lặng chung, xứ sở và tuổi trẻ ngoài biển khơi xa, hy vọng và những kỷ niệm xa lạ ở trên đảo này. Dầu sao Bek đã được chiếu cố hơn, cụ đã có căn nhà riêng cho mình. Bà mời cụ hôm nay đến nhà bà là cốt để đặt cụ phải đáp lại, nhưng cụ không thể đến được nữa, thế là vẫn như từ xưa, và nấp bên cạnh cụ.

- Mamzelle Camrath – cụ Bek lại vui vẻ nói tiếp – cả hai chúng ta ở đây là những nhân vật lớn đấy chứ.

- Đùng vậy, Chúa đã rất tốt đối với tôi – bà thì thầm và biến mất vào trong bếp với chiếc rổ của bà.

Cụ Clemens Bek nhìn theo, rồi nói rất khẽ:

- Các bạn không biết gì về bà ấy cả, ngoài những chuyện tôi đã kể, nhưng ai mà nhớ lại bà ấy như thế nào trong những năm đầu tiên sau khi bà ấy đến đây, và ai đã trông thấy nhà ở của bố bà ấy, ngài lãnh sự Bernhard Camrath, với những cửa sổ cao giữa các cột và trụ tường của mặt ngoài, thì ít ra cũng lấy làm lạ khi nghe bà ấy bảo rằng Chúa đã tốt đối với bà ấy. Và tuy nhiên, những lời đó chỉ có vẻ lạ lùng mà thôi. Tôi đã sống với bà ấy trên đảo này, và đời tôi có nhiều điểm giống với đời của bà ấy, tôi có thể chứng thực rằng Chúa đã tốt đối với chúng tôi. Và trước hết là đã đưa chúng tôi đến đây. Thiên hạ nguy hiểm lắm. Có lẽ là bà ấy vẫn thích nghỉ được, còn tôi thì tôi chắc chắn là tôi không biết. Những năm sống trên đảo đã có thể làm cho bà ấy thành một con chim xam, nhưng thời gian cũng đã làm cho bà ấy những cái cánh! Có lẽ là các bạn không thấy tôi đã trông thấy và tôi biết những cái cánh đó đã mang bà ấy vừa ở thế giới này đồng thời tới thế giới khác.

Người ta hay nói đến những cuộc đời hư hỏng bởi vì chúng ta không biết chờ đợi tất cả cái gì mà thời gian vốn lệ thuộc vào chúng ta cho phép ước ao? Chúng ta phàn nàn là không trông thấy cái thế giới rộng lớn. Trong lúc đó thì chúng ta đã nhận theo phần chia một đôi chân và chúng ta lại không biết làm phong phú trí tuệ của chúng ta bằng kinh nghiệm thu được sau bao nhiêu biến cố.

Than ôi! Hãy tưởng tượng rằng tôi không quên những than vãn của Jacobus Uz, nhưng khi tôi nghĩ đến Lucie Camrath, đến những gì mà bà ấy sẽ mang xuống mồ, thì tôi lại chắc chắn rằng Chúa không đòi hỏi cho bà ấy một cái nhà riêng vì bà ấy có nhiều tài, nhưng Chúa sẽ nói về bà ấy rằng bà ấy là

một đầy tớ tốt và trung thành. Chính trái tim cấp đầy máu cho mạch của chúng ta, chính cũng là trái tim cấp cho đời chúng ta đầy của cải. Cho nên tôi đã có thể khẳng định rằng cuộc đời của bà ấy và của tôi đã rất phong phú.

- Nhưng... - Ellen thốt lên.

- Tôi biết bà nghĩ gì, thưa bà. Không, mamzelle Camrath đã không khi nào làm cái thử nghiệm đã cho đời tôi sự đầy đủ, chính Chúa đã lấp đầy trái tim bà ấy. Tim tôi đã để trống rỗng bởi xã hội. Chúa đã lấp đầy.

Tôi nhớ lại những lời mà tôi đã tìm thấy sau cái chết của Eberhard trong một cuốn sách mà anh đọc ở cuối Những đọn của Novolis "Tất cả cuộc đời chúng ta chỉ là một sự phục vụ Chúa". Những lời đó là thực đối với Eberhard, nhưng nó là thực đối với tất cả những người khác, dù người ta có muốn hay không. Mỗi một nhịp thở của chúng ta phải chẳng là một sự tôn kính với đấng sáng tạo của chúng ta?

Và người đang sống cuộc đời của mình, dù cuộc đời là như thế nào, như nó đang tuân theo một mệnh lệnh của Chúa, để không những tìm thấy Chúa cho bản thân, mà còn cho cả tương lai mà nó không cho là có thực. Về phần tôi, tôi đã lãng phí khá nhiều khoảnh khắc đời tôi khi tôi lằm bằm chống lại Chúa, khi tôi cố trốn tránh khỏi Người bởi vì tôi muốn làm cho người ta biết tất cả nỗi khổ của tôi, tôi đã muốn xúc phạm đến tặng phẩm Người cho tôi ở đời này. Hy vọng duy nhất của tôi là Chúa Trời sẽ thấy ở mamzelle Lucie cái mẫu mà tôi có mong muốn nhưng không có khả năng làm theo, và sẽ tha thứ cho tôi vì tình yêu cho bà ấy.

Cửa nhà bếp mở, toả ra một mùi bách xù cháy và sữa đun, và khuôn mặt bé nhỏ nhợt nhạt của mamzelle Camrath hiện ra dưới cánh mũ.

- Bà muốn bảo gì a, mamzelle Camrath? – Cụ Bek hỏi.

- Vấn đề chỉ là... - bà nói, mặt đỏ vì cái nhìn của Erik – Khi nào ông bác sĩ sẽ đi... Bà đỡ nhờ tôi mời bác sĩ ghé vào chỗ chị câm... chắc là bác sĩ biết là tôi nói đến... ở cái nhà thứ hai, ngay sau cửa hàng bán rượu... Bà ấy sợ có gì không trót lọt...

Erik vùng đứng dậy.

- Thế mà bây giờ bà mới báo cho tôi?

- Bà đỡ nghĩ rằng không nên vội quấy rầy ông bác sĩ vì cũng chưa sổ nhau ngay đâu.

Ông thầy thuốc khoác vội áo choàng.

- Các vị là những người bệnh ở xứ sở này, cụ Clémens Bek, các vị cần phải có thói quen đòi hỏi các viên chức cần làm việc nhiều cho các vị chứ.

- Ô! Chúng tôi đã quen với sự kiên nhẫn rồi. Tôi đã nghĩ trong khi nói vừa rồi về mamzelle Camrath rằng bà ấy được Chúa chọn ra để can thiệp giúp cho chúng tôi vì chúng tôi khát khao hưởng thụ, và chúng tôi bội bạc nữa. Hòn đảo của chúng tôi có lẽ cũng có nghĩa vụ như thế và nó được sinh

ra để chuộc tội kiêu căng của những xứ giàu có.

Những sinh vật mạnh, những vùng thịnh vượng luôn luôn buộc phải hành động, phải sản xuất. Chúng không thích thú lắng nghe, không thích nhớ lại rằng con người sống nhờ bàn tay Chúa. Vì thế Chúa đã sáng tạo ra những con người bé nhỏ và những hòn đảo vắng.

- Cần thận đấy cụ Bek! – Erik nói khi bắt tay tạm biệt – Cụ đang thuyết giáo cho một tà thuyết Gia Tô giáo về các thánh, và ngày mai mục sư mới của chúng tôi đến đó.

- Tôi không sợ chuyện đó đâu, bởi vì ông ấy đã xin làm chức vụ này, dù ông thuộc một gia đình cổ, có nhiều ảnh hưởng. Chỉ vì ông tên là Honoruis, ông ấy sẽ cùng quan điểm với tôi. Cần phải có một người nào đó cầu nguyện cho tội lỗi của con người, chỉ vì tình yêu với một người mà Chúa Trời sẽ tha cho Sodome và Gomorrhe.

- Thế thì, vì tình yêu đối với cụ mà Người sẽ tha thứ cho Sodome và Gomorrhe của tôi – Erik nói.

- Và của tôi nữa vì tình yêu đối với mamzelle Lucie – Ellen nói thêm.

- Tôi không chỉ chuộc riêng một tội lỗi, ngay cả tội lỗi của tôi. Đừng so sánh tôi với mamzelle Camrath. Trước hết hãy nghe câu chuyện của tôi đã rồi hãy nhìn mamzelle Lucie. Bà ấy không có tội lỗi. Bà ấy chỉ cầu nguyện xin tha thứ cho tội lỗi của chúng ta.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Phần III - Chương 1

Erik Lange dừng lại ở chỗ ngoặt của cồn cát. Biển xanh biếc. Suốt cả đêm anh đã trông người đàn bà câm, mãi đến sáng, chị ấy mới đẻ được. Rồi một giờ sau khi tất cả xong xuôi chị đã chết vì chảy máu quá nhiều. Loá mắt sau khi ngồi quá lâu trong bóng tối, choáng váng vì thở phải mùi máu và các thứ bẩn thỉu, kiệt quệ, mướt mồ hôi và thất vọng, anh bước ra khỏi cửa lảo đảo trong lúc rạng đông của một ngày tháng mười một này.

Anh đi theo con đê bằng đá và nhìn những tia mặt trời mọc đầu tiên nhuộm đỏ ngoài kia hoang mạc và cây đèn pha, cỏ đọng sương của đồi. Bỗng nhiên, biển mở ra trước mặt anh với những làn sóng thanh thiên diềm bọt trắng dưới bầu trời sáng chói. Gió nhẹ vờn trên râu Erik và tiếng rì rào vang lên trong những cây tùng trên đỉnh đồi. Dù sao Erik còn cảm thấy cái cảm giác

hạnh phúc không xứng đáng và kinh ngạc như khi anh cảm thấy trong bóng tối, trong mùi hôi thối và những tiếng kêu, anh đã lôi đứa bé ra đời với ngày mới đang ló nhòa sau kính cửa. Từ đầu đến cuộc đời mới này, cái buổi sáng mới này trên đảo? bây giờ Erik biết. Nó đến từ đêm dài và từ người mẹ đã chết. Erik nằm trườn trong cỏ khô dưới gốc một cây tùng và cái nhìn của anh đặt xuống những cồn cát màu xám cắt ngang bởi những bụi cây guốc bê. Con đường dốc đứng và lởm chởm đá cuội đi xuống sau lưng người thầy thuốc, biến mất để rồi lại hiện ra ở dưới thấp hơn, gần những kho hàng ở trước cảng và biển. tất cả đã hoạt động ở dưới ấy trong ánh sáng nhợt nhạt ban mai. Đúng là tàu bưu điện đã đến. Ông bưu tá và người của ông khuân các thùng, hòm lên xe tải. Người lái buôn và các nhân viên đẩy những toa xe chất đầy những thùng dầu hoả nặng. Chiếc mũ bé nhỏ của anh thuỷ thủ căng phồng trước gió nhẹ buổi sáng. Trên boong những tàu khác các thuyền viên trong trang phục đánh cá, đi đi lại lại. Màu xanh sâu thẳm của biển dựng thẳng lên, sùi bọt đập vào các đê chắn sóng.

Erik đã sợ bị buộc phải hy sinh đứa bé rất nhiều lần, trong cả đêm anh đã cầm lên chiếc cặp thai, nhưng anh gặp cái nhìn không đổi của người mẹ. Mặc dù kêu khóc, chị ấy vừa lắc đầu vừa nghiêng răng. Anh đã do dự và chờ đợi. rồi lẽ ra anh đã cứu sống cả hai mẹ con nếu không đột ngột xảy ra chảy máu.

Anh thở rất lâu. Một con người đã chết trong tay anh, một sinh mạng khác ra đời. Người mẹ dùng cảm đã trút xuống anh cái gánh nặng của cái chết và sự sống của đứa bé. Anh đã vâng lời cầu nguyện của đôi mắt mạnh hơn bất kỳ lời cầu nguyện nào của đôi môi bởi vì anh đã thành thấy tin rằng có thể làm được. Anh đâu có làm chủ được sự chảy máu. Nhưng còn đứa bé! Người cha là anh chàng say rượu duy nhất trên đảo. Căn nhà thôi thì bừa bãi lộn xộn vì người mẹ nằm liệt giường trong bao ngày! Anh đã chọn theo Lời cầu xin của người chết và theo lương tâm anh. Hậu quả của sự lựa chọn này sẽ là thế nào? Giá dụ đứa bé cũng câm như mẹ nó? Ô, cái ý nghĩ kỳ quặc! Đêm qua đã làm anh kiệt sức. Anh chẳng có lý do để tưởng tượng ra những chuyện như thế. Không thể có ý nghĩ đó trong một buổi sáng tươi vui như thế này.

Erik hít vào thật sâu như trước đây anh đã hít thở lần đầu tiên, rồi anh ngược mắt về phía nhà anh mái ngói đỏ đang rực lên dưới bầu trời xanh. Những cửa kính lấp lánh chiếu trên các cồn cát.

Bỗng nhiên anh thấy hình như không khí trên ấy tẩm đầy bụi bặm của những quyển sách cũ rích, tẩm đầy a xít của những dụng cụ hoá học, vật lý. Lần đầu tiên anh có cảm tưởng rằng tầm nhìn của anh đã nghèo nàn đi, gần như tàn tật. Những suy nghĩ của Ellen đã có thể lang thang ở đâu trong mùa đông suốt những giờ dài dằng dặc các buổi tối khi anh cúi đầu xuống bản dự án hoặc ngồi ở cửa sổ trước khoảng rộng xám xịt của biển, cái khoảng không đã tràn đầy mắt anh và trí anh. Cô đã mạnh dạn giúp anh trong việc đỡ đỡ ở căn nhà kinh khủng đó cho đến khi đứa bé lọt lòng. Sau đó những ngư dân mới đưa cô về nhà. Ôi! Đôi mắt của cô đã không rời đứa bé! Và giờ, sau một đêm bất bình thường như thế, thì chắc cô đang ngủ và không ngờ rằng cuối cùng anh đã thất bại.

Anh đứng dậy để leo lên lối đi về nhà. Anh trông thấy một ông xách chiếc vali đi trên con đường ở cảng. Một ông! Với cử chỉ và dáng đi ấy, là ai vậy? Người ngoài không đến đảo này, hoạ hoằn chỉ một lần trong mùa hè, nhưng trong mùa này của năm? Người đặc trách ở cồn cát? Không phải, anh biết ông ấy. À, mục sư, mục sư mới. Người bộ hành khuất đi sau những cồn cát trọc và Erik tiếp tục đi theo lối mòn.

Anh chẳng có chút thiện cảm nào đối với các mục sư. Chẳng phải ông trước đã tìm đủ mọi cách để chuồn khỏi đây và tìm công việc chắc chắn trên đất liền đó ư? Còn những người khác, chín ông đã ở trên đảo trong thời của Bek... Và lại, không kể chuyện đó, thì làm sao mà một người có lương tri và chủ tâm ngay thẳng lại có thể là mục sư của một Gia Tô giáo được phép của Nhà nước và phục tùng Nhà nước? Thế mà ông mục sư này đã xin việc ở đảo và đã đến kia bởi vì ông ấy tự do và bị đồng nghiệp khinh rẻ? Con người giàu có ấy thuộc một dòng họ cũ đã rời bỏ hoạt động của mình để đến đây.

Erik nhớ đến buổi sáng mà họ đến đây bằng tàu Anne- Henriette sau một đêm dài trên biển, được một làn gió nhẹ đẩy đi, họ trông thấy thừa thớt mây nếp nhà trên những hàng đá đồ sộ của các vách đá dựng đứng, những cột buồm của cảng, những đê chắn sóng, nơi những ngọn sóng và bão cát đập vào. Nhưng, họ thì hai người. Đàng này ông ta đi một mình.

Trong lúc đó, người lạ lai xuất hiện. Đầu cúi xuống, vali vác trên vai, ông leo lên rất vất vả. Erik còn ngần ngại, nhưng người mới đến đã ngẩng đầu đột ngột và nhìn anh. Lange bỏ mũ. Hai người chào nhau.

- Tôi nghĩ rằng ông là mục sư mới của đảo – Erik nói, vừa đi đến người kia – tôi là thầy thuốc.

- Vâng, tôi là mục sư Honorius – người lạ trả lời vừa bắt tay Erik giờ ra rất khê và dịu dàng.

- Tôi chắc ông đã có một chuyến đi biển rất tốt – Erik nhìn biển xanh đang lặng lẽ gợn sóng – Nhưng có lẽ ông chưa quen đi biển nên chuyến đi vẫn còn làm cho ông bị mệt phải không?

- Vâng, tôi không quen đi xa. Hầu như luôn luôn ở trong phòng để học tập – Ông mục sư nói, vừa bỏ mũ phớt và vuốt tay lên mái tóc vàng hoe – Nhưng đêm qua thì tôi chỉ nghĩ đến hòn đảo này mà tôi sắp đặt chân lên, cuộc sống mới mà tôi sắp bắt đầu. Từ bốn giờ sáng tôi đã leo lên boong để xem có nhìn thấy đất không. Không có gió nhưng chúng tôi đã đi ngược sóng chỉ cốt cho đến nơi. Chỉ mới bảy giờ kém. Ông luôn dậy sớm thế à bác sĩ?

- Tôi đã thực hiện một cuộc đỡ đẻ, - Erik nói – Ông đã không ngủ cả đêm, chắc là ông mệt lắm đấy.

- Tôi không chối điều đó, sức khoẻ tôi kém lắm – Mục sư đáp như thể xin lỗi – Tôi nghe nói rằng ở chỗ người lái buôn chỉ có chỗ trú cho thủy thủ. Tôi phải vào làng và đến quán trọ.

Erik nhìn ông một lát. Cao to, lưng còng, ông có bộ ngực lép và đôi vai trể. Má ông nhợt nhạt và chàm đỏ. Ông có cái nhìn ướt át sau cặp kính và cái miệng giống như của phụ nữ.

- Hừ, ông Honorius ạ, còn đến một phần tư dặm nữa mới tới làng, lại phải đi qua những dốc dựng đứng đầy cát. Nếu ông không chê xin ông đi theo về nhà tôi ở trên cồn kia kia, để nghỉ ngơi đã, sau đó chúng ta sẽ cùng đi vào làng. Dù sao đi nữa, tôi cũng phải đi xem đứa bé.

- Mẹ nó chết rồi à? – Honorius hỏi.

- Vâng, nhưng sao ông đoán biết?

Honorius không trả lời. Hình như ông đang đeo đuổi ý nghĩ riêng. Erik hỏi lại:

- Ông có đi không?

- Có chứ, và thành thật cảm ơn.

Với bàn tay dài ông ấn sâu cái mũ xuống.

- Nhưng đến sớm thế này, chẳng giữ kẽ gì cả, có làm phiền ông quá nhiều?

- Không đâu, tôi thì đã dậy rồi như ông đã thấy, còn vợ tôi chắc là còn

ngủ. phải nói với ông là cô ấy đã giúp tôi tối hôm qua.

Họ cùng đi theo lối mòn đến tận nhà Erik. Anh tự hào về Ellen? Anh muốn khoe vợ mình trước con người độc thân này ư? Đến trước ngôi nhà gạch nhỏ có những cửa sổ lấp lánh được trang trí bằng những chậu hoa, họ nhìn ra biển từ một cái nền đắp phủ đá cuội phía trên những bậc thang gỗ. Những con người cựa quậy ở cảng. Nơi khác người ta không thấy dấu hiệu nào của sự sống. Chim và người đều bé tí trên bầu trời và trên bờ biển!

- Đây là đảo – Mục sư nói, vừa cúi người ra phía trước. Ông đã đặt vali xuống sỏi – Chuyến đi mất sáu giờ.

- Chuyến đi có thể lâu hơn, cũng có thể nhanh hơn. Tàu Anne-Henriette phải mất mười, mười hai tiếng mới đến nơi khi bị ngược gió. Nhưng đó là hồi xưa khi chưa phát minh ra động cơ. Người ta đi khi trời sương mù, lặng gió thì mất bảy mươi lăm giờ, còn lâu hơn nữa khi tàu xuất phát từ Copenhagen hoặc Cilleleje. Nhưng bây giờ chỉ hoạ hoãn đến đây một năm vài lần thôi.

Honorius lắng nghe:

- Thế mà hồi đó cũng có những mục sư.

- Thật ra thì có đấy, trước khi có thầy thuốc – Lange nhượng bộ vừa ném một cái nhìn sắc vào người bạn – Ông có tin rằng ông có thể yên tâm ở trên đảo không? – anh hỏi, vừa mở cửa hành lang.

- Dù thế nào thì tôi cũng thấy ở đây là tốt – Honorius trả lời bằng giọng trầm buồn vừa nhìn xung quanh bằng đôi mắt cận thị.

- Chỉ có ở đây? – Lange nói với vẻ chất vấn.

- Vâng, làm mục sư.

Lange cúi đầu:

- Tôi hiểu ông, tôi cũng thấy tốt hơn ở nơi khác...

Vào đến phòng khách, anh ngạc nhiên thấy Ellen ngồi ở cửa sổ, hai bàn tay để trên đầu gối, mắt nhìn ra biển. Cô vẫn mặc nguyên chiếc áo màu xanh nước biển với cái cổ còn trắng như chiều hôm qua. Mớ tóc dày của cô lượn sóng xung quanh trán.

- Ellen, cô bé của tôi, em không ngủ à?

Cô vội ngược mắt lên và đưa bàn tay qua lông mày, mỉm cười như vừa trải qua một giấc mơ đẹp.

- Ô, Erik, em nghĩ, em không thôi nghĩ về đứa bé mà chúng ta, mà anh...

Nhưng khi nhìn thấy có mặt người lạ, cô đỏ mặt như vừa nói ra một bí mật mà cô lấy làm xấu hổ. Cô sửa lại nếp áo, vội vàng đứng lên. Erik giới thiệu:

- Đây là vợ tôi, và đây là ông mục sư mới Honorius – Ellen chìa tay.

- Xin chào ông.

Erik nhìn cô. Cô đứng đấy, trước cửa sổ, cao lớn mạnh mẽ, trong chiếc áo

màu xanh như đang lẫn vào cảnh hoa và biển xanh mà anh thấy hình như đó là biểu hiện sinh động của buổi sáng tươi mát này. Cô đã trải qua nhiều giờ cười với nụ cười đẹp để đầy lòng tin biết ơn mà anh đã từng làm mờ tối. Ông mục sư cúi mình.

- Từ những cửa sổ của tôi nhìn ra có thấy được quang cảnh như thế này không?

- Không, phong cảnh cũng sẽ bao la, nhưng luôn luôn xám xịt và âm u. Các cửa sổ của ông mở ra hoang mạc.

- Cái đó có lẽ sẽ phù hợp với hoàn cảnh của tôi hơn – Ông nói.

Erik nhìn họ, ông mục sư và người đàn bà cao lớn tóc vàng hoe, vợ anh. Anh cảm thấy bỗng nhiên bị xâm chiếm bởi một nỗi buồn vô tận và đồng thời bởi một niềm vui êm ả lạ lùng. Con người không chỉ được định vào những số phận lớn, như cụ Bek đã nói tối hôm qua. Cho đến hiện giờ, Erik đã tin rằng mình thuộc số người phải hoàn thành những chuyện lớn. Nhưng cụ Bek và mamzelle Camrath đã đến đảo để tìm ở đây một mục đích khác cho cuộc đời của họ, một mục đích mà Erik và ông mục sư không biết, nhưng người đàn bà câm thì đã đạt tới đêm hôm qua.

- Ellen – anh nói, vừa đặt bàn tay lên bàn tay vợ - Sau khi em ra về vài giờ thì chị ấy chết vì chảy máu.

- Chết! – Ellen lùi lại một bước như bị đập vào tim.

Erik mỉm cười buồn bã.

- Mọi năm không có ca tử vong nào trên đảo, ông Honorius ạ, thế mà ông lại sắp phải làm ngay nhiệm vụ riêng của ông rồi đây.

Ông mục sư gật đầu đồng ý, vẻ dăm chiêu. Ellen vẫn áp bàn tay vào ngực như thể cô muốn làm ngừng chảy máu cho sản phụ. Đôi mắt cô tìm trong đôi mắt của Erik lời đáp cho một câu hỏi nghiêm trọng.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 2

Ông mục sư Honorius dừng lại khi họ đi từ trong con đường lún giữa những quả đồi ra đến hoang mạc mà quang cảnh dưới bầu trời rộng lạnh lẽo trông như phong cảnh đêm trăng. Ông đứng im, tựa trên chiếc gậy một lúc, rồi gật đầu nói:

- Thật ra thì đúng là hoang mạc rồi, nhưng không phải là cái hoang mạc mà ở đó một tiếng kêu cất lên không ai nghe thấy.

- Không, - Lange đáp – Khi một tiếng cất lên ở đây thì chắc chắn là từ

xa người ta nghe được, và nó còn vọng lại rất lâu.

- Cái đó thì tôi tin thôi.

Một sắc hồng yếu ớt nhuốm lên đôi má lõm của mục sư.

- Dù thế nào thì bây giờ tôi cũng hiểu – và ông giờ gây chỉ vào hoang mạc – tôi đến đây để làm gì.

- Và tôi – Erik giờ bàn tay cho ông – nghĩ rằng dân đảo có thể vui mừng về việc ông đến đây.

- Đừng vội nói thế, ông có biết tôi đâu.

- Không, tôi biết ông đã xin làm nhiệm vụ này để không ai có thể nói rằng không một người nào trong số các ông chịu đến đây cả, xấu hổ cho nghề nghiệp của ông.

Má của mục sư cháy lên và ông vung gậy ra sau lưng.

- Nhưng xấu hổ cho Chúa không tìm được tôi tớ.

Giọng ông vỡ ra và ông ra hiệu chào tạm biệt hai người, rồi bắt đầu trèo lên lối đi dọc theo đồi Kirkebajaerg đến ngôi nhà của mục sư có cửa mở ra hoang mạc.

- Anh Erik – Ellen nói, sau khi họ im lặng một lúc qua những phố làng – Em tin tôi anh có thể dẫn ông ấy đến chỗ cụ Bek để ông ấy thấy rằng Chúa vẫn còn các tôi tớ và những cộng đồng con tin.

- Đúng là anh cũng đã nghĩ thế - Erik nói – ông ấy sẽ ở đấy.

- Ông mục sư gửi lời chào cụ - Ellen nói với cụ Bek.

- Bà ấy đã trông thấy ông ấy rồi - cụ Bek giờ ngón tay chỉ mamzelle Lucie – và bà ấy bảo ông ấy giống Jacobus Uz. Nếu là ông ấy thì hạnh phúc lại đến với đảo chúng ta rồi.

Mamzelle Lucie ngước mắt nhìn qua những đồ đan.

- Ông nói rất đúng, ông Bek ạ - bà nói hơi chút ngập ngừng – tôi thấy như mình trông thấy ông Jacobus không có bấu u – rồi bà tiếp tục đan len. Cụ Bek mỉm cười:

- Chúng ta sẽ bỏ qua chuyện bấu u nếu như ông ấy giống Jacobus về những cái khác còn lại.

- Em có nhớ anh đã nói gì không, Ellen? – Erik hỏi vợ - Tiếng nói sắp cất lên sẽ có một tiếng vang rất dài.

- Ừ, bởi vì sự yên lặng của nghèo nàn sắp nghe theo ông ấy – Clemens nói.

- Đêm qua cụ thế nào? – Erik hỏi.

- Tốt, Mãi tôi không ngủ được, quằn quại vì cái bệnh gút, nhưng tôi lắng nghe tiếng gió bên ngoài và tiếng tích tắc của cái đồng hồ trong nhà, tôi nghĩ đến tất cả tiếng gió mùa thu mà tôi đã nghe thổi qua đảo này. Tôi nghĩ đó là làn gió cuối cùng mà tôi được nghe và đã đến lượt tôi bay từ đây đến những miền ôn hoà hơn – cụ mỉm cười – Tôi nghĩ đến tất cả cuộc đời tôi,

ông bác sĩ ạ. Đến tất cả cái gì tôi phải cảm ơn. Tuy là sức khỏe kém, tôi luôn đủ sức để không phải trút gánh nặng cho ai cả, chỉ trừ năm mà tôi bị mất một lá phổi và đã ở lại nhà bác sĩ Orebro. Tôi luôn luôn có một mái nhà ở trên đầu, có bánh mì trên bàn ăn của tôi, dù cho mái nhà đó chỉ là một mái nhà của đảo và bánh mì thường rất cứng. Đời tôi chỉ có hai lần tôi phải ở ngoài trời không có gì che thân, không có gì ăn nhưng tôi đã nhìn những hoa loa kèn đồng nội và những chim trời, thế rồi, như lời trong Kinh Thánh, Chúa Trời đã cho tôi ấm thân và no bụng. Tôi nghĩ đến những kẻ thương người và sùng đạo đã dạy tôi rằng nếu Chúa có vẻ xa chúng ta thì thắng lợi của Người cũng là chắc chắn. Trước tiên tôi cảm ơn Chúa đã cho tôi một tính có thể hài lòng, một tính cách sung sướng và vui vẻ. Các bạn cứ nghĩ tôi là con bất hợp pháp của một ông bố kém cỏi, yếu đuối, cuồng loạn, xuất thân từ một dòng họ cổ kiêu ngạo và đòi truy, là con trai của một bà mẹ mà tôi chẳng hề biết gì ngoài chuyện ông bố của bà là một con người cứng rắn, vậy thử hỏi các bạn thế thì sự vui vẻ của tôi từ đâu đến nếu không phải từ ngọn nguồn của mọi niềm vui. Trong giờ tắm tối của lúc tôi sinh ra, Chúa Trời đã cho nhỏ xuống một giọt niềm vui đó vào tim tôi, và giọt này đã chất đầy cho tôi một hạnh phúc không thể cưỡng lại, không thể đánh bại, và không được suy xét đắn đo.

Cụ mỉm cười nhìn qua cửa sổ vào những đá ngầm, những vệt tối của những ngọn đồi đổ xuống lấm châm trên bãi cát mênh mông. Những vách đá đàng xa lấp lánh như tấm lụa trắng. Ngọn đèn pha như kéo buồm ra khơi, trông giống một mũi tàu ở trước hòn đảo.

- Đây là lối vào của vương quốc niềm vui – ông già thì thầm.
- Nhưng trước khi cụ đi được xa như thế, thừa cụ Clemens Bek, trước khi vượt qua ở cụ cái yếu đuối của bố cụ và nỗi buồn của mẹ cụ, trước khi rũ bỏ được cái ách mà Eberhard đặt lên vai cụ...?
- Ồ, thưa ông, không phải là tôi không cảm thấy những dẫn vật, những đau đớn xác thịt. Sức nặng của sự di truyền và cái ách mà ông nói đó tuyệt đã quật ngã tôi. Tôi đã phải trải qua nhiều hình phạt mà tuổi trẻ tạo nên: những đòi hỏi vô liêm sỉ đối với cuộc đời, yêu cầu được nuông chiều, áp ứ của chúng ta, sự đau đớn bỉ ổi của chúng ta khi ngã xuống đất, chúng ta tự làm chúng ta khổ. Nhưng cuối cùng chỉ còn mỗi một quyền là cảm ơn Chúa vì những gì còn lại của đời chúng ta và lúc bấy giờ chúng ta đạt tới cái đích đã không ngừng đeo đuổi: niềm hạnh phúc không là gì khác, mà chính là Chúa.
- Có lẽ cụ nói có lý. Tôi nhớ hôm qua cụ đã nói rằng những người yêu hoàn cảnh sự nghiệp của Chúa bằng cầu nguyện trong lúc đó những người mạnh thì tranh đấu. Những người này có bao giờ đạt tới hạnh phúc không?
- Ồ, đừng nghĩ rằng tôi hơi liều lĩnh khi đưa ra nhận định của tôi như

một giấc mộng ở cái nơi hẻo lánh này. Tôi chỉ muốn nói có điều này, đây các việc đã xảy ra với tôi như thế nào. Tuy nhiên người mạnh nhất khi đã già rồi, cũng cảm thấy những tình cảm như tôi, dù cho người đó có được Chúa đặt tên là gì.

- Tôi chẳng hiểu gì cả, cụ Bek ạ. Tôi không hiểu gì cả, nhưng cụ hãy nói cho chúng tôi, những người còn trẻ, về con đường dài dẫn đến đích ấy.

- Vâng, thưa bác sĩ. Than ôi! Quả thật là một con đường dài gắn từ cái giường chết của Eberhard trong cái gác xép của trường học đến cái giường chết của tôi trong hoang mạc của đảo. thời gian mà tôi bỏ ra để đi qua rất dài, nhưng bây giờ, trong ý nghĩ của tôi nó chỉ kéo dài vài giây.

- Vậy nên – ông già nói tiếp - ồ, ở lại đây đã, mamzelle Lucie thân mến, tôi đã đứng dậy và nhìn xung quanh tôi trong cái buổi sáng xám xịt đó. Tôi run lên, giấu mặt vào lòng bàn tay lạnh giá của Eberhard và tôi cầu nguyện để được biến xuống dưới đất cùng với ông ấy. cuộc đời hiện ra với tôi quá nặng nhọc cũng lạnh lẽo như ánh sáng của buổi sớm đó, quá xa lạ, quá khó hiểu. Tôi khác với mọi người, tôi là một Joseph bị tách biệt ra ở đáy giếng của ông và tôi không muốn người ta bán tôi cho những người xa lạ. Tôi chỉ đòi hỏi được giấu mình và cuộc đời mà tôi đã không muốn này được rút đi, tôi chỉ đòi hỏi người ta cho phép tôi tự vứt bỏ trong giấc ngủ và chết quách đi.

Đó là đòi hỏi vô liêm sỉ hồi tuổi trẻ của tôi, cái đòi hỏi chẳng kém trơ trẽn gì hơn những người khác. Nhưng cuộc sống lấp đầy chúng ta, chúng ta chỉ còn việc nắm lấy những quà tặng của nó. Tôi đã phải đứng dậy vì sự tiếp xúc với cái sàn cứng làm thương tổn đầu gối tôi. Hơi thở của tôi đóng băng trên tay Eberhard, hay là bàn tay đó làm tôi băng giá? Thân thể tôi không phải là của tôi nữa, nó thuộc về thế giới này, nó có những nhu cầu và những ham muốn xác thịt mà tâm hồn cô độc của tôi không hiểu nổi. Dù sao, tôi cảm thấy tôi dính vào với cái ánh sáng xám xịt này một cách không hoà tan, với vô số tiếng nói cất lên từ đường phố mà không hoà hợp, và tôi bị tách rời với con người đã đi vào nơi yên nghỉ. Con đường sẽ khá dài trước khi tôi trở thành như người đó, nhưng tôi bắt buộc phải đi theo con đường ấy.

Trước hết là vì tình yêu với người đó. Người đã chăm nom thể xác tôi từ khi nó tồn tại nên không thể lo cho thể xác của mình. Chính là tôi phải làm việc ấy!

Cái nhìn của tôi đã đưa ra phía cửa sổ và tôi biết ngay là tôi tìm cứu giúp ở đâu.

Dưới chân tôi trải dài một khu vườn rộng mà tôi đã ngắm nghía luôn từ trên cao của gác xép chúng tôi. Khu vườn lớn của ông chuồng lý Nauy Erasmus Colbjornsen, bố của bạn học cùng trường Adam Colbjornsen.

Tôi đứng dậy và đi ra mở cửa sổ. Khu vườn giống như một chiếc gối bằng

nhưng nằm ở sau tường màu vàng bản. Đầu hồi nhà của Caolbjornsen màu xám hiện ra như vách đá dựng đứng. Nghĩ đến chuyện phải đến đó mình tôi co rúm lại. Thế nhưng tôi biết rằng nên làm điều đó. Adam Colbjornsen và Augustin Halm là những người bạn duy nhất mà tôi quen biết ít nhiều hơi khác với số bạn tôi biết qua những lời chế giễu và những cú đấm. Hai đứa này không bao giờ làm gì xấu, nhưng cũng không làm điều gì tốt. Tuy nhiên nhờ có Adam mà tôi có thể chịu đựng được bốn năm thống khổ của tôi. Không có nó tôi không biết là tôi có khỏi ngã khuỵu hay không. Nó không bao giờ nói với tôi quá hai tiếng và không bao giờ giơ một ngón tay nhỏ lên để loại bỏ cho tôi những đối xử tàn tệ của các bạn tôi. Nhưng cái đó không cần thiết. Lần cuối cùng chúng nó giật sách của tôi và đánh vào mặt tôi đến chảy máu thì nó hơi nhún vai, mắt nhìn nửa quay đi và nói "Bảo là chúng mày vui được vì cái đó sao!"

Thế là đủ để cho tôi được yên ổn từ đó. Các bạn tôi xấu hổ, Adam thấy chúng nó trẻ con. Cần phải chứng tỏ cho nó biết chúng là người lớn. Và tôi đã được phép ở yên trong góc của tôi không ai trông thấy.

Tôi hiểu rõ rằng trong ý nghĩ của Adam thì tôi không hiện hữu mà các bạn cùng học của chúng tôi cũng thế, tôi còn kém cả chúng vì đã mang trong cặp một cây gậy thống chế. Tôi biết hơn ai cả rằng nó có lý. Tôi, người được chọn của Chúa, tôi là đứa con hiếm có trong số con của Người. Tôi không đòi hỏi gì hơn những người khác đòi hỏi, tức là ngắm nhìn Adam và ngắm nhiều hơn, ngắm nhìn khuôn mặt nghiêm trang và tinh khiết, mớ tóc lượn sóng, nụ cười nhạo báng, khăng quàng lụa, những bàn tay trắng, thái độ và dáng đi nhẹ nhàng, trí thông minh nắm được tất cả trong khi chơi, nhằm cái cao hơn đích có thể được, sự khinh thường độ lượng, sự khinh thường của chủ đối với nô lệ.

Khi trong các giờ học tôi không ngừng ngắm nghía nó thì tất cả đối với tôi đều dễ dàng chấp nhận, các bài học, cái thế giới đại diện bởi các thầy giáo và học sinh, cho đến cuộc sống bên kia các bức tường của trường. Lúc bấy giờ tôi trải qua phần ngày còn lại, ngồi bên cửa sổ, cúi xuống các bài làm trong khi Eberhard làm việc hoặc trầm tư về những quyển thuyết giáo. Khi tôi gặp phải một đoạn đặc biệt khó trong các bài văn La Tinh hay Do Thái, hoặc là sự mệt mỏi bắt tôi phải nghỉ một lúc, tôi đã nhìn khu vườn rộng tắp mình trong bóng tối hay xào xạc những cây xanh xung quanh mặt tiền màu xám của ngôi nhà.

Khi gió tách các cành cây ra, tôi trông thấy Adam thong thả dạo chơi, mình thẳng lên, đầu ngả về đằng sau, mắt mơ màng nhìn trong đám lá. Nó không có những giấc mơ không rõ ràng và ngoài trái đất như tôi, mà hình dung ra những dự định chắc chắn và sáng ngời cho tương lai. Đôi khi tôi trông thấy nó chơi nhảy vòng trên nền đất đắp với những thiếu nữ mặc áo trắng, thân

hình dong dỏng cao, cánh tay trần, băng lụa cài tóc. Mùa lá rụng lộ ra những cửa sổ hình cung nhọn của ngôi nhà được chiếu sáng tung bừng. những chiếc xe đậu trước cổng. Trên xe bước xuống những quý ông mặc đồng phục, mũ cắm lông chim, và các quý bà mặc áo hở vai với bọn người hầu có dải trang sức đi theo. Thịnh thoảng có cả Frederic VII Và đám tùy tùng, hoặc cả những hoàng tử ngoại quốc đi vào cổng. Tiếng nhạc valse văng đến tận chỗ chúng tôi, át cả lời cầu kinh chiều của Eberhard.

Tôi nhờ Adam đến giúp tôi. Trong các giờ học , thịnh thoảng nó đã bắt gặp ánh mắt lạnh lùng của nó nhằm vào tôi một cách lạ lùng. Người ta có thể tin. Ừ, mà đúng thế - rằng nó coi tôi giống nó hơn những đứa khác, giống trong phạm vi thấp nhất với nó, vì nó ở trong phạm vi cao nhất. Tôi xấu hổ vì điều đó, nhưng lại cho là nó đúng.

Sau kỳ thi tốt nghiệp nó đã giơ bắt tay tôi trong tiền sảnh của tươi như để xin lỗi về chuyện được xếp thứ cao hơn ntg, bảo rằng nó chỉ bị ép buộc, nửa trái với ý muốn của nó lặc nhận mất phần thưởng danh dự của tôi, cái đích mà, thúc đẩy bởi Eberhard, tôi đã nhằm đạt tới trong suốt bốn mùa của đời học sinh. Tất cả mọi cố gắng của tôi đều nhằm vào đấy. Tôi chắc chắn điều đó như là tôi đã có nó trong tay. Quả không phải là do kiêu hãnh mà bởi vì tôi đã học kỹ, học sâu hơn những người khác, đã làm việc ngày đêm với bao vất vả. Cần phải có cái phần thưởng đó để có thể xoay sở trong tương lai. Hơn nữa những đứa khác cũng cho rằng tôi sẽ có nó và chúng đã nói chuyện đó với giọng nửa đùa nửa thân mật. Bây giờ chúng tôi đã lớn nhưng chúng vẫn cư xử với tôi theo kiểu ấy. Nhưng Adam cho biết rằng phần thưởng danh dự và món tiền kèm theo sắp được chuyển cho tôi. Nó nhìn tôi chăm chú và mím môi.

Mãi đến lúc đó tôi mới biết là tôi đã bị trượt mất phần thưởng. Sau khi tốt nghiệp, tương lai của tôi sẽ nằm trong những bàn tay đã yếu đi và run lẩy bẩy của ông già Eberhard. May thay, khi tôi đến với bằng tốt nghiệp nhưng không có phần thưởng thì Eberhard đã bị quật ngã vì sốt rét và đã xa thế giới này rồi. Ông ấy không hỏi tôi và tôi đã không bị buộc phải trả lời lại lần thứ ba ở ngưỡng cửa của sự yên nghỉ của ông và buộc tôi ở lại cái xứ sở lạnh lẽo và xám xịt này để mà phiền muộn và làm việc nữa.

Bây giờ thì những bàn tay tích cực đó đã nắm được những cành cọ cực lạc nên cần phải có Adam đến giúp tôi. Đó chính là lời hứa giúp đỡ mà cái nhìn của nó đã báo cho tôi biết trong tiền sảnh nhà trường. Còn có ai có thể cứu giúp tôi nữa? Augustin Halm ư? Là trẻ của Hội Cứu Tế, cũng là con bất hợp pháp như tôi, nó được một số mục sư ở Copenhagen bảo vệ và bắt phải chịu một cuộc sống khổ hạnh. Tôi rùng mình khi nghĩ đến những bàn tay vàng khè và ẩm ướt, đôi mắt buồn tẻ và toàn thân nhóp nhép của nó. Thuộc vào tầng lớp xã hội như tôi, nó đã bị hành hạ, ngược đãi như tôi, nhưng dần dần

nó đã chinh phục được các thầy giáo bằng khả năng dị thường làm nhanh các phép tính, và cả bọn học trò nữa, bằng cách hạ mình bò lê và làm hàng ngàn việc hầu hạ nhỏ bẩn thủ cho chúng.

Tuy nhiên, nó hay dòm ngó thêm thường ghen tị đối với tôi. vì tất nhiên là nó coi tôi ngang hàng với nó. Nhưng chỉ vì thầy mới giúp đỡ tôi. Augustin tuy rtxa, đối với tôi lại hoá raw gần. Thế là tôi đã như một kẻ miên hành tìm đến trước cái cổng lớn phía trên có treo phù hiệu của Na Uy, đầu nghĩ đến tất cả những ông lớn của xã hội đã bước qua ngưỡng cửa này. Tôi quên sự suy luận mà Eberhard xét về họ và ngần ngại không dám kéo cái vòng sắt. Trong làn sương mù, tôi trông thấy anh đầy tớ đem băng bạc, cái cầu thang đá hoa cương, những phòng khách có ghế bọc vải bao và cuối cùng tôi đến trước Adam. Nó kinh ngạc đứng lên khỏi chiếc ghế bằng gỗ sồi đặt trước cái bàn giấy khổng lồ. Tôi oà khóc và gục đầu vào cái bàn giấy như gục xuống bậc bước lên ngai, khẩn khoản nói rằng Eberhard đã chết và tôi đến cầu xin giúp đỡ. im lặng một lúc lâu, rồi tôi ngược mắt lên.

Adam chơi với chiếc dao rọc giấy. Nó mỉm cười nhẹ nhàng đến nỗi nước mắt tôi ngừng chảy và tôi bỗng trở về với thực tế. Tôi đã không bao giờ nói với Eberhard là tôi cảm phục và yêu mến Adam và khu vườn của nhà Colbjornsen. Tôi biết chắc thế nào ông cũng đặt bàn tay lên gáy tôi để quay đầu tôi sang bên khác, bên thánh giá. Ông đã có lý. Tôi không bao giờ nên quay đầu sang phía đó. Nhưng ôi, Chúa ơi! Cây thánh giá đứng có một mình. Eberhard đã chết và đôi mắt của Adam thì xanh, như bầu trời xanh biếc đã khiến tôi chóng mặt bằng hoàng hôn còn bé.

- Thật buồn cho mày, Clemens ạ, bố mày mất!

Các thầy giáo và bạn tôi gọi tôi là Clemens.

Tôi nhắm mắt, lại bị chóng mặt dưới bầu trời bao la. Bố mày? Cho mày? Nó muốn quên sự hổ thẹn về nguồn gốc ra đời của tôi? mãi nhiều năm về sau tôi mới tìm thấy ở một nhà tư tưởng trong đồng sách của Jacobus Uz, những lời nói lên cái sức mạnh khiến tôi phải cúi xuống lúc bấy giờ. "Đau khổ là của mày và chính mày phải gánh chịu".

Tôi đã cúi mình ư? Không, tôi quỳ xuống, không còn nhìn thấy bầu trời nữa, mà chỉ thấy cái trái đất này đã khép lại, không muốn nhận tôi.

- Tao sẽ xin bố tao sai một đầy tớ đến lo việc chôn cất, để cho mày khỏi lo lắng trong buồn phiền. Rồi mày phải rời khỏi cái nhà ở trên cao ấy thôi. Mày định đi đâu?

- Tôi không biết.

Đi đâu ở Copenhagen? Người ta cũng có thể hỏi tôi muốn ở đâu trên thế giới bao la này. tôi cũng chẳng biết nữa, về thế giới thì tôi lại càng ít biết hơn thành phố này.

- Được rồi, Conradsen sẽ đến giúp đỡ mày. Tao sẽ nói chuyện đó với

bổ tao. Tao chia buồn với mày.

Nó chia ra cho tôi cái bàn tay trắng trẻo, qua cái măng sét gấp, kéo cái vòng bạc bên cửa và một người hầu phòng xuất hiện ngay.

Sau đó tôi quỳ trước xác của Eberhard. Nhìn gác xép của chúng tôi, tôi nhớ đến phòng khách của Adam. Khi úp mặt vào bàn tay lạnh giá, tôi cầu xin bàn tay đó bắt tôi quay về phía thánh giá, về phía cửa tôi. Tôi chẳng biết gì hơn và từ lâu tôi không phải là người mà Eberhard lựa chọn. Tôi đã không thể đáp ứng được hy vọng mà ông đặt vào tôi. Tôi đã không thể lay chuyển nổi một trong những cây cột trong cái đền của thế giới này. Tôi yếu đuối quá. Chúa không thể nào sử dụng tôi để xây dựng giáo đường của Người được. Tôi được tạo ra cho bóng tối, không phải cho ánh sáng.

Eberhard chỉ có lý ở một điểm: tôi được tạo ra để làm cây thánh giá, chỉ để làm cây thánh giá. Tôi không thể vác nó, cây thánh giá, không phải cái gì khác. Còn việc dựng nó vào chỗ xây nên sở chứng khoán và giáo hội của thế giới này thì tôi lại còn kém hơn cả mọi người. Tôi chỉ là một trong hàng ngàn người vác cây thánh giá qua các thế hệ cho đến một ngày có bàn tay đích thực, mạnh mẽ nắm lấy nó trông trên năm mồ của thế giới này và trên giáo đường của Người. Tôi cầu xin Chúa che tôi bằng bóng tối của thánh giá, và giấu tôi trong bóng đêm của Người.

Có ai gõ cửa. một gia nhân bước vào, đi theo là một nhân viên phường đồn. Tôi đứng lên bối rối và khốn khổ, bây giờ tôi là người tiếp khách trong phòng này, phòng của tôi từ rày.

Sự xúc động của tôi thật vô ích vì hai người đàn ông tự tiện làm việc coi như tôi không có mặt. Nhân viên nhà đồn xem xét xác chết, viết mấy chữ trên cuốn sổ của anh ta, ho và đưa cầm lên trên phía trên chiếc cà vạt cao.

Anh gia nhân ngồi xuống chiếc ghế cứng bằng gỗ mà Eberhard đã dùng suốt trong hai mươi bảy năm sống ở nước ngoài. Anh ta nhìn khắp nơi, vừa huýt sáo. Nhân viên phường đồn làm xong việc, quay sang phía Conradsen, vừa cầm bút chì vào trong quyển sổ con.

- Không còn phải làm gì ở đây nữa – vừa chỉ người chết bằng đầu móng tay vấy mực – chiều nay một người sẽ đến mặc quần áo cho xác chết. Đám ma sẽ được cử hành vào thứ tư tới do Hội Cứu Tế đảm nhiệm.

- Khoan đã. Quan Cận thần truyền lệnh cho chúng ta báo tử ở phòng thừa kế trong trường hợp tìm thấy người chết có sắp xếp cái gì, tôi nói là chúc thư, di chúc gì chẳng hạn – anh đầy tớ nói vừa khoanh tay và đảo mắt vòng tròn – Chúng ta quên mất, Jochumsen ạ. Hay chúng ta tìm xem? Ông có nghĩ rằng chúng ta nên làm không?

Nhân viên bí ẩn cười gằn sau những ngón tay đen và ẩm ướt ở chiếc găng của ông ta.

- Nào, tìm đi, và anh sẽ tìm thấy, một câu tục ngữ cũ đã nói ắt là đúng.

Trong công việc này Jochumsen phải ra tay thôi, bởi vì ông, ông thừa kế, chắc là không biết gì cả.

Tôi lắc đầu và càng rút lui vào trong góc.

- Này, tôi nghĩ rằng cái này đúng là một chiếc mũ sinh viên – Nhân viên phường đồn nói, vừa nhặt cái mũ của tôi nhàu nát ướt đầm nước mắt rơi ra từ sau lưng người chết – Ai là sinh viên, ở đây?

- Chính là ông này, ông thừa kế - anh đầy tớ chỉ tôi, trả lời.

- Ông là...sinh viên? – nhân viên mở to mắt.

Tôi không trả lời. Ai có thể ngạc nhiên hơn tôi là người có cái mũ trắng?

Bỗng một tiếng than làm tôi rùng mình. Dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn nến, Jochumsen cầm ở tay một cuộn dài giống như một chiếc tất. Tôi trông thấy những đồng vàng, rồi người ta tắt ngọn nến. Các nhân vật ngồi xồm soạng trong bóng tối vừa rì rầm rất khẽ.

Tôi đứng lên. Tôi đã trông thấy gì? Vàng, ở đây, trong nhà chúng tôi, trên giường Eberhard. Và bỗng nhiên tôi nhớ đến những tiếng đập ở cửa nhà chúng tôi, một buổi chiều, và tờ năm mươi rixdan trên sàn nhà. Tôi nghe Eberhard nói với tôi. "Ta nhận việc này vì nó sẽ nuôi sống ta và con. Học phí sẽ được trả bằng tiền của bố con, nhưng số còn lại sẽ được để dành cho con đến khi ta chết. Ta không gửi nó vào quỹ tiết kiệm, mà nó sẽ được cất vào nơi chắc chắn để làm vũ khí chống lại ông ấy và người thân ông ấy". Tôi còn nghĩ ông khẳng định với tôi từ bấy và vào những ngày đầu ông lâm bệnh "Đừng lo cho cuộc sống vật chất của con. Nếu con chăm chỉ và sống giản dị thì con sẽ được bảo đảm đủ nhu cầu cho đến khi học xong tiến sĩ. Nhưng phải nhớ rằng con không được nghỉ ngơi chừng nào chưa hoàn lại món của cải bất công đó".

Tuy nhiên trong lúc đó, những kỷ niệm ấy trở về với tôi, không rõ ràng, không thực tế. Tôi biết gì về vấn đề tiền nong, tôi, một kẻ không một xu dính túi. Hai người kia không ngừng thì thầm làm râm. chẳng khác nào họ đang cãi nhau. Khi ánh sáng thấp lên lại và khi cái bóng to lớn của Eberhard in lên tường trong tư thế im lặng. Conradsen đến gần bên tôi, tay cầm chiếc túi đựng những đồng vàng đến một nửa. Tôi quên tất cả trong ý nghĩ độc nhất: tiền kia là của tôi.

Eberhard trông nom tôi và trong khi bàn tay dè gáy tôi dưới cái ách, ông vẫn tiếp tục nuôi tôi. Không có gì thay đổi. Tôi cảm thấy một cảm giác bình yên vô tận. Ồ, không, không phải những gì liên quan đến cái ăn, cái mặc, tôi không biết gì cái đó cả, mà tôi đã tìm thấy lại chỗ ẩn quen thuộc. Tôi quỳ xuống bên cạnh chiếc tất. Hai gã kia ba hoa và cười ngất ngèo. Họ lễ phép nói với tôi những lời khích lệ, vỗ vào vai tôi rồi lẩn chuồn với cái nhìn lén lút về phía thân hình to lớn của Eberhard đang ngủ giấc cuối cùng. Tôi ngồi, chiếc tất trên đầu gối, đầu cúi xuống và như thế đi vào giấc ngủ.

Như đã được quyết định, hôm thứ tư tiếp, trogn một ngày mưa buồn bã, tôi mặc một chiếc áo choàng tang lễ thuê với giá bốn mác bước đi sau quan tài của cha nuôi tôi. lúc đầu Adam đã hứa là sẽ cùng đi với tôi, nhưng rồi lại gửi cho tôi một lệnh khác vào giờ chót: con trai của một người bạn của bố nó cũng được chôn cùng ngày.

Ở một góc phố, Augustin gặp tôi, tôi không biết vì sao. Nó xuất hiện từ trong bóng tối, nó cũng mặc áo tang. Nó siết tay tôi trong bàn tay ướt và lạnh của nó khiến tôi rùng mình. Rồi nó nhìn xung quanh nó vì sợ, tôi tự nhủ, ai đó nhìn thấy nó đi theo cái quan tài khôn khổ đang tiến lắc la lắc lư dưới mưa rào. Đến nghĩa trang, khi chúng tôi đang đi theo lối ngang để vào khu người nghèo, một tiếng nhạc bỗng vang lên thật đột ngột, thật hồng hách khiến trong một lúc bối rối giữa đám cây ướt sũng nước và những cây thánh giá trắng, tôi tưởng là những tiếng kèn trompet ở thế giới bên kia chào đón Eberhard. Nhưng ánh đuốc đêm thủng bóng tối và một đám tang oai vệ đi qua trước mắt chúng tôi. Augustin đã đột ngột biến đi cũng như khi nó đến, tôi ở lại một mình giữa tiếng kèn đồng âm ỉ và khói đuốc mù mịt, nhìn những con ngựa ô có vải phủ mông, chiếc xe tang có đồ trang trí bằng bạc, vải phủ, những người thổi kèn trompet ở bốn góc quan tài và ông già đội mũ lông chim, khoác áo mưa ngoài bộ đồng phục đi đầu phía sau linh cữu. Bỗng tôi thoáng thấy Adam đội mũ ba song, đeo ngù vai và áo tang dài và tôi hiểu vì sao Augustin đã bỏ trốn.

Khi đám tang đi rồi chúng tôi mới đến được chỗ những nắm đất sè sè trong góc những người nghèo với những vòng hoa đọng nước mưa từng giọt bắn thối. chúng tôi lạnh cóng trước những luồng nước tạt, phải đợi đám lớn chôn xong, vì ông mục sư cũng phải làm lễ trong đám của chúng tôi. tiếng của ông vang mãi ra xa hòa vào tiếng mưa và tiếng run rẩy của những cây dương khổng lồ. Bọn phu khuân mất kiên nhẫn, cầu nhàu lườm tôi. Tôi thì chỉ thấy tấm phủ linh cữu mà gió thổi tung trên quan tài. Tôi nghĩ rằng cái còn lại ở con người trần thế của Eberhard đang khát khao thoát khỏi cái thế gian lạnh lẽo và âm u này nhưng cũng không được, trước khi người thay mặt cho cái trần gian này, ông mục sư kia, chưa đọc những lời giải thoát.

Cuối cùng ông ta tới, chống chọi với gió. Tôi giật nảy mình nhận ra Gotthardsen, ông mục sư ở phố Pistolet. Tôi còn nghe cả những lời Eberhard nói với ông ta và trong cơn hốt hoảng tôi giơ tay ra đẩy ông. Nhưng ông tuôn ra một hơi những câu nghi thức rồi ném đất xuống cho Eberhard.

Ông mục sư này ném đất xuống cho Eberhard! Ông mục sư đã sống và chiến thắng! Ông chào vội tôi để chuồn, không nghi ngờ gì cả. Ông ra sức chạy thật nhanh để biến đi trong sương mù.

- Ông ấy được mời đến dự tiệc đám ma kia đấy mà – một phu khuân đòn nói.

Chỉ một tuần lễ sau tôi đọc được trên một tờ báo tên của người chết nằm trong linh cữu có nhiều ta6 mùi phở nhưng chạy ngang qua chiếc quan tài gỗ tùng của Eberhard. Đó không ai khác là bố tôi. Ông ấy cũng chết cùng một đêm với Eberhard và họ được chôn xuống đất cùng một giờ và do cùng một mục sư.

Vài ngày sau Adam và Augustin gõ cửa nhà tôi. Có lẽ Augustin đã nghe phong phanh là Adam lưu tâm đến đám tang của bố nuôi tôi và hối tiếc về việc bỏ trốn của nó. Tôi không biết lý do cuộc viếng thăm của Adam có lẽ nó nhớ đến cái phần thưởng mà nó đã cướp mất làm khôn khổ cho tôi, chỉ vì danh dự của nó đòi hỏi phải thế, cái danh dự đó có lẽ giờ đây bắt buộc Adam phải đến giúp đỡ kẻ yếu. Chúng đến đưa tôi đến Hội sinh viên phổ Bolhus. Chúng bảo cần tập quen biết về chúng tôi.

Tôi ngồi trên chiếc hòm cũ của Eberhard được trang trí bằng cây thánh giá và nhìn hai đứa kia. Augustin với đôi mắt lục lọi, nụ cười xảo trá, quần áo sòn bóng nhưng được là ủi cẩn thận, dáng điệu luôn luôn nghe ngóng dò la. Adam đứng thẳng, dong dỏng cao, mặc áo khoác chỉnh tề, có khăn đeo ngang với kim cài bằng kim cương. Khuôn mặt nó sáng sủa với những nét mảnh dẻ của con gái đóng khung trong mái tóc xoắn búp càng làm cho nó có vẻ phong lưu phú quý hơn. Một cái cằm chẻ bắt đầu hiện ra ở phía trên cái cà vạt trắng. Tôi nhìn cả hai đứa: những kẻ chiến thắng tương lai, nhà doanh nghiệp sẽ có quyền lực với ngành tài chính và ông chủ tinh thần và linh hồn. Chúng nó bảo nên biết các hội sinh viên. Tôi tự đặt cho mình câu hỏi của nhân viên phường đồn: Ông là sinh viên ư? Ở phổ Balhus tôi lại càng đặt ra câu hỏi đó nhiều hơn trong đám những người cười nói ba hoa lượn ngang lượn dọc trong những căn phòng thấp trệt ám khói, ngậm tẩu trên mồm, cầm ly ở tay. Tôi đứng giữa Adam và Augustin, bối rối lắng nghe những tiếng nói tiếng cười. Tôi đã trông thấy những bàn tay hoặc thân mật siết chặt hoặc giận dữ giật mạnh đầy ham dọa. Tôi đã trông thấy những con mắt chói hân hoan hay phẫn nộ, tôi nghe nhắc đi nhắc lại mọi nơi. Chúng ta là sinh viên đây, cuộc sống là của chúng ta.

Như thế nghĩa là thế nào? Tôi thì tôi chỉ muốn vẫn là một cậu bé và được che chở sau cánh cửa sổ ở phố Pistolet dưới bàn tay của Eberhard đặt trên vai tôi: chẳng có gì thuộc về tôi cả, nhất là cuộc đời.

Adam và Augustin nhanh chóng được kéo đi xa tôi giữa đám đông rồi cái đầu thủ trưởng đẹp đẽ của Adam, tiếng nói rõ ràng và âm vang của nó thu hút chú ý của mọi người lúc đó đang rải rác, trong lúc ấy thì Augustin mỉm cười nhún nhường và lễ phép tránh ra trước từng người và không quên tự giới thiệu ở chỗ này, bắt tay ở chỗ khác.

Tôi không nhớ là làm thế nào tôi đã đến được bên cái cửa sẽ mở ra một đường phố chạy ngang. Tôi chỉ nhớ là đến đó rồi tôi mong thoát xa nó ra.

Đảng quốc gia, Bluhme và Orsted, những người dân tộc – tự do, nhóm Dagblad, Hội những người bạn của nông dân, Enberning và Balthasar Christensen, biểu quyết tháng hai, tất cả những thứ đó đều là chữ chết đối với tôi.

Cũng như thế, tôi chẳng để ý gì đến những cái tên Hoedt, bà Buberg, Goldschmidt. Tôi chẳng biết gì về những cuộc gặp mặt giữa sinh viên miền Bắc, của trường Đại học nhân dân Dsendtvig ở Marienlyst, về đoàn diễu hành của dân chúng và bình minh của tự do trong năm 1849. Tôi cũng chẳng biết gì nữa ngoài bệnh dịch tả và chiến tranh.

Trong những tháng nóng bức đó, với bầu trời luôn xanh biếc, tôi đã ngồi giam hãm trong gác xép của trường, thở mùi amoniac và mùi rễ cây sậy, nghe những xe tải chờ đầy quan tài nặng nề lăn bánh. Tôi đã thoáng thấy những lán trại dựng trên tường bảo vệ của quốc gia. Eberhard trải qua tất cả thời gian đó, ở thành phố, ở bệnh viện Copenhagen nhỏ và trong các phố nghèo, ở những đâu mà đau thương lớn hơn và cứu giúp hiếm hơn. Mỗi đêm khuya ông mới về, lăn ra ngủ như chết và do mệt mỏi, thỉnh thoảng ông quên cả câu nguyện buổi chiều, cái làm tôi mơ hồ đoán thấy nỗi kinh hoàng của thành phố nắng nóng và ngột ngạt khò. Bởi vì như tôi đã nói, ít khi ông ấy cho phép tôi ra xa các bức tường nhà trường và chỉ những lời ông nói mơ lúc ngủ gọi cho tôi biết tình trạng mọi thứ. Cũng như cho tới bây giờ tôi không tham dự vào cuộc đời, tôi không tham dự vào cái chết. Tôi đoán cái này cái kia một cách lẩn lộn mơ hồ.

Còn đối với cái gì là chiến tranh?

Hồi đó chúng tôi còn ở phố Pistolet ngay giữa trung tâm thủ đô, ở đây chúng tôi bị trục xuất ra khỏi thế giới. Chúng tôi đã nghe tiếng trống đánh thì thùng, tiếng kêu hân hoan, quân đi và quân về. Tất cả những cái đó chẳng liên quan gì đến chúng tôi cả. Eberhard đã chẳng coi đất này như Adiafora đó sao? Hơn nữa, ông là người ngoại quốc ở xứ sở này, ông đau khổ vì khí hậu và vì tinh thần thượng lưu của nó. Những cô gái khốn khổ ở nhà thổ lắng nghe những tiếng kèn lệnh và những tiếng kêu hoan hỉ. Bà Gundlachsen phàn nàn là khách ít đi vì thanh niên phải tòng quân và ông chủ sở hữu nhà chứa, ông cố vấn quốc gia mà báo chí ca ngợi là giàu lòng yêu nước, cãi nhau với bà chủ nhà chứa, buộc tội bà bỏ tiền vào túi riêng. Các cô gái thì rất thương các chiến sĩ. Những thắng lợi của chúng ta làm họ cảm động đến chảy cả nước mắt. Họ khóc vì mất chiếc tàu chiến Christian VII. Nhiều cô có người anh, dù người anh đã từ bỏ các cô, nhưng vẫn là niềm tự hào của các cô, hoặc có một người bạn lòng trong số chiến sĩ, thì rất sợ nhìn thấy tên họ trong danh sách những người tử trận. Các cô mơ ước được băng bó cứu thương cho họ mặc dù biết là họ sẽ từ chối.

Ngày chủ nhật, trong khi làm lễ, những cái nhìn và giọng nói nghiêm khắc

của Eberhard buộc họ phải kìm bót xúc động . Tuy nhiên trong khi nghe những lời cầu nguyện nhiệt tình đối với tổ quốc thiên đường, các cô đã cúi đầu, ứa nước mắt cầu nguyện cho tổ quốc mặt đất. Tôi lo lắng nhìn chăm chú khuôn mặt phấn son của họ và khuôn mặt lạnh của Eberhard, linh cảm rằng sẽ vẫn cứ giam mình sau những bức tường khi vang lên những tiếng kèn đồng.

Giờ đây tôi lắng nghe những lời nồng nhiệt của tuổi trẻ mà chẳng hiểu gì, chẳng biết gì về những thứ họ đọc được trogn báo chí về chiến tranh Crime, về Menschikov, về Florence, Nightingale. Chỉ một cái tên đập vào tôi khi nó được đọc lên bởi một nhà thần học trẻ tuổi giọng run lên vì giận dữ hoặc vì sợ hãi, cái tên của Soren Kierkegaard.

Tôi bỗng thấy lại một nhân vật kỳ dị mà Eberhard đã chỉ cho tôi trong một lần dạo chơi nhanh buổi chiều chúng tôi qua các phố. Trong những lần đi qua dưới tháp chuông, Eberhard luôn cầm tay tôi, không bao giờ cho tôi dừng cái nhìn lại ở bất kỳ thứ gì. Thế mà lần đó tôi nghe ông nói với tôi "Con hãy nhìn người đi qua kia kìa, đó là người duy nhất thành tâm với đất nước". Tôi đã trông thấy một cái bóng gầy mặc áo có đuôi, cổ còn to, đôi mắt hơi lệch, can kẹp cánh tay, quần quá ngắn phía trên đôi ủng. Giọng nói run run vì cảm động của Eberhard bị che lấp bởi tiếng huýt sáo của một đứa bé.

- Này! Hãy nói đi! Hay là, hay là, mày quên xấn quần mày lên. Những tình yêu của mày tiến triển thế nào?

Và tôi thấy cái mà tôi chưa từng thấy trước kia. Eberhard bỏ mũ và cúi rạp người, trong lúc đó ông gầy khập khiễng đi qua trước mặt chúng tôi. Một cái nhìn ngạc nhiên của đôi mắt long lanh, cái nhìn trên đó bộc lộ sự đe dọa, sự do dự, xuất hiện và biến mất.

Tôi nhớ lại cả những quyền vờ, mà suốt trong năm cuối của đời mình, Eberhard cầm trong đôi bàn tay run lên vì nhiệt tình, sự phán đoán của Jesus về đạo Gia Tô giáo công giáo và những khoảnh khắc còn lại cho chúng ta. Tôi nghe chế nhạo cái tên duy nhất mà tôi biết, mặc dù tôi hiểu ông, kẻ Gây nguy hiểm lớn đã chết. Nhà thần học trẻ tuổi đang chế giễu quyền sách nhỏ của Grundtvig mà tôi đã trông thấy trên bàn của Eberhard. Lời của Chúa đã biến khỏi nhà cửa Người như thế nào, và quyền Đan cừ nhỏ của Chúa Trời: Than ôi! Tất nhiên tôi có thể tìm hiểu tên và các biến cố mà những người trẻ tuổi kia nói đến với lòng ngưỡng mộ hay tức giận nhưng tôi chỉ cảm thấy sự hận thù của những người đó sẽ là tình yêu của tôi, sự khinh bỉ của họ sẽ là sự cảm phục của tôi. Cần phải giữ thái độ thù địch ngay giữa đám bọn này và tôi đã làm chuyện đó như thế nào? hơn nữa, Nếu tôi đi tới chỗ có thể vượt qua những gì còn lại, có thể học được những gì còn lại, tôi cũng sẽ không học cười cái cười của chúng, không học vượt qua thánh giá. Tôi sẽ nhớ mãi Christine, các cô gái, sự hy sinh và nỗi nhớ quê hương của Eberhard và cây

Thánh giá, cây Thánh giá. Tôi sẽ không bao giờ hạt bát như chúng nó, tự do và vui vẻ như chúng nó. Đôi mắt tôi yếu đi vì bóng tối. Đôi chân tôi cong lại vì tư thế ngồi lâu. Bỗng nhiên Augustin chạm tay vào tôi. Tôi ngược mắt nhìn cái đầu tóc hung điểm vết hoe của nó và nghĩ "Phải chăng thằng này cũng như mình, nghèo khổ, con hoang và xấu xí?" Nhưng nó biết khéo léo luồn vào trong số những đứa khác. Chúng chia tay với nó, chuyện trò với nó, tuy rằng đứa nào cũng nhanh quay đi để nghe Adam. Augustin có năng lực kỳ lạ với thương mại. Augustin đã đến bám tôi sau quan tài Eberhard bởi vì nó nghe nói có chiếc tất đầy tiền vàng. Augustin đã rời tôi khi dưới ánh đuốc của đám ma giàu, nó thoáng thấy mặt của Adam. Tôi chờ xem vì sao nó đến tìm tôi.

- Clemens này, người ta quyên tiền để làm trụ sở mới cho Hội đây. Mày không hình dung được nó sẽ đẹp như thế nào đâu. Mày có thể cho tao vay ít tiền không? Đến đây mà chẳng có đồng nào trong túi thì ngượng chết đi được. với lại mọi người định đến hàng bánh ngọt Gianelli, mày có đi cùng không?

Tôi cho nó đủ số nó muốn và thêm cả phần đóng góp của tôi cho cuộc xây dựng. rồi tôi bước xuống cầu thang và đi về nhà, lòng đinh ninh rằng không khi nào trở lại nơi này nữa.

Ngày hôm sau Augustin đề nghị dẫn tôi đi tìm một phòng trọ rẻ tiền. Nó đã cắt được nhiều mẫu quảng cáo trên tờ København Posten và Flyve Posten. Vì sao nó lại đề nghị giúp tôi? Nó hành động một cách khá kỳ quặc. khi chúng tôi đến gần một số nhà trong số nó đã ghi, nó để tôi đứng ngoài và nó vào một mình. Một lúc sau nó trở ra vẻ giận dữ bảo rằng chỗ ở không phù hợp. Tôi để nó làm việc. Tôi chẳng biết gì về các chủ cho thuê nhà và các phòng cho thuê ở Copenhagen. Dần dần một biểu hiện đáng ngạc nhiên về lòng biết ơn của nó làm cho tôi rất cảm động. Tôi sung sướng đến khóc lên vì chứng cứ tình bạn này. Cuối cùng nó dẫn tôi đi qua một cái bếp bẩn thỉu hôi thối, trần nứt nẻ, đến một gian nhà tối tăm và trống trải chỉ có mỗi một cái giường bừa bãi, một cái bàn, một chiếc ghế và một lò sưởi hoen gỉ. Nó ca ngợi rồi rít với tôi về gian nhà này. Đó là gian phòng tốt và rẻ hơn tất cả những nơi nó đã từng thấy. Ngay lúc đó tôi bất chợt nhìn thấy cái nháy mắt nó trao đổi với bà chủ cho thuê nhà, một người đàn bà béo ục ịch, và cũng ngay lúc đó tôi cảm thấy vừa hàm ơn vừa xấu hổ vì đã có một người bạn tốt mà lại nghĩ sai về bạn. Tôi ứa nước mắt thú nhận với nó những nghi ngờ của tôi trong khi đưa ma Eberhard và ở Hội sinh viên, và tôi xin nó tha thứ. Tôi đã thoáng thấy thế, nhưng đã không hiểu, không dám hiểu.

Tuy nhiên, tôi hơi ngạc nhiên là gian phòng nhộp nháp bẩn thỉu này lại đắt thế. Sau khi trả tiền thuê nhà và mua sách, tôi chỉ còn gần đủ tiền để sống trong hai tháng. Trước đây Eberhard đã nói với tôi là tôi sẽ còn đủ tiền ăn

học đến cùng nếu tôi học hành khần trương và chỉ tiêu tiết kiệm. Tôi nhớ lại lúc bấy giờ, mơ hồ thôi, có ba chiếc tất đựng đầy mà tôi tưởng là đã nằm trong tay của nhân viên nhà đòn và Conradson. Họ đã đưa lại cho tôi một chiếc tất đựng đến một nửa. Tôi thấy hình như Eberhard nhận tiền hàng tháng của bố tôi, nhưng tôi đã xua đi những ý nghĩ đó để khỏi phạm phải một tội lỗi nữa. Tóm lại, chẳng phải Eberhard đã biết rõ hơn tôi về giá cả các phòng ở có đủ đồ đạc đó sao?

Những con chuột đuôi dài leo lên trên thành những thùng rác xếp dưới cửa sổ của tôi và ngã xuống nước rửa bát màu nâu mờ bóng ngập ngụa trên đá lát.

Tôi áp đầu xuống bàn, cố nhìn ra một góc nhỏ trời xanh. Nhưng những cái nhìn của tôi chỉ gặp phải những bức tường.

Mùa đông sắp đến. Tôi nghĩ đến số tiền ít ỏi của tôi, và lần đầu tiên, tôi cảm thấy tôi còn trẻ, và tôi ước ao... Cái gì? chẳng cái gì ngoài cuộc sống. Hoảng sợ trước cuộc sống này, hoảng sợ trước ý nghĩ mất nó, tôi úp mặt vào trong hai bàn tay.

Những tiếng cười ngặt nghèo kéo tôi ra khỏi những ý nghĩ.

Ai cười vậy? Người ta có thể cười được ở đây ư? Tôi nhìn ra phía cửa tường là tiếng của bà chủ nhà và Augustin. Tại sao họ cười và cùng cười cái gì?

Mấy ngày sau, tôi ngồi vào bàn, trước mặt là một đồng sách. Sách tirét học và thần học mà người ta chỉ cho tôi ở trường đại học. Tôi ngắm nhìn mà phát khiếp. Tân ước bằng tiếng Hy Lạp, ngữ pháp Do Thái và Ngũ thư của Chausése, Herméneutique, hướng dẫn thực hành để kết thúc học tập trong ba năm, lịch sử các giáo điều và lịch sử Giáo hội. Tôi cảm thấy bị lạc lõng giữa các tác phẩm này cũng như giữa đám sinh viên đại học. phải chăng đó là bước khởi đầu của sự nghiệp mà tôi sắp thực hiện để thờ Chúa? Sách giáo lý và ngữ pháp kia có liên quan gì đến Chúa? Chưa nói gì đến Lòng tin và khoa học của Hegel. Sự bác bỏ của lòng tin đối với khoa học của Rasman.

Eberhard đã bảo tôi rằng việc học cung cấp vũ khí chống lại các địch thủ của tôi. Tôi quan tâm nhiều đến sự sở hữu vũ khí và vì sao tôi lại cần đến nó.

Còn việc so đo với các địch thủ thì tôi sẽ luôn luôn bất lực.

Trong lúc đó có tiếng gõ cửa rồi khuôn mặt cháy đỏ vì rượu của bà chủ nhà lộ ra đằng sau ngưỡng cửa. Người đàn bà có vẻ kinh ngạc và hơi lo sợ. Đi sau bà là một ông có chòm râu má. Ông ta đeo mực kính, đội mũ lụa và mặc áo khoác có ve to. Ông bước nhanh vừa đóng cửa lại phía sau lưng.

- Ông có phải là sinh viên Bénédict Clemens Bek không? – Ông ta vừa hỏi vừa cời chiếc găng tay bông ở bàn tay phải.

Tôi đứng dậy, lúng túng cúi mình, đứng ngay trước cửa sổ có lẽ là hy vọng che cái cửa nhà xí và những thùng rác, nhưng tôi nhận thấy ngay rằng chẳng có cơ hội gì lọt qua cái nhìn sắc bén của người khác.

- Tôi là công chứng viên Zacharias Zipfel.

Ông quay lại đột ngột, mở cửa và chạm phải trán của bà chủ nhà.

- Xin lỗi bà – ông nói với một nụ cười nhăn nhó, vừa giậm đôi ủng đánh xi, đi theo bước giày cũ của người đàn bà, qua cái bếp mà ông khoá cửa lại. rồi ông trở lại, ngồi xuống, thản nhiên, để mũ lên đầu gối, và sau khi ném một cái nhìn soi mói lên bàn, cầm vài tờ giấy, ho, hắt cảm và bắt đầu:

- Ông chủ của tôi, ngài bá tước Ernst (ông nói lên cái tên mà tôi chỉ muốn đưa nó xuống mồ) đã cử tôi đến chỗ ông. Có lẽ như ông đã biết, con trai độc nhất của ngài, bá tước Hermann, người thừa kế duy nhất đã mất hôm 10 Hujus. Nhưng rõ ràng là người chết rất có cảm tình với ông, hơn nữa, đã viết giấy lại yêu cầu tiếp tục dành cho ông những ân huệ đó sau khi ông ấy mất. ngài định thoả mãn ý muốn của người thân đã mất, dù rằng giấy viết không có một chuẩn y pháp lý nào cả, có thể vì sức khoẻ kém, với những thuật ngữ mơ hồ ít tương hợp với công việc. Nhưng như tôi vừa nói, ngài muốn thực hiện di chúc của con trai, nota bene với một vài điều kiện. Ông sinh viên B.C.Bek được mời đến nghe những điều kiện đó, và ông phải đến lâu đài nổi tiếng của ngài, trước phố tích nhà thờ cẩm thạch, ngày thứ sáu tới, tức là ngày mai.

Ông Zacharias Zipfel bỏ giấy tờ lại vào túi, cẩn thận cài những chiếc nút bằng sừng lợn, phỉ cái mũ cao thành, đội lên đầu và từ biệt bằng cái chào nhẹ nhàng. Ông có vẻ sẵn sàng tiếp khách của chủ hoặc với sự quý trọng hoặc với sự thờ ơ hoàn toàn, cái đó tùy thuộc vào một vài điều kiện. Ông đi qua căn bếp hôi thối vừa hít thở ẩm ỉ. Tôi nghe ông vặn chìa khoá và lại đụng phải bà chủ nhà một lần nữa.

- Trời ơi, bà đấy à? – ông nói bằng giọng nói mát – Tôi mong rằng những cố gắng của bà mang lại cho bà nhiều niềm vui.

Tôi ở lại trong lỗ của tôi, trơ trọi, giật mình và nhìn xung quanh như thể mình vừa ngủ dậy.

Tôi nghĩ đến cuộc trở về của chúng tôi với nhà thờ, đến Eberhard và đến tôi, ngày tôi được xác nhận. Đó là lần duy nhất chúng tôi đến đó. Eberhard nhắc nhở tôi phải biết quên những gì là lời của mục sư nhà thờ Nhà nước, phải nhớ những gì là lời của Chúa trong bài thuyết giáo. Rồi trong khi tôi im lặng, ông bèn nói với tôi về chuyện ông đến nhà bố tôi một chiều hôm nào đấy. Cái phòng khách mà ông chỉ nêu ra và nhận xét ngắn gọn và nghiêm khắc ám ảnh các giấc mơ của tôi suốt cả đêm sau. Nhiều lần khác, khi ngồi một mình ở cửa sổ tôi thả mình đi theo những mộng mơ, vừa ngắm nghĩa biệt thự nhà colbiornsen. Những phòng khách của bố tôi chắc phải lộng lẫy hơn của biệt thự trước mặt. Hôm nay giữa bóng đêm của phòng tôi, chúng lại trở về trong trí tôi, rực ánh hào quang pha lê, ngọc và vàng. Một sự ham muốn cháy bỏng với những thứ đó làm tôi chóng mặt. Tôi cảm thấy hết sức

ngạc nhiên vì điều đó. Từ đâu đến sự ham muốn ấy? Từ ý nghĩ bị tước đoạt mất những gì thuộc về mình một cách chính đáng chăng? Thuộc về tôi, kẻ sợ những con người, sợ ánh sáng, tiếng cười, kẻ được đặt trong bóng tối của thánh giá. Tôi nhìn những bàn tay của tôi và nhớ lại có một hôm Adam nói với tôi trước sự vui sướng khó hiểu của tôi:

- Cậu biết không, Clémens, cậu có những bàn tay quý tộc. Tôi nhìn những bàn tay và tự hiểu rằng chúng không đặt đúng chỗ ở trên bàn này. Tôi có là một người khác nếu tôi được nuôi dưỡng trong lâu đài của bố tôi chứ không phải trong ngôi nhà ở phố Pistolet không? Tôi rụt rè và bất lực bởi vì tôi được dạy dỗ bởi người ngoài. Tôi nhắm mắt lại, đang thiu thiu buồn ngủ thì bỗng dưng nhớ lại là tôi phải có mặt trước ông tôi ở những phòng khách mà chúng có thể là cái trang trí của đời tôi. Tôi nổi da gà, chấp tay trên chiếc bàn khổ sở của tôi, tôi cầu xin Chúa tha thứ cho tính hão huyền của tôi và ngăn không cho tôi đi đến các lâu đài mà ở đó tôi sẽ cảm thấy mình vô nghĩa và không đúng chỗ hơn ở mọi nơi khác. Tôi nghĩ đến bố tôi mà dù sao tôi cũng đã đi theo linh cữu cùng một lúc với linh cữu của Eberhard. Tôi nghĩ đến mẹ tôi, con gái một mục sư bị người bố nhẫn tâm đuổi ra khỏi nhà bằng những đòn của lời Kinh Thánh, đến trốn ở nhà người tình lại bị người này hèn nhát vứt xuống bậc thềm bên cảng và vào nhà ở phố Pistolet. Những tiếng nấc chết nghẹn lòng tôi vì thương bố mẹ khốn khổ mà tôi chưa bao giờ biết. Tôi trông thấy họ bất thành linh như trong một ảo giác, và tôi, kẻ chưa khi nào ở ngoài đồng và trong rừng, đã trông thấy họ ôm xiết nhau đi trên cánh đồng trở bóng lượn sóng. Họ đi về phía một khu rừng xanh um tùm, dưới bầu trời mùa hạ lửng lơ mây trắng. Tôi nghe thấy tiếng chim chiền chiện. Tôi ngửi thấy mùi đại mạch nóng lên dưới mặt trời và mùi nhựa thơm của rừng. Tôi trông thấy những khuôn mặt của cha tôi và mẹ tôi nhuộm ánh nắng và tình yêu, quay vào nhau. Rồi những cái bóng trẻ trung và thanh mảnh của họ biến đi trong bóng xanh của khu rừng. Rồi tôi trông thấy mẹ tôi ngồi xồm một mình trên bậc đá của cảng, ôm yếu và lạnh cóng vì những tia nước bắn vào người, trong khi tôi nghe tiếng ầm cái cửa ngầm nặng nề đóng lại.

Những kinh nghiệm mà tôi đã thử ở các mục sư và chủ của họ, những kẻ giàu có và kẻ mạnh của trái đất, không phải để khuyến khích tôi và tôi run lên trước ý nghĩ về cuộc gặp ngày mai, nhưng tôi không nghĩ đến phải tránh nữa. Tôi quỳ trước cái hòm của Eberhard, lần đầu tiên sau khi ông chết, tôi cầu nguyện một mình không có ông hướng dẫn. Hay phải chăng là tôi cầu xin với Eberhard cho tôi vượt qua an toàn cái ngày sắp đến với một vài điều kiện?

Ngày hôm sau tôi ở trong cái phòng khách mà Eberhard đã tả với một sự nhạo báng gắt gao, song le trong những giấc mơ tôi đã coi như là nơi ở

hợp pháp của tôi. Tôi đến đó như một kẻ ăn mày, tim đập thình thịch chờ đợi ông chủ của những nơi đó, ông của tôi.

Tôi cố lấy can đảm bằng cách tự nhủ rằng chung cuộc thì chính ông ấy đã cho tìm tôi, ông ấy đã cử ông công chứng viên thanh lịch đến tận căn phòng tồi tàn của tôi để mời tôi đến căn phòng mệnh mông này. Nhưng tôi đã không đến đây. Tất cả ở những nơi ấy đã biến tôi thành cát bụi. Tuy vậy tôi vẫn không ngừng cảm thấy một nỗi nhớ nhung, một ý nghĩ mơ hồ là ở nhà mình chứ không phải là ở phố Pistolet, trong gác xép của trường học hoặc trong cái góc nhà sau căn bếp hôi hám. Tôi cảm thấy rằng ở đây là mảnh đất tôi có thể phát triển. Những cái nhìn của tôi tìm giường nghỉ của Eberhard đã nói với tôi! chính ở đây một buổi chiều đáng nhớ cha tôi nằm, tay ôm đầy sách phong nhã và buồn bã nói về bông hoa xanh bé nhỏ, về bệnh thời đại. Tôi tự thấy mình cũng nằm trên chiếc giường ấy, mặc đúng bộ áo lụa của ông ấy, cầm trong đôi bàn tay quý phái những cuốn sách tinh tế có mép vàng.

Nhưng tấm màn che cửa được kéo sang một bên và ông tôi vào. Đi theo gót ông là công chứng viên Zacharias Zipfel. Ông này chào tôi một cách dè dặt rồi lướt vào chiếc bàn tận cuối phòng và ngồi xuống, bút lông ngỗng giắt trên tai, khoanh hai tay trên tấm huy hiệu khảm trai. Ông tôi, à không, Thị thần của nhà vua, ngài bá tước dừng lại cách tôi một quãng xa, bàn tay khô, bé nhỏ tựa vào cái lưng ghế thẳng đứng và cao. Tôi nhận ngay ra là ông đã già đi nhiều trong bốn năm qua. Ông không đứng thẳng nữa, mà còng xuống và khuôn mặt nhọn dưới mớ tóc bạc đã héo tàn đầy nếp nhăn, nhưng đôi mắt rực lửa và giọng nói vẫn còn trong và rõ.

- Ông Bénédicte Clemens Bek – ông nói – tôi muốn gặp ông bởi vì con trai tôi, bá tước Hermann quá cố có một sự ưa thích đặc biệt đối với ông. Sự ưa thích mà tôi không thể nào hiểu nổi, vì theo như tôi biết thì anh ta chưa bao giờ trông thấy ông. Bá tước Hermann lại còn có những ý nguyện khác mà có cái tôi đã phải chịu nhin trong suốt đời anh ta. Tôi có ý định vẫn thực hiện sau khi anh ta chết. Cái liên quan đến ông là sự cứu giúp, anh ta đã đóng từ quỹ riêng cho đến khi ông học hết tú tài, tiếp tục ý muốn cụ thể của anh ta được thể hiện bằng văn bản, tôi định, mặc dù tôi không thể bị bắt buộc, thực hiện ý muốn đó, vì kính trọng đối với người chết, mà không vì bất kỳ một lý do nào khác, và ông hãy để ý kỹ, với một vài điều kiện. Ông ho một cơn ngắn, rồi ông lại ngẩng lên, cái nhìn từ đôi mắt đen của ông lướt qua tôi như thể ông không nhìn tôi và không nói với tôi mà với khoảng trống sau tôi, có lẽ là với người chết.

- Gia sư của ông, cái thằng điên mất dạy đã lọt vào trong phòng này của lâu đài tôi và đã tự tiện gây ra một cảnh là.. Thôi, đủ rồi. Ông tôi có một cử chỉ đột ngột.

- Nếu con trai tôi không bị khó ở vì cảnh đó và nếu anh ta không khẩn khoản xin đừng làm gì cả thì tôi đã chỉ cho con người đó biết tôi đã xử lý thế nào đối với những khách không mời mà đến đây. Nhưng bá tước quá cố đã hèn yếu chấp nhận không những để người ta chế giễu bố anh ta và cả anh ta, cả Giáo hội và chính phủ. Anh ta cũng không từ chối sự trợ giúp hàng tháng nên chúng ta mới có cuộc gặp gỡ này. Anh ta không còn nữa và con người mà tôi nói cũng đã chết rồi, tôi rất vui khi nói vậy. Việc là giữa hai chúng ta lúc này – Đôi mắt đen chĩa vào tôi giống như những tia sáng và tôi hiểu rằng con người ấy rất gắn bó với địa vị của mình, đã ghét chúng tôi, ghét kỷ niệm về mẹ tôi và tội lỗi của con ông ấy. Tôi đã đoán biết từ lâu tình yêu nồng nhiệt của ông ấy đối với con trai độc nhất và ông ấy đã đau khổ biết bao về sức khoẻ ẻo lả của bá tước Hermann, về sự nghèo nàn của dòng máu nhà ông ấy. – Tôi đã đặt cho ông một điều kiện – ông nói tiếp – ông sẽ hứa với tôi, một cách long trọng, là loại trừ khỏi đầu óc ông mọi kỷ niệm về con người nói trên và sự giáo dục đáng trách của người đó. Mọi kỷ niệm, như là không bao giờ tồn tại cái nhà ghê gớm mà ở đây, vì những lý do khó hiểu có thể là lý do cá nhân, con người này thích sống và bắt ông sống, và ông chỉ là một đứa trẻ. Hãy cố hết sức nghiên cứu thần học. Hãy từ bỏ mọi tiếp xúc với những học thuyết cách mạng của thời nay. Nhưng trước hết là hãy quên đi những khuynh hướng tội phạm và tảo bạo của gia sư ông. Trong trường hợp này tôi sẽ có thể đưa ông vào một chỗ thích đáng, ở một giáo sĩ có những ý tưởng lành mạnh, theo hướng đi hợp lý của Gia tô giáo mà tôi đã chỉ cho ông con đường để theo. Nếu ông thành thật giữ lời hứa, ông có thể cảm chắc rằng sau khi tốt nghiệp xong thì ngoài tiền trợ cấp hàng tháng ông được nhận chức mục sư quan trọng ở một trong những lãnh địa của tôi nơi mà tôi vẫn còn toàn quyền bổ nhiệm ia tôi muốn, bắt chấp mọi kẻ mị dân. Giáo hội của chúng ta cần có những người phục vụ tuân theo pháp luật, vâng lời cấp trên và hoàng triều. Ông muốn trở thành một người phục vụ như thế hay là.... Khi ông ấy dừng lại, tất cả ở tôi hình như sáng tỏ ra một cách lạ lùng và hình như được tắm trong một sự yên bình hạnh phúc. Những lời ông nói ra về Eberhard quả đúng là những lời người ta đã đoán biết, những lời mà Eberhard đã mong muốn. Sự đoán chắc này đã cho tôi một niềm tự tin chưa từng có. Tôi có cảm giác là tôi chế ngự cuộc đời. Hình như tôi nhìn thấy đời tôi, thấy đời của Ngài Thị thần từ khi khởi thủy thế giới cho đến lúc kết thúc của nó. Tôi nói giọng thì thầm, không ngập ngừng và không tức giận.

- Tôi sẽ theo ân nhân và bạn thân đã quá cố của tôi, người duy nhất đã dạy dỗ tôi bằng những lời khuyên của ông ấy. Tôi không phải là người ông ấy ước mong và chính vì sự nghiệp đó ông ấy đã hy sinh đời mình, nhưng rồi một ngày sẽ đến, tôi sẽ là người mà ông ấy mong đợi, và lúc bấy giờ những lời mà ông ấy nói về ông, về lâu đài của ông, về tất cả những Giáo

phải ở xứ sở này và của những xứ sở khác, về tất cả những đầy tớ được trả tiền của nó, sẽ được thực hiện. Tôi không quan tâm đến sự thù hận của ông và càng không quan tâm đến tiền của ông. Tôi sẽ đi theo những dấu vết của ân nhân tôi cho đến khi tôi chết.

Tôi cúi người, giật giật áp chiếc mũ lưỡi trai vào ngực. Tôi ở đây như một người chết, không biết những lời đó từ đâu đến với tôi. Tôi chỉ biết một người khác đã nói qua miệng tôi. Người khác đó có đúng là tôi không? Và lại, một ánh sáng như thế, một niềm vui như thế không ngừng lưu trú trong lòng tôi.

- Sẽ được như ông muốn thôi. đối với tôi, tôi thích nó như thế. Tôi ghét tằm nuôi con hoang. Vậy tôi yêu cầu ông ra khỏi đây ngay và đừng bao giờ xuất hiện lại trước mắt tôi. nếu sự khốn cùng buộc ông phải hối tiếc những lời nói của ông, những lời mà tôi chờ đợi, bởi vì tôi biết ông thiếu cái ý chí mà ông được thừa hưởng...

Công chứng viên ho đột ngột như muốn ngăn bá tước, nhưng ông này giờ tay làm một cử chỉ hồng hách:

- Ông hãy biết rằng, tôi có phải nhìn thấy ông chết rét chết đói ở cửa nhà tôi thì tôi sẽ sai đầy tớ vứt ông ra ngoài đường, bởi vì tôi có cái ý chí mà nó thiếu ở ông và đã thiếu ở cha ông. Nay Zipfel thân mến – ông nói thêm, vừa giận dữ quay sang công chứng viên – tôi biết tôi đang làm cái gì! Ông lùi lại mấy bước để bỏ đi, nhưng dừng lại gần rèm cửa và chỉ Zacharias Zipfel đang vội vã thu vén giấy tờ:

- Người này – ông nói – đã chứng kiến sự hiến tặng của tôi và sự từ chối của ông. Vậy ông sẽ biết rằng sự nói dối hay những mưu toan mới sẽ không giúp gì cho ông đâu. Và để cho ông khỏi mơ tưởng rằng cha ông như một kẻ hy sinh, tôi nói cho ông biết là anh ta đã đồng ý khi tôi sai đuổi người đàn bà ấy, mẹ ông, con gái điếm, tuy rằng, tôi nghe nói sau này anh ta đã cho một đầy tớ bí mật theo dõi cô ta, cho đến khi người ta đã đưa cô ta đến chỗ ở duy nhất phù hợp với cô ta. Anh ta đã hoàn toàn quên cô ta cũng như cái kết quả có lẽ đúng khúc ruột của anh ấy. Cho đến ngày mà qua mục sư Gothardsen do tôi nâng đỡ, tôi nghĩ, phải bố trí để ông đối địch với một người đó là gia sư của ông. Tên này đã đến nói với tôi về ông, về chỗ ở của ông và về số phận của người mẹ chưa từng biết của ông. Con trai tôi, theo thói quen, đang đọc một cuốn sách văn học đầu đề là Wilhem Meisters Lehrjahre, anh ta nghe câu chuyện đúng hết như anh ta đang ngẫm nghĩ vềthp nực cười của một ông bố với một đứa con bất hợp pháp. Anh ta đã bị lên cơn đa sầu đa cảm mà anh ta cho là hối hận. Bất kể những giải thích của tôi (tôi vạch cho anh ta rằng chẳng khó khăn gì khi đánh tráo một đứa trẻ khác vào con mình) anh ta vẫn cho ông một trợ cấp hàng tháng. Và lại khi nhìn thấy ông, tôi không nghi ngờ về căn cước của ông, Zipfel, tôi biết tôi

nói cái gì, ông hợp pháp thuộc về cái nhà mà ông đã sinh ra và ở đây ông sẽ kết thúc.

Màn cửa rũ xuống phía sau ông. Người công chứng thu lại bút và tài liệu rồi đi ra, chẳng thèm chào tôi. Ông ấy biết là bây giờ thái độ mà tình thế của ông trong nhà bắt buộc ông đối xử với tôi: thái độ hoàn toàn thờ ơ.

Tôi rời phòng khách, đi qua trước bọn đầy tớ và đi ra ngoài phố như trong mơ.

Ngôi nhà thờ bằng đá cẩm thạch dựng lên trời cái phế tích tối tăm và những cây cột của nó. Đằng sau lưng tôi, tôi cảm thấy những bức tường của lâu đài này qua bao thế kỷ. Những nhà thờ khác, những lâu đài khác sẽ dựng lên như những đứa con sinh đôi ở vị trí của chúng khi còn tồn tại thế giới.

Người mà Eberhard mơ ước sẽ không thể hiện ở tôi và không ở một ai khác. Những lời của tôi nói với bá tước đã tạo ra cái hành động duy nhất tôi chưa bao giờ thực hiện, nhưng nó đã chỉ cho tôi thấy tôi đã là ai. Tôi thuộc về lớp người mơ mộng mà cuộc đời trải qua ở ngoài các nhà thờ và các lâu đài, và tôi thấy thích ở trong đám họ.

Vâng, tôi thấy tốt khi nằm trên nệm rom trong căn phòng có mùi hôi hám, nghe những tiếng cười say khướt của bà chủ nhà và những người phụ giúp của bà ấy. Tôi cảm thấy tốt hơn sau khi tỉnh dậy tôi thấy cái túi trên bàn cho tôi biết rằng tiền nong của tôi sẽ thiếu trong mùa đông. Chuyện gì sẽ xảy đến đây? Cái nhìn của tôi gặp đồng sách trên bàn. Tôi phải làm gì với các tác phẩm đó? Tôi đã không tuân theo luật của cuộc đời: sự từ bỏ? Tuy nhiên, những quyển sách ở đây theo ý chí của Eberhard và tôi đã thể tuân theo ý chí đó...cho đến khi đòi điều tra đủ hơn.

Tôi biết là tôi không thể ở lại đây. Thế gian đã gọi tôi, tôi đã đẩy nó ra. Cần phải có Chúa Trời mở cửa cho tôi vào vương quốc của Người. Tôi đã ruồng bỏ ý tưởng, hy vọng, tương lai của tôi, tôi chờ đợi lời gọi của Người, Người biết điều đó còn lâu dài hơn cả Eberhard, bởi vì Người không nhầm về tôi, tạo vật của Người.

Còn nhiều chuyện đáng kể về cái năm tôi sống giữa những người ở Copenhagen trước khi đến đảo này, trong số đó có một chuyện không nên bỏ qua. Và lại tôi không bao giờ quên được nó.

Tại sao nói về thời gian mà tôi còn tiền và lại còn lâu hơn là tôi tưởng. một hôm Adam đã đến tìm tôi, và sau khi quạu mặt giận dữ quát nạt bà chủ nhà, dọa rằng bố nó sẽ trừng phạt bà ta, nó dẫn tôi đến một gian áp mái lạnh lẽo nhưng sạch và giá rẻ ở gần trường Đại học.

Tôi đã sống một cuộc sống đạm bạc mà không một sinh viên nghèo nào hiện nay có thể hình dung nổi. Tôi không trả tiền một bữa ăn nóng nào trong cả tháng và tôi không đốt lửa sưởi bao giờ. Khi thấy rét, tôi chạy khắp các phố hoặc cuộn mình lại trong cái phòng rộng và sáng sủa của Adam, mà nó cho

tôi ở khi nó đi vắng. Tại sao nói thêm về việc học tập của tôi? Đói, rét và kém cỏi như trước, tôi tiến bộ rất chậm và vất vả. Tại sao nói về sự cô lập của tôi ở trường đại học, ở ngoài phố, trong số bạn bè?

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 2 (tt)

Mọi niềm vui của tôi lúc bấy giờ chỉ là sự chờ đợi tiếng gọi của Chúa Trời. Người sắp chỉ cho tôi con đường của tôi. Tôi không tin như Eberhard rằng Chúa đã nhìn thấy một cái gì đặc biệt ở tôi. Tôi tự biết tôi lắm chứ, nhưng tôi đã tin và bây giờ còn tin, và cái đó còn mãnh liệt hơn khi tôi có kinh nghiệm chắc chắn của cuộc đời phía sau tôi, rằng Chúa, lớn thế, xa thế vẫn định đoạt số phận mỗi chúng ta. Tôi đã biết là con đường mà Chúa Trời phân định cho tôi là một con đường khiêm tốn, nhưng tôi không biết con đường ấy ở đâu, tôi đã bằng lòng cầu nguyện và chờ đợi.

Tuy thế tôi cần cho các bạn biết vài chi tiết trong cuộc sống của tôi ở Copenhagen. Trong đám sinh viên có một cậu mà tôi không bao giờ quên, mặc dù tôi không biết tên nó. Nhưng tôi sẽ tìm lại được nó trong ngày Đại Tái Ngộ và tôi sẽ dẫn nó đến trước ngai của Chúa, Người sẽ công nhận nó là một trong những đồ đệ của Người. Một buổi sáng, trong đại giảng đường thần học, nó trông thấy như thường lệ tôi không thể viết kịp lời đọc giáo trình, nó chuyển vở của nó cho tôi, ra hiệu cho tôi chép lại những gì nó đã viết trong lúc nó tiếp tục ghi bài lên một tờ giấy rời. Rồi nó lại đưa tờ giấy đó cho tôi khi tôi chép xong trong vở và tiếp tục trao đổi như thế cho đến hết giờ học. Lần đầu tiên vở của tôi cũng đầy đủ chính xác như của người khác.

Tôi muốn nói chuyện với nó, bắt tay nó bởi vì tôi biết rằng tôi không nhầm như với Augustin. Cử chỉ của nó là do Chúa khuyến dụ nhưng tôi vừa dám ngược mắt nhìn nó thì nó đã đi rồi. ngày hôm sau nó không đến, cả những ngày sau nữa. Tôi cũng không rõ lý do vắng mặt của nó, vì tôi chẳng biết ai, hơn nữa cũng chẳng muốn bộc lộ chuyện đó ra trước những người khác. Tôi luôn ước mong nó trở lại, vì nó là người bạn thân duy nhất của tôi nhưng nó vẫn mãi mãi vắng mặt. Về sau lúc tôi ra đi mới được biết rằng nó đã bị chết đuối ngay sau ngày nó đã giúp đỡ tôi, vâng, giúp đỡ tôi sống. Cuối cùng tôi

đánh liều hỏi, Adam mới kể cho tôi nghe tai nạn. Tôi cần có một câu trả lời trước khi rời bỏ thế gian này để tôi có thể mang đi cái hoa đẹp nhất. Tôi nhớ rất rõ ngày đó và Adam cũng nhớ lại dễ dàng bởi vì đó chính là ngày sinh của nó. Nhưng tôi không biết được tên nó. Adam thì không nhớ, thậm chí nó còn chưa bao giờ biết. Nó chỉ nhớ được bạn học của chúng tôi theo mô tả của tôi mà thôi.

- Mày muốn biết tên nó làm gì? – Adam nói.
- Ồ, Adam! Đối với mày thì chẳng là gì cả, nhưng đối với tao là tất cả. Các bạn hãy tin chắc rằng tôi sẽ gặp nó. Nó sẽ đến gần tôi với nụ cười nghiêm trang, khuôn mặt sáng như làn đầu tiên, trẻ một cách không tương tượng được, nó là người được phép đến với Chúa, không bị vấy bẩn sau hành động tốt đó.

Augustin đã biến mất sau khi Adam phát hiện âm mưu của nó cùng với bà chủ nhà và lấy lại tiền chia phần bất chính. Tuy nhiên, một buổi chiều nó rón rén đi vào chỗ ở mới của tôi để xin tôi cho mượn đúng số tiền ấy và tôi đã cho nó. Nó đếm tiền và gật đầu với một nụ cười bất hảo. Sự tính toán là ở đây. Rồi nó ra đi.

Tôi cũng muốn nói với các bạn về những cuộc đi dạo trong rừng khi mùa đẹp trở về. Ban đầu Adam đưa tôi đến đó cùng với mấy bạn nữa. rồi sau tôi lại đó một mình. Nếu lần đầu tôi không đi cùng người khác thì tôi tin là tôi không trở về nữa. Tôi sẽ bị chết đuối trong hồ Oresund xanh biếc cũng như Empédocle đã lao mình vào núi lửa để hoà nhập làm một với thiên nhiên.

Với những người khác, tôi vẫn im lặng và dè dặt như cũ, và tôi trở về thành phố cùng một lúc với họ để trở lại gác xép của tôi. Chỉ ở đây tôi mới thả mình mà khóc được.

Bác sĩ hãy tưởng tượng một đứa trẻ sinh ra bị cầm tù trong một xó tối nhất, đen nhất, đứa bé ấy mù vì sống trong bóng tối, điếc vì bị giam hãm trong các bức tường, đứa bé với máu đông lại vì ngồi nhiều quá. Ông có thấy nó tỉnh lại bên bờ Oresund một ngày giữa mùa hè? Ông có thấy nó trong lúc hoàng hôn khi những đám mây đen phản chiếu trong những làn sóng? Ông có thấy nó khi đi về dưới ánh trăng, dọc theo những làn sóng chuyển động dưới bầu trời lừng lờ hay những làn hơi trắng? Tôi trở lại rừng ngày hôm sau, ngày

hôm sau nữa và rất nhiều ngày nữa. Tôi trốn xaf, xa những quyển sách của tôi như để tìm lại mẹ tôi mà tôi không biết. Tôi cúi đầu chạy như điên dưới mưa rào và tôi đã vào tận trong rừng sâu, nằm xuống cỏ, giấu mặt vào đất mà khóc nức nở. rồi ngẩng mặt lên trời về phía mặt trời, lên Chúa mà tôi ca ngợi, tạ ơn, tôi nhảy lên khỏi chỗ và bắt đầu nhảy múa say sưa trong một niềm vui đau đớn.

Tôi không ăn không uống không ngủ. Tôi mơ mộng, nhảy múa, chạy nhảy, đi khắp cái khu rừng với một sự sáng khoái như bị quỷ ám. Tôi chỉ trải qua độc nhất có một mùa hè trong những khu rừng sồi của Seeland, tôi chỉ vùi mặt của tôi vào trong cỏ mỗi một mùa hè, trong một mùa hè duy nhất tôi đã hưởng sự phong phú dồi dào của tạo vật của Chúa. Sau đó tôi đã mắc cạn trên cái núi đá giữa biển sóng. Nhưng trong suốt nửa thế kỷ tôi lưu lại ở đây, tôi vẫn sống động và trẻ trung, giàu trong sự nghèo khổ của tôi, đẹp trong sự xấu xí của tôi, nhờ có mùa hè đó. Tôi không ngừng mơ về những khu rừng xanh tươi muôn thuở mà những mảnh rừng đẹp nhất của thế gian này chỉ là một sự phản ánh tầm thường.

Buổi chiều, kiệt sức vì chạy, vì đói, vì hạnh phúc, tôi trở về, mình bám đầy bụi, mắt hoa vì ngấm mặt trời, mũi còn ngửi thấy mùi đất và lá cây. Lúc bảy giờ mở ra trước mặt tôi vương quốc thứ ba. Tôi đã am tường tôn giáo. Từ thuở bé nó đã như hơi thở của cơ thể tôi tuy tôi không hiểu nó hoàn toàn như Eberhard mong muốn. thiên nhiên? Tôi đã đến. Nhưng lần đầu tiên tôi ở trước thi ca. Ba vương quốc mạnh hoà vào làm một và tồn tại như thế với tôi một xứ sở duy nhất mà ở đây tôi cảm thấy là mình, xứ sở mà hơn cả những tổ quốc trần thế, nó là chiếc giường của trời.

Mỗi lần tôi đi qua thư viện của thị trấn colbjornsen, tôi thêm thường dòm những hàng sách. Hình như đó là một chiếc đàn ống uy nghi và ngay cả những quyển sổ đàn đòi hỏi được chạm đến. Tuy nhiên tôi nhớ đến suy luận của Eberhard về những quyển sách. Tôi đã trông thấy chúng bằng con mắt của Eberhard trong tay cha tôi và tôi đã tưởng như Eberhard rằng sách đã gây nên tai hoạ cho cha mẹ tôi.

Nhưng sách có sức mạnh của các đàn ống không? Tuy nhiên, tôi không dám mó tay vào sức mạnh thiêng liêng đó. Đó là một bàn tay khác mạnh hơn bàn

tay tôi đã bẻ gãy sự quyến rũ.

Tôi đã đọc. Và như trong thiên nhiên tôi đắm mình vào việc đọc sách để tìm thấy mình. Tôi đọc các nhà lãng mạn Pháp: Chateaubriand, Lamartine, Victor Hugo... Những người Anh: Byron, Shelley, Keats... Những người Đức: Holderlin, Jean Paul, Novalis.. Tôi vật lộn trong ngoại ngữ để tìm hiểu, phỏng đoán chỉ có một ý nghĩ: đi xa, xa hơn, lọt vào trong thế giới hoa huệ, thiên thần thượng đẳng những đàn hạc gió, những tiếng thở dài, những vì sao. Thơ ca đã làm tôi chóng mặt cũng như rừng. Trong thơ ca và trong rừng tôi không trông thấy cây Thánh giá trong những khu rừng đen của Eberhard, mà trông thấy Aphrodite, nữ thần của toàn trái đất.

Những cái nhìn của tôi đưa đến bất kỳ nơi đâu, vào trong rừng, giữa những chim muông và động vật, vào thế giới sách vở, giữa đám bạn bè, trên những lối đi có cây anh đào, tôi đều thấy Nàng và tôi giấu mặt trước nữ thần. Cái khó tả nên lời, cái thiêng liêng đều thật gần. Nhưng tôi quỳ xuống cầu xin Chúa chỉ cho tôi thêm cả vương quốc thứ tư và là vương quốc bằng cách dẫn tôi đến số phận của tôi.
Và Chúa đã chấp nhận.

Bàn tay hé mở những cánh cửa của vương quốc thứ ba rất mạnh, mạnh đến nỗi Eberhard không giữ lại được.
Tên ông chắc đã tái nhợt đi như những cuốn sách trong đo tuổi trẻ thời của tôi đã trông thấy những đỉnh cao của nó có thể đạt tới. Người làm cho chúng tôi thấy những đỉnh cao của chúng tôi tên là Carsten Galriel Honorius. Ông là giáo sư văn học ở trường đại học. Ngồi trong giảng đường, chúng tôi chỉ chú ý đến một con người ục ịch nặng nề đứng trên bục. Mắt nửa nhắm lại, ông lấp bấp, rồi bỗng nhiên giương mí mắt lên, cái nhìn của ông rực sáng. Trong một khoảnh khắc giải phóng một tia phản chiếu vĩnh hằng đã lộ ra với một ánh sáng mạnh dưới cái vỏ trần gian nặng nề làm rực lên cuộc của nhiều người khác cũng như nó đã chiếu sáng cuộc đời nghèo khó và cô lập của tôi.

Nhưng liệu có ai hiểu ông hơn tôi, người đã tìm thấy sự vĩnh hằng bên cạnh con gái ông? Con gái ông thì tinh tế và mảnh dẻ thế, mà ông thì nặng nề, con gái ông đã rũ bỏ hết những sợi dây ràng buộc của trần thế, con gái ông là mục đích mà ông là phương tiện, con gái ông, mà hình ảnh của cô ấy nấp

trong tim tôi đã theo tôi đến tận đây, một hình ảnh được giải thoát khỏi mọi chi phối của thực tại. Giờ đây, sau nửa thế kỷ chịu hình phạt câu chuộc tội, tôi hiểu rằng, bởi vì tôi đã muốn có cô ấy, lẽ ra phải để mất cô ấy. Nhưng tôi cũng hiểu rằng tội lỗi chống lại cô mà tôi đã phạm phải, cái tội lỗi làm tôi không xứng đáng với sự hiện hữu của cô trên thế gian này và ném tôi lên đảo này, không chỉ là sự kìm nén một mối tình bất hạnh, mà còn là sự cứu vớt duy nhất của tình yêu đó. Vì tội lỗi của tôi, Chúa đã gọi tôi đến với cuộc đời mà tôi được tạo ra cho nó. Tội lỗi của tôi đến từ ý chí của Chúa, ấy thế mà tôi thực hiện ý chí của Chúa thì tôi cũng làm vậy bản ý chí đó.

Trái tim con người đen đến nỗi ánh sáng của Chúa khi đi qua cũng tối sầm lại. Nhưng chúng ta biết rõ rằng tội lỗi là đồng nghĩa với đau khổ và chỉ bằng đau khổ chúng ta đến được với niềm vui, với Chúa.

Tôi trông thấy cô ấy trong phòng làm việc của bố cô ấy, ở đây, chúng tôi, những người đến học luôn luôn được chào đón. Tôi trông thấy cô ấy ba lần. Lần đầu tiên cùng với nhiều bạn bè, lần thứ hai cùng giáp mặt rồi đến lần thứ ba này là hết.

Không bao giờ tôi nghĩ đến chuyện đi thăm Carsten Honorius cả. Cái đó dành cho tất cả những người khác, nhưng với tôi thì không. Tôi đã quá nhớ đến Hội sinh viên và phòng khách của bố tôi để hiểu rằng tôi không đến đúng chỗ ở những nơi tương tự như thế. Nhưng rồi một chiều Adam đến tìm tôi.

- Tại sao mày không muốn đi với bọn tao? Mày cũng theo học các bài giảng của ông ấy như chúng tao cơ mà?

Tôi quay mặt đi, không quên rằng sở dĩ Adam là một thánh giả cần mẫn của Honorius như thế trong những bài giảng thần học là vì học trò thừa biết một ngày kia nó cũng thành thầy giáo. Nó có thể dễ dàng đến nhà thầy, tôi thì không thể thế, chỉ liếc nhìn qua quần áo của tôi cũng đủ hiểu. Đồng tiền tiết kiệm cuối cùng của Eberhard đã tiêu hết từ lâu và quần áo rách rưới của tôi, mặc dù có vài bộ được chải chuốt luôn nhưng cũng không có cái nào coi được. Adam chớp được cái nhìn của tôi.

- Tao cho mày mượn bộ complê – Nó bình thần nói với tôi không phải như nó làm từ thiện, mà như là nó thực hiện một nhiệm vụ tự nhiên. Nó luôn giúp đỡ và tương trợ tôi theo kiểu ấy, nhưng như thế chỉ làm tăng thêm cái cảm tưởng sâu sắc của tôi về sự thấp kém bẩm sinh. tôi đã không thể chống

lại ước muốn của Adam.

Con người ấy, một ngày kia sẽ ở trong một gian phòng mà ngay trong mơ nó cũng không dám bước vào, ở bên cạnh một con người có khả năng về tất cả những gì anh ta thấy, ước mong trong thế gian này, mà anh ta biết rằng không bao giờ bản thân anh ta đạt tới một mảnh nhỏ, chỉ mình con người ấy đến với bộ quần áo đi mượn sau khi sống một năm ròng bằng bánh mì, nước lã và những mẫu khoai, con người ấy không còn hy vọng, không còn can đảm, con người ấy tin chắc cái vô giá trị hiện tại và tương lai, con ấy sẽ hiểu rằng cái sàn nhà của căn phòng này làm bong đế giày của tôi và, toát mồ hôi trán, tôi chỉ nhìn thấy khắp nơi toàn những cái nhìn xoi mói và chỉ trích.

Tôi đã đi tìm mọi món trợ giúp. Nhưng những đứa khác luôn đi trước tôi. Không chỉ mình Augustin thiếu như tôi mà cả những bạn mà cha mẹ là những người khá giả, kể cả giàu có nữa. Chúng nó nhận được những món tiền cứu trợ có thể đảm bảo cái ăn hàng ngày cho tôi mà chúng chỉ dùng để xài vật. Tôi đấu tranh bản thân mãi tới khi đến gặp một giáo sư cho ở miễn phí và có một vài trợ giúp ở trong trường đại học. Tôi hết sức ngạc nhiên thấy ông ấy ở trong một căn hộ lộng lẫy bảy phòng trong toà nhà trước trường, trong khi đó thì phòng sinh viên gồm năm gian áp mái tối om, bé xíu ở nhà đằng sau. Những gian áp mái đối với tôi là cả một sự cứu nạn. Nhưng đã có nhiều đứa đến xin những ưu ái đó. Tất nhiên là tôi đã lọ qua các kỳ thi kiểm tra, đã có những bằng khen chăm chỉ, ng्या cả những giấy chứng nhận nghèo khó cũng đủ cả. Tôi có thể ghi tên xin, nhưng cho tôi hy vọng thì giáo sư không dám đánh liều. Thực vậy, ông không dám đánh liều vào đó vì đã hứa với một bạn học cũ, giáo sư Flensburg, là sẽ nhận cậu con một của ông để cho các thầy giáo khác để ý đến nó.

Ngay buổi chiều mà tôi nhận được trả lời từ chối cho đơn xin của tôi, tôi đã nhìn thấy ánh đèn trong căn áp mái mà tôi mong được ở! Cậu con một đã cười nói âm ỉ với những học sinh ưu ái khác mà giáo sư có quen biết bố mẹ, hoặc được gửi gắm bởi những nhân vật có danh tiếng hoặc bởi một vài mục sư nào đó.

Sau chuyện đó, tôi bắt đầu đi tìm mùi những phương tiện tồn tại khác để có thể sống trong cái thành phố có những cánh cửa đóng này cho đến khi Chúa

tiết lộ cho tôi ý chí của Người.

Trong vài tuần lễ ngắn ngủi, tôi có được một chỗ làm ở nhà một thương gia. Ông sai tôi làm những quyết toán trong quyển sổ cái của ông. Tôi vốn chẳng giỏi giang gì về tính toán, thế là tôi bị đè nặng vì tinh thần trách nhiệm và kiệt quệ vì cố sức. Ban đêm tôi cũng chẳng được nghỉ một khi những con số cứ nhảy múa trong đầu. Được một tháng thì người ta cho tôi thôi. Anh con trai của nhà đó, sau chuyến đi chơi về sắp thay tôi làm công việc đó.

Tôi tìm kiếm việc khác mãi cũng chẳng có kết quả. Chỉ có mỗi một cánh cửa mở ra với tôi. Người ta cần một người sửa bản in trong một nhà xuất bản tiểu thuyết đồi trụy và bài hát đường phố. Nó còn xuất bản một trong những tờ lá cải bản thiêu đầy rẫy từ khi có báo chí.

Tôi không nghi ngờ gì về loại công việc mà tôi sẽ phải làm. Nhưng ngay khi đọc xong dòng đầu tôi đã hiểu là tôi đã lạc đường. Tôi nghe nói là những tờ báo bản thiêu hồi đó chẳng là cái gì so với những tờ báo ấy ngày nay. Những người nghèo khổ khác làm việc ở đó để kiếm sống hàng ngày. Đối với tôi, con của Eberhard, cái công việc độc hại, đáng ghét, lừa dối đó là cả một nỗi đau khổ.

Trong cơn xúc động tôi đã bỏ giấy và chạy đến chỗ Adam. Tôi đã đưa những bài chữa của tôi cho nó và đổ người xuống một chiếc ghế, nức nở là đã tận mắt nhìn thấy những nước như thế mà vẫn phải cộng tác vào đấy.

Nó bình thản lướt qua trang giấy và nhún vai.

- Mọi người khác mày thừa biết sự tồn tại của những thứ ô nhục đó và hiểu rằng chẳng ai cấm những thứ đó từ 1849. nếu mày không thích chân đó, một người khác sẽ vui vẻ nhận ngay. Mày đã rút được kinh nghiệm trong những lần tìm việc rồi đấy. Mày muốn, như người ông vô danh của mày đã nói trước, nằm ở bậc thềm, chết rét và chết đói chứ? Ngày ấy, ở nhà ông ta mày đã làm một chuyện ngu ngốc, đừng làm lại nó một lần thứ hai.

Tôi nhìn Adam, nhưng cứ để cho nó nói. Các bạn cứ nghĩ xem ,chắc là

Adam nhìn thấy sự khốn cùng của tôi có thể làm giảm bớt đi chút bằng sự thừa dư của nó chứ. Nhưng liệu nó có bao giờ tức hiện cái số phận người đại diện của Giáo hội, nếu trong thời trai trẻ, nó chỉ thay đổi đi một tí cái luật xã hội cần được xem là thiêng liêng, cái luật định ra rằng cần có người nghèo để có thể có những người giàu. Tôi đã hiểu ra điều đó ngay sau khi nghe những lời mà tôi kể lại đó rơi ra từ đôi môi nghiêm khắc và trong trắng. Chính bản thân Adam là cái giới quan chức, mà để chống lại nó Eberhard đã muốn cho tôi vũ khí, cái xã hội cần có tôi, có một tờ giấy như tờ mà tôi sửa chữa để làm nền cho nó, có thể là làm van an toàn!

Ngày hôm sau, tôi lại ngồi vào cái bàn đầy những chai rượu và thức ăn thừa không ngon, kê giữa bếp lò givà một cái giường đôi bừa bộn. Phòng làm việc đồng thời dùng làm phòng ăn và phòng ngủ cho biên tập và cho những cô gái mà người ta nhốt ở ngoài phố.

Tôi cố nghĩ đến Eberhard, người đã sống trogn một nhà chứa, nhưng chẳng có một so sánh nào khả dĩ giữa hoàn cảnh của ông ấy và của tôi. Ông ấy chỉ làm cái việc lau chùi, lọc trong, trong lúc tôi thì... Tất cả những cái mà tôi có thể làm được gọi là dọn sạch tức là xoá bỏ những lỗi in ấn!

Tôi tự nhủ, khi kiếm được vài xu, rằng tôi trụ vững một cách khó khăn ở xa cái bậc thềm của ông tôi, và tôi sẽ kết thúc ở đây theo như ông ấy nói. Nhưng tôi kêu với Chúa trong cơn khốn khổ đến nay chưa từng biết này. Tôi cầu xin Người giải thoát thể xác tôi, cái thể xác đang bắt buộc linh hồn tôi phải chịu điều ô nhục này. Tôi làm thuê ở toà soạn đã được ba tháng nhưng chưa khi nào tôi cảm thấy sự khốn khổ của tôi và cái thuyết nhị nguyên không thể chịu được này giữa tinh thần và xác thịt như là buổi chiều tháng mười đó trong nhà của Carsten Honorius, gần một năm sau khi Eberhard mất.

Adam giới thiệu tôi và giáo sư nghe tên tôi với một vẻ chú ý đặc biệt. Ông nhìn tôi với đôi mắt tò mò, nửa nhắm nhưng rất sinh động khiến tôi run run tự hỏi không biết tôi có cái gì đáng quý mến, có cái gì cho tôi quyền được vào chỗ con người nổi tiếng này. Cái đầu nặng nề của ông nghiêng về phía tôi, ông hỏi tôi về sự học tập, về dự định tương lai.

Trong chốc lát tôi đã suýt thổ lộ với ông tất cả nỗi khốn khổ của tôi. Ông là người đầu tiên hỏi tôi về bản thân. Nhưng tôi đã dằn lòng lại. Tôi có thể thừa nhận sự tử tế của ông bằng cách trút gánh nặng của tôi cho ông ấy chăng? Với lại, chỉ mình Chúa mới biết được con đường của tôi.

Tuy vậy, sau này khi tôi không bị chìm trong sự khinh bỉ của những người không cho tôi là không xứng đáng với chức vụ trên đảo, tôi đã tìm thấy lại sự thích sống vì nghĩ rằng nhà học giả cao to và khôn ngoan đó cũng đã nhìn tôi với cùng một con mắt nhìn những người khác, có lẽ là với cả một sự thông cảm cảm động.

Ông đặt lên vai tôi một trong hai bàn tay dài thanh mảnh đôi lập khác thường với phần còn lại của thân hình đồ sộ của ông.

- Đây là lần đầu tiên anh đến thăm tôi, anh hãy đi luôn nhé.

Và ông đi, kéo lê cái chân khập khiễng sang phía một người khách khác.

Tôi dám mạnh dạn nhìn căn phòng chật ních những khuôn mặt trẻ trung tươi cười, và, trong một lúc tôi cảm thấy mình là một trong số những sinh viên hơn hở đó. Chắc là sức mạnh tình cảm đã nâng tôi lên. Bỗng tôi trông thấy Dorete Honorius, con gái ông ấy. Tôi trông thấy cô ấy đi tới, theo sau là một chị đầy tớ, cô ấy chuyển theo vòng tròn một cái khay tàu đựng đầy chén trà, mút và thìa. Dáng đầu nghiêng nghiêng, cái cổ thon, cánh tay trần cầm cái khay nặng, tất cả những cái đó thật tươi trẻ, thật hồn nhiên, thật sung sướng khiến tôi bỗng nhớ lại bản thân tôi là gì mà dám vào trong phòng này, mà dám đến gần cô ấy. Nhưng liền đấy tôi không nghĩ về tôi như thường lệ nữa. Tôi không còn nghĩ đến những quần áo của tôi, tài sản của người khác phải trả lại cho người ta sau khi rời khỏi nhà này, tôi không còn nghĩ tới cái gian áp mái của tôi mà cô ấy không thể nào hình dung được sự nghèo khổ của tôi, ngay cả trong mơ. Tôi không còn nhớ đến nguồn gốc của tôi, đến cái chết của mẹ tôi, đến ngôi nhà ở phố Pistolet, cũng không còn nhớ đến bài báo mà tôi phải đọc ngay trong ngày đo với những điều tục tĩu hiện ra trong mắt tôi.

Tôi không còn sợ sự ngạc nhiên và những nụ cười, tôi không còn sợ cho tôi nữa. Dáng đi của Dorète như lướt nhẹ trong không khí, da cô trắng quá, đường cong ở gáy cô mềm mại quá. Tôi sợ cho cô, tôi sợ gọi ra cho cô lòng thương hại, tôi, mà ngay cả hơi thở cũng là một nỗi đau đớn: tôi không nên thở ở đây.

Mắt của Dorète Honorius xưa nay chỉ nhìn thấy cái đẹp và hạnh phúc bên cạnh người cha đặc biệt này, trong căn phòng đầy sách và đồ mỹ nghệ. Tôi cảm thấy có tội nếu trộn lẫn bao nhiêu tủ nhục và khổ đau vào một sự hài hoà thanh bình và dịu dàng như thế. Tôi nhìn giáo sư đang đi khắp khiêng từ người này đến người khác và tôi tự nhủ ông có thể đuổi tôi đi vì những gì con gái của ông, mồ côi mẹ, mạo hiểm ở tôi.

Khi, với một cử động bất ngờ, cô đến gần tôi, và, một nụ cười nở trên khuôn mặt trắng trẻo đóng khung giữa những lọn tóc, cô hơi cúi mình giơ ra cho tôi chiếc khay, tôi hốt hoảng quay đi làm như tôi không nghe cô hỏi, như không trông thấy những bánh ngọt cô làm, mút cô mời tôi. Tôi nấp sau một sinh viên bên cạnh, cố lén lút lách qua sau lưng nó và những người khác, về phía cái cậu dọc theo các ngăn đầy sách.

Tôi không thể đi ra như thế, tôi cần, chỉ một lát nữa thôi, nhìn cô đi qua nhẹ nhàng và im lặng. Tôi cần nhìn vòng lượn mềm mại của gáy cô, nụ cười mơ màng của cô. Tôi muốn biết thế nào là sự ngây thơ, hạnh phúc, tuổi trẻ rồi tôi biến mất. Bỗng nhiên, im lặng quanh tôi. Rồi tôi nghe giọng nói ồm ồm của Carsten Honorius, và, ngược mắt lên, tôi trông thấy ông đang nói, hai tay tựa vào lưng một chiếc ghế. Mọi cái đều quay sang ông.

Tôi ném một cái nhìn mới vào Dorete. Chị đầy tớ đã cầm đỡ cái khay trên tay, và Dorete cũng lắng nghe. Cô nhìn tôi chẳng có nguy hại gì khi tôi ở xa cô. Tôi có thể cho phép mình ngắm cô trong một khoảnh khắc ngắn cuối cùng, và tôi ở lại, quên hết tất cả. mắt tôi không rời khỏi cô. Đầu cô ngẩng lên trong số những người khác. Cô lắng nghe, miệng hé mở, cái nhìn long lanh. Những bím tóc uốn m vòng lượn thanh bình quanh trán cô và hai bàn tay nghỉ ngơi trên đầu gối. Tôi đã quên những thứ bản thiêu mà mắt tôi đã trông thấy và mang theo ngày hôm đó, và tôi dám đặt cái nhìn lên đôi má, lên tai, lên cái cổ uyển chuyển, lên những cánh tay thon thả, lên đôi tay chấp lại và lên đường tròn êm ả của đôi vú. Tôi mãi mê ngắm như thế những cái nhìn của tôi đã tìm thấy lại tổ quốc lâu nay tìm kiếm. Đây là lần đầu tiên tôi nghe lấy một tiếng nào trong những lời ông bố cô nói. Tôi chỉ trông thấy cô. Tôi chìm vào trong sự ngây thơ, hạnh phúc, tuổi trẻ này. Bỗng nhiên, tôi gặp cái nhìn của cô và mọi ưu phiền, mọi tủ nhục đều rời khỏi tôi, vì đôi mắt cô đưa lại cho tôi sự rộng lớn và thanh bình của bầu trời, cái bầu trời nhìn thấy tất cả và không gì làm vấy bẩn được. tâm hồn Dorete mà vật chất chưa chấp

nổi với tâm hồn tôi, một tâm hồn mà sự sợ hãi và hận thù đã dẫn đến cửa cái chết, đã gặp nhau, ngỡ ngàng nhận ra nhau.

Chúa đã gọi tôi, tôi chỉ còn chờ đợi ý chí của Người.

Trong khoảnh khắc đó, tôi thấy hai mắt nhìn chúng tôi, đó là đôi mắt Adam, giống như những con mắt điều hòa. Dorete rùng mình và cúi đầu. Hai bàn tay của cô tìm nhau trên đầu gối cô và tôi hiểu rằng cô phải là của nó. Nó muốn có cô, cũng như phần thưởng, đối với nó cô ấy biểu hiện như mục tiêu cao nhất. Vậy chúng tôi có luôn luôn cần phải mong ước cùng một thứ không, chúng tôi thật xa nhau mà cũng thật gần nhau?

Tôi tỉnh giấc mơ để thấy rằng tôi đang trong bộ quần áo của Adam và tôi quên rằng cái gì vừa được cho tôi không thể bị lấy lại, ngay cả là do cô ấy. Trong lúc tôi chờ đợi tiếng nói của Chúa bảo tôi "Đó là quà quý nhất vừa được tặng cho ngươi, ngươi đã trông thấy một tâm hồn chị em, ngươi hãy đi đi và giữ lấy món quà quý đó", sự xung đột giữa tinh thần và xác thịt lại diễn ra. Tôi quên là ân huệ và nỗi đau của sự giải phóng xác thịt thay nhau xảy đến với chúng ta và tôi muốn cô ấy như là tôi trông thấy cô ấy ở đây, trong bộ quần áo yêu kiều của thân thể cô. Tôi không yêu cầu được ôm Dorete vào trong cánh tay, nhưng tôi muốn cô ấy còn nguyên vẹn như bây giờ. Tôi cầu xin cái khoảnh khắc đó ngừng lại, tôi cầu xin thời gian đừng trôi đi. Tôi muốn rằng những người khác quên hai chúng tôi mãi mãi, tôi muốn rằng chỉ mình chúng tôi tồn tại, tôi muốn chỉ mình tôi nhìn cô ấy và cô ấy nhìn tôi, ở trước mặt tôi như bây giờ. Tôi yêu cầu cái gì đã thuộc về tôi như một sự vĩnh hằng cũng phải có khoảng đo trong thời gian.

Tình yêu của tôi với Dorete thức dậy trong tôi tính ích kỷ đã yên ngủ, và tình yêu đó cứu tôi mãi mãi nếu tôi tuân theo ý chí của Chúa chứ không phải đi theo ý chí của tôi.

Khi giáo sư thôi nói và các sinh viên, lòng đầy cảm ơn và ngưỡng mộ, chạm nhau quanh ông để chào ông, Dorete biến mất trong đám đông. Bây giờ tôi biết là lần sau tôi sẽ lại đến và tất cả các lần khác nữa nếu tôi có thể. Nhưng tôi thoáng thấy cô ấy bên cạnh Adam, cậu này hôn tay cô. Cô cúi đầu chào nó, nó đứng lên, hất mớ tóc vàng hoe ra đằng sau và mắt nó đắm đắm nhìn vào trong mắt của Dorete. Cô run run chấp hai tay trong một lời cầu nguyện thầm lặng. Một tiếng nói bên trong bảo tôi "Mày hãy cầu nguyện tùy ý, mày sẽ không chống đối với ý chí đó".

Adam rời cô và đến chỗ tôi. Cô ở lại sống sò tại chỗ. Cái nhìn của bạn tôi đã xuyên vào tôi với sức mạnh của một lưỡi kiếm và tôi run lên như Dorete. Số phận của chúng tôi đã được định sẵn.

Chúng tôi cùng đi ra, không nói với nhau một lời, trong các phố đêm mà các biển hiệu rít lên trên những dây xích. Đến trước nhà Colbjornsen, chúng tôi dừng lại và trong khi nó dừng lại ở tôi vẫn cái nhìn lạnh lùng. Adam bảo tôi:

- Quả thật là mày đã chịu hết nỗi công việc biên tập báo rồi Clemens ạ. Tao có cái khác đề xuất với mày.

Tôi giương mắt nhìn. Nó nói gì thế nhỉ? Có cái gì khác cái mà tôi vừa cảm thấy? Cái mà tôi đã mất đi chiều nay?

- Tao thấy hôm nay trên tờ Tổ Quốc có quảng cáo một việc làm. Người ta cần một giáo viên dưới quyền chỉ huy của một mục sư trên một hòn đảo. Tiền ăn và ở một năm là hai mươi lăm rixdan. Người ta ở đây rất biệt lập, cách bờ biển gần nhất bảy dặm, ở đây không quá hai trăm cư dân. Nhưng mày thích cô độc. Tàu đang neo ở Christianshaven. Thuyền trưởng biết rõ hơn về vấn đề này. Mày có thể hỏi ông ấy, nhưng việc đó người ta cần ngay. Một ngọn lửa man rợ đỏ lên trong tôi, ngọn lửa tôi chưa từng biết. Cái tôi của tôi bộc lộ mãnh liệt, không nhìn thấy gì nữa, không nghe thấy tiếng nói của người lẫn tiếng nói của Chúa. Tôi chỉ còn là tôi, chỉ mình tôi, và tôi chất đầy bầu trời và mặt đất bằng những tiếng kêu của tôi. Nó muốn xa tôi ra, nó cho tôi là địch thủ. Tôi muốn đứng lên, gào ra khắp bốn phương rằng bây giờ nó phải tính với tôi. Nó sợ tôi như một tình địch bên cạnh cô ấy!

Tuy nhiên Adam đã nhét tờ báo vào túi tôi và mở cổng.

- Mày có thể giữ bộ quần áo ấy cho chuyến đi – nó nói trong khi đóng cánh cửa.

Nhưng có quan trọng gì đối với tôi cái vẻ chế giễu của nó khi nói xa nói xôi rằng tôi không thể đến gần cô ấy nếu không có những quần áo đi mượn đó. Có quan trọng gì đối với tôi khi tin chắc bình thân của nó rằng tôi sẽ đi ra đảo vì tôi bị bắt buộc phải ra đó. Tôi chỉ nhớ lại rằng cô ấy đã nhìn tôi và suy nghĩ của Adam đã xoáy vào cái nhìn ấy. Tôi quên đi niềm tin của tôi và những ý định của Chúa. Tôi quên cả chính chúng tôi đã đặt mình cho xã hội phán đoán. Tao đã luôn luôn tuân theo, mày là ai mà đã nhường trước nhân cách của người khác mà lại hoài nghi ngờ về nhân cách của tao, tốt bị ngập chìm trong cái tôi xa lạ của tôi. Tôi sụp xuống trên bậc thềm và ngồi ở đấy cho đến khi người gác đêm xuất hiện và khuyên tôi về nhà để mà say. Tôi sững sờ nhìn anh ta và đứng dậy đi lao đảo.

Tôi đã say, thật vậy, như người chưa từng uống rượu vừa nếm thử loại rượu mạnh nhất. Và cũng như rượu có thể tạo lại con người trong một chốc lát, tôi đã được tạo lại bởi những giờ ban đêm đó. Tôi đã trở thành một vị thần, một vị thần của tuổi trẻ, của cái đẹp, của lòng can đảm và của sức mạnh. Nhưng

không, không nghi ngờ gì nữa, tôi chỉ trở thành một con người như những người khác, một người trẻ trung và đầy hy vọng. Tôi có thể thu được tất cả, cho đi tất cả. C ấy đã nhìn tôi theo cách như Adam, Adam Colbiornsen nhìn thấy ở tôi một đối thủ, một đối thủ mà nó phải xa ra. Tôi bằng nó, tôi hơn nó vì nó sợ tôi. N tưởng là tôi bị thua sút – và đây – tôi có thể leo lên núi.

Bỗng nhiên tôi trở lại trên đường phố yên lặng và lịch sự, trước ngôi nhà của Dorete. Tôi không biết là tôi đến gần đây. Tôi đã đến đây như tôi về nhà tôi, như thể những nơi này là của tôi theo luật.

Vâng, tôi có một nhà tôi, tôi có tương lai. Buông mình vào trong những mộng tưởng sung sướng và tươi cười, tôi mở chân song và đi vào.

Hương thu của những cây đoan già chào đón tôi, vừa thoa nhẹ vừa cảnh báo một lúc. Nhưng tôi chỉ trông thấy cửa kính chiếu sáng sau những thân cây dày đặc và những chiếc lá cây, cửa kính của người tôi yêu! Tôi tiến lên, hướng dẫn bởi cái ánh sáng cửa kính, ngẩng cao đầu trong đám cành cây như một người chiến thắng trong vương quốc của mình.

Tôi đã trông thấy cô ấy như một người chiến thắng trông thấy người yêu. Cô ấy khoả thân trước chiếc gương, trong bông hoa trắng của tuổi trẻ. Cô giơ hai tay quấn tóc trên đầu. Cầm cúi xuống ngực, cô cười một nụ cười huyền bí. Quần áo cô đã tuột xuống dưới chân. Nó như một đài hoa trong đó nở lên một bông hoa. Hồi quang của ánh sáng rung rinh trên da cô.

Tôi không cúi đầu, tôi không chạy trốn nhưng ở lại đó với sức mạnh của quyền người chủ.

Thình lình một chiếc lá lướt trên má tôi, chân tôi làm lá khô kêu lên.

Giữa lúc ấy mắt cô hướng về cửa kính, hai bàn tay cô như hai chiếc lá đặt lên đôi vú, toàn thân cô chỉ còn là sự run rẩy.

Tôi quỳ thụp xuống và nhìn cô đến gần bên cửa sổ, hai bàn tay vẫn che đôi vú và cổ nghên lên, nhưng đang mỉm cười vì nỗi kinh hoàng.

Xung quanh nhà cha cô, khu vườn rộng bảo vệ, không trải rộng ra ư?

Từ chỗ nấp, trong bóng bức tường, trên cỏ mục mùa thu, tôi không rời mắt nhìn những ngón tay thon trắng xoè ra che ngực, đôi mắt mở to tươi cười, bóng làn tóc trên vai cùng cánh tay giơ lên và đầu ngả về đằng sau, cô kéo bức màn, biến mất phía trong căn phòng.

Giấu mặt xuống đất, tôi đã thầm kêu lên nỗi thất vọng của tôi. Tôi đã làm gì?

Tôi đã nhìn cô trong lúc cô đang trần truồng, tôi đã hiếp cô trong lúc cô một mình, xúc phạm cô trong lúc cô không đề phòng.

Chính là tôi đã làm chuyện ấy, tôi, con của Eberhard, tôi, con chiến của Chúa, tôi, người yêu cô. Nhưng không, không thể thế được. Có đúng là tôi đã nhìn xuống trước tâm hồn, trước thân thể mà tôi tôn thờ này, cái tâm hồn và thể chất chỉ là một ở cô ấy? Tôi đã ra xa, chạy trên các phố, mang theo trong tim tôi hình ảnh thiêng liêng biểu lộ cuộc sống sung sướng đã được

ban cho tôi vì thân thể tôi đã bị chế ngự, ý chí của tôi đã chết đi, tâm hồn tôi sống độc nhất dưới bàn tay của Chúa.

Than ôi! Chối sao được điều đó. Tôi đã thấy. Tôi đã kéo dài sự ngắm nhìn của tôi, tôi đã ăn cắp sự trần trụi đơn độc của cô, tôi đã chiếm cô bằng vũ lực, nên đã mất cô vĩnh viễn.

Tại sao, tại sao? bởi vì cái tôi mà trước kia tôi chưa hề biết đã được tạo ra như thế, hèn hạ hơn cả con vật. hạnh phúc và cuộc đời đã đánh thức nó dậy. Ôi! Lạy Chúa! Tại sao Người không làm con chết trong sự nghèo khó túng thiếu của con! Người hãy lấy lại hạnh phúc của con, lấy cuộc đời con đi, nhưng hãy trả lại cô ấy cho con, và trở về với con.

Muộn rồi, muộn rồi.

Tôi kêu lên thất vọng của tôi với đất, cầu xin đất đóng lại trên tôi để che giấu tôi. Sao tôi lại có thể hành động kiểu đó đối với cô ấy, mà tâm hồn cô đã thì thầm vào tai tôi "Anh trai ơi, anh là người duy nhất giống em".

Những lá vàng rơi xuống người tôi và tôi đã kêu lên với chúng hãy chôn tôi trong sự hư hỏng của chúng. Hương thơm của chúng quyến với mùi thơm của đất đưa lên làm tôi say sưa như chính hương thơm của cái chết. Tôi nhắm mắt lại với một cái thở dài cảm ơn. Biền mất, biền mất. Nhưng những lá úa tuột đi kkkhi tôi ngẩng đầu lên. Và tôi thấy mình vẫn còn trên mặt đất, nơi có những dấu chân tôi.

Tôi ra khỏi khu vườn, chạy như thể tôi muốn trốn khỏi hành động mà tôi đã phạm phải, trốn xa bản thân tôi. Chuyện không thể được.

Dưới ô văng tối của bậc thềm, một bàn tay sờ tay tôi và trong ánh sáng mờ ảo của một ngọn đèn dầu tôi nhận ra một khuôn mặt đóng khung trong những lọn tóc xoắn màu nâu. Tôi đã phải giữ vững chân trên đá lạnh để khỏi ngã. Trời ơi! Là cô ấy ư?

- Cậu sinh viên bé con ơi, cho tôi một si ling và cậu sẽ được một cái hôn – một giọng nói khàn khàn rên lên. Rồi một bàn tay khấn khoản lắc vai tôi – Cậu có nghe không, một si ling, một cái hôn.

Tôi đang đứng ở một cầu thang bần, trong một đường phố bần. Có phải là phố Pistolet hay là phố Peter Madsen?

Trước mặt tôi đang quỳ một người đàn bà quần áo rách rưới, hết sức trẻ, mặt điểm những dấu xanh. Những lọn tóc quyến nhau xoắn xuống đôi mắt long lanh. Bàn tay gầy và trắng bệch như của người chết cuống cuống kéo áo khoác của cô ta.

- Cậu sinh viên bé con ơi, một si ling và một cái hôn!

Tôi cúi xuống, choáng váng. Ở trên cái mùi mốc và mục rữa bốc lên như đang ngưng đọng một mùi thơm dịu mát, mùi thơm hoa, mùi đàn bà. Tôi không nhắm thêm một lần nữa. Tôi trở lại khu vườn, cô ấy không tức giận, cô ấy đã mở cửa sổ, cúi xuống phía tôi, chìa môi với tôi cho một nụ hôn xin

lỗi!... Và vĩnh biệt.

Tôi nhận ra môi trường thời trai trẻ của tôi, mùi những thùng rác của nhà thổ, những giường và những quần áo bẩn thỉu, những trần nhà và tường đổ bụi xuống, bùn những con suối trộn với mùi thơm yếu ớt không thể vi phạm và tinh khiết của những thân thể phụ nữ trẻ trung.

- Cậu sinh viên bé con ơi, tôi sẽ cho cậu những gì tôi có thể, tôi đã không ăn gì từ ba hôm nay..trừ những gì tôi tìm được trong các thùng rác, và tôi ốm, tôi sẽ cho cậu những gì tôi có thể...

Thấp thoáng sau những nếp gấp của chiếc khăn san rách ánh lên đôi vú trẻ trung và tẻ nhạt.

Tôi đã tin rằng cô giật mất đôi mắt và trái tim tôi bằng bàn tay trắng nõn của cô và đây, trong sự cảm thông thần thánh, cô dâng đôi vú để tôi giải khát và ngăn tôi đau khổ vì cơn khát suốt đời tôi, tôi, người dám đặt cái nhìn vào ngọn suối thiêng liêng. Tôi lão đảo cúi xuống uống, hai mắt nhắm lại.

Phía trên mùi chết và thối rữa, bông hoa thiên đường giương những cánh hoa lụa về phía mắt tôi, thân thể tôi, tâm hồn tôi.

Tôi đã mất đi trong hương thơm của cô, tôi chỉ còn là một tinh thần đáng ném mất thơm và muối mặn của cuộc đời thực. Một bàn tay run rẩy đặt xuống gáy tôi, tôi nghe tiếng thì thảo rất khê: có phải là tiếng nước nở đến từ trái tim và đôi môi?

- Ô, cậu sinh viên bé con! Ô cậu bạn bé bỏng!

Tôi bèn giương mắt nhìn khuôn mặt cô gái mãi mãi.

- Tôi không thể nào cho cậu hơn nữa, một cô gái đã đang lạnh cóng và tôi đang ốm. Hãy cho tôi một siling.

Chiều hôm đó ở văn phòng đã trả tiền trợ cấp hàng tháng cho tôi. Tôi đưa tiền vào tay cô. Cô ấy hôn tay tôi, giờ một bàn tay gầy guộc của cô vẫy chào tôi và biến mất trên quảng trường nhỏ. Tay kia lén lút giữ chiếc khăn san áp vào đôi vú trần.

Còn tôi, trước ngưỡng cửa căn nhà tôi sinh ra đời, phố Pistolet, tôi cảm thấy được giải thoát bởi cô tiên tốt bụng này, cho khoảnh khắc hiện tại và cho vĩnh hằng.

- Ô, em gái bé bỏng, em gái của chúng ta, của Dorete và của tôi, em đã đem lại vinh dự cho cô ấy và cuộc đời cho tôi. Cái hôn của em trả lại sự trinh tiết cho sự khoả thân của cô ấy và tha thứ cho kẻ phạm tội. Nhưng em, em gái bé bỏng, người tặng nguồn suối thần tiên trên phố thì chỉ mình Chúa sẽ giải khát cho em cũng như một mình em đã giải khát cho tôi.

Chẳng bao giờ tôi biết tôi đã trở về căn gác áp mái của tôi như thể nào, nhưng khi nằm xuống trên giường tôi đã định ninh một điều: tôi sắp đi đến đảo. Ở đó có chạy qua con đường của tôi do Chúa chỉ định. Tôi đã đi không phải vì Adam mà bởi vì Chúa đã muốn. Tôi quay mắt đi mãi mãi khỏi

Dorete để có thể trông thấy cô ấy mãi mãi. Tôi tự loại mình ra khỏi số người sống để khỏi phải chết. Quyết định này cho tôi sự bình yên, bình yên của người bị tử hình, của người được ân huệ thần thánh khoan hồng, và tôi đã đi vào giấc ngủ.

Trong giấc ngủ của tôi, cô ấy hiện ra với tôi lần thứ hai, cô ấy, người mà tôi đã có được và mất đi cho sự vĩnh hằng.

Cô ấy đến ngồi bên thành giường của tôi và nói với tôi: cô ấy trần truồng như khi tôi trông thấy cô đằng sau kính cửa sổ và trên phố, trần truồng, hai bàn tay chấp lại, hai chân chéo nhau, chỉ che phủ bằng mái tóc dài. Nhưng tôi đã không ôm cô như cô ấy là của tôi, và tôi không cho rằng ở gần cô là một tội lỗi. Cô ấy mỉm cười với tôi, không hề giận dữ, bằng một nụ cười rụt rè và buồn vô cùng. "Bénédict" – cô ấy nói, gọi tôi bằng tên hồi thơ ấu – "anh thấy không, Bénédict, em đến như Chúa đã dành em cho anh. Chúng ta đã được tạo ra, người này cho người kia, bất kể những khoảng cách, những tính đạo đức giả ngăn cách chúng ta. Anh đã trông thấy sự trần truồng của em, và em đã là của anh trong cái khoảnh khắc ngăn ngủi mà mắt anh lướt qua sự trần truồng đó. Nhưng chúng ta đều là tù nhân của thời đại chúng ta. Vì vậy, anh chỉ sẽ trông thấy lại thân thể em vào buổi sáng của Vĩnh Hằng. Đôi mắt em đã chẳng nói lên đó sao? Chỉ có ở trong Vĩnh Hằng hai chúng ta mới là một. Trên trái đất này, một tâm hồn có thể sống bên một thân thể nhưng một tâm hồn không thể sống bên một tâm hồn. Anh không có thân thể cho tâm hồn em, em không có thân thể cho tâm hồn anh. Nhưng ở thế giới bên kia chúng ta sẽ hoà tan vào nhau bởi vì không còn một bụi trần nào làm lu mờ sự sum họp của chúng ta.

"Và bây giờ anh hãy đi đi! Anh hãy đau khổ vì bất công, hãy héo tàn vì buồn nhớ và ân hận. Nhưng để cho nỗi buồn nhớ được tinh khiết, và để anh không quên người vợ dành cho anh, Chúa đã cho chúng ta đêm hôn lễ này, một đêm sẽ dùng cho sự kết hôn của chúng ta mà thiên hạ sẽ không biết gì cả và chỉ mình chúng ta hiểu mà thôi. Anh có biết khi em mỉm cười với chiếc gương của em là em cười với anh đó, khi em nhìn qua kính cửa sổ là em tìm anh đó. Vợ chưa cưới của anh đến phía anh, hai tay đặt lên ngực như đặt lên một bảo vật. Nhưng kính cửa ngăn cách chúng ta, chúng ta trông thấy nhau, chúng ta không thể ôm nhau. Lúc bấy giờ em đã gửi đến cho anh cô em gái của em, anh sẽ lướt qua đôi vú của nó, uống ở dòng suối đôi vú đó như thể đó là đôi vú của em, sau đó anh sẽ không bao giờ khát nữa. Em đã là cuộc sống và anh đã ôm em gái em, và chết. Anh kết tội anh vào cái chết vĩnh viễn bởi vì anh đòi hỏi cuộc sống vĩnh viễn. rồi sẽ là như mong muốn. Đi đi anh, Bénédict, và anh hãy sống về kỷ ức cuộc hôn nhân của chúng ta.

Nhưng ngày mai anh sẽ đến thăm em nữa để chúng ta có thể nói chuyện, chúng ta biết tất cả và không biết gì hết giữa người này với người kia, nói

chuyện lần đầu tiên và lần cuối cùng, buổi sáng hôm lễ cưới của chúng ta và nói với chúng ta lời chào gặp nhau mà cũng sẽ là lời vĩnh biệt và lời chào tái ngộ".

Tôi cảm thấy hơi thở của cô trên môi tôi. phải chăng đó là một nụ hôn, một lời an ủi trần thế hay là cô ấy chúc phúc tôi cho một cuộc bay lên trời? Tôi không biết gì cả.

Tôi ngủ một giấc say sưa và yên tĩnh như trong một giấc ngủ vĩnh hằng.

Hôm sau, khi thức dậy, tôi đứng lên, thanh thần trong ánh sáng tháng mười, thanh thần như người bị tử hình trong ngày cuối cùng của anh ta.

Tôi biết tôi phải làm gì và tôi có thể làm được. Tôi biết số phận của tôi là thế nào và tôi nhớ lại lời nói của Eberhard về những thứ chỉ có thể nở hoa ở trên trời và lời cầu nguyện của ông ấy với Chúa xin ban cho tôi tặng vật cây Thánh giá. Cuối khu rừng cuộc đời không dựng lên Aphrodite, bông hoa chói sáng mà như trong những *silvae nigrae* cây Thánh giá.

Tôi rút trong túi ra tờ báo Tổ Quốc Adam đã nhét vào hôm qua, đọc mẩu quảng cáo "Một mục sư phải kiêm thêm nhiệm vụ giáo viên ở một hòn đảo của Kattegat, tìm một sinh viên tạm thời thay trong một thời gian. Ông cho ăn, ở và trả 25 rixdan một năm".

Quảng cáo viết rõ tạm thời thay trong một thời gian, nhưng tôi chắc chắn là mãi mãi. Tôi hiểu vì sao tôi đã được dẫn đến cửa sổ của Dorete và đến bậc thềm ở phố Pistolet. Không phải tôi đã đến đây vì ý muốn của tôi. Chúa đã dẫn tôi đến. Sai lầm của tôi trở thành một quà tặng của Chúa Trời. Tôi không chỉ chói ngợp vì tia chớp tức giận của Người mà còn biết về huy hoàng uy nghi trên khuôn mặt của Người, ảo mộng ban đêm của tôi đã thể hiện rằng phép lạ đã xảy ra với tôi, với chúng tôi, bởi vì chúng tôi là những sinh linh yếu đuối, mà còn bởi mình phép lạ chúng tôi có thể tồn tại trong thế gian này. Hiểu được lý do của phép lạ, tôi cũng hiểu được cái giá của nó. Đó là những ân hận và những kỷ niệm của tôi.

Tôi tìm tập bản đồ giáo khoa cũ và tìm thấy ở đó hòn đảo có vị trí giữa biển, cách bờ biển gần nhất bảy dặm và cách Seeland mười dặm. Tôi còn tìm cả nơi tàu đang neo ở Christian shaven. Và tôi đến chỗ ông thuyền trưởng, ông này chắc sẽ cho người xin việc biết thêm chi tiết. Trên đường, ở các phố, ánh mặt trời chói lên như lời chào cuối cùng của mùa hè, tôi gặp rất nhiều sinh viên. Có phải là tình cờ không? Hình như tôi chưa bao giờ trông thấy nhiều con mắt sâu hóm và quần áo rách rưới, nhiều bộ mặt nhợt nhạt và nhiều bước chân le6 như thế. Tuy nhiên không có ai đi theo con đường của tôi đến Christianshaven, đến con tàu, đến đảo. đến gần chiếc tàu, tôi trông thấy một cái đầu rậm râu, mà con tàu lùn mập và bản thủ hình như là thân mình, chậm rãi quay sang tôi và trả lời tôi bằng giọng rề rề:

- Phải đến ngay nếu muốn làm cái đó. Chiều nay chúng tôi nhổ neo,

mùa thu rồi và chúng tôi chỉ sẽ trở lại đảo vào mùa xuân. Ông mục sư Schwarzflugel muốn tìm một sinh viên nào đấy dạy trẻ. Nhưng cái quái gì khiến anh tìm đến xó xỉnh đó? Anh đã nghĩ kỹ chưa? Anh có biết nó giống cái gì không, hòn đảo ấy mà? Ở tuổi anh thì thà cứ coi như đi thẳng đến nghĩa địa của Hội Cứu tế. nếu là tôi thì tôi cho là còn quá hơn thế nữa. Tôi chỉ nói với anh đơn giản như thế này, anh hãy nghỉ cho khỏe. Tôi thì tôi bảo xin cảm ơn. Chúng tôi khởi hành đúng chín giờ, anh nhớ đấy.

Cái đầu bù xù biến mất như trong một cái bẫy sập. Và tôi trở về, không còn lùi bước được nữa, chiều nay tôi sẽ ra đi để không bao giờ trở lại, để trải qua cuộc đời và chờ chết trên một hòn núi đá hẻo lánh ngoài biển.

Trước tiên tôi phải làm theo lời hứa của cô ấy là thăm cô ấy một lần nữa, lần cuối cùng. Tôi sẽ đến nhà cô đứng trước khi đi, tiếp theo tôi sẽ đến chào vĩnh biệt Adam và lên đường!

Qua môi giới của bà chủ nhà, tôi đã nhờ gọi một người buôn bán rong đến để bán cho anh ta mấy cái đồ gỗ đã theo tôi từ phố Pistolet. Tôi sắp xa chúng cũng như xa những thứ đã thuộc về quá khứ của tôi, chỉ trừ cái hòm của Eberhard. Tôi chẳng còn lấy một siling nào nữa vì đã cho cô em gái của chúng tôi cái ví đựng tất cả số tiền tôi có trong đấy. Người bán hàng rong đến, kéo lê đôi giày cũ. Anh ta hết hít dây mũi xanh thò lò đầu mũi, hết nhìn vào các đồ đạc giường chiếu lại nhìn sang tôi, anh ta chỉ trả được một phần năm giá của các thứ đó theo như tôi biết. mặc dù anh ta nhếch mép cười khẩy nhưng tôi đồng ý bán. Tôi không muốn mặc cả! Vì tôi đòi giữ mình nguyên như cũ, soa người ta lại không đòi hỏi quyền đó cho người ta?

Tôi gói ghém vào trong cái hòm của Eberhard tất cả tài sản trần gian của tôi, hai chiếc áo sơ mi, bộ comple độc nhất và những quyển sách của bố nuôi tôi. rồi tôi đập hòm, khoá lại và thuê đưa nó lên tàu. Tôi sẽ tự mang lấy cái túi, chắc nó không nặng lắm đâu. Khi trả tiền cho bà chủ nhà và tiền thuê chở chiếc hòm xong, tôi đếm lại thấy còn một rixdan. Liếc nhìn cái gác xép áp mái với cái cửa sổ con giữa hai xà ngang, tôi mỉm cười. Như thế là tôi rời bỏ nó, như thế là tôi rời bỏ cái tôi đói đó. Tôi đã sẵn sàng.

Mặt trời lặn chiếu xuyên qua cửa kính nghiêng. Tôi thoáng thấy ngọn của một vài cây cao và những thánh giá của những tháp chuông xa. Những cái bóng rộng lướt trên các mái nhà.

Tôi bỏ vào túi chiếc đồng hồ Khu Rừng Đen của Eberhard, cầm xác và nhìn một lần cuối xung quanh gác xép, đóng cửa và xuống cầu thang để đến mộ Eberhard.

Nếu như do ông quyết định thì mộ này không được đánh dấu gì hết, nhưng tôi, sau khi mất đi một con người mà tôi không thể nào rời bỏ được, tôi đã bám lấy nơi này, nơi mà ông rất khinh ghét, và tôi đã trồng lên mộ một cây thánh giá bằng gỗ tùng. Nó mang hàng chữ trắng ghi lời của thánh Augustin

mà Eberhard thường hay dẫn cho tôi như là lời cảnh báo trong những giờ phút thử thách "Trái tim sẽ bị xáo động cho đến khi nó được yên nghỉ bên Người, Chúa Trời". Và ở dưới là tư tưởng của Novalis "Cuộc sống chỉ tồn tại vì cái chết".

Tôi quỳ xuống bên mộ đã bị mưa mùa thu làm lún xuống và áp trán xuống mặt đất, tôi có cảm tưởng lần đầu tiên hiểu hoàn toàn Eberhard và do vậy tôi cảm thấy giống ông.

Bởi vì những lời ông cũng sẽ có trên mộ tôi "Inquietum vea cor nostrum, donec requiescat in Deo!"

Vâng, tim tôi đã xáo động cho đến khi tôi nằm dưới mộ như Eberhard trong tay Chúa, và tôi cũng đã xác minh rằng cuộc sống chỉ tồn tại cho cái chết.

Từ mộ của Eberhard tôi đến mộ của bố tôi. Hai mộ chỉ cách nhau mấy bước chân, nhưng một bức tường đã dựng lên ở khoảng giữa. Trên mộ của bố tôi người ta đã xây lên một nhà lăng bằng đá cẩm thạch với tên dòng họ bằng chữ vàng dưới một vòng hoa trắng. Tên của bố tôi là cuối cùng. Nhiều tên đã ghi trong lịch sử bằng những chữ vàng và những vòng hoa trắng. Tất cả những hạt bụi trong ngôi đền quyền lực và vinh dự cũng là vật chất làm nên thân thể tôi, thế mà tôi còn xa lạ ở đây hơn là trong phòng khách của ông tôi. Tôi cố đến gần bố tôi một cách vô hiệu. Vàng và những vinh dự đã ngăn cách chúng tôi. Tôi bèn quay trở lại chỗ Eberhard nằm yên nghỉ trong đám người nghèo và người bị lãng quên. Dưới chân cây thánh giá này tôi đang ở nhà mình.

Ngôi mộ của mẹ tôi đã biến mất, chẳng ai biết nó nằm ở đâu. Một thân thể khác giờ đây đã lẫn lộn vào trong tro bụi của thân thể mẹ tôi. Bà đã hoà quyện vào với những phụ nữ khác, với bà Gundlachsen, với những cô gái khác để cho tôi ở bên cạnh họ, những bàn tay mò mẫm bé bỏng đã tìm thấy những người mẹ. Bây giờ bà đã trộn lẫn vào với Dorete và với em gái của chúng tôi. Tôi chỉ biết về bà có mỗi một chuyện, đó là bà rất trẻ, rất thon thả, bà có mái tóc rất đen, bà không muốn nói ra tên của cha bà và người quyến rũ bà, và trong những nỗi đau lớn bà đã tự lên án mình, bà đã chết.

Rời khỏi những người chết trong nghĩa địa, tôi trở về với những người sống mà trong số đó tôi cũng không hiện hữu. Tôi đến nhà cô ấy, đi qua khu vườn và bấm chuông không phải rụt rè như lần đến thăm cùng Adam, với cảm tưởng là tôi có quyền. Tôi là chồng của Dorete. Chính cô ấy mời tôi đến.

Tiếng chuông không đưa tôi ra khỏi giấc mơ và tôi không nhận ra vẻ kinh ngạc của u già khi tôi xin gặp cô chủ sau khi bà bảo tôi rằng giáo sư đi vắng.

Nhưng khi đã đứng trước mặt cô trong một căn phòng nhỏ có trần thấp, những màn cửa màu tôi, những khuôn cửa sổ đầy hoa, tôi đã trở về với tôi.

Cô lễ phép đứng trên cái bục mà cô ngồi thêu để chào tôi và cô nhìn tôi, tay vẫn cầm cái khung thêu. Một tí nữa thì tôi đã thụp xuống khóc dưới chân cô

khi nhớ đến những gì tôi đã dám làm. Nhưng tôi nhớ đến lý do có mặt của tôi ở đây và tôi lấy lại bình tĩnh. Tôi đáp ứng mấy tiếng về chuyện tôi muốn hỏi giáo sư về một cuốn sách...

Tôi đã nói dối lần đầu tiên trong đời và nói dối với cô ấy. Nhưng cái đó cần được tha thứ.

Cô bình thần trả lời một cách nhã nhặn rằng cha cô sẽ trở về trong nửa giờ nữa. nếu tôi muốn đợi ông ấy thì... chính nhờ có nửa giờ đó, nhờ cái khoảnh khắc trong vườn mà tôi đã sinh ra, tôi đã son hàng nghìn giờ của đời tôi chỉ để cho những khoảnh khắc ấy. Khi nó trôi qua thì tôi chết.

Tôi ngồi trên chiếc ghế con thấp ở chân bậc.

Những cây đoan cổ thụ trong vườn ngủ gật dưới tán lá héo mùi khét của chúng. Những viên ngói màu lục của mái nhà thờ lộ rõ trong ánh sáng lơ mơ ẩm ướt trên bầu trời chiều màu tím đang mọc những ngôi sao yếu ớt.

Cô kéo mũi kim một cách thanh bình với với một động tác nhẹ nhàng cô đã hát những lọn tóc bông bênh trên trán và mỉm cười hỏi tôi.

U già ngạc nhiên nhìn vào trong phòng nhưng Doret đã thân mật bảo bà:

- Cảm ơn bà Rosine, ông đây đợi bố tôi.

Vâng, tôi đợi ông ấy đến, tôi đợi cái chết của tôi. chúng tôi lại một lần nữa được một mình. Chiếc kim kèn kẹt xuyên qua vải mộc cứng đờ và Dorete khe khẽ hát. Chúng tôi một mình như trong giờ kết hôn của chúng tôi, trong giờ của nụ hôn,. Một mình trong ngày cưới đang đến gần chỗ kết thúc. Cô càng cúi đầu xuống để nhìn rõ hơn, nhưng mặc dù bóng tối, tôi vẫn trông thấy cô đỏ mặt. Có phải vì điều thầm kín của cô không? Tim tôi đập không phải vì sợ hay vì hy vọng, nó đập trong sự tĩnh tâm và lòng biết ơn với Chúa mà trong khoảnh khắc đó tôi cảm thấy Người rất gần chúng tôi. Cô nói chuyện với tôi, và tôi nói cô không biết tôi, nhưng cô vừa lắc lắc cái lọn tóc vừa cúi thấp xuống khung thêu với một nụ cười nở trên môi.

- Có, có, em biết chứ - cô nói tiếp với giọng trầm và khác lạ - em biết vì anh trốn khi em muốn mời trà anh, anh lần trốn rồi biến mất.

Lúc này đầu cô đã sát xuống tận khung thêu. Cô im lặng hình như để lắng nghe tiếng lòng mình.

Tôi cũng nghe, bất động trên chiếc ghế thấp, cái mũi sinh viên úp trên đầu gối. vậy là cô đã nhớ đến tôi bởi vì tôi đã rời bỏ, tôi là tôi chứ không phải là một người khác.

Và tôi đã mong muốn được giống như người khác. Vì thế tôi đã mất cô, nhưng bây giờ tôi tìm thấy lại cô vì bây giờ tôi đã trở lại chính tôi, thì bây giờ tôi lại rút lui.

Giờ này sẽ không có phần tiếp tục. Nó đã là một sự bắt đầu và một sự chấm dứt và tôi muốn nó như thế.

Cô nói chuyện với tôi, dịu dàng với giọng nhỏ nhẹ. Những câu hỏi, những

câu trả lời nho nhỏ về cuộc họp hôm trước, ở đây chúng tôi đã gặp nhau, chúng tôi đã cùng ngồi trong căn phòng ấy và chúng tôi sẽ dùng những tiếng mà ánh sáng mờ ảo với sự thâm kín của chúng tôi đã làm cho êm nhẹ và dịu dàng hơn. Trong phòng phảng phất mùi hương thơm, mùi sách vở và hoa. Ở đây cô ấy đã sống cả cuộc đời cô và sẽ tiếp tục sống cho đến... Nhưng tôi không muốn nghĩ đến điều đó trong lúc này. Tôi đã được cho nửa giờ này, không ai có thể lấy đi và xoá bỏ sự xum họp của chúng tôi.

Tàn lá đỏ sau cửa kính rực lên, ánh sáng tắt đi trên những màu ngói xanh lục của nhà thờ và sắc nhợt nhạt màu tím của bầu trời trở thành đêm tối. Chiếc đồng hồ điểm tiếng lạnh lạnh, nửa giờ đã đi qua. Tôi đứng lên và chìa tay cho cô. Cô siết tay tôi và cười, không hỏi tôi có muốn chờ cha cô không, mà vẫn ngồi cúi xuống, bộ đồ thêu trên đầu gối, và nhìn theo tôi khi tôi quay lại ở ngưỡng cửa nói với cô lời chào vĩnh biệt... chứ không phải tạm biệt.

Tôi cầm lên cái xác giấu ở hành lang, vì cô ấy không hiểu lời chào gặp gỡ của tôi thì càng không hiểu được lời chào vĩnh biệt của tôi.

Từ biệt xong Dorete tôi đến báo cho Adam biết cuộc khởi hành của tôi vào buổi đêm. Nó nhìn tôi từ phía trên quyển sách của nó, một cuốn sách giáo khoa mà chẳng bao giờ tôi phải mở ra nữa, ánh sáng rơi thẳng xuống mặt nó. Cái nhìn của chúng tôi gặp nhau và tôi tin là đã đọc được trong cái nhìn của nó hầu như là lòng biết ơn. Rồi nó đẩy quyển sách ra, vừa cười:

- Nào, chúng ta uống một ly sâm banh trước khi mày lên đường! – nó nói, vừa lắc chuông gọi người hầu.

Tôi không trả lời, ngồi xuống trước mặt nó, một nửa bị chồng sách che mắt. Tôi nghĩ là tôi đã trông thấy cô ấy, lần cuối cùng, tôi rời bỏ vĩnh viễn thế giới này, mọi người, tương lai của tôi để vượt biển đến đảo này, đến cái chết. Tôi sẽ không bao giờ thấy những tác phẩm đó, mà nó sẽ có thể mở ra cho tôi một con đường khá hơn và có ích hơn cho đồng bào tôi. Không bao giờ nữa tôi được nghe tiếng ầm ầm xa xôi và quen thuộc của xe cộ và hoạt động của con người trong gã lớn. Tôi sẽ bị bao bọc bởi sự im lặng heo hút như trong mồ.

- Chúc sức khỏe - Adam nói. Rượu vang sủi bọt trong những chiếc ly dài hẹp và chảy vào mạch máu của tôi như một ngọn lửa trong suốt, như không khí mùa xuân thanh khiết. Và ngược mắt về phía Adam tôi chạm ly với nó. Bỗng Adam mặt đỏ gay gắt và giấu trán vào đôi bàn tay mịn màng, run run. Nó có vẻ đang chống chọi với một trở ngại, hai vai nó co rúm lại, nó cúi gáy xuống. Nhưng nó ngược mắt lên, phản quang trắng lợi chói loé trong cái nhìn bình tĩnh và lạnh lùng của nó.

- Adam này – tôi nói, ly rượu cầm ở tay – tag gần mười tám tuổi và tao biết là tao sẽ không trở lại nữa, nhưng tao sung sướng ra đi đến đảo ấy. Mày cũng biết như tao, chỉ ở đó tao mới ở đúng chỗ của tao. Mày đừng băn

khoăn gì cả và đừng bao giờ hối tiếc.

Nó có một cử động nhanh trong chiếc cổ còn mềm, rồi không nói một lời nào, nó bắt tay tôi thật chặt.

- Mày thành thực đấy Adam ạ, thành thực hơn cái thế giới mà mày bảo vệ chống lại tao, một thằng len lỏi, một thằng mất tư cách.

Tôi cầm xác lên:

- Đến giờ ra đi rồi.

Adam đột ngột đứng lên, giơ hai cánh tay và đứng một lúc như thế. Nhưng tôi không đến với nó và nhìn nó một cách yên tĩnh. Hai cánh tay nó buông xuống, nó bắt đầu giở một cách nôn nóng những quyển sách của nó, và kêu lên với giọng ghen lại:

- Xin lỗi Clemens, tất nhiên là tao muốn đi tiễn mày chiều nay, nhưng có một cuộc lễ lớn ở... - và nó đọc lên tên của ông tôi, lễ lớn đầu tiên, con gái ông ấy cũng sẽ có mặt – Nó nói thêm, vừa hạ thấp mí mắt.

Nó đã đâm dao găm vào đúng giữa tim tôi! chuyện sẽ xảy ra chiều nay!

Dorete sẽ chịu theo ý chí của nó và sẽ nhận là của nó.

Tôi bình tĩnh lại.

Tôi đã đi đến vãn của tôi đó thôi, sao lại ngăn nó đi đến vãn của nó!

- chẳng có lý do gì mày phải đi tiễn tao cả. Vĩnh biệt và cảm ơn!

Và, một tay tôi cầm xác lên, tay kia chìa ra với nó. Nó ném vào tôi một cái nhìn dài như để hỏi tôi vì sao lại cảm ơn nó, nó không hiểu cái đó như tôi. Nó muốn nói nhưng lại im, tôi buông tay nó ra, quay lại, cái nhìn của tôi dạo một lần cuối cùng căn phòng lịch sự và tiện nghi này, rồi tôi chạy trốn.

Tôi sẽ gặp cô em gái của chúng tôi ở đâu? Cũng như mẹ tôi, nó đã biến đi dưới đất trong số những người chết không quen biết. Nhưng trong khi khóc trên cái mộ chung to lớn này, nơi tất cả chúng tôi sinh ra, tôi cũng khóc cho cả nó. Một ngày kia chúng tôi sẽ gặp nhau ở đấy. đến lúc đó nó sẽ sống trong ký ức của tôi bao bọc trong hương thơm của nó, cái hương thơm sẽ giải tỏa cho tôi khỏi mùi của những rác rưởi.

Lần đầu tiên tôi đi qua những đường phố hai bên có những ngôi nhà cao đồ bóng đen dưới ánh sáng mới của những ngọn đèn ga. Tôi trông thấy những cửa hàng, những quán, những phòng khách của những người giàu, những gác áp mái của người nghèo. Những cỗ xe của các ông chủ chạy đến các nhà hát hay đến các lễ hội. những nhóm sinh viên hát ca. Những sĩ quan kéo lê gươm của họ. Những giáo sĩ đi qua trong những bộ quần áo đàn bà của họ. Tôi gặp những nhà kinh doanh bụi mỡ, những kẻ ăn xin áp sát vào các bức tường. tất cả Copenhagen mà tôi đã sống nhưng không bao giờ biết nó, tôi từ bỏ nó mãi mãi. Cuối cùng, ở đầu một con phố hẹp dưới chân những bức tường xám đồ sộ dễ sợ của một kho hàng cao như một quả núi, tôi trông thấy chiếc thuyền buồm sẽ đưa tôi đi, và tôi leo lên.

Một con chó bông trắng bản lao tới tôi giận dữ, nhưng nó bị xích giữ chặt, cái nhảy lộn xộn của nó biểu lộ những ý đồ của nó đối với tôi, ánh sáng một cái đèn chiếu đổ xuống chân tôi, và cái đầu râu ria đội mũ vải cùng với đôi cánh tay lông lá che hết lối đi vào cabin.

- Tôi là anh sinh viên... - tôi bảo.

- Được – Ông ta nói càu nhàu và cái đầu rút vào trong.

Tôi ngồi trên hòm của Eberhard, cái hòm có vẽ một cái vòng giòng máu, đã từng thực hiện chuyến đi từ Gutach đến Copenhagen để không bao giờ lên đường trở về, và giờ đây sẽ lại đi từ Copenhagen đến đảo để rồi cũng không bao giờ trở lại.

Con chó nhìn chòng chọc đôi mắt than hồng vào tôi. Hãy đợi một tí, hình như nó muốn nói thế. Tôi cảm thấy sự thù hằn của con chó trên khắp chân tay như một đe dọa đau đớn, nhưng tôi không chú ý đến những nỗi sợ hãi vì trông thấy một khuôn mặt quen và những ngón tay mảnh khảnh xò ra giống như những móng vuốt đang hiện ra trên bức tường.

Đó là Augustin. Tôi không quên được nó đã muốn gì ở tôi.

Tôi đứng dậy trầm tĩnh, lại được chào bởi những tiếng gâu gâu của con chó. Thằng này đâu có sợ gì tôi thoát khỏi nó, và tôi tựa vào bờ thành tàu, hỏi to:

- Có phải Augustin đấy không? Chào cậu.

Nó xuất hiện từ trong bóng tối, ngay bên cạnh tôi. Tôi không gặp nó từ cái buổi chiều nó cưỡng đoạt của tôi số tiền được Adam lấy lại cho tôi khi biết nó thông đồng với bà chủ nhà lấy của tôi một cách vô liêm sỉ. Cặp mắt lol của nó nhấp nháy và nó rút đầu xuống dưới vai.

- Tao muốn... Tao được bà chủ nhà của mày cho biết là mày sắp ra đi. Tao muốn vì tình bạn cũ...

Tôi trả lời:

- Chào tạm biệt, Augustin, khoẻ nhé.

Nhưng nó ngược cặp mắt đầy dữ về phía tôi, nuốt nước bọt, rồi ngo về phía những cái bóng di động của các dây và cột buồm.

- Mày có thể cho tao vay...Chỉ một rixdan thôi. Cuộc sống ở thành phố lớn này đắt đỏ và mày ra đi.

Tôi nhìn nó, cái thằng chuyên vợ vét, cái thằng trục lợi, và chìa ra cho nó đồng rixdan cuối cùng của tôi. Nó chớp lấy, nhấp mắt về phía tôi rồi biến mất.

Bấy giờ tôi bị lột trụi hết cả, trần truồng trong tay Chúa.

Một lát sau, khi các thủy thủ hồi hải lên boong, kéo những cánh buồm bị buộc lại lên cao và tàu rẽ sóng trong những làn nước tối om, vỗ bập bênh, tôi ném một cái nhìn sau cùng về thành phố và các cảng sáng. Một lần cuối cùng bộ mặt Augustin hiện ra với tôi giống như cái đầu người chết với cái nhếch mép thoả mãn.

Phải chăng đó cũng là toàn bộ bộ mặt của các thành phố lớn?

Thưa bác sĩ thân mến, thưa bà thân mến, có lẽ ông bà nghĩ rằng đời tôi thế là hết và tôi không còn gì để kể nữa.

Ồ, bản thân tôi nghĩ thế, bởi vì tôi muốn nó như thế. Cuộc chạy trốn của tôi đến đảo là gì nếu không phải là cuộc chạy trốn xa mọi người, đến với cái chết mà tuổi trẻ của tôi đã mong muốn. Tôi đã muốn mưu mẹo với Chúa. Nhưng mọi mưu mẹo đều vô ích với Người.

Lúc đó tôi mười tám tuổi và chỉ sau bảy mươi năm tôi mới trở về với tro bụi. cuộc đời của tôi chỉ là bắt đầu. các bạn thấy đấy, cuộc đời của một người như tôi không phải gồm những biến cố bên ngoài. Nó không biết đến những cuộc đấu tranh mãnh liệt, những hạnh phúc lớn. Đó là đời sống bên trong. Giờ đây tôi đã có một đối tượng để làm việc, để sử dụng. Tôi cần chứng tỏ rằng tôi xứng đáng với quà tặng này và với những gì nó đòi hỏi ở tôi. Tôi cần phải chi rõ, nếu tôi biết ăn năn và nhớ lại, nếu tôi không phải là á thánh của Chúa mà Eberhard mơ ước, thì cũng là một trong vô số người mang cây Thánh giá.

Xưa sao mà tôi mơ mộng thế! Tôi đã tưởng tượng rằng đảo mà tôi đã phải thừa nhận là nó là hòn đảo của cuộc sống. Nó trôi nhẹ như một chiếc lá lia ra giữa hai khoảng mênh mông của bầu trời và mặt biển, nhưng nó mang tất cả những gì mà bước sống tạo ra, thực tế là con người, người câm, người biết nói, người điên và người khôn, đao phủ và nạn nhân.

Tôi rời thành phố lớn mà ở đây tôi có thể biến mất trong đám đông để đến hòn đảo mà không một ai trong số hai trăm cư dân có thể giấu giếm người khác.

Tôi được che chở và giấu giếm dưới những mái nhà bảo vệ và giờ đây tôi được ném vào trên đồng cát này giữa một nhân loại gồm những ma quỷ và thiên thần như từ hồi nguyên thủy.

Bây giờ tôi sẽ nói với các bạn về cuộc đời này theo những kinh nghiệm của một ông già chứ không phải theo những giấc mơ của một người trẻ tuổi, về cuộc đời sau này được điều khiển bởi ý chí của Chúa chứ không phải bởi ý chí của con người.

- Vâng, cụ Clemens Bek – Erik thì thầm vừa giờ một bàn tay siết chặt hai tay ông già, trong lúc đó bàn tay kia tìm bàn tay của Ellen – Cụ hãy nói về cuộc sống trên đảo cho chúng tôi nghe, chúng tôi, những người trẻ tuổi sẽ phải sống ở đây.

Và cụ Bek gật đầu đồng ý.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu
ĐẢO - Chương 1

Erik Lange và mục sư Honorius đi dọc bờ biển về phía bắc của đảo xa dân cây đèn pha mà mục sư đã đến thăm. Họ theo hướng ai về nhà nấy.

Trước mặt họ mở ra khoảng rộng vắng vẻ của bãi đá cuội trong lúc thủy triều thấp với dải thất lưng cát và đá. Bước chân vẫn trên mặt đất cứng trong gió hiu hiu dưới bầu trời bao la thật là thú vị. Những cồn cát lồm chồm cây guốc bê hình như tạo ra cho biển những câu hỏi thẳm lặng, ở đằng xa, phía trong xa vùng đất, nơi các đỉnh núi bị xoá mờ trong sương xám, ngọn bradlyaerg dựng lên cái chóp xanh lục nhạt.

Hai người đàn ông đi về phía đó. một đàn chim vỗ cánh bay khá xa trên biển và những con sóng phủ bọt lên những đá cuội và những con sứa.

Ông thầy thuốc và ông mục sư quay lại phía ngọn tháp màu vàng trắng cắm trong cát. Tường và mái của ngôi nhà màu xám như những công sự có dáng như chiếc quan tài ở dưới những cồn cát. Trong cảnh âm u này mũi nhọn của hòn đảo có vẻ như một ngón tay giơ ra chỗ biển trời hoà lẫn vào nhau.

Những bước đi của người bưu tá và chân con chó của anh ta đã in dấu trên cát. Anh đã qua đây một tuần trước.

Erik Lange nhớ lại đã trông thấy, ngay năm đầu cư trú ở đây, những khúc gỗ bị sóng đánh vào dưới chân các cồn cát.

Thủy triều thấp để lộ ra một quãng rộng những đá ngầm phía tây bắc. Erik đã chạy đến đây như bị thúc đẩy bởi hy vọng đột ngột muốn thấy xuất hiện ở đây một vùng đất mất như thể bờ biển Jutland đã có thể gập lại!

Bây giờ anh đã hiểu rằng trong vài giờ nữa một phần tư dặm mà đảo tăng lên trong lúc này sẽ biến mất dưới nước.

- Thưa ông Honorius – anh nói – ông đã đi vòng hết một phần ba dặm

vuông diện tích đảo này chưa?

Mục sư ngược mắt lên. Ông bước đi, cúi người xuống cát, chiếc ô ở sau lưng.

- Chưa – ông nói, vừa lắc đầu – chưa đi, nhưng tôi đã trông thấy nó từ trên cao của Sonderbjaerg bao bọc xung quanh bờ biển.

Erik Lange ngập ngừng một lát:

- Ông đã cảm thấy gì khi nhìn thấy cảnh này.

- Tôi cảm thấy cái gì ư? Tôi đã nghĩ rằng đối với tôi dưới là thế giới, và tôi phải xây dựng sự nghiệp của tôi ở đây.

Erik Lange nhìn nghiêng lên thái dương, đôi má lõm, mí mắt nặng nề trập xuống của mục sư. Và anh còn nghĩ, cũng như hôm đó, ở nhà anh, bên cạnh Ellen, người này đã không biết gì cả về cuộc sống trên đảo, nếu biết thì ông ta đã chẳng bao giờ đến nơi này. Anh tiếp tục nói, giọng rất khẽ:

- Ông định nói gì, thưa mục sư? – anh nói, lần đầu tiên anh gọi ông bằng chức danh của ông.

- Tôi muốn nói là chỉ riêng ở đây, tôi có thể không hổ thẹn khi nghe người ta gọi tôi như ông vừa gọi đấy.

- Tại sao chỉ riêng ở đây?

- Bởi vì ở đây, không có ai khác muốn mang chức vụ đó vì vinh quang của Chúa.

Họ tiếp tục im lặng bước đi. một cơn ác là biển bay trước mặt họ không một tiếng vỗ cánh, và lượn phía trên con đường lún lõm, nơi đoàn cứu nạn phải đi qua mỗi khi bão biển tấn công vào bờ.

Ông mục sư siết hai bàn tay xung quanh chiếc ô.

- Bác sĩ ơi, chắc là từ lâu rồi ông không tin ở Chúa nữa, ông có còn nhớ sự "hiện hữu" của Người?

Erik ngập ngừng, Honorius tiếp tục sôi nổi:

- Tôi không nói về Thần Linh, Tinh Thần Phổ Độ, hay là cái gì mà ông đánh giá, những thứ mà ông đặt vào chỗ Chúa. Chúa của Kinh Thánh chúng tôi, của Chúa thần khai, của Chúa riêng mình.

Mắt Erik gặp khuôn mặt táixanh dưới bóng chiếc mũ và anh nhớ lại sự ghê sợ thiêng liêng của thời trẻ thơ.

- Tôi thấy rằng đó là ông nhớ lại. chứ ai dám tin rằng mình được gần Chúa để tự nhủ là biểu hiện của Người, là tiếng nói của Người trên thế gian này?

Thầy thuốc mỉm cười:

- Tôi tin rằng có những người dám tin thế và số người đó không phải là ít, nghĩa là...

- Cái gì vậy?

Erik Lange nhún vai

- Ở đây, thật thế, họ không mạo hiểm một cách tự nguyện lắm đâu. Cứ hỏi cụ già Bek về các ông mục sư trong vòng năm mươi năm nay.
- Và ông không hiểu vì sao tôi lại dám, vì sao tôi buộc phải đến đây?
- Vì sao ông lại dám thì tôi biết, còn vì sao ông lại buộc phải thì không.
- Hừ - ông mục sư nắm cánh tay anh – vậy là ông không biết gì hết về sự lo sợ của Chúa, lớn đến nỗi có khả năng thắng được những nỗi lo sợ của chính con người?

Honorius bỏ mũ và lau trán, mặc dù khí biến mát mẻ.

- Chúa bé nhỏ một khi người cần sự phục vụ của tôi, Chúa sẽ hùng mạnh một khi người có thể cho tôi can đảm để hiến dâng sự phục vụ đó cho Người.

Họ kẻ vai nhau tiến bước dưới bầu trời chiều âm u. Ngọn Nordbaerg lớn dần trước mặt họ như thể nó là núi Arante, chứng tỏ họ không phải lạc giữa biển cả, mà mảnh đất này còn thuộc về họ.

- Tôi hiểu, ông mục sư ạ - Erik nói tiếp, vừa rẽ hướng về làng theo những vết bánh xe – ông thích không buộc phải gặp ở đây một vài đồng sự ở lại...trên đất liền.

- Chính là họ - những bàn tay gầy của Honorius siết chặt chiếc ô hơn – đã làm Chúa bé nhỏ khi Người cần đến sự phục vụ của tôi.

Họ đi qua cái buồng điện thoại đơn độc dưới chân ngọn Nordbyarerg, từ đây người gác có thể báo động cho trạm cứu hộ trong trường hợp có tai nạn. Rồi họ đi dọc theo những bãi cát trên hoang mạc.

Rất xa trước mặt họ, gần như ở sát mặt đất một vài điểm sáng lấp lánh trong làng.

*Wenn alle untreu werden
So bleib ich Dir doch treu
Dass Dankbarkeit auf Erden
Nicht ausgestorben sei*

Erik Lange cảm thấy bài thánh ca của Eberhard vang lên trong anh. Bỗng nhiên anh kêu lên:

- Này, ông đã đến nhà cụ giáo Bek rồi chứ?

Honorius lắc đầu:

- Tôi đến đây chỉ mới một tuần. Có phải là ông già biết nhiều mục sư và đã là giáo viên thuộc quyền của họ, của tất cả các mục sư?

- Vâng, cụ ấy sống ở đây từ năm mươi lăm năm. Tôi nghĩ rằng chính cụ ấy đã là mục sư thực sự trong nửa thế kỷ qua. Bây giờ thời của cụ ấy đã hết, có lẽ là bắt đầu thời của ông đấy.

- Có thể thế, bác sĩ ạ, giá tôi có thời gian để chứng minh như cụ ấy.

Erik ngập ngừng một lúc, rồi nói:

- Chiều thứ bảy này ông hãy đi cùng chúng tôi đến nhà cụ ấy. Tôi tin

rằng...hay là thôi, hãy chờ tôi hỏi trước xem ông có thể đến không, và xem tôi có thể kể cho ông biết vì sao tôi buộc phải hỏi xin phép.

Honorius nhìn anh ngạc nhiên, nhưng Erik xua tay.

- Không, tôi không thể nói với anh gì hết, không thì tôi lại phải nói với ông tất cả.

Ông mục sư dừng lại. Ông nhìn lại phía sau lưng. Ánh sáng ngọn đèn pha lớn bùng lên bất thành linh và tắt đi, chiếc tàu toả sáng lên ở hai dặm ngoài rồi ngọn lửa của nó biến đi trong khi ngọn lửa của chiếc đèn pha lớn xuất hiện lại.

Trên một gò đất của hoang mạc dựng lên cây cột nặng nề của chiếc đèn pha địa phương. Người ta thấy đi đi lại lại trước kính cửa là một người gác, dân chài trong làng. Thành linh lửa cháy sáng trên cao giống như một ngọn đèn lớn làm cho bóng đen dày đặc hơn xung quanh hai người đi dạo. Honorius lại nói:

- Tôi cảm thấy sức sống mãnh liệt ở đây, một mình tôi trong đám giữa những ngọn sóng. Ở nơi này còn gì dễ dàng hơn là cảm nhận được tiếng nói của Người?

Ở phía ngoài làng hai người bị đuổi kịp bởi người gác đèn chiếu. Anh ta có vẻ vội vàng vì họ nghe anh ta thở dồn.

Anh bỏ chiếc mũ viên lông và vượt qua hai người.

- Chào Boje Grue – Erik Lange nói.

Người gác ngạc nhiên dừng lại. Quả đúng như người ta đã nói rồi! Ông bác sĩ đã nói với mọi người rồi!

Anh ta hơi ngập ngừng một chút, mũ cầm tay, vừa ngó nghiêng về phía ông mục sư.

Erik mỉm cười. Anh chàng chắc là vội vã đi xem người mới đến đảo.

- Chúng tôi đã đến tận chỗ đèn pha – Erik giải thích.

- Đúng, đúng rồi! Vâng từ chỗ đèn chiếu, tôi đã trông thấy các ông đi dọc Nordstrand.

Ông mục sư đến thăm người gác đèn pha ư? Đúng! Đúng thế!

Người đàn ông gật đầu, mắt không rời ông mục sư.

Honorius nhìn anh ta, ông đỏ mặt, hai tay sờ lần trên đầu khoằm chiếc ô.

- Tôi là mục sư mới của đảo – ông nói, vừa giữ đôi mắt kính sát vào khuôn mặt mỏng dính đóng khugn trong mớ tóc và chòm râu đen xanh, nổi bật lên trên cảnh hoang mạc, như trả lời một câu hỏi nghiêm túc và quan trọng.

- Chúc mừng ông mới đến – Boje Grue đáp. Và anh nói thêm – Miễn là ông cảm thấy tốt ở chỗ chúng tôi!

- Tôi tin thế - ông mục sư trả lời – nếu không thì tôi đã không đến.

- Thế thì còn gì bằng. còn ông bác sĩ? Người ta nói ông không ở lại

làng này?

- Không phải thế đâu, Boje Grue ạ. Trái lại chúng tôi chỉ nghĩ đến chuyện ở lại đây thôi.

- Thật thế, thật thế ư!

Ngư dân gật gật đầu thêm lần nữa:

- A, thế là người ta cũng sống được ở đây!

Rồi anh đội lại chiếc mũ lông và đi về phía những nhà có tường thấp quét vôi, hình như xuất hiện từ mặt đất đằng sau cái nền đắp bằng đá. Không khí lạnh co mùi cá trích rán.

- Anh ta sẽ đi kể hết cho những người khác – Erik nói.

Honorius kêu lên:

- Có thực là cần phải kể rằng chúng ta, hai người phục vụ chúng ta ở lại nhiệm sở của chúng ta không?

Erik Lange mỉm cười:

- Trong một buổi chiều như chiều hôm nay thì thật khó mà đoán được rằng ở đây có những ngôi nhà và lại có cả người nữa. Phải nhìn kỹ mới phát hiện được những dấu vết của sự sống trên đảo!

- Tuy nhiên tôi tin rằng cuộc sống vẫn tự nó diễn ra và phát tiếng gọi – mục sư nói, vừa hát đầu về phía cái bóng nghiêng đang xoá mờ trong bóng tối trên đường phố.

- Đúng đây, bởi vì họ đã phải chịu thiếu mục sư từ lâu rồi, thiếu cả thầy thuốc nữa.

Erik nói thêm mấy tiếng sau, giọng rất khẽ.

Vừa lúc ấy một vệt sáng yếu hiện lên ở một ngôi nhà, ở cái nhà đầu tiên thuộc một thương gia trên đảo. Cánh cửa kính rít lên chỗ bản lề và Ellen bước ra trên bậc thềm, cánh tay ôm những gói hàng. Cô còn nói với một người nào ở trong cửa hàng.

- Ông hãy gửi thứ còn lại cho Steffen Tannis, cho đứa bé.

Rồi cô cúi chào từ giã và bước xuống đường phố.

- Tannis? Có phải vợ anh ấy ngày mai chôn, tôi sẽ phải làm lễ? –

Honorius hỏi.

Lange gật đầu.

- Vâng, chị ấy đẻ một đứa con ngay cái đêm ông đến đây. Tôi không biết còn có chuyện gì với đứa bé này nữa, nhưng có điều không hay. Mẹ bị câm, đành rằng câm không di truyền! Bố là một kẻ vô lại, kẻ độc nhất loại đó ở đây.

- Vợ ông sẽ chăm sóc tốt đứa bé và sẽ thấy rõ nó thế nào – Honorius gặng lại.

Erik bỗng hiểu ra sự cầu xin câm lặng trong đôi mắt Ellen ngay từ cái đêm đầu tiên đó và từ cả tuần nay.

- Cầu mong Chúa phù hộ, Ellen – anh kêu lên, vừa siết bàn tay vợ trong tay anh, lấy làm ngạc nhiên về sự hăng hái của cô.

- Cảm ơn anh, Erik Lange!

Mục sư nâng mũ lên rồi đi khuất vào trong bóng tối của lối mòn dẫn đến ngôi nhà đơn độc.

Khi hai vợ chồng đi ra khỏi bóng tối để tìm thấy lại ánh sáng yếu ớt của ban ngày mà đầm lầy phản chiếu lại, Ellen hỏi:

- Anh Erik, có nghiêm trọng không anh nhỉ? Anh có nghĩ là em có thể đưa đứa bé về chỗ chúng ta, về nhà ấy mà? – cô hơi vượt lên phía trước để nhìn mặt chồng.

Erik cúi mặt trước cái nhìn của vợ, rồi anh ho.

- Ừ được, Ellen ạ, anh nghĩ rằng anh phải đền bù cho em vì bao nhiêu giờ cô đơn!

- Em chưa bao giờ cảm thấy đơn độc ở đây, Erik ạ!

Anh nhìn bờ cỏ sẫm của lối đi và giải cát hẹp.

- Ngay cả khi...

Anh vẫn không dám ngược mắt lên, nhưng Ellen dừng lại và anh bị buộc gặp phải một cái nhìn toả sáng khiến anh bối rối.

- Nhưng – anh nói – em không biết...

Rồi anh im lặng, hoảng sợ vì những gì anh suýt phản bội và đánh mất trong giây phút này, hoảng sợ vì sự đau khổ anh sắp gây ra cho Ellen và cho bản thân anh.

Nụ cười của Ellen, tuy nhiên, còn rạng rỡ hơn khi họ đi vào trong bóng râm của bụi cây liễu.

- Erik, anh đừng nói gì cả và đừng băn khoăn gì hết – cô nói nhỏ nhẹ, vẫn giữ nguyên nụ cười – Anh không biết rằng em đã biết anh, em đã hiểu rằng anh sẽ trở về với em à?

- Ellen, vậy là em đã biết?

Anh đứng im giữa rừng liễu.

- Em đã biết hết và biết hơn anh. Ôi, anh chàng mơ mộng, anh nghĩ rằng nếu không phải là như thế thì em sẽ mạo hiểm đi theo anh đến đảo này ư?

Anh cúi đầu xuống hơn nữa, không hiểu là anh xấu hổ trước cô ấy hay trước bản thân mình.

- Mơ mộng, em bảo thế ư? Công trình của anh, như vậy, chỉ là một giấc mộng?

- Chính là vì công trình của anh mà em đánh giá anh là người mơ mộng. Những người khác không thể mở cái đó, nhưng anh đã không thể thực hiện được nó.

Chiếc gậy của Erik đi theo dải cát của lối mòn.

- Từ đâu em biết được điều ấy?

Cô không trả lời ngay, bàn tay cô lướt nhẹ trên bàn tay chồng.

- Erik, nếu nó không như thế thì anh có đến đảo này không?

- Em định nói gì?

- Chuyện của anh thì cũng giống như của Hanna. Chị ấy có thể sinh ra một đứa con, nhưng chị ấy thiếu sức lực cần thiết để sống cho nó.

- Nhưng...

- Và vì vậy anh đã nấp ở đây, anh đã cần một sự nghỉ ngơi lớn hơn sự nghỉ ngơi mà anh tạo ra cho những người khác.

- Ellen, những điều em nói rất đúng, cái đó là một phần của con người anh. Khi anh nghĩ là anh đổ trách nhiệm cho em...

Cô còn cười, một nụ cười bảo vệ của người mẹ, người mẹ mà anh không bao giờ biết.

Bỗng nhiên cô thì thầm và lần đầu tiên nụ cười của cô biến mất.

- Erik, anh sẽ không rời bỏ em nữa chứ?

Anh ngược mắt lên.

- Ellen, nếu hôm nay anh phải rời bỏ em, rời bỏ đảo thì thà anh lao xuống biển. Chỉ ngay bây giờ anh mới cảm thấy quyền được nói anh là chồng em – Anh nói thêm.

- Anh đã lấy được quyền đó ngay từ khoảnh khắc đầu tiên em trông thấy anh.

- Không, không, Ellen, và từ... hạnh phúc biết bao khi cuối cùng được nói với em tất cả!

Cô đã lấy lại nụ cười. Hình như cô cười sự sai lầm của anh, sự luyến tiếc của anh.

Còn anh thì ngấm nghĩa cô:

- Anh tin rằng nếu em có nhận tất cả những đứa trẻ của làng làm con nuôi đi nữa thì em cũng vẫn đủ sức để đáp đền cho chúng đủ mọi thứ!

Cô có một nụ cười khê và tự tin, rồi, bỗng nhiên cô nhìn vào đôi mắt anh:

- Và nếu như anh không nhầm, nếu đứa bé bị mù?

Anh thông thả lắc đầu;

- Em sẽ có đủ ánh sáng cho nó.

Rồi anh cúi xuống hôn lên bàn tay lạnh giá đang siết chặt bàn tay thật chắc

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu
Chương 2

- Thưa cụ Bek, xin cụ nói cho tôi biết một chút về mẹ của cháu bé trước khi chồng tôi đến. Có phải chị a abị câm từ lúc sinh ra không?

Cụ Bek ngược mắt lên:

- Thằng bé? Xin lỗi bà Ellen, tôi nghĩ đến ông mục sư, bởi vì bà đã báo cho tôi ông ấy đến thăm, hay là tôi nghĩ...than ôi, đến bản thân tôi. Bao giờ mà con người chúng ta quên đi được cái tôi? Không thưa bà, Hanna Keer không phải câm bẩm sinh, đó là con bé vui nhộn nhất lớp học của tôi, một trong những đứa trẻ mà khuôn mặt rạng rỡ trong căn phòng chật chội tối tăm. Nó đã cho tôi, người già cô độc, cảm tưởng là tôi có một tổ ấm, bởi vì lúc đó tôi đã năm mươi tuổi, khi thấy nó đến trường với khuôn mặt rạng rỡ và mớ tóc sáng. Cho tới khi nó không đến học nữa, khi tôi phải đến nhà nó để dạy những điều mà do cái nhìn và điệu bộ của nó bảo cho tôi rằng nó đã hiểu. Nó ở trong số người tự quên mình cho người khác. Cũng như nó đã cho con nó cuộc đời, nó đã cho cha nó giọng nói. Chính là trong cơn bão kinh khủng tháng mười một cách đây mười lăm năm, ba chiếc tàu đã bị cuốn đi cả tàu lẫn hàng, gần những tảng đá ngầm, mùa thu năm ấy. Nó muốn đưa thức ăn nóng đến cho bố nó là nhân viên kho hàng ở ngoài ấy, bên kia cây đèn pha. Người ta làm công việc đưa lên bờ tất cả những mảnh gỗ trôi dạt đầy kín bờ biển trong năm đó. Đến chiều tối, khi bão đã hơi giảm, Hanna xin được phép mẹ cho đi. Nhưng khi nó vừa mới đến chỗ hoang mạc, từ đó nó muốn đi theo đường ngang để đến vịnh của kho hàng, thì cơn bão lại tăng lên dữ dội. Bầu trời tối đen như mực. Bà không ở đây lâu, không biết thế nào là bão trên đảo đầu. Con bé Hanna thì đã tìm hiểu. Nó đã đấu tranh trong suốt năm sáu giờ, trước tiên với hy vọng đi đến chỗ bố nó để đưa bữa nóng cho bố (trẻ con ở đây đều có thói quen ấy khi bố chúng phải làm việc ở xa), sau đó, khi nó nghĩ là bố có thể tránh ở chỗ đèn pha để đi tìm mẹ và các anh chị em nó, tìm những người thoát khỏi trận bão.

Mãi đến sáng hôm sau chúng tôi mới tìm ra nó gần đèn pha mà theo ánh sáng của đèn, cuối cùng nó đã phải bò trườn tới, giỏ cắn ở mồm. Nó nằm lật ngửa người ra, một nửa vùi trong cát. Cát còn xoáy rít trong tai trong lúc tuyết xoáy. Khi chúng tôi lôi được nó ra khỏi cái mồm này, nó đã xanh tím lại và như một tảng đá, chúng tôi chạy đưa nó vào trong chỗ cây đèn, hơi sưởi, xoa bóp bằng nước nóng cho nó. Sau nhiều giờ, nó đã hồi lại. Nhưng vì nó gào trong đêm, ngược gió, nên đã mất giọng. Về sau nó phải

kết hôn với Steffen Tannis, kẻ xấu duy nhất trên đảo!

Cụ Bek lắc đầu:

- Có lẽ nó còn làm theo nhu cầu hy sinh của nó. Tôi nghĩ rằng nó muốn cứu hân ta và nó không thể nhìn thấy đứa bé, kết quả của tất cả những gì nó nhận được từ hân ta.

- Thưa cụ Bek! (Ellen cúi xuống về phía cụ) – Erik sợ rằng đứa bé bị mù.

Clemens Bek giật nảy mình, hai bàn tay run run chấp lại.

- Vậy là nhờ ơn Chúa, nó đã đi rồi! Nó thường nói với tôi là nó luôn sợ con nó cũng cảm như nó. Và đây lại là mù, mù ở Steffen Tannis!

- Không.

Ellens giấu mặt vào trong gôi của cụ già.

- Erik đã cho phép tôi đưa đứa bé về nhà chúng tôi.

Im lặng một lúc, rồi tiếng sóng rì rào khe khẽ. Tiếp theo cụ Bek nói:

- Bà Ellen ạ, bà hãy tin là tiếng đầu tiên mà cô bé Hanna thốt lên khi nó tìm lại được tiếng nói của nó ở bên kia là tên của bà.

- Nhưng không, chính Erik đã đề nghị tôi nhận đứa bé.

- Và chính là bà đã làm cho ông ấy trông thấy những con người trên đảo!

- Hay chính là cụ chứ ạ! – Ellen cãi lại.

Vừa lúc ấy Erik và mục sư đi vào trong phòng. Ellen trả lời Erik, anh đang ngại dẫn Honorius đến:

- Sao anh lại có thể đặt câu hỏi ấy. Để em lo việc báo cuộc viếng thăm của ông ấy với cụ Bek và kể hết với mục sư. Ai phải biết chuyện ấy nếu không là ông ấy?

Ông già vùng dậy trên giường thật đột ngột, tưởng như cụ muốn thực sự đứng lên đi xa khỏi tuổi già, khỏi cái giường chết để trở về với những năm tháng thanh xuân của mình.

Ông ấy ở đây, người mang tên người yêu của cụ. Ông ấy có lẽ là người đã trông thấy cô ấy trước đây một tuần lễ, là người biết rõ cuộc sống của cô ấy trong các năm tháng vừa qua, là người mà huyết quản chuyển cùng dòng máu, là người có cùng màu da mịn màng, cùng mớ tóc đen, cùng đôi mắt nâu!

- Ông mục sư Honorius – cụ thì thảo – Honorius!... – và khi mục sư chìa tay ra cụ đã cúi xuống hôn lên đó.

- Chào mừng ông đến với đảo và đến bên cạnh tôi...

Honorius nhẹ nhàng rút bàn tay lại và ngồi xuống gần cạnh giường.

- Xin cảm ơn cụ Bek, cảm ơn cụ đã cho phép ông bác sĩ kể cho tôi...

Ông bối rối, im lặng và đưa tay sửa lại mẩu thắt cà vạt:

- Hừm – ông hắng giọng, vừa đưa mắt nhìn vòng quanh căn phòng tối

tàn – bà Colbyjornson, quả phụ của giám mục, là chị của ông tôi. Tôi có cần viết thư cho bà ấy đến không?

Cụ Bek xoa tay, sợ hãi:

- Viết thư cho bà ấy đến?Ồ, thưa mục sư, không được đâu.
- Vì sao? nếu tôi nói đến kỷ niệm của cụ vẫn giữ về bà ấy!
- Bà ấy, đến đây?

Ông già ngã lại xuống gối, nhắm hai mắt. một nụ cười nở trên môi.

- Thưa ông mục sư, thế là như ông nói, những tâm hồn hạnh phúc sắp đến với chúng tôi trên đảo này, với cát, đá, sỏi, với đông bão!
- Ôi! Lạy Chúa! Tôi không mơ đến giấc mộng này ngay trong giờ phút điên cuồng nhất của tuổi trẻ. Tôi đã nghĩ rằng tôi sẽ đi đến với cô ấy, tôi sẽ trở lại đất liền ,nhưng không bao giờ cô ấy đến đây. Thật là ngoài sức tưởng tượng!
- Dẫu sao cũng cảm ơn ông – Cụ thì thầm, vẫn mỉm cười, mắt nhắm – cảm ơn ông đã nói ra , cảm ơn về sự có mặt của ooo, cảm ơn ông, người đã mang tên cô ấy, người mang sinh khí của tinh thần cô ấy – nếu không thì ông không đến đây. Tôi thấy hình như tôi được gần cô ấy hơn là khi tôi gần cô ấy hồi...

- Tuy nhiên – Honorius cúi xuống gần ông già – nếu bà ấy muốn đến thăm cụ? Ông bác sĩ đã nói với tôi về cuộc gặp lần cuối của cụ, tối hôm đó, trong căn phòng và...

- Không, không!

Cụ Bek có một cử chỉ phủ nhận.

- Cái gì làm ông tin rằng cô ấy nhớ lại? Cái khoảnh khắc mà tôi đã sống đôi với cô ấy chỉ là một khoảnh khắc, cô ấy đã phải quên nó đi ngay phút sau đó. Sao mà có thể khác được? Cô ấy...và tôi...

Ông mục sư Honorius ngồi và ngắm nghía khuôn mặt già nua với đôi mắt nhắm, đôi môi hé mở vì một nụ cười xa xăm và ông đưa bàn tay nhẹ nhàng vuốt lên mớ tóc bạc.

Đôi mắt ông gặp cái nhìn dò hỏi của Erik và Ellen.

- Bà ấy có bao giờ nói đến cụ ấy không?

Nhưng ông già sẽ không đặt ra câu hỏi này. Honorius đã tin chắc điều đó.

- Không.

Cụ Clemens lắc đầu như thể cụ đã nghe được những ý nghĩ thầm kín của họ.

- Ông cũng đừng kể về cuộc đời của cô ấy trong những năm dài đó.

Thế là nó đã qua rồi. Đừng nói với tôi về cô ấy, đừng đọc lên tên của cô ấy.

Ông đã đến, và thế là cô ấy đã có mặt ở bên giường chết của tôi rồi.

Một tiếng động nhẹ ở cửa, và Lucie Camrath bước vào trong phòng. Nhìn thấy mục sư, bà muốn rút lui vào sau cửa.

Honorius đứng lên và nhìn Erik. Anh hất đầu ra hiệu và mục sư đi về phía

người mới đến.

- Mamzelle Camrath – ông nói, vừa cúi mình như thể một chàng trai chào bà trong biệt thự sang trọng của cha bà, thời hoa niên của bà – bác sĩ Lange đã nói với tôi về gia đình của bà, tôi biết rất rõ nhà Camrath ở Christianshavn. Tôi đã ở đây, khi tôi còn là sinh viên, rồi hồi nghiên cứu thần học. Bây giờ (ông có một nụ cười ngập ngừng) tôi muốn mời bà đến nhà tôi xem như là khách ở trong phòng cũ của bà, để tôi được bù lại cho bà về tiền ở miễn phí ở trong gia đình bà. Người giúp việc, trước kia là mẹ nuôi của tôi, tháng sau sẽ đến đây với tôi. Từ nay đến đó chúng ta sẽ đi ăn ở quán. Tôi mong rằng bà sẽ không từ chối.

Nhìn Lucie Camrath bên cửa người ta có thể nói là một đồng giẻ rách bị gió thổi rung rinh. Bỗng nhiên bà ngược mắt về phía người lạ.

- Ông đã ở trong nhà chúng tôi – bà nói trong hơi thở.

- Ở cho đến ngày tôi đi ra đảo, và bây giờ bà sẽ ở nhà tôi –

- Ở trong gian áp mái cũ của bà, mamzelle Lucie ạ (cụ Bek từ trên giường mỉm cười với bà) chỗ bà đã sống trong năm năm, phía hồi nhà nhìn ra sonderbjaerg và biển.

- Nhưng như là khách của tôi – Honorius nói thêm, vừa đặt bàn tay lên tay của bà gái già.

Mamzelle Lucie nhìn mục sư một lần nữa, không nói, cụ già Bek lắc đầu.

- Tôi nói có đúng không, mamzelle Lucie, Chúa rất tốt đối với chúng ta hơn bất kỳ người nào khác.

- Hãy kể cho chúng tôi những việc tốt của Người – Erik yêu cầu, vừa ngồi xuống thành giường.

Ellen ngồi ở cửa sổ mở ra hoang mạc và mục sư ngồi trên cái hòm của Eberhard, ông kéo mamzelle Camrath đến bên cạnh. Bóng bức tường che khuôn mặt của Lucie nhưng bàn tay của bà dựa trên tay của Honorius, người tặng bà một chỗ trú ngụ cho tuổi già và đưa bà về với tổ ấm của tuổi thơ ấu. Phải chăng đó là em trai bà?

Clemens Bek nhìn họ. Chưa bao giờ cụ nhìn thấy bà ngồi như thế bên cạnh một người lạ.

Rồi cụ ngẩng người lên, mở bó giấy ngả màu vàng và bắt đầu.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 3

Tôi đã nói với các bạn rằng trong khi thành phố, cuộc sống hiện tại mà tôi rời bỏ, biến mất thì bóng tối, đêm vĩnh hằng thấm sâu vào mắt tôi, hình như vội vã lao ra đón tôi.

Tôi tưởng còn nhận thấy bộ mặt Augustin, cái mặt người cuối cùng, và tiền mà tôi đưa cho nó hình như là cái giá tiền chuộc của tôi đối với mọi người. Tôi được giải thoát khỏi cuộc sống riêng. Sáu giờ trôi qua trong vườn và phòng của cô ấy, sau khi khi tôi đã xa rời cô ấy không có gì có thể xảy ra nữa. Sức lực tôi đã hoàn toàn cạn kiệt. Tôi đã tự do, như những người chết được tự do.

Đối với tôi, hòn đảo là đám sương mù mà tôi đã rời bỏ ánh mặt trời để tới đó, cũng như thể tương lai của tôi hiện ra với tôi như một cái bóng.

Nhưng chúng tôi đã không ở trước Kronberg như giấc mộng mơ hồ lôi cuốn tôi đến đã thay chỗ cho thực tế.

Tôi là người lạ duy nhất trên tàu và con chó Vombat bần thiêu, ngay từ khi tôi mới bước lên tàu Coquillage, đã chào đón tôi bằng sự thù địch trong suốt cả chuyến đi, sủa điên cuồng vào tôi. Tiếng gâu gâu dã man của nó át hết mọi tiếng động khác.

Các thủy thủ tất tưởi xung quanh những thùng chảo và buồm, kích động bởi những tiếng kêu gào giọng mũi, những lời dọa nạt của thuyền trưởng.

Những kho hàng khổng lồ của Christianshavn, trên đó những chiếc đèn chiếu ném lên những vệt sáng yếu ớt, mờ xoá đi trong đêm. Mái nhà xanh lục của lâu đài lúi sâu về phía chân trời mờ tối. Tôi không phân biệt được ánh sáng của thành phố và ánh sáng của các chiếc tàu đi vào cảng nữa.

Mắt con Vombat loé đỏ trước ánh đèn hiệu của tàu. Tôi ngồi xồm gần cabin, cái xác kẹp giữa hai đùi. Con chó có vẻ như muốn xé tôi ra nếu như nó có thể cắn đứt dây xích giữa hai hàm răng.

Tôi trông thấy cái nhìn dữ tợn và cái mồm đầy bọt mép của nó. Bỗng nhiên, hình như tôi thấy nó là hiện thân của hòn đảo mà tôi sắp sửa cập bến. Phải chăng ở đây tôi cũng là người lạ? Một ánh sáng đột ngột loé chiếu số phận của tôi. Bây giờ khi sự quyết định của tôi không thể sửa đổi được nữa, tôi mới thức tỉnh khỏi cơn say.

Làm giáo viên ăn lương của mục sư, giữa trùng sóng! Vậy loại người nào sống ở một nơi như thế? Họ có đứng lên chống lại tôi với cơn giận dữ như con chó kia chống lại kẻ không mời mà đến? Còn bản thân ông mục sư? Tôi nhớ đến phán đoán của Eberhard về các mục sư. Hơn nữa, tôi chẳng đã trông thấy ông Gotthardsen rồi đó sao?

Tôi quay lại nhìn về phía sau.

Nửa vòng tròn ánh sáng của Copenhagen bị cuốn hút trong sương mù, biến đi trong bóng đêm và một tiếng nói nội tâm bảo tôi "Mày sẽ không bao giờ

thấy lại thành phố, không bao giờ thấy lại cư dân của nó, không bao giờ thấy lại cuộc sống náo nhiệt ồn ào của nó. Mà đi vào trong đen tối như đi vào nhà mồ, vào trong một cái mồ đầy ma quỷ, rắn, giun".

Giữa lúc suy nghĩ triền miên đó tôi rùng mình, một tiếng kêu thoát ra, con chó cắn vào chân tôi. Nó đã tuột ra được.

Tôi đánh vào đầu nó bằng cái xắc, một thủy thủ cười, gọi nó lại, nhưng nó run lên vì giận dữ không chịu nhả tôi ra và chỉ chịu buông tôi ra khi một anh thủy thủ tóm lấy gáy nó.

Than ôi! Hơn cả vì vết cắn, hơn cả vì sự đùa cợt tráo tráo của bọn thủy thủ, tôi dasu khổ vì sự khẳng định độc ác này. Tôi mới mười tám tuổi và tôi đi tự chôn sống mình.

Tôi chộp lấy cái xắc của tôi như thể tôi muốn nhảy lên một trong những chiếc tàu có cái đèn chiếu treo phía trên mặt nước, đang đi ngược đường chúng tôi. Trở về, vâng, trở về bên cạnh Adam, vạch mặt sự hèn hạ của nó đối với tôi, tuyên bố với nó rằng tôi đứng lên chống lại nó, ở bên ngoài ngôi mộ của tôi, đòi hỏi tuổi trẻ và cuộc sống của tôi. Trở về với cái đói, cái rét, sự tĩnh mịch, những cửa đóng của thành phố lớn thù địch! Bởi vì tôi biết nó, tôi đã sống ở đó từ tám bé, ngôi mộ của Eberhard ở đó và cô ấy... cô ấy...

Bỗng nhiên nhiệt tình của tôi xẹp xuống. Tốt quá, tôi quên Dorete, và đó là lý do tôi ra đi trong đêm, lìa bỏ cuộc sống mà những người khác có thể sở hữu nhưng tôi thì lại tỏ ra không xứng đáng, và tôi bị tước mất vì sự trừng phạt và ân huệ thần thánh. Tôi đã quên hạnh phúc của tôi và sai lầm của tôi, quên sự lên án và quà tặng mà tôi được nhận, quên cái điều kiện duy nhất của một cuộc sống hoàn toàn dành cho kỷ niệm và ân hận.

Tôi lại thở thật sâu và lòng khuây khoả. Với cái nhìn bình thân tôi nhìn ánh sáng các bờ biển Đan Mạch và Thụy Điển lướt dọc qua chúng tôi và lẫn vào trong quầng sáng lan toả phía trên Copenhagen và Malmo.

Tôi đã không hành động trong một lúc lạc đường, nhưng chẳng qua đó cũng là theo đúng quy luật của sự ra đời và số phận của tôi. Và tôi nhắm mắt một cách tin tưởng trong làn gió nhẹ ban đêm, tin chắc rằng tôi đã tuân theo ý chỉ của Chúa, nhưng tôi cũng hiểu, trong khi cảm thấy chân đau, rằng ý chỉ của Chúa không phải là bảo tôi phải trải qua những ngày còn lại của tôi trong một giấc ngủ đông sau khi đã sống nhiều, đã đau khổ nhiều.

Trái lại, Chúa Trời vừa mới lấp đầy cho tôi những quà tặng. Cho tôi được chứng tỏ với Người lòng biết ơn của tôi qua công việc và sự hăng hái chiến đấu của tôi.

Mạo hiểm của đời tôi đã chấm hết rồi, mạo hiểm! tất cả những gì con người ham muốn trên đời này. Những ngày dài của công việc đơn điệu không làm vui cho một ai đã bắt đầu ở tôi. Chúa đã gọi tôi đến đảo, chính ở đây sự nghiệp của tôi chờ đợi tôi.

Tuy nhiên tôi đã nhìn một cách sợ hãi boong tàu ngổn ngang những hòm, những thùng tôn, những chai. Chưa bao giờ tôi trông thấy nhiều chai đến thế, và chúng đều tỏa ra toàn mùi rượu. Tôi nhìn con Vombat. Bị giữ giữa hai đùi của ông thủy thủ, nó vẫn không rời mắt nhìn tôi, chỉ chờ lúc tuột được ra để nhảy xổ vào tôi, tôi nhìn người đàn ông mà bộ mặt râu ria bần thiêu hé sáng một nụ cười khẩy kinh khủng, hình như ông ta ra mặt chế nhạo những nỗi sợ hãi của tôi. Thỉnh thoảng ông ta giữ cho con chó đỡ chặt hơn. Tôi nhìn đầu của thuyền trưởng, nó giống như bộ mặt xấu xí của con tàu thò đầu ra ngoài cửa và dựa lên cánh tay sắt boong tàu. Ông ta giận dữ liên tiếp khạc ra những tia nước bọt màu nâu. Tôi nhìn người lái với thân hình cao gầy, khoác chiếc áo choàng màu cá thu, bộ mặt nhợt nhạt, đôi mắt vải dầu, xuất hiện dưới những cánh buồm căng phồng. Trước ánh đèn chiếu tôi tưởng chừng trông thấy một người giả ma.

Mùi khó chịu của cá trích và cá chình làm tôi nghẹt thở. Boong tàu thấm quện mùi cá đến nỗi gió biển cũng không thể thổi tản đi được.

Tôi nghĩ đến cái rét, đến những cuộc chèo chến, đến lời nói thô tục đang chờ đợi tôi, cái triển vọng mà trước nó, hệ thần kinh của tôi thừa hưởng từ cha tôi không thể nào không run lên. Tôi vốn thích ăn bánh mì khô, kể cả bánh mốc hơn là mỡ muối và cá tuyết.

Tôi cũng nghĩ đến người cha nằm bẹp trên giường mạ vàng và nghĩ đến những lời nguyệt hoa của những cuốn sách mơ mộng của ông. Tôi nghĩ đến khu rừng xoá mờ trong bóng tối, những khu rừng trơ trụi rồi mùa xuân sẽ đến sẽ ra lá nở hoa cho những người khác chứ không phải cho tôi, tôi nghĩ đến những giấc mơ của tôi chỉ dành để tan rã và nghĩ đến cái thực tế sắp sửa là của tôi. Tôi rùng mình mạnh đến nỗi răng tôi kêu rít lên.

Ôi, giá mà những thủy thủ và thuyền trưởng nói với tôi vài câu để cho tôi khả năng chiếm được tình bạn của họ, để tôi khỏi cảm thấy hoàn toàn bị bỏ rơi trên tàu, trong bóng đêm, để tôi đến đảo với lòng ấm lên bởi vài lời nói bạn bè, để quên đi chuyện tôi sẽ đến gặp những người nào và tôi sẽ ở đâu. Ông mục sư ấy là ai? Ô, Chúa ơi! Liệu tôi có hoàn thành nhiệm vụ, có dạy được bọn trẻ không? Tôi đã buộc phải cố gắng suy nghĩ để nhớ lại nhiều số trong bảng cửu chương mà tôi chỉ thuộc một nửa! Còn các phân số thì tôi chịu không nhớ nổi

Đầu óc tôi chỉ đầy những tình cảm uỷ mị ngây thơ, vang lên của tiếng tù và mê li của Jean Paul, nhớ nhung của Chateaubrand.

Các con số và các sự kiện không có chỗ ở đây. Là con đẻ của một người lãng mạn, con nuôi của một người kiên tín, tôi sắp sửa rời tàu xuống một hòn đảo.

Chuyện tình yêu của tôi chắc phải làm các bạn sửng sốt. Các bạn không thể hiểu tại sao tôi có thể yêu Dorete Honorius sau hai lần gặp ngắn ngủi, sau

một lần chuyện trò duy nhất, yêu cô ấy thật nhiều để tìm thấy ở cô ấy ý nghĩa và mục đích của một cuộc đời mà cô ấy sẽ thực hiện trong những khoảnh khắc ít hơn.

Đó là vì các bạn không trông thấy Dorete Honorius khi cô ấy còn trẻ. Các bạn không thấy cô ấy là nữ thần tuổi trẻ hiện thân, là cô gái đích thực, là tinh thần của bố cô ấy được giải phóng khỏi mọi ràng buộc của xác thịt, là chính linh hồn thời đại của tôi. Khi yêu cô ấy, tôi đã yêu và làm chấn thương những gì là tốt đẹp nhất trước mắt tôi, tôi đã chấp nhận chiêm ngưỡng một cái đẹp không thể nào với tới được.

Tình yêu của tôi đồng thời là sai lầm và là đại hạnh phúc của tôi. Tôi đã không bao giờ thấy lại Dorete trên đảo này dù chỉ với một ngôi sao trên tóc và tôi chắc chắn rằng khi tôi có thấy lại cô ấy thì sẽ là ở dưới một vì sao. Nếu tôi đã yêu Dorete khá nhiều để tình yêu của tôi cho phép tôi chịu đựng được cuộc sống, và ngay cả sau này thời gian trôi qua, nỗi đau của những năm đầu dịu bớt, đã làm cho tôi sung sướng được sống, nếu tình yêu đã khiến sự tồn tại khốn cùng của tôi thành một đời người trong sạch và trọn vẹn, thì cái đó là nhờ ở sự sai lầm lớn của tôi.

Nếu tôi không trông thấy Dorete như tôi đã trông thấy cô ấy trong đêm ở vườn, thì tình yêu của tôi cũng như cuộc đời còn trẻ của tôi sẽ chỉ ở trạng thái mộng mơ, đau khổ và nhớ nhung. Nhưng nó đã trở thành một thực tế, một thực tế của riêng tôi, nó là máu trong huyết quản của tôi và nó sưởi ấm tâm hồn tôi. Tôi cảm thấy đồng thời cả sự đau khổ và cảm giác đầy đủ của một người goá vợ. Không bao giờ tôi cảm thấy mình bị tước đoạt như một anh trai già không vợ.

Các bạn hãy hiểu tôi, những khoảnh khắc ở vườn, những khoảnh khắc trải qua cùng em gái chúng tôi, đối với tình yêu của tôi là những gì thuộc về cuộc sống vợ chồng đối với những người khác, mảnh đất phì nhiêu từ đó đâm hoa và từ đó cho quả.

Tôi đã luôn luôn thấy nó dưới một vì sao, nhưng tôi đã trông thấy nó trần truồng và tôi đã hôn ngực nó! Đã không bao giờ đời tôi thấy khát, thấy đói. Chúng tôi sẽ trở về trần truồng không xấu hổ dưới vì sao của vĩnh hằng, như cô ấy đã báo trước cho tôi đêm đó trong các giấc mơ của tôi.

Tất cả cái đó tôi đã tiên cảm mà chưa thực hiện giữa những thùng cá trích và rượu trên boong tàu Coquillage. Tôi đánh run rẩy vì sợ, vì buồn ngủ và vì lạnh.

Nhưng chúng tôi đã đi qua Helsingor, Helsingborg, và gió thổi mát mẻ. Tôi lạnh cóng trong chiếc áo khoác nhẹ, hai tay chấp lại, tôi tự hỏi khi nhìn thấy biến mất hai hòn ngọc sáng rực của hai thành phố, ở đây tôi có thể dễ tìm chỗ nằm ngủ.

Những giờ sắp tới hình như với tôi là một điểm báo cuộc đời tôi trên một

hòn đảo, mà chính bản thân nó cũng là một sự thức canh cô đơn và lạnh lẽo. Nhưng đây, ông thuyền trưởng gọi:

- Này anh sinh viên! Thương gia muốn nói chuyện với anh. Anh có nghĩ rằng chúng tôi đưa anh lên tàu để cho chúng tôi đỡ buồn không? Anh hãy đến đây làm cho chúng tôi cười lên chút nào!

Cười ư? Tôi ném một cái nhìn kinh hãi lên khuôn mặt thô kệch và say mềm. Và thương gia là ai? Nhưng ở kia, phía chiếc đèn lồng toả lên mùi mùi ẩm nóng và thức ăn, tôi đang đói lắm, lạnh lắm. Vâng, tôi đói, tôi, thủ phạm của tình yêu ra đi dưới những cánh buồm đen, đến chỗ giá chữ thập.

- Thôi nào, phải có một chút thiện ý chứ. Anh không nghĩ rằng chúng tôi có ý định van xin anh đến à?

Tôi giật nảy mình trước mệnh lệnh phát ra từ một giọng cứng rắn. Tôi chẳng biết làm gì ngoài việc tuân theo.

Tôi rẽ một lối đi giữa các thùng chảo và các thùng tô nô đến dưới chân chiếc cầu thang dốc đứng vừa đúng lúc người thủy thủ lôi con chó ra.

Tôi kêu lên một tiếng và ngã nhào ra đằng trước trong khi gã kia cười ngặt nghèo và những tiếng rú bao quanh tôi, buộc tôi phải cố đứng lên mình róm máu, bị thương, tim đập thình thịch.

Trong làn khói cay xè mắt tôi trông thấy họ dưới ngọn đèn muối đen, ông lái tàu với đôi mắt lõm, đôi hàm cười khẩy, cái đầu to, cái mặt đỏ rã mồ hôi, phía trên đầu là một cái bờm bù xù và trong mồm là những gốc răng vàng khè – ông thương gia vẻ ngoài là thế.

- Này! Anh sinh viên, khi người ta ngắm các vì sao người ta có con Vombat sau gót và người ta bị ngã nhào. Anh chẳng có khả năng đâu – ông ta nói thêm cùng với một trận cười rúc rích làm rung cái cằm đôi của ông – Hãy đến đây và uống một trận thôi.

Ông ta có lý. Đó là những con người, nhưng tôi chỉ có một mình.

Sau đó, tôi được ngồi vào một chiếc bàn đầy cà phê và rượu dưới cái chao đèn ám khói của một chiếc đèn dầu.

- Nào anh sinh viên, nói đi! – ông thương gia rót rượu cho tôi vào một cái tách đựng cà phê, vừa nheo mắt về phía những người khác – Anh đến chỗ chúng tôi làm gì? Anh không biết chúng tôi là những người dã man hay sao?

Tôi cố nói về cái quảng cáo trong tờ Tổ Quốc.

- Đúng rồi, ông già Schawagflugel không phải là thầy giáo của bọn trẻ nữa, về việc này thì ông ấy không thể đáp ứng được gì nhiều đâu, dù sao người ta có thể tin vào lời tố cáo của Malene.

Cử tọa phá lên cười. Bộ mặt của thuyền trưởng biến mất trong gò đồi râu bần, người lái tàu cười khẩy từ cái mồm đen, vừa gõ gõ các ngón tay.

- Malene là ai? – tôi đánh bạo hỏi, vì tôi rất cần biết về những người

mà rồi đây tôi sẽ đến gặp – Và cô ấy tố cáo về việc gì?

- Malene ư? Đó là người giúp việc của ông ấy. Cô ấy tố cáo cái gì? Anh sẽ biết khi anh đến, khi anh gặp họ, cô ấy và Schwargflugel. Có thể là anh sẽ biết mà liệu và làm cho công việc của ông ấy dễ dàng về một mặt khác với công việc của trường.

Tôi không hiểu sao họ cười, họ thốt lên những tiếng rú, họ giơ lên không những nắm đấm như chùy và để nó rơi lại xuống bàn với một tiếng động như sấm.

- Anh thấy không – cuối cùng thương gia nói tiếp – Chúng tôi đều có con cái của chúng tôi, chỉ có mỗi mình hoàng thân, nhưng ông ấy thuộc số người lãng phí hạt giống, như đã có ghi trong quyền thứ nhất của Moise, chương 38.

Mặt tôi đỏ bừng, cái đó thì tôi hiểu, bởi vì tôi biết Kinh Thánh, và tôi nhớ đến Augustin và bọn học trò lớn ngày xưa.

- Ha ha! – thương gia ngã tựa vào tường mà cánh cửa đang là những con sóng đen đập vào. Ông ta hít vào thật mạnh phồng cả cái áo vét màu nhựa đường – sao lại không? Anh cũng sẽ có thể phục vụ ông ta. Anh không nghĩ rằng ông ta sẽ chấp nhận một ít thịt tươi sao?

Tôi không biết đưa cái nhìn đi đâu. Cái lợm mửa làm tôi ớn. Tôi bị sốt như bị nhúng vào nước sôi. Hồi trước cũng thường hay thế khi bọn bạn nói đến những chuyện ấy, không kể cả cái ngày mà chúng thử ức hiếp tôi quá đáng và tôi đã tự bảo vệ với một sức mạnh đã man làm chúng phải lờ ra. Đó chính là con Vombat ghê gớm nhất đời tôi, con quái vật kinh khủng nhất của mọi thần quái.

- Hoàng thân? – tôi hỏi – vậy trên đảo này có một ông hoàng thân?

- Nếu có một hoàng thân thì sao? Chúa ơi! – thương gia vớ cái khăn đen mà ông ta đội trên cái bờm hung – Anh không biết đấy, ông ta sở hữu toàn đảo này, đó là cha của tất cả chúng tôi nhưng vì những lý do riêng đối với ông, ông chẳng phải là cha của ai cả. Bộ hạ hoàng tử Gebhard 29 của Bernburg Lippe.

- Nhưng vì sao mà ông ấy sống mãi ở đấy, ông ấy, một hoàng thân?

- Đây nhé, ông ấy vẫn luôn ở đấy vì những lý do riêng biệt của ông ấy. Hà hà, anh nói sao? Anh có biết những con chim hoàng yến của chúng tôi, những nô lệ ở các thành lũy không? Anh tưởng tượng chúng nghĩ gì về những viên đạn buộc chặt vào chân chúng? Người ta không thể làm như thế với hoàng thân nên người ta đã buộc chặt vào chân ông ta tất cả hòn đảo. nó có khả năng giữ rất tốt.

Các bạn đường đã ép tôi ực một ngụm cà phê. Tôi cảm thấy say vì khói rượu và sự lợm mửa đã một lần dâng lên tận cổ. Cùng một lúc sần, trần, những bộ mặt bắt đầu múa nhảy quanh tôi.

Chúng tôi đã vào Kattegat và tôi vừa nhìn thấy ánh lửa của cây đèn pha cuối cùng của Seeland.

- Nhưng vì sao, vì sao ông ấy đến đảo?

- Bởi vì ông ấy bám chặt vào "thịt tươi", thịt tươi như thịt anh, hà hà!

Và ông già Frédéric không nghe lời đùa cợt khi nó dính líu đến những cậu bé ở Nyborg, càng không được dính líu đến các cô gái. Ông đã gửi chàng trai này đến đảo, đảo vốn là thừa kế của bên ngoại. Đó là cái mũi đất cuối cùng của lãnh địa Hornburg Lippe – ở giữa Kattegat, thế đấy! Và đến giờ ông ấy đã sống được bốn mươi sáu năm trên cát và đá, sau khi đã từng là sủng thần của Frédéric và đã dạo qua với tư cách là đại sứ ở Paris, Rome, Saint Peterbourg hoặc ở mấy thành phố tà đạo khác. Nhưng chúc sức khoẻ, uống đi một chén đã. Mong cho anh có thể có ích ở đó. Phục vụ Malene còn hơn là hoàng thân, cái đó tốt hơn.

Tôi nghe tiếng cười của những người khác và nhìn thấy khuôn mặt của họ trong làn khói. Tôi cố đứng lên và cảm thấy mình sắp bị nôn mửa mà không biết đó là do tác dụng của rượu, của không khí ô nhiễm, vì lời nói của thương gia, vì những hình ảnh mà chúng làm nảy sinh trong tôi. Đầu gối tôi khuỵu xuống, tôi lao đảo như con tàu đang dâng lên để rơi xuống chỗ lõm của các cơn sóng, tôi thốt ra tiếng kêu (biết gọi ai đến giúp đây) và ngã quỵ xuống sàn, ướt đầm vì rượu và nước biển đang rỉ ở các bậc thang. Tôi muốn đứng lên nhưng không được vì suy sụp bởi say sóng và say rượu.

Một trận bão cười chào đón sự sụp đổ của tôi. Sóng tràn trên boong đập vào cửa kính và tôi ngồi khóc trogn mùi hôi thối.

Hôm sau, cái tĩnh lặng bình yên ở Kattegat tìm thấy chúng tôi bất động. Mọi bề xung quanh chỉ là khoảng rộng vô tận của sóng. Những cột buồm trơ trọi nổi bật trên bầu trời âm u buồn thảm.

Cuộc say sưa đêm qua và những chuyện mà tôi đã nghe để lại cho tôi một cảm giác bị vấy bẩn.

Ngay cả gió biển cũng không rửa sạch cho tôi cái rác rưởi đó. Tôi nghĩ đến Dorete đã nhìn thấy tôi không đầy mấy giờ trước, và tôi khoanh tay trên đầu gối để giữ ấm và dẹp cái ý định mò xuống dưới kia tìm hơi ấm, thức ăn và tụ hội.

Nhưng những người kia từ dưới kéo nhau lên, ai nấy mặt mày đỏ chín, chân run, tay đập vật vờ trong không khí. Vai kề vai, họ kêu lên trước chân trời tái nhợt im lìm:

- Kìa anh sinh viên kia rồi, chúng ta vui chơi đi thôi. Thả Vombat ra, chúng ta đuổi thỏ rừng. Nó không còn đâu trốn thoát. Vombat! Đuổi theo, đuổi theo!

Tôi nhảy lên mái ca bin. Mặt tôi tái xanh, méo mó vì sợ hãi, tôi biết thế. Tôi sẵn sàng nhảy xuống nước nếu họ thả con chó mà thương gia đang cời dây

với vẻ lưỡng lự.

- Nào, lạy Chúa, hãy xuống đi và lại đây uống – ông ta nói vừa ra hiệu với tôi bằng bàn tay khổng lồ.

Tôi oà khóc và theo họ, lảo đảo vì ốm, vì rét, vì đói và cô đơn.

- Ăn đi, thịt ở trên bàn ấy – thương gia vừa nói vừa leo vào trong chiếc võng quá hẹp so với thân hình đồ sộ c ông. Những người khác phải kéo cái bàn dưới ông ra, vừa cười gằn.

May thay, họ cũng bị thua rượu và trở về võng của họ. Tôi còn lại một mình trước cái bàn ướt đầm, giữa những chai, ly, những con bài ướt bắn và mẩu thuốc lá. Tôi nhìn nước xám sau cửa sổ tàu và không nghe tiếng động nào trong sự tĩnh lặng của biển, ngoài những tiếng ngáy ngủ.

Dần dần tôi ngả trên hai cánh tay và tôi cũng ngủ u mê đi vì mùi rượu.

Trong đêm gió nổi lên. Mọi người còn say, tất tả xung quanh những cánh buồm và tay lái, với những tiếng kêu tiếng chửi rủa. Họ chen tôi bên phải bên trái cho đến khi về sau tôi tìm được chỗ nấp sau bánh lái và cái lưng còng của người lái tàu.

Những lá buồm nổi thành màu đen lên bầu trời. Phía dưới giầy dựa những bóng người say, ánh sáng và khói có vẻ như một ngọn lửa đốt lên giữa tàu. Biển sùi bọt trong bóng tối xung quanh chiếc thuyền con của chúng tôi, nó rẽ sóng lần lượt ẩn hiện. Những tiếng gọi, tiếng hát trộn lẫn vào tiếng nguyên rủa. Đôi mắt của Vombat loé lên xoáy vào tôi. Tôi có cảm thấy bông bênh thẳng tới địa ngục.

Mãi đến chiều hòn đảo mới xuất hiện trên biển. Tận đàng xa, giữa cảnh âm u của nước và trời, người ta có thể bảo đó là một vệt sương. Nhưng, chúng tôi được gió mạnh đẩy tới, chúng tôi trông thấy nó lớn lên, biến thành một bãi cát và đá giữa mặt nước bao la.

Từ trên thuyền của chúng tôi, cái ồ rượu chè, say sóng và lạnh giá, tôi nhìn mảnh đất vững chắc đó sao mà nóng lòng đến thế.

Thế giới còn lại đã cách xa ở một khoảng dài như thế sau hai ngày vượt sóng và ở đó tôi sẽ không bao giờ phải xuất hiện lại.

Trước mặt chúng tôi đã hiện ra tổ quốc mới của tôi. tất cả mọi người rất bận rộn với việc vận hành buồm chèo, bốc dỡ chuyển hàng và buôn phẩm. Thế mà người ta vẫn kêu to với tôi khi tàu qua "Ngọn Sonderbjaerg", tôi chỉ tay vào dãy núi cao nhất.

Ngọn đèn pha hiện ra ở phía đông, một màu trắng tuyết, thon thả như một cây cột giữa hoang mạc. Một chỗ cao phình ra giống như một cánh buồm về phía bắc, một chỗ cao khác chìa ra, cả hai chỗ cao hợp lại với ngọn Sonderbjaerg có dáng như một làn mây.

Vậy đảo lớn lắm ư? Tôi sẽ có bao nhiêu không gian để mà dạo chơi ư?

Từ những ngọn đồi đến ngọn đèn pha đã có nhiều không gian hơn trong

phòng áp mái của Eberhard rồi.

Kìa hoang mạc mà những người khác đã nói với tôi tối hôm qua, tôi nhận ra ngay đằng sau đường thấp những cồn cát, đen ngòm và cô độc, kéo dài nhiều dặm. Người ta cậu đã nói với tôi là chưa một dấu chân người đặt lên đó là gì?

- Ba sai tay! – anh thủy thủ phụ trách tốc độ kêu, và những dây neo chạy qua thành tàu rít lên.

Bây giờ tôi trông thấy xứ sở. Dưới chân những cồn cát tụ họp một nhóm đen sẫm.

- Vậy ra có nhiều người thế ư? – tôi kêu lên. Tôi khát khao đi tới chỗ những người đó, đồng thời tôi sợ run lên. Khuôn mặt họ loé lên trong khối đen bất động giống như những chấm trắng, và mắt tôi khóc lên vì nhìn xoáy vào những con người sẽ quyết định số phận, chia sẻ cuộc đời với tôi giữa trùng dương.

- Nhiều thế ư? – một thủy thủ nói – Dù thế nào anh cũng có thể đi, trườn, bò mà không có mặt ở đây. Và ông chủ của họ, cha của họ, hoàng thân ở trên đầu họ. Từ ba tháng nay chúng tôi không cập bến ở đây, và lạy Chúa chúng tôi chỉ sẽ trở lại vào mùa xuân!

Những điều anh ta vừa nói quan trọng gì với tôi? tôi chỉ nghĩ đến xuống khỏi tàu, bắt đầu cuộc đời mới. Chúa có thể hạ bức màn xám của Người xuống thế giới còn lại sau việc đó.

Trong khi leo xuống thang dây tôi cảm thấy con Vombat cắn vào vai tôi. Người ta đã buông nó ra ở trên kia để nó mang đến cho tôi lời chào buổi cuối cùng của tàu.

Tôi nén tiếng kêu đang sẵn sàng buột ra khỏi họng và gế ngã xuống chiếc xà lúp thật mạnh làm tóe nước lên xung quanh.

- Cái gì lấy mất hồn cái thằng đàn kia thế? Với cái đà này thì xuống dưới đáy biển mà tỉnh giấc nhé – thương gia hét lên và cái thân hình đồ sộ đầy mỡ của ông lao vào trong thuyền khiến tôi bị nước bắn ướt sũng.

- Đi thôi! – Người lái ra lệnh và cái mái chèo lướt hai bên xà lúp.

Tôi ngồi ở ghế sau, trên cái xác của tôi. bây giờ tôi đã ra khỏi tàu Coquillage, tôi không mong trở lại đó nữa. Nhóm người ở kia làm tôi hoảng sợ. Đàn ông, đàn bà, trẻ con, số lượng khoảng một trăm đứng im lìm như những cái bóng, như những người chết.

Thêm vào đây, trên bờ biển còn có một cỗ xe một con ngựa, nhưng không thấy một ngôi nhà, một mảnh đất trồng nào cả, chỉ có bãi biển đá cuội, những cồn cát bay, và ở cảnh sau là tầng núi cao màu lục sẫm, dựng đứng như một bức tường rào của thế giới.

Anh ta nói đúng, nhúm người này trên nơi hoang vu này không phải là một đám đông. Nhưng đối với tôi số lượng đó còn quá lớn. Bao giờ họ sẽ đổ xô

vào tôi?

- Ôi! Ôi! – Cái cần lái đụng vào ngực tôi, cắt ngang hơi thở của tôi.

- Đứng cho vững, này anh sinh viên! – ông lái tàu kêu lên – với lại, xuống đất đi thôi, xưa nay ở chỗ chúng tôi người ta không được ở miễn phí bao giờ. Những người ở kia đang sốt ruột chờ anh đấy.

Mắt tôi còn sợ hãi nhìn lên đảo. Nhóm người tản sang phải sang trái, chạy ra biển như thể mỗi người đều mong muốn đổ ra đấy. Tôi bắt đầu nhìn kỹ những bàn tay run rẩy và tôi đoán là họ chờ bưu điện, tiền, tiếp tế mà họ phải vội vàng chiếm lấy. Họ không nhìn tôi.

Bọt nước rải ra dưới chân họ. Nhóm di động của họ hình như chính là biểu tượng của nhân loại chờ đợi khẩu phần, chờ đợi vàng của nó. Tôi thì không ai chờ đợi.

Tôi thấy thuyền trưởng, các thủy thủ và cuối cùng là thương gia bước qua thành xà lúp xuống nước ngập đến đầu gối, các hòm và thùng họ vác trên vai. Tôi nhìn những đôi ủng da ẩm áp của họ rồi đến cái móng đã sòn của tôi.

- Không còn làm cách nào được nữa đâu, phải liều vậy thôi – anh thủy thủ còn lại trong thuyền cười gằn.

Tôi ném lên bờ một cái nhìn ngượng ngịu. Ở đấy có nhiều phụ nữ quá. Rồi bỏ giày ra, tôi bước qua thành thuyền.

Cái lạnh của nước cấp lấy tôi như những gọng kìm sắt và tôi lao đảo trước những con sóng ập tới.

- Nhưng mà mày đừng đi không chứ! – một thủy thủ kêu lên và vút cái hòm của Eberhard lên lưng tôi.

Tôi suýt ngã vì bị chất nặng bất thành linh và những hòn đá dưới đáy làm chân tôi bị thương.

- Anh trông kìa, nó xuống tàu với tất cả các thứ đồ đạc của nó đấy – Thương gia nói, vừa chỉ ngón tay về phía tôi.

- Chào anh sinh viên! Anh bị gãy chân à? – một thủy thủ hỏi phía sau tôi.

Tôi dừng lại sững sờ. một tiếng cười vang lên, chân trần của tôi trong mặt gương nước trông như bị vỡ nát.

Trong một khoảnh khắc tôi muốn được quỵ xuống dưới cái hòm của tôi và thế là được xuống tận đáy biển xa hẳ bên bờ của thế giới này. Nhưng một phút sau tôi vào tới đất, chao đảo vì vác nặng.

Không ai có thì giờ để ý đến tôi. Tôi ở trước các gáy và lưng người.

Bàn tay giơ lên, miệng thốt ra những tiếng kêu gọi khó hiểu, tất cả mọi người quay xung quanh thuyền trưởng và thương gia.

- Đợi đã nào! – Thuyền trưởng hét lên – anh đến chỗ Gravemand mà nhận thư. Thôi tất cả đi đi!

Tôi đã có thì giờ để đặt cái hòm xuống và đi giày vào. Thế là tôi đã ở đây rồi, như người thủy thủ nói, với tất cả các thứ đồ đạc, trên bờ biển sỏi đá, sỏi bọt, ngấm đầm đông kì quặc. Gần ngay chỗ tôi có cỗ xe hai bánh mà tôi đã nhìn thấy từ trên tàu. Nó được sơn màu lục, xanh, đỏ, vàng và phủ đầy ngôi sao vàng. Bánh xe thì to và rộng, ghế da marocanh đỏ. Một con ngựa khốn khổ bé tí, bù xù hình như mất đi giữa hai càng xe chổng lên phía trên như cặp sừng khổng lồ.

Chẳng phải nghi ngờ gì nữa, đó là xe của hoàng thân, vì ở giữa các ngôi sao và những dải màu sắc cầu vồng người ta thấy những vòng hoa vàng.

Tôi tìm hoàng thân và trông thấy một ông già cao lớn vượt xa đám đông bằng bộ xương chim đồ sộ của ông. Cái hình chim đại bàng đôi của ông được bao quanh bằng sợi tóc xám rối bời. Ông thét bằng giọng kim vừa lặc những cánh tay gầy. Và ở bên cạnh ông, con người kỳ quặc hơn cả ông ấy kia là ai? Có phải những quái vật đã đến ở đảo này?

Một người lùn không cao hơn một đứa trẻ bảy tuổi, có một cái bướu khổng lồ giống như vỏ con ốc sên, nhún nhảy để nhìn cho rõ hơn và động đậy các cánh tay như những chiếc cánh, không ngớt kêu lên:

- Những tờ báo, những tờ báo cho Jacobus Uz, những cuốn sách, những cuốn sách cho Jacob Uz!

Trên cao, giữa những đụn cát, một người đàn ông tóc bạc khoác một chiếc áo choàng ngắn bay phấp phồng, cúi xuống cây gậy, mắt không rời ông thuyền trưởng đang mang trên vai cái túi bưu điện. Mặc dù ông đứng cách xa đám đông một quãng, tôi vẫn đọc được trong mắt ông một sự chờ đợi có lẽ còn điên cuồng hơn cả những người khác. Bàn tay ông run như lên cơn sốt. Một vài ngư dân của xứ này đã lẫn ngay lập tức cả một thùng tô nô trên cát. Họ nghe tiếng động của nó, ghé sát tai vào bụng thùng, hít hít, liếc mắt với nhau, gầy dơ xương, nổi gân, với những khuôn mặt trắng bệch và chòm râu đen, họ giống như những con chim săn mồi đang tìm thức ăn. Những người đàn bà mặc quần áo của vùng này, đội khăn đen hồ bột quấn quanh tai bằng những cánh trắng, cố giật lấy những gói hàng mà thương gia cắp dưới cánh tay.

Trên những cồn cát, về phía hoang mạc sâu thẳm, một cụ già râu bạc mặc áo khoác có mũ trùm đầu, bình thần bước đi chiếc gậy cầm ở tay, quay lưng về phía chúng tôi. Cụ không quan tâm đến việc chiếc tàu bưu điện cập bến, những thư từ tới từ xứ sở con người, cụ không quan tâm đến những sự kiện, đến trang sức của phụ nữ, đến những thùng rượu. Tôi nhìn theo cụ, tự hỏi không biết một ngày kia liệu mình có khôn ngoan được như sự khôn ngoan ấy không.

Giữa lúc ấy một người khác chạy qua trước mặt tôi. Ông cúi thân hình gầy gò của ông xuống cây cần màu vàng cầm trong một bàn tay quắp lại. một

chiếc mũ lưỡi trai có dải trang trí che mớ tóc bù xù và một chiếc áo bó đồng phục rách khoác lên thân hình đã hết thịt của ông. Cái nhìn của đôi mắt ông giống như hai ngọn lửa lướt qua tôi, lướt qua đám đông nhón nháo trên bờ biển, rồi vẫn cúi người, ông tiếp tục cuộc chạy với bước chân nhanh hơn, kẹp chặt cây gậy như thể ông muốn tìm kiếm trên bờ biển sỏi bọt một cái gì mà những người khác không biết gì hết.

Tôi thấy đáng đi điên cuồng của ông ta đáng lo ngại, cái nhìn của ông hướng vào tôi, vào niềm vui và sự hào hứng của đám đông là cái nhìn trống rỗng.

"Cha, mẹ có trông thấy cha không?" – một tiếng bé gái thì thầm. quay lại tôi thấy một đứa con gái có món tóc xoắn đen và mặc một loại quần xanh lục lạ lùng đang ôm sát vào một quý bà, dáng người thon thả, cũng mặc bộ áo màu lục nhưng lấp đi dưới nếp gấp của tấm vải che rộng màu đen.

Hai khuôn mặt xanh xao với những con mắt thâm loé sáng như nhòa lệ dưới hàng mi đen kia có phải là vợ và con gái người đàn ông mặc đồng phục có cái nhìn lạc lõng, mà hình bóng đã biến mất trên bãi biển hoang vắng không? Quan hệ của hai người kia với người đàn ông, với bãi biển này như thế nào? Người mẹ quấn khăn che quanh mình và quanh đứa con gái.

- Không, không, các người không có gì đâu – ông thuyền trưởng kêu với giọng mà con giận và sự cố gắng làm khăn đặc – Phải đến Gravemend mà nhận.

Và đám đông giật nảy mình lao về phía trước bỏ tôi ở lại trên bãi đá cuội và những đợt sóng. Lúc bảy giờ tecon mắt đổ dồn vào tôi, tới nơi tôi như một trận mưa lửa, những con mắt sáng trong, những con mắt tối đen, những con mắt người già, những con mắt thanh niên, những con mắt đàn ông, đàn bà bùng cháy vì tò mò. Rồi đám người rời xa. Chỉ còn đứa con gái nhỏ và bà mẹ nó ở lại gần tôi. Quý bà thon thả đó có vẻ muốn đứng lại, nhưng một lát sau cả hai đi theo những người khác. Tôi cảm thấy cái nhìn của bà ấy hướng về tôi như một lời chào dịu dàng và đầm lệt.

Hoàng thân ở lại một mình phía sau và đi về phía chiếc xe, ở mỗi bước chân, ông phải gập đầu xuống và tì vào cây gậy dài có núm hình quả táo vàng. Chiếc áo khoác lông thú hé mở để lộ áo rơ phanh gót đen bay trước gió, trắng ra ở chỗ khoét nách. Người ta trông thấy ve áo loang vết rượu và đồ ăn. Cứ hễ ông loạng choạng dưới những khóm guốc bê trên những cồn cát, lưng còng xuống, mình cong như mỏ đại bàng, ông lại có dáng như một bộ xương chim hay một con bò nông bị tử bệnh.

Người mẹ và đứa con gái, trái lại, đi như hai con chim biển, tế nhị và đa nghi, nhìn người cha điên rồ đi về phía biển và hoang mạc với dáng đi thất thường.

Một anh đầy tớ mặc y phục gia nhân sần nát, tóc xám, mắt biến mất dưới kính xanh, túm lấy dây cương và cổ xe của hoàng thân, quay tròn hai bánh

nhiều màu chạy dọc các cồn cát.

- Anh là sinh viên?

Tiếng nói làm tôi rùng mình và tôi thấy tôi ở trước hai con mắt nâu tròn và một khuôn mặt tròn màu ô liu, tóc đen long lanh chải cẩn thận xoả xuống xung quanh cái trán thấp phía dưới cánh mũi kiểu địa phương. Một nụ cười làm lõm hai hố sâu trên má.

- Tôi là Malene Tabor, người hầu của mục sư và tôi được sai đi đón anh.

Vậy đây là nhân tình của mục sư rồi, nếu như tin vào lời những người khác! Tôi trở nên đỏ ối và bắt đầu run. Cô đứng sát người vào tôi ngay trên bãi biển vắng lặng gió này. Chưa bao giờ có người phụ nữ nào đứng gần tôi đến thế, ngay cả cô em gái của chúng tôi. Hơi thở của cô lên mặt tôi, đôi mắt long lanh tươi cười nhìn vào mắt tôi, đôi vú căng phồng dưới khăn choàng đen, bàn tay trần trắng muốt... Cô gây cho tôi cảm giác một ngọn lửa trong bóng tối vắng vẻ này.

- Thôi chúng ta về thôi – cô vừa nói vừa cười, và nụ cười này làm tôi lạnh toát, tôi, trong phút trước đang nóng như than hồng. Tôi cảm nhận một mối sợ lớn hơn đối với hòn đảo kỳ lạ này. Ở đây có chẳng một ngọn núi lửa đang phun mà tôi sợ không thể thoát ra được?

Chúng tôi cùng đi trên một con đường lồi giữa các cồn cát ngay dưới chân Sonderbjaerg, rồi ngang qua hoang mạc.

Tôi quên hết tất cả trước quang cảnh mở ra trước mặt, kinh ngạc như ở trong xứ sở của tôi, trước mặt một phong cảnh tương tự. Tôi vừa bước tới mặt đất hay mặt trăng thế nhỉ?

Dưới chân các dãy núi và dưới bầu trời đen vùng đất trải ra, hiu quạnh xáo trộn vì những cuộn cát xoáy và đất đá sụt lở với những dấu địa y và tuần lộc tựa như các rêu mốc, và tất cả lấp chầm những cồn cát màu trắng đục và huyền ảo.

Dưới kia đoàn dài người địa phương chạy sau ông thuyền trưởng và thương gia sau chiếc xe sáng chói của hoàng thân tới nhà thờ, ngôi nhà trắng vươn cao lên trên đám mái nhà. Tận trên cao trên sườn của ngọn núi Sonderbjaerg tôi trông thấy một thân cây cao đứng cô lập, một cây đoạn, nếu như tôi nhận được đúng. Gần như trụi hết lá, nó dựng lên bầu trời những cánh tay doạ nạt giống như gạc của con nai sừng tấm trú ẩn trên cao kia trong thời đại hồng thủy và từ đây, trong sự canh gác vĩnh cửu, nó quay súng về phía hoang mạc!

- Đó là một xứ sở lạ lùng, phải nói như thế, đối với ai chưa trông thấy nó.

Tiếng nói của Malene Tabor vang bên tai tôi.

Cô ấy đánh thức tôi. không, tôi đâu có ở trên mặt trăng! Còn người phụ nữ

này thì đến không khí lạnh và xám xịt của buổi chiều mà tiếp xúc với cô cũng cháy lên, trước nỗi sợ hãi của mình, tôi có cảm giác thân thể tôi sắp bị thiêu cháy.

Chúng tôi đi theo con đường cát chạy dọc theo hoang mạc và một cánh đồng thạch thảo.

Hai bóng người tôi sầm lúi húi với cái cuốc và cái xẻng, tay không ngừng làm việc trên cát, tranh thủ những tia nắng chiều cuối cùng lên trên mặt biển.

- Chào Truels và Maerged – Malene nói.

Hai người kia hình như không có thời gian để gật đầu lấy một cái, họ cũng không buồn nhìn vào tôi và những người đang chạy theo ông thuyền trưởng giữa những cây lê đá.

Tôi quay lại để nhìn hai người đang cúi xuống ngẩng lên nhịp nhàng với nhau trong công việc lao động, chẳng chú ý gì đến chúng tôi.

Malene mỉm cười:

- À, vâng, họ chẳng quan tâm gì đến chúng ta, cũng chẳng để ý đến bưu phẩm! Họ tự túc với nhau, đến mùa xuân họ sẽ kết hôn và bây giờ họ đang đào móng cho túp lều của họ.

Tôi liếc nhìn nghiêng cô. Cô tiếp tục mỉm cười một cách yên tĩnh, nhưng tôi cảm thấy lòng tôi vừa nóng ấm vừa trĩu nặng. Cứ như tôi ở nhà và càng lạc lõng hơn trước.

Hòn đảo mà tôi đã tìm và đã tưởng rằng đó là vương quốc bóng tối phải chăng cũng giống như thế giới còn lại và không phải là duy nhất có những ma quỷ cư trú?

Chúng tôi đến chỗ đầm lầy. những làn mây bạc soi bóng trong cái ao nhỏ không sâu hồi đó còn có ở đây. rồi chúng tôi đi qua dưới chân quả đồi nhà thờ đến quả đồi làng, ở trên đồi này vươn lên một cái tháp bằng gỗ nổi bật giữa bầu trời.

- Có phải là nhà của hoàng thân không? – tôi hỏi.

- Đó là nhà của Orebro, ông thầy thuốc – Malene trả lời – Chắc anh đã trông thấy trên bãi biển một người đàn ông to cao tóc bạc đứng trên cồn cát, run run nóng lòng khi nhìn thấy bưu phẩm. Cụ ấy ở suốt ngày trong tháp của cụ ấy từ sáng đến chiều, vào những hồi mà chúng tôi có thể ước mong nhận được những tin tức của lục địa, thì cụ đưa ống nhòm tìm chiếc tàu mong đợi. Cụ meo những gì liên quan đến những tờ báo, những cuốn sách và tất cả các thư từ ở nơi kia đến. Cô con gái Barbare của cụ thì lại chú ý đến những vấn đề khác. Hà! Hà! Hà!

Malene cười, bằng cái cười hể hả lạ lùng, vừa đưa bàn tay qua tạp dề. cô không khoác áo choàng mặc dù trời rét buốt.

- Anh đã trông thấy hoàng thân rồi phải không, trong cỗ xe "chiến

thắng" của ông ấy! Ông ấy đặt tên như thế cho cái hòm sơn của ông ấy đấy, còn anh đây tớ của ông ấy thì được gắn danh hiệu "bộ trưởng". Thường thì anh ta tên là Hans. Còn cái ông gù bé nhỏ là Jacobus Uz. Ông ấy cũng điên rồ vì báo chí và tin tức như ông bác sĩ. Tuy nhiên họ không nói chuyện với nhau bao giờ. Nhưng ông bác sĩ cũng không khi nào nói được lấy một tiếng với ai trong số chúng tôi. Chắc hẳn điều đó cũng xảy ra với cô con gái của ông ấy, cô ấy đã biến ông thành kẻ hoà đồng và câm. Người ta có thể tin rằng ông ta chẳng cần gì phải sợ Jacobus Uz vốn loắt choắt như thế. Mà này! Tôi dám chắc là anh phải biết Uz từ lâu rồi chứ. Người ta có thể hình dung một người còi...Hà! Hà!

Malene hình như rút người vào trong vai và tôi tưởng như đột nhiên thấy nổi ghê sợ hiện lên bộ mặt nóng cháy và vàng choé của cô, nổi ghê sợ gợi nên bởi một con rắn, một con rắn thần!

- Anh muốn biết ai là người đang đi về nhà mình qua hoang mạc chẳng quan tâm gì đến thế giới xung quanh không? Đó là Horn, người gác đèn pha. Anh ta ở cách người hàng xóm gần nhất và cách làng hai giờ đi bộ. Anh ta hoàn toàn một mình ở cây đèn pha trên mỏm đá giữa bầu trời và mặt đất, chỉ nghe tiếng gió, tiếng biển và tiếng chi bay đập vào kính. Anh ta và Jacobus Uz cũng không hề trao đổi với nhau lấy một lời. Nhưng h. có lý do về việc đó. Đó là lỗi của Uz nếu như Horn có theo đuổi vợ hắn đến tận trên cao của tháp, đến tận trên hàng rào cao nhất mà từ đây chị ta bị ngã. Jacobus đã đến kịp thời Q TRÔNG thấy chuyện đó. Chính là từ đó anh ta rất sùng đạo.

Nhưng người ta vẫn không tin ở anh ta! – Malene kết thúc, vừa lắc đầu.

Tôi hoảng sợ nhìn cô, vừa tự hỏi không biết tôi rơi vào đâu! Những người ở đây hành động giữa người này với người khác như thế nào?

Cô tiếp tục lại bằng một giọng bình thản:

- Người mặc đồng phục là ông hải quan điên. Ông ta tên là Vendelin và đến từ Aixlen. Mỗi một vòng ông chạy xung quanh đảo như anh đã trông thấy ông ta chạy hôm nay, chẳng ai biết vì sao. Ai có thể trốn khỏi nơi đây? Vợ ông ta là diễn viên hay là một loại gì như thế, và họ có một đàn con trần trụi và đen thui. Chắc chắn chúng là những đứa dở hơi nhất. Nhưng đây, chúng ta đã đến nhà cha xứ.

Cô chỉ một ngôi nhà dài và buồn tẻ, với những cửa sổ cắm sâu dưới mái.

Dựa vào quả đồi xanh lục, ngôi nhà nhìn xuống hoang mạc. một chiếc cầu thang lồi thò ra mà gỗ vàng chói lên trong cỏ như những cái xương của một bộ xương, dẫn đến cửa.

Xung quanh chen chúc những ngôi nhà mái lợp rạ và tảo dạt bốc ra mùi mốc giống như những mũi tên, những tia sáng lọt ra khỏi những bức tường. Tiếng nói và tiếng chân bước phía trước chúng tôi rẽ đột ngột sang một bên rồi mất đi. Giống như một con chim lửa, một tia sáng mạnh đi qua trên các mái nhà

rồi tắt.

- Đó là ánh chiếu đèn pha – Malene bảo – mục sư Schwartzflugel cũng không biết là tàu Coquillage đưa đến cho ông ấy một anh sinh viên, ông không hề đợi anh đâu. Chúng ta có nên đi theo những người kia đến nhà Gravemand để xem có gì ở gói bưu phẩm không?

Đôi mắt đen của cô đầy tớ không rời khỏi tôi. Tôi mệt đến chết sau bốn mươi tám giờ lênh đênh, mệt vì nghe những chuyện ba hoa của những bạn đường, và mí mắt tôi nhắm lại vì mỗi một trước bao nhiêu là bậc thang lên nhà mục sư. Dù sao tôi vẫn ra hiệu tán thành. Sao mà từ chôi được một người độc nhất trên đảo mà tôi quen biết? Từ chôi một người vốn biết tất cả mọi người như cô ấy?

Chúng tôi đi giữa các hồi nhà nhô ra, theo các nền đắp bằng đá, những lưới đánh cá, ánh sáng phản chiếu vào những kính mờ xỉn, một mùi dầu cá và cá uơn bốc lên mũi. Trong bóng tối hiện ra một mặt trước nhà bằng gỗ.

- Nhà của hoàng thân – Malene nói.

Tháp chuông nhà thờ màu trắng huyền ảo vươn hẳn lên cao. Tôi thấy hình nó đặt bàn tay của nó xuống ngôi nhà theo cử chỉ nhại ban phước lành. Một ngõ nhỏ thọc sâu như một đường hầm dọc theo chuồng ngựa về phía công nghĩa địa. chúng tôi đi qua dưới cành lá của vài cây com cháy. Máy chiếu đèn pha đỏ lên trước chúng tôi. Người ta có thể nói đó là một ngọn lửa hoang dã chính giữa hoang mạc, rồi tắt cả tắt đi. Tôi rùng mình cảm thấy mình ở bên bờ của đêm tối này, của sự quạnh hiu này.

Ở bên phải, một tia sáng đâm thủng bóng tối, chúng tôi đi đến nhà Gravemand. Malene cho tay trong tạp dề, và cuối cùng để tránh gió hoang mạc, chúng tôi đi qua dưới ô văng của một mái nhà mà rạ đâm vào mặt. Dưới dãy hành lang chia ra, mọi người động đậy như những cái bóng. Không khí quện khói thuốc lá, hơi người, hơi của những ngọn đèn. Người ta nhìn thấy những mái tóc đen hoặc hung, những đầu hói, những chiếc mũ có cánh của phụ nữ. Lần đầu tiên tôi ngắm nhìn họ, những cư dân của đảo. Trong tranh tối tranh sáng này tôi thấy họ tất cả đều giống nhau, tất cả đều khác với những cư dân khác của Đan Mạch về thân hình cao lớn, về bộ mặt tái nhợt hơi lệch, con mắt nẩy lửa, cái mũi khum, cái trán hớt ra phía sau. Trải qua nhiều thế kỷ, nòi giống của họ vẫn giữ nguyên thuần chủng, ngăn cách những giao thiệp với những nòi giống khác vì biển cả không thể vượt qua.

Tôi ở giữa những ngư dân thời nguyên thủy, bị bão cuốn trôi dạt vào đây và ở lại đây tách biệt trong bao thế kỷ.

Tôi ngơ ngác đưa mắt tìm một người, một người thôi, là khách lạ trong số họ như tôi.

Đằng sau đám đông một giọng nói the the, thở dốc, đọc lên những cái tên đề

trên các lá thư, những cái tên lạ lùng có âm vang rất cổ: Svente, Pirren, Tambor, Dane, Duun, Lam...

Những cái bóng to lớn của những bàn tay của đám người và của thuyền trưởng hiện ra trên trần khi tay đang cầm và giờ ra những mảnh giấy. những tiếng gọi trao đổi xung quanh tôi bằng một ngôn ngữ mà tôi không hiểu gì cả, chẳng khác nào đó là một thành ngữ dã man. Ngày nay, tôi chỉ còn nghe được một nửa phương ngữ của đảo và không có một công chức nào còn ở lại đủ lâu để hiểu rõ được ý nghĩa của nó.

Gần ngay chúng tôi, Jacobus Uz nghiêng cái đầu với mái tóc nâu dài và lắng nghe, mắt nhìn chăm chú. Khi người ta gọi tên ông, ông giơ cánh tay lên một độ cao khác thường, như một cột buồm! Rồi ông vờ những tờ báo, những cuốn sách, quyển vở với những ngón tay dài xoè ra. không có thư cho ông ấy. Người ta đưa cho ông bưu phẩm với một kiểu rụt rè kính cẩn, gọi cho tôi thấy vai trò quan trọng của ông ở trên đảo khiến Người ta vừa tôn kính lại vừa khiếp sợ. Ông cuống cuống nhét chiến lợi phẩm vào ngực và lại bắt đầu lắng nghe, bộ mặt trắng bệch dài đuồn của ông cúi xuống dưới cái bườu của ông.

Đứng bên cạnh ông ấy là bác sĩ Orebro, cao lớn và cồng lưng, tóc tro lảng bóng sau tai. Khuôn mặt lo lắng của ông được bao bọc bởi làn sóng nhẹ nhàng của mớ râu bạc. Ông nhìn thuyền trưởng qua đôi mục kính. Ông liên tục đưa lưỡi liếm môi như thể ông đau khổ vì một cơn khát không thể nào làm dịu bớt và cảm thấy ỏ sạt bên nước.

Những bó báo, gói hàng, cuốn sách người ta trao cho ông đều biến mất dưới áo khoác, sau đó ông lại vênh tai và quan sát thuyền trưởng như trước.

Ông bác sĩ và Jacobus Uz chốc chốc lại thêm thường dòm ngó nhau để ước lượng những thứ được tương ứng của họ, rồi họ gấp chặt hòm bưu phẩm của họ vào ngực.

Đêm tối om nhìn chúng tôi qua từng tấm kính dưới cái trần thấp. thấy đêm, tôi đoán hai người kia đi tìm vũ khí của họ ở đâu.

Phía trên các ngư dân, ngay cả những người cao nhất, hoàng thân dựng lên cái hình chim bồ nông của ông, nó đổ xuống bức tường một cái bóng lố bịch. Người ta tưởng như thấy cái hình nhân ghê gớm của cái đầu người chết khổng lồ. Khi giọng rít gió đọc tên Đức Ông Điện hạ (sau này giọng đó nghe như giọng của thương gia già Gergers Gravemand), hình người cúi nghiêng theo một cử chỉ hách dịch và một bàn tay nâu hơi run, của "bộ trưởng" Hans Hofmann giờ ra liền để cầm các lá thư.

Không khí trong phòng giảm tới cùng đối với tôi, tôi cảm thấy nó đập vào thái dương tôi như thể đó là hơi thở nóng bỏng và giật giật của tất cả những hy vọng, của tất cả những thất vọng ấy. Tôi đã bị giày vò bởi sự tuyệt vọng dã man của cảnh quanh hiu, bởi cái đói, cái khát biến cố mới, nó đã có thể

đốt cháy tôi trong bao năm mỗi lần buu phẩm đến chỗ Gravemand. Tuy vậy, cũng như phần lớn những người ở đây tôi không bao giờ có thể đợi được một bức thư riêng nào.

Hai khuôn mặt thất vọng đập vào cái nhìn của tôi. Khuôn mặt của người mẹ và đứa con gái ở trên bãi biển. Hai cánh tay của đứa con ôm lấy người đàn bà. Hai mắt sáng lên, môi hé mở, nó nghe tiếng rít lên sau đám người chuyển động. Nhưng khi những tiếng gọi im và đám người bắt đầu chạy đi, nó ngẩng khuôn mặt xanh xao của nó lên nhìn mẹ;

- Mẹ ơi, không có gì cho chúng ta, không có gì từ đây ư?

- Không, Agnete ạ - bà mẹ lắc đầu trong chiếc khăn trùm đen – lần này không có, nhưng..

Cái nhìn của nó loé lên một ánh sáng chói sắc.

- Mẹ ơi, lần sau.

Hai mẹ con quần chặt lấy nhau, lướt nhẹ trên mặt đất, chạy biến vào bóng của một cửa hiệu có treo những cái chổi trên trần, bóng đèn đưa, và dừng lại đột ngột, bốc lên mùi cá chình, cá trích, mùi nhựa đường và rượu.

Cả đoàn người đi theo hai mẹ con và khi Malene và tôi đi đến dưới mái che lợp rạ, chúng tôi thấy họ tản ra từng nhóm nhỏ được che chở dưới những mái nhà khác thấp đến nỗi hình như những cư dân phải trở về nhà họ bằng cách bò.

Những bóng thon của hai mẹ con trôi hoàn toàn trên cát và biến mất giữa các ngọn đồi.

- Không có thư cho họ rồi! – Malene thốt lên.

- Họ đợi một lá thư à?

- Người ta luôn đợi thư trên đảo này, khi người ta còn sống – Malene quay sang phía tôi – Nhưng ngược lại anh đã đến...

Một nỗi sợ điên cuồng lại xâm chiếm tôi, nỗi sợ trước một ngọn lửa mà tôi không thể tránh khỏi, bởi vì nó bốc cháy trên toàn đảo, khó dập tắt hơn, đã man hơn giữa biển khơi này so với ở nơi khác. Hơi thở nóng của Malene thổi ngọn lửa này qua mặt tôi, tôi cảm thấy nó trong đôi mắt đen vàng, trong nụ cười, trong giọng nói màu mè dịu dàng, trong tất cả những gì cô nói:

- Anh xem!

Cô nắm cánh tay tôi, chỉ ngón tay vào một lối đi nhỏ giữa những chuồng ngựa của hoàng thân và bức tường của nghĩa địa.

Tôi nhìn thấy hai bàn tay trắng của xác chết với những ngón xoè giờ ra, trong khoảng trống hay về phía tôi?

- Đó là hoàng thân – Malene thì thầm – Anh có để ý ông ấy ghé nhìn anh ở nhà Graveman không? không à? Nhưng tôi trông thấy con mắt của ông ấy. Anh là một mối lợi hại bất ngờ đối với ông ấy đấy. Ông ấy vẫn thường làm chuyện giờ chững ấy mỗi khi tàu đưa đến cho chúng tôi một

người trẻ tuổi.

Tôi rùng mình đi sát vào Malene, vào đôi hông tròn, hai vú căng phồng, hơi thở nóng hổi của cô, như sát gần một chỗ trốn tránh những bàn tay tử thi đang hiện ra với tôi ở kia.

Hoàng thân đã nhìn thấy tôi ngya rồi ư? Ở đâu tôi có thể trốn ông ấy được đây, ở đâu tôi có thể trốn khỏi cô gái đang đi bên cạnh tôi?

- Hà, hà. Tôi đã chẳng bảo anh rồi sao, anh sinh viên? Cô ấy đã phát rồ, Malene đã ngoắc ngay vào anh. Để rồi, xem anh có thể đáp ứng cho cô ấy, đồng thời cho hoàng thân không. Vậy nhìn xem ông ấy hoạt động như thế nào ở kia.

Đó là giọng nói lúng búng của thương gia hét lên với tôi mấy câu ấy.

Trán tôi đỏ bừng, tôi nhìn Malene nhưng đôi mắt to rực cháy và ánh vàng của cô cười với tôi. Tiếng cười trong tròng của thương gia vang lên sau lưng chúng tôi, kèm theo với tiếng cười khàn khàn của thuyền trưởng.

- Chào Mons Flade, chào thuyền trưởng Tonnessen – cô nói rất dịu dàng, cứ như cô chưa nghe một lời xúc phạm nào.

Hai người đàn ông chào cô. Trong khi chúng tôi đi qua bãi cát rộng mênh mông lác đác những cây thông bé tí, Tonnessen cầu nhàu:

- Lạy trời, tôi muốn cho cái lão nhỏ bé gầy gò chiếm được con quỷ cái ấy lắm, nhưng rồi con này sẽ đốt cánbê lão kia mất thôi, chắc chắn là thế. Tôi không dám gặp những cái nhìn của Malene, nhưng tôi cảm thấy đôi mắt của cô trên tôi như hai chấm lửa.

Cô ấy nâng váy váy và bắt đầu bước lên các bậc thang nhà cha xứ. Tôi thông thả đi theo cô. Trong khi chúng tôi leo lên cái cầu thang mục giống làm bằng xương người và tôi ngắm nhìn con người béo mập trong chiếc váy bó sát đi phía trước tôi đến những cửa kính âm u của ngôi nhà, tôi có cảm tưởng là tôi hiểu hòn đảo. Tôi hiểu những gì Malene đã kể cho tôi về cô con gái của bác sĩ, về Jacobus Uz, về người gác đèn pha.

Tôi thấy hình như tôi leo trèo trên những ngón tay tử thi của hoàng thân đến tận nắm mồ của ngọn đồi.

Malene quay lại đột ngột và ngả hẳn người ra đằng sau, vú đậm nổi lên dưới vạt áo và đầu ngửa về sau lưng, hai mắt nhắm lại, cô chìa môi với tôi.

Mớ tóc đen và nhẹ của cô lướt trên chân tôi, hai bàn tay cô trắng ra vì giữ chặt tay vịn cầu thang, hơi thở cô đập vào mặt tôi như một ngọn lửa.

Trong khoảnh khắc đó tất cả các cửa sổ của nhà chói lên giống như những con mắt long lanh, rồi ánh sáng của nó biến đi với chùm tia sáng của đèn pha.

Malene trèo lại thật nhanh và tôi lão đảo hồi hải theo sau váy của cô.

Đi qua một lối vào ảm thấp và tối tăm chúng tôi đến trước một cái cửa mà Malene mở thật mạnh.

Một khuôn mặt xanh xao được chiếu sáng lờ mờ có vẻ như trôi tự do trong bóng tối căn phòng dưới những xà thấp và cửa ra. Một trong hai con mắt chìa vào tôi, mắt kia che bằng một mảnh giẻ đen. Cái đầu hói như quả trứng. Tôi nhận thấy trong căn phòng rộng những hình không rõ ràng của một cái bàn tròn, một cái tủ đóng vào tường, một chiếc đồng hồ.

Chung quanh chúng tôi lan ra một mùi đất. Có đúng là chúng tôi đã vào trong một quả đồi mồ mả?

- A...i...đâ...ây? – một giọng nói ấp úng và một cái đầu lắc lư, người ta cứ tưởng nó đã lia ra khỏi thân – A...i...đâ...ây...?

- Đó là anh sinh viên, anh ấy sẽ là thầy giáo ở trường của ông. Anh ấy đến theo tàu Coquillage – Malene trả lời, vừa đi qua phía sau chiếc ghế bành. Cô ấy ngẩng cao đầu như một con rắn ngóc đầu lên.

- Này! Này! Này! – cái vỏ trứng nói, và con mắt độc nhất loé ra một ánh sáng laón tinh – Chào người mới đến, người mới đến. Hừ! Hừ - một bàn tay xuất hiện ở đầu một cánh tay như một bàn tay hình nhân – anh sắp sửa thay tôi. Hi! Hi! Malene có nói với anh không?

Và quay lại trong chiếc ghế bành, ông ấy thọc một bàn tay như một bộ móng vào trong vai của người phụ nữ.

Cô nhìn tôi mỉm cười với nụ cười nóng bỏng và sâu xa, không hề ngượng nghịu trước một con mắt có ánh chiếu màu lục hay trước con mắt mù kia mà từ đây hình như đưa lên về phía cô và tuổi trẻ bùng sôi của cô, điềm báo bệnh dịch hạch hay cái chết.

- Này, ông sinh viên, ngày mai thứ bảy ông được tự do. Nhưng ông sẽ bắt đầu dạy học cho bọn trẻ, còn tôi thì...Hề! Hề! Malene, Hề Hề! - cái hộp sọ trắng lắc lư, trong khi cánh tay quàng lấy cổ Malene và cô này thì vẫn tiếp tục mỉm cười với tôi.

- Chỉ phòng cho anh sinh viên, chỉ cho anh ta một lần đã! Nào, mong cho anh ta ở lại đảo cũng lâu bằng tôi và chúng ta sẽ thấy...Ê Malene, Ê... Cô ấy lắc đầu, vẫn cười, rồi cô biến mất trong đêm để xuất hiện lại ngay liền, tay cầm cây chân đèn bằng sắt có thấp nền.

- Cô đi đi, nhưng về ngay với tôi, và nhanh lên nhé.

Mục sư đập mạnh bàn tay xuống bàn, ông ta cười gằn và đầu ông lặn giữa những tai ghế chìa ra hai bên như những cánh dơi.

Malene đi trước tôi, dọc theo hành lang và trên cầu thang dẫn tới nhà kho lạnh lẽo toả ra mùi rạ. ngọn lửa của cây nến chiếu với ánh sáng chập chờn lên mái rạ, cá khô và một lá buồm lớn. Qua một cái cửa gỗ chúng tôi vào giữa những bức tường quét vôi và cũng lúc ấy ánh sáng cây đèn pha đổ vào cửa sổ, cắt bóng tối như một lưỡi gươm.

- Anh hãy ngủ ngon.

Malene đưa qua trên mặt tôi những ngón tay nhẹ của cô giống như chân con

mèo, và biến mất sau cánh cửa mà cô đóng lại với tôi.

Ngọn nến rung rinh trước luồng gió. Tôi trông thấy một cái bàn mọt có rãnh, một màn che lớn trong góc và một cái giường hẹp sơn đỏ. Một lò sưởi tròn bằng đất trong một xó có vẻ như con ma đêm ngồi xồm áp vào bức màn với màu trắng quý quái.

Tôi ngồi im giữa gian nhà áp mái, hít không khí ẩm và lạnh mùi mốc. Bỗng nhiên tôi nghe từ phía dưới đưa lên một tiếng cười vừa lè nhè vừa man rợ, rồi ngay sau đó một giọng nói đầy đặn và tròn trịa, tiếp theo còn vài lời áp úng nữa.

Đó là những lời nói của mục sư và Malene! Ghê sợ quá, tôi ngã vật xuống một chiếc ghế trước cái bàn trong khi máy chiếu đèn pha loé lên trong đêm. Người gác ném xuống đảo lưỡii gương đã châm lửa của con tức giận từ trên cao ngọn tháp sáng lấp lánh, từ đó anh ta đã dồn vợ anh ta xuống vực chết? Tuy nhiên, tôi đã quá mệt mỏi sau hai ngày đi biển, sau tất cả những gì tôi trông thấy và dự đoán trong đám đông mà mắt tôi đã tự nhắm lại bất kể nỗi lo sợ và hy vọng của tôi. Trong khi ngủ, tôi thấy lại trong trí hai người trẻ tuổi sánh vai lao động trong nắng chiều để xây tổ ấm của họ. Và khi biết tôi mỉm cười, đau buồn vì đã quên mất hòn đảo mà tôi đến là gì.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm. Khi mở mắt tôi chỉ trông thấy bầu trời âm u, một cái vung bất động bằng đá.

Cảnh này làm tôi lùi lại như thể tôi ở trước số phận của mình. Tôi đã trông thấy tôi cúi còng, bạc phơ, là một ông lão tiêu tụy, lang thang trong hoang mạc đóng kín vì cuộc sống dưới vòm trời tù hãm này.

Trên giường với cái chăn quá mỏng rất lạnh, tôi ngắm nhìn những bức tường trơ trụi, cái trần nhà nứt nẻ, cái cửa sổ không mái che và bản thân tôi trong tấm gương đầy hơi nước đọng.

Chính là tôi chứ không phải ai khác đang ở trong căn gác áp mái này, chính là tôi đang mò mẫm dưới bầu trời ẩm đậm cho đến khi tấm gương đó đưa lại cho tôi hình ảnh mà tôi chưa biết nhưng chính lại là của tôi.

Chiếc đồng hồ Bornholm cũ ở phòng phía dưới đánh bảy tiếng. Tôi rùng mình khi nhớ đến hai người đang sống ở phía dưới tôi, nhớ đến những người trên cả đảo này, và tôi cầu Chúa để Người cho phép tôi ở lại trong căn phòng nhộp nháy âm thấp này để cho cánh cửa vẫn đóng và không ai nghĩ đến chuyện mở nó ra. Tôi cầu cho tôi được giấu đi và bị mọi người lãng quên, như một đồng tiền không thể lấy được trong khe sàn nhà.

Bỗng tiếng Malene ở phía kia cánh cửa.

- Dậy thôi anh sinh viên, dậy đi, bảy giờ rồi!

Chỉ nghe thấy cái giọng vang này tôi cũng đã tưởng như cảm thấy hơi nóng bàn tay của Malene trên mặt tôi. phải chăng đó chính là mặt trời gọi tôi?

Tôi quay lại phía bức tường lạnh giá, cầu cho nó dựng lên giữa mặt trời và

tôi hơn là giữa tôi và những đám mây xám xịt dày đặc. Tôi nhắm mắt lại. Nhớ đêm cuối cùng ở Copenhagen tôi trông thấy Dorete ngồi ở bên giường tôi. Tôi giấu mặt dưới vú và tôi thấy hình như tôi ở dưới những cánh cửa của vĩnh hằng.

Nhưng tôi run lên vì đói và vì rét, tôi không biết vì sao tôi lại là tù nhân dưới bầu trời xám này. Tôi rùng mình và quyết định mặc quần áo vào, đi xuống. Tôi gõ hồi lâu ở cửa căn phòng lớn. không thấy trả lời. Tôi đi vào và thấy bữa ăn dọn sẵn cùng một ly sữa ở một đầu bàn. Trong khi nhai bánh mì cứng, đắng và uống sữa, tôi ngẩn hoang mặc qua các cửa kính không có màn che. Hơn bao giờ hết tôi thấy mặc cảm về kiếp nô lệ của mình.

Malene thò đầu qua cánh cửa mở hé:

- Chào anh sinh viên! Tôi phải ở lại bên Schwartzflugel. Bệnh thông phong làm ông ấy đau dữ dội hôm nay. Chúng ta sắp có bão đấy. Anh ăn sáng đi. buổi trưa chúng ta sẽ cùng ăn.

Vâng tôi đã tìm thấy bữa ăn và sẽ trở lại ăn vào buổi trưa, cũng ở cái bàn này, cũng ở trên đảo này, mãi mãi, cho đến khi Chúa đến giải thoát cho tôi. Tuy thế một ý nghĩ an ủi tôi: Malene bị giữ lại chỗ ông mục sư đang ốm, bàn tya cô sẽ không đặt lên mặt tôi, hơi thở nóng của cô không làm tôi kinh hãi nữa.

Tôi đưa mắt nhìn quanh gian phòng với những chiếc xà nhô ra, những cửa sổ có ô kính nhỏ, trần bằng đất đắp không phẳng, với cái lò sưởi ba chân trang trí bằng những điển tích Kinh thánh đắp nổi đã han gỉ. không khí ngửi thấy mùi tù hãm, mùi dầu nóng, mùi gỗ mọt, mùi đất ẩm. Ý nghĩ của tôi hình dung ra tất cả các mục sư đã không nghĩ, bước trên mặt đất này, đã đạp nó bằng những đôi giày, đôi guốc, đôi ủng, đôi giày vải, những mục sư ngồi trên các ghế dài đóng vào tường, đã nhìn trên cái lò đoàn người đi theo các vua Mages, hay Tobie vbcon la, hoặc Ruth rời bỏ nhân dân và xứ sở của mình ở chỗ giáo đường.

Tôi thấy họ khắc cái ghế bằng những con dao cùn của họ, ngủ gật ở cái bàn dài trên quyển Kinh thánh hoặc bình rượu bia. Tôi nghĩ đến những thầy tu thời Thiên chúa giáo, những mục sư trong thời kỳ đầu Cải Lương bước chân đầy lo sợ xuống hòn đảo nhỏ cát sỏi này để ngủ ở đây, mơ màng ở đây, làm việc ở đây co đến giờ giải thoát. Hoặc là họ thà chạy trốn, từ bỏ công danh, lợi lộc, sự cứu độ vĩnh hằng, còn hơn là sa lầy ở đây. và những người khác, những người không bao giờ đối đáp lại những kẻ không may, những người say, những kẻ trơ trẽn từ lúc đến để trốn tránh, đã làm ô nhiễm không khí của hòn đảo khi họ không thực hiện sự cứu độ của họ ở đây mà lại trở thành những con người....

Tôi bỗng thấy ánh sáng mờ trong phòng tựa như chứa đầy những hình người lớn, nhỏ, bệ vệ, mảnh khảnh, già trẻ, đều mặc thoe kiêu cách lứa tuổi

mang tóc giả, buộc tóc gáy, đeo cà vạt trắng, mặc quần quy lốt ngắn. Tôi nghe âm giọng nói của họ, danh thép, thân thiện, mắng mỏ hay kêu ca. Những cuốn sổ thầy tu trên những cái giá gáy bám đầy bụi kia chẳng phải đã có bao nhiêu bàn tay giở ra rồi sao? Những bàn tay thờ ơ, những bàn tay chu đáo đã ghi lên những trang giấy hoen ố bởi vết bìa hay vết nước mắt những cái tên mà giấy khai tử của những chết của họ cũng được chép trên cùng một tờ giấy. Rất ít người sinh ra và chết tại đây!

Người ta hít thở một bầu không khí nhà tù ở đây, nơi những người xa lạ của đảo đã sống, và hôm nay, từ chỗ tôi đang ngồi, tôi cảm thấy cái nhìn xám xịt của hoang mạc đang bắt gặp tôi qua kính cửa.

Trong khi gọi lại cho tôi những giờ cô độc, đau khổ và nhớ nhung của những thế kỷ qua, tôi thấy hình như một tia của những ngọn lửa đã tắt từ lâu trong cái lò cũ đến đập vào tôi.

Tôi cầm vội mũ sinh viên của tôi và chạy ra cửa như thể tôi có thể vượt qua ngưỡng cửa chạy về nhà tôi phía trên biển cả. Nhưng tôi đã dừng lại trong khung cửa cũ kỹ trước hoang mạc âm u, tôi đã dừng lại như bao người đã làm trước tôi. họ sống lại trong tôi, những người chết đã vượt qua ngưỡng cửa để chạy trốn ra ngoài bóng tối nhà mồ của căn phòng hoặc nắp bên trong, xa tiếng gầm của biển, kẻ cai tù của họ.

Vẫn là cái tiếng kêu vang lên xung quanh đồng cát và đá đỏ, tôi ở trong chỗ trú ấy, ngôi mộ ấy.

Ở bên kia biển khơi tất cả đã thay đổi. Một người của những thời quá khứ tỉnh dậy trong quan tài của mình sẽ trở về đây nhanh chóng, như về nơi quen biết duy nhất. Nhưng ở đây ông ta sẽ tìm thấy lại những dấu tích của mình không bị xóa đi trong cát và nó sẽ đưa ông ta về ngôi nhà thân thuộc.

Tôi có thân khác gì một kẻ trở về từ những thế kỷ đã qua, thế kỷ XVI, XVII?

Có không, một sinh viên đói khát, kiệt sức ngày xưa đã ở trên đảo này, đã lang thang trên hoang mạc, đã nghỉ ngơi dưới bóng nhà thờ trên cao kia?

Tôi có cảm tưởng mình đang mặc quần áo lố lằng xa lạ và thậm chí đang cư trú trong thân người khác, những gì tôi đã trông thấy và cảm nhận ở Copenhagen là ngoài sự thật. Ngoài sự thật là con đường sắt của Roshide, là tàu thủy chạy hơi nước của Sund, là lâu đài sáng chói của Colbjornson, là các bài giảng của giáo sư Honorius về trí tuệ con người, kẻ sáng tạo vẻ đẹp, nhưng ngoài sự thật ngay cả nụ cười hiền hoà ngây thơ của Dorete, căn phòng của cô ấy, mạng đăng ten của cô ấy. tất cả cái đó là không thể nghĩ ra ở đây, trên ngưỡng cửa của nhà mục sư mà từ đó tôi ngắm nhìn hoang mạc. Và dù sao tôi cũng thừa nhận rằng tôi mặc quần áo của chính tôi, tôi sống ở thời đại của tôi.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu
Chương 4

Tôi sẽ xin phép mục sư Schwartzflugel tìm trong những quyển sổ bám bụi, những dấu vết của người tiền nhiệm, mà tôi tin là có, để nghiên cứu tường tận hơn những vết tích đó, để một ngày kia người tiếp theo tôi có thể theo dấu vết đó đến các nấm mồ.

Đi xuống các bậc thang cũ kỹ đến tận con đường cát, tôi nhìn phong cảnh mà người kia có trước mắt trong mỗi ngày của đời ông ta. Ở đây người ta chết già!

Như chiều hôm trước, nhà thờ dựng lên bầu trời xám, phía trên những mái rạ tua tủa. Những cây màu vàng hoặc đen xanh trong vườn hoàng thân và ở nghĩa địa có vẻ như những cái bông cải héo. Những quả đồi nghiêng sườn cỏ xanh ở phía trên đồng nhà xúm xít và trên hoang mạc, phòng khiêu vũ của thần chết và bão tố, trải ra ở đằng sau.

Sự nhận thức về cuộc sống trên đảo đã thấm mạnh vào trong tôi. Không phải chỉ cho cuộc đời tôi thôi, mà còn cho cả cuộc đời của người đến trước tôi và cho cuộc đời người sẽ kế tiếp tôi, tôi đã phải buồn phiền ở đây ngày này sang ngày khác, năm nọ sang năm kia.

Tôi đang đi hơi chệch khỏi con đường dẫn đến những cồn cát mọc đầy cây guốc bê, nhưng vẫn nhìn thấy bức tường vàng của nghĩa địa và sự yên bình của những cây tần bì cổ thụ thì bỗng một tiếng huýt đập vào tai tôi và một hòn đá rơi xuống bên cạnh tôi.

Tôi rùng mình khi nhận thấy một người trẻ tuổi trạc tuổi tôi với những nét khác thường, xanh xao dưới cái mũ chòm đội trên mớ tóc đen của anh, một bàn tay còn đu đưa sau cú ném. Bàn tay kia cầm hòn đá thứ hai.

- Những người lạ - anh cầu nhàu – bọn nước ngoài!

Nét mặt anh nhăn nhó. Anh giậm chân xuống đất như thể nó là của anh và dọa tôi bằng hòn đá. Rồi anh bỏ đi, quay lại bên này bên kia với vũ khí dài và nhọn như một cái nêm.

Tôi vô tình nhìn xuống cái anh vừa ném và cầm trong tay cái rìu bằng đá của thời nguyên thủy. Anh ta có lý, tôi đâu có quyền được xem là dân của đảo. Hậu duệ của những người đã chế ra lưỡi rìu và cái nêm ở nơi quanh hiu hoang dã này đã có trách nhiệm về sự cô lập vô vọng của đảo, đã xua đuổi người lạ từ lục địa đến.

Và, trong khi cầm giữa những ngón tay hòn đá đầu tiên đó tôi liền tìm được hàng trăm hòn khác tương tự. Tôi đã siết chặt lần đầu tiên cái bàn tay cầu khẩn, cái bàn tay lạnh giá đã chết của một người bản địa của xứ sở.

Tôi ngã thụp xuống nền cát và và những tiếng nấc dâng lên khi nghĩ đến

tương lai vô tận trước sự đe dọa của những cuộc ném đá đến chết khác. Người kia dừng lại vùng hòn đá với vẻ nhạo báng và hất đầu như làm một dấu hiệu phản đối thâm lặng.

- Anh đến làm gì ở đây, anh đến muộn quá rồi – hình như anh nói với tôi.

Trong cơn kinh hãi, tôi vẫn cầm trong tay hòn đá của tôi và đi theo con đường ngoằn ngoèo dẫn đến chỗ có nhà cửa. Những mặt trước nhà với những ô cửa kính cầu bần nhìn tôi sau những bức tường gạch xù bằng đá và những khu vườn trồng cây ăn quả cong queo.

Những cái lưới đánh cá ở chỗ ngoặt phố hình như muốn giam tôi vào trong các mặt lưới căng ra trên đồng đá có lẽ là dùng để ném vào tôi. Mùi hôi thối của phế thải cá phải chăng là dành để đầu độc tôi?

Tôi đi lách dọc theo hàng rào trogn vườn của hoàng thân với những cành cây tua tủa, và tôi đi qua trước những cửa sổ có những chậu hoa bằng sứ vùng Saxe cổ, rồi tôi đi vào trong lối ngang tối tăm giữa chuồng ngựa những cây lý chua um tùm. Đường ra nghĩa địa. Những bàn tay người chết của tôi hôm trước phải chăng vẫn tóm lấy tôi?

Những cửa sổ nhà hoàng thân cũng mở ra phía ấy. Nhưng không có một khuôn mặt nào rình rập tôi sau các kính cửa tối đen, không một tiếng động nào vang lên từ ngôi nhà gỗ lớn sơn trắng. Cứ như hoàng thân chỉ là một hiện hình ban đêm, do đêm tối đen đêm tối giữa các cây Thánh giá nghiêng ngả và các ngôi mộ thật im ắng. Tôi có thể tin rằng chỉ có mình tôi ở trên đảo với những người chết.

Tôi ngồi trên một bức tường đổ, tưởng tượng ở đây mình là người sống sót duy nhất của thời kỳ đại dịch hạch. Góc chuồng nhà thờ cúi xuống cái cổng gỗ chạm khắc và gạch lát của cửa vào mà những bước chân nhún nhảy, kéo lê giẫm lên đây vào đêm các lễ rửa tội, các hôn lễ, trang lễ đã không xoá hết được những dấu khắc tên người chết của thế kỷ XV.

Những cây tần bì cổ thụ vươn những cành bão đập vào bức tường nhà thờ bị mưa làm nứt nẻ, và bằng những cánh tay giơ ra đó hình như chúng muốn thu hút các nấm mồ xuống dưới nơi ẩn náu của chúng.

Những bụi guốc bê nhô ra trên nền lát đá. Những người chết xưa kia đã sống giữa những cây guốc be6 và những hòn đá, ngày nay họ nằm nghỉ giữa những cây guốc bê và những hòn đá. Những ngôi nhà nhỏ một ruộng, tường trát đất cũng khó nhớ lại được những cái tên thì thảo ở dưới đó. Nhưng người ta có thể đọc các tên đó sau một tấm kính mờ.

Những bia đá mộ chí lớn trong các vòng hoa trường xuân mang những tên ngoại quốc, tên Tây Ban Nha, tên Hy Lạp... Nó nhắc đến các đoàn thủy thủ của hai con tàu lớn bị mắc cạn trên những đá ngầm của đảo và mất đi giữa thời kỳ Noel trong những năm cuối cùng của thế kỷ XVII

Nghĩa địa hẹp quá, tôi ngồi ở góc nào cũng có thể nhìn bao quát được hết. Thế nhưng nó chứa đựng thế giới những thời xưa nhất, những nơi xa nhất. Mỗi mảnh đất là tro bụi của con người, trong lúc đó chỉ có hai tảng đá nói về nhiều người ngoại quốc đã bị một cách bất ngờ phải trải qua sự vĩnh hằng trên hòn đảo, điều mà ngay cả trong khi lên cơn sốt mê sảng họ cũng không ngờ đến. Xung quanh tập hợp một tá cây thánh giá, ở đó nằm nghỉ những con người của các xứ sở xanh lam hay là vùng Bắc Âu. Tất cả họ từ đây thuộc về hòn đảo, họ hưởng những quyền như nhau. Họ không căm ghét nhau, không ném đá vào nhau ở trên hòn đảo nhỏ bị ném ra giữa biển khơi trời rộng này.

Một ngày kia, tôi cũng thế, tôi sẽ nằm bên cạnh những người khác khi tôi đã có quyền chiếm chỗ cho mình.

Một ngày kia, vâng, một ngày kia, nhưng từ nay đến đây... phải không? Tôi đi vòng nhà thờ đến tận cái cửa con phía bắc và đến chỗ bãi cát giữa những vỏ ốc vỡ. Cửa con mở ra hoang mạc.

Dãy dài những đụn cát tách xa ra trước mặt tôi, chúng hình như đẩy lùi nhau đi và những tảng đá tụ tập đến tận cột tín hiệu, hạ thấp xuống để lối cho tôi đi đến một khu đất đen và phẳng về phía cái động này. Khoảng không bao la mở ra cho tôi.

Ở bên phải là ngôi nhà cuối cùng của làng, dài và cũ nát, mái lợp tảo dạt. Vào trong nhà tôi trông thấy chén bát, những áo va rơi có mũ, thùng chảo, và ở trên trần, một hòm thư gì đó. Đó là nhà ở của Gravemand. Nhưng trường học ở đâu? Khi quay về tôi trông thấy nó nhìn xoáy vào tôi bằng những con mắt sâu hóm. Nó được dựng sát tường của nhà thờ, ẩn dưới những cành lá và chùm quả tàn héo của một cây com cháy.

Một lúc, tôi tưởng là nhìn thấy hiện ra sau những cửa kính tối đen một khuôn mặt xanh xao vừa vụt biến mất. Bước lên các bậc thềm đã mòn lõm vì thời gian, tôi đi qua dưới phần nhô ra của mái rạ như thể tôi phải đi tìm bản thân tôi trong nhà này. Hành lang tối om và có hòm vòm toả ra mùi thối rữa. Tôi đẩy một cánh cửa, một tia sáng yếu ớt đổ lên trên các giá chứa những cặp sách và những giày vải để học sinh đi thay vào sau khi bỏ ra những đôi guốc dày bùn hoặc tuyết.

Tôi cúi xuống dưới thanh lanh tô quá thấp và đi vào trong lớp học. Mùi mồ hôi, mùi ẩm ướt, mùi băng đá ướt vì nước dãi, mùi sách mốc thấm đọng trong căn phòng, dưới những xà nhà nặng nề, đằng sau những cửa sổ bé tí trắng ra vì phấn và mái nhà nghiêng rũ bóng che xuống.

Những chiếc bàn học nhỏ cao đến đầu gối tôi. Tôi ngồi nghỉ trong chiếc ghế bành bằng rom trên bục, tựa đầu vào băng đen.

Vài ba chiếc ghế dài với những cái bóng mơ hồ, chất lên thành đồng như những mảnh gỗ trôi dạt, một cái lò sưởi bằng sứ lộ ra ở trong một góc

phòng. Trên bức tường cái bản treo một bản đồ và vài tranh vẽ các con vật. Ở đầu đây trong bóng tối vẳng lên tiếng nắc liên tiếp của một chiếc đồng hồ. nó chỉ dài không đầy bảy bước chân và rộng năm bước, cái phòng mà ở đây tôi sẽ hoàn thành công việc của tôi, cho đến khi kết thúc mọi công việc!

Tôi ôm đầu trong hai bàn tay. Chiếc ghế bành rom rít lên, tôi nghe quần áo tôi sột soạt. lại một lần nữa tôi có cảm tưởng tôi là nó, chàng sinh viên trẻ của thế kỷ XVII đã ngồi ngay trong phòng học này. Tôi cảm thấy nó trong tôi, nó thay thế chính trái tim tôi, chính máu của tôi bằng trái thơm của nó đang đập trong ngực tôi, bằng máu của nó đang chảy trong huyết quản tôi. Tôi cảm thấy tiếng nói của nó vang trong họng tôi và những bàn tay áp trên mặt tôi là của một người lạ.

Bây giờ tôi chắc chắn nó đã sống, chắc chắn rằng đã có một người đến trước, cũng như là sẽ có một kẻ đến sau. Tôi nhận ra năm tháng trôi qua trên thân thể nó, của nó, những đầu gối của tôi mất đi dáng tròn trĩnh, những khuỷu tay tôi rắn lại, những nếp nhăn phủ trên mặt tôi, và tóc tôi mỏng đi sau gáy run rẩy dưới cái lạnh rí vào qua các bức tường.

Như là tôi ngồi ở đây, tôi đã héo tàn. Trong bóng tối chứa những khuôn mặt không ngừng khác nhau, những hơi thở nóng. Thế hệ này nối tiếp thế hệ khác.

Từ những tro bụi của tôi chậm chậm sinh ra một sinh viên trẻ, mới để dẫn dắt cho cuộc đời từ trên cao của giảng đài này, những đứa con của một thế kỷ mới...

Trong sự nửa thức nửa ngủ hồn ma của tôi, tôi mơ hồ nghe tiếng guốc đi đến gần, một tiếng động khẽ hình như đến với tôi từ trong lòng trái đất. Bóng tối đến từ mái nhà làm tăng thêm sự tối tăm của những đám mây, tôi cảm thấy xung quanh tôi sự to nặng của các bức tường đất và sự yên nghỉ của ngôi mộ. Tôi đã kết thúc thời gian của tôi, một người khác có thể thay thế tôi. Khi tỉnh dậy, mặt áp vào cái bàn học có mùi mực, tôi thấy mình đang ở trong bóng tối hoàn toàn cứ như tôi đã thực sự bị rơi vào trong vực thẳm thời gian cho đến đêm trung cổ.

Tôi đứng dậy, lão đảo và đụng đầu vào xà trên trần, hay phải chăng đó là chạm vào những mảnh ván quan tài? Tôi bị chiếm lĩnh bởi ham muốn đã man được sống và tôi lần mò tìm lối ra.

Bên ngoài là buổi chiều tháng mười một. Tôi men theo các cây cúc bạc và cúc gai của nghĩa địa, đi lùi trước hoang mạc tối mịt.

Giấc ngủ của tôi đã kéo dài nhiều giờ và tôi phải đấu tranh với sự tin tưởng đinh ninh rằng những giờ đó là những thế kỷ và tôi sẽ không tìm lại được một ai còn sống trong số người tôi đã gặp hôm trước. một tiếng thở dài tỏ rõ cho tôi hiểu tôi đã rất mong gặp lại họ, những người bạn đường của đời tôi mà tôi chia sẻ số phận trên hòn đảo hẻo lánh này. Tôi mong gặp lại Malene,

và cách cô đốt nóng bầu không khí quanh cô, cảm thấy bàn tay cô xoa tan bóng tối của trán tôi.

Tôi đã quên bữa trưa trong khi lưu lại trong quá khứ xa xôi nhưng giờ đây cái đói và cái khát giày vò tôi.

Như một con chó, tôi leo lên cái cầu thang đồ nát của nhà cha xứ. dưới mái, một mảnh kính sáng chiếu yếu ớt. Trong làng các cửa sổ đều tắt, ngay cả các cửa sổ của hoàng thân. Ánh sáng duy nhất kia, ở trên cao đã tăng mau nhịp tim tôi, nó chứng tỏ cho tôi rằng tôi đã không ngủ cho đến khi nhận thức biến mất, rằng tôi không bị giấc ngủ lấy đi trong nơi trú ẩn của tôi, trong lúc đó tất cả mọi người khác bị các ngọn sóng cuốn đi. Có những con người trong nhà này, và tôi cần đến họ như con chim bị lạc trong mây cần tìm lại mặt đất. Từ hành lang tôi nghe giọng nói lạnh lạnh quang quác của mục sư và giọng nói thanh bình của Malene.

- Ô vâng, anh ấy kia rồi – và cô mở cửa bên trái, cạnh cửa dẫn vào phòng.

Tôi sợ sệt đi vào trong tia sáng chiếu lên bức tường cấu bần, một cái ghế, một cái giường rộng có màn che xung quanh. Cái đầu hình trứng của Schwarzflugel quần chiếc mũ chòm lòi ra ngoài đồng chăn.

Có phải tôi đã lơ là nhiệm vụ ngay ngày đầu tiên và tôi đã chuốc lấy cơn giận của những người duy nhất mà bên cạnh họ tôi có thể tìm thấy hơi ấm, xa khỏi sự đe dọa của trời và biển! Nhưng Malene mỉm cười:

- Này! Ông sinh viên, có phải anh bị lạc trong hoang mạc không? Anh có biết cụ già Hannes quê quán tại đảo này mà các buổi chiều đã bị lạc và mặc dù cụ ấy đã leo lên bao nhiêu cồn cát và mỏm đá để nhìn nhận các địa điểm, mặc dù cụ đã kêu gào rên rỉ khàn cả cổ mà cụ cũng không tìm thấy đường ra biển, cũng không thấy đường vào làng. Đêm tối và sự sợ hãi đã xâm chiếm cụ ngay trên hòn đảo quê hương. Mãi đến hai ngày sau chúng tôi mới tìm ra cụ mặc dù tất cả chúng tôi đã đi tìm. Hoang mạc chỉ dài một dặm và rộng nửa dặm, khắp nơi anh đi tới nó đều giống nhau, thế nhưng nó lại không bao giờ như thế. Người ta có thể chạy trên đó cho đến khi chết, ngay cả nếu người ta còn trẻ và không sợ rét như cụ già Hannes. Tôi được biết đó là lỗi tại sự cô độc.

Tôi co quắp lại trong tia sáng, lưng quay về cái hoang mạc đang mở ra để nhấn chìm tôi như thể từ trên cửa cao này tôi có thể rơi xuống một vực thẳm không đáy.

Mùi trở chua của căn phòng làm tôi ngọt ngạt, nhưng tôi cảm thấy ở đất an toàn.

- Anh ấy ở đây à? – Schwarzflugel kêu lên như quạ - Vào đi.

Malene nhìn tôi, vừa lách ra để cho tôi đi, nhưng cô đã cố ý để cho đôi vú và bụng cô lướt nhẹ lên người tôi. Cô cười bằng nụ cười vàng rực của cô, ra vẻ

đã biết ông chủ muốn gì ở tôi. Rồi cô đóng cửa lại sau cô.

Ông già nhòm dậy trên chiếc giường to và thò cái đầu đội mũ chòm của ông ra đầu cái cổ hết thịt.

- Anh hãy nhìn qua lỗ khoá xem cô ấy có ở đó không? – ông be be như dê kêu.

Tôi không cần nhìn vào lỗ khoá hay khe cửa cũng biết rằng cái lạnh của hoang mạc đi qua khắp nơi.

- Này, anh lại gần đây với tôi.

Tôi đẩy chiếc ghế đầu con bằng gỗ mà ông chỉ cho tôi đến sát giường.

- Suyt! Suyt! – ông thì thầm, vừa đưa bàn tay làm phễu trên khuôn mặt bé quắt, nhợt nhạt sắp chết. – Cô ấy nghe qua các cửa và các bức tường, cô ấy đi rón rén như một con me ồ và biết làm cho ngay cả sự im lặng cũng nói lên. Nhưng anh hãy nghe đây, anh có biết vì sao nói chung là tôi để một người như anh đến đây không?

Ngoảnh mặt sang ông ấy, tôi thấy khuôn mặt của tôi qua ánh mắt yếu ớt của ngọn nến, trong một con mắt to long lanh của ông. Dải bọt trước con mắt kia hình như cũng nhìn trừng trừng vào tôi. Tôi nhận ra từng sợi nhỏ của cặp lông mày xám, từng nếp nhăn trên khuôn mặt nhợt nhạt, hơi thở quyện mùi cam thảo và già nua. Tôi chóng mặt vì mùi thuốc cao dán, vì nhựa đường bọc quanh chân tay bị bệnh gút và vì mùi bách xù cháy trong lò sưởi.

- Vì sao tôi cho gọi anh đến đây, anh có biết không? Anh hãy nói đi.

- Để...để dạy dỗ trẻ con, thưa ngài – tôi áp úng vừa giữ chặt thành giường trong cơn chóng mặt.

Ông ấy thì thảo:

- Anh cho rằng tôi già quá rồi không làm được gì ư?

- Vâng, tôi..tôi nghĩ...

- Hề! Hề! Tôi quá già!

Đột nhiên ông nắm lấy cánh tay tôi bằng bàn tay của ông giống như một cái móng, những ngón tay dài xanh nhợt đâm vào trong thịt tôi.

- Vì sao tôi quá già? Với cô ấy, với Abisag de Sunnam. Anh hãy xem quyền thứ nhất của các Vua, ở chương một – cô chăn cừu Israel. Có phải tình cờ tôi cũng có những quyền như David? Có phải tôi không bị rét như ông ấy, có phải tôi bị rét trong thời gian hai thế hệ trên đảo này mà người ta không mnq tôi đi, một khi người ta đã dụ tôi đến đây. Có phải tôi không bị rét như ông ấy, có phải tôi không cảm thấy cái lạnh của cái chết?

Hừ, hừ! Anh có biết thế nào là bị rét không, anh chàng trẻ tuổi? Không, tôi cảm thấy cái đó trong cái sức nóng hạnh phúc của anh áp vào bàn tay tôi, nó loé sáng trên tôi như là sức nóng của cô ấy. Không, không phải như của cô ấy, không ai như cô ấy, nó chính là ngọn lửa. Nhưng cô ấy cần phải nhường cái nóng của cô ấy cho tôi vì tôi cần nó hơn ai hết ở đây. Tôi không thể bỏ

qua một tia nhỏ nào của sức nóng này, tôi muốn tắm mình trong đó một mình tôi. Cô ấy phải là của tôi, chỉ của tôi mà thôi. Không ai ở đây có thể hưởng ngọn lửa của cô ấy. Tôi muốn nó chỉ là của tôi. Tôi có tiền, nhiều tiền, hàng túi, hàng két tiền. chg phải tôi đã rét cóng ở đây trong hơn sáu mươi năm sao? Tôi đã tìm cách để bỏ đi, để trở về với những con người, về với sức nóng. Tôi đã đề nghị làm phó hạt cho một mục sư trẻ tuổi trong một giáo xứ bé nhỏ, nhưng họ không muốn để tôi đi. Họ biết quá đi là họ sẽ không tìm được ai khác. Họ đã gửi đến cho tôi tiền, càng ngày càng nhiều tiền, tôi lại càng đòi đi. Tôi dùng tiền làm gì đây? Tôi có thể mua hạnh phúc, ánh nắng, sức nóng, bạn bè, tuổi trẻ mà họ đã lấy đi của tôi ư? Không, không có gì. Tôi đã không mua được gì cả. Tôi đã giấu tiền của tôi đi, và bây giờ tôi muốn mua tất cả, bây giờ tôi bị lạnh hơn bao giờ hết, tôi sẽ mua được tất cả trong khi mua cô ấy, cô ấy là tất cả những gì họ đã tước đoạt mất của tôi. đến lượt những người khác phải khổ, chỉ mình tôi sẽ có sức nóng của đảo. Nhưng tôi tin rằng cô ấy đánh lừa tôi, tôi biết cô ấy đã làm thế trước kia... Và ngay bây giờ tôi đã hứa cho cô ấy toàn bộ vàng của tôi, và tôi muốn cô ấy làm vợ tôi, nếu cô ấy bằng lòng chỉ trong hai hoặc ba năm còn lại cho tôi duy trì cuộc sống bằng sức nóng của cô ấy... Nhưng tôi cần từng tia lửa, ở tôi đã có bao năm lạnh giá và tôi đã 84 tuổi rồi. Vì thế anh đừng cưỡng đoạt mất sức nóng của cô ấy, anh tự đốt nóng lấy anh được, tôi cảm thấy thế ở thịt tôi. Nếu cô ấy nhường cho anh một tí xúu thôi thì, coi chừng! Coi chừng... – Bàn tay của ông quắp vào xương tôi – Cô ấy có thể bị thiêu huỷ ở trên đảo này, cô ấy sẽ không có lấy được một siling của số tiền mà họ đã trả cho đòi tôi, của số tiền mà họ đã dùng để đầy tôi biệt xứ tới đây. Anh hãy tin tôi, cô ấy biết người ta có thể mua được gì bằng tiền. Hà! Hà! Cô nàng có thể làm bốc cháy cả châu Âu lắm chứ! Vậy cô nàng cứ việc làm sau khi vua David chết. Anh hãy nghe tôi nói đây, nếu cô ấy để thiếu đói cho tôi một tia lửa thôi, cô ấy sẽ không bao giờ đi khỏi đảo được, nhưng cô ấy sẽ đốt tất cả các người và thêm vào đấy cả cô ấy nữa.

Cái lạnh mà thân thể ông già toát ra làm tôi rùng mình và sức nóng lúc này đến với tôi qua cánh cửa thiêu đốt tôi. Chẳng cần phải nhìn vào lỗ khoá hay cái khe nứt của gỗ, tôi cũng cảm thấy Malene đang tựa vào khung cửa rình chúng tôi.

- Vậy là anh đã hiểu vì sao tôi đã gọi anh. Cô ấy không dám tự làm ô danh với bọn thanh niên trong làng. Nhưng anh là người ở nơi khác, anh đến từ bên ngoài. Chỗ cô ấy đang mơ được đi đến, liệu cô ấy có cưỡng lại được anh không? Chính đây là cái tôi muốn biết. Còn bây giờ anh đi đi – Ông mục sư hích tôi một cái – Anh hãy thử... Tiền lương của anh? Nếu cô ấy là của anh, anh sẽ được trả khá đấy. nếu cô ấy giữ lời hứa, anh sẽ được một phần thưởng chắc chắn trong ngày mà cô ấy sẽ là vợ tôi. Còn bây giờ anh

hãy dạy dỗ bọn trẻ.

Tôi chạy trốn ra cửa, xa cái lạnh giá của cái giường này, nhưng tôi lùì lại trước sức nóng xoáy tận đến tôi như một ngọn lửa được cất giấu.

Khi tôi mở cánh cửa và chạy ra như để ập đến với ngọn lửa đó thì Malene làm ra vẻ như biến đi trong bóng tối.

Thình lình cô dừng lại để nhìn vào tôi với con mắt sáng loáng cho đến khi tôi toan đóng cửa lại sau tôi. Lúc bấy giờ cô làm hiệu với tôi, và, bối rối, tôi đi theo cô. Cô ấy đã giấu tay trong tạp dề và đôi mắt đắm đuối nhìn vào mắt tôi.

- Thấy không, ông sinh viên – cô nói với giọng thì thầm và dịu dàng – tôi biết vì sao ông ấy gọi anh đến, những người trẻ tuổi ở đây thì ông ấy không tin họ bởi vì họ đều về phía tôi. Nhưng ông ấy nghĩ rằng anh, một người nước ngoài, sẽ trung thành với ông ấy và sẽ phản tôi. Ông ấy tin là ông ấy sẽ sống hai hay ba năm nữa. Ha! Ha! Ông ấy sẽ kgsn được một năm đâu. Và lúc đó, ông sinh viên thì... Nhưng từ giờ tới đó chúng ta sẽ khôn ngoan ra.

Cô đột ngột đặt bàn tay lên mặt tôi, bịt mũi và mồm tôi. Tôi thốt ra tiếng kêu ngộp thở và đi về phía bức tường. Nỗi khiếp sợ tôi cảm thấy hồi bé ở phố Pistolet, và sau này trước những tiếng xì xào của bọn bạn, trước những lời trò chuyện của những người cùng đi trên tàu Coquillage tràn ngập trong tôi. Nỗi khiếp sợ lớn hơn sự khiếp sợ mà con người gây nên cho tôi.

Tôi lùì lại trước những bí mật sâu lắng nhất của cuộc sống, trước ngọn lửa ngẫu nhiên nó thiêu đốt cả trái đất.

Trong nháy mắt, Dorete Honorius xuất hiện. Tôi đã sống lại cái khoảnh khắc lạc đường phá hủy hạnh phúc cuộc đời tôi, tôi gọi Dorete đến cứu tôi và tôi quy xuống nửa ngất xỉu ở trên sàn.

Malene kinh ngạc cúi xuống tôi và khi tôi giơ lên phía cô một bàn tay cầu khẩn, tôi trông thấy tắt đi ngọn lửa cháy lên trong mắt cô và một cái nhìn yên tĩnh đặt lên tôi, một cái nhìn tươi cười như cái nhìn của Carsten Honorius, như của Dorete...

- Con ơi! – cô thì thầm, và cô vuốt ve khuôn mặt tôi dịu dàng, nhẹ nhàng, - Bé con khôn khổ đến đây làm gì?

Tôi oà lên tiếng nức, cô quỳ xuống bên tôi sát tường và hôn lên trán tôi. Đó là nụ hôn duy nhất một phụ nữ đã cho tôi, nụ hôn duy nhất mà tôi có thể nhận, nó báo cho tôi nụ hôn của Dorete của tôi trên thiên đường.

- Cậu bé khôn khổ đến đây làm gì? – cô ngạc nhiên nhắc lại – và cậu đói, cậu chưa ăn gì từ sáng, cậu hãy đến ăn bánh và uống sữa đi, cậu bé khôn khổ.

Khi tôi ngồi trong gian phòng rộng tối om, trước chiếc bàn nhỏ, giữa những sổ sách của nhà thờ và nuốt với nước mắt bánh mì và sữa, Malene đứng bên

cạnh tôi, một tay để trên bàn tay kia chống nạnh. Có cô ở đây làm tôi yên tâm như có lửa trong lò sưởi. Ngọn lửa từng làm tôi kinh hoàng đã vĩnh viễn dập tắt với tôi.

Khi đứng lên, tôi cảm ơn cô về bữa ăn và nói tất cả lòng biết ơn với cô trong một cái nhìn.

Hôm sau, tôi dạo chơi giữa các quả đồi đến đầm lầy, cái ao và biển. Tôi nghĩ rằng trở về qua ngọn núi Sonderbjaerg. Trong thâm tâm tôi thêm muốn gặp lại quý bà có dáng cao dong dỏng và cô bé mà tôi đoán là họ giống như tôi. Hôm kia họ đã biến mất trên con đường này và tôi biết rằng nhà của nhân viên thuế quan ở gần biển.

Tôi không dám đến chỗ ông thầy thuốc. Ông ta sống nhắm mắt bịt tai giữa mọi người, chìm đắm vào trong những cuốn sách. Ông ấy thấy tôi làm sao được? nhưng những con mắt người mẹ và đứa con gái đã tìm mắt tôi.

Suốt buổi sáng, ngồi trong căn phòng áp mái lạnh giá mái rơm, quần trong áo choàng, tôi cầm cúi nghiền cứu những quyển sách mà tôi sẽ cần đến trong ngày hôm sau ở nhà trường. Những quyển sách từ đầu thế kỷ hoặc cuối thế kỷ trước, những quyển sách dơ bẩn, rách nát qua nhiều bàn tay.

Quả đúng là tôi đã dùng những quyển sách đó để dạy trẻ con. Trong ấy không có lấy một lời về cuộc cách mạng, không có lấy một lời về Napoléon. Những đảo ở xa lục địa như là xa một hành tinh khác. Lịch sử thế giới có quan trọng gì với nó, đâu có phải là lịch sử của đảo?

Dấu vết những bàn tay đã làm bẩn hoặc xé hàng bao nhiêu trang đã ghi trong các quyển sách biên niên sử của đảo.

Ngày hôm đó cũng như những ngày khác, trời âm u, đầy mây và xám xịt vì sương mù biển. Ngẩng mắt nhìn về phía hoang mạc tôi nhận thấy xung quanh tôi một sự yên lặng, chết chóc, và tôi tự hỏi tại sao tôi đã đến đây với tư cách là giáo viên tiểu học. Tôi phải dạy cái gì đây? Cái yên lặng từ vĩnh hằng đến vĩnh hằng phải chăng rốt cục là đạo lý cuối cùng của con người? Tôi đã ăn tối một mình, mực sư Schwarzflugel còn ồm, không làm lễ nhà thờ, việc này chỉ tiến hành hai chủ nhật một lần. Malene đã đem bữa ăn cho tôi, và hai tay chống nạnh cô đã nhìn tôi mỉm cười. Cô đã nói chuyện với tôi về hòn đảo, về bọn trẻ. Rồi cô mang các đĩa đi. Sự có mặt của cô không đốt nóng tôi nữa. Tôi chỉ là một đứa trẻ, một cái bóng, một thằng điên khôn khổ, chắc thế, nhưng tôi biết ơn những gì đã xảy ra.

Bây giờ tôi đi ra ngoài để xem tôi có tìm được ai thật cần đến một thằng điên khôn khổ không.

Đi trên các quả đồi, tôi trông thấy biển trải ra trước mặt tôi trong cảnh mùa thu buồn chán và tôi dừng lại. tiếng rì rào nhẹ êm của những cây guốcbê và của cát bị gió cuốn nói với tôi là tôi đang ở đâu. Không một bụi nhỏ, không một cây nào mọc ở đây ngoại trừ những cây thông biển ngày nay còn dựng

lên những thân lùn và bị xoắn lại, bãi biển trống rỗng. Ngoài vài thùng tô nô và một lán kho tạm gần bến cảng, nhìn ra xa đến đâu, người ta cũng chỉ thấy một đường viền bọt biển và những vách đá dựng đứng đen sì mà những làn sóng đụng vào đấy đã vỡ tan và còn vỡ nữa!

Ngoài xa biển khơi mặt trời sáng chói, những thành phố vang lên tiếng ồn ào, những dãy núi nhuộm màu xanh lam, những cây cọ rung rinh tán lá biếc. Mỗi một khoảnh khắc trôi đi đều hết như một giọt vàng, trong lúc ở đây thì đó chỉ là một hạt cát. Bên kia biển người ta làm việc, người ta vui chơi, người ta chìm đắm vào trong vòng ôm xiết dịu dàng, người ta sinh ra ở trên đời. Ở đây người ta chạy như kẻ mà tôi nhìn thấy đằng kia đang đi dọc bờ biển với bước chân giật giật, cúi xuống chiếc gậy. Như nhân viên hải quan Vendelin, người ta đi vòng hòn đảo chưa đầy một phần ba dặm vuông, biển bao quanh này để trở về chỗ xuất phát, mình lấm mồ hôi, về nhà mồ, trong khi nó xoá đi mọi dấu vết...

Bỗng một bàn tay đặt lên vai tôi. Tôi quay giở lại, cứ như đó là bàn tay tử thần. Jacobus Uz đứng đằng sau tôi, nhìn tôi bằng cặp mắt nâu sẫm. Tóc ông ta bay dưới cái mũ bé tí. Tay kia ông giữ chiếc ô sau lưng.

- Anh thấy biển này rộng lắm phải không? – ông nói, vừa hát đầu về phía biển khơi. Vì tôi không trả lời, ông rú lên một loạt tiếng cười cổ họng, vừa ngửa hẳn đầu dựa lên cái bưôu của ông – Cứ chờ cho anh trải qua được một năm ở đây!

Tôi thì thầm:

- Tôi sẽ ở đây mãi mãi.
- Vì sao vậy?
- Bởi không còn chỗ nào khác để đi nữa.

Những lời nói buột ra mặc dù tôi không cố ý, tôi chệch choạng trước gió biển.

Lúc bấy giờ bàn tay của ông tìm bàn tay tôi, và trong khi trập mắt xuống tôi gặp đôi mắt ông. Tôi liền thấy ông ta đẹp biết dường nào. Khuôn mặt vượt lên trên cái thân hình dị dạng của người lùn có những nét cao quý và trong trắng. Tôi nhận thấy cái trán hẹp, lông mày vòng cung, vết sáng của đôi má không râu, tóc mềm lấp lánh và cái nhìn rực sáng đầy lửa và sâu thẳm.

Tôi có cảm tưởng ông quả thật đang mang chính tấm đá sứt ở trên lưng ông, ông là người chịu hai lần tù, tù nhân của thân thể ông và tù nhân của đảo.

- Người trẻ tuổi này – ông nói với tôi – tôi là Jacobus Uz, người giàu nhất của đảo, mặc dù đã có hoàng thân. Tôi có thể mua gấp ba mươi lần tương đương số đất của ông ấy trên lục địa, nhưng anh hãy nhìn tôi. Tôi là con của cha ông tôi và tôi không thể sống ở đâu ngoài đây. Vậy hai ta hãy liên kết theo phe nhé.

Bàn tay xương xẩu của ông siết chặt bàn tay tôi mạnh đến nỗi tôi suýt kêu

lên nếu như những tiếng đập của tim tôi không làm im đi mọi khổ đau. Bảo rằng một con người nói chuyện với tôi kiểu ấy, và ở trên bờ biển này bảo rằng đó là Jacobus Uz, linh hồn của đảo!

- Tôi biết anh là ai và vì sao anh đến đây – ông nói tiếp – Tôi cũng biết ông mục sư Schwarzflugel, và cái tổ ấm mà anh sẽ ở nhà ông ấy. Nếu tôi chưa bao giờ nghèo, thì ít ra tôi cũng đã trẻ trung và tôi đã luôn luôn có một mình. Đừng sợ tôi!

Sợ ông ta? Tôi mơ hồ nhớ đến những câu chuyện của Malene về ông ta và về người vợ gác đèn pha. Những chuyện đó có cơ sở không? Với những con mắt và tiếng nói đó?

Tôi đi theo ông trên lối đi gần như bị xoá mất giữa các bụi guốc bê. Cái đầu hồi trắng và nặng nề của nhà ông nhìn ra những cồn cát từ cái cửa sổ độc nhất tối om. Mái nhà đưa lên cao có vẻ như đang sụp xuống trên hàng cửa kính trước mặt nhà và cái cổng có lưới bằng sắt rèn. Những cột đá được nối nhau bằng dây xích bao quanh ngôi nhà.

Khi đi ngang qua trước cửa sổ đầu tiên gần đầu hồi nhà hơn cả, tôi nhận thấy ở bên trong một khuôn mặt rộng và nặng nề đè lên một cái cằm hai lớp. một cái mũ bằng da đen che mớ tóc màu nâu trơn nhẵn. Khuôn mặt vẫn bất động nhìn ra biển bằng những con ngươi màu nâu dưới những vết lông mày bồ hóng. Một cánh tay xỏ trong ống áo bằng nhung tựa vào những rèm thêu phủ khuôn cửa, giữa những vỏ sò, những hòn đá và những chậu hoa. Tôi nhận thấy màu trắng của một bàn tay khác đang cầm cây gậy.

- Anh hãy chào đi – Jacobus Uz thì thào – Đó là cô tôi đấy.

Tôi bỏ mũ nhưng đôi mắt nâu không động đậy, vẫn không thôi nhìn ra mặt biển.

Uz dừng lại trước cửa lớn và vừa rút từ trong túi ra một chiếc chìa khoá lớn, ông vừa nói:

- Anh đến đây, tiện thể anh trông thấy người khác nữa.

Chúng tôi đi theo dãy cửa sổ bị che tối bởi bóng mái nhà và đi đến cửa sổ cuối cùng.

- Ở đây anh đừng chào – ông bạn cùng đi bảo vệ bà ấy không trông thấy chúng ta đâu, đó là dì tôi đấy.

Và tôi thấy sau cửa kính một khuôn mặt đàn bà thứ hai tái nhợt như xác chết dài đuôn và hốc hác, phía trên dựng lên mớ tóc đen. Cũng như bà kia, bà nhìn bầu trời và mặt biển xám bằng mắt kính lấp loáng mà không nhìn thấy chúng tôi, đôi môi mím lại giữa các nếp nhăn.

- Anh đã trông thấy những bạn đường của tôi – Jacobus Uz nói – bây giờ anh có muốn biết những sinh linh đang còn sống ở trên đảo trải qua một ngày như hôm nay ra sao không?

Tôi rụt rè tỏ dấu hiệu đồng ý.

Ông mở cánh cửa thấp ở trước mặt hồi nhà và tôi đi theo ông đến một lối mòn dốc đứng dẫn ra biển.

Nhà của nhân viên hải quan hiện ra sau những cồn cát. Người ta có thể nói đó là một đồng tảo dạt. Cái mái gù vất vẻo như một chiếc gối trên những bức tường trát đất và vách nghệ bạc màu qua năm tháng, những cửa kính nhỏ dính đầy gi đồng , những hòn đá đổ xuống bậc thềm.

- Cái nhà này bao nhiêu tuổi rồi nhi? – tôi hỏi trong lúc chúng tôi giẫm lên cỏ ở bên rìa lối đi.

Jacobus Uz lắc đầu.

- Không ai biết điều đó. Khi dòng họ của tôi đến định cư trên đảo cách đây bốn trăm năm thì đã có nó rồi. Nhưng anh hãy nhìn nó từ trước mặt.

Như một con thú hoang nằm nấp trong những cây guốc bê của đồi, nó ngấm chúng tôi bằng những con mắt đã chết dưới cái bờm bằng tảo dạt.

Nó bị ăn mòn, han gỉ, đổ nát và què quặt gần như sắp ngã gục xuống trong sự chống chọi với kẻ thù muôn đời là biển không ngừng quật vào nó bằng bọt trắng.

Một cây lê đá với những chùm quả đen bám vào mía và hai cây xà ngang chìa ra như những mảnh gỗ trôi trong đồng tảo dạt.

- Đây không phải là nhà ở của con người – tôi thì thầm.

- Thế mà người ta đã ở trong hơn bốn trăm năm và họ đã chết ở đây. bây giờ đến lượt vợ và con thanh tra quan thuế Vendelin ở đây. Anh hãy đến xem.

Rồi ông túm lấy ống tay áo kéo tôi đến tận một cửa sổ.

Tôi thấy qua cánh cửa kính mờ xỉn đi vì nắng và muối cắn, một gian phòng có kích thước bất thường, nhưng lại thấp và tối om dưới những xà ngang khổng lồ. Những nhân vật kỳ lạ cựa quậy lặng lẽ trong gian phòng mà tôi cảm thấy hình như hoàn toàn chẳng có bàn ghế gì cả, vì bóng tối khiến tôi phán đoán như thế.

Ngồi ở giữa là người đàn bà cao lớn mà tôi tìm. Bà mặc chiếc áo màu lục, ngồi thẳng người tựa vào lưng ghế. Những giẻ rách chất đống dưới chân bà. Hai bàn tay buộc lại bằng dải băng dài, bà quay lên trần, khuôn mặt xanh nhợt đóng khung trong những món tóc xoắn.

Chốc chốc bà giơ cao những bàn tay buộc lại đó trong một cử chỉ cầu xin hoặc thách lợi, vừa ngửa đầu ra phía sau, trong khi cái nhìn của bà loé lên. Bên cạnh bà, Agnete và một bé gái khác, trẻ hơn, nhảy múa nhẹ nhàng và rầu rĩ. Chúng vung lên một dải khăn san đỏ rồi bỏ nó ra thật cao trên đầu của mẹ chúng, quẩn quanh bà, rồi cho dải khăn lượn sóng trên mặt đất, rồi lại tung nó lên trên đầu bà, không ngừng làm cho nó xoay tròn.

Mỗi lần như thế, người đàn bà giơ cánh tay lên không và hướng về phía trần những cái nhìn tràn đầy niềm vui hay đau khổ.

Những đứa trẻ khác, ba trai, hai gái mà đứa bé nhất chưa đầy ba tuổi vây quanh cả nhóm. Đứa con trai lớn nhất đội một cái vòng đồng lồi, đứng cao trên lưng ghế thấp và cầm bắt động một đoạn rễ cây quắn giây vàng và những dây thừng màu đỏ. Hai đứa tiếp theo, một trai một gái, đứa con gái đập vào không khí bằng hai chiếc đũa như thể đang đánh trống, còn đứa kia thì đưa bàn tay làm tù và trên miệng có vẻ như thổi kèn trompet.

Đứa con trai bé nhất mặc chiếc áo dài đen của Agnete đóng vai linh mục. quyển sách cầm tay, nó có vẻ muốn dùng tiếng hát bài Thánh ca, cũng như những đứa khác muốn dùng tiếng trống và trompet để làm át những tiếng kêu đau khổ hay chiến thắng của nạn nhân quần bọc bởi những ngọn lửa cuốn xoáy của dải khăn san đỏ.

Đứa bé gái cuối cùng trong số con gái nằm trên mặt đất co rúm lại bên đồng củi. Tóc đen của nó xoã ra xung quanh, nó hình như đã khóc hết nước mắt. Đằng sau tất cả chúng nó, người ta đoán ở bên kia bức tường là những bụi cây guốc bê phốt xanh rậm rạp.

- Chúng nó diễn Jeanne d Arc tuần này đây, chúng nó đang ở Rouen – Jacobus Uz nhắc tôi, vừa kéo tôi ở đằng sau.

Tôi nhìn ông ngạc nhiên. Ông lắc đầu

- Tôi biết chương trình, và luôn luôn biết đến buổi diễn nào tôi có thể tham dự ngay khi Vendelin lại ra đi vòng quanh đảo.

- Nhưng ông ấy chạy theo cái gì vậy? Và những người khác diễn trò gì thế? – tôi kêu lên.

- Anh đã nói với tôi là anh sẽ ở lại đây mãi mãi, và tôi đã thử tin, theo như cái nhìn của anh khi chúng ta gặp nhau ở trên cao, thì anh đã có thể tự trả lời câu hỏi này – Jacobus Uz nói.

- Những đứa trẻ kia quả thực trông thấy mẹ chúng cháy lên v` những con mắt của bà sáng loé như thể bà ở giữa đồng lửa.

- Anh tin rằng chúng sẽ diễn như thế tất cả các ngày, năm này sang năm khác, nếu chúng không xem trò biểu diễn của chúng thực sự là nghiêm túc ư?

Chúng tôi thông thả bước trở lại phía ngôi nhà, Jacobus tiếp tục:

- Ở đây lạnh lắm, không có một cái lò sưởi nào cả. Chính vì thế họ đã đốt giàn thiêu, chính vì thế bà Vendelin tự biến mình làm vật hy sinh. Trong căn phòng đó không bao giờ có lửa, không bao giờ có ánh sáng. Hầu như không có cái gì ăn, không có cái gì mặc. Người mẹ nuôi các con bằng nguồn sống của trái tim mình, bà đùm bọc chúng bằng ngọn lửa đốt cháy trong bà. Ông mở cái cửa ở giữa các lan can sắt. Tôi dòm bên phải và bên trái vào các khuôn mặt bất động, vào khuôn mặt hốc hác mà những cái nhìn tìm mặt biển một cách không thay đổi.

- Anh nhìn các khuôn mặt – Jacobus Uzns – cứ nhìn đi, không hề gì

đâu, chúng không trông thấy anh cũng như bà Vendelin và các con không trông thấy anh.

Ông đóng lại phía sau chúng tôi cánh cửa nặng gỗ sồi và chúng tôi đã ở trong cái phòng ngoài tối tăm. Ánh chiều chỉ chiếu xuống qua một cửa sổ độc nhất che lưới sắt như một thần linh sẽ tiến lên trong bóng đêm.

Tôi ngạc nhiên nhìn thấy một cái mắc áo bằng sừng hươu hay ngà voi treo rất cao trên bức tường trát. Tôi phải nhấc chân mới với tới được, chứ còn những cánh tay dài của Jacobus Uz thì chỉ đến một nửa.

Cái lò sưởi bằng sứ sát tường cuối cùng khiến tôi ngạc nhiên không kém. Đó đúng là một quả núi.

Khi Jacobus Uz mở một cái cửa và tôi đã ở trước một dãy phòng chỉ được chiếu sáng bằng ánh lửa chập chờn, tôi hiểu rằng con người lùn này là người cuối cùng của một giống người khổng lồ. Những chiếc ghế kêch xù dựng lưng lên xung quanh những cái bàn xứng đáng với những hiệp sĩ của vua Arthur. Những chiếc tràng kỷ bằng da trải ra những kích thước khổng lồ, những chiếc tủ đứng lên tận trần và phòng lên trên những tấm thảm bằng da thú, và những lò bằng sứ có vẻ như những khối đá cẩm thạch trong bóng tối của cái hang thú săn mồi này.

Ở trên tường, những chân dung màu sẫm có dáng như những con ma. Những khuôn mặt râu ria nhìn tôi từ trên cao. Ánh lửa làm hiện ra rồi biến đi những tượng bán thân của những người khổng lồ nam nữ, rồi ánh sáng đến chiếu vào hình bóng lùn tịt của ông chủ hiện nay của ngôi nhà. Khuôn mặt nhợt nhạt của ông cúi xuống, hai tay dài khoanh lại, ông ngắm nhìn ngọn lửa lung linh trong những gian phòng đầy bóng tối.

- Xin mời ông ngồi – ông nói, giơ cánh tay chỉ vào một chiếc ghế mà trên đó ông có thể tựa đầu vào – Còn kia là chỗ của tôi!

thoăn thoắt như một con khi, ông trèo lên cái ghế kêch xù nhất, một cái ngại thật sự, bên cạnh cái ghế ông chỉ cho tôi. Vừa ngồi vào ông đã khoanh chân và áp cánh tay vào ngực, rồi ông cúi đầu xuống một trong những ngón tay dài của ông. Khi ông ở đấy, thân hình ông bị hút vào trong bóng tối, chỉ còn trông thấy khuôn mặt và đôi mắt chói sáng của ông, tôi tưởng như ông là con trai của tổ tiên, theo đúng nghĩa của từ, và tôi đang chuyện trò với một trong những chủ nhân của đảo này với một trong những người họ Uz, thủy thủ và thương gia dòng dõi.

Mắt của ông nhìn tôi:

- Đây anh thanh niên, tôi đã dẫn được anh đến đây. Họ không đông lắm đâu, những người dân của đảo sẽ đi theo anh ở đây. Nhưng tôi trông thấy anh run! Vậy anh có biết tôi không? Anh đã nghe nói về tôi, ngay từ khi anh đặt chân lên đảo? Có lẽ là từ lúc anh đang còn ở trên tàu Coquillage. Anh đừng chối. Tôi biết điều đó. Tôi biết cả người ta đã nói với anh những

gì. Tôi có thể nhắc lại với anh từng lời một. Thế mà anh đã ở đây, trong nhà của Jacobus Uz, trong hang của con thú!

- À vâng, à vâng...

Ông đột ngột ngửa người về đằng sau như thể ông muốn vỗ vào tôi, mắt ông toả sáng dưới vầng trán bạc.

- Phải, tôi biết dân đảo. Họ nhận được sự hào phóng của tôi, tôi nuôi họ, tôi cho họ mặc, tôi sưởi ấm họ như bà Léonoone ở kia làm cho các con bà ta. Nhưng, ở tôi thì chính là tiền của tôi nó tác động chứ không phải sự tưởng tượng. Tôi xây nhà cho họ, tôi trả thuế tô của họ cho hoàng thân, họ được no nê ở cửa của tôi, nơi mà cha ông tôi đuổi họ đi. Tất cả những vết thương mà họ hàng nhà tôi gây ra cho họ đều được băng bó. Họ biết tôi khi tôi còn nhỏ, họ đã trông thấy tôi trần truồng trên ngọn Sonderbjaerg, họ đã giờ ngón tay chỉ tôi cho người này người khác và bây giờ họ nói với anh: kìa Jacobus Uz. Họ đã giờ ngón tay chỉ tôi, nhưng bây giờ lời nói thuộc về tôi. Và ông giờ về phía tôi, trong bóng tối, những ngón tay xoè ra của ông.

- Anh có biết tôi đã vào làng để tìm anh và lôi kéo anh đến đây không? Anh có biết anh là người ngoại quốc duy nhất đã cập bến xuống đảo kể từ hai mươi năm nay không? Và ngay từ khi đặt chân lên vùng đất vững chắc này anh đã sợ tôi, con người trần truồng của Sonderbjaerg, anh là cái thể giới bên ngoài kia mà tôi thêm muốn như một thằng điên, và cuối cùng anh đã đến với tôi.

Ông vung hai cánh tay dài của ông trong bóng tối theo một cử chỉ phản kháng dữ tợn.

- Anh đừng lấy đi của tôi cái tai duy nhất có thể nghe tôi, hiểu tôi, không bị bịt lại vì những lời dối trá phổ biến về tôi, và tôi chết vì cái đó. Anh tưởng rằng tôi không biết anh sao? Có, tôi có biết anh. Anh cứ hỏi nô lệ của tôi. Mons Abi ed Plude, thương gia lo liệu những gì còn lại trong sự buôn bán của tôi và, anh đã có chuyến đi biển với anh ta. Anh ta đã kể với tôi, chế giễu tất cả những gì anh ta biết về anh cho tôi và tôi đã hiểu anh là thể nào và vì sao anh đến, vì sao anh sẽ ở mãi mãi ở đây. Tôi cũng biết rằng anh là người phải được gửi tới cho tôi vào một ngày nào đó!

Ông giờ cho tôi bàn tay run rẩy của ông, vừa cười bằng nụ cười chua chát.

- Anh có nhớ vua Midas đã nói nhỏ bí mật của mình với đất bởi ông ấy không thể giữ im lặng hơn nữa, và những cây sậy nhớ lời ông ấy nói không? Cây guốc bê của đảo chưa trả lời cho tôi. Một ngày kia khi anh đã sống bằng số năm tôi đã sống, anh sẽ thấy rằng không phải là một thằng điên chiều nay đã lôi kéo anh đến nhà nó và nói với anh như tôi đã làm. Không có một cư dân nào của đảo muốn quan hệ với tôi. Anh có muốn quan hệ không? Nhưng này anh hãy nghĩ đi. Tôi là con người trần truồng, với tôi mọi sự dối trá không tương hợp. Những người khác có giấu giếm tôi trước mắt anh không?

Ồ, tôi đã thấy hết, họ đã phản ánh tất cả với anh, anh hãy thú nhận đi. Ôi, anh, người ngoại quốc duy nhất từ hai mươi năm nay, người bạn đường duy nhất không mưu mẹo, quanh co, không đề phòng, thô lộ như với anh, hãy đồng cảm để tôi không bị mất anh và tôi không bị một tôi vì dối trá. Anh đã nghe những người khác nói, anh hãy nghe tôi, rồi tự hỏi xem đâu là sự thật về phần tôi.

Ông quy xuống trên ghế! Tôi chỉ còn trông thấy tay dài của ông, chỉ còn nghe thấy hơi thở rít lên của ông.

Và tôi run lên vì có một mình với ông ấy trong nhà này, tôi còn run hơn cả khi trông thấy những nét tử thi trên Ramus Schwarzflugel.

Khuôn mặt nhợt nhạt của Jacobus Uz ra khỏi bóng tối.

- Anh đã trông thấy hang thú, bây giờ anh hãy xem những dã thú tôi và họ hàng nhà tôi.

Tuột xuống khỏi chiếc ghế, ông đi mở cánh cửa gỗ của lò sưởi.

- Anh hãy nhìn những con cá voi, những con gấu, những con chó sói, những linh miêu và cuối cùng là linh cầu, linh cầu là cha tôi!

Ông chỉ cho tôi ở trên cao một mặt người chiếu sáng bởi ngọn lửa rung rinh, một khuôn mặt dài xám xịt với những chòm râu má, một vòng râu cằm, một đôi mắt cắm sâu như những con đĩa dưới những vệt lông mày xiên, một cái mồm to xấp nếp với nụ cười.

Jacobus Uz đóng lại cái cửa và với một cái nhảy ông về ngồi lại trên ghế.

- Anh hãy nhìn họ, hãy nhìn đồ đạc của họ ước lượng sức lực của họ và hiểu rằng, tôi sinh ra từ sự mạnh mẽ của cá voi, và từ sự tàn bạo của linh cầu. Là con của một nòi giống Viking, cướp biển, chủ tàu buôn, hoàng thân buồn bán, những bản năng khát máu, sự đam mê biển cả và bão tố, sự tàn bạo của dã thú bị giam hãm trong thân thể tàn tật của tôi khiến nó bị còng xuống đất vì sức nặng các tội lỗi của tất cả họ hàng tôi chất đồng lên vai tôi. Anh trai Caspar của tôi da nâu, trogn khi tôi da đen, anh ấy thẳng đứng, tôi thì gù, anh ấy thì tốt, còn tôi thì xấu. anh ấy là con hươu, tôi là con cóc trong đàn thú nhà Uz. Nhưng chúng tôi đau khổ cùng nhau dưới móng vuốt của bố tôi, dưới cái nhìn, dưới tiếng cười thuốc độc của ông ấy. Hề chúng tôi đoán được sự có mặt của ông ấy qua mùi nhựa lô hội và nhựa đường là chúng tôi tránh ông ấy từ gian này sang gian khác. Caspar đi trước còn tôi bò sau bằng những cánh tay khổng lồ. Từ một phòng ở cuối, phòng mà ở đó dì tôi ngắm biển hiện giờ, chúng tôi nghe thấy đưa lên tiếng hát man rợ của mẹ tôi cho tới một lúc mà bỗng thành linh bà ấy đẩy mạnh cửa chạy vào trong phòng, vẫn mặc áo ngủ, tóc xoã, bị đuổi theo bởi tất cả các dã thú của gia đình, cá voi, gấu và sói. Hoảng sợ quá, chúng tôi trốn vào trong các góc hoặc dưới những bàn ghế khổng lồ. Còn bố tôi, con thú dữ cuối cùng của những con vật khủng khiếp, lao vào mẹ tôi và lôi bà vào nhà tù của bà.

Hồi đó tất cả các cửa sổ đều che lưới sắt như các cửa sổ của phòng ngoài để không cho bà ra biển. Nhưng bà nhìn biển qua cửa kính, và rồi một ngày sóng biển đã cuốn bà trở về với đất.

Bố tôi đã biết mẹ tôi như thế nào? Chúng tôi đã không hề biết. Có lẽ là theo đúng tục lệ của giống nòi, ông đã cướp lấy bà từ trên lục địa. Không có một phụ nữ nào đến đây tự nguyện cả. Nhưng một khi đã ở trong nhà này thì con đường về đã đóng lại.

Bố tôi không muốn từ bỏ sức mạnh và sự giàu có của ông sau khi ông chết, các phụ nữ đó phải ở trong tay nòi giống của ông, và vợ ông phải đẻ ra chúng tôi.

Tôi cũng chưa già lắm khi tôi hiểu được tại sao anh tôi và tôi lại được tạo ra như vậy. Linh cậu vẫn, con cuối cùng của các con vật ăn thịt đồng loại.

Sự buôn bán của chúng tôi, đúng thế, rất quan trọng trong thời gian ấy, nhưng có thực nó cần đến hai mươi nhân viên đang thay đổi luôn không?

Ông đã có hẳn cả một loạt người dự trữ trên đảo.

Hoàng thân khốn khổ đã làm tôi từ bấy giờ hiểu ra cái nhu cầu tự tiêu diệt ở người cuối cùng của một dòng dõi, sự kiểm soát của thiên nhiên thực hiện với bản thân nó. Tôi đã biết được thế để tha thứ tất cả, chỉ trừ một điều.

Caspar và tôi cả hai đều sinh ra từ những khúc ruột ấy. Ban ngày, khi Caspar đứng sát một cửa sổ chắn lưới thép đó để nhìn ra khơi, khá cao ráo, trắng trẻo, trong khung cửa tối om, tôi thấy anh ấy giống như một hồn ma, một thiếu niên của giống nòi chúng tôi chết từ lâu rồi đã trở về trong cái nhà tù mặt đất từ đáy anh ngấm nhìn biển khơi...

Khi bầu trời và mặt nước hoà vào trong hoàng hôn, Caspar léo lên như một tia sáng trắng bị bỏ quên.

Nhưng ban đêm anh ấy biến đổi, trở thành một con quỷ như tôi. Cuộn người trên thảm, lưới để giữa hai hàm răng, để cho tiếng phát ra không đánh thức anh, tôi lắng nghe những giấc mơ của anh ấy. Lúc đó anh ấy tự bộc lộ. Anh ngáy lên một cách khoái trá hay đau đớn, mặt căng ra như một cây cung, đỏ bừng, rồi anh ngã xuống, sùi bọt mép. Người ta tưởng anh chết. Những lời nói ngái ngủ, những tiếng kêu vang lên trong phòng trẻ con của chúng tôi. Những con người thuộc nòi giống chúng tôi chen chúc nhau trong những ác mộng của anh ấy thành những đoàn thú hư ảo dựng lên chống con mồi của chúng. Tuy nhiên anh ấy đứng dậy trên giường, và, hai mắt nhắm lại, bắt đầu nhảy một điệu nhảy tôn giáo, điệu nhảy thánh Gui trên những cục than hồng của tội lỗi với những cuộc bay lên bầu trời và những cái ngã xuống khủng khiếp. Biến dạng vì đau đớn, vã mồ hôi, hai bàn tay giơ lên, anh ấy xoắn người lại như ở trên bánh xe hình phạt tra tấn, rồi anh lao lên không như thể phọt ra ngoài cơ thể của mình như một bông hoa lis bung ra khỏi đài hoa. Bằng lòng bàn tay anh bám vào các xà trên trần, mắt cháy loé trong khuôn

mặt nghiêng, anh giống như một người bị treo cổ. cuối cùng anh buông ra và rơi xuống như một mảnh giẻ. Chỉ còn hai bàn tay và hai chân anh còn cựa quậy.

Tôi không rời mắt nhìn anh từ dưới cái bấu của tôi. một con thú ngấm nhìn một vị thần. Lòng tôi bay theo anh lên bầu trời và rơi theo anh khi sa xuống đất.

Nhưng dưới lòng trắc ẩn đau đớn của tôi lại ẩn giấu một nỗi khuây khoả.

Nếu ban ngày anh là một con người thì ban đêm anh trở thành một con ma chó sói giống như tôi.

Tuy thế, anh đã biết thoát ra khỏi sự di truyền nòi giống của anh, và khỏi căn sự câu thúc của cha tôi.

Caspar và mẹ chúng tôi giống nhau như đúc. Từ cái đêm mà bà thoát qua được những lưới sắt, qua được những bức tường, để rồi hôm sau, vẫn mặc chiếc áo ngủ trắng dính đầy tảo dạt và những con sứa, bà lại bị ném xuống dưới chân chồng bà, bố tôi đã phải ngẩn ngại trước bộ mặt của Caspar và trước giọng nói của anh ấy như trước một bóng ma. Hà, hà! Linh cầu vồng, con vật đi ăn đêm vẫn sợ những người chết!

Người ta cho phép Caspar đi biển và anh đi trên một chiếc tàu chiến của bố tôi. Ra đi anh mặc bộ quần áo thủy thủ, tay cầm chiếc ba lô con, xanh xao và thẳng đứng, có dáng như một kẻ tuần đạo bước xuống vực. Anh biến đi trên biển, một sợi rom bị gió đưa đi. Tôi nghĩ rằng tôi sẽkg bao giờ nhìn thấy anh nữa, nhưng anh ấy đã về luôn, càng ngày càng xanh xao, mảnh khảnh và cao như một linh hồn bị phạt tội chết đuối bắt buộc phải vĩnh viễn trở về với bờ biển chạy trốn.

Thỉnh thoảng tôi nhận được những lá thư viết về những bến bờ của người Esquimo, hay của những người da đen. Thư chỉ kể những tên, những ngày tháng, những con số, Caspar không bao giờ nói về anh ấy. cuối cùng anh ấy chỉ nói về biển mà thôi. Tuy nhiên những con mắt của anh ấy vẫn còn rực sáng, anh vẫn còn nhảy ở trên chiếc tàu chiến đơn độc, điệu nhảy cái thang rực cháy của Jacob, trước mặt cây thánh giá phương Nam hay sao Bắc Đẩu. Chiến tranh 48 nổ ra. Caspar đã là một người đàn ông bắt đầu già, mỉm cười. Cái vinh của kẻ tuần đạo cuối cùng đã vô hiệu. bố tôi không dám phản đối. Caspar ra đi và bị giết ở Frederits, đi đầu tất cả mọi người, lá cờ thủng trên thân mình bị đạn chằng chịt. Bị che khuất dưới thân những người khác, tên của anh đã bị quên đi trong số tên của những anh hùng. Anh ấy đã đạt mục đích, sự thanh lọc ở bên kia thế giới.

Từ ngày đưa con cả đi thuyền xa nhà, xa đảo, bố tôi rút lui vào tôi, một thằng khổng lồ bị giam hãm trong thân một thằng lùn. Trong tôi ông ấy tìm thấy lại mình.

Tôi ở lại một mình với ông ấy, bị cái nhìn của ông ấy thôi miên như một con

cóc dưới chân ông. Tất cả mọi người đều nhận thấy thế nhưng không ai đoán được trái tim con cóc đập đến điểm nào trong ngực nó!

Ông ấy quắp tôi vào trong những móng vuốt của ông, kéo tôi đến cái bàn học khổng lồ, bắt tôi ngồi vào trước cuốn sách gối đầu giường của gia đình. Biển tôi om, vách đá trụi trọc, những xà nhà làm bóng tôi đen hơn, và làm hẹp bớt vòng tròn đời tôi trong khi tôi đọc những trang kẻ dòn cẩn thận vật bằng nét chữ đậm truyền thuyết về nòi giống của tôi, nguồn gốc của tôi, số phận của tôi. Tôi đọc ở đây những gian lận, những bạo lực cổ xưa, những vụ buôn lậu, những việc giả mạo cân đong, gã những cuộc mua đồ trang sức giả bán cho các bộ tộc ngu đần và đã man để đổi lấy quế và ngà voi. Tôi đã đọc trong lịch sử những thịt thối đầu độc nhiều làng xóm, thịt ở trên các tàu được bảo đảm chắc chắn, sắp bị thối mà người ta phái ra khơi với một đoàn thủy thủ tập nghề...

Tôi lao xuống dưới ghé quỳ xuống chân bố tôi để cầu xin ông thôi đừng tra tấn tôi như vậy. Cũng như Caspar trong các giấc mơ của anh, tôi cảm thấy như bị sặc mùi uế khí xông lên từ cái nhà này, tôi đã biến đổi, tôi đã trở thành một người trong số họ, những con quỷ đáng nguyên rủa ấy...

Tôi năn nỉ bố tôi để cho tôi được trốn khỏi giống nòi của tôi, trốn khỏi hòn đảo, được ẩn náu trên lục địa trong số những người sống bên kia biển. Tôi muốn trông thấy họ, muốn giống như họ, yêu mến họ, tôi muốn sống cho họ, chết cho họ.

Ông ấy nhìn tôi cười nhe hết cả hàm răng.

- Thật thế ư, mày muốn đi đến với những con người. Mày có nhận xét bọn trẻ con ngư dân hoảng sợ bỏ chạy khi mày đến gần chúng không, rồi dù không muốn, chúng cũng phải dừng lại để ngắm nghía mày một cách vui thích không? Nếu mày không phải là con tao thì chúng đã ném đá cho mày chết rồi. chú bạn nhỏ của tôi ơi, chú phải tin chắc rằng những cái cây như thế này – và ông chỉ cái bưởi của tôi – phát triển phần lớn là ở trong bóng tối. Cát của đảo này là phù hợp với...

Sự ám chỉ vào những đứa trẻ của ngư dân làm tôi nhảy lên trên ghé trước bàn học, rồi co rúm người và mãi miết vào các cuốn sách. Trong bóng tối và cái lạnh cực bắc này, tôi xoa tay một cách khoái trá khi hình dung đến số phận những người sống ở mặt kia trái đất, cách xa đây hàng nghìn dặm và ở đây họ trả thù hòn đảo và miền Bắc.

Rồi một hôm, tôi thức dậy, trông thấy một con bướm, con bướm đầu tiên và độc nhất – anh có biết không? Nó không có ở đây, chúng sống thế nào được ở nơi không có hoa này? và sao mà chúng có thể đến đây được, qua hàng bảy nghìn dặm đường? Thế mà tôi đã trông thấy một con trắng như tuyết bay qua những trang sách đen ngòm và chấm bản của tôi.

Hai bàn tay tôi quắp lại trên cuốn sách, tôi nhìn con bướm. Con vật này là

cái gì thế? Vì đâu mà tôi biết được nó? Phải chăng là kỷ niệm của sự giáo dục ở tuổi thiếu niên của tôi, ở những mơ mộng của mẹ tôi, là điệu nhảy thần thánh của Caspar? Không, tôi biết nó nhờ một sự hiểu biết nội tâm. Con bướm này chính là bản thân tôi, là linh hồn tôi.

Mắt sáng lên tôi vươn tay tới nó, rồi nhảy xuống đất và đứng dậy lại, lao vào bức tường, cuốn vào một điệu nhảy phóng túng như anh tôi, mắc phải sự điên rồ như anh ấy và cũng thấm thía một niềm hạnh phúc như anh ấy.

Chẳng bao giờ tôi biết được có phải con bướm hôm đó được gửi từ phía bên kia những ngọn sóng đến để nói chuyện với tôi, để nhắc tôi rằng có một mùa hè vĩnh cửu, hay là tâm hồn tôi không dám cư trú trong lòng ngực dị dạng của tôi, đã tuột khỏi thân thể tôi?

Năm người đàn ông đã phải khuất phục tôi trong lúc tôi đấu tranh để thoát khỏi cái thân thể này và khi tôi tỉnh lại là lúc tôi trở lại là tù nhân, mà là người tù của bố tôi chứ không phải là của bản thân tôi. Tôi đã đi ra khỏi bản thân, cũng như anh tôi, tôi vươn tới bầu trời như anh ấy.

Tôi cầu xin bố tôi cho tôi sách, tôi cầu xin ông cho phép tôi gặp những người có đầu óc giống tôi, những người im lặng không hay chế nhạo, những người có đôi bàn tay rộng mở, trái tim rộng mở. Tôi không đòi hỏi chỉ những tác phẩm thơ ca, lịch sử, viễn tưởng mà cả những sách toán học, thiên văn, vật lý, địa lý để chinh phục thế giới, đóng kín nó lại trong tôi, trong đời tôi.

Nhưng, những con mắt linh cảm vẩn của ông nổi cơn giận. Ông nắm tay đập xuống những quyển sách kế toán và bảo rằng đó là thế giới. Cái còn lại chỉ là khói, là sự ngu ngốc và tôi, người cuối cùng của giống nòi ông, thẳng gù dị dạng, tôi chỉ phải tự làm thành người có ích cho tới cùng.

Chúng tôi lại ngồi trước mặt nhau như cũ. Đôi môi ông mím chặt lại tiếp tục khắc nên nụ cười như trước. Tôi thuộc quyền của ông ấy. Thuộc quyền của đảo, bất lực để bảo vệ.

Tôi không nghe thấy gì ngoài tiếng bước chân rất khẽ, khập khiễng của ông, nó giam hãm tôi như là biển, như là đảo, và môi tôi mím chặt lại, tôi thành câm, mù và hình như đã chết.

Nhưng trong thâm tâm tôi đưa lên tiếng hát khá rõ ràng rằng tôi đã để người ta không nghe thấy nó trong sự im lặng vĩnh viễn này, tiếng hát của thế giới mà tôi tạo ra trong thân hình khốn khổ của tôi, cái duy nhất mà tôi sở hữu riêng.

Tôi sáng tác ra tiếng hát đó trong những đêm của tôi, tôi, kẻ mà người ta không cho nhận đồng loại, kẻ mà người ta không cho nhận vũ trụ. Ngồi xồm trước bàn, che cây đèn bằng cái bấu của tôi, để ngòi bút chạy trên trang giấy, tôi đã sáng tác ra tất cả từ số không.

Cửa kính rắc gầy chỗ nước đóng băng trong khi tôi viết, đầu óc tôi hình như

sống động lên vì chính hơi thở của Chúa trong bóng tối trống rỗng mà Người cho trú ngụ vô vàn sáng tạo của Người.

Tôi chỉ có một mình cũng như Chúa lúc Người sáng tạo ra thế giới. Hòn đảo sinh ra giống như một cái bọt trên các ngọn sóng. Con chiến chiến đầu tiên bay lên trên Khu Rừng Lam và hai người đầu tiên bước đi giữa những cái cây. Người đàn ông là tôi, còn người đàn bà được tạo thành từ một xương sườn của tôi! chúng tôi là cái hôn đầu tiên, là cái ôm đầu tiên trên đất này, cái sinh đầu tiên và cái chết đầu tiên.

Và các thế hệ sinh ra từ chúng tôi có hàng nghìn các thế hệ đó sinh ra trên hòn đảo sống này, trên hòn đảo sống này, trên hòn đảo chết này. chúng tôi đã lên đến tận các vì sao và chúng tôi đã lôi cuốn chúng vào chúng tôi, chính chúng tôi là vũ trụ..

Một đêm, một cái bóng lẫn vào trong cái bóng khổng lồ của cái bướu của tôi, hai con mắt của linh cầu rực chiếu lên, một bàn tay xương xẩu sà xuống tác phẩm của tôi. Bố tôi đã trông thấy tôi và ánh sáng của tôi. Tôi nhảy xuống dưới ghế, lật đổ cây đèn và cái bàn, và đi vào trong đêm đến bờ biển để tìm lại mẹ tôi. Tôi là người sáng tạo ra cuộc sống, tôi chạy đến cái chết. Những người khác đuổi theo tôi, tôi nghe tiếng kêu của họ, tôi trông thấy họ trong ánh trắng, bố tôi và bọn đầy tớ của ông trong lúc tôi chạy trốn, lang thang, dị hình, với bước đi của con cua.

Họ đuổi kịp tôi, lôi tôi về trong phòng mẹ tôi. Tôi nằm ngọ nguậy một lúc trên sàn, sau những thanh chắn, rồi tất cả tối sầm lại chung quanh tôi.

Sáu tháng sau, khi tôi hồi sức lại qua con xung huyết não, bản viết của tôi đã biến mất, bị bố tôi đốt đi. Tôi cũng không nghĩ đến nó nữa, tôi đã quên nó rồi. Trên toàn thế giới chỉ còn lại địa ngục và trong số những con người Chúa tạo ra chỉ còn lại mình tôi.

Lúc bấy giờ bố tôi cho tôi lương, theo đúng lệ của gia đình. Ông cho tôi những người vợ.

Tôi, thằng lùn có bướu, đã kết hôn hai lần. Cô vợ đầu tiên là một cô gái quý tộc ở Fionie. Chúng tôi giữ cha cô trong nanh vuốt của chúng tôi và ông ta phải đưa con đến để trả tiền chuộc.

Cô ấy đến đây, cao to, tóc vàng hoe, lạnh lùng, đáng như một nàng tiên. Tôi lê đến bên chân cô như một con cóc, cầu xin cô giải phóng cho tôi.

Đêm tân hôn của chúng tôi cô ấy đã chạy trốn. Cô ấy nhảy lên một chiếc thuyền trước khi tôi đuổi kịp và cô đã trốn ra khơi.

Tôi vừa chạy ra bờ biển vừa gọi. Đó là mùa đánh cá vụ thu, không có một chiếc thuyền nào trên bến.

Cả một đêm và ngày hôm sau cô ấy được những con sóng của Kattegat đưa đi. Rồi cô đến Djursland cảng của Framnaes.

Bây giờ cô ấy là thợ may ở Copenhagen. Cô ấy đã mài mòn những ngón tay

trắng trẻo, mảnh dẻ của cô để khâu may, không muốn biết gì về tôi cũng như về gia đình cô.

Rồi đến cô vợ thứ hai của tôi. Cha cô ấy là thương gia ở Grennaa, đã làm những hối phiếu giả theo tên của bố tôi. Cô ấy bé lùn, tóc sẫm và môi đỏ chót.

Cô ấy đóng khoá cửa, nấp mình sau những cái tủ và những khẩu súng lục. Anh đã trông thấy những cọc chỉ điểm đánh cá trên vách đá chưa? Tôi đã bị treo lên chính ở đây. Người ta cắt dây. Một lần nữa tôi chạy ra biển để nhìn thấy vợ tôi đi khỏi đảo!

Tôi đã nghe nói cô ấy đi khắp xứ cổ vũ chống lại thú vui nhục dục. cô ấy không ngừng đòi hỏi tôi tiền, càng thật nhiều tiền để cứu vớt những tâm hồn. Cô ấy biết gì về những tâm hồn đang mất đi ở đây?

Và từ đó thế nào? Anh hãy hỏi đảo. Mà không, chẳng cần phải hỏi nữa.

Người ta đã cho anh biết đầy đủ cả rồi, tôi biết mà. Anh biết những cuộc săn đàn bà có chồng và chưa chồng của tôi, cuộc chạy theo của tôi đến các hội nhảy, cho dù hội đó như thế nào, và mặc dù đàn bà trốn chạy mỗi khi tôi đến gần. Tuy thế tôi đã có được tất cả thuộc quyền của tôi, con quỷ của đảo mà hai người vợ đã bỏ trốn.

Lúc bấy giờ Madeleine xứ Provence đã đến, cô ấy là vợ trẻ của người gác đèn pha. Cô ấy từ Provence đến đảo, bay như một con bồ câu từ mũi tận cùng của đảo đến với tôi. Phải chăng cô ấy là một nạn nhân phải chuộc tội nộp cho Chúa đảo này hay là một sứ giả do đảo gửi đến nhà tù giam cô ấy? Hoặc là cô ấy đoán được ở tôi một nỗi đau khổ như của cô ấy, một người đàn bà ở xứ sở đầy biệt thự, vườn nở hoa, đầy thành phố lộng lẫy và đông đúc, nhưng hiện nay đang ở trước một cái tháp giữa biển và hoang mạc với một người đàn ông hơn cả anh mình đến hai mươi tuổi. Tuổi trẻ của người gác đèn pha đã trải qua trong các cuộc đi biển băng giá, và tuổi trung niên dành cho việc trông coi cây đèn, cho nên anh ấy đã trở thành câm.

Phải chăng Madeleine tìm cách an ủi tôi bằng dòng máu của trái tim cô?

Cũng có thể là cô ấy bị thu hút đến với tôi, con chim bị con rắn thôi miên?

Một đêm khi anh ta đang gác đèn cô ấy đến đập cửa nhà tôi. Cô ấy đã một mình đi qua hoang mạc trong bóng tối, trong sự quạnh hiu mênh mông của đảo, và bất thành linh cô ấy hiện ra ở ngưỡng cửa, trắng toát, với cái nhìn của người ngủ mộng du.

Tôi nhìn cô ấy, ngạc nhiên. Không nói một lời, cô ngã vào chân tôi, cô cầu xin tôi lòng thương hại hay sự nâng đỡ? Đến hôm nay tôi cũng chưa biết được.

Anh tự hỏi tôi có đánh thức cô ấy không, tôi có dùng bàn tay người cha dẫn dắt đưa con lạc đường trở về với chồng và chủ của cô ấy không?

Anh hãy nhìn những khuôn mặt kia, máu của họ sục sôi trong huyết quản

của tôi, bất kể cơ thể tôi thế này. Anh cũng nên nghĩ đến hai đêm tân hôn của tôi...

Tôi có phạm một tội lỗi nào không? Nếu cô ấy đến với tôi khi tôi hai mươi tuổi, cô ấy đã cứu vớt cả hai chúng tôi, cô ấy đã giải thoát chúng tôi khỏi chuyện say đắm...

Tôi đã quỳ xuống trước cô vợ đầu tiên, tôi đã lê đến van xin ở trước cửa cô vợ thứ hai, nhưng đối với cô này, cô gái đã quyến rũ...

Sáu tháng sau... cô ấy đã huỷ hoại tôi, đã cắn xé tôi. Tôi đã tìm được nhiều hơn là tôi kiếm, tôi đã tìm được chủ nhân của tôi.

Chúng tôi đã tìm được chủ của chúng tôi, những người trên đảo. Cô ấy đã nhai nghiền tất cả, cho đến cả con thú Mons Abed Flade. Như một ngọn lửa, cô ấy đi qua đảo, đốt cháy cả những tàu nước ngoài.

Nhưng người gác đèn pha vốn ít quan tâm đến cô ấy đã đi đến chỗ nhốt cô vào nơi đáng nguyên rủa này. Tuy nhiên anh ta vẫn tin cô đến mức cô cạy theo những bản năng sa đoạ của đàn bà mà không gây cho anh chút nghi ngờ nào cả. Anh vẫn gác chốt ở tận cùng đảo, còn ở đây thì cô hoàn toàn được giao phó cho những ngọn sóng. Người đàn ông kia không bao giờ về làng, không bao giờ chuyện trò với ai, liệu có nghi ngờ điều gì không?

Một chiều, tôi nghe nói cô ấy đã lên một chiếc tàu đang neo ở vịnh kho hàng, và thuyền trưởng đã phang gậy đuổi cô. Ngay đêm đó tôi đi ra chỗ cây đèn pha. Đã từ lâu rồi cô ấy không phải là của tôi nữa, tuy nhiên cô ấy vẫn thuộc của tôi hơn bất kỳ ai hết. Cô ấy là cái của tôi xứng đáng với người sáng tạo ra nó. Tôi đến đưa cô ấy về nhà chúng tôi và thú thật tất cả với người gác đèn, đưa cô ấy về nhà cô ấy, xem như cô ấy là vợ tôi, người vợ thứ ba. Cô còn có thể có một tổ ấm ở đâu nếu không phải là ở nhà tôi?

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 4 (tt)

Tôi chạy dưới ánh trăng trong hoang mạc rồi dọc theo bãi biển. Tôi chạy đi để cứu nguy quyền của tôi, để làm nhiệm vụ của tôi. Tôi chạy về phía cây đèn pha sáng loé và đến đó trong gần một giờ. và khi sắp ngã gục vì mệt, tôi bước đi giữa những cồn cát cuối cùng về phía nhà của người gác với cái mái đen như một chiếc quan tài thì trông thấy cô ấy. Chiếc áo ngủ phập phồng xung quanh cô, cô đi như bay trên cát về phía cây đèn pha.

Anh chồng cao lớn, đen xỉn và râu ria, cầm dao đuổi theo cô.

Cô không ngừng kêu trong lúc chạy trốn và họ biến mất ở trong cây đèn pha.

Tôi nghe tiếng kêu của cô vang lên trên hàng trăm bậc thang xoáy như một ngọn lửa đang xoắn lại và cuốn lên trời.

Tôi cố lay cửa đã bị đóng chặt bên trong. Nhưng ngọn lửa đã phun ra trên đỉnh, những tiếng kêu vang lên ở các lỗ châu mai. Chiếc áo trắng bay trên cao, anh gác chạy giờ cánh tay ra. Phía trên và xung quanh họ những tia sáng lượn trên bầu trời giống như những thiên thần ánh sáng.

Anh ta đã vút dao đi và giờ hai cánh tay để ôm lấy cô, cứu cô. Nhưng trong cơn khiếp đảm cực độ, cô đã nhảy qua lan can trắng toát như một cụm tuyết. Còn anh cúi xuống, đen thui, gọi cô và từ hai cánh tay...

Tôi bò trên cát đến tận cái thây vỡ tan của cô và ngã vật xuống, tôi ôm hôn khuôn mặt cô để nói với cô lời vĩnh biệt và chết với cô.

Hình như tôi thấy máu của tôi cũng chảy cùng với máu của cô và tôi đã chết như cô ấy trong sự tắm thanh khiết này – Jacobus Uz giờ hai bàn tay xoè rộng về phía khuôn mặt không có thân, người ta có thể nói đó là hai cánh – lạ Chúa! Jacobus đã chết. Chính lúc bấy giờ là nó bắt đầu sống.

Trán nó cúi xuống, vai nó xoắn lại hình như càng nhô ra.

Anh có muốn biết bây giờ tôi trở nên như thế nào không? Anh nghe nhé. Cái tin anh tôi chết đến với chúng tôi chậm hàng mấy tháng. Hỏi đó ai mà nghĩ đến chúng tôi? Chúng tôi chỉ là thành phần quan hệ lũng léo với đất nước. tuy vậy lá thư đã tới đúng vào ngày sinh nhật của bố tôi mà ông ăn mừng rất linh đình với tất cả các con trai và nô lệ của ông.

Tôi trông thấy mồm ông mở ra như một vực sâu và tôi hiểu vì sao. Hiện giờ ông có hai kẻ thù trong số những người chết.

Rời bàn tiệc, ông về phòng mình, đóng cửa lại.

Từ ngày hôm đó, như hồi còn mẹ tôi, nhà vang lên tiếng hát và tiếng kêu.

Ngồi trong góc phòng tôi lắng nghe, lắng đầu theo nhịp.

Đó chính là cái nhà tự hát lên, nó tự biểu lộ như anh tôi trong giấc mộng, cái nhà tự thú những bí mật với những ngọn sông, đến tận những đao phủ và những nạn nhân của chúng tôi để cho họ biết những gì xảy ra tại đây. Như một người già lắm cảm không biết giữ mồm giữ miệng, nó hát lên những bí mật của nó. Khi nào tiếng hát kết thúc, nó sẽ lao xuống đáy biển. vậy mà không, không phải thế, một hôm tôi ngồi trên ghế đang đập nhịp thì những âm thanh quen thuộc bỗng ngừng lại đột ngột. đầu tôi bị lôi dài ra phía trước như đầu một kẻ bị chém. Tôi vênh tai nhưng không nghe thấy gì hết. Tuy nhiên ngôi nhà vẫn đứng nguyên và tôi ở trong đó một mình.

Khi tôi đẩy cửa vào phòng bố tôi, ông đã nằm vật trên sàn. Hình như trong mạch máu chưa bao giờ có chảy máu người. Hay là cái giá lạnh quá đột ngột, ở đây mặt đất thù địch với cuộc sống con người khiến cuộc sống phải mất đi trong nháy mắt như một giọt nước trên băng.

Một mình với xác chết đó, tôi bắt đầu ngẫm nghĩ về cuộc đời của bản thân

tôi.

Tôi đã tự do! Tự do! Tôi ngắm những bức tường xám, cái cửa sổ chắn lưới, biển ở ngoài xa. Tôi tự ngắm mình, nhớ lại rằng tôi đã bốn mươi lăm tuổi. Bất thành linh tôi lao vào cái xác không hồn, tôi cắn vào mớ tóc lạnh giá, vào cổ họng cứng đờ, vào ngực của ông. Nhưng cái nhìn của đôi mắt chết nói với tôi: con trai của ta, chúng ta là những con linh cầu, cả hai ta, và tôi đứng lên với một tiếng kêu kinh hãi. Tôi muốn chạy trốn khỏi ông ấy, xa khỏi tôi, và rồi tinh thần nắm lấy tôi một lần nữa, tinh thần thiêng liêng của điệu nhảy.

Tôi thấy lại con bướm độc nhất ấy run rẩy bay trong ánh sáng của căn phòng buồn tẻ, trái với nền biển xám xịt, con bướm lại rất nhẹ nhàng và màu trắng sáng chói. Và tôi giơ tay để bắt nó, tôi chạy, nhảy bỏ đến khác nào tôi có thể cuối cùng giữ bỏ được cái gánh nặng đè lên tôi, giải thoát cho tôi khỏi cái bướu, giải thoát tôi khỏi bố tôi. Tôi chạy vòng tròn quanh con bướm. Tôi đi ra khỏi bản thân tôi, tôi làm nổ cái vỏ bọc của tôi, tâm hồn tôi được giải thoát của tôi, con bướm bay đi. Cuối cùng tôi ngã xuống ngất xỉu trên thân thể của bố tôi

Sau đó tôi được giải thoát, chàng trẻ tuổi ạ. Như con bướm, tôi vươn lên trên những xác chết của tổ tiên tôi.

Còn hòn đảo, thì không phải là một nhà tù nữa, đó là thế giới. Tôi chỉ nhận ra điều đó từ lúc ấy và bây giờ thì tôi tin chắc là thế.

Chính ở đây tôi đã sinh ra, chính ở đây tôi sẽ chết. Bố tôi đã buộc tôi ở đây trong thời niên thiếu, cái bướu giữ tôi lại đây trong thời thanh niên. Giờ đây tôi bị gắn với những nơi này, vì sự tái sinh, vì những hối hận, vì công trình mà tôi phải làm trọn.

Cuối cùng tôi sẽ thắng lợi. Mọi người sẽ trông thấy tôi như anh trông thấy tôi bây giờ, thẳng người, dong dỏng cao trên ngọn núi Sonderbjaerg và không có bướu. Tôi sẽ làm xuất hiện lại khu rừng lam trên mảnh đất đã uống máu của tổ tiên tôi, những nạn nhân của tôi, và sẽ uống máu của tôi để kết thúc.

Vâng, tôi sẽ sáng tạo hòn đảo như tôi đã ước mơ, bằng thực thể của tôi và tôi sẽ cứu nó. Nếu không phải là trước thì sẽ là sau, sau khi tôi chết... Cũng như linh hồn của tôi đã thắng thể chất tôi, cũng như lòng tốt sẽ chiến thắng ý tưởng xấu xa độc ác. Lúc bấy giờ sẽ kết thúc truyền thuyết về họ hàng nhà Uz và tôi, người cuối cùng của nòi giống nhà tôi, tôi sẽ làm theo ý chí của Chúa”.

Ông lọt thỏm vào trong chiếc ghế bành và tôi chỉ còn trông thấy một khuôn mặt nhợt nhạt nhưng lại là một khuôn mặt rạng rỡ hạnh phúc. Tiếng nói của ông tiêu tan thành một tiếng thì thầm êm ả, hừng khởi.

Bây giờ anh đã biết Jacobus Uz, và đã biết hòn đảo. Anh hãy đến thăm tôi

khi nào thấy biển quá rộng và đảo quá bé, tôi sẽ chỉ cho anh thấy rằng anh đang ở ngay giữa thế giới, ở trong hòn đảo sống giữa những con sóng. Nói xong ông đứng lên, khập khiễng đi ra, giơ hai cánh tay để mở cửa. rồi ông bước sang phòng ngoài và dừng lại hít vào thật mạnh không khí đêm lạnh toát. Chúng tôi trông thấy bầu trời và biển khơi, bóng tối di động gần như bị cắt nhỏ bởi ánh sáng của những mào bọt nước. tiếng sóng rì rào trong không gian.

Jacobus Uz hất đầu về phía biển khơi rồi chỉ các cửa sổ bên phải và bên trái. - Cô và di tôi vẫn ngồi ở kia, mắt họ dán ra biển...Cô tôi tìm ở đây người chồng đã rời bỏ cô ấy vừa vặn đúng sáu tháng sau ngày cưới và không bao giờ về nữa. Cô ấy khóc, tưởng rằng chồng đã chết, cho đến bảy năm sau nghe nói người ta trông thấy ông ấy ở một cảng ở Nam Mỹ. Từ đó, cô ấy ngồi ở cửa sổ và nhìn biển. Di tôi đợi con trai, một đứa con bất hợp pháp mà khi mới mười ba tuổi đã bị bố tôi phái lên một trong những chiếc tàu thủy sắp đắm. Chiếc tàu đó người ta không bao giờ nghe nói đến nữa...Cả hai bà tìm người của họ như thể tìm trong số những người rệu đi không bao giờ có ai trở về.

Chúng tôi dừng lại lâu trên bậc thềm trước nhà họ Uz giữa những đụn cát. Không có chút ánh sáng nào chiếu trong nhà của nhân viên hải quan cũng như trong nhà của thương gia. Hồi đó, đầu đèn chấn sóng không có đèn hiệu chiếu ánh sáng thăm dò xuống biển. Chỉ mình chúng tôi ở trong bóng tối xâm lăng, tưởng như chúng tôi là con người cuối cùng trên trái đất này. Hơi đêm lạnh buốt phồng lên trong ngực tôi.

Hình như Jacobus Uz đoán được ý nghĩ của tôi, vì ông lắc đầu:

- Đây là sự an ủi, một ngày kia ở đây chỉ còn hơi thở của ban đêm. Hòn đảo này sẽ là đảo của những người chết. Nhưng một khi chúng ta cùng nhau ở đây tôi sẽ là bạn của anh sau cái đêm này.

Ông siết chặt bàn tay tôi trong bàn tay ông và biến đi nơi cánh cửa như trong đêm ông đã hiện ra.

Tôi sờ soạng tìm giữa những cồn cát và mồm đá con đường về làng, về gian nhà của tôi rồi ngủ ở đây.

Cũng đêm đó bão thổi từ biển vào. Kiệt sức, tôi ngủ như thể tôi đã để lại cả cuộc đời ở bên kia những ngọn sóng, nhưng trong giấc ngủ tôi không ngừng nghe vang vọng của một tiếng nói mạnh mẽ, tôi nghe nó mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

Hình như tôi còn sống nữa, nhưng tôi đã bị cuốn đi xa hẳn mọi người, mọi bến bờ, đến một dãy núi cách biệt chìm sâu bên trong và vươn lên bầu trời vô tận lấp lánh một vì sao đơn độc.

Cuối cùng tôi hiểu ra rằng tôi ở đâu, nhưng tôi có cảm tưởng rằng những ngọn sóng xô vào hòn đảo, vào tất cả chúng tôi và nhấn chìm chúng tôi. Tuy

nhiên ngôi sao đơn độc nhất lấp lánh trên cao như một lời kêu gọi, phía trên sự tàn phá toàn thể. Bởi vì toàn thể giới đã ngập chìm và hòn đảo này là mảnh trôi dạt sống sót sau trận đắm lớn.

Chúng tôi lần đi, tất cả dắt tay nhau, Jacobus Uz đi đầu và hoàng thân ở cuối đây dài tiến tới vì sao, về với Chúa. Chúng tôi, những người sống sót cuối cùng của trái đất, đi tìm lại những anh em đã được cứu thoát trong con tàu mới của trời.

Tỉnh dậy, nhìn phong cảnh qua cửa kính bám sương tôi thật sự cảm thấy trong một lúc rằng mình đang ở trên chiếc thuyền con ở trên cao đó. Bầu trời xanh biếc, tôi có thể tưởng tượng rằng chúng tôi đã vượt qua mọi miền sương mù và bão tố. Đằng sau những mái rạ hay tảo dạt đã phủ rêu xanh, sau những bức tường trắng và tán lá vàng cuối cùng của các khu vườn, hoang mạc trải rộng một màu nâu đỏ. Biển long lanh trong nắng mặt trời ảm cái bánh xe sáng chói đốt cháy hầu hết những cồn cát trắng.

Tôi rùng mình trong chiếc áo phong phanh. Không khí trong gian áp mái lạnh giá. Tôi thấy hình như cái ngày siêu nhiên không phải được tạo ra cho tôi, cả những ngày âm u hôm qua và hôm kia cũng vậy. Tôi đã bị đuổi ra khỏi bề mặt của bầu trời và tôi chưa hiểu được những đáng về biến thiên của nó.

Bất thành linh một tiếng động làm tôi rùng mình, như một tiếng gọi của chính bầu trời xanh.

- Mày có trông thấy ông ấy không? Ông ấy đến hôm thứ sáu bằng tàu Coquillage phải không? – một tiếng trẻ con nói dưới cửa sổ nhà tôi.

Tôi đứng dậy và cảm thấy hơi nằng ảm áp toả vào trong gian nhà ẩm thấp tối tăm của tôi.

Phải chăng ngày mới gọi tôi? Nó cần đến tôi ư? Tôi phải làm cho ai một cái gì chẳng? Người ta chờ đợi tôi? Phải chăng tôi có một công việc phải làm và công việc đó là sự giải thoát của tôi?

Tôi vẫn nhớ lại nỗi hoảng sợ trẻ con trước những năm đã qua mặc dù người ta không bao giờ mừng sinh nhật tôi. Eberhard và tôi chỉ ăn mừng ngày Chúa giáng sinh, nhưng tôi vẫn cảm thấy mình bị đẩy tới tuổi trung niên không thể nào cưỡng nổi. Những khi Eberhard cầm tay tôi đi dạo buổi tối, tôi thường lùi lại trước tiếng ồn ào nhộn nhịp, và sự sợ hãi tương lai đã khiến tôi quay mặt về phía gian nhà áp mái của chúng tôi. Giờ đây tôi đã là một người trưởng thành, nhưng liệu tôi có đi tìm lại căn phòng hồi trẻ con của tôi ở trường tiểu học, nơi tôi sẽ chỉ có toàn trẻ con vây quanh? Giải toả được sức nặng của năm tháng tôi có thể lắng nghe tiếng thì thầm của biển và thời gian không?

Tôi nhảy xuống giường, chạy ra cửa sổ và mở cửa. Tôi hít thở không khí ẩm ướt hơi nước và sương mai ngát hương thạch thảo.

Lần đầu tiên tôi hít thở dưới bầu trời mênh mông. Lần đầu tiên tôi tự do vì được buộc vào mảnh đất này. Hòn đảo xa lạ và hoang dã này muốn tôi đứng là tôi, vì thế nó là đất nước tôi, là tổ ấm của tôi.

Trước cầu thang hoàng thân đi bách bộ. Mũi ngựa lên, ông hít vào hơi mát ban mai. Từ trên cửa sổ, quanh những cây to tôi nhìn thấy khu vườn của ông còn chìm trong bóng tối như bao bọc hơi nước và ánh sáng, những cửa sổ mở.

Dưới cửa sổ của tôi Malene đầu trần, cánh tay cùng trần khoanh trước ngực như vẽ ra một vầng hào quang dưới những lọn tóc xoắn vàng óng.

Những con thỏ rừng chạy trên hoang mạc đuổi theo chính những cái bóng của chúng, những chim mòng biển bay rạch ngang dọc không gian xanh. Ở đằng xa ngọn đèn pha chiếu lấp lánh như một cánh buồm.

Tôi cầm chiếc đồng hồ của tôi, chiếc đồng hồ nặng trĩu của Khu Rừng Đen, vốn thuộc về Eberhard. Nó chỉ mới bảy giờ. Chúng tôi mãi tám giờ mới bắt đầu. Thế thì đến đó tôi sẽ tà tà leo hăng lên ngọn Sonderbjaerg, từ trên đó có thể nhìn bao quát cả đảo, như lời người ta nói, không biết có phải không.

Tôi thêm được xem hòn đảo của tôi trong buổi sáng xanh biếc này. Khi xuống cầu thang thẳng đứng của nhà kho tôi thấy hình như những con ma của những ngày hôm trước phải nhận ra rằng mỗi lo sợ mà chúng gọi ra cho tôi và nỗi cô lập của tôi đã biến mất, cả hai đã bị bão đêm qua cuốn đi hết. Hòn đảo chẳng phải đang mỉm cười với tôi như thể một bà mẹ nhận ra đứa con của mình đó ư?

Xuống dưới cầu thang tôi gặp ngay đôi mắt vàng ánh và đôi má rực lửa của Malene. Mặt trời chiếu lấp lánh những sợi lông tơ trên cánh tay trần của cô. Một nỗi đau đột ngột lại đến với tôi. Tôi có cảm tưởng một ngọn lửa bốc cháy lên trên đảo, tôi đang bước trên một ngọn núi lửa. Nhưng tôi biết rằng tôi không còn lo sợ bị thiêu cháy nữa.

Malene mỉm cười với tôi để lộ hàm răng trắng muốt.

- Đã dậy rồi à? Anh có muốn uống sữa không?

Vừa làm bay cát dưới chân, tôi đáp rằng tôi muốn leo lên đỉnh Sonderbjaerg.

Malene đưa đôi mắt rực cháy nhìn tôi thật nhanh, rồi một nụ cười có lẽ dành để giảm bớt sức nóng.

- Vậy thì chạy nhanh đi, ông sinh viên ạ.

Tôi không dám nhìn cô, bước bốn bậc một xuống dưới.

Hoàng thân dừng cuộc đi dạo. Ông tựa vào cây gậy như tựa lên một chân thứ ba, và tôi có thể nhìn sát mặt ông. Đó là một con người suy sụp, cái mặt nạ một xác chết của một dòng giống danh tiếng và anh hùng, tóc bạc rối bù, một cái trán nghiêm khắc, một cái mũi khum, một cái mồm xệ xuống, một chòm râu vàng khè. Giữa đôi lông mày với những mạch máu xanh hai con

mắt bé tí nhấp nháy. Thân hình đồ sộ lão đảo trên đôi chân khoèo.

- Chào anh sinh viên trẻ - một giọng khàn khàn và rít gió nói với tôi trong lúc một bàn tay đeo găng vàng bọc lộ một cử chỉ thân thiện – Nếu tôi không nhầm thì tôi đang đứng trước một phụ tá mới của Ngài mục sư Rasmus Schwarzflugel.

Tôi cúi mình, cái mũi lưỡi trai áp sát vào tim đang đập loạn nhịp. Tôi đâu có cần thiết phải gặp ông ta đúng vào lúc này?

Tôi nghĩ đến những bàn tay tìm kiếm đó, những bàn tay tử thi của cái buổi tối đầu tiên, đến những câu chuyện mà thuyền trưởng và Malene nói ra. Một ánh sáng lo ngại loé lên trong cặp mắt ti hí của hoàng thân, tôi ngửi thấy mùi rượu cô nhắc trong hơi thở của ông. Ông ấy là chủ của hòn đảo, tất cả chúng tôi đều thuộc quyền sở hữu của ông ấy...

- Chào mừng người mới đến đảo của tôi. Tôi vui lòng mỗi khi một người có học thức đến tăng thêm hội của chúng tôi. Hội bé thôi, nhưng thực tế là hạng sang đấy.

Bàn tay ông quắp vào vai tôi và kéo tôi vào bộ ngực ông nhưng lép kẹp dưới cái áo loè loẹt hình trang trí của ông.

Và tôi kinh hãi ru lên như thể bắt lực tự bảo vệ mình, tôi đã lao vào trong cái lò lửa đang bùng cháy trên hòn đảo theo ý thích của chủ nó... Và nói rằng tôi đã tin...Ồi lạy Chúa! Tôi đã tin...

Cảm thấy mình chết, tôi giương mắt đưa về phía hoàng thân một cái nhìn hàm ý "Tôi không phải sinh ra cho cuộc sống của người lớn, cho sức nóng, cho những thắng lợi của cuộc sống đó. Ông hãy hiểu cho và buông tôi ra, trả tôi về với thời trẻ con".

Bỗng dưng bàn tay ông nói ra, màu đỏ phai trên đôi má hốc hác của ông biến mất, và ánh sáng sắc sảo của đôi mắt ông nhường chỗ cho một nụ cười mơ hồ.

- Thôi nào, anh bạn nhỏ - ông nói, vừa đánh khẽ vào tôi như thể một người cha, trogn khi ở trên kia Malene cười với tôi – Anh đừng sợ, tôi là cha của đảo, hãy nhớ điều đó, người cha. Tôi không ăn thịt ai cả, hãy hỏi mọi người, họ sẽ nói cho an hbt. Anh là một chú bé tử tế, tôi thấy thế. Bây giờ thì đi nhanh đi đi, nhanh đi, nhưng hãy trở lại gặp tôi và anh sẽ được biết rằng hoàng thân Philip Gebhard 19 có một cuộc sống dễ chịu ở đây. Hừm! Hừm! Ông lắc đầu làm bay những lọn tóc dưới cái mũ cao vành màu ghi. Rồi tựa vào cây gậy, ông đi bước thấp bước cao giữa những con dê mọc đầy cây guốc bê xám xanh.

Tôi nhìn theo đôi vai nặng nề, cái lưng dài, những cẳng chân khoèo của ông lão đảo dưới chiếc áo khoác. Bàn tay của ông đeo găng vàng vung vẩy trong không khí, dưới vòm lá úa vàng và những quả cây com cháy chín nâu. Bóng những lưới cá căng phơi rung rinh xung quanh ông.

Ông ấy là ai, ông ấy như thế nào? Ông ấy có đúng như tôi đã trông thấy buổi chiều đầu tiên, chính là thần chết đã đuổi những người sống khỏi đảo? Hay như ông ấy vừa nói cho tôi, và như cái nhìn của ông xác nhận, ông ấy là cha của vùng này, là ông già khốn khổ và khoan dung? Một tiếng thở dài khuây khoả buột ra khỏi ngực tôi. Tôi đã tránh khỏi ngọn lửa góm guốc đốt cháy hòn đảo. Tôi đã thoát khỏi nó ở đó như con bồ câu trong truyền thuyết đã ra khỏi ngọn lửa, đôi cánh không hề gì. Tôi đã tránh được, thoát khỏi một sự hưởng thụ mà tôi tiên cảm với nỗi khiếp sợ, giải toả được một bồn phẫn mà tôi không có sức thực hiện.

Trước chân trời bao la và lung linh trong không khí lạnh buốt, tôi lên tới đỉnh núi Sonderbjaerf, hết cả hơi, tay chân sầy sướt vì chuyển leo trèo vất vả. Tôi hiểu ra rằng cũng giống như tôi một mình trên núi này, tôi sẽ bị tách biệt mãi mãi bởi vì tôi đã được giải thoát khỏi thế giới ở kia sau cái gờ lấp lánh và gọn sóng của bầu trời, được giải thoát khỏi sự học tập mà cả thể xác lẫn tinh thần của tôi đều không có sức theo đuổi, được miễn phải đáp ứng những chờ đợi hoặc của Eberhard, hoặc của ông tôi mà đối với tôi là hoàn toàn không kham nổi, được miễn một cuộc chiến đấu như Adam phải tiến hành vì danh dự và quyền lực, được miễn cuộc chiến đấu của Augustin vì đồng tiền.

Vâng, tôi đã tự do, miễn phải sống một cuộc đời với Dorete Honorius, một cuộc đời phong phú thêm vì lao động và tình yêu.

Tôi không quên nó đâu, nhưng lần đầu tiên lên đỉnh Sonderbjaerg, tôi run lên khi nghĩ rằng trái với những giấc mơ của Eberhard, hiện giờ tôi đang ở nơi mà tôi phải sống, bên ngoài những đồng bào của tôi và các điều kiện sống của họ, tránh khỏi niềm vui và nỗi khổ.

Chúa đã điều bước chân tôi đến tận cửa Dorete Honorius. Hôm nay người đang hướng dẫn những bước chân đó lên đến đỉnh Sonderbjaerg và tôi cảm ơn Người đã tạo ra những người như tôi.

Và tôi thề rằng một ngày kia Chúa sẽ thấy tôi ở đây, vì Người đã dẫn tôi đến bằng chính bàn tay của Người.

Rồi tôi ngắm lãnh địa mà Người đã cho tôi và là nơi mà Người đã buộc tôi vào.

Tôi mười tám tuổi, có bảy dặm biển hay là hàng ngàn dặm cách xa nơi gần nhất. Tôi một mình, với những người ở ba ngôi nhà cách biệt, hoang thân, Jacobus Uz, nhân viên hải quan, những người đang sống trong ba mươi lăm túp lều tụ tập dưới chân tôi. Nghĩa vụ của tôi là hoà lẫn vào với họ, quyền của tôi tuỳ thuộc vào họ.

Tôi lắng nghe, tôi thở trong tiếng gió rít và sóng thì thầm. một ngày kia tai tôi sẽ vĩnh viễn bùng lại và sự hô hấp của tôi ngừng lại nhưng tiếng gió và tiếng biển sẽ tồn tại không thay đổi.

Tôi lắng nghe hơi thở của vịnh hằng đi qua hòn đảo với hơi thở yếu ớt của tôi, rồi tôi quay lại, leo xuống núi Sonderbjaerg, đi về trường để bắt đầu cuộc sống của tôi.

Nhưng trước tiên tôi vào một nhà nguyện nhỏ, theo như người ta nói với tôi thì nó được xây dựng một thời gian sớm hơn. Bây giờ nó còn đứng ở lối vào hoang mạc sau bức tường xám của nghĩa địa mới, nơi yên nghỉ của hoàng thân giữa những nắm mồ các thủy thủ của chúng tôi và thủy thủ ngoại quốc mọc đầy cỏ hiếm.

Ngập ngừng một lát trước ngưỡng cửa rồi tôi để cánh cửa mở hé và đi về phía bức tường thành, dựa sát vào bức tường này là cái quan tài độc nhất mà tôi thoáng thấy buổi chiều khi mới đến. Tôi lùi ra xa, sững sờ như không được yêu cầu mà dám đến bên giường người chết. Tôi tưởng là lúc bấy giờ một người chết đang đợi người ta đem chôn mình trong cái mồ đã mở này. Hôm nay Malene cho tôi biết rằng cái quan tài này luôn luôn chờ đợi dưới cái nhìn của hoang mạc xám và bầu trời xám, một ai đó có thể là vẫn thường khiêu vũ trên một boong tàu, ở trong một cảng nắng chói miền chí tuyến, có ngờ đâu bị đẩy không thể nào cưỡng nổi tới bờ biển của chúng tôi, phải, lên đất của chúng tôi, đã bị ngấm nước, kiệt sức vì bị sóng và định mệnh đưa đi.

Về phía các mái nhà thấp tè và đồ sộ của làng chẳng trông thấy một ai. Chỉ một con cừu bản thủ quay vòng tròn trên bãi cỏ sau nhà thờ mà tìm không ra lấy được một cọng cây guốc bê. Tôi kéo cánh cửa sau lưng tôi, quỳ xuống trong ánh sáng lờ mờ và nâng nắp chiếc quan tài lên. Sau đó tôi trườn vào trên đám vỏ bào, nhắm mắt lại và nằm nghỉ trong cái giường người chết dành cho người bị đắm thuyền ở xa. Tôi hít thở mùi keo dán, mùi nhựa đường, mùi vôi, mùi bụi, lời truyền đạt buồn tẻ cuối cùng của cuộc sống. Rồi tất cả tan biến trong bóng tối và tôi ở lại trong yên bình.

Ôi! Chỉ được có một lát, bởi vì tôi ngồi dậy ngay và bước ra ngoài quan tài, đập nắp lại, phủi hết vỏ bào và bụi dính trên quần áo. Một phút sau tôi đã ở trên bãi cỏ và chạy đi làm việc. Nhưng từ đó, mỗi lần tôi về với chiếc quan tài, mặc dù không có ai nói gì với tôi, tôi vẫn chắc chắn rằng mình không phải là người duy nhất tìm sự nghỉ ngơi ở đó mà không ai biết. Những người khác đã để lại trên những vỏ bào một dấu vết khác với dấu vết của cơ thể tôi. Chiếc quan tài giao cho chúng tôi mặt trời vĩnh cửu ở trên hòn đảo không bóng tối này.

Trường học toạ lạc ở sau nhà thờ chật hẹp và thấp đến nỗi tôi khó mà đứng thẳng dưới những xà nhà đen ngòm. Ba cửa sổ mở ra một đường phố ánh sáng mặt trời có những cây liễu mọc ruồng và những lưới cá.

Học sinh ngồi sau những cái bàn kê sát vào nhau đến nỗi khi ra vào chỗ phải bước qua. Sinh ra từ trên đất này cũng như các tiền bối của chúng đã sinh ra

ở đây từ bao thế kỷ, bọn trẻ này sẽ lớn lên và héo tàn đi ở đây, tôi cũng thế. Tôi trông thấy gian phòng mà ở đây tôi phải trải qua và tôi thấy những người mà vì họ đời tôi sẽ trải qua. Tôi thấy tấm bản đồ trái đất hoen ố treo trên tường. Tôi thấy cái cửa sổ mở ra vùng sóng biển. Trước mặt tôi, những đôi mắt mở to ra thế giới bao la.

Và trong khi tôi ngồi trên chiếc ghế rom trên bục trước những khuôn mặt trẻ con, tôi có cảm tưởng rằng trong chỗ chật hẹp này chúng tôi đang ở ngay giữa trung tâm vũ trụ.

Mảnh đất nhỏ này của đảo đã được làm từ tro bụi của giống nòi chúng, trong từng giờ tập hợp lại những khoảnh khắc của quá khứ.

Trước chúng tôi, những người khác đã ngồi trên ghế thế này, trên những ghế dài kia trong một chuỗi dài năm tháng và một ngày ki khi những đứa trẻ này lớn lên cũng như những đứa con của những đứa con chúng rồi đến những đứa con của những đứa ấy nữa, tôi sẽ vẫn ở đây mãi mãi.

Tôi sẽ sống trong lòng những đứa trẻ ấy, tôi sẽ bảo đảm đời tôi trong khi bảo đảm đời của chúng.

Và tôi cảm thấy với một sự thừa nhận kinh hoàng rằng chỉ mới hơi thuộc được bảng tính nhân tôi đã được tạo lập để thành giáo viên, giáo viên ở lớp học đó và cho những đứa trẻ đó.

Tôi bắt đầu cái giờ đầu tiên của hàng nghìn giờ của tôi với nụ cười và đã được đáp lại bằng nụ cười của những đứa trẻ.

- Vì vậy, các bạn – Cụ Bek thông thả ngoảnh đầu sang ba người trẻ tuổi – vì vậy nếu các bạn muốn biết đời tôi thì cứ đến trường. Phòng học, bục giảng, ghế dài đều nguyên như hồi ấy. Nhưng bây giờ, ông mục sư, chính ông sẽ đảm nhận chỗ của tôi như tôi đã nhận của mục sư Schwargflugel ngày xưa.

Đó là những ngày đầu tiên của tôi trên đảo. Vô vàn ngày khác tiếp theo những ngày ấy. Chúng đều giống nhau cả.

Ông bà bác sĩ đã sống ở đây khá lâu rồi thì hẳn là biết rõ điều đó, còn ông mục sư thì tôi mong rằng ông cũng sẽ ở lại lâu để hiểu rằng không có một nơi nào trên thế giới này lại bị Chúa ruồng bỏ đến thế và đồng thời cũng lại gần gũi với trái tim của Chúa như nơi này.

Ông sẽ am tường những ngày mà người ta lang thang như những bóng đen, lắng tai nghe từng tin tức đến từ bên kia những ngọn sóng để nhắc cho chúng ta biết về những người sống đằng sau chân trời.

Hoặc là những ngày mà cuộc sống và tình yêu đã ngừng cưỡng bức, chúng ta nằm ngủ giấc ngàn thu trong một ngôi mộ bị lãng quên như những con sâu trong hang chuột nhũi.

Có thể ông sẽ còn biết rõ cả những ngày mà màu trời lẫn với màu sóng khi vàng dương rực sáng, người ta thấy xuất hiện những đá ngầm chói lọi,

những ngày mà người ta nhảy múa trên cát nóng bỏng trong cái không trung của Chúa cũng bắt diệt như Người, cũng quên trái đất đi như Người.

Ông đã run sợ trên hòn đảo này khi biển và trời phồng lên xung quanh, nó như nước lũ xung quanh một chiếc lá nhỏ trôi dạt lênh\

Ông đã quan sát nó khi nó xuất hiện trắng như tuyết trên mặt biển âm u mùa đông, là chỗ náu cuối cùng của cái thế giới đang bị chìm ngấm. Ông đã sống qua những ngày đầu tiên và những ngày cuối cùng của mảnh đất này – như thể ông sẽ hiểu cuộc sống của tôi cũng như tôi đã hiểu nó sau bốn mươi tám giờ lưu trú.

Jacobus Uz từng nói với tôi rằng con người ta không muốn sống tất cả thời gian dành cho nó, nhưng nó lại khát khao đốt cháy một cách say sưa cái chốc lát ngắn ngủi của niềm vui hay hăng hái.

Nó kéo mở cuộc đời của nó như tháo một chuỗi vòng kiềng để vui chơi với những hạt ngọc của khoảnh khắc cho tới khi nó đánh mất tất cả chúng và nó sẽ không còn gì. Nó sợ cuộc sống hơn cả cái chết. Nó chỉ có thể sống bằng cách biến cuộc sống thành cái chết, bằng cách quên đi cuộc đời.

Nhưng chúng ta thì không thể chạy trốn thời gian cũng như không thể chạy trốn khỏi đảo. Không có một ngày lễ hội nào được trao cho chúng ta từ trong cuộc sống thường nhật. Không có gì là mới cả bởi vì tất cả là vĩnh hằng. Mỗi buổi sáng chúng ta gặp người này người nọ trước mặt một chân trời như vậy. Chúng ta quen biết nhau, chúng ta lại quen biết nhau. Chúng ta nghe tiếng đập của trái tim chúng ta, nó không làm điếc tai chúng ta và chúng ta hiểu được rằng khoảnh khắc thì dài mà thời gian lại ngắn.

Bây giờ tôi sắp đi khỏi đây mà tôi thấy hình như tôi mới tới hôm qua. Tuy nhiên tôi nhớ được từng ngày của nửa thế kỷ này. Còn đối với những người đã chia sẻ với tôi những ngày đó thì làm sao tôi lại có thể quên được họ bao giờ?

Đã hơn ba mươi năm rồi Jacobus Uz và Agnete rời bỏ tôi thế mà mắt tôi vẫn còn nhìn thấy họ bên mỗi mỏm đá, trên mỗi quả đồi. Có nơi nào họ đã không đi qua, nơi nào tôi không gặp họ? những cuộc gặp gỡ của chúng ta không xảy ra trong một trường hợp đặc biệt, nó không chỉ diễn ra trong những ngày lễ hội, không, nó lặp đi lặp lại trong đời sống hàng ngày. Sự tĩnh lặng của khoảng thời gian và của cuộc sống hàng ngày đối với chúng tôi là một tài sản chung. Ở trên đảo chúng tôi đã học được cách tự chiếm lĩnh mình và chiếm lĩnh người khác, và phải chăng đó cũng là chiếm lĩnh thời gian?

Như vậy không phải là tôi đã vượt biển đến hòn đảo của những người chết mà đến đảo của những người đang sống.

Lần sau tôi sẽ nói chuyện với các bạn về cái thời kỳ khá dài mà cũng khá ngắn này, về những khoảnh khắc nhiều vô kể do chúng ở trong thời gian

cũng như máu trong huyết quản của tôi. Mỗi khoảnh khắc đó chỉ là một giọt nhỏ, nhưng tất cả chúng hợp lại chỉ tạo ra một dòng chảy duy nhất và nóng như nhau. Tôi sẽ nói với các bạn về tôi và về những người mà tôi đã biết rõ họ đến mức cảm thấy và hiểu biết Chúa trong họ.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 5

- Ông có nghĩ rằng tôi phải gọi bà ấy ngay bây giờ không? – ông mục sư Honorius nói.

Hai người đàn ông nhìn ra bên kia những ngôi nhà, những cồn cát, cây thánh giá Agnete và bầu trời xám lại vì tuyết. một vài cụm tuyết hiếm hoi xoáy tròn trên hoang mạc.

- Gọi bà ấy? – Eric Lange giật nảy mình – Sao ông lại có thể nghĩ đến chuyện đó? Ông hãy nhớ lại lời cụ Bek, con người chỉ sống theo bàn tay của Chúa. Làm sao ông có thể can thiệp bằng bàn tay của ông? Đến đây cùng với bà ấy, mà bà ấy thì từ lâu rồi có lẽ tự bao giờ chỉ là một người chết, một vong linh. Chúng ta sẽ nói gì khi bỗng đột ngột xuất hiện trước mặt chúng ta những người thân yêu mà thần Chết đã lấy mất của chúng ta và đã giữ họ lại trong hào quang của tuổi trẻ trong lúc đó thì ở trần thế này chúng ta già đi vì sự sầu muộn hàng ngày, khi thấy họ đầu bạc phơ nhưng chúng ta mà vẫn đòi hỏi tình yêu của chúng ta để làm họ trẻ lại. Ông sẽ hành động tàn bạo hơn cả lũ ma quỷ đã làm cho người chết sống lại...ông sẽ lấy mất đi của cụ ấy cái mà cuộc sống không thể cướp đi của cụ ấy: giấc mơ của cụ ấy.

Ông mục sư khẽ lắc đầu:

- Sao ông có thể hiểu sai ý tôi đến thế? Tôi không nghĩ đến người đàn ông giàu, mà đến người đàn bà nghèo, bác sĩ ạ, nếu bà ấy...nếu cô tôi...

Erik Lange nhìn ông thật nhanh.

- Nếu bà ấy...

Ông mục sư cầm đầu ô vào trong cát.

- Từ khi còn bé tôi đã biết cô Dorete Colbjornson, goá phụ của giám mục. vì mồ côi nên tôi đã sống nhiều năm ở bên bà khi thì ở Viborg khi thì ở Copenhagen. Tôi đã thấy bà ấy ở lâu đài giám mục và ở nhà bộ trưởng, tham dự các cuộc hội họp và buổi tiệc lớn. Adam Colbjornson sống một cuộc đời vương giả. Tôi đã trông thấy ông ấy trong các lễ cưới của con trai họ và dịp họ lên đường đi ra nước ngoài. Tôi cũng trông thấy bà ấy trong đời sống hàng ngày, một mình trong việc nội trợ và con cái. Nhưng tôi luôn luôn

thấy bà ấy ở trong bóng tối, trước một cái cửa sổ, bên cạnh đó là chiếc ghế và cái bàn đồ khâu đưa từ nhà bố mẹ đẻ đến. Những tranh ảnh và sách vở của bố bà ấy vây quanh, bà ấy quay lưng về phía chúng ta và nhìn thẳng vào bóng đen.

Ông im lặng, chỉ còn nghe tiếng biển gầm và tuyết nhẹ rơi.

- Đây, ông bác sĩ – Honorius nói tiếp giọng khẽ hơn – nếu giữa đám người của triều đình, giữa đám học giả và tăng lữ, nếu trong cuộc sống vợ chồng của bà ấy, nếu giữa những con cái, nếu trong phòng khách lộng lẫy bà ấy vẫn cô đơn như Clemens Bek trong cát và trong túp lều của cụ ấy?

- Bây giờ bà ấy làm gì? – Erik Lange hỏi.

- Bà ấy goá bụa và đang ở trong ngôi nhà đẹp đẻ của mình ở Viborg, nhà của Adam Colbjornson, trong một góc vắng gần chiếc cửa sổ, nơi bà ấy đã tạo nên một chốn riêng của mình.

- Bà ấy có một mình?

- Không, có Ester, cô gái út sinh ra rất muộn sau những người con khác, đang ở với bà ấy. Giám mục không chú ý gì đến cô con gái này nữa và hoàn toàn bỏ nó lại cho mẹ. Còn các con trai con gái khác đều phải đưa vào phục vụ cho các kế hoạch của ông ta bằng những cuộc kết hôn, bằng địa vị của họ. Những người này chỉ là con của ông ấy. Nhưng Ester vẫn còn là một cô con gái của cô tôi. Trên khuôn cửa sổ có một bức tranh màu phấn đã bạc vẽ Dorete hồi còn trẻ, đó hết là chân dung của Ester. Khi Ester được sinh ra một cách muộn màng, cũng như khi sinh ra Isaak, thì bố nó là Adam Colbjornson đã chán chường cái xã hội này rồi khiến ông quay về với Chúa Trời. Bây giờ thì chính là cái sức mạnh này thu hút ông ta, và cô tôi mới có quyền làm mẹ. Thời gian phục vụ bên cạnh chủ nhân của bà ấy đã qua.

- Nhưng trong trường hợp này thì... - Erik đặt bàn tay lên vai mục sư – hãy chờ đợi là bà ấy chỉ tìm thấy một người chết ở nơi mà không bao giờ bà ấy tìm được một người sống.

Ông mục sư không trả lời.

- Ông hãy chỉ cho cụ ấy thấy rằng cụ ấy đã gần gũi với bà ấy suốt cả đời, nhưng đừng cho cụ ấy thấy rằng đó chỉ là người chết.

Gabriel Honorius lắc đầu.

- Ông nói có lý, bàn tay chúng ta sẽ không làm lệch hướng bàn tay của Chúa. Tuy nhiên, ông bác sĩ ạ, người chết này đối với bà ta sẽ sống hơn tất cả những người sống đã từng chia sẻ cuộc đời thực tế của bà ta. Thật vậy, hãy nghĩ đến những lời bà ấy đã nói trong giấc mơ của Clemens Bek. Ở hạ giới này linh hồn chỉ có thể sống với một thể xác, nhưng không bao giờ một linh hồn sống với một linh hồn khác. Chúng ta không được trộn lẫn bụi trần vào để xem xét lại họ, chính số phận đã định sẵn cho họ như thế.

- Phải chăng đó là một sự giải thoát? – Honorius thì thào.

Erik Lange nhún vai.

- Ông hãy hỏi Chúa của ông. Tôi chỉ nói về các sự kiện, chúng tôi tin rằng Chúa và các sự kiện buộc chúng ta phải phục tùng.

Ông mục sư cầm tay anh.

- Cảm ơn Erik Lange vì đã làm cho tôi hiểu rằng niềm vui tốt ở sự phục tùng..Nhưng – ông nói thêm trong lúc hai người đi về hướng nhà cụ Clemens Bek – Dorete Honorius sẽ học được ngay tại gian phòng đó sự phục tùng và sẽ cảm ơn Chúa về ân huệ mà Người đã ban cho để hoàn thành công việc này mà bản thân không hề ngờ tới. Bà ấy sẽ học được điều đó khi chỉ còn thời gian để cảm ơn và vâng lời.

Erik Lange tỏ ra đồng ý.

Họ cúi xuống để đi qua dưới một cái cửa thấp ở trong nhà, nơi ngửi thấy mùi thơm rạ, mùi ẩm thấp, mùi bùn, mùi cây mỗ hạc và cà phê.

Ellen ngồi bên cửa sổ khâu vá. Cô ngẩng đầu:

- Em đã đến đây rồi – Erik thốt lên, rồi anh chìa tay ra với cụ Clemens Bek.

- Vâng, em đã vượt qua đầm lầy. Boel ngồi bên đũa bé đang ngủ, nhìn thăm dò rồi nói tiếp, tay vẫn cầm kim – Hồi còn bé em luôn luôn sợ hãi khi mẹ em rời xa em và khi trời tối. Nhưng thằng bé thì...

Erik Lange vuốt mớ tóc hung.

- Em hãy đợi đến mùa xuân, Ellen ạ . Giờ thì anh chẳng dám làm gì cả, nhưng anh sẽ cố thử

Ellen cười với anh.

Cụ Bek thấy cô cười cũng cười theo.

- Bà Ellen này, cả hai chúng ta cùngci khi nghĩ tới mùa xuân!

- Ô, cụ Bek!

Đôi mắt Ellen đầm lệ. Cụ già giơ bàn tay ra hiệu:

- Suyt! Bà có nghe thấy tuyết rơi không? Chúng ta đang trong thời kỳ những ngày âm u, đến mùa xuân cả hai chúng ta sẽ nhìn thấy ánh sáng.

Và tiếng đồng hồ tích tắc đưa họ từ tháng chạp này đến tháng năm.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Phần IV - Chương 1

Ellen cúi xuống giường, đôi má ửng hồng và hơi thở ngắt quãng. Suốt ngày

cô đã chạy đi chạy lại từ chỗ cụ già đến chỗ đứa bé.

- Cụ có biết hôm nay là ngày gì không, cụ Bek?

Ông cụ ngược mắt:

- Có chứ, bà Ellen ạ, có khi nào người ta lại quên được ngày Giáng Sinh?

- Vâng, nhưng...

Ellen ngừng lại đột ngột.

- Bà đã nghĩ rằng tôi đã chẳng bao giờ có ngày Giáng Sinh sao?

- Đúng vậy.

Cô ngẩng nhìn cụ và buồn bã bĩu môi.

Cụ Clemens Bek cười ử rử.

- Thực ra tôi chưa hề có, Eberhard Sebartien biết rõ ngày thứ sáu trước Phục sinh hơn là đêm trước Noel hay ngày chủ nhật của lễ Hạ trần. Tuy nhiên bà cứ tưởng tượng rằng nếu tôi chưa từng là trẻ con bao giờ thì tôi cũng đã trải qua cuộc đời giữa đám trẻ con.

- Và chính chúng đã dạy cho cụ biết thế nào là ngày Noel?

Cái nhìn của Ellen mất hút trong bầu trời hồng của hoàng hôn.

- Làm sao tôi có thể quên được Noel. Với tôi tin tức tốt lành nảy nở từ những con mắt và nụ cười trẻ thơ đúng vào thời kỳ đen tối nhất. Từ đâu loé lên ánh sáng Noel nếu không phải là ở trên đảo này? Bà đã trông thấy những cửa kính loé sáng lên trong đêm thánh, bà đã nghe hát lên trong các túp lều? và bà có biết lời truyền đạt của Noel có ý nghĩa như thế nào đối với thế giới chúng ta không?

- Nhưng khi bọn trẻ con về nhà chúng rồi? – Cô thì thầm.

Và trong khi nói điều đó cô tưởng như nghe tiếng vọng xa xôi của cánh cửa nhà trường đang khép lại hay là cánh cửa của ông già mở ra trong tiếng thờ dài.

- Thừa bà thân mến – khuôn mặt già nua mỉm cười, ý thức về sự ưu việt đã rọi ánh sáng vào sự ngu muội làm cho con người hạnh phúc – trên đảo còn có một cửa sổ nào có thể gửi tôi ánh sáng của Noel?

Ellen cúi về phía trước, nhìn thẳng trước mặt.

- Có phải bà Lucie Camrath đã ở đây chiều nay?

- Không, bà ấy ở nhà ông mục sư – cụ trả lời, gần như hoảng sợ - Tối nay chắc bà ấy có một bữa ăn đặc biệt. Noel và lễ Pâques là chuyện của các mục sư.

Ellen lặng lẽ nhìn chằm chằm rất lâu vào vệt nắng đỏ ở giữa những đám mây rồi đứng thẳng dậy với nụ cười trên môi.

- Cụ Bek thân mến, tối nay cụ sẽ ăn mừng Noel.

- Tôi sẽ ăn mừng Noel?

- Vâng, phải – quỳ trước giường cô gơ hai tay cầm lấy hai bàn tay cụ

già – và cụ cho phép chúng tôi, Erik và tôi, ông mục sư Honorius và tất nhiên là cả mamzelle Camrath đến nhà cụ mừng Noel?

- Đến đây, ở nhà tôi, một buổi tối Noel?
- Cụ Bek ơi, cụ đừng nói gì hết – nước mắt rung rinh trong giọng nói của người phụ nữ trẻ - Còn ở đâu chúng tôi có thể đón nhận Tin tốt lành của Noel nếu không phải là ở đây?
- Thế còn đứa bé?
- Bé ngủ rất sớm, nó còn bé quá để mà nhìn cây tùng, với lại nó cũng sẽ không trông thấy – cô nói thêm trong khi giấu mặt vào thành giường. Clemens Bek đặt tay lên gáy cô.
- Một người mù vẫn thấy được ánh sáng Noel – cụ thì thầm.
- Đúng thế, nhưng có lẽ là sang năm sau...
- Tất nhiên, năm sau!
- Thừa cụ Bek – cô do dự rồi nói tiếp – Tự tay Erik sẽ chặt một cây tùng ở vườn chúng ta. Chắc hẳn cụ nghĩ là nó bé quá nhưng chúng tôi bảo nhau rằng cụ sẽ thích vì cây này đã mọc trên hòn đảo. Các cây tùng của cụ - cô nói thêm, vừa hắt đầu về phía cửa sổ qua đó người ta nhìn thấy những cây tùng phai màu – đều từ đây cả phải không?
- Vâng, tất cả. Những cây đầu tiên là của Jacobus Uz, những cây khác là của ông mục sư rồi của ông bác sĩ cho.
- Cụ đã thấp sáng chúng? – Ellen hỏi.
- Có, thấp mãi, nhưng tôi có một mình với chúng.
- Tối nay thì trái lại...
- Tối nay, tôi sẽ có bên cạnh tôi những con người thân thiết, quả thật sẽ là Noel đầu tiên của tôi và... - người ta đoán là qua giọng nói của mình, cụ đang cười – thế là muộn còn hơn là không bao giờ.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 2

- Cụ Bek ạ, cụ bảo rằng đó là Noel đầu tiên cho cụ và mamzelle Camrath? – Erik Lange chìa ra cho người ốm một ly rượu đầy – Cụ có biết rằng đó cũng là Noel đầu tiên giữa Ellen và tôi không? Cụ đã cho chúng tôi hiểu được Tin tốt lành.
- Đó, cũng như thế đối với tôi là mục sư – Honorius cười với ông già – Tôi đã thuộc tất cả Kinh thánh nhưng không biết đến Tin tốt lành. Ellen kéo mamzelle Camrath vào giữa họ. Ba người trẻ tuổi mặc lễ phục quý

xuống quanh hai cụ già bên cạnh chiếc bàn đã bày cỗ và tháp cây tùng thấp sáng phản chiếu lại từ những cửa kính đã đen sẫm vì đêm tối ở bên ngoài. Mọi người nghĩ rằng nếu đây là Noel đầu tiên của Clemens Bek thì đây cũng là Noel cuối cùng của cụ. Noel có bao giờ toả sáng như hôm nay?

Hôm 25 tháng Chạp, cụ già Bek ngồi trước ánh nắng với các giấy tờ trên giường của cụ.

Màu trắng của áo sơ mi, của khăn trải giường của tuyết, của tóc bạc, bao quanh cụ bằng hào quang của họ, trong đó trộn lẫn ngọn lửa đỏ của ly rượu vang, của ánh lửa than trong lò sưởi.

Ba người khách nhìn vào cụ, vào vòng sáng của cụ. Người ta đã nghe chuông điểm chấm dứt buổi lễ. Mục sư đã đi thẳng đến đây sau khi cởi áo lễ ra. Cuộc sống và cái chết hình như là những cái rất gần gũi với trái tim run rẩy của những người thừa kế nhà mồ.

Khuôn mặt sáng sủa của ông già mỉm cười với họ như thể cụ đã đoán được ý nghĩ của họ.

- Lần trước tôi đã hứa sẽ nói với các bạn, với những người của thế hệ trẻ trên đảo, về vô vàn những ngày, những đồng nghĩa với vĩnh hằng. phải chăng tôi không đến từ hôm qua, tuổi trẻ của tôi không bắt đầu trong lúc này?

Tôi sẽ nói về ai, nếu không phải là về thời gian dùng cho Rachel, cuối cùng tôi cũng đi đến chỗ yêu Léa?

Khi nghĩ đến những người đã sống trên đảo hồi ấy, nghĩ đến những thói quen của họ, số phận của họ thì không phải như các bạn có thể tin rằng tôi bị xâm chiếm bởi nỗi đau, mà bởi sự tin chắc là tôi sẽ gặp lại tất cả họ. không có cái gì như đã sống sẽ chết đi.

Tôi nhìn thấy lại họ thật rõ ràng. Như thể là họ sắp sửa gặp gỡ tôi nay mai, khi tôi sẽ cũng như họ, khi chúng tôi cùng nhau ở trên con thuyền lớn của trời mà tôi đã mơ thấy cái đêm ấy và từ bấy đến nay đã mơ trong nhiều đêm. Tôi thấy lại mình trong căn gác áp mái chật chội ẩm thấp bằng ván gỗ của nhà kho rất gần trời, ở đây tôi có thể tưởng tượng tôi là sinh linh duy nhất thức tỉnh dưới vòm trời bao la. Tôi thấy lại tôi tìm thanh bình tại đây và tôi nhớ lại những giờ mất ngủ, suốt những giờ đó, trong một sự im lặng và bóng tối chết chóc tôi cảm thấy cuộc đời tôi vô dụng và vô vọng một cách mãnh liệt đến nỗi tôi chỉ muốn đêm đó là đêm cuối cùng. Và rồi một tia phản chiếu của ngọn đèn pha đã lướt qua trên mặt tôi, chiếu sáng chiếc giường của tôi, nhắc tôi rằng tôi đã không ngừng muốn quên đi: Chúng ta không phải được ban cho cuộc đời, và chúng ta không có quyền ấn định những con đường của nó...

Ánh sáng xa xôi trở về và còn trở về nữa. tia chớp này tiếp theo tia chớp khác như chính hồi quang của Chúa vào linh hồn tối đen của chúng ta.

Tôi thấy lại mình, đứng lên, mệt mỏi, chân tay nặng chình chịch, nhưng ý thức được rằng dù sao tôi cũng được Chúa gọi đến để làm cái nhiệm vụ khiêm tốn của mình, và tôi thấy lại mình đang đi để thực hiện ý nguyện của Người.

Phía dưới trong căn phòng rộng trống trải của nhà mục sư, bánh mì và sữa đã được dọn sẵn và trong khi tôi ăn, khuôn mặt rám nắng và đôi mắt long lanh của Malene cười với tôi từ ngưỡng cửa nhà bếp, hiền hoà như của một người mẹ. tôi đáp lại nụ cười của cô với lòng biết ơn. Tôi ngạc nhiên vì cái sức nóng toả ra từ một cô gái sinh ra trên đảo, ngạc nhiên vì những điều cô biết, đồng thời cả tình yêu, nhục dục và sự dịu dàng của một người mẹ. Tôi hiểu những người đàn ông, lượn đi lượn lại xung quanh người phụ nữ này và tôi hiểu Schwarzflugel cuốn hút được của cô từng tia sáng nhỏ nhất cho cái thân thể giá lạnh của mình.

Tôi bước vào chào ông mục sư. Tôi thấy lại cái đầu như quả trứng của ông, trong bóng tối của phòng ngủ mắt ông nhấp nháy đen như hạt huyền, và hai bàn tay ông động đậy. Tôi cảm thấy mùi nhựa đường và mùi bách xù của ông khi những ngón tay lạnh giá của ông siết chặt tay tôi thì sự tức giận của tôi đối với ông và Malene biến mất. Tôi hiểu cả hai người cũng như tôi hiểu Jacobus Uz, hoàng thân và chị vợ của người gác đèn Madeleine ở Provence. Nhưng tôi cảm ơn đã là một đứa trẻ. Schwarzflugel không còn ngờ vực tôi và Malene nữa. Thực ra ông ta không còn cần đến tôi, nhưng ông ấy giữ tôi vì lòng thương hại và khỏi buộc phải xa Malene lấy một lát, trừ ngày chủ nhật khi ông phải lên giảng đài. Ngay khi bắt đầu mùa gió thuận ông sẽ sai đưa ông lên một chiếc tàu đánh cá và sẽ đến Jutland để biến Malene thành vợ ông. Cô mỉm cười với tương lai một cách tin tưởng.

Tôi đến trường, đi dọc theo hoang mạc màu hồng nhạt dưới nắng mai lẫn với bóng râm xanh lơ. Cũng có khi nó lại có màu đen đất như nấm mồ bị đổ sụp của một người khổng lồ. đường đi làm của tôi ngang qua dưới chân đồi của nhà thờ và xuyên qua làng. Tôi biết nó rất rõ và đi theo nó để đi làm công việc của tôi. Tôi nhìn bọn trẻ sinh ra trên đảo và sẽ chết trên đảo, không hề ước ao đặt chân lên một bến bờ nào khác. Lòng đầy kinh hoàng tôi cảm thấy không có một giáo viên nào lại được giao một sứ mạng tế nhị như tôi. Tôi cảm thấy tôi phải bám vào rễ đến mức nào vào cát này để có thể hút ra mọi dưỡng chất cho những đứa trẻ của tôi. Và tôi nhận thấy công việc của tôi sẽ là sự cứu độ.

Những giờ dài lê thê bắt đầu. cũng như bốn phận của tôi là bám rễ vào mảnh đất nhỏ bé này như là vào một nơi độc nhất có thể được, tư tưởng của tôi chỉ xoay quanh bằng chữ cái, những phép tính cộng cũng như quanh những khái niệm ý nhị về lịch sử Kinh thánh và lịch sử đại cương như là cái kiến thức khoa học duy nhất tôi đã tiếp thu được. cũng như tôi đã quên mất lâu đài của

ông tôi, sự thăng tiến của Adam Colbjornson đến vinh quang và quyền thế, sự leo thang của Augustin đến sự giàu có, đến những túi đầy vàng và những tủ đồ ăn đầy ắp, tôi đã quên kiến thức của giáo sư Honorius và thơ ca của bố tôi, tôi quên những ý nghĩ tham lam và những giấc mơ kiêu ngạo. Tôi tự phát hiện ra chính tôi trong cái lớp học chật và thấp này ở nơi tận cùng trái đất, bao quanh bởi hai ba mươi tâm hồn thơ ngây mà tôi phải dạy cách sống bằng cây bút chì, cái bảng, bảng tính nhân và giáo lý Cơ Đốc, nhưng chủ yếu bằng tấm gương của bản thân tôi.

Trong khi tôi cảm thấy học sinh thờ xung quanh tôi mà tôi nhận ra sức nóng của cơ thể chúng, tôi hiểu được rằng đó là điều chủ yếu và đổi lại, với những cái nhìn cảm ơn, chúng tôi tham gia vào việc vận động của vĩnh hằng.

Tôi về nhà, luôn luôn theo dọc hoang mạc, nó có lúc trắng như tuyết, có lúc chói sáng như một Sahara đầy ảo ảnh. Tôi trông thấy ở đây những khu rừng và những cây sồi hồi tôi tuổi còn măng sữa, tôi trông thấy ở đây giữa những cồn cát có những thị trấn của dân chài với những mái ngói đỏ. Cư dân mặc quần áo đánh cá đi lại trên những đường phố ngập trong bụi nước. Họ đi vào và đi ra qua một cái cửa mở ra cho cổng chính của nhân loại. Cánh cửa này cũng hé mở đối với tôi rồi lại đóng lại như là đối với cả thị trấn, với tất cả kiến thức của nhân loại.

Tôi trông thấy những ẩn sĩ thoát ly hết mọi nỗi lo âu của thế tục này ngồi dưới những tán lá cọ thiên đường...

Những ảo ảnh đó được ban tặng cho tôi miễn phí như những ngôi sao đêm. Chúng mở rộng chân trời của tôi nhưng không gợi nên lòng ham muốn của tôi.

Các bạn có hỏi tôi rằng tôi chỉ có thể nhận thấy những ảo ảnh trên hoang mạc mà Chúa đã ngăn cách với các vùng khác bằng những vực rộng hàng ngàn dặm, mà các khoảng cách chỉ có thể chinh phục bằng tinh thần mạo hiểm?

Tôi sẽ trả lời các bạn rằng ước mơ cũng mạnh lắm, cái giấc mơ nảy sinh giữa lòng hoang mạc ấy mà. Hơn nữa chẳng phải tôi đã có trong tay quyển sách địa lý từ hồi tôi còn bé đó sao? Quyển sách đó tôi dùng cho học trò còn hơn là quyển sách giáo khoa tôi tàn cổ lỗ mà tôi tìm thấy ở trường.

Tôi đi về nhà dọc theo hoang mạc, cái xương? của tạo hoá, nơi hình thành và nảy nở ra những giấc mơ của Chúa. Lối đi chỉ dài có mấy bước, nhưng với tôi, một bạn tâm tình không xứng đáng của Chúa Trời, là cả một đường vòng quanh trái đất. Tôi đi về nhà để ăn cái thức ăn mà xưa kia tôi rất ghét với một mùi dầu cá voi bám vào tất cả ngôi nhà và vào tận nhà thờ, cái mùi cổ xưa nhất của thế giới mà Chúa gửi từ những vực sâu lên bờ cho chúng ta ăn. Malene vẫn đón chào tôi với một nụ cười thân mật, nụ cười của người lớn với trẻ con, nhưng giọng dê kêu của Schwarzflugel không ngừng gọi cô.

Tôi bước lên phòng của tôi, đốt lò sưởi bằng thạch thảo và tảo dạt, ngồi vào bàn trước cửa sổ để tự học những kiến thức trẻ con mà tôi cảm thấy tôi chỉ nắm vững khi tiếp thu nó như một đứa trẻ.

Trong khi đọc sách, tư tưởng tôi bay lên. Tôi nhìn hoang mạc, biển khơi bên kia những cồn cát thấp, và tôi thấy rõ rằng chính ở nơi đây tôi phải sống, ở đây chúng ta được nuôi dưỡng bằng bàn tay của Chúa.

Tôi thấy mình lại đi vòng quanh đảo bằng cách men dọc theo bờ biển từ chỗ bên dưới những ngôi nhà của Jacobus Uz và của nhân viên hải quan đến tận ngọn đèn pha và mãi đến tận cùng mà phong cảnh thay đổi không ngừng. Khi thì nó kéo dài ra, khi thì rút ngắn lại, khi hướng sang Đông, khi vòng phía tây. Một hôm tôi tìm thấy trên cát dấu vết chân của những chim mòng biển, một bận khác tôi lọt vào giữa một đàn hải cẩu chậm chạp.

Cái nhìn của tôi rút rè đặt xuống ngọn đèn pha lớn trắng xoá và nhà người gác sau những đụn cát. Nếu đôi khi gặp chính người gác đèn, tôi vội vàng chào anh ta và trốn mất. Nhưng nếu tôi gặp anh trên đường, trong cỗ xe tôi tàn hai bánh to tướng đi dọc theo bờ biển và nếu tôi biết chắc rằng anh không thể bất ngờ xuất hiện gần bên nơi ở của anh, chỗ những vết bánh xe đã biến đi trong cát thì tôi nán ná lại ở chân ngọn đèn pha trên nền lát gạch. Biển không ngớt ném vào tôi những bọt nước và bóng tối, gió làm đình tai tôi, những con chầy biển nhảy phía trên những ngọn sóng tấn công vào các cây cột chốt sâu, ánh sáng lọt qua các đám mây như những hạt cát trong chiếc đồng hồ cát... Tôi ngắm những viên gạch trắng ra qua thời gian, rải dài như một chiếc quạt đến tận những đồng tảo dạt và tôi trông thấy người vợ trẻ của anh gác đêm. Malene ở Provence mặc chiếc áo ngủ trắng, chân tay vờ vụn dưới mớ tóc đen... Bóng nghiêng dị hình của Jacobus Uz cúi xuống cô. Rồi mắt tôi còn tìm khoảng bao la đơn điệu của sóng, nó làm ánh sáng hiện giờ đang suy yếu.

Vậy là tôi đã được cái đặc quyền tìm được ở đây cái tồi tàn nhất của một nơi trú ẩn đấy chứ!

Tôi không dừng lại gần ngôi nhà của người gác đèn được vây kín dưới mái như dưới nắp quan tài. Người gác này đã phải đập vỡ bông hoa độc nhất của đời anh khi anh thấy nó đã bị đầu độc.

Nhưng xuống đến dưới, chỗ vịnh kho hàng, tôi nhận thấy một lần nữa cái nhà tai ách này. Những cảm nghĩ về Trái đất mà nó gợi ra thật lạ lùng đối với tôi cứ như là tôi thực tế sống ở một hành tinh khác. Tôi cô độc, vô cảm và xa lạ trên cái bờ biển vô tận này, trên đó đêm tối trải ra, như một cư dân của những vùng thiên thể. Vì tôi hiểu cái giá tôi phải trả cho sự giải thoát của tôi.

Một giờ sau, khi tôi đến chân ngọn núi Sonderbjaerg, tôi trông thấy sáng chói những cửa sổ của Jacobus Uz dưới những mỏm đá, trong bóng đêm bấy

giờ đã tối mịt, tôi cảm thấy những bóng tối mà tôi bỏ lại sau, cho những dặm cát hoang sơ mà tôi vừa đi qua nơi chỉ có một mình hơi thở của tôi thổi qua một chút hơi ấm con người. Bỗng nhiên tôi cảm thấy mình quá bé nhỏ, quá lạc lõng ở đây, trong đêm đen mịt mùng, bên bờ biển động dữ dội mà tôi chạy qua bằng một hành động thiếu suy nghĩ tới cái ánh sáng độc nhất này. Thế là đã hơn ba mươi năm cây thánh giá dựng trên ngôi mộ của Jacobus Uz. Nó cùng với hai cây khác của Agnete và của hoàng thân, là những đài kỷ niệm độc nhất của chúng tôi. Tuy thế tôi thấy hình như chỉ mới hôm qua tôi đã trú ẩn bên cạnh ông ấy.

Sao mà tôi còn trông thấy ông ấy rõ thế, ông ấy ngồi cạnh cây đèn, nghiền khuôn mặt tái nhợt của ông ra phía trước, cái khuôn mặt nói cho đúng ra là đang bị chôn giữa những xà ngang nặng trĩu của trần nhà và những bàn ghế khổng lồ. Và tôi, ban nãy ở kia, nơi cả mưa lẫn gió không xoa nổi dầu mòn, thấy rằng mình cao hãnh hơn ông ta, tôi áp trán lên bàn tay trắng bệch ông giao ra với tôi, thấy hoảng sợ trước sự vĩnh hằng mà tôi đã mơ ước và đang thuộc về nó, thấy mình bị trả về trên bãi biển này mà tôi luôn luôn muốn tìm cách chạy trốn.

Tiếng thì thào của đêm tối vang lên sau các cửa kính, tiếng tích tắc cô đơn của chiếc đồng hồ càng nhấn mạnh thêm sự hiện hữu của đêm và biển. Tôi ngẩng mặt lên và gặp đôi mắt của đêm và biển. Tôi ngẩng mặt lên và gặp đôi mắt của Jacobus đang cười với tôi trên ghế ngồi của ông ấy – cái hình ảnh sự mong manh của con người khiến ông ấy bị chiến thắng. Khuyết điểm của tôi cũng chẳng bé hơn của ông ấy và có lẽ cũng phải chuộc lại không kém, nhưng cũng vì nó tôi mắc nợ cuộc đời, ngoài nó ra không có sự cứu độ nào khác.

Hãy chỉ cho tôi một nơi nào của đảo mà tôi không tìm thấy lại Jacobus Uz. Chẳng phải ông là linh hồn của đảo đó ư? Ông là một con người thật nhỏ bé nhưng cũng thật là mạnh đó ư?

Tôi trông thấy ông đứng trên ngọn Sonderbjaerg, hiện lên bầu trời cái bóng dị hình của ông như một con chim ốm mong rằng cái cánh gãy nát của nó bay được tự do và đưa nó đến bên kia các biển, đến những chân trời không ngờ tới.

Tôi trông thấy ông mặc chiếc áo choàng xanh đi qua thảm cây xanh của đầm lầy. Tôi trông thấy hình ảnh của ông phản chiếu trong cái ao nhỏ rồi biến mất trong rừng cây.

Tôi trông thấy ông nặng nhọc vác những bó thực phẩm, quần áo hoặc sách cho người già và cho người nghèo. Tôi trông thấy ông hàng ngày đi đến nhà bác sĩ, mùa đông ấy, khi chiếc tàu Bengale bị đắm và người thủy thủ Bồ Đào Nha, kẻ sống sót duy nhất được chữa trị trong nhà của bác sĩ Oerbro. Ông đã học tiếng Bồ Đào Nha, tạo điều kiện cho người ngoại quốc bất hạnh lẽ ra

không thổ lộ được đau khổ, những hối tiếc, sự hấp hối, kẻ lẻ tâm tình với một lỗ tai thương cảm giữa lúc chuyển từ cuộc sống sang cái chết rồi trút hơi thở cuối cùng.

Tôi thấy lại ông ấy suốt tất cả các ngày và các đêm có đắm tàu mà cái thân thể đau đớn của ông đã báo trước cho ông biết từ lâu. Tôi trông thấy ông chiến đấu với những ngọn sóng và bão tố, bò lê trong những bụi guôcbê trên bãi biển, chờ đợi suốt giờ này sang giờ khác chiếc tàu cứu nạn trở về và người ta chuyển những người bị nạn lên bờ, lên chiếc xe ông sai mang cho họ trên các cồn cát. Chiếc xe này chở họ hoặc là đến chiếc quan tài trong nhà thờ hoặc đến chính nhà Jacobus Uz, ở đó họ sẽ được săn sóc và che chở. Ông ở lại bên cạnh chiếc xe, đặt tay lên thùng xe và nếu những người bị nạn còn sống thì ông khuyên răn động viên họ bằng một trong bảy thứ tiếng mà ông biết.

Tôi lại thấy ông quỳ bên những nạn nhân đắm tàu để nghe người gác cảng hay nhân viên thuế quan Vendelin báo tin rằng biển đã ném vào bờ xác một người ngoại quốc. Ông thực hiện cho anh ta mọi động tác săn sóc mà ông đã học được, hà hơi thổi ngạt vào hai lỗ mũi vào mắt anh ta và cuối cùng khi đành bỏ thì ông ôm đầu xác chết vào ngực trong lúc hai mắt ông nhìn ra biển bằng cách đặt cho thân chết câu hỏi không được trả lời của những người đang sống.

Tôi nhớ lại một đêm đông và cơn bão tuyết. một chiếc tàu đến từ Ấn Độ đã bị vỡ đầu ngoài kia gần Stensore. Chỉ một người da đen được cứu thoát. Ngay sau khi người ta đưa anh vào bờ, anh đã nằm quỵ xuống đất, cuộn mình trong tuyết, vùng đứng dậy rồi lại ngã xuống kêu rú lên vì rét trong cơn bão. Jacobus Uz đã giật chiếc áo khoác của mình ra quần cho người da đen. Anh này hôn bàn tay ông rồi ôm lấy bờ biển và kêu to bằng tiếng Anh bập bẹ:

- Bờ biển kinh khủng, bờ biển trắng bệch như thân chết nhưng một người lùn có bướu đã cứu tôi, ông ấy đến thẳng từ mặt trời!

Tôi cũng thấy lại hai người đàn bà đã chia sẻ với Jacobus Uz ngôi nhà hoang vắng to tướng, cô và dì của ông ấy.

Tôi thấy lại khuôn mặt của họ như là tôi đã trông thấy họ lần đầu sau cửa sổ, mãi miết nhìn ra biển, mỗi người hy vọng sự trở về của người thân yêu không bao giờ về nữa.

Cuối cùng hai khuôn mặt đối với tôi đã lẫn lộn vào với bộ mặt của hòn đảo. nó cũng không ngừng nhìn ra biển như nói rằng Đất liền ơi, liệu anh có về vjem nữa không, anh, người mà hôm nào em đã phải ngăn cách bằng vũ lực, anh có ôm em vào lòng hco em khỏi cô độc không?

Bà Boline d Orchimont, cô của Jacobus Uz không theo ý nguyện của cả gia đình đã kết hôn với một thuyền trưởng nước ngoài ghé vào đảo để mua cá,

và gần một năm sau ngày cưới ông đã rời bỏ vợ và biến mất sau đường chân trời, cũng đột ngột như khi ông đến. Ông còn không cho biết một dấu hiệu nhỏ nào về cuộc sống.

Tôi trông thấy bà ấy to lớn bệ vệ, bàn tay béo múp đặt lên chỗ vịn ổ khóa cửa sổ và nhìn ra ngoài, ngày này sang ngày khác, năm nọ đến năm kia.

Tôi chỉ không có mặt trên đảo một tuần lễ là người ta hỏi: Ông đến thăm bà d Orchimont à?

Sự quan tâm mà tôi nhận được chứng tỏ cho tôi biết rằng tôi đã được hòn đảo đón tiếp bằng tất cả luật lệ.

Đôi mắt nâu nặng nề của bà d Orchimont dưới cặp lông mày đen sẫm dừng lại một lát ở tôi trong khi cháu bà giới thiệu tôi, rồi lại quay về phía cửa sổ.

Jacobus Uz đã đẩy về phía tôi một trong những chiếc ghế tựa lưng thẳng đứng, còn ông thì ngồi trên một chiếc ghế đầu đặt ở chân bực. Cả ba chúng tôi không ai nói gì, cùng nhìn về chân trời xám đang biến mất, tiếng động khẽ của chiếc đồng hồ phía trên tràng kỷ phá tan sự im lặng. Một mùi chua của những chiếc gối bằng lông ngựa và véc ni trôi trong không khí. Một số khăn trải bàn, tạp dề, vỏ sò, miếng hồ pháchm mũi dao và rìu đá, những lọ hoa hải đường hay hoa vân anh, những vòng thạch thảo, cúc bắt tử và cây sim, quả biếu của trẻ con trên đảo, chất đọng trên chiếc bàn phủ khăn màu sẫm có đặt cây đèn chùm che vải trắng giống như một khối nước đá. Ngay cả trên các giá treo, các bàn tròn, các gối thêu của lỗ cửa, nơi có một bàn tay to tướng đầy nhân, và vòng, lại cả trên bực, xung quanh những bàn chân đi giày vải đen cũng ngổn ngang các thứ đồ đạc ấy.

Tất cả thảo mộc nghèo nàn của đảo đều nảy nở trong phòng, bà Boline d Orchimont. Chỉ một đoá hồng nở ra bị gió và rách trong cát của những mảnh vườn nhỏ, mỗi bông hoa bướm xanh đứng lên giữa đá của hoang mạc, từng miếng hồ phách vàng chói mà bọn trẻ tìm thấy trogn khi chơi đùa hay là biển ném vào bờ như là thông điệp của mặt trời – tất cả những gì lọt vào tay của chúng nó đều là của bà hết.

Mỗi chiếc khăn bàn, mỗi chiếc gối mà những người phụ nữ trẻ khâu được đằng sau cửa sổ trong những giờ hoạt động vui chơi ngăn ngui đến trang trí cho cái bàn hay chiếc ghế bành của bà d Orchimont. Những mũi thêu sẫm tượng trưng những tiếng thở dài cảm hứng từ số phận của bà, những mũi thêu vàng biểu hiện những lời nguyện cầu cho số phận của người đang thêu. Những người chịu lễ ban thánh thể đầu tiên, những cô dâu đến vừa run run đặt những vòng hoa dưới chân bà như trước một cuộc đời chưa biết đến, giống như biển trời bao la mở ra trước mặt bà.

Do ngôi năm này sang năm khác ở cửa sổ của mình, bà Boline d Orchimont, mà tuổi tác và sự bất động dày đặc trong chiếc áo lụa đen, đã hầu như chuyển sang trang thái truyền thuyết, nhân cách hóa hòn đảo của quá khứ,

của tương lai, bí ẩn như biển cả, bà chủ của những số phận đã đưa đến và lấy đi người khách lạ được chờ đợi triền miên.

Và như câm, như điếc, như mù, bà nhận những quà tặng những tia mặt trời của mảnh đất nghèo này, lưng quay lại những cô gái trẻ dâng tặng phẩm, run sợ ở ngưỡng cửa. Người ta yêu mến bà vì sự im lặng của bà, vì tất điếc mù quáng của bà như là những người con của mảnh đất bị lãng quên giữa biển khơi yêu hòn đảo của họ.

Nỗi đau của bà sống trong tim mọi người. Nó ngăn lại những trò chơi trẻ con, những cuộc khiêu vũ của thanh niên. Nỗi đau của bà là nỗi đau của hòn đảo.

Chính bản thân bà đã quên đi nỗi đau ấy. Bà chỉ còn nhớ lại có một điều: sự bất công, chỉ chờ đợi có một điều, sự chờ đợi.

Quên rồi nỗi sợ hãi những ngày đêm bão tố, quên rồi sự kinh tởm bị bỏ rơi, quên rồi sự điên rồ của sinh đẻ, quên rồi những chuyến chạy ra tận đê chắn sóng ngóng trông vô ích, quên rồi những giờ trải qua để hỏi một cách vô vọng đường chân trời, quên rồi s. trả lời của các lãnh sự quán – bởi vì một thủy thủ từ Nam Mỹ trở về đã mang tin rằng d Orchimont mà mọi người tưởng đã chết và bị sóng thần nhấn chìm, vẫn còn sống sờ sờ và hiện đang ở dưới nắng gắt của một bến cảng xa xôi trên một chiếc tàu, sánh vai cùng một cô gái Brasil xinh đẹp.

Bà d Orchimont im lặng lắng nghe câu chuyện mà Jacobus Uz đã kể cho bà nghe với cách bố trí thật khéo léo, mong sao giờ đây bà loại trừ kẻ không chung thủy ra khỏi tim mình và thôi ngồi ngóng mãi bên cửa sổ.

Và quả thật bà đã loại bỏ d Orchimont ra khỏi trái tim, nhưng bà vẫn ngồi ở cửa sổ. Bà ngồi đấy để chờ ông ta trở về, về đấy bởi nghèo khổ và ân hận, và đó là giờ báo thù đã điểm cho bà, một phụ nữ họ Uz bị chồng ruồng bỏ để chạy theo một cô gái ở một thành phố đáng nguyên rủa! Và bà nhận được lòng tôn kính của đảo nhỏ như nhận một tri ân còn con của mọi người.

Chẳng phải bà đã đau khổ cho tất cả, vì tội lỗi của đảo, vì sự ham muốn điên rồ của nó đối với mặt trời và ánh sáng đó sao?

Bà đã quên đi cuộc gặp gỡ đầu tiên ở bến cảng ngày mà ông ấy bước chân xuống đất đưa mắt ngơ ngác nhìn những núi non đen thui và những ngôi nhà tăm tối đó. Làm sao con người có thể sống được ở những nơi ấy?

Bà đã quên hàm răng trắng, ngôn ngữ sai lạc không đủ để mô tả sôi nổi về tổ quốc của ông ta và những bến bờ quyến rũ từ những chuyến đi liên miên đã đưa ông tới. Bà cũng đã quên cái mà mọi người từ cha mẹ đến anh em đều nghe ông ta tại cái phòng ẩm ướt này giữa lúc gió bắc rít trong ống khói, tiếng sóng đập vào băng át cả giọng nói, họ vẫn mãi mê nghe nói về mùa hè vĩnh cửu, về những cây cọ, về những người trần trụi...

Bà đã quên tiếng thở dài thoát ra từ mọi lồng ngực khi cuối cùng ông im

lặng và nhìn ánh đèn nhợt nhạt, biết rõ rằng một ngày kia ông sẽ tìm thấy nơi chôn thích đáng của mình trong một xứ sở mặt trời, ruộng bỏ mảnh đất dãi dầu với mọi khắc nghiệt của thời tiết này, cái ngôi mộ bằng đá này. Bà đã quên rằng bố mẹ bà cũng như bà, và ngay cả người anh thật cứng cáp, bố của Caspar và Jacobus, đã quay mắt đi để người ta không nhìn thấy sống lại ở đây kỷ niệm những tổ tiên xa xưa của họ đã, dưới cánh buồm trắng, ghé vào một bến bờ xanh thanh thiên, nơi con người trần trụi tắm trong nắng mặt trời.

Bà đã quên trong khi yêu ông ta, bà đã yêu chính bản thân mình, quên cuộc đấu tranh mà bà phải tiến hành một mình để thực hiện giấc mơ bị mọi người đánh mất khi bà tuyên bố muốn thành vợ ông ấy.

Trong sáu tháng trời ông ấy đã phải nhượng bộ sự quyến rũ của sắc đẹp trang nghiêm, của ý muốn và tài sản của bà. Ông ấy đã ở lại bên cạnh bà ở cái biên giới này của thế giới, trong cái hang này của những người đã man và thú dữ. rồi nhờ vào những cái vuốt ve và những nụ hôn, ông đã được bà cho phép về thăm lại tổ quốc chỉ một lần nữa thôi, ông đã thề với bà là khi quay lại sẽ không còn lưu trú ở mảnh đất nào khác hòn đảo này của họ.

Và bà đã có thai, đành phải nhìn ông ra đi một mình đến với cái mặt trời đã gửi ông ấy cho bà nhưng rồi không bao giờ đưa trả ông lại nữa. Bà ở lại với biển, bóng tối và gia đình. Vì tức giận gia đình không thể nào tha thứ cho bà vì đã đón một người lạ, một kẻ thù, ánh nắng vào trong pháo đài đã khép lại cho mọi kỷ niệm của con người bị ghét bỏ khó tiếp xúc. Bà ở lại với những nỗi tiếc, những sợ hãi, với đứa con của bà.

Đứa trẻ sống được sáu tháng. Da và tóc đen, nó không ngừng kêu khóc sau những cửa kính phủ tuyết, giữa đám người luôn luôn nhìn nó bằng những cái nhìn ác cảm và ngờ vực, mẹ hờ hững. Bà ấy, lòng còn đau đớn, đã rời giường nằm để đến bên cửa sổ nhìn ông ấy trở về.

Bà thờ ơ lắng nghe tiếng kêu khóc của đứa bé, nghe nó yếu dần rồi nhìn thấy nó trong chiếc quan tài còn tối tăm hơn cả ngôi mộ. Đứa bé đi đến nghĩa địa góp tiếng nói bé nhỏ của nó vào những tiếng rên thì thầm không ngừng nổi lên ở hòn đảo chúng ta, tiếng thở dài của tất cả những người ngoại quốc

C mà thân thể bị cầm tù trong cát này.

Bà đã nhận được tin là người bà chờ đợi vẫn sống nhưng bà cứ chờ đợi vô ích. Tuy vậy, bà vẫn ngồi tại chỗ và không bao giờ rời khỏi nữa.

Bà quên đi bốn phận chăm sóc hoạt động của giống nòi mình, bà quên rằng chính là bà phải trông nom nhà cửa, chăm sóc bố mẹ già. Quay lưng lại với tất cả mọi thứ và mọi người, bà ngấm ngấm chân trời. Bà không thấy bụi rơi từ trên các xà nhà, bà không thấy tóc điểm sương trên đầu bố mẹ, thân thể uy nghi của họ còng xuống và co quắt lại trong khi họ quanh quẩn từ gian nhà

này sang gian nhà khác, xa lạ ngay trong nhà mình.

Hầu như bà không nhận thấy tiếng lê bước của họ đã ngừng và tiếng chuông đã điểm cho họ, Người là cát bụi và sẽ trở về với cát bụi.

Ngồi hết ngày này sang ngày khác ở nguyên một chỗ, bà cúi về phía trước khi trông thấy một cánh buồm nhỏ nổi lên trên đường chân trời, một làn khói mỏng. Bà quay lưng lại với toàn bộ thế giới.

Caspar đã bị giết, Jacobus đã đến tuổi trưởng thành, hai người vợ của anh đã biến mất cũng như họ đã đến, bản thân phải sống cuộc đời đau khổ và bứt rứt. tất cả những người cùng trang lứa trẻ con với bà Boline đều đã nằm dưới cát cho sự yên nghỉ vĩnh hằng. Nhưng bà ngồi ở cửa sổ của bà, hỏi chân trời. Bà đợi giờ mà ông ấy bị thúc đẩy bởi sự cô quạnh, bởi tuổi già, bởi cái chết, sẽ tìm lại bờ biển âm u này. Bà chờ đợi trông thấy ông ấy thất bại quỳ dưới chân bà, thất bại vì mặt trời và hạnh phúc chỉ xin áp trán vào bóng tối, lo âu và đau khổ, vào bàn tay lạnh giá của người vợ.

Lúc bấy giờ bà sẽ thực hiện việc báo thù, bà sẽ được trả thù từ ông ấy và từ chính bà, bà sẽ biết rằng tiếng nói cuối cùng thuộc về nòi giống của bà và thuộc về bóng tối.

Bà Benedice Comminchen, dì của Jacobus Uz sống ở cánh kia của ngôi nhà. Bà đến đảo sau khi bị bỏ, không có một xu, bởi những cha mẹ vô tâm chỉ nuôi bà để cho vui Hieronimus Uz đã đưa bà về nhà vì thắng lợi đã tham gia vào sự sa sút của gia đình bà cho bà miếng ăn, chỗ ở để giữ con và nấu ăn. Bà thưởng công cho Hieronimus Uz khi có con với một thủy thủ ở lại trên đảo vì bị đắm tàu và đã chết sau một năm, vì vết thương.

Đứa trẻ là con trai. Hieronimus giao nó cho người quản các kho hàng, lão Mons Abed Flade đáng sợ, và hầu như không cho nó trông thấy mẹ nó. Khi đứa bé lên mười ba tuổi, Hieronimus gửi nó đi biển trên một trong những chiếc tàu mà chỉ riêng thuyền trưởng bảo đảm là còn tồn tại sau này.

Ngày rời bến của con tàu có Ernst trên đó – Ernst là tên đứa trẻ - với thủy thủ đoàn là những người say và không có năng lực, bà Benedicte đứng ở cửa sổ. Anh rể của bà cho phép bà tiễn biệt con trai nhưng không được đi theo nó ra bãi biển.

Vậy là bà ở lại, đôi mắt sưng phồng, hai bàn tay nắm co lại trên chiếc khăn choàng mà bà buộc trước bộ ngực đã lép kẹp và chỉ động đậy khi mũi cột buồm cuối cùng đã biến mất ở chân trời xám. Rồi bà nén lại một tiếng khóc vấp tục công việc.

Nhưng một lát sau bà lại đến bên cửa sổ và khi Hieronimus từ phòng làm việc về, bữa ăn chưa dọn ra trong phòng ăn, Caspar và Jacobus đang chết đói. Bà Benedice đứng trước cửa nhìn bất động và bà siết chặt hai bàn tay lên khăn choàng đến nỗi đôi tay trắng bệch ra.

Giọng trầm và như búa bổ của ông chủ đuổi bà ra khỏi đài quan sát của bà,

bà dọn bàn ăn. Nhưng bà lại biến mất khi đưa các món ăn đến. Hieronimus đi tìm và thấy bà ở trước cửa sổ.

Quay ngoắt lại phía ông ấy, bà nhìn ông ta bằng đôi mắt lớn, rồi lại chăm chăm nhìn ra biển, hơi nhón chân lên như để không bỏ sót một vật gì bên kia đường chân trời.

Lúc bấy giờ, như cái buổi sáng ông tìm thấy xác bà vợ trên mặt biển, Hieronimus ngập ngừng một lát rồi quay đi.

Ít lâu sau một bà quản gia mới của đất liền đến săn sóc ông và các con trai của ông.

Bà Benedicte ngồi ở cửa sổ cũng kiên nhẫn như bà Boline ở cửa sổ đằng kia.

Hieronimus đi đi lại lại trong ngôi nhà rộng lớn giữa hai cửa, nhưng khi đến cửa này hay cửa kia ông đều đứng sững và quay lại.

Jacobus và Caspar bị đề mặc.

Chẳng khác gì bố, hai đứa không dám liều mở những cánh cửa đóng. Khi chúng thoáng nhìn thấy khuôn mặt của cô và đi chúng đều giấu mặt đi.

Khi lớn hơn chúng cùng đi với những đứa khác đến đứng trước cửa bà Boline, và cuối cùng run run đi vào, được đón tiếp bằng cái nhìn chăm chăm của đôi mắt đen. Theo tục lệ của đảo, chúng mang đến những lễ vật nho nhỏ cho số phận, cho kẻ không quen, cho biển cả để tranh thủ ân huệ. Nhưng cũng như các bạn, chúng không đến thăm di Benedicte của chúng.

Đối với chúng, bà chỉ là một người đàn bà mất trí, và đã có một đứa con bất hợp pháp. Với lại bà không phải là thành viên của họ Uz, cũng phải của đảo. Nỗi đau của người mẹ ở nơi khách không mời mà đến này có liên quan gì đến chúng? Bà đã có hơn được bà cụ Maerged Duun, theo như người ta nhớ vậy, ngày nào cũng lê nặng lên tận đỉnh Sonderbjaerg, và ở trên đó cúi về phía chân trời, nhìn quanh để tìm đứa con trai? Anh này đã rời khỏi bà năm mươi năm trước để đi tìm kiếm của cải ở những đất nước xa xôi. Anh ta đã không tìm thấy, hay đã quên mẹ rồi, anh muốn đưa vàng bạc về cho ai?

Hơn nữa, người ta thấy trên mỗi bờ biển bị sóng quét có một người mẹ tìm con trai. Nhưng ở đâu có một người đàn bà như bà Boline, ngồi chờ mong người chồng mà biển đưa đến rồi lạc đi khi ông ta vẫn còn sống?

Một ngày kia biển sẽ trả lại những người chết vào chân những người chờ đợi trên các bờ cát. Nhưng bao giờ nó sẽ bỏ lại những người chết còn sống, những người tự nguyện lao vào trong các ngọn sóng, phó mặc cho biển cả mệnh mông như chính bản thân họ là một trong những ngọn sóng?

Bà Benedicte chỉ chờ đợi vì mục đích riêng bé nhỏ của mình. Bà Boline chờ đợi cho toàn đảo mà mặt trời không ai đến gần được, sau khi đốt sáng các đảo xa xôi, cuối cùng đến đây trước đảo của chúng ta, cầu xin hòn đảo cho phép nó dập tắt ngọn lửa của nó trong lòng lạnh giá của đảo. Bà Boline là

nổi nhớ quê hương và là sự trả thù của hòn đảo.

Tuy nhiên, một buổi chiều, sau khi cung kính chào hỏi bà Boline quần khăn san, quay lưng lại phía chúng tôi, đang bị thu hút bởi một vài điểm đen nào ở tận chân trời, chúng tôi đi qua tất cả các gian trong nhà, tiếng bước chân chúng tôi vang lên trong yên lặng, để vào chỗ bà Benedicte Comminchen.

Căn phòng lạnh lẽo không trang hoàng gì cả có kê vài thứ đồ đạc tồi tàn bằng gỗ tùng và một cái giường sắt gỉ. Bà Bennedicte ném đến chúng tôi một cái nhìn sợ hãi không tỏ ra chờ đợi những quà tặng hay lòng cung kính. Jacobus Uz và tôi áp môi vào bàn tay lạnh giá và gầy guộc của bà. Khi chúng tôi nhận thấy cái gáy tóc hoa râm, cái lưng xương xẩu của bà dưới cái áo màu lục nhạt, khăn choàng chéo trước bộ ngực lõm, chiếc khăn mà gió lùa ở cửa sổ thổi phập phồng, chúng tôi mới tin chắc rằng sự chờ đợi của bà là vô tận, dài hơn của bà ở cánh bên kia ngôi nhà.

Trong lỗ cửa, một ngọn đèn có chõm bị nứt toác và mờ đi vì cát, đã được thắp lên để chiếu sáng lên sóng suốt cả đêm. Nhờ có nó, đứa con trai đi vắng có thể tìm thấy đường khi đôi mắt của bà mẹ không còn khả năng canh chừng. Ngọn đèn đốt cháy ở cửa sổ cũng như đốt cháy trái tim cô Benedicte.

Những người của đảo biết rất rõ ánh sáng này. Trong những buổi đánh cá đêm, khi ngược mắt lên trên vực sâu tối đen họ thấy ngọn đèn cười với họ giống như tiếng gọi c bếp lửa vô hình của nhà họ. Và họ cười đáp lại.

Anh sáng cũng được những người đi biển biết đến, ngay cả những người đến từ các cảng xa xôi, cách nhiều năm mới đi qua lại, cách đảo từ ngoài khơi xa, và nhận thấy ánh chiếu của nó không thay đổi.

Người ta kể chuyện một người con trai bất hiếu, một người con vong ân, tất cả đều trơ số những người chết còn sống của biển, một hôm, khi gặp nguồn ánh sáng chiếu không mịt lên bóng đen, đã nhớ lại những năm tháng trôi qua. Anh ta bỗng thấy một cái cửa sổ, một ngọn đèn, một khuôn mặt và một thành phố xa xôi...

Người ta thì thào rằng bó hoa rụng xuống thành bụi ở chỗ bà Benedicte, bó hoa độc nhất mà bà từng nhận được, đã được một bà mẹ vô danh gửi đến như một bằng chứng của lòng biết ơn.

Nhưng bà Cominchen, đứng lên, bỏ cái chõm đèn đi và chúng tôi lặng lẽ chuồn ra ngoài.

Ở chỗ bà Boline, cửa sổ vẫn tối và đóng lại như chính trái tim bà.

Hai khuôn mặt đã biến mất từng cái sau cửa sổ, cách nhau một tháng và chuông vang lên như thể hai tiếng nói của chúng đưa ra lần cuối cùng tiếng gọi biển không trả lại cái nó đã lấy đi. Chỉ bấy giờ tôi mới quay mắt khỏi chân trời, từ bỏ không mơ về những xứ sở mặt trời và thôi tiếc những gì tôi đã để lại bên kia ngọn sóng và không bao giờ tôi tìm lại chúng nữa. Chỉ lúc bấy giờ tôi mới cảm thấy ở trên đảo là nhà mình. Sự nhớ nhung của hai cái

nhìn đó đã tan biến vĩnh viễn.

Và tôi tin rằng những người khác cũng như tôi. Không phải tất cả mọi người khác, không phải các cư dân trong cái hang tối của bọn cướp, ở dưới ngôi nhà họ Uz, và dưới cá đồi tối tăm, không phải nhân viên hải quan, vợ ở ta và các con ông ta.

Tôi luôn luôn gặp nhân viên hải quan Vendelin trong các cuộc viễn du đơn độc dọc theo bờ biển.

Tôi trông thấy ở ấy mùa hè cũng như mùa đông, giống như buổi chiều đầu tiên, chạy nhanh trên bờ biển, gậy cầm ở tay, áo dài đồng phục cài suốt đến cổ, mũ cát kết có đinh lon đội thụp xuống trán.

Mỗi một lần gặp, ông ấy đều đưa tôi vào một nỗi hoảng sợ. Ông ấy nhìn lướt qua tôi và thoáng hiện thoát khuất giữa các núi cát. Tôi muốn nhảy vào trong các bụi guốc bê để tránh khỏi nhìn ông ấy, thế mà tôi vẫn buộc phải nhìn theo cái bóng đen bé nhỏ của ông cho đến khi nó mất hút ở nơi xa, tưởng chừng như biển đã nhấn chìm ông.

Giữa lúc ấy tôi thở và tiếp tục cuộc dạo chơi. Nhưng tôi thấy hình như tất cả đang chạy trốn, đang tan biến, bờ biển phủ cát hay đá cuội, những ngọn sóng sủi bọt, dải cồn cát, cây đèn pha, những quả đồi. Và bỗng thành linh bản thân tôi cũng chạy như Vendelin để trốn – chẳng biết là trốn đi đâu và trốn cái gì !

Tôi nhớ lại cái ngày mà tôi gặp ông ấy trước nhà ông ấy, xanh nhợt như một xác chết, lão đảo, hơi thở rít. Ông đã kết thúc cuộc chạy hôm đó và đang chuẩn bị cho ngày hôm sau.

Còn tôi đã đi ra ngoài để mở rộng mảnh đất, để kéo dài khoảng cách hàng giờ giữa cồn nọ đến cồn kia trong lúc dịu dàng làm quen với từng hòn đá với từng nhánh cỏ, tôi ngã mình xuống cát và nấp đi để khỏi thấy mình ở đâu.

Chỉ đến khi tôi hiểu rằng rằng cái ước muốn không thể nào thoả mãn được của con người đã luôn luôn chạy quanh thế giới như Vendelin, chạy quanh hòn đảo để trở về kiệt sức sần sùi ngã quỵ ở điểm xuất phát, tôi mới dám ngược mắt về phía những rang giới phân định cho tôi. Với một tiếng thở dài an ủi tôi tiếp tục những tìm tòi của tôi trên những hòn đá và ngọn cỏ.

Ở chỗ Vendelin, dưới bóng đen của cái mái bốn trăm năm, bà vợ nhân viên hải quan và các con đang thực hiện trg gian nhà âm u lạnh giá cuộc chạy giống như ông ta.

Một hôm, tôi vào trong căn phòng này cùng với Jacobus Uz. Vốn đã quen với cái nghèo, tôi đứng đóng dinh ở ngưỡng cửa căn nhà âm u tang tóc.

Nhưng bà Éleonore đến gần với dáng đi tựa có cánh bay. Chiếc khăn san màu đỏ lửa bao bọc thân hình mảnh dẻ của bà. Trên mớ tóc đen xanh bà đã cắm một bông cẩm chướng giả và đôi mắt bà mở to.

- Chào những người mới đến – bà nói với chúng tôi bằng giọng như hát và bắt tay tôi – Thật là vui khi được gặp một người có học trên đảo chúng tôi. Nên luôn đến chỗ chúng tôi và nói với chúng tôi về đời sống ở thủ đô, về những vở hát mới, về các diễn viên và về những cuốn sách – về xã hội thượng lưu ở đây.

Bà ngừng lại, vừa siết hai bàn tay tho dài hơi hẳn lên ngực vừa nhìn đắm đuối vào mắt tôi có vẻ như muốn hút hết vào bà tất cả những gì tôi biết. Khi tôi ấp úng trả lời rằng tôi không biết gì về nhà hát và đời sống văn học ở Copenhagen, bà thờ dãi, hai bàn tay tuốt dọc chiếc khăn san, người ta có thể nói rằng tôi vừa mới làm tan vỡ hy vọng giải thoát ở một người bị buộc tội phải chết đói. Khuôn mặt bà loé sáng lên trong khung tóc đen như khuôn mặt một người chết. Trong đôi mắt bà phản chiếu bóng mái nhà bằng tảo dạt. Hình như chỉ lúc đó tôi mới hiểu nỗi buồn ở đảo.

Nhưng bất thành linh tôi thấy một cái đầu nâu bên chiếc váy đen của bà Éleonore, hai bàn tay bám vào đó và đôi mắt long lanh tìm mắt mẹ.

- Mẹ ơi, chúng ta sẽ không diễn hết Age và Else.

- Có, có – bà Éleonore giật nảy mình, có vẻ bà về với cuộc sống. Bà cười với chúng tôi như cười vì hạnh phúc – có, có chứ, các con – và bà dang hai cánh tay ra tựa như đôi cánh dưới dải khăn san.

Tất cả các đứa trẻ, tóc đen, mắt sắc, ngón tay thon, đi ra khỏi bóng tối, bám chặt vào bà Éleonore như một mồm đá.

Phía sau những đứa khác, ánh lên đôi mắt của Agnete. Khuôn mặt tái nhợt của nó lộ ra dưới cái cổ thon gầy.

- Xin lỗi các ông – bà Éleonore cúi xuống – Nhưng ngày thì âm u quá mà chúng tôi lại diễn ba lê Age và Else. Có thể mời các ông ngồi lại xem chúng tôi diễn nốt không ạ.

- Vâng, thưa bà – Jacobus nói, vừa kéo tay tôi. Như người quen trong nhà, ông bảo tôi ngồi xuống một chiếc ghế, nó kêu rít lên.

Trời khá lạnh khiến hơi thở của chúng tôi tạo thành một làn sương mù trong bóng tối của gian nhà, nhưng bà Éleonore và những đứa trẻ để cổ và cánh tay trần, hầu như chỉ hơi che qua những quần áo đã sờn và các dải băng chéo. Chúng nó đi tất thùng để múa.

- Nào đến đây Steffen – bà Éleonore ra lệnh. Nói xong bà kéo ra giữa nhà một chiếc ghế có lưng tựa cao bọc vải bạc màu.

- Ừ như thế, - bà nói tiếp và ngả đầu đưa con trai mười ba tuổi ra phía

sau – « Con vừa ra khỏi nhà mồ của con bởi vì Else, vị hôn thê của con, đau đón rơi lệ - Con đã lao đảo vào khuê phòng trinh nữ của nó và con đã ngã xuống chiếc ghế của nó ».

Steffen để treo hai cánh tay, hé mở miệng và nhắm mắt lại. Thân thể gầy guộc của cậu bé trong những quần áo quá ngắn quy xuống. Xương nó hình như rời khớp và khi một trong những đứa em gái của nó mang một tấm khăn lớn đến phủ lên nó thì nó hoàn toàn có vẻ như một xác chết trong lúc khuôn mặt trẻ con của nó đờ ra bất động.

- Đến lượt con, Agnete, lại đây – bà Éleonore cũng như các con của bà, hình như đã quên chúng tôi và quên cả gian nhà mà bà đang ở đây, chỉ chú ý đến cái bóng bất động lật ngược trên ghế.

Agnete đến gần. Mớ tóc đen của nó phủ lên người nó như tấm khăn tang. Nó quỳ bên ghế, giăng cánh tay. Bộ ngực của nó một nửa để trần nghen ngào ép ra những tiếng thở dài nặng nề. Nó thong thả giờ hai bàn tay về phía anh nó và thì thào :

*« Nghe này hiệp sĩ, ngài Age,
Người yêu của thiếp,
Chàng hãy nói những gì xảy ra dưới đất đen
Trong mộ của chàng »*

Và Steffen ngẩng đầu lên rồi hát với giọng vỡ.

*« Dưới đất đen,
Trong mộ của ta
Tất cả như ở thiên đường
Vậy nàng hãy vui lên ! »*

Agnete hơi lùi lại, hai bàn tay đặt lên tim và cúi nhanh về phía Steffen nó thì thào như đang trong cơn sốt :

*« Nghe này, hiệp sĩ, ngài Age
Người yêu của thiếp
Thiếp có thể đi theo chàng dưới đất đen
Trong mộ của chàng »*

Steffen nghển dậy hơn nữa, vải liệm động đậy, hình như nó giờ hai bàn tay lên và hát to hơn nữa với ngữ điệu đe dọa :

*« Dưới đất đen
Trong mộ của ta
Người ta nghĩ là trong địa ngục tối nhất
Hãy làm dấu thánh giá !
Bởi vì mỗi lần nàng khóc
(tiếng nói đôi giọng, trở thành một lời thỉnh cầu)
Khi nàng buồn
Mộ ta đầy máu
Ở đầu giường của ta
Cỏ mọc xanh ngắt
Nhưng ở chân ta
Rắn cuộn tròn
Nhưng mỗi lần nàng hát...*

(Giọng nói lầm rầm hát lên êm êm, trong khi cái đầu mềm lả tựa vào lưng ghế như trên một chiếc gối)

*« Nàng vui
Thì những lá hồng
Kết tràng trên mộ ta »*

Agnete quỳ thụp xuống lắng nghe, cổ dài ra, hai tay vòng trước ngực. Nét mặt của Steffen sáng lên, một nụ cười thanh bình. Những đứa trẻ khác tụ họp quanh các diễn viên thành linh hát lên, giọng thật trong trẻo :

*« Nàng cầm cái lược vàng
Và chải tóc cho chàng
Ở mỗi cuộn tóc nàng gỡ ra
Nàng rót vào một tiếng khóc »*

Agnete nửa đứng lên tựa vào chiếc ghế, vừa cẩn thận vuốt những sợi tóc đen dài cạnh nó với một mẫu lược cũ. Những cử động của người nó, nghiêng về phía trước, của những mí mắt dày cộm, của những ngón tay cầm lược được tái hiện trơ tiếng hát của các anh chị em nó. Chẳng mấy chốc tiếng hát đó tắt đi như một ngọn đèn trong đêm.

Steffen ngẩng đầu lên. Hai mắt nhắm có vẻ như lắng nghe, nó hát :

*« Con gà trống đen gáy
Trong góc tối
Các cửa đã mở
Ta phải đi thôi »*

Hai mắt vẫn nhắm, nó đứng lên lão đảo :

*« Con gà trống trắng gáy
Trong phòng cao
Tất cả người chết trở về trong đất
Ta phải đi thôi
Con gà trống đỏ gáy
Ở nơi nóng cháy
Tất cả người chết phải trở về trong đất
Ta phải theo họ »*

Những giọng hát run run của cả đám hoà vào tiếng hát của Steffen đang quỳ xuống và đặt lên vai một mảnh gỗ dẹt. Agnete cũng quỳ thụp xuống.

*« Ngài hiệp sĩ Age đứng lên
Ngài vác quan tài của ngài trên vai
Ngài cúi mình về phía nghĩa trang
Nỗi buồn của ngài thật mênh mang »*

Bọn trẻ chấp hai tay quay vòng vừa hát xung quanh Steffen, nó cúi đầu đi qua gian phòng, từng bước chân nghiêng ngả. Agnete đi theo nó. Giữa mớ tóc để xoã đôi mắt con bé long lanh cầu xin. Nó co các ngón tay nâng đầu cúi của tấm ván để anh nó đỡ nặng.

*« Cái này làm ngán lòng cô bé Else kiêu hãnh
Nàng đi theo vị hôn phu*

Qua khu rừng âm u »

Những đứa trẻ khác đi theo hai đứa, run rẩy vì thất vọng. Như những người sống đi theo những người chết.

*« Khi họ ra khỏi rừng
Đến chỗ nghĩa trang
Ngài hiệp sĩ Age
Trông thấy mớ tóc vàng mất màu
"Khi từ nghĩa trang
họ vào nhà thờ
ngài hiệp sĩ Age
mất đi màu hồng của đôi má"*

Hai đứa trẻ hình như tiến bước rất khó khăn đến trước một chiếc bàn viết xuất hiện trong bóng tối như một bàn thờ khổng lồ của đạo đa thần. Bà Éléonore đã nâng cánh cửa của nó, Steffen quỳ một đầu gối xuống, quay mặt về phía em gái. Đôi mắt nhắm lại, nó chỉ thờ rất khẽ.

*"Nghe này nàng Else bé bỏng kiêu hãnh
Người yêu của ta
Đừng bao giờ nàng khóc
Vị hôn phu của nàng nữa
"Nàng sẽ nhìn bầu trời"*

(Nó ngẩng cái đầu mệt mỏi của nó lên đường như nó muốn nâng cả trái đất)

*Nhìn những vì sao bé nhỏ
Và nàng sẽ sung sướng nhìn thấy
Đêm đi qua"*

Agnete, vẻ ngạc nhiên thông thả quay lại, miễn cưỡng đặt một cây liễu quay về mặt trời đang chiếu trong đêm sao. Giọng than thở của những đứa khác hát:

*"Nàng nhìn bầu trời
nhìn những vì sao bé nhỏ
và trong đất mất đi người chết
Chẳng bao giờ nàng nhìn thấy người đó nữa"*

Steffen ngã sập một phát xuống đất nhưng nhẹ nhàng khác thường và không một tiếng động. Nó nằm đó bất động dưới tấm vải phủ trắng. Bọn trẻ hát cùng với Agnete đang đi lảo đảo về như đang ngủ và bàn tay giăng ra

*"Người chết nhanh quá
Trong đất
Nàng Else nhỏ bé kiêu hãnh bước đi đau buồn
Về khuê phòng trinh nữ
Nàng Else nhỏ bé kiêu hãnh
Đã khóc thật nhiều"*

Ban đồng ca đi theo Agnete. Thôn thức nàng đến ngòi trên ghế của mình
*"Nàng đã nguyện với Chúa
lấy lại cuộc đời
Bây giờ nàng Els nhỏ bé kiêu hãnh
(ép vào xung quanh chiếc ghế, vừa lắc lắc bàn tay những đứa khác cùng hát)
"Đã ngả ồm
Chưa qua một tháng
Nàng đã nằm trong mộ của nàng"*

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu
Chương 2 (tt)

Từ trên đó, chúng nâng tấm thân bó lại của con bé và đặt nằm bên cạnh Steffen dưới tấm vải che trắng.

*"Bởi vì nàng đã hứa hôn với hiệp sĩ
(Chúng hát thêm nữa trong lúc quỳ xuống xung quanh hai đứa kia)*

trong phần cuối của ballad, chúng tôi nghe thấy tiếng bước chân giật giật rất quen ở bên ngoài, và trong khi bọn trẻ khiêng Agnete, tiếng động ngừng lại đột ngột ở lối vào, cánh cửa mở ra sau những diễn viên bé con đang quỳ và nhân viên hải quan xuất hiện trên bậc cửa. Trong bàn tay buông thõng ông ấy nắm một chiếc gậy, khuôn mặt tái mét dưới chiếc mũ cát kết có băng vải viền tựa vào khung cửa.

không một đứa trẻ nào chú ý đến ông ấy và đến khí lạnh lọt vào qua cánh cửa mở phía bờ biển. Bà Éléonore không thấy ông chồng. Bà cúi về phía trước, hai bàn tay để lên tim, theo dõi trò diễn và tiếng hát của bọn trẻ.

Vendelin chồm một nụ cười yếu ớt gần như chế giễu, cúi chào chúng tôi, Jacobus và tôi, cúi đầu đi qua gian phòng và ra bằng cửa khác. Một lát sau chúng tôi nghe ông ấy đánh đàn piano, ở khá xa, tận cuối ngôi nhà thăm thẳm. Ngón đàn của ông mạnh mẽ và hoang dã. Khi thì nó lan ra thành những tiếng thét hãi hùng khi thì nổi lên thành tiếng hát khải hoàn và hoan hỉ.

Bọn trẻ tập hợp lại xung quanh mẹ chúng, đầu áp vào người bà, lắng nghe tiếng nhạc lạ lùng. Chỉ mình Steffen và Agnete vòng tay ôm siết chặt nhau còn ở lại dưới tấm vải liệm.

Bà Éléonore ngồi thẳng người, hình như trông thấy những ngôi sao mà tiếng hát của lũ trẻ hướng cái nhìn của chúng hướng tới, hay còn thấy cả những xứ sở nhiệt đới mà người nhạc sĩ đưa ra, những miền đất có bầu trời đỏ tía có những ngày sáng rực .

Tiếng đàn bỗng ngừng bật như pháo hoa tắt đi và chúng lo lắng nghe chẳng được gì trong bóng đen lạnh lẽo của chúng tôi.

Rồi sau cùng, một bước chân lê, tiếng người mở vung. Tolder Vendelin đến mức phân rệu để dành.

Bà Éléonore với đàn con xung quanh giống như một vách đá dựng đứng chặt hẹp mang khu rừng. Bà mỉm cười, nói với chúng tôi:

- Chắc các ông nghĩ rằng tôi để cho các con tôi diễn những vở buồn thảm quá phải không? Nhưng chúng tôi cũng diễn cả những vở vui nữa, các ông hãy cứ tin như vậy. nếu các ông đến hôm qua thì các ông đã thấy: Những con cá tháng tư và ngày mai chúng tôi sẽ thử đến Cái bình vỡ của

Kleist. Nhưng lũ trẻ thích bị kịch hơn, có phải không? – bà mỉm cười với tất cả những khuôn mặt xanh xao ngẩng lên phía bà.

- Ô vâng, đúng thế! – chúng nó cùng thì thăm.

Bà mẹ suy nghĩ, cầm tựa vào bàn tay mảnh dẻ.

- Ông Bek ạ, tôi muốn nói với ông là ở đây chúng tôi chẳng biết gì về những mặt thay đổi và màu mè của xã hội rộng lớn, cũng chẳng biết gì về những niềm vui, nỗi buồn của nó. Chúng tôi phải tự ngẩng cao lên để hiểu biết những điều cho phép chúng tôi khỏi quên sự rộng lớn của cuộc đời.

Jacobus Uz nhìn bà rồi nói:

- Bà Éléonore vốn là nữ diễn viên trước khi lấy chồng và đến Islande.

- Ôi vâng, nhưng tôi chỉ diễn có mỗi một vở. Thừa ông, tôi đóng

Agenet trong Elverhoj của thầy Heiberg của tôi.

- Vậy ra bà có biết Ludvig Heliberg? – tôi hỏi với lòng kính phục.

- Có chứ sao? Chính là ông ấy muốn tôi làm nghệ thuật! Ông ấy đã dạy không cho tôi và để tôi đóng vai đó đầu tiên. Nhưng lúc bấy giờ...

- Lúc bấy giờ?

- Ôi! Sau cái buổi tối duy nhất đó trên sân khấu và không khí nồng cháy của nhà hát đầy công chúng nhiệt tình... Ôi! Tôi kết hôn, tôi đã sống trong vịnh Saint-Patrick ở Islande, rồi ở đây...

Giọng của bà bé dần thành một tiếng thì thầm.

- Mẹ ơi, vì sao mẹ đã ở trong vịnh Saint Patrick? Tại sao mẹ không ở giữa những cây xanh? – một trong số đứa con gái hỏi với vẻ lo âu của người không hiểu gì cả.

- Bởi vì mẹ yêu bố con – bà Éléonore trả lời, vừa vuốt lên tóc nó – Chính là vì thế, Isabelle ạ. Và ông ấy thì không muốn chờ khi mà cuối cùng ông ấy đã có được việc làm trưởng trạm thuế quan và thuộc cấp quan toà trong vịnh Saint Patrick. Ông ấy chẳng khi nào chuẩn bị nghiêm túc cho các kỳ thi và lại cũng không may nữa. Người ta chẳng cho coo ấy việc làm gì và ông ấy đã từ chối không đi trước khi chúng tôi kết hôn và ở lại, ông ấy mãi sáu tháng sau mới đi. Lúc bấy giờ tôi đã không thể đi theo ông ấy ngay vì tôi đợi Agnete, và anh sinh đôi của nó, đứa này đã chết. Khi hai đứa con được sáu tháng tuổi, tôi phải vượt biển đi theo chồng. Tôi đã vĩnh biệt mẹ tôi, các chị em gái, các cô bạn, ngôi nhà cũ ở Kvaesthursborn, thầy giáo, nhà hát Hoàng gia và chúng tôi thực hiện chuyến đi thật dài. Mẹ con chúng tôi đã bị ốm trong khi tàu đi dọc các bờ biển đá dài vô tận, càng ngày càng dã man hơn. Cuối cùng chúng tôi đến đến bên trong vịnh Saint Patrick. Chúng tôi đã về nhà.

Bà nhìn phía trước vẻ trầm ngâm.

- Vâng, bọn trẻ của tôi – bà nói thêm, vừa kéo chúng vào trong vòng tay – cả nhà chúng ta ở Islande mà chỉ mình Steffen và Agnete, à có lẽ cả

Gisela và Hagen nữa còn có thể nhớ lại. Dĩ nhiên là không ai trong các con nhớ lại cái mùa đông đầu tiên. Mẹ thì nghĩ rằng mẹ chẳng quên được, ngay cả sau khi chết...

Chồng tôi không biết đến những điều kiện sống ở đây và không lo chuẩn bị lương thực cần thiết. nạn đói hoành hành trong vùng. Chúng tôi không thể nào kiếm ra sữa và thế là Johan Ludvig bị chết.

Cũng chẳng có cách nào kiếm được lúa mì và chúng tôi làm bánh ngô chà bằng đá. Cuối cùng chúng tôi cũng kiếm được bơ nhưng phải đi hàng mấy dặm đến những tàu đánh cá voi mới mua được. Loại bơ này màu xanh nhạt và hôi dầu, nhưng chúng tôi dùng rìu bổ ra từng miếng nhỏ và ăn như những bánh kẹo mỹ vị...

Chúng tôi rang đậu lên làm cà phê. Nếu không có mười hai con gà mái đưa từ Reykjavik đến thì chúng tôi, Agnete và tôi cũng đã chết rồi.

Chúng tôi đã sống như thế mãi đến tháng năm, lúc chiếc tàu Đan Mạch đến với những thư từ và thùng hàng của gia đình tôi gửi đến. Những thùng đầy các thứ tốt làm chúng tôi được no nêo trong mơ suốt cả mùa đông, nhưng chúng tôi nghĩ không nên xảy ra trong thực tế.

Chúng tôi tưởng tượng rằng toàn thể giới bị lạnh cóng như cái nhóm nhỏ của chúng tôi gồm năm chục người bị lạc lỏng giữa đáy cái vịnh dốc đứng bốn bề là núi cao vút, phó thác cho đêm trường vô tận, cho bão tuyết, cho đông tố gầm rít.

Dự trữ dầu hoả của chúng tôi đã hết từ lâu. Chúng tôi buộc phải tiết kiệm dầu đến nỗi chúng tôi sống trong bóng tối và chúng tôi không hình dung được có lúc mặt trời và ánh sáng lại trở về. Chúng tôi tưởng rằng chúng tôi đã đến những giờ phút cuối cùng của thế giới.

Thế rồi chiếc tàu đã đến. Nó đến với núi băng xanh trôi của tháng năm, mang đến cho chúng tôi tin tức, thư từ, những thực phẩm của miền đất xa xôi vẫn còn tồn tại nhưng chúng tôi đã rời xa nó. Hơn nữa chúng tôi chỉ có thể ăn ít, đồng thời những thiếu hụt trong mùa đông làm chúng tôi bị bệnh hoại huyết và chúng tôi cũng không dám nhìn mặt trời nữa. Nó mọc đằng sau ngọn núi Skarpa lấp lánh ở cuối vịnh, xanh biếc giữa những dãy núi băng giống như pha lê, nó lấp lánh trong các cửa kính của chúng tôi và căng vòng cung phía trên các ngọn núi. Chúng tôi cảm thấy nó đốt trong từng giọt máu của chúng tôi, chúng tôi quay về phía nó như những cây thông cần cộc trên các sườn núi, nơi cỏ đã xanh dưới tuyết. Từ cái miệng há của vịnh, khí lạnh đến với chúng tôi. Nhưng bầu trời thối hơi ẩm mặt trời, trái thơm thế giới, sáng chiếu giữa màu xanh vô tận của bầu trời và màu xanh mênh mông của vịnh. những dãy núi, làng mạc, bến cảng, các tàu ngoại quốc, tất cả như bong bênh trên nước.

Các con có nhớ hàng trăm con thiên nga mà chúng ta trông thấy chiều thu ấy

trong lúc chúng ta cưỡi ngựa trên đồng cỏ nâu trước mặt những dãy núi xa?
Bấy nhiêu con chim trắng toát một màu, đậu trên cái ao tròn giữa bãi cát?
Cứ tưởng như là những đám mây bạc mùa hè đổ xuống mặt đất.

Nhưng trước tiếng vó ngựa của chúng ta, chúng bay đi hết. Làn sóng bạc của chúng biến mất trong bầu trời, trên những đỉnh núi cao màu xanh lục, đi về phương nam, về phương nam. Chúng ta nghiêng mình trên cổ ngựa, nhìn theo chúng như thể đây là tâm hồn chúng ta cất cánh bay lên...

Bà Éléonore mỉm cười với các con đang lắng nghe. Rồi bà ngược đôi mắt của bà giống như những vì sao, ở đây chói sáng một tia chớp, khái hoàn.

- À vâng, thưa các ông, quả là ở đây tôi đã học được rằng trò tiêu khiển chính là cuộc đời.

Tôi vốn đã bỏ thói quen với trò tiêu khiển, nên cúi đầu, hiểu rằng sở dĩ tôi phải từ bỏ giấc mơ của tôi chính là vì tôi thiếu can đảm. Nhưng tôi nghĩ đến giấc mơ độc nhất ấy, giấc mơ của Dorete mà những cánh thiên nga không ngừng đưa tôi lên trên hòn đảo, lên trên cuộc đời tôi và tôi mỉm cười với bà Éléonore, như với một cô em gái.

Giữa lúc đó, cánh cửa mở và trong bóng tối hiện lên đường viền không rõ nét của cái bóng Léonard Vendelin.

- Éléonore – ông thốt lên với giọng vỡ ra – Éléonore!

Bà vội vàng đứng lên, đẩy bọn trẻ ra và chạy đến với ông ấy.

- Dạ, có em đây, Léonard thân yêu! Agnete và Steffen! – bà nói thêm, vừa quay đầu về phía húng, trong khi vòng tay ôm lấy chồng – anh muốn đưa bọn trẻ lên giường à?

Vendelin say mê không đứng vững được nữa và đeo vào cánh tay vợ như một mảnh gỗ dẹt. Agnete và Steffen lặng lẽ tập hợp em nhỏ và tất cả các khuôn mặt trắng bệch đóng khung giữa những cuộn tóc đen biến mất, bị ngậm vào trong bóng tối.

- Thưa các ông – Léonard Vendelin đổ xuống trên chiếc ghế mà Steffen chiếm khi nó diễn vai hiệp sĩ chết, và chúng tôi hết sức ngạc nhiên vì sự giống nhau giữa ông và con trai. Ông chỉ hơi sống hơn Steffen trong vai diễn vừa rồi – Thưa các ông, tôi nghe vợ tôi bảo rằng trò tiêu khiển là cuộc đời... Tôi vừa mới tiêu khiển, mà không, lạ Chúa, tôi không có thể tiêu khiển được...

Ông đưa hai bàn tay bóp cái đầu hói. Những sợi tóc đen dựng đứng có vẻ như những bụi rậm cháy đen.

- Người ta phải tôi từ vùng địa ngục này sang một vùng khác...

Ông đứng yên một lúc nhắm nghiền hai mắt, áp vào tai người vợ đang đưa tay vuốt ve trên trán ông.

- Đúng đây, Léonore ạ, em thích anh tiêu khiển nhưng anh lại muốn chính cuộc đời. Anh không muốn quấy rầy em bằng những trò tiêu khiển.

không một ước mơ nào làm anh thoả mãn, rằng anh, mắt anh, toàn thân anh đói quá. Thừa các ông, tôi say, say như chết, say âm nhạc, say rượu. Bây giờ tôi xin bày ra trước các ông tất cả sự khốn cùng của tôi, nhưng ngày mai các ông đừng nói với tôi chuyện đó khi các ông gặp tôi chạy dọc bờ biển. Các ông có biết tại sao hàng ngày tôi chạy quanh hai dặm rưỡi vuông ấy không? Các ông có biết tại sao Éléonore và bọn trẻ con chết công trong bóng tối này, ăn mặc rách rưới như những trẻ mồ côi được giám hộ ở nhà Cứu tế không? Các ông có biết tại sao chúng tôi không khi nào có ánh sáng ở đây, không khi nào có lửa và hầu như không có gì ăn? tại sao chúng tôi không khi nào rời khỏi ngôi nhà này cũng như xưa kia không rời bỏ Islande để trở lại cuộc sống và để sưởi ấm một chốc lát để tìm lại một chút hạnh phúc, để biết một ít về cuộc đời trước khi nó kết thúc? Bởi vì, thưa các ông, bởi vì – ông đứng lên dang hai cánh tay và ngẩng mặt vàng ệch lên trần nhà – bởi vì tôi không biết tiêu khiển, bởi vì tôi muốn cái thực tại trước khi tôi chết, tôi muốn chính cuộc đời.

Các ông có biết một quan toà thứ cấp của vịnh Saint Patrick, một nhân viên thuế quan của vịnh này làm gì để tích góp, nhờ chịu đói chịu rét, để kiếm cho vợ con cái ăn, cái mặc và niềm vui?

Các ông có biết hẳn ta đã được gì khi cường đoạt của những người Eskimo và những dân chài đồng xu cuối cùng và đồng xu tiếp theo của họ không? Tôi sẽ không nói với các ông điều đó và sẽ không nói với ai. Nhưng, các ông ạ, còn phải chờ năm, mười năm hay mười hai năm nữa... và lúc bấy giờ thì... - ông tựa đầu vào vai vợ - Có ai trong các ông suốt ngày phải để bốn chân mình buộc vào một sợi thừng trên một sườn núi Islande trên một cái thác chảy xiết, thường xuyên bị đe dọa vì lở tuyết, tay và đầu gối rớm máu, da nham nhở nứt toác vì đóng băng, mắt mù đi vì băng tuyết? Có ai trong các ông đã chèo thuyền hết giờ này sang giờ khác mà không biết đi đâu, không còn hy vọng có khi nào tới bờ, giữa lúc những con sóng ngập tràn và bọn nước đóng băng trên mặt, trên tai, trên tay, và sương mù cùng cái chết đe dọa ở mọi bề?

Các ông có chạy suốt bảy năm nay xung quanh đảo này, có nhìn thấy biển mà những ngọn sóng xanh đổ ập vào và chúng nói với các ông, chạy tới đây nhưng đừng đi xa hơn nữa?

Nếu có, các ông sẽ hiểu tôi không thể bằng lòng với những trò tiêu khiển, với những giấc mơ, mà tôi muốn thực tại, muốn chính cuộc sống. Đó là lý do mà tôi ký cốp, tôi đói, tôi rét, tôi bị tước đoạt tất cả những cái gì hình như là dành cho tôi, con thú của một địa chủ... Đàn bà, mặt trời, rượu, nhạc, chăn êm, cao lương mỹ vị, tôi đều bị tước đi tất cả, khi kỳ thi mà tôi tưởng là một trò đùa và trước con mắt tôi chỉ thêm vào cho tài sản của tôi một văn bằng vô nghĩa, đã thành linh trở thành, sau sự phá sản của bố tôi, tấm ván

cứu nạn của tôi.

Bị tước đi tất cả, vâng, nhưng để tìm lại tất cả gấp trăm lần trong lâu đài cẩm thạch của tôi dưới mặt trời của Bờ biển Thanh Thiên. Tôi đã xây dựng lâu đài này với những tảng băng của vịnh Saint Patrick. Với những dãy núi cao của đảo này. Nhưng các ông đừng nghi ngờ điều đó, nó là một lâu đài thực sự mà những bậc thang bằng đá cẩm thạch đi sâu vào trong sóng. Một lâu đài có những cây cọ và cây nho bao quanh. Đó không phải là một ngôi nhà mộng mơ giống như của Éléonore và bọn trẻ xây dựng. Đó không phải là một núi băng trôi cứ mỗi mùa xuân lại đến, mang cho chúng ta sắc đẹp phù du của nó và những người thân của tôi không nhận thấy cái lạnh băng giá và cái mờ tối mịt của biển.

Tôi có thể bằng lòng với cái đó không? Tôi ấy mà – ông mò mẫm tìm bàn tay của bà Éléonore – không ai cần lạnh cóng và thiếu thốn tất cả, nhưng tôi, tôi không thể sống ở đây, phải không Léonore?

Bà cúi xuống người ông.

- Anh biết rõ điều ấy, Léonard ạ, chúng ta đã xây lâu đài của chúng ta với tất cả những gì anh đã lấy của chúng ta để xây lâu đài của anh.

Đôi mắt Vendelin sáng lên một ánh yếu ớt.

- Vậy là chúng ta có mỗi người một lâu đài riêng của chúng ta – ông thì thăm – hay là một mình em có lâu đài của em? Thật đáng nguyên rủa – ông siết tay vợ mạnh đến nỗi bà thốt ra một tiếng kêu ghen ngào – có phải tình cờ anh bị mắc lừa trong lúc... - rồi ông mỉm cười – Nhưng không, vừa ngay đây, anh đã ở trong lâu đài của anh cũng như em ở trong lâu đài của em. Tất cả ở trong rượu, hơi nóng, âm nhạc, mặt trời...

Mắt ông ta nhắm lại, tuy thế ông ta còn thì thầm với nụ cười dối trá:

- Dù sao anh cũng đã không thú nhận với em và các con tất cả những gì anh đã lấy đi của em và các con là để xây lâu đài của anh...

Bà Éléonore nhìn chúng tôi và chúng tôi lặng lẽ đứng dậy, nghiêng mình trước mặt bà để biến đi sau cánh cửa mục nát.

Đi đến bậc tam cấp có mái ô văng bằng gỗ dẹt, gió rét của bầu trời đầy mây đập vào mặt chúng tôi. Tôi vô tình bám vào khung cửa, lão đảo như bị một quả chùy.

Nhưng Jacobus Uz tiến bước, vai rất cao và mỉm cười.

- Hãy sung sướng lên, chàng trẻ tuổi, hãy như Éléonore và đừng tìm kiếm thực tại, mà chỉ tìm mộng mơ bằng những thiếu thốn.

Tôi cũng gặp lại ông chủ, người cha của đảo, như đôi khi ông ta tự đánh giá mình, hoàng thân Philop Gebhard 29 Lipgyn Bernburg.

Khi nhìn qua cửa sổ này, hầu như tôi thoáng thấy đôi chân cò, cái gậy có núm bạc, cái mũi quý tộc, đôi vai còng của ông giống như tôi đã trông thấy chúng trên đảo này trong bốn mươi sáu năm nay. Đó là một con bồ nông gãy

cánh, trong khi đó những đứa con bà Éléonore trong những quần áo thánh thiên, bích ngọc và đồ lửa bay choá cả mắt như những con chim tuyết trên những bãi cát buồn tẻ, những hòn đá, bùn và tuyết của chúng ta.

Cũng lại là Jacobus Uz đưa tôi đến chỗ hoàng thân. Ông ta cười bảo tôi:

- Cũng rất cần chú ý nghe nói về ông ấy cũng như về di tôi. Anh hãy nghĩ nếu như bà ấy là nữ hoàng của đảo thì ông ấy là vua của đảo. Và anh sẽ thấy ông ấy chẳng nguy hiểm chút nào.

Jacobus nói có lý. Tuy nhiên, lần đầu tiên khi tôi bước vào cái phòng khách sáng sủa với những màn cửa trắng, những chiếc gương kiểu Louis XV, với những bức tường trang hoàng bằng những đèn nền nhiều ngọn và những bộ vũ khí, khi tôi thở hít mùi nước hoa thơm ngát, mùi bột gạo, và khi bàn tay vàng ệch, quắp vào vai tôi thì nỗi sợ hãi làm tôi hoa cả mắt. Tôi nhớ lại cái buổi chiều tôi đến đảo, những chuyện tầm phào trên tàu Coquillage và tôi rung mình như thể tôi đang ở trước mặt những kẻ ăn thịt người.

- Này! Này! – Hoàng thân rống lên bằng giọng người Đức. Đôi mắt lạnh lùng và dính nhớt của ông chăm chăm vào mắt tôi – Này! Này! Chàng trẻ tuổi! Vậy là cậu muốn ở lại đảo của tôi rồi. Chào người mới đến. chúng tôi cần những người văn minh. Bởi vì quần chúng! Ôi! Cậu hãy luôn đến thăm một người độc thân già, tách biệt, cậu, một thanh niên!

Ông đưa tay tìm ngực tôi. Nhưng chẳng biết có phải vì tác dụng của cái nhìn dọa nạt của Jacobus hay vì cái nhìn cầu xin sợ hãi của tôi, ông đã đột ngột buông tôi ra.

Bàn tay ông giẫy dụa trong không khí một cách vô ích và cái cảm hết thịt xệ xuống mềm nhẽo giữa hai chòm râu má.

Hai con mắt nhỏ tí hí ướt nhèm biểu lộ sự thất vọng của con đại bàng hoàng tộc cuối cùng. Tôi nhận ra trên cái trán nhăn, trên đôi má héo hắt, trên tóc và râu rối bời những dấu hiệu của sự day dứt, của những thiếu thốn, của cái đói và trong những lớp thịt gầy còm ở cổ là sự chờ đợi thất vọng hoài vào một ân huệ vào một sự giải thoát mà chuyến tàu sau chắc sẽ mang tới.

Nỗi kinh hoàng ông ấy gây ra cho tôi bỗng biến mất, nhường chỗ cho một lòng thương hại sâu sắc. Một nỗi đau mới thêm vào cho tôi đối với người khác, tôi đau đớn cho ông ấy.

Nhưng biểu hiện đau khổ biến đi khỏi những nét nửa oai vệ, nửa lộ bịch của ông và nhường chỗ cho cái nhếch mép của một kẻ ăn chơi già. Ông kêu lên:

- Nào, chúng ta nên uống cùng nhau một cốc rượu, cái mà nhất thiết phải cần, đó là...đó là...Hans ơi! Hans ơi!

Loạng choạng trong đôi giày da dê, lưng còng xuống dưới bộ áo xám của nhà ngoại giao, ông đi ra để gọi anh đầy tớ trung thành Hans Hofman, người đã theo chủ đi lưu vong "Bertrand ở Saint Hélène của ta" - hoàng thân vẫn nói trong những lời cảm động.

Một lát sau cả ba chúng tôi ngồi ở một trong những chiếc bàn nhỏ bằng gỗ dẹt, trải khăn có riềm. Hans đeo kính xanh, anh ta có mớ tóc mun, râu quai nón và cằm dưới dô. Mặc bộ đồng phục có trang trí đỏ, anh ta tiếp rượu chúng tôi từ một chiếc bình pha lê con trên một cái mâm bạc với những chiếc bánh ngọt cũ đã nhiều tuần rồi.

Giọng mũi của hoàng thân át tiếng của chúng tôi. Còn tôi thì để cho cái nhìn của mình lang thang trên kiểu trang trí lưu vong mà ở đó một sủng thần của nhà vua, ông hoàng của một dòng họ cũ, hiệp sĩ, người khiêu vũ được đón tiếp nồng hậu của triều đình, đã sống cả một đời người mà chỉ có cái chết mới giải thoát được cho ông.

Tôi ngắm nhìn sự thanh lịch khách sáo của căn phòng, những đồ mỹ nghệ quý báu đầy trên các giá, và trong số đó có bao nhiêu là quà tặng của nhà vua, nào vải thêu, nào ngọc ngà, nào những thứ kỳ diệu của nghệ thuật Hindu, nào màn che có riềm đăng ten, treo bằng những giải lụa xanh, nào khung ảnh mạ vàng, trên đó những tổ tiên được đăng quang nhìn xuống kẻ hậu duệ sa sút, cháu chắt cuối cùng, căn cỗi của nòi giống.

Tất cả cái trật tự tỉ mỉ đó có thể làm người ta tin rằng mình đang ở trong phòng khách của một công chúa hơn là trong nhà của một người bị phát vãng đến một hòn đảo nghèo nàn và buồn nhất của Đan Mạch, phải chăng đó là do nữ tính đom đóm của hoàng thân, hay là do sự ân cần của Hans Hofman đối với ông chủ bị số phận đánh đổ?

Người ta đã nói chuyện với tôi về những năm đầu tiên hoàng thân sống ở đây ngay sau khi sa sút. Ông ở cả ngày trên chiếc tàu, chỉ đến tối mới sai người đưa ông lên bờ. Sáu tháng ròng ông đóng cửa ở trong nhà như tự giam hãm trong một nhà mồ.

Ông chúa hùng mạnh này đã ở nhà mình tại những đất nước huyền thoại, rồi đã bị đuổi đi khỏi đó vì phạm một trọng tội mà luật lệ của Moise quật bằng lửa của địa ngục. Bất hạnh của ông đầu độc không khí của đảo. Đàn bà và trẻ con coi ông như một sức mạnh nguy hiểm và đối với những người đàn ông nữa, ông là một nguyên nhân của sự lo lắng, là một sự đe dọa. Người ta chẳng biết gì về con người ông, về cuộc đời ông trong ngôi nhà đóng kín. Ông xa cách tất cả mọi người, thế mà lại rất gần, đến nỗi cái bóng đen ghê gớm của ông làm ngừng những tiếng cười và những trò chơi vốn hiểm hoi nhưng không phải không có ở trên đảo.

Lúc bấy giờ Hans Hofman đến. Anh ta cứu tù nhân đó và cứu cả đảo. Hoàng thân đã xa rời anh ta khi ông xa cách cuộc đời. Hans đến, trung thành và lặng lẽ. Anh thấy chủ của mình xưa kia vui vẻ thế, đã bị rượu và bóng tối làm tiêu tan hết ý chí. Hans Hofman mở các cánh cửa lớn, cửa sổ. Anh mang đến rượu vang thay thế cho rượu cần. Anh cạo râu cho hoàng thân, mặc quần áo mới cho ông, dựng ông đứng lên và đưa ông đi thăm mục sư, nhân

viên thuế quan, gia đình Uz. Anh đặt mua cho ông một chiếc xe và một con ngựa, ông hoàng trở về với cuộc sống, muốn cho cỗ xe của mình được sơn màu lục, màu đỏ, màu vàng và xanh lơ, cho nó có đủ sắc cầu vồng, và hơn nữa, nó được trang hoàng tứ tung bằng những vương miện của hoàng tử. Hans Hofman đưa người chết sống lại đó đi kiểm tra đảo, lãnh địa của ông trên chiếc xe khai hoàn đó.

Cùng lúc khi ông hoàng hít thở sau giấc ngủ lim dim sáu tháng rỗng, cư dân của đảo cũng hít thở. Bí mật không còn nữa, bộ xương đã đi ra khỏi mộ. Người ta lại bình thân chăm lo các công việc của mình. Khi ngược mắt lên trên các lưới cá, cái nhìn chỉ còn bắt gặp khung cảnh yên bình quen thuộc của thời thơ ấu.

Mục sư Schwartzflugel thời đó còn trẻ và nồng nhiệt, nhìn thấy sự khuây khoả của tất cả mọi người trong việc đến nhà thờ ít đều đặn hơn.

Hoàng thân và cư dân trên đảo đã mở đầu cuộc sống chung của họ và dần dà họ quên đi rằng ông đã không sống ở đây. Ông không còn lao vào rượu chè với một thất vọng buồn thảm, bởi vì Hans Hofman chỉ cho ông mỗi ngày một phần rượu vang nhất định. Nhưng chàng hiệp sĩ xuất sắc, ngài thị thần đã hết thời rồi, và những luyện tiệc, những thói quen mới đã thực hiện việc thay đổi mặc dù Hans Hofman giữ một kỷ luật thật cứng rắn để khỏi làm thay đổi cách sinh hoạt và ăn mặc vì anh ý thức được rằng như thế anh ngăn cản được chủ của anh khỏi chìm đắm.

Giống như cái cây được bứng trồng xa khu vườn phì nhiêu đến một nơi đất cằn cỗi, người lưu vong héo tàn đi. Trong ít năm thôi, đầu gối ông yếu đi, răng và tóc rụng nhiều, ông đã mất đi cái bóng dáng thanh nhã. Ông quên cả những tiếng nước ngoài ông từng nói ở Paris, ở Rome, ở Saint Peterbourg. Cuối cùng ông mất đi tính kiêu căng của ông hoàng đã có một chút sức nóng mà ông đi xin trước tiên là ở các công chức trên đảo. Schwartzflugel hồi đó chơi sáo và piano, nhân viên thuế quan, cựu đại úy, cao ráo, tình cảm, hay nói khoác, say mê những chuyện kể mộng mơ, anh gác đèn pha, trai già độc thân, trước kia đã buôn bán với Groenland và say mê thuật chiêm tinh.

Philip Gebhard cũng còn lui tới chỗ bố của Jacobus Uz, thăm ông lãnh sự Hieronimus môi mỏng thường mời những món ăn cầu kỳ và rượu vang hảo hạng.

Hoàng thân đi cầu xin người ta giải thoát cho ông khỏi những kỷ niệm, khỏi cái thời gian kéo dài vô tận và khỏi cái tôi vẫn nhìn ông từ đáy những tấm gương mờ.

Và, hoàng thân hậu duệ của dòng họ Lippe Berburg còn làm hơn thế nữa. Khi những nhân vật quan trọng bận trách nhiệm hay việc nhà của họ, và để ông đứng một mình, sua hàng rào sắt, run lên trong gió sa mạc, ông đến nhà nông dân và xin bố thí của các thần dân..

Về sau tôi hay được ngồi cùng mâm trong những bữa tiệc chắc là đặc biệt nhất được tổ chức ở một nơi nào đó.

Ngôi nhà chói sáng lên như một cây đèn chùm giữa đêm đen trên đảo. Mặc những bộ quần áo đẹp nhất tôi tự giới thiệu với Hans Hofman trong chế phục hội lớn đứng ở cửa ra vào phòng khách, ông hoàng Philip Gebhard thiết triều ở đó, trong bộ lễ phục trang sức loè loẹt và chia ra với chúng tôi bàn tay đeo đầy nhẫn.

Ở đây các công chức, gia đình họ và tôi, rồi cả vài ngư dân trong những bộ quần áo lễ hội của họ. Họ vừa khó chịu vừa đồng thời vui vui, giẫm lên chân nhau, đụng vào nhau ở những cái giá đầy đồ mỹ nghệ của nhà vua tặng.

Thỉnh thoảng cái nhìn của ông chủ đập vào họ như một tia chớp, và Hanói Hofman đuổi họ ra.

Chuyện trò kéo dài. Mới đầu ông hoàng đòi hỏi một giọng trình trọng, làm gì mà chúng tôi chẳng tự nhủ rằng chúng tôi đã biết trước?

Nhưng đây, cửa phòng ăn mở ra. Phòng này kéo dài hết cả ngôi nhà. Các cửa sổ mở ra nghĩa địa. Một chiếc bàn lấp lánh đồ thủy tinh và đồ bạc hiện ra trước mắt chúng tôi.

Lúc bấy giờ chúng tôi đo được thứ hạng, tầm quan trọng của chủ nhân và chúng tôi vui sướng khi nghĩ đến những thứ rượu và món ăn lạ đang chờ và trong một giờ đồng hồ sẽ đưa chúng tôi đi xa những điều kiện sống của chúng tôi. công chức và ngư dân, chúng tôi kính cẩn nghiêng mình trước hoàng thân. Ông đã tìm lại được trong chốc lát đáng về quý tộc và là chủ tọa trong căn phòng.

Hans đứng sau ghế của ông, trình trọng, đeo găng tay trắng, anh chuyển các món q(nó quay vòng và tiếp rượu trogn những chai cổ bạc, bọc những khăn trắng muốt. Mùi rượu sang trọng, ánh lấp lánh của bạc vàng trên những bộ đồ ăn thức tỉnh dần dần hoàng thân. Những nét bị tàn phá bởi lo buồn và tuổi già của ông đã lấy lại vẻ tôn nghiêm, tư thế của ông đã lấy lại vẻ tôn nghiêm, tư thế của ông đã lấy lại phẩm cách của dòng giống, và trong hai con mắt xanh lơ luôn luôn ướt của ông giống như hai hòn cuội nhúng nước sáng loá hồi quang của triều đình. Ông đã đạt tới trogn chốc lát mục đích mà ông không ngừng vươn tới, quên đi hoàn cảnh hiện tại của mình. Con người khốn khổ, bất hạnh đã trở lại là sủng thần của nhà vua, ông chủ hoan lạc.

Trong lúc chúng tôi thềm thuồng nhìn ngó các đĩa thức ăn đặc biệt mà người ta thiết đãi chúng tôi và chúng tôi vụng về không biết thưởng thức như thế nào thì ông uống hết ly này đến ly khác. Đó không còn là con người ủ ê hàng ngày vẫn xuất hiện trước cái nhìn ngạc nhiên của chúng tôi mà là người thừa kế một nòi giống được thanh lọc qua nhiều thế kỷ giàu có và nhàn hạ.

Ông bắt đầu nói, ông đứng, một tay cầm ly, tay kia tựa vào bàn, ông gọi lại

bằng một giọng khoa trương quá khứ của ông trong lâu đài tổ tiên bên bờ sông Rhin, chức vụ thị đồng bên cạnh Christian VII, cuộc đời thị thần trẻ, những chức đại sứ đầu tiên...

Chúng tôi ngạc nhiên há hốc miệng lắng nghe ông nói về những điều kiện cuộc sống ngoại quốc, những số phận ngoại quốc.

Nhưng bóng đêm của hoang mạc bao phủ chúng tôi khắp nơi và chúng tôi nghe tiếng gầm không rõ của biển trong khi ông mô tả những huy hoàng tráng lệ mà thế giới dùng để che giấu sự trần truồng của nó và sự thiếu thốn của nó có ý nghĩa với ông là một nỗi thất vọng hoàn toàn.

Chúng tôi thấy hình như những kỳ quan đó đi qua trước mặt chúng tôi, những người nghèo nhất trong những người nghèo, và chúng tôi run lên trước những tiếng thở dài của hoàng thân.

Bỗng nhiên giọng của ông vỡ ra, chiếc ly rơi khỏi tay ông, rượu ngập khăn bàn và Philip Gebhard de Bernburg Lippe mất nốt tự chủ.

Giọng nói lúng túng của ông áp a áp ứng những điều dối trá, những chuyện tục tĩu về những kẻ mạnh của thế giới này, về những ông bà nổi tiếng và trong những cái nấc, ông rải vào chúng tôi tất cả cận bã của rượu hoàng gia, sùi bọt ướm cả áo gi lê của ông.

Những cây nến cao chiếu sáng cuộc họp của chúng tôi bằng ngọn lửa, bằng ánh nhấp nháy vàng và pha lê của chúng, biến cuộc họp thành lễ hội, đã lần lượt cây này sau cây khác tắt hết. Khách mời ngón thức ăn và rượu, chéch choáng vì đồ uống ngoại, kích thích bởi lời nói màu mè. Bữa ăn trở thành cuộc truy hoan, người ta quên mất bản thân mình trong giờ duy nhất này, người ta quên đêm ở bên ngoài, sự cô lập giữa những ngọn sóng.

Cuối cùng những tiếng thét, tiếng gọi, tiếng những cú đâm vang lên trong phòng và khói thuốc lá, mùi rượu làm đặc cả không khí, và, ông hoàng – cái roi không lồ cầm tay, cúi xuống bàn, rú lên những lời nguyên rủa "Lũ bất lương, chúng mày nghĩ gì vậy? Đâu phải tình cờ chúng mày cả gan ngồi ở bàn của hoàng thân, của Burnburg Lippe. Cút khỏi đây, đồ cận bã, lũ ăn mày!"

Roi quất phía trên những cái đầu cúi xuống và những cái bóng biến mất. cả đám người tản ra nhón nháo. Người ta phá gãy ghế, đập vỡ cửa kính, và ly chén cho đến khi Hans Hofman đến ôm ngang lưng chủ của mình và kéo ông ra khỏi phòng. Hoàng thân bám vào cánh tay của ông ta, vừa khóc nức nở và xin người ta thương hại ông ta, thương hại, thương hại người ta ban ơn cho ông, người ta đừng để ông trogn ngôi nhà sống trên hòn đảo kinh khủng này.

Hôm sau, khi hoàng thân đã đã rượu sau khi ngủ cho đến chiều, sau những màn cửa buông xuống, và những ngư dân với bàn tay không được lẹ làng như cũ, con mắt nặng nề thêm vì say, cố gắng sửa vá lưới hay làm một công

việc gì nhẹ nhàng trên đồng, người ta quên đi cuộc kết thúc bất ngờ của cuộc hội hôm trước. hoàng thân đã không hề chán chê lòng tham và rượu để không chú ý làm cho cái roi của ông khỏi trúng vào đầu các viên chức. Nhưng run rủi thế nào, giữa sự lầm lẫn chung, tôi cũng nhận được một roi bởi vì tôi có mặt ở bàn ăn cũng xúc phạm đến ông, với lại ông có gì phải sợ tôi và các ngư dân?

Ôi! Tôi còn ít nguy hiểm hơn cả họ nữa. Khi hoàng thân, có Hans dẫn đi, xuất hiện lại trên đường một buổi chiều, cúi cái thân cao kêu xuống những lưới cá và những trảng nước đá, tình cờ ông đã trao đổi mấy tiếng với một vài vị khách tối qua. Và cũng tình cờ, ông làm lấp lánh trong mắt họ triển vọng của sự giảm thuế hay sự cho phép chăn thả súc vật ở đầm lầy. Không bao giờ ông vào nhà tôi qua trước tam cấp cao của nhà mục sư, hình như ông cũng không nhớ ra tôi.

Vậy tại sao tôi vẫn luôn luôn sẵn sàng trở lại, với cái bữa chén tàn nhẵn đó? A! Các bạn không phải như tôi, trẻ và cách biệt suốt những mùa đông ấy, khi mà bị vùi trong tuyết và đêm tối, chúng tôi chỉ có để nhớ đến thế giới bên ngoài, chuyện đắm tàu buồn thảm. Những xác chết và những gỗ dạt rớt cuộc đã làm chúng tôi tin rằng ctgtìm thấy trên đảo chết này tất cả mọi thứ đều đi đến thất bại. Các bạn không như tôi trải qua ngày này sang ngày khác của các bạn trong phòng học của nhà trường, các bạn không chạy một mình trên hoang mạc, các bạn không biết những buổi tối của tôi trên gác áp mái lạnh lùng trước ngọn đèn dầu leo lắt! nếu không thì các bạn sẽ không hiểu tôi. Khi trông thấy cháy lên một ngọn lửa như thế trước mặt các bạn giữa đêm đông vô tận, các bạn sẽ lao đến đấy thôi, tôi chắc thế.

Hơn nữa chính ngay dòng máu của tôi vẫn giữ gìn khái niệm về cái đẹp, về những xa xỉ cầu kỳ. tôi do di truyền, rất nhạy cảm với sự tinh tế của các thứ rượu, với mùi hương của những món ăn đầy gia vị, với sự thanh lịch của đồ bạc, đồ sứ, khăn ăn. Cái lạnh, sự nhục nhã, những bữa ăn với toàn cá khô không thể nào phá đi cái kỷ niệm đen tối của những thói quen của ông cha tôi. Tôi bị đau khổ hơn và lâu hơn là Eberhard có thể hình dung về cái đó. Vả lại những người khác dù không ràng buộc bởi sự giảm nhẹ thuế hay những mối lợi khác cũng không giữ lại một kỷ niệm xấu về ngày hội hàng năm ở nhà hoàng thân. Họ coi trận đón tiếp sau như là một hậu quả tự nhiên của cuộc viếng thăm của họ đến xứ Cocagne.

Trong những cuộc viễn du dọc theo bờ biển, đôi khi tôi trông thấy một người trong bọn họ đang kéo thuyền trên bãi sỏi nông quét, dừng lại trầm ngâm nghĩ ngợi.

Tôi biết lúc đó anh ta ngạc nhiên tự hỏi có phải một cuộc sống lễ hội như thế tồn tại trong thực tế chứ không phải trong truyền thuyết và có thực là anh ta vừa mới tham dự vào đấy không.

Hoàng thân, vậy là không hề thiếu hoàn thành sứ mạng của ông trên đảo, sứ mạng đại diện cho thần linh.

Ngày xưa một quân vương của Oldenburg, trong dịp hoang lạc bất chính với một công chúa của Bernburg Lippe, đã thuận cho người cha may mắn "viên ngọc quý nhất vương miện của tôi" và đã cắt vĩnh viễn món quà tặng này ra khỏi vương quốc của mình.

Từ đó một vầng hào quang thần bí toả sáng các vị thần luôn luôn vô hình sở hữu mảnh đất mà người ta ở, không khí mà người ta thở, và sở hữu luôn cả biển nữa.

Hơn bất kỳ người nào trong tổ tiên của mình, hoàng thân đã đè nặng lên đảo, ông là vị thần vắng mặt, nhưng lại luôn luôn có mặt trên đảo.

Khi ông xuất hiện, người ta trông thấy sự xa xỉ khốn khổ của ông, tinh hiền từ lãnh đạm của ông, sự yếu đuối rất nhân tính của ông, ông mất đi một cách tự nhiên vầng hào quang đó nhưng ông tìm thấy lại nó bằng những bữa tiệc mà chi phí cho nó là thuế do ngư dân khó nhọc kéo ra từ trong cát và sóng, và chính họ bị đuổi đi bằng những đòn roi. Philip Gebhard de Burnburg Lippe hành động với sự bất công thiêng liêng mà con người đòi hỏi ở các thần linh của họ.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 3

Bây giờ chúng ta nói về những cư dân đó của đảo, giữa họ tôi đã thấy từ năm mươi năm nay. Tôi đã dạy tất cả những người còn sống hôm nay, tôi nắm vững những cái nhìn của họ, tâm hồn trẻ thơ ccho trong ngôi trường nhỏ của tôi, tôi đã đi theo họ trong lễ kiên tín, trong lễ kết hôn và bên giường hấp hối của họ.

Chỉ có hai người trong số họ trượt khỏi tôi, bởi vì không ai rời khỏi đảo và ngay cả người đã đi xa nhất cũng trở về đây.

Tôi đã có mặt trong các hội hè, trong các vụ kiện, trong các cuộc chia đất, các cuộc chè chén, các cuộc sum vầy buổi tối của họ. Tôi đã theo dõi họ trong các công việc lao động hàng ngày, các vụ hái cây guốc bê, vụ gặt lúa mì ít ỏi, việc cày Saint Michel, vụ gieo hạt, việc chăm sóc gia súc, việc nhặt phân cừu để đốt trong mùa đông.

Tôi đã đi biển với họ trong những ngày xuân và thu và trong những đêm hè, tôi đã câu cá như họ, tôi đã nhặt trong lưới cá tráp và cá lưỡi bò. Tôi đã sống với họ. tôi đã thức đêm cùng họ những giờ dằng dặc khi cá trích về và đảo lấp lánh đèn lồng đèn chiếu của hàng trăm chiếc tàu đánh cá của chúng tôi và của người Thụy Điển.

Ai tham dự vào cảnh này từ trên cao ngọn đồi nhà thờ có thể tin rằng lục địa bỗng nhiên lôi chúng tôi vào trong cánh tay lấp lánh của nó, trong vòng tròn các thành phố lễ hội.

Tôi đã lắng nghe những chuyện phiếm trong đêm lạnh dưới ánh sao và trong hơi ẩm của những túp lều có xà lớn, nơi những người đàn bà xe và dệt những bó sợi đay. Họ cung cấp quần áo cho chồng con và bản thân họ. Họ chế ra các màu bằng những cây thuốc nhuộm và phèn, giúp đỡ đàn ông trong việc đan lưới, cắt phao bằng cây bần hay bằng gỗ, trong những gian nhà của họ nặc mùi dầu cá voi và có cái lò sưởi nóng như một lò hấp.

Bão thổi xung quanh chúng tôi, một chiếc xe trượt cũ kêu kèn kẹt ở nhà kho, người ta yên trí là có những cuộc đắm tàu, không khí vang lên những tiếng kêu lạ lùng, những truyền thuyết truyền từ miệng người này sang người khác.

Những người ngoại quốc nằm dưới cát của nghĩa địa không thể nào yên nghỉ, họ bị đau khổ vì rét và nhớ tổ quốc. họ chạy xung quanh các cồn cát lún trượt, gọi các tàu của nước họ mà họ biết là gần đấy và lôi cuốn các tàu và thủy thủ đoàn bị nhảm vì tiếng nói quen thuộc vào với bất hạnh của họ.

Người ta đã tìm thấy một hòm ở tận đầu phía bắc của hoang mạc, nơi cả năm ròng không một bóng người đặt chân tới, tất cả các thủy thủ của một chiếc tàu đều chết, mắt mở tròn tròn nhìn về phía chân trời.

Vậy họ đã mắc cạn ở đây tự bao giờ, những con người đó. Không ai nhìn thấy chiếc tàu bị nạn, không có một mảnh gỗ dạt nào trên bờ biển. Đó là thủy thủ đoàn ma quỷ đã tìm được chỗ nghỉ ngơi trên đảo sau khi bị đuổi từ cảng này đến cảng khác trong bao thế kỷ.

Ở bờ biển tây bắc một chiếc thuyền Anh quốc đã mất cả tàu lẫn hàng. Biển đầy ứ xác chết. Người ta chôn trong ba tuần. Cái đêm mà tất cả họ được mai táng, không ai ngủ được.

Những cửa nhỏ có vạch vàng, dưới những mái nhà bằng tảo dạt, rung lên trong những đêm bão như thể bị lay bởi những bàn tay đã từng biết vận nắm đầm. những mùi hương ngoại lai trôi trong gian nhà, những đồ gỗ khảm trai từ trên các tàu bị đắm kêu rắc như có các khách dòng dõi quý tộc ngồi ở đấy. Tấm khăn trải bàn thêu cây cọ còn giữ lại được ở nhà mục sư và dùng cho tất cả các lễ rửa tội đã được tìm thấy trên bờ biển. Nó phủ xác một đứa bé lạ mặt, có những lọn tóc vàng đẹp như một thiên thần.

Biển còn giữ đến những bảo vật kỳ lạ, những đồ vật mà người ta không biết giá trị và cách dùng.

Nhà thờ đã do một người ngoại quốc xây dựng, một người Nga. Để tỏ lòng biết ơn, con cừu của nhà thờ chạy dọc bờ biển mỗi khi một chiếc thuyền Nga được trông thấy từ những đá ngầm, và không có cơn bão nào át được tiếng kêu của nó.

Xung quanh các ngôi nhà người ta nghe tiếng giẫm chân của những con ngựa mà người ta chỉ lừa về chuồng trong dịp Noel để có thể đủ cỏ khô.

Thường chúng hay bị chết rét trong tuyết của hoang mạc. Những con cừu cổ đào khoai tây trong các hầm ủ tươi của làng và ăn hết thực phẩm của người. hoặc chúng cắn giật cả mái nhà trên đầu chúng để ăn no rơm và tảo dạt.

Trong lúc đó người ta thì thảo những chuyện cổ hàng mấy trăm năm và tuy nhiên vẫn rất gần, chuyện những mục sư, những pháp quan, chuyện những thù hận, những cãi lộn, những cơn say rượu, những sự trợ trên của họ.

Chuyện của pháp quan đòi hỏi những sản phẩm đầu mùa của từng tác đất trong đầm lầy, cũng như những tác phẩm đầu tay của tất cả các phụ nữ trên đảo, chiếm đoạt mất cả một phần ba các cửa của cải trôi dạt...

Cho tới một buổi sáng, người ta thấy ông ta bị đâm xuyên trên một chạc cành cây ở đỉnh núi Sonderbjaerg, hai cánh tay chết giương lên trời và hai lưỡi hái thọc vào trong ngực.

Chuyện một mục sư mà cảnh quanh hiu làm phát điên thốt ra từ trên giảng đài những lời nói kinh khủng. Theo ông ta, không phải là Chúa mà là quỷ Satan đã sáng tạo ra đảo. có thể dễ dàng biết được điều đó qua các tác phẩm

của ông ấy. Việc tôn vinh tệ nghiện ngập, thói truy lạc, tội giết người, thói ngoại tình đã trở lại với ông.

Chuyện một mục sư khác tin rằng Chúa nấp mình trong cát của hoang mạc và ông đã quỳ xuống đầy ngày đêm đào đất và gọi như toàn đảo gọi Đấng Cứu Thế đã biến mất.

Người ta nói về "chiếc tàu thanh niên" – chiếc thuyền to đẹp đó làm bằng mảnh dạt của một chiếc tàu mắc cạn. Giữa những cơn sóng của biển động dữ dội "chiếc tàu thanh niên" hình như có một sự bảo vệ thiêng liêng. Một con bồ câu trắng không ngừng bay liệng phía trên ngăn cản những đám mây đen đông tó và soi sáng đường về. Chắc hẳn là con chim của Đức Thánh thần giấu trên chiếc tàu đắm đã được đưa lên "chiếc tàu thanh niên".

Người ta nói có ẩn ý về những vụ phù thủy và những hoạt động phá hoại của chúng, về tất cả niềm vui, về tất cả tuổi xuân. Một số bà già mệt mỏi vì luôn luôn sống giữa những người như thể đã khai ra nọc độc của những lời nguyên rửa vào bọn trẻ con, vào những con vật nhỏ, vào mùa xuân. Nhưng sự trừng phạt đã đến với họ. Trong khi mục sư to giọng cầu nguyện trước bàn thờ, dân chúng được chuông Noel che chở đã xông vào đám đá họ tui bụi, mà họ thì chỉ có vũ khí là những chiếc nạng chống. Chân tay của họ bị xé nát và rải rác, chảy máu trong gió đêm.

Người ta nhắc lại những buổi sáng Phục Sinh nào đó trước khi bác sĩ Orebro, thầy thuốc đầu tiên của đảo đến, hỏi ấy những người bị bệnh sốt rét nhảy múa trên "nước thanh khiết".

Người ta kể những tên cướp Thụy Điển ngày xưa đột nhập và nổi hoảng sợ của dân đảo bằng những cây kích và ngọn thương của chúng. Người ta kể những trận chiến đấu dã man trên hoang mạc khi những người chết giờ ra trước các con chúa họ các mũi tên và rìu đá.

Chứng nào bão tố dọc các bờ biển có thể đưa đến những bộ xương người chết đuối, dù cho đã lâu hàng chục hay hàng trăm năm thì chứng ấy những chuyện trò buổi tối thuật lại tất cả sự khốn cùng ngày xưa của hòn đảo chúng tôi.

Đó là năm đói, cái năm những người sắp chết kéo lê trên bờ biển, nhìn ra biển bằng cái nhìn cầu khẩn và bật lên những tiếng kêu tuyệt vọng mà không một tai con người nào nghe được.

Đó là năm bệnh dịch tả. Số người sống sót ít ỏi trốn tránh lẫn nhau vì sợ lây và chạy vội đến biển để thoát khỏi mảnh đất truyền nhiễm của họ.

Ôi! Bầu không khí thật nặng nề vì những dầy vò và hình phạt trên cái đảo bị Chúa ruồng bỏ này!

Tôi đã nghe nhắc đến kỷ niệm những người chiếm cứ đầu tiên, cái lều đầu tiên dựng trên bờ biển chưa khám phá, chiếc thuyền của những ngư dân thời tiền sử đầu tiên cố ý dừng lại trên đảo, những bước chân bước dọc bờ biển,

cuộc đi đầy lo âu dẫn đến những dấu vết chính của hòn đảo.

Trong tiếng nói của nhân dân còn vọng lại tiếng kêu của những thủy thủ thấy họ bị bao quanh giữa biển cả và hiểu rằng không bao giờ họ còn tìm thấy lại những lều da thú và bóng mát của các khu rừng quê hương.

Và trong các lỗ tai còn lại tiếng rì rào của Khu Rừng Lớn, xưa kia chạy dài trên đảo, khu rừng này chưa ai trông thấy, đã từ lâu không còn nữa, nhưng những cái rễ của nó cắm vào trong mọi trái tim như vào trong cát của hoang mạc, nơi mà cứ mỗi mùa xuân đến các gốc lại phủ đầy chàm vàng của những cây liễu lùn.

Ở đây, hiện giờ chỉ mình cây guốc bê ghi lại trên cát chuyện về cảnh cô đơn tại nơi mà con mòng biển sợ chính tiếng kêu của nó, trong những ngày bão lớn người ta nghe thấy tiếng đàn du dương của khu rừng mênh mông, người ta trông thấy cuộn tròn những làn sóng lá xanh, người ta nó thấy mùi rêu ẩm, mát rượi như một dòng suối.

Khu rừng đầy tiếng chim trái dài trên đỉnh Sonderbjaerg, và biển bộ ngực rườm rà lá cây cho những làn gió ngoài khơi. Rừng ném ra phía trước những làn gió biển, từ trong cái hồ đầy cá, sự phong phú phi thường của thực vật mùa xuân.

Chính tôi đã nghe tiếng thì thảo của Khu rừng Lam trong cây đoạn của đỉnh núi sonderbgjaerg chào tôi buổi chiều tôi đến đảo từ phía những rừng cây nhìn thấy rất muộn nhưng lại khuất đi rất nhanh từ bờ biển Seeland. Ngực tôi mỗi một vì gió lộng, đã thở ozone của lá xanh và tôi trông thấy rừng sáng rực trong những màu sắc mùa thu.

Khi cây đoạn, ngọn cây cuối cùng của Khu Rừng Lam đến lượt đổ xuống, tiếng thở dài của những cái rễ đã vang lên trong tim tôi cũng như trong tim những người khác. Đó là lời chào vĩnh biệt cuối cùng của chúng tôi với khu rừng.

Những người già, Svente Salme và Maerged Duun, không kể ba goá Abel, bà già bất tử, đã kể cho chúng tôi rằng ông của họ đã dự vào đám đại hoạ hoạn. một người đàn bà đã để lửa ở Khu Rừng Lam và những ngọn lửa được trông thấy từ Jutland và Thụy Điển. Những người của lục địa đã làm dấu thánh giá, nghĩ là cả đảo đã cháy rụi.

Các bạn ạ, tôi đã biết những ngày xưa nhất và những ngày mới đây nhất của đảo. Tôi đã đến nghĩa trang tất cả những người đã ở đây khi tôi đến. và với mọi người trong số họ tôi đã chôn đi một thắng lợi, thắng lợi của cuộc sống đối với hoàn cảnh.

Các bạn ở đây từ khá lâu để xác nhận lời nói của một vị pháp quan xuất sắc đồng thời là mục sư của chúng tôi trong thời kỳ mà không một thầy tu nào dám tin rằng đến được tận đảo.

Khi một người dân đảo chết – vị pháp quan nói – đó là một người bị cầm tù

được người ta đưa về đất, tôi sẽ tham dự vào việc mai táng và sẽ tặng người đó mọi vinh dự trong quyền lực của tôi.

Tuy nhiên các bạn không biết thời gian mà đảo không có lấy một bến cảng, người ta không biết lấy một động com, hồ cho hết đáy bằng cây xanh, chúa đất lấy mất của chúng tôi nửa số thu nhập, và mục sư lấy đi một nửa còn lại. Hồi bấy giờ chúng tôi chẳng có tổ chức cứu nạn, chúng tôi không liên lạc với đất liền bằng điện tín, các vua sinh ra và băng hà, nhiều cuộc chiến bùng nổ và kết thúc chúng tôi đều chẳng biết gì hết trước sáu tháng.

Nhưng các bạn hãy đi vào trong hoang mạc, lên tận chỗ đèn pha, men theo vịnh nhà kho và ở lại đấy trong khi những cây guốc bê rì rào bên tai và gió thổi vào mặt các bạn cát và bọt sóng khô rát. Các bạn hãy nhớ lại rằng người ta đã mệnh danh cho đảo này là của "Ấn Độ" vì công nhận là những cây guốc bê mọc ở đây rất thẳng, cho chúng tôi thu hoạch được nhiều cho gia súc ăn thay cỏ tươi và cỏ khô.

Tôi đã sống ngay bên cạnh những người dân đảo, gồm cả quá khứ và hiện tại của họ trong niềm vui, vận rủi của họ, có lẽ tôi đã đau khổ hơn tất cả họ, thế mà tôi vẫn luôn luôn cô đơn ngay giữa họ.

Phần vì tôi chưa hiểu rõ tiếng địa phương khi họ nói với nhau, phần vì tôi không bao giờ thấm nhuần hoàn toàn ý nghĩ của họ. Cuộc sống của họ đã diễn ra trong một sự tách biệt gay go và lâu dài khiến họ không thể tha thứ cho một sự can dự bên ngoài nào. Vì thế những công chức, nhất là hồi trước đây đã cực khổ rất nhiều, vì thế cuộc sống của tôi vẫn rất bó hẹp.

Người ta ít khi tỏ ra thù địch đối với tôi. Anh thanh niên ném đá vào tôi hôm đầu, đã thôi không có người bắt chước làm theo, à bây giờ vẫn có nhưng không nhiều. phần lớn dân đảo không ghét người ngoại quốc chúng ta vì lý do chúng ta đã lãng quên họ, đã để cho họ cô độc, chúng ta thờ ơ với họ, thế thôi. Lạy Chúa, tôi mà thờ ơ với họ! Cho đến những đứa trẻ mà trong một thời tôi đã giữ trái tim trong tya tôi, vì tôi tìm ở đấy một gia đình, một chỗ trú, cho đến những đứa trẻ đã tuột khỏi tôi khi lớn lên. Chúng đi đâu, tôi không biết. Chắc chúng lại ngấp vào trong sự cô lập, huyền bí, những bóng tối lâu đời mà không bao giờ một người ngoại quốc đi vào.

Thật vậy, tôi biết nhiều người đã biêu lộ cho tôi một bộ mặt thân thiện, mỉm cười với tôi, cho tôi những lời khuyên, giúp đỡ tôi. Đó không phải là những con người độc ác. Nhưng tôi e là tôi không tạo lập được chỗ ở trong lòng một ai. Không một người nào sẽ nhớ đến tôi sau khi tôi chết. Họ chỉ sống giữa họ với nhau.

Hãy nhìn họ xem. Họ có giống chúng ta không? Hãy nhìn bộ mặt không bình thường và tái mét, tóc và râu đen xanh... và những con mắt nhỏ đen của họ!

Các bạn có nhận ra được một tia sáng nào đến từ những thời đại xa xưa?

Tôi tin rằng họ không bao giờ bị đánh bại vì sự cô lập quá lâu dài của họ. Họ ở một thế kỷ khác với của chúng ta.

Tôi đã sống trong số họ như người xa lạ. hãy nghĩ rằng cùng một dòng máu chảy trong huyết quản của họ, tất cả đều là anh chị em, kết hôn với nhau, người này sống bởi người kia, nuôi nhau từ đêm tối của bao đời.

Tất cả họ đều từ cùng một giống người mà một trận bão thời kỳ đồ đá đã đẩy đến hòn đảo hoang vu này của chúng tôi.

Họ thuộc một thời đại khác, một loại người khác với chúng ta nhưng lại buộc chặt với nhau như những rễ cây ở Khu Rừng Lam.

Không có một nhóm cứu nạn nào can đảm hơn trên tất cả các bờ biển Đan Mạch.

Trong những đêm giông bão, tôi đã lắng nghe tiếng ầm ầm của trời biển. Gió đuổi cát vào tận lều của tôi, thổi bay tóc tôi, xào xạc trong răng tôi. Lúc đó tôi nghĩ đến những người canh cứ hai người một đi dọc bờ biển, rình dò những tín hiệu báo nạn trên mặt nước bao la đen ngòm cuộn sóng.

Trước khi chúng tôi có điện thoại (tôi gần năm mươi tuổi lúc người ta lắp đặt), người ta phải vượt qua hoang mạc để báo động cho bạn làng. Tiếng động nhẹ nhàng của những chiếc ủng nặng nề trước cửa sổ của tôi rồi sau đó tiếng kệt cửa phía trên cao ở buồng điện thoại cho tôi biết một chiếc tàu đã va vào đảo vỡ vụn. Như Jacobus Uz, tôi không thể nào nguôi ngoai khi nghĩ rằng cái đồng đá nâng chúng tôi lên trên mặt nước, giữ gìn cuộc sống khôn khổ của chúng tôi ấy chính là nguyên nhân tổn thất của những người khác trên biển.

Những tiếng kêu thét, sự nhộn nhạo bùng nổ trong làng. Tất cả các cửa đều mở, những câu hỏi và trả lời bay trong gió bão, những chiếc đèn lồng đỏ lên, chiếc thuyền cứu hộ được kéo ra khỏi lán. Tám ngựa kéo và đoàn thủy thủ đẩy thuyền qua hoang mạc trong sương mù, bão cát và tuyết, đến tận mặt biển đang gầm rú.

Sau đó, bám vào những bụi guốc bê của một cồn cát, tôi trông thấy chiếc thuyền biển mất trong sóng với tiếng chèo vang to, ngập xuống, hiện lên với chiếc đèn lồng của nó. Nhịp thở hỗn hển của những người đàn bà tăng gấp, nóng bừng bên cạnh tôi trong không khí lạnh giá và nhịp đập trái tim họ tôi nghe như át cả tiếng gầm rít của bão.

Bấy giờ tôi cảm thấy dân tộc này đã trả tiên chuộc cho chỗ trú ẩn này của họ và tôi buộc phải thú nhận rằng tôi chẳng có quyền gì được sống ở đây.

Tuy nhiên trong lúc cứu nạn, khi chiếc thuyền vào bờ với những người khách cứu được gần như sắp chết để tìm chỗ nấu, hay trong giờ nguy khốn, khi biển nổi giận ném vút nhào thuyền bắt lực và để trừng trị thuyền dám đọ với cái sức mạnh mù quáng của nó đã vút hết một nửa số người trên đó, tôi đã quên mất trong niềm vui hay thất vọng của mình, rằng tôi là người ngoại

quốc...

Tôi nhớ lại tất cả những người lạ đó mà giữa lòng họ tôi đã trải qua những ngày của tôi, tôi nhớ lại nét mặt của họ, nghề nghiệp của họ, thói quen của họ, những nụ cười của họ, nhưng tôi không biết gì về đời sống riêng tư trong gia đình họ. TG đã sống với họ cửa liền cửa, nhưng không bao giờ cửa của họ mở ra với tôi, tôi đã thở dưới cùng một bầu trời với họ nhưng tôi không biết họ đã trông thấy gì trên đó.

Ở đây có bà cụ già Maerged Duum, suốt năm, ngày nào cũng vậy bất kể thời tiết thế nào, đều chống nạng lê lên tận đỉnh núi Sonderbjaerg cúi rạp mình về phía trước để nhìn dò sát mặt biển. Liệu nó có trả lại con trai cho bà không? Sự chờ đợi dài lâu đó của bà đã cô lập bà với xung quanh và vì thế mỗi khi đi về quá kiệt quệ do đuổi sức và già nua bà đã vào chỗ tôi chuyện phiếm một vài câu.

Tôi bèn kể với bà rằng thế giới thực tế có tồn tại ở bên kia các ngọn sóng. Người ta đi bộ không bị ướt và có thể tìm thấy hạnh phúc ở đấy... Nhưng mỗi lần bà đều thờ dài ngắt lời tôi, rồi chống nạng đứng dậy kêu to:

- Nhưng thế giới đó không phải để cho những người sinh ra trên đảo. Chính vì thế tôi biết nó sẽ trở về.

Cuối cùng tôi rất khó làm cho bà tin rằng có tồn tại những bờ biển khác và tôi tin như bà ấy rằng con trai bà ấy nhất định phải trở về na anh ta đã không từ lâu tìm nơi an nghỉ trên cát của đáy biển.

Lại còn có anh ngư dân Lavrus Potter ốm vì cảnh quạnh hiu của đảo, vì cuộc sống khép lại với chính nó, vì quan hệ cùng dòng máu lâu đời. Những cội rễ của nòi giống anh ta trộn lẫn với nhau quá chặt chẽ đã làm thành một cái nút thắt ở trong ngực anh, ngăn không để anh thở. Anh ấy cảm thấy càng ngày càng bị đè nén. Cũng như người tù trong Edgar Poe trông thấy những bức tường của mình bốn bề là đảo. Anh ta cố thử thoát khỏi số phận của mình bằng cách tự nguy trang, bằng cách nắm lấy một tâm hồn mới. Một quyển Thánh Kinh bằng tiếng Anh lấy từ một chiếc tàu mắc cạn đã cho phép anh ta học tiếng Anh bằng cách so sánh từng chữ một của các bài kinh. Nhưng tiếng Anh đó cổ quá rồi, không dùng được nữa, chẳng ích lợi gì trong việc buôn bán và tìm hiểu tâm tính hiện nay.

Thế là anh chàng Lavrus Potter đành chịu khép kín trong hòn đảo và trong quá khứ của mình.

Anh nổi cơn giận dữ đối với giống nòi của anh (Ôi, tất cả những người an hgp đều là dòng giống của anh) và tìm cách tự cứu bên cạnh tôi và một vài người ngoại quốc hiếm hoi – bác sĩ Orebro, bà Éléonore – nhưng vì không ai ở đây có thể hiểu những gì người ta kể về những xứ sở ở bên kia biển khơi, và không hiểu tiếng nói của chúng ta.

Thế là anh chẳng biết làm gì nữa, quên mất cả chính tên mình. Những câu

hỏi, những lời nói nóng hổi của anh biến thành một bài hát không lời. Mắt anh nói hộ môi anh. Rồi anh biến mất và người ta đã tìm thấy xác anh trong cát sa mạc.

Anh đã đắm thật sâu vào trong đó, hình như muốn được hút vào trong đất của hòn đảo.

Sau nhà thờ có một người đàn bà mà chúng tôi gọi là bà góa Abel, mặc dù không ai biết chồng bà ấy, Silads người đánh chuông, người giữ đồ thờ, là cái tên luôn luôn ở đầu lưỡi của mọi người.

Làm sao mà chúng tôi biết được anh ta, vả lại ngay cả trên đảo này những cái chết cũng rất ít, thậm chí những người chết, ngư dân, mục sư, pháp quan của thế kỷ trước vẫn tiếp tục đi trong chúng tôi trên những lối đi cổ xưa?

Làm sao chúng ta có thể biết anh ta khi người vợ góa của anh ta nói với chúng tôi anh ta đã thất cổ từ hồi còn trẻ vì quá thất vọng không bao giờ được nghe một tiếng chuông khác trả lời tiếng chuông của anh?

Ở đây, ngay cả những người già nhất, không người nào biết bà góa Abel là ai.

Ông già Svente Salme và bà già Maerged Duum chỉ nhớ là bà góa đó được coi như đã hơn một trăm tuổi khi họ còn là trẻ con, nhưng hồi đó nnta không biết gì về bà ấy cả.

Bây giờ chúng ta im lặng khi bà ấy đi qua, rạp người trên cây gậy. Bà leo lên ngọn Blabjaerg và trên đó giống như một đồng cát nhô, bà ấy quan sát biển khơi. Bà ấy tìm ai? Bà ấy tìm Silads, người đánh chuông, hay tìm cái chết? Maerged Duum cúi mình trước bà, cúi thấp hơn chúng tôi, bởi vì – bà nói – mất một đứa con có nghĩa lý gì so với một thử thách như thế: bị cái chết lãng quên.

Tôi lục tìm tên bà góa Abelm người sống sót của Silads – đánh chuông – trong các sổ của nhà thờ, cảm thấy chắc rằng những tìm kiếm của tôi liên quan đến tất cả chúng tôi, rằng tìm ra được sẽ xóa tan hết mọi băn khoăn của chúng tôi. Nhưng sau khi giờ vô ích đến tận những trang của thời kỳ Gia Tô giáo, tôi đành chán nản bỏ cuộc.

Chúng ta đã sống dù cho ở ngoài lề thế giới và cuộc sống quên chúng ta, vậy chúng ta lại cũng bị cái chết quên đi sao?

Tên của một người đàn bà nói rằng đã sinh ra, đã được rửa tội và kết hôn trên hòn đảo mà bà không thể hề rời khỏi lấy một giờ, đã không được chỉ bằng một nét gạch bút chì.

Chúng tôi không sợ những người chết, họ lẫn lộn vào chúng tôi như những người sống. Trong điện thờ, bên bờ hoang mạc, quan tài luôn luôn mở. những người chết bước ra khỏi mồ và chào chúng tôi như trẻ con chào người lớn. Nhưng bà góa Abel như một hồn ma, một người sống, thế mà lại là một người chết.

Tôi đã đến thăm bà tại phòng của bà, nơi bà sống cô độc như trong thời đại của bà. Tất cả mọi người tránh không vào nhà bà, trừ Jacobus Uz. Trong sự im lặng sâu bao quanh, người ta nghe bà nói không ngừng và không ai chịu đựng được khi nghe những lời buột ra từ đôi môi sần sùi của bà giống như từ một khe nứt của mặt đất thoát ra những thì thầm của những người được chôn ở đây.

Nhưng tôi đã đánh liều đi vào trong túp lều dù cho mùi xông lên ở đó khiến tôi buồn nôn. Tôi muốn đọc ra những bí mật khắc trên khuôn mặt xanh xao của bà.

Tôi lắng nghe giọng nói, không màu sắc như nét mặt của bà, như mùi của bà, một giọng nói vô nhân xưng.

Bà gọi ra cho tôi những tên và những nhân vật mà tôi biết người thì đã mất từ nhiều thế kỷ, người thì tôi nhớ rõ là đã trông thấy dấu vết trên những quyển sổ của nhà thờ. Đó là cả một đoàn người chết điếu qua trong căn phòng, họ nhô lên trên hoang mạc từ những thời đại xa xưa.

Bất thành linh tôi nghe thấy những tiếng nói, tôi nhận ra những bộ mặt giống như ánh sáng của phát súng nổ trên cao trong nhà thờ, đã chiếu sáng lên.

Trong lúc mục sư chúc phúc lành cho hôn nhân của một đôi nam nữ không ai quen biết, đến đảo trong đêm thì ai đó đã bắn súng lục vào họ, giết chết cả hai người. bây giờ cũng như hồi đó trogn bóng tối đã giấu kẻ đi theo những đôi vợ chồng ở trên biển và biển đã xoá mất mọi dấu vết.

Hôm sau tôi trông thấy trước điện thờ vết máu tươi đó, và từ đó tôi còn thấy lại mãi...

Abel nói, cái nhà kho hiện lên nặng nề và đen ngòm phía trước những làn sóng ở nơi ngày nay chỉ còn tên gọi của vịnh mà thôi. Những chiếc neo gỉ hiện ra trong bóng tối không chìm xuống đáy được. Những tấm vàng lấp lánh ở dưới đáy sâu, những kho báu bị bỏ quên làm hiệu vào bờ biển, nơi đang hoành hành nạn đói. Rồi đến một cuộc chơi bài với những quân bài vấy mỡ trên những bàn tay của người chơi, đầu cúi xuống, chơi với cả cuộc sống và cả cái chết.

Bỗng nhiên tất cả rơi vào trong đêm tối, chỉ có gió và sóng dồi tung hoành như là sự lãng quên ở những nơi đó.

Một chiếc tàu buồm đen, rách, thùng hiện ra trước một mảnh trời đỏ máu và trên nước rải rác có những chấm máu, hàng triệu con chuột bơi không ai trông thấy chúng trong giờ này của buổi sáng. Những con chuột sau khi ăn hết hàng trên tàu và cả đoàn thủy thủ, đã đến gần đảo như Sự Phán xử cuối cùng.

Vì sao vậy? trước kia không khi nào người ta trông thấy một con chuột trên đảo, không khi nào người ta trông thấy lại nó nữa kể từ đây.

Nhưng sau khi chiếc tàu đổ những người mắc bệnh dịch hạch lên mũi cuối

cùng của đảo, dân chúng đã sợ hãi và tức giận ném đá vào những người khốn khổ bị bệnh tật làm mù mắt, run cầm cập và thở khò khè, rồi vớt hết cả xuống biển.

Những linh hồn bị dày xuống địa ngục bây giờ trở về báo thù hòn đảo, chúng đòi hỏi ở đảo chỉ một ít đất công giáo.

Và hoang mạc, sự đe dọa thường xuyên rộn lên, lúc nhúc những chuột. dòng thác răng thép, và đuôi chày trong làng, ở nhà thờ, tấn công vào người.

Họ đã chếp trong trận dịch hạch đen này, những cụ già lão đảo, trẻ con, người lớn, đàn ông đàn bà, chết trong những ngôi nhà đổ sụp, những cánh đồng tro trụi và những chiếc thuyền bị ngốn hết.

Những chiếc thuyền! Chúng thử cố ra khơi, và đây, những ngọn sóng chao đảo một chiếc thuyền màu trắng chói lóa. Tất cả trèo lên thuyền, chen lấn đấm nhau, danh em, vợ chồng, con cái chen lấn nhau để thoát nạn. Nhưng chiếc thuyền không bỏ lại một ai. Khi họ ngạc nhiên ngẩng mặt lên thì thấy phía trên họ con bò câu của "Tàu thanh niên".

Họ khóc oà lên trước mặt nhau, tự hiểu với nhau rằng đã được tha thứ và cứu thoát.

Và họ đi trong nhiều tháng trên chiếc thuyền nhỏ này, thuyền đã lớn lên, đủ để nhận một nửa đảo. Người ta uống nước mưa, ăn cá, dưới những cánh trắng của bò câu. Mắt họ nhìn về phía đảo háo hức muốn biết liệu đảo có được trả lại cho họ không.

Họ trông thấy chuột bớt đi, rồi mất hẳn trong hoang mạc như những giọt mưa đã biến đi.

Một hôm, họ khóc lóc, còng lưng xuống cập bờ và kéo thành hàng đi qua xứ sở của họ, ở đây không có lấy một cái gì nuôi sống một con chuột. Giống như tổ tiên của họ, họ đã đến không dụng cụ, không một chỗ trú trên cát trống không, nơi họ tìm thấy những bộ xương của cha mẹ và con cái họ. Phải làm lại tất cả từ đầu.

Làm thế nào kể lại toàn vẹn những gì tôi đã học được trong chính tiếng nói của thời gian. Muốn được thế tôi phải giống như bà góa Abel bị cái chết quên đi, cái số phận làm rừng mình đưa trẻ bé nhất, người trưởng thành khỏe nhất, cô thiếu nữ vui vẻ nhất.

Abel, người đàn bà bị bỏ quên, đã tìm cái chết ở nơi mà bà không tìm được, trong hoang mạc, trong những ngọn sóng. Khi bà tìm nó ở chỗ b, bà đã tìm được nó một buổi sáng đầu năm. Người đánh chuông phát hiện ra bà trong gác chuông, treo cổ trên dây buộc chuông. Bà đứng đưa ở đây như chồng bà, người đánh chuông Silads đã làm trong một ngày cuối năm để ngăn không cho năm mới len vào, ngăn nó đánh thức ông dậy.

Chúng tôi đều có mặt tất cả khi người ta đưa xác bà vào quan tài, trên nền gạch lát cũ trước cửa nhà thờ.

Và chúng tôi có thể đọc trên khuôn mặt cái chết phục hồi lại của bà, những sự tàn phá của thời gian mà chúng tôi không hiểu ý nghĩa.

Khi trong nhà thờ, tiếng chuông và lời của Chúa vang lên trong tai chúng tôi, thì đây không phải chỉ là đoán chắc của sự phục sinh mà còn là đoán chắc của cái chết khiến cho lòng chúng tôi hoan hỉ. Amen!

Tôi biết những người bệnh khác của cái quan hệ cùng họ hàng bên nội với nhau, một người đàn độn, một người bị kích động, một người âu sầu mà bệnh ám đã đẩy đến tự tử.

Dân cư cần cỗi đi cũng như chính hòn đảo vậy, dân số đã không tăng từ nhiều năm nay và nói chung mỗi năm chỉ có một đứa trẻ sinh ra ở đây, và cũng thế chỉ có một người chết đi.

Đảo không bao giờ sản sinh ra người xuất chúng, có thể chỉ trừ ra Lavrus Potter và ông này thì đảo giữ lại cho mình. Người ta không chép lại một tiếng nào của bài hát không ngừng của ông. Nhưng kỷ niệm về giai điệu vẫn còn, người ta vẫn còn hát. Đó là tiếng nói của đảo.

Chắc là các bạn ít khi nghe cười to, và các bạn không trông thấy trẻ con vừa chơi đùa vừa cất lên những tiếng reo vui. Nhưng các bạn cũng lại không gặp những người say rượu và những kẻ nói dối.

Tóm lại sự thuần khiết về huyết thống đã tạo cho dân tộc này sức mạnh và sự đồng nhất.

Còn những người khác, các công chức, vợ con của họ thì sao?

Ôi! Khi tôi nghĩ đến họ tôi thấy hình như đã biết hết cả nhân loại rồi. Và tôi cũng thấy hình như tôi tuy bị quên đi trong cái xó hẻo lánh này nhưng tôi đã sống ở một trung tâm đông nhất của thế giới. Đôi khi tôi tưởng gần như mình được phú cho cái nhìn của Chúa, cái nhìn đo được những trái tim và những quả thận.

Bởi vì ở đây con người không thể giấu giếm cái gì được, có nghĩa là những người ngoại quốc, những người bị tội đầy biệt xứ, phải bám vào nhau một cách thành thực tuyệt đối, như những người đắm tàu cùng bám vào một mảnh ván cuối cùng do sóng cuốn đi.

Về sau tôi hiểu ra rằng không có gì là mới dưới mặt trời, và cuộc đời mà chúng ta đang sống cũng là cuộc đời mà ông cha ta đã sống trong những thời đại mà chúng ta cho là đã biến mất.

Họ là những người biệt xứ ở trên đảo, họ không biết điều đó. Họ tưởng là những người đầu tiên tồn tại trên bờ biển này và trong những hoàn cảnh này. Họ ném vào gió những than vãn, những tiếng kêu tự nguyện và gió trả lại những tiếng đó trong những tiếng thì thảo rời rạc, gãy vụn.

Cuối cùng mỗi người nguôi đi trong cái tổ mà họ tưởng là đã tự xây lấy một mình, nhưng trong cái tổ đó tôi đã thấy Jacobus Uz, bác sĩ Orebro, bà Éléonore tìm một chốn nương thân.

Linh cảm ngày đầu của tôi không đánh lừa tôi. Một hôm một chàng trai thanh niên, giống như tôi, đã sống ở đây, và từ đó một người thứ ba sẽ bắt đầu lại cuộc sống của chúng tôi, di truyền lại cuộc sống đó cho một người kế tiếp không hề biết gì về anh thanh niên và về chúng tôi.

Một hạt cát nhỏ của đảo này một hôm đã là một con người và trận bão mùa thu cuối cùng sẽ cuốn hết tất cả chúng ta vào một ngày nào đó, vào trong lòng Chúa của chúng ta.

Bảy mươi năm của tôi ở trên hòn đảo mà các người con chết rồi của nó đã giữ lại mọi thế kỷ trong lòng nó, có nghĩa là gì?

Là cái mảnh đất mà cuối cùng tôi đã nhận là của mình vì mỗi một hòn đá, mỗi bụi guốc bê là bộ phận cấu thành của tôi. Là tôi phải vững tin rằng còn phải nghe tiếng thở dài từ bên kia các con sóng, tôi phải hiểu rằng mỗi lần tôi hoà mình vào niềm vui nỗi buồn của những người khác là tôi nói với tư cách người ngoại quốc không có quyền khai sinh, không có cái quyền được tổ tiên tôi truyền lại.

Như thế tôi đã sớm quả quyết được rằng dưới vòm trời này chúng ta không có chỗ ở cố định.

Bây giờ thời hạn lâm chung đã gần và tôi sắp khôi phục được những gì người ta cho tôi vay, người ta nói rằng tôi sắp được cho phép như tất cả mọi người khác gọi là của tôi một chỗ ở trên trái đất và có những anh em. Khi người ta cho phép, cho mamzelle Lucie và cho tôi, thì không những lần dit tôi được đưa mắt nhìn xung quanh tôi, cái nhìn tự tin của đứa con trong nhà cha đẻ, mà tôi có cảm tưởng rằng sự phục vụ lâu dài nhưng kém cỏi của tôi ở đây chẳng qua cũng chỉ là sự chuộc tội quên lãng lâu đời của chúng tôi với hòn đảo. Do chúng tôi hòn đảo đã được đưa trở về với đất liền, trong cánh tay của Đan Mạch.

Như chúng ta biết, ở đây không ai nghèo khổ như chúng tôi sau những năm phục vụ, chúng tôi có thể, tôi tin thế, nhận món quà của đảo cho số thời gian ít ỏi còn lại để sống.

Lần sau tôi sẽ nói về bà, mamzelle Lucie ạ, nhưng bà phải đóng cửa lại và ở ngoài kia, nếu không chắc chắn bà sẽ không cho phép tôi nói bà đã là gì đối với tôi.

Và cụ Bek mic với bà bằng một nụ cười làm đỏ mặt một cô gái già.

Chương 5

Erik Lange, Ellen và Honorius dừng lại khi bước ra khỏi túp lều, đầu lúi đi vượt qua đầm lầy rồi con đường làng, để đến bến cảng và đến nhà bác sĩ. Ánh sáng ngọn đèn pha chiếu lên cảnh vật, nó biến mất, loé lên nữa để rồi tan đi sau những đám mây bay liên tục trên hòn đảo. Tuyết phủ mặt đất, tất cả đều im lìm.

- Tạm biệt ông Honorius, chúng tôi đi về phía này, bởi vì tôi biết rõ

Ellen đang nghĩ đến ai – Erik nói.

Ellen nắm chặt cánh tay chồng. Honorius mỉm cười:

- Cảm ơn bà Lange. Bà tự bảo rằng chồng bà không nên nói đến đứa bé và đến tổ ấm của ông bà mà bà sắp tìm lại được trong khi đó tôi trở về căn nhà trống vắng của tôi chỉ có những hồn ma của những người tiền nhiệm của tôi mà cụ Bek đã nói với chúng ta. Nhưng họ ít nhất cũng sẽ chuyện trò với tôi về đời sống trên đảo. Chúng tôi là mục sư, bà thấy đấy, theo nghề nghiệp, chúng tôi là người của ngày chủ nhật. Cái tốt là chúng tôi biết tin rằng bên cạnh những thứ khác, họ đã hiểu bài thơ những ngày làm việc như thế nào để rồi đến lúc mong muốn đi đầu đoàn tín đồ, chúng tôi có thể làm cho những ngày ấy thành ngày lễ lớn độc nhất. Và tôi chắc chắn rằng chúng tôi sẽ được dẫn đến đầu tiên trong số những cộng đồng tín đồ trước ngôi của Chúa. Tất cả chúng tôi từ vị linh mục của Odin xa xưa đến bản thân tôi, qua đến các cha Công giáo, các nhà cải cách râu xám và luật gia đã trong cả một thế hệ, dạy cho dân chúng rằng Chúa là hiện hữu. Tôi không loại trừ cả ông mục sư say rượu bị đuổi đi ở các nơi khác và ông mục sư truy lạc vì họ cũng là đầy tớ của Người. Bị cả thế giới quên đi, chúng tôi không quên Người. Sau một cái bắt tay nhanh, Honorius rời hai bạn đường như thể những lời nói của ông đã làm ông e sợ, rồi ông đi nhanh trên lối đi dẫn đến nhà mục sư.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Phần 5 - Chương 1

Hôm nay là một trong những ngày tuyệt vời của hòn đảo, như lời của cụ Bek – Erik Lange vừa nói vừa mở cửa sổ - phải chăng đây là ngày đầu tiên của thế giới?

Ellen đang cúi xuống nôi của đứa bé, ngược mắt lên nhưng nhắm lại vì choáng ánh mặt trời.

Bầu trời và mặt đất hoà chung vào một ánh lấp lánh. Con đê chắn sóng của bến cảng và những cột buồm các tàu biến mất như bị thiêu huỷ. Những con mòng biển và chớp sáng chỉ còn là những điểm sáng lấp lánh.

Không khí lạnh làm buốt vai và ngực Ellen. Những bàn tay to trắng của cô làm động tác chống lại gió lùa.

- Và em là anadyomène – Erik nói tiếp, vừa mỉm cười với mớ tóc đỏ rực, khuôn mặt ửng hồng, hơi thở nhanh, những cánh tay dang ra của cô. Vải xanh của chiếc áo buổi sáng bó khuôn thân người phụ nữ trẻ.

- Thật thế ư? Erik?

Anh áp đầu vào cô, hít hơi thở của cô, lặn vào cô như lặn vào một làn sóng.

- Ừ, Ellen ạ - anh thì thầm – em đã từ biển xuất hiện ra cho anh.

Anh quỳ xuống vuốt ve đôi vú chắc nịch.

- Anh thở không khí này lần đầu tiên. Đây là lần đầu tiên anh trông thấy em, anh trông thấy bầu trời và mặt biển. Em là người, đối với anh, được sinh ra từ biển.

Cô đặt cằm vào vai Erik và nhìn vòng quanh gian phòng rực nắng.

- Lần đầu tiên à, Erik?

- Ừ, Ellen, lần đầu tiên, bây giờ anh đã sống hai ngày mà cụ Bek nói đến, ngày của bóng tối và ngày của ánh sáng!

- Nhưng Erik, thằng bé thì sao? Nó phân biệt ngày ánh sáng và ngày bóng tối như thế nào?

Erik cẩn thận đưa bé từ trong chăn ra. Hơi ẩm dịu dàng của thân thể bé xúi tỏa ra, như hơi thở hoa hồng trong không khí đậm, và đưa bé thức dậy cúi ra phía trước trong chiếc áo trắng dài thê.

Bàn tay của thầy thuốc vuốt nhẹ cái gáy đầy lông tơ trong khi anh nâng đầu bé ra ngoài nắng.

Hai mắt xanh mở ra trên khuôn mặt bé tí và những bàn tay hồng mở ra giống như những cánh hoa. Đứa bé cười reo khe khẽ và giơ ra ánh sáng những ngón tay sờ soạng để lấy ánh sáng.

- Em thấy không, thằng bé? – Erik nói với vợ và cô cúi xuống đôi môi của chồng qua phía trên đứa bé – chúng ta mở một bệnh viện, một nhà an dưỡng cho người bệnh tâm thần... Mặt trời, biển, đứa bé, có phải tất cả không?

Mái đầu vàng hoe vẫn áp vào vai Erik.

- Anh đã để thì giờ để nhận thấy điều đó.

- Đúng thế.

Anh quàng một cánh tay vào cô, tay kia vẫn giữ đứa bé.

- Anh đã đau vì bệnh mù thực sự, thói cho mình là trung tâm.

- Và anh nghĩ rằng thằng bé cũng sẽ phải chịu đựng cái ngày bóng tối?

- Em không gằn nó sao, Ellen?

- Em sẽ không sống mãi được, và chân trời của nó sẽ thu hẹp lại hơn là của cụ Bek.

- Nhưng anh, Ellen ạ, anh đã có tất cả các chân trời của thế giới làm quà sinh nhật và anh đã phải giam mình ở đây để sở hữu trái đất.

- Erik – cô thì thăm – mùa xuân em thấy hình như rất gần hôm nay. Anh lắc đầu:

- Chúng ta đang ở cuối tháng giêng mà anh không dám hứa gì cả. Cô ngồi im, mắt nhìn xa xăm ra bầu trời xanh.

- Em tự nhủ rằng nếu đứa bé không lấy lại được thị giác, thì sẽ không có nơi nào em có thể dạy cho nó trông thấy tốt hơn ở đây. Ở đây nó sẽ nhận ra mọi tiếng nói, mọi lối đi, ở đây không ai bị mù.

Bầu trời lác đác mây hồng khi Erik và Ellen mở cửa nhà bác sĩ để qua bên kia đầm lầy đến nhà cụ Bek. Họ sắp được nghe nói về những buổi chiều như chiều nay nhưng lại nhìn bằng những con mắt khác báo cho những vong linh khác sự thanh bình của vĩnh hằng.

Ở chân trời kéo lên làn khói của một chiếc tàu hơi nước, và một chiếc thuyền con đi giữa những đê chắn sóng trắng của bến cảng, với những nhát chèo đều đặn và chắc chắn.

- Không phải một chiếc tàu của chúng ta, ai mà chẳng bảo chắc chắn là nó đến từ chiếc tàu hơi nước ngoài kia – Erik nói, vừa chỉ ngón tay đến chỗ cái chấm đen nhỏ - Nhưng ai sắp cập bến vào chúng ta, đến từ một chiếc tàu chạy trên biển khơi.

- Erik, anh có nhớ cụ Bek đã kể cho chúng ta về hai người đàn bà ở nhà Jacobus Uz, họ nhìn các con sóng, mỗi bà ngồi ở cửa sổ riêng của mình không? Giá mà đây là một trong những người họ chờ nhỉ?

- Không thể là một trong những người họ chờ được! – Erik trả lời và buồn bã mỉm cười – Chính bản thân các bà ấy phải đi chuyến cuối cùng để tìm lại họ...

Và không có ai trên đảo này chờ đợi một trong số thân nhân của họ lúc này.

- Có hai cái hòm lớn ở mũi tàu – Ellen nói tiếp, mắt không rời cái chấm đen nhất động đây trên bầu trời xanh hồng.

- Vậy là chiếc thuyền đến từ chiếc tàu (Erik đã cảm ông nhòm) và do đó nó có ý đến đây!

- Erik ạ, dù sao đó vẫn là một người mà hai phụ nữ ở nhà Uz chờ đợi, nếu họ đang ngồi ở cửa sổ của họ trong lúc này! Khác nào khi chúng ta mơ cuộc sống của chúng ta và nếu chúng ta cần phải đợi lâu hơn nữa để sống thực tế? anh có thấy không bầu trời mặt biển đẹp thế! Người ta bảo rằng giờ phút này là xưa cổ hàng bao năm trước rồi ư?

Erik mỉm cười:

- Anh thấy hình như em đã thành một người mơ mộng ở đây.
- Anh hãy nhớ rằng không có giờ phút nào dừng lại và không có giờ phút nào trở lại – Anh có thể thấy cái pháo đài cướp biển của Jacobus Uz, ngôi nhà của nhân viên thuế quan với những công chúa bị bắt, hay là những kho hàng vắng vẻ trên những cột chống ư? Không, chính con người đang chèo thuyền ở kia đang về tới một bến cảng lớn có những con đê bằng đá. Và dưới chân những vách đá dựng đứng anh ta trông thấy những kho chứa hàng mới, ngôi nhà mới của nhân viên thuế quan, nhà của trưởng cảng... Anh ta nhìn thấy hai chúng ta trên cao này là những người anh ta không quen biết. Anh hãy tin em, anh ta không lẫn lộn chiều hôm nay với buổi chiều anh ta ra đi khỏi đảo mà anh ta sắp tìm thấy lại. Ở cảng người ta cũng bắt đầu ngạc nhiên về việc cập bến của người khách lạ.

Ông thương gia mặc áo vét len bước ra khỏi ngưỡng cửa nhà mình. Nhân viên thuế quan xuất hiện trên bậc tam cấp, tay cầm ống nhòm, và ông trưởng cảng đang lợi bì bõm giữa các thùng chứa, cũng tiến ra cảng. một vài ngư dân ngồi trên thuyền ngẩng đầu lên.

Một con mòng biển lượn vòng quanh chiếc thuyền đang đi men đê chắn sóng rẽ qua con lạch đèn pha để vào cảng. Trưởng cảng đi đến tận chỗ đậu thuyền, và chiếc thuyền cập bến.

Tiếng rì rầm của những giọng nói cất lên trong không khí im lìm. Erik và Ellen nghe thốt ra những câu tiếng Đan Mạch áp ứng với một cách phát âm ngoại quốc. Người trưởng cảng chào người mới đến và đi vào trong đất, người kia đi theo, mỗi tay xách một cái vali nặng. Anh dừng lại một lát, nhìn xung quanh mình có vẻ như một người xa lạ, rồi anh quay lại đặt một câu hỏi. Ông cảng trưởng hất đầu chỉ ngọn núi sonderbjaerg. Người kia làm một động tác đi về phía nhà ông thương gia và Hội quán thủy thủ. Thương gia chạy ra đón và xách các vali cho anh ta.

- Erik, theo anh thì lý do đến đây của anh ta là gì?
- Em có nhìn thấy điệu bộ của anh ta khi quay về phía núi Sonderbgjaerg không? Người ta nói làm sao được rằng toàn thế giới đối với anh ta là ngập vào trong các con sóng trù ra cái vách đá cuối cùng này. Đó là một thủy thủ và chắc anh ta đã hơn hai lần trông thấy miền đất của chúng ta mà chính anh cũng chưa thấy hết. Anh ấy độ bao nhiêu tuổi?
- Ồ, trong vòng năm mươi, nhưng anh ta có vẻ già hơn.
- Anh ta không đến đảo tay không, nhưng nếu anh ta là người ở đây thì Clemens Bek khắc biết. chẳng có ai cụ không biết trong nửa thế kỷ này.
- Erik này, anh ta nhìn lên Sonderbjaerg liệu anh ta có đến chỗ cụ Clemens Bek không?

- Đến nhà cụ Bek ư? Ellen, nhưng tại sao?
 Cô nhìn vào đôi mắt chồng.

- Để đưa cụ ấy, gk phải vào trong thế giới này, mà...

- Mà đi đây vậy?

- Erik! Là vì như thế thần Chết phải đến trình diện với cụ trên một chiếc thuyền đến từ những khoảng trời xa xôi trong một buổi chiều hồng. Khi cúi đầu dưới lanh tô cửa, họ trông thấy bầu trời đỏ ở trên cánh đồng cát âm u, và ở đằng xa là cây cột đèn pha màu trắng. Mamzelle Camrath ra hiệu cho họ im lặng.

- Suyt, cụ ấy đang ngủ - bà thì thảo.
 Lần này bà không rời khỏi ghế ngồi của mình để nhường chỗ cho khách, mà lại cúi gần xuống phía ông già với một cử chỉ chiến hữu. hình như bỗng dựng cụ thuộc về bà ấy hơn là về họ.
 Mục sư Honorius ở phía góc giá sách bước ra, lặng lẽ cúi đầu.
 Erik và Ellen vẫn đứng ở ngưỡng cửa, nín thở...
 Người đàn ông mà họ đã thấy đến từ biển cả!
 Rồi Erik chạy đến bên giường.

- Mamzelle Camrath, có chuyện gì vậy? Cụ ấy mệt hơn à?
 Bà bẽn lễn nhìn.

- Không, tôi không biết, nhưng cụ ấy ngủ từ rất lâu. Cụ ấy đã ngủ cả đêm, cả ngày cho tới bây giờ.
 Thầy thuốc ngắm nhìn cụ già, khuôn mặt với nụ cười thanh thản, hai mắt nhắm lại. Nhịp thở đều, trán ấm áp, ngực nâng lên dễ dàng dưới chiếc sơ mi trắng và những bàn tay nổi gân xanh chấp lại thư giãn dưới chăn.
 Erik Lange thấy lại trong trí chiếc thuyền chèo từng nhát đều trên mặt biển im lìm, tiếng chiếc đồng hồ vang bên tai anh, và mạch của ông già đập dưới ngón tay anh thấy hình như là nhịp đập của thời gian.

- Chưa đâu, Mamzelle Camrath – anh nói, vừa lắc đầu – cụ ấy còn có thể sống nhiều năm nữa, không như cụ ấy tin đâu. Tôi không dám cãi cụ. Cụ ấy luôn luôn gần với tiếng nói bên trong hơn là tôi.
 Mamzelle Camrath đáp lại với cái nhìn cảm ơn, thắt thêm khăn san trước ngực và lặng lẽ rời khỏi ghế ngồi, với vẻ phản bác chỉ trong chốc lát để chiếm lấy người bệnh – để đưa về cuộc sống – trong chốc lát!
 Họ ngồi xuống không nói gì. honorius vẫn ở trong góc tối, cái mũ to đen cầm ở tay, Erik ngồi trên ghế rơm cạnh giường còn Ellen ngồi bên cạnh anh, để tay trong tay anh. Mamzellle Camrath ra khỏi phòng.
 Ba người trẻ tuổi lắng tai nghe những hoà âm muôn thuở, tiếng thở của họ và tiếng đồng hồ tích tắc trước bầu trời hồng, đường lượn xanh xanh của các cồn cát và màu trắng cây đèn pha.
 Tiếng chuông nhà thờ báo tin, trong buổi chiều thanh bình này, rằng mặt trời

sắp đi gặp đàng sau chân trời, muôn vàn mặt trời đã khuất. Một lúc sau, thông thả và rụt rè vang lên ba lần tiếng gọi cầu kinh lan ra trong yên lặng. Chưa bao giờ mặt đất có vẻ như tôi tắm một cách bí mật đối với những người khách của cụ Clemens Bek, bầu trời cũng không hề sáng tuyệt trần thế này. Nhưng cũng chưa bao giờ bầu trời, và mặt đất hình như gần nhau đến vậy. phải chăng chính chúng đang lắng tai nghe bên bờ mặt biển pha lê? Bỗng nhiên cụ Bek cựa mình, cụ quay nửa người, mở mắt nhìn xung quanh mình, cái nhìn của cụ xanh thẫm và xa xôi.

- Nhưng tôi thấy gì? Các bạn thân mến của tôi ở đây mà mamzelle Camrath không đánh thức tôi dậy! Chắc là bà ấy thẹn! phải nói rằng tôi cũng thất lễ!

Cụ tìm cái dây cua roa để ngồi dậy trên giường.

- Cụ đừng giận, cụ Clemens Bek – Erik nhẹ nhàng bắt cụ nằm xuống – Cụ đã ngủ yên đến nỗi...

- Đến rồi sao? – người bệnh hỏi lại, mỉm cười.

- Đến rồi chúng tôi không cảm thấy sợ gì nữa, không sợ cho cụ, không sợ cho chúng tôi

Ông già nhìn ra cửa sổ, nơi hiện lên cây cột đèn pha màu trắng.

- Ô, bác sĩ, ông lại sắp giải thích cho tôi lý do. Ông có biết thường vừa mơ thấy gì lạ không ?

Cả ba người nghe cổ để nghe cụ. Mắt quay về phía chân trời hồng, cụ nói khẽ như đang còn mơ, vừa chắp tay lên đầu gối :

- Tôi mơ giấc mơ hồi tuổi trẻ, cái giấc mơ muôn thuở đã chứng tỏ cho tôi rằng hòn đảo không đủ cho tôi ấy mà, cái giấc mơ đã đeo đuổi tôi rất lâu sau khi tâm hồn tôi đã tìm thấy yên tĩnh, và khi tôi đã không nghĩ trong suốt cả ngày đến một bến bờ nào khác ngoài bến bờ này. Giấc mơ của cuộc ra đi. Ngày xưa giấc mơ đó làm tôi đau rất ác và sau này nó gây cho tôi những hối hận. Đối với tôi nó là dấu hiệu của sự bạc bẽo của tôi đối với Chúa. Nhưng bây giờ tôi tin rằng ý nghĩa đã khác rồi, rằng chính Chúa không gửi giấc mơ đó đến cho tôi.

Một hôm tôi ở trên đỉnh Sonderbjaerg. Cũng tuyệt vời như hôm nay, nhưng lúc đó là mùa hè. Lúc bấy giờ tôi mới ngoài ba mươi tuổi một tí. Một chiếc tàu hiện ra ở chân trời. Những cánh buồm của nó căng gió của buổi hoàng hôn.

Nó đọng đưa trong màu xanh của trời và sóng như tắm trong không gian. Và tôi đã hoàn toàn quên đi rằng trong quá khứ tôi đã dạo trên những bến bờ khác, nó định sẵn cho đời tôi một mục đích khác với cái nghề làm giáo viên trên đảo này, tôi bột phát thức tỉnh khỏi sự thanh thản của tôi, đắm chìm trong nỗi nhớ miên man về thế giới, về không gian. Tôi muốn tìm lại sự hứng khởi ngày xưa, muốn tìm thấy lại năng !

Tôi đã có sự đoán chắc là chiếc thuyền hạnh phúc kia đã đến với tôi do hơi thở phới hồng của cô ấy. Xúc động quá tôi nằm lẫn ra cỏ khô vì gió thổi, giữa đám phân cừu và những bụi thạch thảo và tôi giăng cánh tay như Robinson Crusoe, như Salas y Gomez.

Giấc mơ kéo dài suốt nửa giờ, tôi trông thấy những cánh bướm bé dần ở chân trời.

Và tôi hiểu rằng đó là con thuyền hạnh phúc, nhưng nó đã đi qua bên cạnh đảo để không bao giờ vào đảo.

Mấy tuần về sau tôi tin lại một lần nữa đã tìm ra được sự nghỉ ngơi và đã bám rễ vào trong cát này như bao nhiêu cây cối, khốn khổ dù sao vẫn tìm được cách tự nuôi sống và thích nghi được giữa biển cồn cào. Nhưng trong một giấc mơ ban đêm của tôi, chiếc thuyền đã xuất hiện lại để lại mất đi sau khi làm tim tôi đập trong vài phút một niềm hy vọng kinh hoàng.

Từ đây những cánh bướm đã hiện ra lần nữa rồi lần nữa, có khi trong khoảng cách mấy năm, có khi chỉ trong giấc mơ, nhưng cũng có khi dưới hình dáng những bộ bướm xám và sần sùi của tàu Coquillage trở lại vào mùa xuân đầu tiên sau sự cầm tù của chúng tôi trong băng giá và đêm đông.

Một năm chúng tôi cách xa thế giới trong năm tháng rỗng và từ trên đỉnh núi Sonderhjaerg chúng tôi chỉ thấy một chân trời lấp lánh của băng, của những tảng băng dựng bên cạnh nhau như những người lính trang bị bằng những mũi lao.

Tuyết và đêm hợp sức để xóa đi khỏi trí chúng tôi mọi kỉ niệm về mùa hè hay về mảnh đất con người. Chúng tôi ở miết trong những căn phòng giá lạnh, chỉ có hồi quang xanh nhạt của những bức tường chiếu sáng khuôn mặt và bàn tay của chúng tôi. Chúng tôi chỉ muốn sống bằng những con thỏ liều mạng đến tận cửa nhà chúng tôi, bằng thịt hải cẩu leo lên bờ biển của chúng tôi, và bằng những con chim biển mà chúng tôi bắt được bằng tay không.

Và một buổi sáng đầu tháng ba chiếc tàu đã ở đây, màu gỉ sắt và vỏ cây.

Tiếng trống đánh thức chúng tôi vào lúc giữa đêm, báo rằng từ chỗ đèn pha người ta đã nhìn thấy đèn của tàu Coquillage và chúng tôi chạy ập tới tất cả, lớn bé già trẻ, ai còn có thể đi, lê, bò đều đến cả.

Bấy giờ tôi thực sự tin rằng con thuyền hạnh phúc đã buông neo cách chúng tôi mấy sải tay soi mình vào trong nước mùa xuân, trong lúc ở đằng xa một lớp băng nứt toác, một tảng băng cuối cùng rình rập chúng tôi, nhưng cuối cùng con gấu trắng của thần Chết đó cũng bị tổng khứ khỏi các bờ biển của chúng tôi.

Mỗi người đều như tôi. Tôi nghe trong đám đông vây quanh tôi, nhịp đập của những trái tim, những hơi thở hỗn hển đồng loạt nhịp bài ca tri ân.

Khi tàu Coquillage dỡ xong hàng, rời bến và tôi ở lại một mình trên bờ biển trong lúc như thường lệ đám người khác nuôi đuôi nhau đi qua hoang mạc

lên làng để nhóm họp lại xung quanh các bó thư và bưu kiện, tôi không hối tiếc là đã không lên tàu và không đi xa khỏi nơi này.

Tôi chỉ tự nhủ rằng chiếc thuyền hạnh phúc đã đến thăm chúng tôi nhưng không người nào có thể hy vọng đi theo nó, ngay cả trong mơ.

Tôi gửi đến nó một ý nghĩ cảm ơn và chạy vào làng qua những cồn cát và đá để chia sẻ cùng với những người khác niềm vui đón nhận thư từ ở cửa hiệu của Gravemand. Tuy nhiên tôi thừa biết rằng không có một bức thư cá nhân nào chờ đợi tôi. không sao, con thuyền hạnh phúc đã đến thăm bờ biển của chúng tôi.

Vâng, đây là thời điểm tôi tìm được bình yên trên đảo của tôi trong thời gian đó. Từ lúc đó tôi không thấy lại chiếc tàu nữa.

Nhưng chiều hôm nay bất thình lình nó lại trở về, tuy không phải hết như ngày xưa. Nó không hướng về đảo nữa, không hướng đến tôi nữa, những cánh buồm hồng căng lên vì gió hoàng hôn. Nhưng nó lượn rất cao phía trên tôi trong bầu trời xanh với những cánh trắng lớn vạch ra những vòng rộng trên tầng không như những con thiên nga ca hát khi chúng hạ xuống mang cho chúng ta mùa xuân.

Chiếc tàu đáng lẽ phải giống như một trong những chiếc máy bay mà tôi đã đọc, được mô tả trong những năm gần đây, đó là một con tàu lớn của bầu trời trắng như tuyết.

Trong khi tôi ngắm nhìn nó, vui mừng, quên hết tất cả như ngày này năm xưa, khi tôi còn trẻ trên núi Sonderbjaerg, tôi hiểu rằng ước muốn nó trở về không phải chỉ do đòi hỏi khôn nguôi trong thời trai trẻ của tôi. Ước muốn này cũng là khát vọng lệch mục tiêu của nó tới những vì sao khác, những mặt trời khác mà Eberhard và bố của Dorete đã nói đến, ở đây cả hai người đã tìm thấy tổ quốc của họ.

Tôi hiểu họ gửi đến cho tôi hôm nay, con thuyền hạnh phúc đích thực, con thuyền mà mọi người chết đều có quyền lên đó. Tôi hiểu rằng nó phải đến rất nhanh mà không phải nhờ vào lực của những cánh buồm, của bầu trời và không phải của mặt biển. Con thuyền hạnh phúc không còn là một giấc mơ mà chính là thực tại.

Thế là cái gai cuối cùng biến mất khỏi tim tôi, tôi đã hình dung trong khi đọc lúc tuổi già những chuyện kể về các máy bay, một trong con chim bay đó sẽ đến phía trên các ngọn sóng để giải thoát tôi.

Cái gai biến mất như đã biến đi nỗi đau và niềm vui bộc lộ ra ở trên mảnh đất bé nhỏ này. Tất cả đã biến mất trước những cái cánh của con tàu thiên nga. Nhưng bỗng nhiên tôi nghe tiếng của các bạn, và tôi biết rằng con tàu của tôi chưa đến gần. con tàu của các bạn còn xa lắm, các bạn còn trẻ.

Cụ nhìn họ với nụ cười rạng rỡ và họ cười đáp lại. Họ ngạc nhiên hiểu rằng nếu mặt đất âm u là số phận của họ thì bầu trời chói sáng là của cụ.

Erik và Ellen lại nghĩ tới người lạ đến đảo, trên mặt biển màu hồng và xanh thanh thiên như anh ta chèo thuyền giữa bầu trời. Nhưng họ không nói về anh ta, bị xâm chiếm bởi một cảm giác rứt rứt trầm tư.

Ngoài ra, cụ Bek còn tập hợp lại tất cả các giấy tờ của họ. màu xanh sáng của bầu trời đã bỗng nhiên thay cho màu đen mực. Mục sư Honorius đốt cây đèn và đặt nó ở đầu giường. Ellen và Erik nắm tay nhau. Ông mục sư ôm đầu trong hai bàn tay và tất cả nín thở như trước một bài học mới khó hiểu.

- Vâng, tôi đã nghe tiếng nói của các bạn – cụ Bek nói – và tôi thấy hình như tôi còn cái gì đó cần làm trong căn phòng này, nơi tôi đang nằm và các bạn đang vây quanh.

Chính tại đây tôi thực sự đã tường thuật lại tất cả cái gì tôi sắp tin cho các bạn biết về những thiếu sót, những sự không trung thành, sự phục tùng, tiền lương của tôi.

Bây giờ tôi kể đến chuyện mamzelle Camrath, người làm chứng duy nhất cho thời gian đầu tiên.

Người ta có thể tin rằng cái chết biết là không có người đàn ông nào có thể bỏ qua một người đàn bà.

Ồ vâng, bà ấy là người đàn bà được gửi đến cho tôi để thành người thân của tôi. Các bạn thấy đấy, bà ấy không ở đây, bà ấy không dám nghe nói về cái hạnh phúc trong trắng lạ lùng của chúng tôi.

Một buổi chiều tôi ngồi cùng với những người khác trên bờ biển. Ở đây, suốt hàng trăm năm nay, người ta cũng tập hợp lại như chúng tôi, chờ đợi thức ăn cho tinh thần và thể chất từ những miền xa xôi đến. Chiếc tàu chỉ đưa đến một hành khách nữ.

Tôi đến gặp cô bởi vì tôi được sai đi đón, cô Lucie Camrath, cháu gái của mục sư Schwarzflugel.

Khi cô ấy bước xuống đất, mảnh dẻ và trẻ măng trong chiếc áo choàng đen du lịch, va li cầm tay, và mắt rứt rứt nhìn bãi biển lộng gió và đám người đang vội vã ở đó, tôi hầu như tưởng là nàng, tình yêu của tôi, xuất hiện từ mặt biển cần cỗi.

Phải chăng là cô ấy không đến từ bên ngoài, mà chính là cô ấy mới hôm qua lướt chạm vào người yêu qua chiếc váy của mình?

Nhưng tôi nhớ đến hãng buôn của bố cô Camrath ở Christianshavn, tôi trông thấy chiếc khăn lông thú đắt tiền, cái va li sang trọng và lo lắng tự hỏi không biết có phải cô gái này có ý định ở lại đây không.

Ồi, cô ấy mặc quần áo tang, cô ấy có một mình trên đời này, bố cô ấy với mới theo về nghĩa địa với mẹ cô đã chết từ lâu.

Tôi bỏ mũ cầm tay, kính cẩn chào cô mới đến đảo. Tôi cảm thấy đầy lòng trắc ẩn với cô và cảm ơn bản thân tôi. Ồi, phụ nữ, hãy nói là em đã đến!

Trong những tuần lễ tiếp theo, cuộc sống mà chúng tôi sống chất đầy lòng

cô sự ngạc nhiên và bối rối. cô ấy lúng túng trước vẻ mặt lơ lửng của mục sư Schwarzflugel, không giống chút nào với khuôn mặt mà trong khi bị côi cút trên đời này cô đã mong ước được nhìn thấy ở người anh cả của mẹ cô. Và Malene, bé Albisag của ông già David! Thái độ của ông ấy trái ngược với ý nghĩ mà cô thiếu nữ hình dung về tình yêu.

Về phần tôi, còn có an ủi nào tốt hơn là tuổi thanh xuân của tôi, lòng kính trọng trong trắng của tôi để đáp lại món quà mà cô ấy tặng tôi từ đôi má như hoa, từ khối tròn êm ái của đôi vú, từ đôi mắt xanh, từ tiếng sột soạt của những chiếc váy của cô?

Một hôm tôi muốn trốn khỏi đảo, đó là một buổi sáng rực rỡ mùa hè. Tôi đang tắm biển và ra khỏi nước, leo lên khối đá ngầm ở ngoài xa nhất. Bỗng nhiên tôi nhận thấy mình trẻ trung và trần truồng...

Từ xưa tôi không khi nào đẹp trai và trắng kiện, nhưng tôi có nước da mịn màng phớt hồng. Cái lạnh của biển và sức nóng của mặt trời làm hoạt bát và vững chắc chân tay tôi. Tôi cảm thấy mình hoà nhập được với trời xanh và nước biếc. Và khi tôi thấy lại trên bờ biển đông quần áo đen sẫm và sồn nát, dấu ấn của kiếp nô lệ, tôi đã nổi loạn trong sự trần truồng của tôi. Tôi không chịu để mình héo tàn vì đói, vì khổ - và trong cơn giận dữ, tôi nhảy xuống nước để cứu tuổi trẻ, cứu sự trần truồng của tôi khỏi những quần áo tù và khỏi cái nhà tù của đảo.

Tôi thả mình cho các ngọn sóng như cho những cánh tay người anh em. Nhưng chẳng hơn gì đất, biển cũng không chịu nhận quyền tuổi trẻ của tôi. Cả hai chỉ cho tôi quyền của nhà mồ, tôi đã nhận ra điều đó dưới sâu của cái vực đang lôi tôi xuống.

Bản năng bảo tồn của động vật đã đẩy tôi về phía bờ biển. Chỉ một tí nữa là tôi đã chết trong sóng nhưng cuối cùng tôi đã đứng dậy được, rồi lại ngã bất tỉnh trên cát.

Một lát sau, ướt sũng và nhợt nhạt như một người chết, tôi mặc lại quần áo, giấc mơ cuối cùng về quyền của tôi được hưởng niềm vui của tuổi trẻ đã trượt thẳng. Cái lạnh chết người đã làm đông cứng thịt da tôi đến mức nó không dám mạo hiểm với một tiếng gọi mới.

Nhưng tiếng kêu của xác thịt im đi trước khi tuổi già khoan dung làm cho tôi giống như quần áo của tôi, cũng xám xịt cũng phai tàn như thế, thì đó là tôi mắc nợ mamzelle Lucie. Cô ấy đối với tôi cũng như tia nắng cuối cùng trong năm đối với những cây sắp chết, nụ hôn êm ái của cái chết đã giải hoà chúng tôi với số phận của chúng.

Mamzelle Lucie ngồi ở giường chết của xác thịt tôi, cái xác thịt đã được bàn tay cô giúp đỡ đã thực hiện cuộc chiến cuối cùng.

Sự cứu giúp của tôi đưa đến cho mamzelle Lucie nếu đem so sánh thì thật nhỏ bé. Tôi đã ủng hộ cô thiếu nữ dịu hiền đó trên lối đi sỏi đá của thế giới

này.

Bị rơi xuống hàng con ở sau khi đã là con gái một người giàu có, cô ấy trông thấy sau sự giúp đỡ này tâm hồn trinh bạch của cô héo tàn đi. Cô ấy không bùng nổ trong một đêm như tôi, cô ấy biết hạnh phúc và tội lỗi của tuổi trẻ và cô ấy đỡ héo tàn đến tận rễ.

Trong khi những cái rễ giao phó mình cho mảnh đất tiếp nhận chúng thì chúng đã kéo theo chúng tất cả hoa lá cành đầy nhựa, những thứ kia trong tương lai không ai trông thấy được chỉ trừ có một người. Khi hơi thở của Chúa đến sưởi nóng, chúng sẽ lại nở hoa với một tuổi trẻ tung bùng mà tất cả các gái đồng trinh của trời sẽ tái nhợt đi trước tuổi thanh xuân đó.

Chúng tôi đã cầm tay nhau đi bộ trên đảo giống như hai cái bóng, an ủi nhau.

Chúng tôi sẽ cùng nhau quỳ xuống cầu xin tình yêu vĩnh cửu trả lại cho chúng tôi bông hoa của tuổi trẻ mà chúng tôi đã để mất trong trận bão ở đảo. Nhưng tôi trở lại những năm đầu sao vẫn là tuổi trẻ của tôi. Tôi đã cam chịu với cuộc đời của tôi giữa Lucie Camrath, Jacobus Uz, bà Éléonore và mục sư Schwarzflugel. Tôi chăm lo trường học của tôi, tôi thường đi dạo một mình rất lâu trong hoang mạc và trên những bờ biển sóng bao bọc xung quanh. Ngày nối ngày giống như những bụi guốc bê mà cát nối lại với nhau và tôi ở lì trong cái vũ trụ nhỏ bé của tôi. rồi bỗng nhiên tôi cảm thấy rìu đập vào rễ của tôi và tôi hiểu rằng cát là máu của tôi.

Mục sư Schwarzflugel chết, Malene trở thành một bà goá giàu có, và một mục sư mới khác đến đảo.

Ông già từng chịu trách nhiệm trong hơn sáu mươi năm đã chết trong cánh tay của người phụ nữ mà ông mua trong một ngày nóng thiêu thánh bảy, nhưng ông không tìm được nhiệt độ mà thân thể ông đã đòi hỏi từ bao năm. Khuôn mặt xanh xao và quắt lại giống như một cục tuyết, ông lạnh đi ngay khi Malene không giữ ông vào ngực của cô như cô vẫn làm từ bảy năm rồi để giữ cho ông sống.

Khi với một tiếng thở dài khuây khỏa cô quay lại, hai tay giăng ra về phía mặt trời mà ánh sáng rực rỡ xuyên vào qua cửa sổ mở ra phía hoang mạc, tôi thấy hình như bàn tay người chết mà tôi đưa tay tôi lại gần, đã đưa tôi vào mùa đông vĩnh cửu của quạnh hiu...

Ba tháng sau người ta bổ nhiệm người kế tiếp Schwarzflugel. Người ta không tìm được sớm hơn người nào sẵn sàng nhận nhiệm vụ này. Tất cả những gì người ta biết được về người mới là ông ta tên là Tang, và đây là một người trẻ tuổi.

Hôm trước ngày đón ông, tôi ngồi ở chiếc bàn gấp, mắt nhìn vào kính cửa đen, ở đây chỉ phản chiếu lại một mình ánh sáng ngọn đèn và vết trắng của mặt tôi. Tôi thấy lại mình đang ở trên tàu Coquillage giữa muôn trùng sóng

và con chó Vombat giận dữ chỉ chực lao vào tôi.

Con người lạ đã tiến ra biển này, tôi ở trong tay ông ta chứ đâu phải trong bàn tay của Chúa. Chúng tôi thuộc về ông ấy, bản thân tôi, công việc làm của tôi, những đứa con mà tôi đã mua bằng những gì của tôi, cho chúng bao giờ rông rãi dành cho với dạy dỗ chúng, những đứa con mà tôi biết từng thói quen nhỏ, từng nét đặc điểm và tất cả những lời hứa, ông ấy có thể tách rời tôi khỏi tất cả. Công việc của tôi chẳng có gì quan trọng.

Và hòn đảo này, mái ấm mà tôi đã tạo ra trong biển vắng, mái ấm xây nên bởi nỗi lo sợ, nỗi cô đơn, nỗi khổ sở của tôi, nó là phần cấu thành của chính tôi cũng như tinh thần và thể xác của tôi, ông ấy có thể đuổi tôi đi khỏi đây cũng như tôi đã bị đuổi khỏi đất liền. Có phải chính phủ biết tôi không? Ôi lạ Chúa! Không! Do cam kết của một mục sư, tôi có thể bị thải hồi bởi một mục sư khác.

Và khi ấy thì ở đâu sẽ mở ra cho tôi một bến bờ mới? Há chẳng phải tôi đã hiến dâng tất cả những gì của tôi để tạo lập ra quê hương này sao? Chúa đã cho tôi sinh ra, và sẽ lấy lại tôi trong một ngày kia, nhưng từ giờ đến lúc đó thì Người lại bỏ tôi cho đồng bào của tôi và cho bản thân tôi! Tôi chỉ là một sợi rơm mà người ta sắp vứt xuống biển. cuộc đời tôi chẳng có gì quan trọng.

Nỗi lo lắng ngự trị trong tôi hồi tôi hai mươi sáu tuổi đó tôi lại cảm thấy mỗi khi người ta báo tin có một mục sư mới đến. Cuộc sống của tôi lệ thuộc vào sự tình cờ. Do số phận tôi sinh ra, vốn đã nhận được cái đạo lý chính đáng của con người là lòng biết ơn, biết ơn vì cái không đáng, vì miếng ăn hàng ngày, vì mái nhà che nắng che mưa, vì mảnh đất mà ở đó tôi được cảm thấy là ở nhà. Lòng biết ơn đã dạy cho tôi niềm vui sống, niềm vui lại sức mỗi lần tôi tái sinh.

Nhưng lần đó cả lòng biết ơn, cả lòng tin, cả niềm vui đều đổ vỡ, chỉ còn lại ở tôi lòng thù hận như khi Adam chiếm mất phần thưởng của tôi. Khi hắn chiếm mất Dorete. Liệu hắn có còn lđi của tôi cuộc sống khốn khổ mà hắn đã để cho tôi ở đây.

Tôi thất vọng đến nỗi chỉ muốn mình lòng thù hận có thể ngăn tôi tự sát. Tôi bám vào đó như vào cái còn lại cuối cùng của cái tôi.

Chính là để đề phòng tôi nên Chúa đã để cho lòng thù hận chiếm lĩnh tâm hồn tôi và thậm chí còn khiêu khích nó cũng như đã cho phép tôi làm điều sai trái để một ngày kia sau khi trong sạch rồi tôi có thể xuất hiện trước Người.

Sáng hôm sau tôi ra bờ biển và trông thấy một cái bóng đen tuột thang dây xuống chiếc thuyền, ôi, giá mà tôi có thể nhảy xuống nước tự vẫn ngay trước mắt ông ta, trước mắt mọi người, trước mắt Chúa.

Chẳng phải tôi đã chỉ mơ có một mình, bị tất cả ruồng bỏ đó sao? Vậy thì

đâu có phải là tôi tự tử, mà họ giết tôi đấy chứ.

Tôi đã mơ thành một người trong số họ, mơ được sống với họ một cuộc sống chung. Bây giờ tôi thấy tôi là ai, họ là ai.

Họ đều đến đây tò mò chờ đợi người thuyết giáo mới của họ, người bạn đường mới của họ, một cuộc phiêu lưu mới đến nơi hoang dã của họ. Còn tôi thì chờ đợi người phán xử của tôi.

Con người ở kia là Chúa của tôi. Ai sẽ là người bảo vệ tôi trước ông ta đây? Jacobus Uz, bà Éléonore, hoàng thân ư? Họ chỉ nhìn ông ta.

Ngay từ khi tôi thấy ông ta đặt chân lên bờ biển mà tôi từng chạy vòng từ bảy năm qua, từng tựa xuống từng khối đá, từng nhảy vào trong mỗi con sóng, là tôi đã biết số phận của tôi.

Tôi sắp bị nhổ ra khỏi mặt đất này, vứt ra biển. Tôi sẽ mang đến cho Chúa, tôi biết thế, một trái tim đầy lòng biết ơn với Người và đối với con người. Tôi đã chiến thắng mọi phiền muộn, mọi đắng cay. Nhưng cuối cùng tôi chỉ chiến thắng cái cảm giác của tôi thể hiện lúc đó trên bờ biển: run sợ trước mục sư mới như con cừu ở lò mổ. tôi nói toạc ra trước ông ta, người có sức mạnh và quyền lực.

Tôi xưng tên, nói làm gì ở đây, và không cần để ý đến cái nhìn ngạc nhiên và lạnh lùng để biết rằng gió đã cuốn đi những lời nói vô ích của tôi.

- A! Ra thế! – ông ta nói rồi không chìa tay ra với tôi, quay sang những người khác đang cười nói.

Tôi có một phút chóng mặt ở đây, trên bờ biển, rồi tôi cúi đầu rời xa thật nhanh những thứ tôi vừa mới tự thuyết phục, tôi không tham dự vào. Tôi chạy như một kẻ mất trí qua những cồn cát đến tận hoang mạc để thoát khỏi ông ấy, thoát khỏi bản thân tôi, thoát khỏi Chúa.

Lúc ấy đã khá muộn rồi khi tôi run rẩy vì lo lắng vì lạnh, vì đói, bước lên cái cầu thang mà trong bảy năm đã dẫn tôi đến cái phần ăn đạm bạc, đến giường ngủ, đến những nơi tôi đã quen nghĩ là của tôi.

Khi nghe qua cánh cửa hé mở những giọng nói của mục sư và của Lucie Camrath, tôi đã đi qua không dừng lại để giấu mình vào trong phòng của tôi. Phòng của tôi. tôi ngấm nhìn bốn bức tường của tôi trong xúc động. Mỗi góc nhỏ của căn phòng này là của ông ấy, những suy nghĩ, những giọt nước mắt của tôi nhỏ xuống ở đây là của ông ấy. bất kỳ lúc nào ông ấy cũng có thể mở cửa đuổi tôi ra ngoài. Tâm hồn tôi, những ước mơ của tôi là của ông ấy, ông ấy là chủ của những ý định của tôi. bởi vì tất cả tôi chính là hòn đảo. tôi đã sinh ra ở đây, tôi cũng phải chết ở đây. Tôi đã bao giờ sống ở nơi khác chưa? Tôi không còn nhớ điều đó.

Tôi đã gặp Dorete trong kiếp trước, tôi sẽ tìm thấy lại cô ấy trong kiếp sau. Nhưng chính cuộc sống, con đường dẫn từ kiếp này sang kiếp khác, nó là ở đây. Chính đây là sự nghiệp và là miếng ăn hàng ngày của tôi.

Tôi nghe tiếng mục sư phía trên tôi và tôi run lên cứ như thể ông ta tì bàn chân lên gáy tôi. Bàn chân của ông chứa sở hữu từng tác đất nhỏ mà ông ta giẫm lên.

Nhắm mắt lại, tôi nghe tiếng chân bước đi đi lại lại của ông ta. Bỗng tôi rùng mình, một bước chân khác kéo lê trên cầu thang. Đó là Gedskén, mẹ đầy tớ già lo việc nội trợ trong khi Malene ở Grena để thu xếp công việc của chồng. Các gia đình ở lục địa đã thừa nhận quyền thừa kế của cô.

Gedskén sờ soạng tìm cửa phòng tôi rồi gõ. Tôi không mở.

Nhưng chốt được nâng lên và khuôn mặt nhăn nhéo hiện ra ở ngưỡng cửa:

- Ông vẫn có ở đây. Ông phải xuống chỗ mục sư, ông ấy muốn nói chuyện với ông.

Cánh cửa khép lại. Tôi còn nằm một lúc rồi mới đứng lên. Vì sao? Vì tôi đói, vì tôi muốn ăn no nê và để cho người ta bảo tôi rằng đó là lần cuối cùng – lần cuối cùng tôi nhận phần ăn từ tay ông ta trước khi chân ông ta thực ra đã chà đạp tôi, bởi vì Chúa đã trao tôi vào bàn tay ông.

Đầu cúi xuống, tôi bước vào trong gian phòng mà tôi đã sống và mơ, không chỉ cuộc sống của chính tôi mà còn cả cuộc sống của những người đã ở đó nhưng chết từ lâu rồi. Lần đầu tiên những bức tường tối om và cái trần thấp bao phủ lấy gian nhà và che chở cho nó.

Và tôi nghe giọng nói cứng rắn của ông ấy:

- Ông sinh viên Bek, ông đã tự giới thiệu với tôi ở ngoài bãi biển là thầy giáo ở trường trên đảo này. Tôi đã tìm hiểu và được biết ông được gọi đến giúp cho người tiền nhiệm của tôi, ông mục sư Schwarzflugel. Nhưng đó là việc cá nhân giữa ông và ông ấy. trong hợp đồng của tôi không có tên ông. Tôi không có việc gì làm cho ông ở đây, cũng không có tiền để trả lương cho ông. Dĩ nhiên là tôi có ý định tự tôi lên lớp lấy. Tôi nói với ông như thế bởi vì theo ông lãnh sự Uz và một vài người khác thì người ta coi việc ông ở lại đều là hợp pháp.

Ông ngừng lại một lúc và mắt ông nhìn trừng trừng vào tôi như muốn nuốt chửng lấy tôi;

- Hừ, nhưng tôi nghĩ rằng ông hoàn toàn biết rõ tình hình đó và ông đã kiếm một chỗ khác.

Tôi im lặng, đành ngược mắt nhìn ông. Cái nhìn của đôi mắt đó dưới cái trán trắng hếu nâng cao chỉ rõ cho tôi thấy rằng có cầu xin lòng khoan dung của ông ta cũng vô ích. Đó là một mục sư đã học thuộc Kinh Thánh, chứ không phải ông tự hương được thể nào là lòng khoan dung. Mà tôi lại đang ở nhà ông.

Lúc đó tôi nhìn thấy Lucie Camrath. Cô ấy ngồi trên ghế dài đóng vào tường, giữ hai bàn tay vào ghế, đầu áp vào tường.

Tôi cảm thấy đầy hận thù đối với cô. tại sao cô ấy lại ở đây, hình như bám

vào nhà này hay hình như dựa đầu vào nhà này khác nào vào một chỗ dựa duy nhất của cô?

Cô ấy ở đây không phải ăn bám như tôi, cô ấy là người khách trọ giàu có, trả tiền hậu, cô ấy là người được đón tiếp niềm nở, trong khi đó tôi chỉ là người đến thiếu tư cách.

Và lòng hận thù của tôi còn đi xa hơn dâng lên đến tận Eberhard Sebastian Bader, ân nhân đã dạy tôi biết coi khinh những chiếc chìa khoá vàng mà ông nội tôi muốn cho tôi để mở các cửa và các lòng người.

Nhưng khi tôi bắt gặp cái nhìn của Lucie Camrath, tôi bối rối, đó là cái nhìn của người chết đuối, có thể nói là cô ấy đang gọi tôi đến giúp. Tôi đến giúp trong thời điểm đó ư?

- Này! – ông mục sư vẫn không rời mắt nhìn tôi, áp bàn tay vào ve áo và ưỡn ngực ra làm bộ làm tịch theo một cử chỉ thói quen – Ông có vẻ tán thành ý kiến của dân ở đây là tất cả các mục sư tương lai đều bắt buộc phải nhận nghĩa vụ giữ ông lại như ông Schwarzflugel đã làm. Ông còn trẻ để có thể đòi hỏi cứu tế công cộng giúp đỡ. Tuy vậy, tôi không thấy ông có thể đòi hỏi cái gì khác được.

Ông không ngừng nói với một giọng the thé nhưng bình tĩnh, vừa đu đưa thân hình đồ sộ của ông trên những gót chân. Nhưng tôi hết sức ngạc nhiên nhận thấy cái nhìn của ông đi từ Lucie sang tôi.

- Ông mục sư Schwarzflugel đã trả công cho ông khá sòng phẳng, chắc hẳn ông chưa tiêu hết tiền lương đó, như vậy ông còn khá dư dật để về đất liền. Tàu Coquillage sẽ lại nhổ neo trong ngày mai và tôi thấy tốt nhấc là ông nên đi theo ngay, bởi vì theo tôi được biết nó đến lần này là lần cuối cùng trong năm nay. Tôi không biết ông có thể sống qua mùa đông như thế nào ở đây.

Ông ta im lặng một lát rồi nói tiếp, giọng bé hơn:

- Hơn nữa, nếu ngay như tôi có ý định sử dụng ông trong những ngày đầu mà tôi sẽ rất bận này, cho đến khi chuyển tàu mùa xuân tới, thì cách thức làm việc của ông cũng khá phiền phức cho tôi.

Tôi nhìn ông ta, kinh ngạc.

- Vâng thưa ông, ngay từ hôm nay tôi đã đến trường. Bọn trẻ đã có mặt ở đây và chờ đợi. Nhưng thầy giáo của chúng không có ở đây.

Tôi nhắm mắt. Đúng là tôi đã không có mặt ở đây. Tôi đã quên nhiệm vụ của tôi.

- Ông đã ở đâu, đó là điều tôi không cần biết bởi vì tương lai của trường nằm trong tay tôi chứ không phải ở trong tay ông. Tuy nhiên ông hãy là khách trọ của tôi trong tối nay, và muốn làm gì thì tùy ông. Bây giờ tôi chẳng còn gì để nói với ông nữa.

Cái đầu nặng nề của ông ta cắm lờm chờm những sợi tóc đen, hất lên với tôi

một dấu hiệu nghiêm khắc, rồi ông thông thả đi về phía Lucie mà tôi không nhìn thấy rõ khuôn mặt che khuất bởi cái bóng đen của mục sư. Nhưng tôi vẫn nhận thấy vẻ sợ hãi, tiếng kêu giúp đỡ thể hiện trên nét mặt của cô. Nhưng bị đè nặng bởi nỗi đau, tôi chỉ nghĩ đến tôi, với lại tôi đang đói. Tôi đã cảm thấy chân của người kia ở trên gáy tôi, nhưng tôi không trông thấy cái nôi của bà ấy. "Hãy cứ là khách của tôi" ông ấy đã nói thế cơ mà. Vậy tôi cứ van nài ông ấy cho tôi ăn chẳng? Không, thà chết còn hơn.

Về đến phòng mình, tôi lao xuống giường, chôn mặt vào chăn, và rơi vào giấc ngủ nửa thức.

Tôi thấy Eberhard và Dorete giơ cánh tay cho tôi từ dưới đáy vịnh hằng.

Ngày hôm đó tôi đau khổ nhiều đến nỗi tôi thấy gần cái ngưỡng cửa mà tôi sắp vượt qua giờ đây sau năm mươi năm.

Bỗng một bàn tay chạm làm tôi thức tỉnh và tôi hiểu ra rằng không thể ra đi với cái giá ít ỏi như thế. Trước mặt tôi là một khuôn mặt sẽ đi cùng tôi trong tất cả các năm đó.

Tôi vùng dậy thét to:

- Cô muốn gì ở đây, cô đã có Chúa và mọi người bên cạnh. cô hãy xuống bên ông ấy đi, ông ấy sẽ không đuổi cô đâu.

- Ông Bek, - cô thì thầm, vừa cầm tay tôi – đừng để ông ấy nghe thấy tôi ở đây. Nhưng, ông nói, ôi, lạy Chúa, đúng là thế...

Và cô che đầu bằng cánh tay.

- Thế, cô muốn nói gì? – tôi thốt lên, vừa đứng hẳn lên. Lucie Camrath đã bung lên một khay sữa và bánh mì đặt xuống chiếc ghế bên cạnh giường tôi. Cô đã tự tay làm bữa ăn này vụng về và vội vã. Ôi! Từ đó có hiểu học khá thạo cách làm bếp, cô đã trải qua cuộc đời ở trong bếp.

- Ăn đi, ông Bek, tôi đã ăn cắp một ít bánh cho ông, ông đã nhin cả ngày rồi.

Đúng là tôi nhin và không phải là lần cuối cùng nhưng tôi nói tiếp:

- Vậy cô làm sao thế?

Mặt quay về phía tôi dưới ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn pha chiếu lên tường, cô vẫn để lộ ra nỗi sợ hãi như cũ:

- Ông Bek, - cô vẫn thì thầm, vừa móc vào tay tôi – ông ấy muốn có tôi cùng với của cải của tôi.

- Cái gì? – tôi kêu lên.

Nỗi ưu phiền của cô làm tôi quên mất những buồn khổ của tôi. Cô nói trong hơi thở:

- Đúng thế - rồi cô quay đầu.

Tôi đẩy cái đĩa ra.

- Do đâu cô biết điều đó? Ông ấy muốn tiền của cô? Không phải ông ấy muốn chính bản thân cô?

- Bản thân tôi ?

Cô càng run lên trong sự trong trắng trinh bạch.

- Không, đội ơn Chúa. Ông ấy chỉ muốn tiền của tôi. Ông ấy đã nhìn tôi với con mắt đã nhìn ông. Ông ấy đã muốn đuổi tôi ra khỏi nhà ông ấy khi Gedskén cho ông ấy biết rằng tôi không phải được nhận miễn phí vào đây vì lòng từ thiện. Vậy là, bỗng nhiên ông ấy đã nhìn tôi. Ôi, ông Bek, cái nhìn đó! Vậy có nơi nào trên đảo này tôi có thể trốn khỏi ông ấy? Hãy đưa tôi đi, đưa tôi đi với ông.

Tôi ngã xuống chân cô như quỳ xuống chân Chúa cầu xin cô ấy tha thứ cho tôi. Tôi bị vò xé vì hối hận.

Vậy là không phải chỉ mình tôi là người bị đây biệt xứ, tôi chỉ là một trong số những người mà người ta sẽ theo đuổi khi dưới vòm trời vẫn còn những con thỏ và những con chó.

- Nhưng mà – tôi đáp ứng – ông ấy không thể, ngay bây giờ..

- Không ngay bây giờ, nhưng sau này, nếu tôi ở lại, đi đâu, đi đâu?

Tôi nhìn cô. Chúng tôi phải đi đâu?

Đèn pha chiếu sáng chúng tôi bằng ngọn lửa di động.

- Ông Bek! – cô nói giọng rất nhỏ.

Tôi cúi xuống để nghe. Cô giấu mặt vào đồng chắn của tôi.

- Thứ lỗi cho tôi, tôi chắc vì lỗi của tôi mà ông phải đi khỏi đây!

- Lỗi của cô?

- Vâng!

Tôi nghe không rõ lời cô nói.

- Lúc đầu ông ấy nghĩ là cho ông ở đây cho tới khi tàu đến vào mùa xuân, nhưng khi nghe nói về tiền của tôi ông ấy đã đổi ý...

- Vì sao?

Tôi nghiêng tai về phía cô để nghe cô nói.

- Ông ấy tin rằng..hai chúng ta có những... quan hệ...

Cô đã che mặt kín hơn, kinh hãi như một con chim trước tiếng hót của chính nó.

Bàn tay tôi ướt nước mắt chảy trên má cô. Ông mục sư có lý khi tin rằng chúng tôi là của nhau, nhưng phải là trong sự trinh bạch và trong cái chết chúng tôi thuộc về nhau. Tôi đã ôm hôn đó là cái hôn đầu tiên và là cái hôn cuối cùng của tôi.

Trong chốc lát đó lòng chúng tôi run run nhiệt tình cảm ơn Chúa. Nếu Người để chúng tôi một mình trong các phòng tu của chúng tôi, Người cũng làm loé lên ở đây một tia sáng bên lên tình yêu, nhục dục.

Chúng tôi chào nhau không một lời. Cô ấy lặng lẽ xuống nhà trong khi tôi lên giường để ngủ. Hầu như tôi không nghĩ rằng đó là đêm cuối cùng của tôi trong phòng của tôi, và lại càng không nghĩ đến chuyện phải đóng gói đồ

đạp vào trong chiếc hòm của Eberhard để chuẩn bị lên tàu Coquillage sáng hôm sau lúc sáu giờ trước khi tàu rời bến.

Trong đêm tôi mơ là tôi ở trên tàu, và tôi chạy dứt cả hơi để thoát khỏi con chó Vombat, từ boong tàu vào ca bin và từ tay lái đến mũi tàu. Đến đó tôi cảm thấy những chiếc răng của kẻ truy hại tôi trong thịt tôi, và khi trong đau đớn tôi cúi nhìn xuống là để nhìn thấy vẻ mặt của mục sư Tang. Nhưng ngay sau đó là khuôn mặt của người mà Eberhard đã đuổi khỏi gian áp mái của chúng tôi và là người đã vớt nắm đất lên quan tài của Eberhard.

Một chiếc áo cổ xếp của mục sư quần xung quanh cổ của ông ta, nhưng thân thể là của con Vombat, bắn thiu và đầy lông.

Tôi gọi to Eberhard, vợ vội quần áo nhảy nhanh qua phía kia tàu, trong lúc những tiếng sữa của con chó lắng lại ở bên này...

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 1 (B)

Tôi thức tỉnh, mồ hôi đầm đìa và ngồi dậy trên giường, mệt rũ rời. Nhưng khi nhìn thấy bầu trời buổi sáng có những rạch mây phớt hồng giống như san hô thì thực tại đã tàn ác hiện ra trong ý thức tôi. Sáng hôm đó là buổi sáng cuối cùng tôi phải trải qua trên đảo.

Tôi nhảy ra khỏi giường, thu xếp các thứ và quần áo vào trong cái hòm của tôi, để trốn thật nhanh khỏi cái nhà đó, để không bị người ta tóm cổ áo lôi lên tàu. Tôi sẽ đi nấp ở hoang mạc ngay trong lòng đảo để khẳng định như Lavrus Potter rằng tôi là người con của đảo.

Không ai sẽ tranh với tôi cái hoang mạc, không ai sẽ đòi nhận nó là của mình. Tôi sẽ đến hoang mạc để ở đây mặt đối mặt với Chúa và yêu cầu Người trả lời tôi.

Dưới ánh sáng mờ ảo của những áng mây ửng hồng, tôi vội vã đi vào trong đêm của hoang mạc, đến cái mồ đóng băng bởi cái lạnh của biển.

Nhưng hôm đó tôi không tìm thấy Chúa. Trong lúc nhìn khoảng không phủ đá quanh hiu, tôi thấy tất cả các tạo vật của Người đều có một cái tổ, một chỗ trú. Tôi trông thấy dấu những con thỏ trên cát, tôi nghe tiếng kêu của những con mòng trong không trung. Thỏ thì gặm rễ cây guốc bê, mòng thì bắt cá trên sóng. Nhưng không có lấy một chiếc lán tồi tàn, không có lấy một mẫu bánh cứng nào dành cho tôi.

Nếu Chúa mở bàn tay với những sinh vật bé nhỏ nhất và đóng lại với con người nghĩa là Chúa đã cho trước chúng ta tất cả. Cho chúng ta ư? Vâng, nhưng không cho tôi.

Suốt buổi sáng, ẩn mình trong các bụi cây, tôi trông thấy tàu Coquillage căng hết buồm, khuất đi ở chân trời. nó sẽ không xuất hiện lại trước sáu tháng...

Trên mũi cuối cùng xa nhất của hòn đảo, với biển sâu thẳm có một mẫu nhỏ của tôi, tôi hiểu, lần đầu tiên tôi hiểu như thế nghĩa là sống trên hòn đảo của sự sống.

Bị nghiền nát, chà đạp, đập vỡ bởi con người cũng như bởi Chúa, tôi quay bước lại. Tôi đi qua trước ngọn đèn pha và đi qua hoang mạc để đến nhận những gì mà bàn tay mục sư Tang sẽ đồng ý cho tôi.

Tôi đã được cứu, ít nhất là cho những tháng đầu tiên. Lúc hoàng hôn, khi đến gần nhà mục sư, tôi trông thấy cái hòm của Eberhard, nắp đập hờ các đồ đạc của tôi, đặt ở chân cầu thang trên cỏ.

Nhưng tôi bình tĩnh nắm lấy quai hòm, xách nó lên trước cái cửa sổ mà tôi đã gọi là cửa tôi, rồi tôi ngã người xuống đất, đầu cúi tựa vào chiếc hòm, chờ đợi những gì Chúa định đoạt cho tôi.

Bỗng một cánh cửa mở. Lucie lên ra ngoài, men dọc theo tường, vòng ở góc hồi nhà và đi về phía tôi.

Tôi nghe tiếng thở hổn hển của cô, nhưng đôi mắt cô long lanh và đôi má ửng hồng. tất cả ở cô toát lên niềm vui.

- Ông Bek! – cô nói như hết hơi khi đến gần tôi – ông Bek, tôi được cứu thoát rồi, Chúa tốt quá.

Cô nắm bàn tay tôi chìa ra với cô, ngồi xuống bên cạnh tôi trên cỏ và khóc nức nở.

- Ông có biết hôm qua có một bức thư đến cùng một lúc với ông mục sư. Nói đúng ra là chính ông ấy mang lá thư mà không biết nội dung! Vì tôi chẳng bao giờ hỏi đến thư từ, nào có ai ở kia có thể viết cho tôi đâu, nên mãi sáng nay Greavemand mới đưa phong bì cho tôi. Ông Bek ạ, người giám hộ của tôi đã bỏ trốn sau khi phung phí hết tất cả gia tài của tôi, hết sạch không còn một xu...

Tôi vùng dậy và nhìn cô hết sức kinh ngạc. Cô siết bàn tay tôi vào ngực cô, đôi mắt loé sáng lòng biết ơn hướng lên bầu trời.

Còn tôi thì run lên như đang bị ảnh hưởng của một cơn bão lớn. kia, cô ấy cảm ơn Chúa vì mất đi cái tôi gọi với mọi ước mong của tôi, sự bảo đảm miếng ăn hàng ngày. Kia, cô ấy tìm thấy sự cứu thoát ở nơi mà tôi trông thấy sự mất mát của tôi!

Trong khi nghe cô ấy nói, tôi đã ý thức lại được chính mình. Eberhard chẳng đã từng dạy tôi rằng một ngày kia Chúa sẽ đòi hỏi chúng ta trả về cho Người

tâm hồn chúng ta trong trắng như khi Người giao nó cho chúng ta. Chỉ vì thế mà Người cứu trợ cho chúng ta.

Tôi không có một mái nhà che đầu và trời đã bắt đầu sang thu, nhưng chắc chắn tôi đã hành động theo đúng ý nguyện của Chúa là ở lại đây. Chính Người đã gửi tôi đến đây cho tôi trở nên trong suốt như một chiếc gương lớn trước con mắt Người.

Khi Lucie hỏi tôi cô có phải lấy cắp cho tôi cái gì để ăn và tôi sẽ đi đâu đêm đó, đi đâu các tháng sau và đi đâu mãi mãi, tôi đã mỉm cười với cô.

Hôm trước, tôi đã đói sũa chỉ có một ngày nhịn, nhưng bây giờ tôi không cảm thấy muốn ăn nữa. tôi không còn sợ đêm tối, không sợ năm tháng mùa đông, không sợ tương lai.

Tôi hỏi Lucie định làm gì, bây giờ cô cũng nghèo như tôi. Cô hát đầu. Tang đã thay đổi thái độ đối với cô, ông ta coi cô như con ở và cô sẽ ở lại nhà mục sư để giúp và thay thế bà già Gedsken. Người ta còn tìm đâu được một người lấp chỗ trống khác?

Lucie mỉm cười với tôi một nụ cười giải thoát. Cô quỳ trước bầu trời tối om, trên mảnh đất đen kịt này sao mà tế nhị, bé bỏng thế...

Tôi cúi đầu, số phận cô ấy đã được định rồi, còn số phận của tôi thì không! Lúc bấy giờ cô cầm tay tôi, mắt cô rưng rưng tìm mắt tôi và cô thì thầm với tôi rằng đêm lạnh đã rủ xuống toàn đảo, tôi cần phải ẩn ở nhà cô, trong phòng của cô.

Thiếu nữ này đã run lên vì sợ khi nghĩ đến Tang và đã đỏ mặt thú với tôi về sự ngờ vực của mục sư, đã không xấu hổ tiếp nhận tôi đêm đó trong căn phòng nhỏ của cô.

Tôi đã trông thấy chúng tôi nằm ngủ má kề má trên một chiếc giường hẹp. chưa từng có đôi trai gái nào trải qua một đêm tân hôn kỳ lạ thế... Nhưng bỗng dưng tôi nhớ đến Tang, tôi nhớ đến ông ta như những người hạnh phúc nhớ đến có lẽ là một cái bóng đen trên đời này, và tôi vuốt nhẹ tóc của Lucie, tôi bảo cô:

- Lucie Camrath thân yêu, nếu tôi nhận lời thì cô sẽ cũng như tôi, bị đuổi ngay khỏi mái nhà của ông ấy. cô hãy nhanh trở về đi và tiếp tục nhiệm vụ của cô (Tôi dùng từ nhiệm vụ, nhưng tôi muốn nói là hạnh phúc của cô), cô đừng lo cho tôi, tôi biết tôi sắp sửa làm gì.

- Ông đến nhà Jacobus Uz à?

- Vâng, tôi đến nhà Jacobus Uz.

Tôi nói dối, nhưng điều đó là cần cho cô quyết định để tôi một mình trong bàn tay Chúa mà tôi những tưởng rằng đã khép lại.

Cô ấy nhìn tôi một lúc lâu, khăn khăn nắn nì, rồi cô khẽ chạm tay vào tay tôi và lại đi xuống dốc trong bóng tối, trẻ trung và sống động như một con chim.. cô ấy đã đi tới nhiệm vụ của cô ấy.

Tôi ngồi lại không nhúc nhích, hai cánh tay ôm vòng lấy cái hòm của Eberhard. Cả trái đất đã biến mất, chỉ một mình ngọn đèn pha gửi ánh sáng đến cho tôi, con mắt của Chúa chiếu lên đồng đá ngồn ngang mà ở trên đó, giống như con người đầu tiên, tôi đợi cái quyền duy nhất tôi có thể đòi hỏi: quyền làm theo ý nguyện của Chúa.

Những ánh sáng bé nhỏ leo lét trong làng lần lượt tắt hết. Mọi người đi nghỉ, ai ở nhà nấy. Hơi đêm biến thành giá trắng trên cỏ, nhưng đông lại thành hạt sương trên mặt tôi. tôi nghe thấy tiếng thì thầm của không gian bao la. Tôi chỉ có một mình cùng với Chúa.

Một ánh sáng chói đánh thức tôi, khi nhìn thấy nét mặt của một ông già, tôi tưởng đó là Eberhard lôi tôi ra khỏi giấc ngủ để cầu kinh buổi sáng trên gian áp mái ở phố Pistolet. Rồi hình như Chúa cúi xuống phía tôi. bây giờ tất cả các cánh cửa của thế giới này đã đóng lại với tôi. Người mở cho tôi những cánh cửa của thiên đường.

- Nhưng.. Trời ơi! Đây là Bek! – bác sĩ Orebro kêu lên, cặp mắt màu xám nhìn tôi kinh ngạc – Trời ơi!

Ông không nói gì nữa. Ông đặt chiếc đèn chiếu xuống khiến khuôn mặt và cả người ông biến mất trong bóng tối, ông xốc nách ngang lưng ôm tôi lên. Tôi chưa khi nào trao đổi một câu gì với bác sĩ Orebro. Ông cũng không đi lại với Jacobus, chẳng với bà Éléonore, chẳng với Schwarzflugel hay Malene, lại càng ít tham dự các buổi tiếp khách của hoàng thân. Ông cũng sống tách biệt như người gác đèn pha, ở kia trong tháp của mình. chỉ có cô con gái của ông ở cạnh ông khi cô ấy có nhà.

Con người lồi lạc và cô độc đã luôn luôn làm tôi sợ, nhưng bây giờ tôi phó mặc cho ấy ấy với tất cả lòng tin. Quả là tôi chẳng thấy gì hết ngoài hai cánh tay ông ôm lấy tôi và đưa tôi vào nhà ông, giống như những cánh tay của Chúa.

Suốt trong thời kỳ sau đó, tức là trong sáu tháng trời, tôi được điều trị tại nhà bác sĩ. Chúa phó thác ông cứu chữa cho tôi với tất cả trách nhiệm và cố gắng.

Tôi đã bị xung huyết ở phổi trong đêm ở Kirkebjærg và sốt cao trong suốt nhiều tuần. Người ta bảo nếu bác sĩ Orebro không tình cờ đi qua đó nhìn thấy thì tôi đã chết rồi. Ai mà có việc gì phải đi qua đó giữa đêm khuya?

Tôi thì mỉm cười, tôi đã biết sự thật. việc mài giũa cho gương bóng liệu còn tiếp tục nữa không? Chúa đã thấy sự kiệt sức của tôi và đã cho tôi sáu tháng nghỉ. Người trả lại cho tôi cái tuổi ấu thơ được bàn tay mạnh mẽ của Eberhard bảo vệ, và đưa đến cho tôi tương lai được bàn tay Người bảo vệ. Người sẽ chỉ đánh thức tôi từ từ, từ từ, để nhắc nhở tôi rằng tôi không còn là một đứa trẻ và tôi còn ở quá xa chốn hoan hỉ vĩnh hằng.

Cuối cùng khi Người để tôi một mình với chính mình, Người đã cho tôi kỷ

niệm về những ngày thiếu suy xét, và những ngày đó là thời thơ ấu thứ hai của tôi và là sự thanh thân đầu tiên của tôi ngay chính giữa những đau đớn và trừng phạt của cuộc đời.

Người đỡ bả cho tôi một phần gánh nặng, một phần sự đau khổ nảy sinh từ một sức sống quá mạnh bằng cách lấy đi một lá phổi của tôi và Người cho tôi sự yếu ớt và sự bình yên đối với người biết bằng lòng với cái tối thiểu. Một hôm, tôi đã ra khỏi tình trạng nửa mê nửa ngủ nửa thức trong phòng của bác sĩ, dưới ánh sáng mặt trời chan hoà. Qua cửa sổ tôi nhìn thấy hoang mạc. trong hoang tưởng tôi thấy mình bị đuổi khỏi đảo, ném trở lại trên những đường phố lạnh giá của Copenhagen, hay là trên một bờ biển xa lạ. Nhưng khi nhìn thấy hoang mạc, tôi đã cười vì biết rằng nó không ở đâu khác ngoài hòn đảo này.

Dần dần tôi nhớ lại những gì đã xảy ra với tôi và tôi nhìn xung quanh không chút lo âu. Tương lai của tôi được đảm bảo.

Nó được đảm bảo, đúng thế. Bác sĩ Orebro xác nhận cho tôi điều đó. Ông ấy chuyển cho tôi những trách móc nặng nề của Jacobus và ngay cả của hoàng thân, họ không thể hiểu được tại sao tôi lại không tìm chỗ nấp ở nhà họ, và ông ấy kể cho tôi rằng mục sư Tang đã gây ra phần nộ của cả đảo vì những hành động của ông ta. Không phải là xứ đạo chỉ ra cho ông ta (có bao giờ xứ đạo phôi bày cho một người nước ngoài biết đáy lòng của họ?) mà ông ta mỗi ngày nhận ra điều đó. Ông ta sẽ không ở lại đây lâu. Dù cho ông có khoẻ đến mấy, thì trận bão ông gâyra đã đập vỡ hết mọi trở ngại các địch thủ của ông gặp phải.

Tôi khiêm tốn lắng nghe lời quở trách và cho rằng những ân nhân của tôi có lý. Tôi đã xếp tất cả đồng loại của tôi đều như Tang hết, và tôi buộc vào họ mọi trách nhiệm về mọi bất hạnh của tôi và tôi đã từ chối mọi sự giúp đỡ của họ, tôi chỉ chạy đến với Chúa. Lương của tôi đã được trả trước, tôi không còn gì phải đòi hỏi ở Chúa, cũng không ở mọi người. Nhưng tuy thế Chúa vẫn gửi họ đến giúp đỡ tôi, và qua họ, chúa đã gửi đến tôi sự tha thứ và sự nâng đỡ của Người.

Jacobus đến hàng ngày khi được Orebro cho phép. Ông ngồi bên cạnh tôi, đọc cho tôi, chuyện trò với tôi.

Ông mang cho tôi một sổ sách. Những cuốn sách này đã làm tôi nhớ lại sách là gì đối với tôi trong tuổi hoa niên ngắn ngủi của tôi, rồi tôi còn nghe ông ấy nói nữa. Tôi lại hít thở mùi hương của bông hoa lam và tôi hiểu ra rằng chỉ có nơi nào không còn có hoa lam nữa con người mới có thể hoàn toàn bất hạnh. Tôi nghĩ đến Eberhard, đến bà Éleonore, đến Jacobus Uz và đến tôi. Chúng tôi đã vẫn còn sống với màu thanh thiên của hoa đã không bao giờ biến mất trước mắt chúng tôi và mùi hương của nó luôn luôn quyến rũ chúng tôi đến miền đất hứa, như một tiếng gọi ở bên kia.

Trong khi còn rất yếu sức, nằm tựa trên gối, tôi ngắm nhìn trời xuân bên ngoài và nghĩ rằng chẳng nơi đâu có tràng hoa tai chuột giăng trên đầu người. Những nhịp đập của trái tim tôi nói với tôi rằng những năm và những chục năm dưới vòng hoa này đã trôi qua như những giờ và những ngày. Chưa bao giờ tôi nhìn hoang mạc và mặt biển sau nó như tôi đã nhìn từ trên giường bệnh của tôi trong nhà bác sĩ. Cuộc đời của tôi hiện ra cũng bé nhỏ giữa vịnh hằng như hòn đảo giữa biển sóng. Nó đã xuất hiện hầu như không thấy được, và nó mất đi ở đây cũng như thế. Tôi đã đi vòng đời tôi như đi vòng hòn đảo. đời tôi và hòn đảo, tôi biết chúng lắm, tôi biết chúng sẽ không thay đổi nữa, cả đời lẫn đảo. Đảo không thể rời khỏi chỗ của nó trên thế giới, tôi cũng không thể rời chỗ của tôi.

Sau khi nhận thức được tôi đã cắm rễ mãi mãi vào trong đất này, tôi cần phải hiểu rằng mọi người khác coi tôi là gắn vào hòn đảo một cách không hoà tan. Tôi thấy điều đó ở sự tử tế của họ, ở sự tức giận của họ. Thái độ của họ là do sự nghèo khổ hay sự giàu có của tôi? Hay là ở chỗ không còn một bên bờ nào khác cho tôi và mỗi một hòn đá của đảo này đã nhuộm màu vì máu tôi? Tôi bóp trán suy nghĩ, tôi không đòi làm chủ số phận của tôi nữa, tôi không còn xấu hổ là một người ăn xin nữa. Nhất là tôi biết tôi là một con người.

Niềm tự kiêu của tôi đã phẫn nộ vì tôi là gánh nặng cho bác sĩ Orebro cuối cùng cũng đã chịu khuất phục khi tôi biết rằng trường học đã đóng lại với tôi cũng như thế giới bên ngoài cũng đóng lại với tôi, vì trong lúc cố đứng lên tôi đã bị chóng mặt. Sự ốm yếu của tôi sẽ không rời tôi nữa, tôi đoán thế, mà sẽ làm cho tôi trở thành một kẻ ăn nhờ vào lòng từ thiện của người khác. Tôi khóc trong tay Chúa và những giọt nước mắt của tôi đã cuốn đi những gì còn lại ở ý chí của tôi.

Tôi nóng lòng chờ đợi người ta nói đã quyết định gì cho tôi và khi bác sĩ Orebro thấy tôi khá bình phục đã cho tôi biết rằng ngay sau khi tôi khỏi bệnh hiểu tôi sẽ được dọn đến ở trong ngôi nhà nhỏ dưới chân núi Sonderbjaerg mà tôi đang ở hiện nay. Nhà ấy bỏ trống, đợi hoài đôi nam nữ mà tôi trông thấy hôm tôi đến đang xây tổ ấm của họ, và biển cả đã từng ru tuổi thơ của họ bằng tiếng hát rì rào, cũng lại ru cho đêm cưới của họ. Vì bệnh tật của mục sư Schwarzflugel hai vợ chồng buộc phải cầu phúc tâm hồn ở Jutland. Tôi phải ăn bữa khi thi ở nhà Orebro, nơi tôi dạy tiếng Pháp và tiếng Đức cho cô con gái đang phải chờ chuyến tàu mùa xuân, khi thi ở nhà nhân viên thuế quan Vendelin cũng là nơi tôi dạy học cho bọn trẻ. Vả lại, người ta sẽ còn xem mục sư làm nhiệm vụ được bao lâu nữa. Tôi đã đọc được trong mắt nhìn của các bạn tôi rằng họ biết tôi sẽ không rời khỏi đảo nữa và tôi sẽ trông thấy ở đó còn điều qua nhiều mục sư.

Tôi đưa mắt nhìn sang hoang mạc một lúc. Tôi không quên là cô Barbara

Orebro biết tiếng Pháp và tiếng Đức hơn tôi và cho tới bấy giờ bà Léonore tự đảm nhiệm lấy việc dạy các con bà. Nếu bà để tôi thay thế bà tức là tiền của Jacobus đã có tác dụng vào đấy. tôi đoán ra tất cả cái đó, cũng như tôi biết rằng ngôi nhà của hoàng thân được cho tôi, đơn giản chỉ để ngăn chặn tôi chết.

Nhưng Chúa đã cho phép tôi sống sót trong đêm trên núi Kirhebjærg khi tôi bị bỏ cho ý chí của Người, và tôi phải chấp nhận cuộc sống Người cho tôi. Quay sang phía các bạn thân của tôi, tôi mỉm cười với họ và cảm ơn họ. Một ngày xuân tôi đến ở trong túp lều này, và từ năm mươi năm nay nó đã là chỗ trú và chốn nương thân của tôi, khi hoàng thân còn sống thì được ở miễn phí, rồi phải trả một món tiền thuê rất thấp cho những người thừa kế của ông.

Tôi được sở hữu căn nhà dành cho cặp vợ chồng trẻ này. Một mình tôi thờ trong gian nhà mà lẽ ra ở đó họ phải thì thầm với nhau những lời êm ái, vừa trao đổi những nụ hôn. Những bước chân cô đơn của tôi giẫm trên sàn nhà, noi lẽ ra những bước chân của họ vui vẻ khiêu vũ. Tôi ở đây tách biệt, mái tóc bạc dần, ở đây, lẽ ra là nơi có bọn trẻ con nô đùa. Đằng sau các cửa kính người ta chỉ nhận ra một mình khuôn mặt của tôi chứ không phải những khuôn mặt trẻ trung nở hoa!

Đêm đầu tiên, khi ở trước món của hồi môn lớn mà gia đình cặp vợ chồng trẻ để lại cho tôi với đầy đủ những đồ đạc cần thiết, nhờ có bảo lãnh của Jacobus Uz, tôi cảm thấy hơn bao giờ hết mình là một kẻ ăn mày, trước cái giường lộng lẫy này, tôi rung mình khi nghĩ đến mình nằm ở đây. Xung quanh tôi, tôi nhìn thấy những bức tường của căn phòng với cái trần thấp và những cái bóng mờ ảo của những đồ gỗ. Thế nào chúng chẳng hỏi tôi "Mày làm gì trong nhà chúng tao thế, người ngoại quốc, chúng tao đâu có phải được làm ra cho mày?"

Cái phòng tân hôn này đã là một nỗi đau khổ dai dẳng của tôi, tôi đã học thì thầm ở đây trong một tiếng thờ dài cuối cùng "Mong sao ý nguyện của mày được thành".

Tôi bắt đầu cuộc đời cô đơn, một mình với những đồ đạc lâu ngày đã trở thành của tôi. một mình với cái nhìn thanh bình ra đầm lầy dưới chân núi Sonderbjaerg, nơi không một sinh vật nào xuất hiện suốt trong ngày chỉ trừ một con mòng biển bé nhỏ lặn ngụp trong mặt nước im lìm của cái ao. Một mình với những cơn cát có lớp lá đỏ lung lay trước gió, một mình với hoang mạc im lìm, một mình với những làn mây trôi và mặt trời thay đổi, một mình với tiếng hát của mưa và của biển cả, một mình với bản thân, một mình với Chúa, một mình với những đồ dùng nội trợ của cuộc sống hàng ngày. Một mình dưới bầu trời.

Tuy nhiên tôi không khi nào biết đến sự cô lập, bởi vì người làm bạn với ván

sàn, với những chiếc kim đồng hồ, với tay nắm cửa, với đất nẻ xung quanh các cây duyên sẽ không bao giờ biết nỗi buồn bị ruồng bỏ. Trái tim người đó sẽ đập cạnh những trái tim bè bạn và không chút lo lắng, anh ta ngoảnh nhìn về phía vĩnh hằng. Đã không là một kẻ xa lạ trên mảnh đất này, anh ta sẽ không xa lạ trên trời.

Trong những giờ lo sợ, anh ta đưa mắt nhìn vào lưng chiếc ghế cũ nào đó và bình yên sẽ được cho anh ta như là lời đáp của Chúa Trời. Mỗi buổi tối anh ta có lòng Chúa làm gối và anh ta ngủ đi vì sợ/ đây giấc ngủ thật vô tư.

Định cư trên đảo này, tôi trông thấy khắp nơi cảnh quanh hiu bao quanh chúng ta, nhưng cho tới nay, nó vẫn còn bị giấu đi đối với tôi và với những người khác sống cùng với tôi. cánh cửa của tôi không mở vào những gian nhà khác, mà vào hoang mạc. Tôi ra khỏi nhà tôi để vào nhà Chúa. Cuối cùng tôi đã ở trong sự thật.

Cũng như cả đảo buộc phải tự cung cấp được thực phẩm trong suốt cả mùa đông, tôi đã tự hạn chế được mọi thứ. Và cũng như vậy trong sự im lặng của đảo và trong túp lều của tôi, tôi đã có thể nghe được cả tiếng động khẽ của gió, thấy được cả ánh lửa yếu ớt nhất, thì tôi cũng nhận ra trong tôi những sợi cảm xúc tinh tế nhất của đời tôi.

Ban đầu tôi ăn bữa xen kẽ ở nhà bác sĩ Orebro hay ở nhà bà Léonore. Nhưng về sau tôi chỉ ở nhà ăn cơm và ở nhà một mình với tất cả mọi việc khác.

Tôi đã học nấu ăn. Tôi muốn như thế. Không phải vì tôi trông thấy trong số những người khác đều là kẻ thù hay người xa lạ, trái lại tôi rất yêu những người đồng loại của tôi, và mặc dù nhút nhát, tôi đã không thể không đến với họ khi vừa thoáng thấy họ, như là dòng suối phải chảy ra biển.

Tôi tin là đã không bao giờ nói dối. Lưỡi của tôi từ chối nói dối như tránh thuốc độc, và tôi thích những điều kiện bên ngoài cuộc sống của tôi đáp ứng được những điều kiện bên trong, cũng như chiếc găng tay phải với với bàn tay. Tôi đã từ chối mọi hoạt động sáng tạo, nhưng trong cuộc sống eo hẹp của mình, tôi lại cần có sự hài hoà của nghệ sĩ.

Tôi chỉ có một mình, vì thế những bữa ăn của tôi cũng phải đơn độc. đã rút bớt mọi thứ, tôi muốn tự nấu lấy những thức ăn cần thiết cho cơ thể tôi. Làm như thế, tôi đã vâng theo một tiếng gọi thiêng liêng.

Và tôi đã không nhầm khi nghĩ rằng đó là một việc làm giảm nhẹ cho cả bác sĩ Orebro cũng như cho bà Léonore khi tôi yêu cầu chỉ góp cho tôi một món tiền nhỏ. Tôi phải tập khả năng soạn lấy bữa ăn như Chúa đã muốn cho tất cả chúng ta ngay từ hồi nguyên thủy.

Các bạn tôi tất nhiên đều phản đối dự kiến của tôi, nhưng dù sao tôi cũng biết rằng sự có mặt của tôi là một gánh nặng cho họ, không phải vì giảm được ít chi phí mà vì những bữa ăn theo kiểu đó tôi đã làm trở ngại cho họ khi tham dự vào các buổi cầu nguyện của họ. Con người ai cũng muốn ở

một mình trong hai việc làm hàng đầu đó. tôi đã ở một mình để ăn uống và cầu nguyện.

Điều lạ lùng là chính cô Lucie Camrath bé bỏng đã dạy tôi trong nghệ thuật nấu ăn, cái nghệ thuật đầu tiên của mọi thứ. Cô ấy vừa mất học được việc đó từ bà già Gedsken, và trong sáu tháng cô ấy đã thay thế được bà. Gedsken còn có nhiều việc bận rộn ở nhà người anh là Trenne Pilots, goá vợ, nặng gánh với cả một đàn con.

Lucie may mắn được ở lại làm người hầu trong nhà mà trước kia cô được đón nhận như một khách quý và đáng lẽ cô phải là chủ.

Cô còn dạy tôi nhiều việc khác ngoài chuyện làm những bữa ăn bằng sữa, yến mạch và bánh mì mà đảo và túi tiền của tôi có thể kham nổi, và các bữa ăn đó đã giữ sức khoẻ của tôi cho đến ngày nay. Lucie đã làm cho tôi hiểu được rằng tâm hồn là tất cả.

Tôi hầu như không nhận ra cô lúc gặp lại cô sau khi tôi khỏi bệnh, và lại cô đã trở thành một con ở. Lúc bấy giờ cô ấy vừa bước vào tuổi hai mươi hai. Chiến thắng của cô ấy thật là nhanh.

Đầu tiên tôi hoảng sợ vì sự thay đổi ấy, nhưng những chốc lát ngắn ngủi mà cô có thể thoát ra khỏi bếp nhà mục sư để đến gặp tôi cho tôi biết là nếu cô đã vui vẻ nhận sự mất mát tài sản của cô thì cô cũng đã sung sướng vì sự biến mất tuổi trẻ và sắc đẹp.

Tôi đã thấy một nàng trinh nữ tỉnh giấc khi chết đi một tiểu thư. Đáng cứu thế cũng chẳng đã sinh ra từ Đức Mẹ Vô Nhiễm và cũng mặc quần áo nghèo khổ đó sao?

Trong khi cùng nhau ở trong bếp của đôi vợ chồng trẻ, tôi có cảm tưởng như là chúng tôi nấu món ăn duy nhất có thể làm no bụng con người.

Trong lúc cúi xuống hôn bàn tay vẫn còn bé nhỏ mặc dù lao động đã làm chai cứng của cô, tôi đã ôm hôn chính cuộc sống ngập đầy trong tôi bằng thứ bánh duy nhất thiết yếu sau này.

Thế là tôi bắt đầu chỉ đi đều đặn từ nhà bác sĩ đến nhà nhân viên thuế quan rồi quay về lại nhà tôi. Sau khi dạy cho người khác tôi cắm cúi vào tự học cho mình. Và cũng như từ xưa tới nay, phần cuối của chương trình khó thực hiện hơn là phần đầu.

Ôi, kiến thức của tôi ít ỏi quá, khiến tôi nắm hiểu mọi thứ rất chật vật. Sao mà tôi vụng về và khờ dại thế!

Cũng như ngày xưa ở nhà trường, chỉ trừ cái gì là thuộc cá nhân, lịch sử, các ngôn ngữ, còn tất cả cái gì là sinh động và hoà với nhịp điệu của lời nói thì đều phù hợp với các sắc thái của nó. Nhưng còn ngữ pháp! Chưa nói đến các phép tính và toán học, cái lĩnh vực trừu tượng của trí óc. Tôi chỉ thấm nhuần được cái gì đó có những màu sắc cuộc sống. Chiếc đèn con của tôi cháy sáng trên bàn rất sớm trong đêm như để chào hội vui của những vợ chồng tân

hôn. Nhưng nó chỉ chiếu sáng cho những cuộc vật lộn ban đêm của tôi với những biến cách, những con số và những phân số.

Sáng hôm sau, khi tôi lên đường, tay cầm những cuốn sách người ta cho mượn, đi dọc núi sonderbjaerg và qua đầm lầy ướt sương hay trắng giá, lòng tôi vui lên vì tôi đã biết chuẩn bị cho công việc của mình, hình như đêm hôm đó tôi đã phục vụ cuộc sống chung thủy như cặp vợ chồng trẻ đáng lẽ có thể làm. Tôi hít thở không khí ban mai với sự sảng khoái hơn bao giờ hết.

Công việc của tôi trong nhà nhân viên thuế quan không phải khi nào cũng dễ dàng. Không phải vì bọn trẻ không đáng yêu và chăm chỉ. Nhưng chúng sống hơn cả tôi trong cái thế giới ma quái của cuồng tưởng và đã phật lòng với tất cả những cây ngậy của thực tế. tôi gần bó nhẹ nhàng với tất cả những đứa bé đó. Ở chúng, những cặp mắt đen lạ lùng dưới cái trán trắng bệch và những lọn tóc xoắn đen, sáng chói lên trong bóng tối tang tóc của căn phòng. Giọng nói réo rắt như tiếng sáo, chân tay yếu ớt của chúng làm cho chúng giống như những thần linh thông tuệ mệt mỏi vì đã chiến thắng tất cả mọi thứ, hơn là những đứa trẻ được sinh ra để học tập và để sống.

Chúi đầu vào các công việc khâu vá muôn thuở, bà Léonore có vẻ như một Norne ở trong bóng tối của căn phòng và của những khăn trùm đen.

Nhưng sao mà chúng tôi rét thế! Chúng tôi bị giá công lại trong cái mùa đông dã man này của đảo. Nếu bóng tối mà trong đây chúng tôi gần như bị mù vẫ mờ mẫm đục từng chữ trong những cuốn sách rách nát, không trắng ra vì hơi thở của chúng tôi, thì chúng tôi đã tưởng rằng chúng tôi đang ở dưới đất đen.

Hàng tháng tôi nhận tiền lương từ bàn tay của bà Léonore và tôi cầm lương trong bàn tay với cái nhiệt tâm trân trọng như khi cầm tập bài phân số, cuốn sách ngữ pháp hay những bằng chứng của đời sống thực tại mà tôi muốn trốn tránh bởi vì tôi rất sợ nó. Việc Jacobus Uz trả công gia sư cho tôi không đủ làm yên lòng Vendelin, Jacobus Uz đã phải hứa với Vendelin là trong các buổi học người ta sẽ không lãng phí một tia sáng hay một chút hơi ấm mà ông ta đã phải vất vả đi kiếm. Vì thế chúng tôi rét công và mờ mẫm trong bóng tối. Cái làm cho chúng tôi giá rét hơn nữa là bỗng đột nhiên thấy Vendelin đi qua gian nhà, mình lao đổ về phía trước trong khi chạy và mang theo tất cả khí lạnh của biển. Tuy nhiên, trong mắt ông chói lên một ngọn lửa làm cháy chúng tôi.

Bọn trẻ con chen vào nhau như những người chết bị kéo ra khỏi giấc ngủ bởi một linh hồn đau khổ, và bà Léonore liếc cái nhìn buồn bã và sợ hãi ra cái cửa mà từ sau đó tức thì vọng ra tiếng kết của nắp đầy hầm rượu hoặc những tiếng kêu xé tai của đàn piano.

Về mùa hè chúng tôi được đền bù, chúng tôi hoàn toàn hấp thụ sức nóng của mặt trời và của cát. Lớp học diễn ra ở phía nam ngôi nhà trong chỗ trống của

còn cát cột xemaphore, giữa bầu trời xanh thẳm.

Những học trò nhỏ nhất của tôi, trừ Steffen và Agnete, đều cởi trần nằm vùi trong cát, còn hai đứa kia thì mặc quần áo rất mỏng, cũng như bà Léonore, và cả tôi nữa. chúng tôi có cảm tưởng như chúng tôi đang ở trong lòng mặt TRỜI.

Khi nhìn những khuôn mặt non trẻ tinh tế ấy, những cánh tay hồng như những cánh hoa, thân hình dong dỏng cao của Steffen, mớ tóc bay của Agnete, cái bóng cao và nụ cười của bà Léonore, tôi cảm thấy chúng tôi đang bay lượn trên bờ biển trắng, như linh hồn các thần tiên trên sương sớm. Một bóng người bé xíu màu đen chạy ở đằng xa, dọc theo bờ biển để tìm những cái chúng tôi đã có, mà không nhích khỏi chỗ.

Ở nhà bác sĩ Orebro thì không thiếu ánh sáng, cũng chẳng thiếu sức nóng. Nhưng trái lại ở đây lại có cô Barbara. Và những bài học đó đã trở thành một nỗi khổ cho tôi.

Mặc cảm về sự dốt nát của tôi trong thư viện của bác sĩ, mặc cảm về sự nghèo khổ của tôi trong ngôi nhà ẩm cúng và đầy đủ tiện nghi của ông ấy, mặc cảm về sự vụng về của tôi trước mặt ông ta, đã dận chìm tôi. tôi dám mạnh dạn cảm ơn ông ấy đã giúp đỡ tôi trước khi ông ấy bôi rồi quay lưng lại với tôi. Nhưng trước mặt cô Barbara thì tôi đau khổ vì sự kém cỏi của thằng đàn ông.

Tôi trần trụi trước cô ấy trogn sự yếu đuối với cái ngực lép và thân hình gầy guộc. Cái nhìn lạnh lùng và xanh biếc của cô đã cởi trần tôi ra và sau một cuộc xem xét điềm tĩnh đã loại tôi ra ngoài ranh giới của người trưởng thành và thậm chí của tuổi già, liệt vào lãnh vực của trẻ thơ, rồi quay ngoắt khỏi tôi một cách dửng dưng.

Tôi thở phào nhẹ nhõm nhưng tủi thân như một người tự xét mình không hợp với chiến tranh.

Hôm sau, khi kéo ghế ngồi bên cạnh cô trước cái bàn để nghiên cứu các tác giả Pháp hay Đức mà chúng tôi chọn được khá nhiều trong số sách của bác sĩ, tôi lại một lần nữa cảm thấy sợ hãi. Bàn tay và đầu gối tôi run lên khi tôi nhìn thấy đôi vú căng phồng, cánh tay tròn và đôi mắt của cô. Cái nhìn của cô lạnh lùng sau những cuộc tắm biển liên tục và nóng rực sau những giấc ngủ dài trên các cồn cát, nơi cô vươn tằm thân Aphrodite tuyệt mỹ của cô. Cái nhìn có một sự kích động mà tôi không thể đáp ứng. Nó chà đạp tôi, làm tôi muốn độn thổ và tôi đã khóc khi nó quay đi khỏi tôi.

Tôi còn đau khổ hơn vì những quan hệ xảy ra giữa bố và con gái. Ông cầu xin sự dịu dàng của đứa con độc nhất và tai cô vẫn như điếc trước lời thỉnh cầu đó.

Bà vợ của bác sĩ đã chết trong một nhà an dưỡng, nơi bà chỉ sống để mà ăn. Và tôi nghĩ rằng trong những căn phòng đầy hấp dẫn về hoa và sách, nơi gặp

gỗ của hai sự im lặng của biển và hoang mạc, nơi bác sĩ tìm sự yên bình và sự trinh trắng, tôi đã tham dự vào bi kịch thứ hai diễn ra giữa tinh thần và xác thịt.

Tôi đã học để yêu con người mà tính dè dặt câm lặng của ông đã làm tôi bé nhỏ lại và làm cho đảo lớn ra, cũng như một ngôi sao làm ta đo sự bé nhỏ của ta và bầu trời bao la làm cho ta sâu hơn.

Đứng trong tháp trên núi Kirkebjærg, ông nhòm cầm tay, im lặng nhìn đường chân trời hàng mấy giờ liền, ông đã gây cho tôi ấn tượng ông là người tuần canh, người gác vĩnh hằng của trí tuệ.

Với lại, tôi thấy ông nài nỉ ở dưới chân người cô con gái này, nài nỉ cái xác thịt mà ông đã chối từ lại một lần nữa là của ông. Tôi thấy ông bị đẩy ra, không đến nỗi quá mạnh làm cho ông có thể phản nộ kêu lên là ông bị đuổi khỏi chính nhà mình, mà một cách thờ ơ uể oải như khi một cánh cửa khép lại trước một ai đó muốn vào nhưng người ta không biết ý định.

Tôi trông thấy ông đứng ở ngưỡng cửa, nghẹn ngào vì nước mắt câm lặng của hổ thẹn.

Mọi người đều biết rằng cánh cửa này luôn luôn đóng lại trước sự dịu dàng của người cha, nhưng lại mở toang cho tất cả những ai muốn nó. Điều bí mật mà Malene đã thổ lộ với tôi lúc tôi mới đến đảo và mọi người biết hoặc đoán đã được phát hiện ra với bác sĩ...

Tôi là thầy giáo của cô gái này. Tôi đã làm một nhà sư phạm thật khôn khéo! Hồi tháng chín cô ấy đã rời khỏi đảo để đi chuyến du lịch mùa đông hàng năm. Cô ấy đã khiến được bố cho phép khi mới lên tuổi mười bốn, theo gương của mẹ cô – để trả thù những ngày phải sống ở nơi hoang vắng này. Lần này hẳn là cô không trở về được nữa.

Trong lúc đó người ta nhận được tin là cô Barbara Oerbro đã bị giết trong một nhà chứa ở Copenhagen, nơi cô thường trú từ hồi cô mười bốn tuổi, và cô là một hoa khôi của nhà chứa.

Người ta tìm thấy cái thân hình tuyệt mỹ của cô chỉ được phủ bằng tóc của cô, một sợi thừng đầm máu xung quanh cổ. Nhưng nét mặt cô vẫn giữ vẻ yên bình của một sinh vật đã từng thu hút bao nhiêu tâm hồn lo lắng – cho đến khi một bàn tay báo thù đã báo thù chúng.

Chúng tôi thấy bác sĩ Orebro, người cả tin vào bao nhiêu điều dối trá, bị ngã lăn ra, lá thư vẫn cầm trong tay. Sự cầu xin của ông đã được chấp thuận. không bao giờ ông còn luyện tiếc xác thịt.

Hoặc là, đến lúc cuối cùng, tim ông bị bắn bởi một mũi tên của tư tưởng cho rằng vợ và con gái ông sẽ không bị giam hãm như thế trong sự phản ứng đối với ông và với tư tưởng của ông nếu như ông không một mình đi tìm cách cứu vớt tinh thần trong cái tháp canh của ông, quên đi những sự dịu dàng của xác thịt.

Mắt tôi hồi hộp nhắm lại, nhưng tôi mở ra để cười với Lucie Camrath, với Agnete, với tình yêu mới của tôi, tôi biết rõ ràng ai muốn sống đều phải chết. Tôi phải kiếm tiền ở nơi khác bù vào món mất đi do cái chết của Barbara và của bác sĩ. Tôi không thể bỏ qua một xu nhỏ. Và tôi tìm được một nguồn thu nhập mới hay nói đúng hơn là tôi không tự tìm được nó, nếu không có một hỗ trợ tình cờ.

Một hôm, theo thói quen tôi đi dạo dọc theo bờ biển và trông thấy Vendelin, lúc đó không chạy nữa mà đứng im như thể ông ấy đợi tôi. Ông ấy làm gì ở đây thế? Tôi bước chậm lại, gần như vì sợ. Chỉ có một mình chúng tôi, tôi chẳng nhìn thấy ai ở xa như thế. Rồi tôi mỉm cười, ông ấy chẳng tìm thấy ở tôi một chút một xiu vàng nào hết!

- Ông Bek này – ông nói bằng giọng khàn đi vì gió biển – ông hãy nhìn cát xem – và ông ấy thọc cây gậy của ông xuống cát – Người ta dùng nó rất nhiều ở lục địa để thám khô chữ viết. Tại sao ta không nhặt nó lại và gửi cho thuyền trưởng Timesson mang đi?

Rồi chào tôi theo một cử chỉ máy móc, ông lại lên đường, cái gậy dưới nách như ông đang muợn giờ, hay ông đang chạy trốn?

Tôi quỳ xuống, ngạc nhiên và nhận thấy cát đen dưới cát trắng. Quả thật đã có cái gì kiếm được ít tiền rồi đây. Chính hòn đảo đã cho tôi cơ hội này trong lòng khô cằn của nó và do Vendelin làm trung gian. Nhưng tại sao ông ấy lại không nắm lấy cơ hội đó cho mình?

Tôi đã tìm thấy điểm sáng trong tâm hồn tăm tối của ông. Về sau khi hốt đầy cát vào những túi nhỏ của tôi giữa cảnh quanh hiu lộng gió ở vịnh Kho hàng, tôi mơ rằng cát của tôi biết đâu lại chẳng thám khô mực cho một công thức toán học quan trọng nào đó.

Nhưng hơn cả những trước tác bất hủ, hành động của Vendelin bỏ lại cho tôi khám phá của ông đã chỉ cho tôi thấy một dấu hiệu của cuộc sống vĩnh cửu, một chứng cứ của quan hệ họ hàng giữa chúng ta với Chúa, một chứng cứ rằng chúng tôi là con của Người.

Có lần bất ngờ Vendelin đi qua trong khi tôi đang chọn lấy cát, ông đã quay đầu đi và chạy nhanh hơn. ở đây cát trắng lẫn với cát đen, ở trong tâm hồn cũng thế.

Ngày nay người ta không dùng cát để viết nữa, nhưng nếu những dấu vết sẫm của Vendelin cần phải khắc giữ lại trên bãi biển của hòn đảo thì tôi sẽ mang đến tận ngại của Chúa ánh sáng hành động của ông ta.

Con gái Agnete của ông ấy bây giờ đã hai mươi tuổi là hình mẫu của thiếu nữ. Cô ấy không giống như Lucie, bị quắt lại vì phải làm việc hầu hạ vất vả. Dáng người thon thả, ngây thơ, trong trắng, cô nở ra như một bông hoa huệ dưới ánh mặt trời.

Khi cô đi qua, người ta tưởng như nhìn thấy cảnh thanh bình và tinh tế của

một ngày lễ nở ra giữa đám quần áo rách rưới và mùi cá tanh hôi trong đời sống hàng ngày. Khi cô hiện ra, tế nhị và mảnh dẻ, ở chân trời mù sương, chúng tôi thấy hình như giấc mơ của chúng tôi đang về với những làn mây, x sở của mọi ước mơ.

Và sau đó vài giờ cô trở về theo núi Norbjyaerg, người dân chài đang nhặt đá và vợ anh ta lừa bò xuống đồi để vắt sữa trong lúc bọn trẻ con chơi ở chân tường nghĩa trang, tất cả mỉm cười với cô, biết ơn vì cô đã không ở lại nơi mặt trời đi đến.

Và khi nhìn thấy cô ở trên ngưỡng cửa nhà ông nhân viên thuế quan, bàn tay úp che mắt cho khỏi chói sủa khi đi ra từ bóng tối bên trong, chúng tôi lại tưởng là hình bóng của cha cô, cái bóng mà tất cả chúng tôi theo dõi chạy trên bờ biển buồn tẻ.

Trên miền đất băng giá của chúng tôi, đó là một bông hồng run rẩy của đêm Noel. Cho đến một ngày, một gót chân độc ác đến chà đạp lên hoa và cây thánh giá đen tang thương dựng lên ở trên kia, ở trên đảo...

Mục sư Tang, theo như Jacobus Uz kể lại cho tôi, đã là mục tiêu sự hung hăng của đảo vì cách cư xử đối với tôi. Nhưng, với ông ấy thì còn cần phải có cả một cuộc biến loạn để đánh đổ mới đáng.

Ông ấy đi với bước chân nặng nề, gót đặt chắc chắn xuống đất và với vẻ tự tin, ông ấy tiến lên, đầu ngả về phía trước, tay cặp sau lưng.

Dưới bóng rộng của vành mũ, cái nhìn từ đôi mắt xanh xám của ông ấy đâm vào người ta như một mũi thép nhọn. Môi trên đỏ tươi và rớm máu, mím chặt xuống môi dưới.

Hình như ông cho thái độ của ông đối với tôi là bình thường và ông cũng không tìm cách xin lỗi cô Lucie về sự thay đổi chó má trong cách cư xử đối với cô ấy. Cũng như ông tỏ ra luôn luôn mang huy hiệu chức trách của mình, những suy nghĩ của ông đều mang dấu vết của công giáo.

Lòng tin là tất cả và cho phép tất cả.

Về phần tôi, không bao giờ tôi đi nhà thờ. Mỗi hận thù của tôi không có chỗ ở đây. Nhưng người ta nói những lời thuyết giáo của Tang rất đáng giá, cả về hình thức lẫn sức mạnh. Cư dân của đảo vẫn theo thói quen ngồi trên những chiếc ghế chạm khắc và không rời mắt khỏi mục sư, hình như ông ấy chính là Chúa vẽ trên bức tranh ở bàn thờ. Chúa đi trên nước và chìa tay cứu vớt họ, để lới họ lên khỏi vực và cho họ sống trên bờ vực mà ở đây mỗi gia đình đều có một người mất tích.

Nhưng không ai đến thăm ông ở ngoài nhà thờ, khi người ta gặp ông trên đường, bệ vệ và đen thui, với những con mắt thép trên khuôn mặt đen thâm, người ta chào ông mà không cười.

Do ảnh hưởng của nỗi khiếp sợ và những ngờ vực, làm nảy sinh ra ở họ cái vực thăm luôn luôn há miệng xung quanh đảo của chúng tôi, người ta đã tìm

hội giao du với Jacobus Uz, giống như hồi những năm cuối đời của Schwarzflugel.

Người ta nói cuối cùng ai cũng biết, như Jacobus Uz đã mơ thấy, rằng khi tội lỗi của thời trẻ tuổi của ông và lòng can đảm của con người sắp sửa đẩy ông vào cõi mệnh mông không đáy đó, thì bàn tay kéo những người chết đuối lên bờ đã giống với bàn tay của Chúa trên bàn thờ hơn là bàn tay của mục sư Tang. Ông mục sư đã giảng Lucie Camrath xuống hàng con ở và đã vút tôi ra cửa để làm cho tôi chết trên các cồn cát.

Nhưng các mục sư chẳng phải đã để tang Chúa với bộ áo đen, và bằng lời nói, họ chẳng phải là những kẻ kể tục sự nghiệp của Người đó sao?

Với bộ áo thầy tu mặc trên người và giấy bổ nhiệm cầm tay, Tang cảm thấy được Chúa xếp đặt. Khi bỏ chiếc áo ra, ông bỏ luôn cả bốn phận nhưng không bỏ quyền của mình.

Ông giảng Thánh Kinh ngày chủ nhật, còn sáu ngày khác ông ở nhà, cửa đóng lại với bất kỳ ai muốn chuyện trò với ông.

Không một người nào, ngay cả với Lucie, biết được ông làm gì trong bốn bức tường của ông. Và lại, cũng chẳng ai để ý theo dõi vào đây.

Ngoài ngày chủ nhật ra, ông ấy đã chết đối với mọi người cũng như Gia Tô giáo hội của ông.

Jacobus Uz với thân hình dị dạng đã thực hiện sứ mệnh của mục sư và tôn giáo. Ông đến thăm người bệnh, người khổ, người nghèo. Cửa của những túp lều tranh giờ đây mở ra với ông.

Một hôm cái tin không thể ngờ được lan ra trong chúng tôi. Agnete Vendelin sắp kết hôn với Tang – và ngay trong tháng tới.

Vậy là bỗng nhiên ông mục sư đã ở chính giữa chúng tôi như nhà thờ ở trên cao kia, và chúng tôi hiểu rằng không ai có thể đuổi ông ấy đi khỏi chỗ của ông ấy.

Tôi đã chạy đến nhà ông nhân viên thuế quan ngay sau khi nghe Lucia với thì thầm tin đó vào tai tôi vừa run lên như thể cô ấy đang sống lại nỗi kinh hãi cũ hoặc là cô ấy trông thấy một người khác xin hiến thân chuộc tội để cứu cô ấy.

Khi vào trong ngôi nhà tối tăm vẫn toát ra mùi tảo dạt, mùi iốt và ván mục, tôi không dám hỏi gì cả. Nhưng khi Agnete đi qua căn phòng với dáng đi bay lướt thì thôi không còn phải hỏi gì nữa. Trên khuôn mặt của cô, ở bước chân chỉ hơi chạm đất của cô tôi thấy rõ cô sắp rời chúng tôi nay mai để bay về những đám mây của cô. Đôi mắt cô sáng lên, lấp lánh như mắt những người tuần đạo.

Bà Léonore ngẩng đầu phía trên mớ đồ khâu vá quần áo trẻ con của bà. Khi con gái biến mất, thẳng người và lặng lẽ dưới vành tóc đen nặng nề của cô, bà mẹ giống như một xẻng đất cuối cùng ném lên đầu người chết, đã oà lên

tiếng khóc

- Ông ấy muốn thế - bà thì thầm, trong lúc bối rối bà đặt bàn tay vào tay tôi – Chồng tôi muốn thế. Ông ấy bảo như thế chúng tôi sẽ có được những món tiết kiệm. Ông biết tại sao... - và bà mỉm cười xin lỗi.

- À, vâng, chúng tôi biết, tất cả chúng tôi đều biết rằng Vendelin hy sinh con gái để thoả mãn dục vọng của mình. Cô ấy sắp chết vì chuyện đó. Cha bán cô, vị hôn phu mua cô..

Hòn đảo đã đè chặt lên con người khép kín trong chức vị của mình, cái chức vị mà lẽ ra ông phải chiếm được từ trong mơ ước của chúng tôi.

Cũng như người tiền nhiệm của ông đã lấy mất ngọn lửa của chúng tôi, chính ông đã rắp tâm ăn cắp tài sản của Lucie, bây giờ phải tự hạ mình bỏ tiền ra để chiếm hữu một cô vợ. không ai còn nghi ngờ rằng Vendelin không những đã tiết kiệm được những đồng xu của mình mà còn kiếm thêm được nữa.

Còn Agnete? Ai biết hơn cô ấy là cha cô đã đói và khát đến mức nào? cô có ước mơ đốt lên được ở trong ngôi nhà tối tăm một chút ánh sáng cho mẹ và các em cô không? Cô đã học tập tự sưởi ấm theo gương của bà Léonore bằng lửa của trái tim mình chứ? Ngày hôm đó khi cô đi qua căn phòng, tôi trông thấy trong mắt cô ánh sáng của sự điên cuồng đốt lên bởi những băng giá của vịnh Saint Patrick và biển đêm với những ngọn sóng sủi bọt, nở ra trong bóng tối của ngôi nhà thành một nguồn sáng rực rỡ, nguồn sáng của người tuần đạo.

Chúng tôi vẫn luôn luôn chờ đợi đến một buổi chiều, cô cháy lên vì mộng, biến mất vào mặt trời lặn.

Nhưng ngày mà mục sư đưa vợ về sau đám lễ ở Grenaa và được dắt bởi ông ta, cô ấy đặt chân lên tảo dạt đóng băng trên bờ, chúng tôi cũng hiểu rằng đối với cô ấy, đám cưới này chỉ là sự tiếp tục của trò cô diễn ở nhà mẹ cô. bây giờ cô ấy sắp thức dậy.

Cô ấy trắng hơn bọt sóng sau co6 và hơn sương giá ở chân cô. Và cũng như tuyết bao quanh hòn đảo, bông callas trắng – hoa của người chết – đội trên đầu Agnete như đầu một người chết đuối.

Trong mắt cô chỉ chói lên một ham muốn, ham muốn cái chết. Tất cả chúng tôi nghiêng mình trước cô ấy đang tiến lên đứng thẳng và hoá đá.

Bộ mặt của mục sư đỏ au dưới những sợi lông xanh nhạt, đôi môi mấp máy điên cuồng và ông siết chặt cánh tay vợ.

Mặc dù cái lạnh đậm buốt, chúng tôi nhận thấy những ngọn lửa ham muốn của họ, của cô ấy và của ông ấy, và chúng tôi đoán rằng bờ biển của chúng tôi đã đốt cháy cả hai người bọn họ.

Đêm đó nằm trên giường của đôi vợ chồng trở về sau lễ ban phước hôn lễ, tôi cảm thấy ánh sáng của căn phòng Dorete cạnh giấc ngủ của tôi và tôi đã

ngủ ở đây trong sự bình yên hạnh phúc.

Ngọn lửa đốt cháy hai má của mục sư, ngọn lửa loé trong mắt của Agnete, ngọn lửa hoà sáng trong ngọn đèn dựng thẳng lên trời của tôi và tôi cảm ơn Chúa đã cho tôi ngọn lửa hồng của cuộc đời và ánh sáng trắng của cái chết. Song, tận đáy lòng, tôi khóc cho Agnete, trinh nữ hy sinh trong giờ phút đó. Tôi thấy hình như trông rõ những bàn tay to lớn đen thui tóm lấy Dorete, ánh sáng đã tắt đi trong đêm... Dầu sao, tôi cũng biết rằng tôi có thể giờ cho cô ấy ngọn lửa không tắt mà tôi mang từ phòng của cô ấy và ngọn nến đó trong khi cháy sáng ngày đêm sẽ không bao giờ bị thiêu huỷ.

Trong ngọn lửa này chúng ta sẽ tìm thấy nhau trong vĩnh hằng sau cuộc chạy rước đuốc trong đông tố của cuộc sống trần gian, tôi sẽ đưa nó nguyên vẹn lên trên kia.

Bỗng dưng tôi thức tỉnh, còn mỉm cười với kỷ niệm mối tình của tôi. một tiếng kêu, tiếng kêu của trái đất cất lên ở đằng xa...nhưng lại rất gần..ngay phía bên kia cửa sổ phòng tôi.

Tôi vội đứng lên ngay và thoáng thấy một hình trắng trên tuyết phát lân quang.

Một hồn ma? Rồi đến một hình tôi và đồ sộ chạy đằng sau. Và lại lần nữa tiếng kêu xa và rất gần đó.

Tôi có một mình ở cái nơi mà đôi vợ chồng trẻ đã tìm chỗ thanh vắng, và trong chốc lát tôi nghĩ, như là tôi đã nghĩ khi nhìn thấy Agnete và mục sư rời bến, đến gia đình mới cặp bến trên đảo và đến cuộc giết người vợ mới trước bàn thờ. Nhưng cuối cùng tôi tỉnh giấc hoàn toàn và chạy ra cửa.

Khi mở cửa ra cái đêm đông khắc nghiệt đó tôi thấy tận trên cao sườn núi Sonderbjaerg tuyết phủ, Agnete trong chiếc áo ngủ dài thướt đang chạy trốn, cánh tay giăng ra, mớ tóc bay tung.

Cô ấy đi chân không, và mục sư chạy theo sau, làm cho bay cả cái đuôi áo bộ đồ đen của ông ấy.

Mặt trăng tròn đã gần chạm đỉnh đồi cụt và Agnete bay tới hành tinh sáng đó, người kia đang đuổi theo.

Tôi không động dậy và từ ngưỡng cửa đang đứng tôi chỉ hơi ngược mắt về phía cánh đồng tuyết, đành phải cầu nguyện, cầu nguyện...

Tuy nhiên tôi thấy những bàn tay của cô ấy trong ánh trăng, một đám bụi tuyết bốc lên xung quanh những bàn chân cô rời khỏi mặt đất, và cô lao vào trong màu trắng lấp lánh.

Cái bóng đen của mục sư co rúm lại như thể bánh xe của mặt trăng đã chạy lên ông ấy. Nhưng ông ấy quay ngược ra đằng sau túm áo của Agnete, kéo cô về phía ông ở trên bờ cuối cùng của hòn đảo, rồi ông thụt lại cùng với cô trong một chiếc giường tuyết.

Nhảy một phát, ông lại đứng lên và ôm cô vào hai cánh tay, ông lao xuống

dưới sườn đồi. Chiếc áo ngủ dài lê thê của Agnete và tóc dài của cô bay phía sau họ, tuyết sáng lên... Hay đây là những linh hồn hạnh phúc tìm cách giặt lấy cô em của họ từ những bàn tay của thế gian này?

Ông đi qua rất gần chỗ tôi với con mồi khiến luồng gió đẩy tôi về phía khung cửa và tôi có thể thấy được những giọt mồ hôi sợ hãi toát ra trên trán ông, trong lúc mắt ông đổ ngầu hàu như lồi ra khỏi tròng.

Khuôn mặt tái mét của Agnete ngoảnh về phía tôi. Cô đã bất tỉnh, mồm há hốc, tóc xoà ra, có vẻ như người chết đuối.

Họ biến đi như một đám mây về phía làng, trong tuyết và ánh trăng.

Và tôi ở lại một mình, trán áp vào băng giá của lanhtô cửa.

Bây giờ tôi biết tôi đã xin gì trong lời cầu nguyện của tôi khi bóng trắng của cô đổ vào trong ánh sáng trắng và bụi bạc xoáy tròn ở chân cô. Nhưng đất đã chiến thắng có và chiến thắng những lời thỉnh cầu của tôi.

Mắt tôi ngâng lên chiếc đĩa tròn mặt trăng, nó lượn, lấp lánh phía trên đỉnh núi phủ tuyết. nhưng ước mơ của chúng tôi không tìm được giải thoát trong cái vực thăm phát sáng, nó bị giam hãm trong chiếc quan tài chật hẹp của nhà mục sư mà tôi nhìn thấy những đường viền tối om giữa tuyết trắng của Kirkebjærg.

Chỉ mình tôi trong số dân đảo dự vào cuộc trốn chạy của Agnete khỏi cái giường tân hôn và khỏi chồng cô. Nhưng tất cả chúng tôi đã thấy Agnete ở nhà mục sư. Chúng tôi đã thấy cô bước đi trên những lối mòn dọc bờ biển của chúng tôi, chúng tôi đã thấy cô trên các ngọn đồi của chúng tôi, mình cúi xuống, hai bàn tay siết chặt vào ngực và đầu nghiêng sang một bên.

Cô ấy rời khỏi các túp lều của người nghèo và người ốm để đến nhà mẹ và các anh em trên bờ biển rồi trở về nhà mục sư. Không ai nghe tiếng bước chân cô khi cô đến hay đi. Và ngày chủ nhật, cô ấy đi ra khỏi nhà thờ bên cạnh mục sư, chúng tôi rùng mình bởi vì ông ấy không trông thấy là ông ấy nắm trong tay mình bàn tay của một người chết. Chúng tôi nhìn theo cô, có phải đây là lần cuối cùng không? Vĩnh biệt Agnete, vĩnh biệt!

Cô ấy sắp chết, bà già ở Sonderbjærg, Maerged Duunm nói thế hôm mà chúng tôi thấy cô ấy đang có thai, khi nhìn bóng cô thay đổi hiện ra trên bầu trời xanh mùa xuân.

Tôi đã tham dự vào cuộc chạy trốn đầu tiên và vô ích của Agnete, và tôi lại được làm chứng trong mưu toan thứ hai may mắn của cô.

Tôi đang tìm những bông hoa tím trong cỏ úa mùa đông, trên núi Sonderbjærg và ở trên đây tôi nhìn thấy Agnete lê bước dọc theo bờ biển, thất bại vì một trọng lực mà nhờ nó mọi sinh vật mới có cuộc sống.

Không hiểu vì sao, tôi ném cho cô ấy những bông hoa tím của tôi. Nhưng tất cả đều tản mát ra xa Agnete, tung ra mặt biển màu lam như màu hoa. Tôi run lên, cảm thấy giờ đã gần.

Tôi chưa kịp trông thấy một trong số những đứa trẻ giống như những bông hồng đang chơi trên bãi đá bị rơi xuống nước và bị sóng cuốn đi thì Agnete đã chạy lên trên các tảng đá mặc dù thân thể nặng nề, cô nhảy xuống biển sóng.

Ngay cả trước khi thấy cô biến mất trong biển màu hoa tím mà tôi muốn bọc cho cô, tôi đã biết rằng cô được giải thoát.

Từ trên núi Sonderbjaerg tôi lao xuống rách toạc cả bàn tay và quần áo, suýt gãy cổ, và chạy đến chỗ lũ trẻ đang kêu. Agnete nằm trong sóng sủi bọt, chết rồi vẫn còn ôm chặt vào ngực cô đứa bé đang rên nhưng đã được cứu sống. Một nụ cười dịu dàng của người mẹ soi sáng khuôn mặt cô. Cô đã được giải thoát khỏi sinh linh bé bỏng cô mang trong lòng, khỏi vật cống trên mặt đất. Tôi cúi xuống để bế đứa bé ra khỏi vòng tay cô và đặt nó nằm trần truồng và run rẩy giữa những đứa khác, trên cát nóng, rồi tôi vòng hai cánh tay mảnh dẻ của Agnete lại và quấn xung quanh ngực cô bằng tóc của cô.

Cái nhìn của Chúa Trời đặt vào chúng ta, cái nhìn đó trông thấy tất cả trên mặt đất và cho phép từng tạo vật của Người hoàn thành luật lệ của Người. Trong khi nhớ lại cuộc hôn nhân của bản thân mình, giờ đây tôi chứng kiến sự ra đời của Agnete và tôi vuốt trán cô như một cô em.

Trong đêm đó, cái cây cuối cùng của Khu Rừng Lam, cây đoạn của Sonderbjaerg đổ xuống như một sợi dây vang lên bài ca mùa xuân. Nó đổ xuống trên bãi biển trong tiếng kêu của chim di cư, trong tiếng ầm của sóng, dưới những làn mây bay, đúng chỗ mà Agnete đã cho nó cuộc sống. Bằng thân cây đổ đó chúng tôi dựng lên cây thánh giá trên đồi để kỷ niệm cô gái đã nở hoa như bông huệ cuối cùng của khu rừng.

Cái chết của Agnete hình như là phát súng kết liễu cho bà Léonore và các giấc mơ của bà. Người đàn bà đi theo quan tài của con gái đội vòng hoa cúc gai đồi cát và hoa guốc bê, loại cây duy nhất có thể tặng hoa sau giấc ngủ đông. Người đàn bà còn sống tiếp hai năm nữa dưới mái nhà tảo tạt rất giống với người đã nghe tiếng hát của chim vĩnh hằng và đã sống rất lâu dưới sự che chở của vòng tròn ma thuật, của những tiếng ngân nga. Bất thình lình bị mặt trời của thực tại đập vào, người bị mê say rơi xuống thành bụi. Chỉ mình bảy người ngủ đã có thể có một bộ mặt như bà – họ đã già đi hai trăm năm để mơ mộng.

Ngta không đánh thức giấc mộng của bà Léonore.

Hai năm sau, tôi ở bên giường hấp hối của bà. Xáo trộn bởi cái lạnh toả ra trong phòng, tôi khóc nức nở khi nghĩ đến cuộc sống này kết thúc ở đây.

Nhưng bà chìa bàn tay ra với tôi, mỉm cười với vẻ ngạc nhiên và đôi mắt nhìn lên những xà nhà nặng nề sắp đổ, đầu lại toả vàng hào quang vì sự loé sáng của giấc mơ, bà lắng nghe tiếng thì thầm của biển ở bên kia các cửa sổ thấp phủ đầy sương giá. Rồi bà nói rất khẽ:

- Ông khóc, vì sao vậy? Vì cuộc đời của tôi? Nhưng nó đã hạnh phúc. Bóng tối, cái đói, cái rét? Ông nói đến cái đó, nhưng tôi không nhận thấy nó. Tôi đã yêu chồng tôi, nhưng tư duy của ông ấy không cùng chúng tôi. Ông ấy luôn luôn chạy đến vận may mà ông ấy ước mơ đạt được. Tôi đã yêu ông ấy vì sự đeo đuổi đã man đó. tâm hồn tôi đi theo ông ấy trên những chiếc cánh lửa. như thế tôi đã tạo ra sức nóng, tôi tạo ra một tổ ấm cho tôi và các con tôi. Cái chết của Agnete? Vâng, lúc đó tôi đã có cảm giác rằng tôi đã đốt con gái tôi trong ngọn lửa thiêu huỷ tôi. Nhưng sống, nghĩa là đốt, và bây giờ tôi sắp đi gặp nó trong ngọn lửa. Jacobus Uz sẽ lo cho những đứa bé khốn khổ của tôi.

Bà mỉm cười, rượu của Chúa đã làm bà say.

Tình hình diễn ra như bà đã nghĩ. Jacobus Uz đưa bọn trẻ về nhà ông. Còn về người chồng, ông hầu như hơi ngừng cuộc chạy lại một chút để nhìn về chỗ họ đã biến mất, bà và Agnete.

Cũng như trong ngày đưa tang Agnete, trong ngày chôn cất vợ ông đã tiến hành cuộc đi chơi xa thường nhật một cách nhón nhác hơn bao giờ hết.

Ông ở lại một mình trong ngôi nhà to, trống vắng bên bờ biển. Ban đêm chúng tôi nghe nổi lên trong bóng tối tiếng than xé lòng của đàn piano, nó không la hét chống những người chết mà chống lại mặt trời vĩnh viễn. Hàng ngày chúng tôi thấy ông tiếp tục cuộc đi săn dưới mặt trời buổi sáng hoặc dưới mặt trời buổi chiều.

Ông ăn tại nhà Jacobus với các con ông, nhưng trong khi nuốt từng miếng ông vẫn không thôi nhìn ra ngoài cửa sổ như một con chim trong lồng. Rồi ông cầm mũ, chạy nhanh ra ngoài và bắt đầu lao đi trên bờ biển.

Một ngày mùa đông ông không xuất hiện trong bữa ăn tối. Mãi đến chiều hôm sau, nhóm người đi tìm mới thấy ông ở cách một dặm ngoài biển đóng băng, chết vì kiệt sức, hai cánh tay vươn tới chân trời.

Phải chăng ông đột nhiên nhìn thấy băng giá đã mở rộng hòn đảo ra và hòn đảo hoảng hốt vì cảnh quạnh hiu, đã vượt ra khỏi ranh giới để vươn tới đất liền? Và ông đã như hòn đảo cố thử trốn thật xa khỏi cái tôi của mình?

Và bây giờ ông nằm đây, bị kẹp giữa những khối băng của hoàng hôn đang toé tia ra giữa mặt băng mênh mông như một sự nở hoa thần diệu đủ màu sáng chói đốt cháy người chết bằng cái cầu vòng của nó. Rồi mặt trời biến mất trong băng giá, và chúng tôi, vây quanh người chết, thấy ông nằm trong chiếc quan tài đóng băng, ánh sáng giấc mơ điên rồ của ông tắt ngúm mãi mãi. Ông ấy bé nhỏ và xám xịt, là một con ruồi giữa mùa đông.

Nhưng hãy hỏi những người dân ở đây. Họ luôn luôn trông thấy Vendelinm nhân viên thuế quan, chạy dọc bờ biển, giống như ham muốn không được thoả mãn của họ.

Chúng tôi không bao giờ tìm thấy tài sản của ông. Các ngăn kéo và các tủ

của ông đều trống rỗng, cũng như ngôi nhà còn lại. vậy ông đã có khi nào tiết kiệm được một xu từ đồng lương khốn khổ của ông hay ông đã bí mật chôn nó đi?

Kho của, trái tim cháy bỏng của Vendelin, vẫn luôn ở đâu đấy trên đảo chẳng?

Nếu khi nào có ai đó bước lên trên nó chắc hẳn anh ta sẽ cảm thấy sức nóng qua lớp cát. Nhưng cũng không ai dám đào nó lên. Nó sẽ đốt cháy bàn tay anh ta như chính than củi của địa ngục.

Tôi thì, tôi lại đào chính kho báu của Vendelin trong các chữ cổ vạch trên cát viết. Tôi biết ông đã chôn nó vào đấy. nhưng chỉ có Chúa và tôi biết giải các ký hiệu kỳ dị đã bị xoá mất đó.

Những đứa con của Vendelin khi đã lớn, quá tuổi học với tôi rồi, đều lần lượt được gửi lên đất liền để, trong hoạt động chúng sẽ quên hòn đảo và những ước mơ của chúng.

Jacobus Uz đã cứu tất cả chúng nó trừ Steffen, đứa lớn nhất. Nó đã sống quá lâu giữa những con ma của ngôi nhà, nó đã chơi bời quá nhiều và nhớ quá nhiều về băng giá trên các dãy núi của Saint Patrick.

Nó ở Copenhagen về, bị thương nặng, như một con chim mà các con khác không chịu thừa nhận nó ở trong đàn với chúng và mỗ cho nó đến ngã quỵ. Trong khi nó suy mòn tại nhà Jacobus Uz, trên chiếc giường vợ chồng kê cạnh cửa sổ mở ra biển, tôi đọc thấy trên nét mặt nó những câu hỏi kinh hoàng mà cuộc sống đã đặt ra ở kia và tôi cảm ơn Chúa đã cho tôi sự cứu độ tại đây.

Ồi, ở đây không còn sự cứu độ cho Steffen, nó đã bị chảy máu vì những vết thương của nó. Nhưng trong khoảnh khắc cái chết, nỗi kinh hoàng đã thế chỗ cho sự lôi cuốn đến hạnh phúc, giấc mơ đã lấy lại đứa con của mình. Steffen đã ra đi với một nụ cười.

Chúng tôi đặt nó xuống đất, bên cạnh Agnete và bà Léonore. Bây giờ cả ba yên nghỉ trên đất của đảo. Ở nghĩa trang các ngôi mộ đều trơ trụi nhưng trên mộ của ba người nở rất nhiều hoa, những mảng hoa. Không có ngôi mộ nào được chăm sóc chu đáo như thế, người ta nói rằng toàn đảo đã chôn vào đó những gì là quý giá là không thể nào quên của đảo.

Mục sư Tang không qua năm ở đây. vì người ta không duyệt đơn chuyển ccoo (hơn nữa chẳng có mục sư nào xin được đơn này) ông đã tự ý bỏ đi giữa mùa đông, thuê một ngư dân Thụy Điển đưa ông vào đất liền. Về sau ngư dân kể lại rằng suốt trong lúc vượt biển, Tang ngồi quay lưng lại phía đảo như thể núi sonderbjaerg và Agnete từ trên đỉnh núi nhìn bao quát khắp mặt biển đã đe dọa ông.

Cuối cùng khi điểm trông thấy cuối cùng của đảo biến mất sau đường chân trời, nét mặt mục sư đỡ căng thẳng được một chút, và đến đêm thì thuyền

đến bến Grenaa, ông vội vàng rời thuyền ngay như một kẻ chạy trốn và không nói không rằng đi vào trong bóng tối của bãi biển.

Ở đây ông trở thành một ông hoàng của nhà thờ. Người ta chấp nhận ông hành động rời bỏ bốn phận trong cơn hoảng loạn thần kinh gây nên bất kỳ cái chết của vợ và sự hung hăng của dân đảo. Ông tìm được một nhiệm sở khác, lại cả một người vợ thứ hai giàu có. Chẳng bao lâu ông trở thành giám mục rồi giáo sĩ và tự mình phân chia các chức trách. Hiện nay người ta kể tên ông trong số những á thánh đã đi theo dấu vết của Chúa Jesus. Chuyện đã rồi, ai có thể biết rõ hơn ông, ông mục sư, để trở thành sự vinh quang của giáo hội này ai là ecclesia trimphans!

Và bây giờ chúng ta nói vài lời về Malene, người sống sót của mục sư Schwarzflugel. Cô từ Grenaa trở về, thắng lợi trong cuộc đấu tranh với những người thừa kế của chồng, cho xây cái nhà, hiện nay người nhân viên bưu điện đang ở. Nhưng cô lại là người cô đơn hơn bất kỳ ai trên đảo. không ai nhớ là quả phụ của mục sư ngày xưa tên là Malene Tabor, và không ai dám giương mắt nhìn cô.

Còn về bản thân cô, người ta tin rằng lời hứa cô đã nói với ông già còn ràng buộc cô, và ông ấy đòi hỏi cô vẫn phải là của ông ấy, có lẽ còn hơn cả trước đây, trong cái lạnh bất biến mà ông ấy đã ngập vào. Nếu không thì sao cô ấy lại ở đây?

Có phải đất liền không muốn nhận cô, cả gia đình và những người quen biết của chồng không nhận, có phải cô đã trở thành người xa lạ đối với đảo và với dân đảo?

Khi cô tiến lên, mình mặc áo choàng, đầu đội khăn lụa đen, đến tận chiếc ghế đầu của nhà thờ, và trên quyền thánh ca cô chấp hai bàn tay đeo găng chìa ra ngoài măng sét áo có riềm đăng ten, rồi sau đó, cô bước ra khỏi nhà thờ trước tất cả mọi người, trở về một mình tới căn nhà mái đỏ, không ai nghĩ tới Malene ngày xưa. Malene ấy – trong chiếc áo vải thưa trên thân thể trần và nóng cháy đã đi qua giữa mọi người như một ngọn lửa. Mỗi người kính cẩn cất mũ nghiêng mình trước người vợ góa của mục sư, và nếu ai bạo gan nhìn lên đôi má tái mét màu nâu của cô thì anh ta hoảng sợ lùi lại như là anh ta trông thấy đã quắp vào đó một bàn tay của bộ xương. Khi cô khuất đi sau cánh cửa, người ta tưởng như thoáng thấy bàn tay róc hết thịt đó đã đóng cửa cho cô, vợ của người chết.

Tuy nhiên tôi vẫn tiếp tục đi gặp cô. tôi đã không bị ngọn lửa của cô đốt cháy, tôi không sợ cái rét bây giờ đang toả ra từ người cô.

Và tôi biết rằng nỗi sợ hãi lộ ra trong đôi mắt to nâu của cô là ở tận nơi sâu kín nhất lòng cô. Cô ấy đã học được trong vòng tay của ông già quá cố, trong cái hang băng giá của người chết, rằng ngay cả trong dòng máu nóng

nhất cũng không trụ lại được cái lạnh của tuổi già. Trái lại, cuối cùng nó cũng đông lại mà thôi. Cái lạnh vẫn luôn có tiếng nói cuối cùng.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 1 (C)

Cô ấy ngồi câm lặng bên cửa sổ của cô, hai mắt dán vào hoang mạc, người quần kín bằng khăn san trong lúc hai bàn tay tìm chỗ trốn, tay nọ trong tay kia, bởi vì chúng không còn có thể tìm ở đâu nữa.

Tôi nói chuyện với cô, vừa ngập ngừng, về những chuyến đi, về những xứ sở của mặt trời mà tôi nhìn thấy trong các ảo ảnh của sa mạc. Nhưng cô lắc đầu. cô ấy không biết ngôn ngữ của những vùng đó. Không, không phải, cô ấy sẽ không có khả năng học được các ngôn ngữ đó. Cô chẳng đã quên cả tiếng nói của chính mình đó sao?

Lúc bấy giờ ông Sivert Grunau cập đến đảo chúng tôi và giải thoát cho cô. Một chiều, chiều cuối cùng năm ấy, khi đang đợi tin tức từ lục địa và chúng tôi tụ tập tất cả trên bãi biển, một chiếc thuyền nhỏ đã đưa đến một người lạ. Ông ta đến một mình dưới bầu trời đe dọa và mặt biển âm u có vẻ như muốn nổi lên vào nhau ở bên kia chiếc tàu độc nhất ở ngoài khơi để chôn chúng tôi cùng một thể trong ngôi mộ vĩnh cửu.

Người lạ run lập cập trong những khăn quàng lông to cộm. Ông ấy có những va li nặng bằng da và đi ủng da màu vàng. Cái mũi nhọn dơ ra dưới mũ cát kết. Ông dặt mũi hai con chó đỏ hung cứ chen sát vào chân ông vừa rú lên về phía hoang mạc và các quả đồi.

Chúng tôi biết ông đến để ở lại đây, vì cũng như hoàng thân, ông bị đuổi đi, nhưng không phải nhà nước đuổi, mà bởi những người nhà của ông. Ông thuộc về một gia đình thống trị của vùng và đã làm mất danh dự gia đình khiến gia đình bắt buộc ông – điều kiện cuối cùng trước khi gia đình dứt khoát từ bỏ phải thể đi ra đảo và không bao giờ rời khỏi đảo.

Ông ấy sẽ ở trong một cái chái của căn nhà mới dho bà Schwargflugel xây dựng.

Chúng tôi, những người mà bên bờ này là quê hương, quê hương mà chúng tôi không thể không gắn bó, mà chúng tôi không thể bỏ qua, chúng tôi thấy người đàn ông đến kia có vẻ như là đến bên bờ của sự trừng phạt và đói nghèo. Nhưng chúng tôi vẫn chào ông ấy với một nụ cười. Dù sao, ông ấy vẫn là một sứ giả của đất liền, một món quà người ta tặng trong mùa đông hiu quạnh này.

Nhưng ông ta giữ vẻ không tin, rút cổ vào trong cổ áo và leo lên chiếc xe của hoàng thân đang đợi ông. Chúng tôi thấy xe khuất đi sau những con đê, trong khi chúng tôi trao đổi những cái nhìn lén lút. Biết đâu chúng tôi lại không vừa mới đón nhận Quý sứ lên bờ của chúng ta, theo như lời của Greje Staven, ngư dân và người giữ đồ thánh đang dòm ngó dưới cái mũ vải dầu của anh ta. Và quả thế, chúng tôi sắp được biết ông ta là ai, người mà chúng tôi đón tiếp ấy mà – tôi sắp được biết điều đó như những người khác. Vậy tôi có nên thú nhận tội lỗi của thật, tôi, người được Chúa đánh dấu ban ơn siêu phàm? Có nên thú nhận rằng tôi đã không cưỡng nổi sự cám dỗ, trong lúc tội lỗi đó đã biểu lộ qua nỗi lo sợ trên khuôn mặt trẻ của Steffen, và đã trả nó về để chết trên cát trắng của tuổi thiếu thời?

Vâng, tôi là con trai của Eberhard Sebastien Baden, tôi đã sống bên ông trong nhà chứa, tôi đã thấy hào quang của sự trong trắng chói lên trên những khuôn mặt bị tàn phá trong lúc tiếng nói được thanh lọc trong các bài thánh ca như miệng của những người được chọn trong lễ Thánh Thần mở ra để ca ngợi Chúa Trời, tôi đã được lôi ra một cách kỳ diệu khỏi cái gác xếp áp mái và khỏi toà soạn báo như nhóp, được giải thoát khỏi mọi tội lỗi nhục nhã... Tôi đã tìm được nơi trú trong sự quạnh hiu của sóng biển dưới bầu trời bao la, tôi đã được Chúa dành cho sống ở đây như trong những ngày đầu tiên của tạo hoá, tôi đã được Eberhard dành để trở thành á thánh của Chúa, thế mà tôi lại bị ngã ngay ở đòn đánh đầu tiên của kẻ thù của Người.

Tôi đã tự hỏi nghìn lần, sao chuyện như thế có thể xảy ra được. Tôi đã như thế thì làm sao có thể phạm tội được. Tôi đã suy nghĩ, tìm trong sự thừa kế vô ý thức, trong những bản năng tuổi thơ của tôi, trong những giấc mơ đêm của tôi, trong những ham muốn thoáng qua của tôi, một lý do cho sự điên rồ của tôi. Nhưng không ở đâu tôi tìm thấy tôi bị hơi rượu mạnh, làm cho bầu trời và mặt đất của Chúa thành một sự hỗn độn đáng thương và bản thân tôi thành một con vật mù quáng và thấp hèn. Tôi không tìm thấy ở tôi một ý muốn nào đòi hỏi một màu sắc trần thế nào khác với sự tô màu của Chúa.

Tôi đã rất yếu ớt, nhưng thể chất và tinh thần trong sạch. Dù là con của tội lỗi, tim tôi yêu sự tinh khiết cũng như thân thể tôi đòi hỏi phải sạch sẽ.

Và, tuy vậy, trong hơn sáu tháng tôi là bạn của Sivert Grunau, vết thương hở ở cạnh sườn của cả một gia đình, kẻ mang thuốc độc như là một con rắn, như cây tầm ma.

Phải chăng đó là một sức lực chưa biết đến, chưa dùng đến của cái xác thịt không bao giờ được thoả mãn, phải chăng đó là con vật khát máu đòi trả nợ? Tuổi trẻ của tôi báo thù chăng?

Tôi đã cảm thấy hối tiếc. Hôm nay, tôi không hối tiếc gì hết, bởi vì tôi không làm hại ai, cũng không làm hại tôi. Trong khi đánh mất mình, tôi đã nhận được cái khôn ngoan của sự xấu hổ.

Sivert Grunau, như tôi đã nói, ở trong cánh trái ngôi nhà của Malene. Nghe đồn hẳn ta đã bố trí nội thất với một sự xa xỉ lạ lùng.

Khi đi theo lối đi phủ cát người ta trông thấy sau con đê bằng đá lởm chởm những cây guốc bê, những tấm màn nhung, những tượng nhỏ, những bình và khói xanh của thuốc lá.

Khi gặp người lạ đó trên con đường đã bị hư hỏng vì bao bước chân giẫm lên, giữa những phế thải của cá, nhiều người trong chúng tôi quay lại, ngạc nhiên rằng con người là kẻ bị loại bỏ, bị gia đình gửi đi biệt xứ.

Ông ta bước những bước ngắn và thận trọng, cái gậy có cán bạc cầm tay. Râu cằm nhét vào trong cổ áo lông, ông ấy nhả vào gió làn khói thuốc và ngâm nga một bài hát tục tũ.

Thanh niên hít mùi thuốc và mùi hương đắt tiền, đã bị lây nhiễm, họ cố thử tìm lại những giai điệu mà họ đã nghe được. Hai tay rút túi, họ nhìn khoảng không bao la xám xịt như thể họ trông thấy một ảo ảnh xa vời nhưng hấp dẫn. Họ kéo lê đôi chân đi guốc bồng dung bị nặng trĩu vì cát, và mắt họ, sau khi trông thấy ảo ảnh, đã bộc lộ một sự chờ đợi u buồn. Nhưng những người già nhớ đến hồi hoàng thân đến đảo, và những tháng dài thất vọng của ông thì lại lắc đầu "Theo tôi" họ nói "ai mà nhận cuộc đời biệt xứ nhẹ nhàng như thế thì chỉ là một kẻ đại bất lương".

Greje Staven, cả tuần là ngư dân, chủ nhật là người giữ đồ thánh, cau mày cầu nhàu:

- Khi thật, sao mà hòn đảo chúng ta lại cứ phải làm cái chuồng phân cho người ta vứt vào những thứ mà người ta không muốn giữ ở nơi khác? Các cụ già còn nhớ lại cả những chuyện kể của bà goá Abel về những người bị bệnh dịch hạch, và họ nghiêng răng xấu hổ.

Vậy ra chúng tôi chỉ là bãi chứa các bệnh dịch và các vết thương của lục địa hay của các tàu thủy hay sao?

Tôi không hiểu vì sao mà tôi – một anh giáo viên nghèo và nhút nhát (vì từ khi mục sư Tang bỏ đi, người ta đã trả lại lớp học cho tôi) lại trở thành thân thiết với nhà quý tộc này! Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi đã bị lôi kéo về phía ông như tất cả thanh niên của đảo, và cho đến cả những người bài ngoại nữa – có lẽ tôi còn bị lôi kéo hơn...

Chẳng phải ngày xưa, dù với những đôi giày không đế, tôi đã đạp chân lên các hè phố mà những đôi giày vecni bóng của ông chỉ lướt qua nhẹ nhàng? Chẳng phải tôi đã có trong máu sự ham thích rượu, thích xa xỉ, và, tôi có thể nói thẳng là ham mê cái đẹp?

Và ông ấy là Sivert Grunau đẹp đẽ, với mớ tóc đen, cái trán thấp, đôi mắt màu ghi xanh, giọng nói khàn khàn, những cử chỉ lén lút của bàn tay. Ở chỗ ông ta, trong nhà của Malene, lại đủ thứ tơ lụa màu vàng mờ, gỗ gụ, pha lê, nước hoa, bánh ngọt, rượu vang làm quên đi nghèo khổ, gió mưa, cát bụi.

Tôi ít khi đến đây. Grunau, mặc dù rất cần giao du nhưng chắc hẳn không quên hoàn cảnh khiêm tốn của tôi. Hoặc ông ấy là kẻ nhẵn tâm, cảm thấy ghê tởm khi nhìn người khác hưởng thụ sự giàu có của mình.

Tôi gặp ấy ông ấy lúc đầu ở nhà hoàng thân, sau đó trong các túp lều của ngư dân và cuối cùng ở quán rượu. Mặc, rằng, những chiếc nhẵn của ông làm tôi loá mắt vì ánh hào quang, buộc tôi phải cúi đầu. tôi đã đánh mất tôi rồi.

Tôi nhớ lại dư luận về ông và lý do ông đến đảo là để làm gì chứ. Ông ấy đã rượu chè, chơi bời, làm điều sai trái, và thậm chí, như người ta bí mật thì thâm, thì ông ấy đã rắp tâm đầu độc một người phụ nữ mang thai với ông.

Tôi buồn nôn trước mùi hơi thở của ông, khi thấy cái cười giả tạo của ông, các cử chỉ ủy mị của ông để mà làm gì chứ? bởi vì tất cả những cái đó và cả đến những quan hệ thân mật với hoàng thân mà ông đã lột bỏ, chỉ càng cuốn hút tôi hơn vào những cái lưới của ông.

Cái tai họa mà may phúc tôi vừa thoát khỏi đó tôi thấy kinh hoàng nhưng vẫn lấy đó làm một đồ chung diện.

Tôi nhớ lại ông ngồi sát liền tôi, chạm ly chúc sức khoẻ tôi với một nụ cười dâm dục và ép tôi cho say.

Ban đầu cơn say làm tôi sung sướng , giải thoát cho tôi mọi gánh nặng, ngay cả gánh nặng nhất. Rồi đến cơn say tàn ác, nó giải thoát mọi bản năng xấu của tôi vốn giấu kín như những chiếc kim lông nhím, và cuối cùng là cơn say lè nhè của súc vật.

Chuyện đó kéo dài cho đến một chiều khi tỉnh lại cơn say thì tôi thấy mình ở trong quán rượu.

Tôi cần phải nói vài câu để các bạn hiểu tôi.

đĩ nhiên là tôi hiểu cái quán rượu đó ở đâu. Tôi đã trông thấy rõ mái nhà đen kịt của nó, đã nghe thấy những tiếng kêu thoát ra từ đây. Sự tồn tại của quán như thế nào, những người thỉnh thoảng đến đây đã cho tôi biết, họ bị ám ảnh bởi một sự điên rồ, một mối hoảng sợ, một nỗi khiếp đảm về hòn đảo và về cuộc đời. Bạn của họ đưa họ về nhà giống như những xác chết. Thỉnh thoảng có những người khác cũng bước vào quán uống một ly khi cái lạnh quá khắc nghiệt hoặc khi bỗng dưng một nỗi nhớ nhung vô cớ chiếm cõi lòng họ.

Nhưng mặt khác thì chỉ có một vài ngư dân ngoại quốc nhất là những người Thụy Điển hay lui tới quán này. Vì thế xưa nay người ta vẫn gọi nó là quán rượu của người Thụy Điển khi tỉnh cờ người ta nói đến và cũng chỉ nói đến trong trường hợp cần thiết. chúng tôi đi qua trước quán với vẻ thờ ơ không biết đến nó.

Có một hôm thì lại khác, bà goá Abel kể cho tôi, bởi vì từ quán này đã xuất phát ngọn lửa cướp mất của đảo những người đàn ông cũng như nó đã thiêu mất của đảo cả khu rừng. Đó là vào hồi Khu Rừng Lam. Nhưng cũng như người ta bắt đắ dĩ mới nói đến cái quán, người ta đã tránh nhắc đến cái kỷ

niệm đó.

Hồi bấy giờ mọi người đàn ông đều mải mê với rượu. một đêm mùa đông một chiếc tàu chở đầy những thùng rượu bị mắc cạn trên bãi biển. Những người dằn ông rét thấu xương, đã uống ngay ở miệng rót, để sưởi ấm, và phát điên lên, bỏ mặc những người bị nạn. Lũ người la hét đó đã lôi những thùng tôn về tận nhà họ qua sa mạc. Đêm tối và bão tố hoành hành trên đảo, nhưng những người đàn ông vẫn uống. Họ sống giàu có và sung sướng trong những xứ sở giàu có và sung sướng. Cuối cùng, thùng rượu cuối cùng cạn hết và họ thức dậy vào buổi sáng, cát và tuyết đầy trong mắt, nhưng rượu đã làm họ quên hòn đảo của họ mà họ không nhận ra được nữa.

Những ngư dân đi biển tùy theo cái ý thích độc đoán của họ, để mặc cho rừng và thạch thảo lấn chiếm hết đồng ruộng. Đàn bà và trẻ con sống lay lắt đói khổ trong lúc những người đàn ông râu tóc bù xù chen chúc nhau trong quán rượu. Lão chủ quán, tên Hinke Gjonge đáng nguyên rủa, kích thích họ uống thêm, thêm mãi, và tất cả của cải trên đảo rơi vào túi hần hết cả.

Cuộc chèn chèn vừa mới bắt đầu thì đã dừng lại đột ngột, nhưng nó cũng lấy đi cả Khu Rừng Lam.

Một hôm, khi những người đàn ông đang làm huyền não hơn bao giờ hết bên những bình rượu thì thình lình một tiếng kêu cất lên từ bên ngoài. Họ trông thấy một ánh sáng đỏ lòe mờ qua các cửa kính. Trong nháy mắt cánh cửa mở ra và một tiếng gào "Khu Rừng Lam! Khu Rừng Lam!" mọi người đổ xô đến phía lò lửa cháy rực.

Ngay cả không khí cũng rực cháy những làn mây loé lửa ngọn. Đám cháy hình nh phun ra từ mặt biển, dựng lên phía mặt trời, dìm mặt trời vào trong những ngọn sóng khói. Súc vật chạy trốn, đàn bà trẻ con than khóc, tụ tập xung quanh những người đàn ông.

Nhưng người đàn bà đã đốt đám cháy lên vẫn bình thản, tay cầm nùi rơm nhìn tất cả mọi người. Đó là một người đàn bà mà cả ba đứa con cũng như những đứa con của những chị em bất hạnh của bà đều chết đói trong khi những người đàn ông uống rượu.

Chỉ trong một giây những người đàn ông đã tỉnh rượu. nhưng không còn là vấn đề dập tắt được ngọn lửa nữa. Họ bèn dẫn vợ con đến đầm lầy và xa hơn nữa, đến chỗ những chiếc thuyền rời ra biển. Từ ngoài khơi họ trông thấy Khu Rừng Lam bao bọc bầu trời bằng tán lá vàng và bao bọc chân trời trong những cành cây của nó. Không ai nói gì hết. Chỉ đến khi họ trông thấy ngọn lửa trên đỉnh núi quây xung quanh người đàn bà trẻ mà không một sức mạnh nào có thể nhổ ra khỏi đất, và chồng cô ngã sập dưới chân cô thì một tiếng thở dài thoát ra khỏi những lồng ngực. Những chiếc thuyền run rẩy trong nước đỏ lên vì đám cháy, nơi hiện ra những sừng hươu, những đầu thỏ và cáo. Chim chóc hoảng sợ xoay xung quanh các con thuyền.

Mãi đến ngày thứ ba người ta mới chèo thuyền về bờ dưới làn mưa tro. Khói toả ra rất xa trên mặt biển. Phải chăng bắt đầu lại cuộc sống trên đồng than hồng hồi thời giữa sóng biển.

Từ đó, không một người đàn ông nào mải mê rượu chè, bởi vì họ không quên ngày họ trông thấy đảo cháy, họ cũng không quên chỉ vì sai lầm của họ, người đàn bà mới đốt lên đám cháy.

Giữa tiếng xào xạc của cành lá, trong tương lai người ta chỉ nghe tiếng huýt gọi nhớ của bão cát.

Bà goá Abel nói chuyện đó còn dài trong nhà bà ở sau nhà thờ. Bà ấy thì thầm rằng lão Hinke Gjunge, tên chủ quán xấu xa đó bị cuốn lên không trung với những ngọn lửa, hắt bay theo khói trên mặt biển và không bao giờ người ta trông thấy lại hắn nữa.

- Không bao giờ nữa, trước khi.. ha! Ha! – bà già nói – Ông đã trông thấy người chủ quán chứ? ông nghĩ hắn là ai nào? Có ai có thể bảo là hắn từ đâu đến, và hắn đã sống ở đâu xưa kia? Hắn đã đến đột ngột cách đây vài năm. Nhưng để làm gì? không có Khu Rừng Lam nào mọc lên trên đồng tro nữa, nhưng sự lãng quên lớn lên nhanh hơn một cái cây. Ông hãy chờ đợi một tí, một tai họ mới đe dọa hòn đảo. Hạnh phúc cho ai sẽ không trông thấy cái xấu chiến thắng lần thứ hai.

Ngày hôm sau cái ngày mà bà goá Abel nói với tôi như thế, chúng tôi đã trông thấy bà ấy treo cổ ở đây kéo chuông. Đó là sáng ngày đầu năm và trong năm đó Silert Grunau cặp bến đến đảo chúng tôi. Một vài người già bèn cho rằng nếu người chủ quán rượu Thụy Điển là Hinke Gjunge, thì Sivert Grunau ít ra cũng giống hệt con tàu mắc cạn trên bãi biển và hắn làm chúng ta say vì cái thuốc độc nước ngoài của hắn ta.

Thanh niên chiều nào cũng chen nhau xung quanh hắn ở quán ra, bị quyến rũ bởi nụ cười và tiền của hắn. Hắn trả tiền, những người khác uống, rồi chơi, lại trả giá cho những gì họ đã uống làm lợi cho hắn, và còn hơn thế nữa.

Nhưng hôm sau, họ lại bị hắn lôi cuốn như trước.

Và bỗng nhiên, tôi trông thấy chính tôi ở giữa đám người say sưa đó.

Hoàng thân với mới mở một trong những bữa tiệc, bữa tiệc cuối cùng và ồn ào nhất. ngọn lửa ngủ im từ lâu dưới tro tàn của tuổi già và sự cô độc được Grunau làm sống lại còn ném ra một lần nữa ánh sáng khốn khổ và chấp chờn.

Đến cái ngày tháng tám nóng như thiêu đó, Grunau đã ở trên đảo được chín tháng. Hoàng thân không quan tâm gì đến ý kiến phản đối của Hans Hofman, đã cho bày bàn lên giữa sa mạc.

Chân bàn lún sâu trong cát, nhưng những chai rượu hảo hạng, đồ bạc, hoa quả bày trên mặt làm cho nó giống như một loại quả tượng tượng phun ra từ lòng đất.

Chúng tôi ngồi xung quanh bàn, giữa khoảng rộng ủa vàng và nóng cháy bên bờ biển xanh, dưới bầu trời xanh.

Hofman với bộ mặt bí hiểm sau cặp kính không bộc lộ tí gì về sự buồn giận của mình đã xào nấu các món trên cái bếp lò lộng gió toả ra những hạt đỏ tía như một cây quả lửa. rất cao trên đầu chúng tôi, những con chim bay vút một phát lên bầu trời rồi từ từ rơi xuống.

Ngoài xa sáng lên cây cột trắng của đèn pha giống như một cây nến khổng lồ đốt lên cho lễ hội. tiếng biển rì rào vắng đến khe khẽ và bất biến.

Chúng tôi, những người ở đây, nhìn nhau. Chúng tôi thấy hình như chúng tôi đang ở ngay giữa trái tim phập phồng của đảo.

Nhưng cái nhìn của Grunau làm chúng tôi quên ngay bầu trời và tiếng hát của sóng, và chúng tôi quên cả bản thân và mùi hương của loại quả nhiệt đới đang toả ra cho chúng tôi.

Chúng tôi chạm ly chúc sức khoẻ lẫn nhau, nâng ly uống mừng bốn phương trời. chúng tôi ném ly của chúng tôi lên mặt trời, leo lên ghế vẫy khăn cứ như chúng tôi muốn bay lên với những con mòng trắng, với những làn mây bạc.

Bác sĩ Hagedorn, người được cử đến với chúng tôi chỉ vì ta6.t hay uống rượuбет nhè, và để cho những cuộc đi săn và cuộc sống ngoài trời giúp ông loại trừ thói hư đó, bất thành linh cúi xuống phía trên bàn và bắn một phát súng qua khoảng giữa đầu hoàng thân và người bên cạnh. Ông đã thoáng thấy một con thỏ hoảng sợ vì tiếng ồn ào. Và trong khi con vật chạy trốn, Grunau lẹ làng leo tót lên bàn. Đứng giữa những cốc chai, hắn gọi Hans Hofman:

- Chạy lên trên ấy, bắt lấy nó, quay nó lên và chúng ta chén ngay.

Nhưng khi Hans, lẽ ra phải trả lời, lại đưa mắt nhìn hoàng thân sau cặp kính to tròn. Philip Gebhard 29 quy xuống bất thành linh, bị đau bởi cái nhìn của anh đầy tớ và lời cảnh cáo của thần Chết. Cái đầu già nua của ông rơi xuống chỗ những chiếc đĩa vỡ và rượu lai láng.

- Các người nhìn xem – Grunau thét, dúi giạng ra, vừa chỉ ngón tay – Hoàng tử tớp sóng đỏ

Tôi chưa khi nào uống sayбет nhè như chiều hôm ấy. Khi hoàng thân sụp xuống tôi ngẩng đầu lên rất khó khăn và trông thấy mặt trời hạ xuống sáng rực đằng sau núi Sonderbjaerg, trên chiếc giường mây. Hình như nó đầy cả bầu trời, to lớn biết bao.

Tôi lão đảo thử cố đứng lên. Cái gì cháy ở đằng kia vậy? Giữa lúc ấy

Grunau vừa nắm cánh tay tôi vừa kêu rằng người ta đã đưa hoàng thân về nhà ông ấy, nhưng tôi phải đi theo ông ấy cùng với các thanh niên.

Tai chẳng nghe thấy gì, mắt lóa chẳng thấy gì, tôi để người ta lôi về tận làng qua những đất đá sụt lở trên các ngọn đồi cát trên truông, khắp nơi chỉ thấy

toàn ngọn lửa đỏ.

Tôi chỉ tỉnh lại khi một cánh cửa đóng lại với đám cháy, khi tôi hít thấy một mùi đất nồng và khi tôi thoáng nhìn thấy một bộ mặt hoàn toàn lạ, mặc dù tôi đã quen biết tất cả mọi người trên đảo. Tôi thức dậy, nhưng không biết mình đang ở đâu.

Đó là một bộ mặt ghê gớm, một con người ghê gớm mà tôi trông thấy trước mặt tôi. một khối vàng nhạt không có sợi lông nào cuời lên hai miếng dồi có hai viên thịt nổi lên. Hai quả cầu bất động sừng sững nhìn tôi giữa những khe hở màu xanh của chúng. Chốc chốc một làn hơi nóng bốc lên từ cổ họng của tạo vật đó.

Nhìn nó tôi tưởng tôi đã xuống dưới âm phủ. Nhưng giọng nói chói tai và rồ rồ của Grunau đang gọi đem rượu làm cho tôi hiểu ra là chúng tôi ở trong quán rượu Thuy Điền. Khuôn mặt mà tôi chưa bao giờ trông thấy ấy là mặt của Hinke Gjonge và ngoài kia Khu Rừng Lam đang cháy. Và thỉnh thoảng một ngọn lửa loé sáng giữa những khói rượu. Tôi trông thấy nó dựng lên như một mũi tên ở trong không khí dày đặc, phản chiếu ở đó thành một vòng ánh sáng.

Dorete trẻ trung, thon thả, khoả thân, đang chải tóc giữa vòng tròn sáng đó.

Tôi quay đi để chạy vội ra ngoài, vào trong lò lửa đỏ, và lao đảo đến được cửa của tôi, để ngã vào phòng tôi, bất tỉnh, nhưng đã được cứu thoát.

Khi tôi hồi tỉnh lại, Jacobus Uz ở bên cạnh tôi. Suốt trong ba quý vừa qua, từ ngày Grunau đến đảo, Jacobus Uz vắng mặt ở đảo. Ông theo học ở Copenhagen những khóa thần học, vì ông muốn có khả năng làm các công việc của mục sư, ma chay, cưới xin, rửa tội cũng như những nghiên cứu Kinh Thánh trong những việc làm thêm thường xuyên của mục sư. Từ khi Tang ra đi, chúng tôi đã thấy đi qua hai mục sư và nhiều phó hạt. Hơn nữa, đã có Jacobus Uz từ lâu làm nhiệm vụ mục sư trong chúng tôi.

Khi nhìn ông ngồi bên cạnh, khuôn mặt hiền từ cúi xuống dưới cái bướng, và đôi mắt sáng của ông nhìn vào mắt tôi, tôi hiểu rằng Grunau ở không b gần có một tí quyền hành gì ở đây nếu ông ấy đã có ở đây và cũng chẳng bao giờ tôi nằm ở cái giường này.

Khóc nức nở lên vì thất vọng và xấu hổ, tôi giấu mặt vào cánh tay của Jacobus Uz. Nhưng ông ấy vuốt ve gáy tôi và thì thầm những lời an ủi. bây giờ khi tôi nghĩ lại và xé rách quần áo của tôi để sự thẳng thắn của tôi được dễ dàng hơn... Rồi ông siết chặt bàn tay tôi, ông cau mày thề rằng sắp mở cuộc chiến với Grunau.

Cuộc chiến của tôi thắng được nhờ có ông ấy, thắng hoàn toàn, không đòi lại được. Nhưng tội lỗi của tôi vẫn còn. Như những ngày đầu tiên, tôi học ca ngợi cái hoang mạc, nơi tôi ẩn nấp xa con người. Nó che giấu sự trần truồng của tôi và nhận những giọt nước mắt của tôi như là tôi đã nhỏ nước mắt đó

vào chính lòng của Chúa mà ở dưới bóng của Người mỗi con người chỉ là chính mình.

Tôi ngồi một mình ở nơi mà chúng tôi đã tiệc tùng, hai tay chắp lại trên đầu gối, lưng dựa vào một công trường đá lửa ngày xưa. Xung quanh tôi chỉ có sự yên lặng của mồ mả, cát và đá. Ở rất xa nổi lên những ngọn đồi sẫm, nơi con người sống, những con người đó tôi không dám nhìn lại họ nữa bởi vì tôi đã không trung thành với sứ mệnh của sự điều độ, của phẩm hạnh mà cai cộng đồng bé nhỏ của chúng tôi cần phải có. Hơn bất kỳ ai khác, tôi được giao phó tương lai của đảo, tức là những đứa trẻ... Hình ảnh của tôi trong mắt bọn trẻ đó đã giết chết tôi nếu mấy tuần lễ say sưa đó không trùng hợp với kỳ nghỉ và nếu tôi không thường xuyên tìm bóng những túp lều mỗi khi đi qua làng như một con vật bóng tối.

Tôi được giấu đi với tất cả bọn trẻ nhưng không với Dorete, với Chúa! Tôi rất có thể úp mặt vào trong hai bàn tay tôi, lấp đất trên đảo như Lavrus Pottet, nhưng họ vẫn trông thấy tôi và tôi cũng thấy mình nữa.

Tôi nghe tiếng thở êm êm của biển và chẳng nghe thấy tiếng động nào khác. Tôi đã có thể tin rằng đến cuối thế kỷ chỉ còn có tội lỗi của tôi và tôi ở lại trên mặt đất, bị bỏ quên bởi Người Phán xử lớn, bỏ quên để chúng tôi tự thiêu huỷ nhau.

Một đàn chim bay qua trên đầu tôi trong bầu trời trong, có lẽ là chuyến bay cuối cùng của những linh hồn bị gọi đến cuộc Phán xử.

Tôi là sinh mạng cuối cùng trên mỏm đá ngầm được gọi đến đầu tiên. Trong vẻ âm u ở đằng xa một tia sáng loé ra bất thành linh . phải chăng đó là tia sáng của một người cắt đá lửa? Tôi có đi gặp nó không? thời gian có trở về nguồn gốc của nó không? Nhưng không, đó là cây đèn pha gửi ánh sáng cen đến cho tôi. Vậy còn những người sống? Hay là những tạo vật mới lần đầu tiên cố thử chiếu sáng những bóng tối chưa biết? Có phải con dê chẵn sừng mà từ mỏ đá lửa tôi trông thấy ở bên kia ngọn Sonderbjaerg tiến ra một biên chưa khám phá?

Tôi cảm thấy sương mù ban mai làm mát trên trán. Tim tôi thấy lại quá khứ của đảo từ lúc cuộc sống câm lặng và cô đơn của con người thời kỳ đồ đá cho đến cuộc sống của tôi, trải qua cuộc đời của hàng nghìn người khác đã tìm một chỗ trú ở đây, tìm tôi đập nhẹ nhàng trong sự đổi mới này của thế giới.

Thế giới đã mới từ đêm nay và tôi cũng mới như thế giới. Tội lỗi của tôi được tha thứ. Tôi dám vượt qua cánh đồng đá và tìm lại những quả đồi, tìm lại những người đàn ông và cả trẻ con. Những hồi tiếc của tôi đã khiến sinh ra một mảnh đất mới, chúng đã tạo ra trong tôi một tâm hồn mới. Jacobus Uz có lý. Tôi leo lên đỉnh bằng những bước đi nhẹ nhàng hơn.

Vâng, thế giới đã thay đổi khi tôi từ hoang mạc trở về. Người ta sợ quán

rượu, người ta tránh nó như nắm mồ của tên giết người. cũng như các cụ già, những người trẻ tuổi đi qua trước quán không một tiếng nói, không một cái nhìn.

Khi Silvert Grunau vội vã ngang đảo mỗi lần đi từ nhà Malene ra bãi biển và từ Bãi biển trở về nhà Malene, người ta chào hắn như một người xa lạ, một người chưa quen.

Jacobus đã chiến thắng cái ác như thế nào? Tôi đã trông thấy họ gặp nhau có mỗi một lần, trên bãi cỏ ở chân đồi làng, nơi thanh niên đang đá bóng ngày chủ nhật. Grunau đã lên vào giữa đám người chơi, vừa mỉm cười lôi kéo họ đến chơi một trò khác ở quán rượu.

Tôi rất lúng túng, đến nỗi bỏ trốn khi trông thấy cái bóng bé nhỏ của Uz thông thả đi xuống sườn đồi, hướng đến chỗ Grunau, và khi tôi nghe tiếng nói của họ xen lẫn nhau.

Tôi không có ý muốn nghe Jacobus Uz phán xét về chúng tôi và những lời của ông ấy nói với kẻ quyền rũ đám thanh niên.

Nhưng tôi quay lại trong cuộc chạy trốn và tôi trông thấy Grunau lùi lại, hạ thấp cây gậy xuống. Hắn lùi cho đến con đường, lùi tận về nhà. Uz giơ cao tay, có vẻ đẩy hắn đi. Ở dưới chân đồi, bọn trẻ chúng tôi nhóm họp lại, vọt cầm ở tay. Tôi ngã xuống ở trên đỉnh Sonderbjaerg, cảm ơn Chúa đã giải thoát tất cả chúng tôi trước khi ngọn lửa phá hoại thiêu đốt chúng tôi và hòn đảo của chúng tôi.

Những lời mà Jacobus Uz đã nói với kẻ quyền rũ và đã bắt bọn trẻ phải về nhà chúng như sau:

- Các cậu muốn từng đưa trong số bọn trẻ trên đảo này cũng ngã xuống bất tỉnh trước ngưỡng cửa của hắn như anh giáo trẻ của chúng ta ư? Và các cậu thanh niên, các cậu muốn anh ấy, người mà các cậu đã biết từ mười ba năm nay, nằm ra đấy mà không được báo thù chẳng? Nếu cái lão đó đã lôi kéo được anh ấy đi xa như thế, thì các cậu sẽ còn đi đến đâu? Các phụ nữ liệu có buộc phải một lần nữa như hồi Khu rừng Lam, đốt hòn đảo đi để giải thoát khỏi các cửa và giải thoát khỏi kiếp người?

Không ai nhắc lại cho tôi những lời đó, nhưng tôi đã nghe được ngang qua từng phần của câu chuyện Lucie Camrath kể. Ý nghĩ về điều nhục nhã của bản thân và ý nghĩ về lòng Chúa nhân từ an bài cho tôi sự vấp ngã để cứu vớt tôi đã khiến tôi run lên và tôi hiểu vì sao sự tha thứ đã làm tôi tái sinh.

Con ác quỷ rút lui vào trong hang để làm sa vào lưới con mồi cuối cùng, Malene. Chúng tôi đã quên Malene và một mình có ấy ở lại với Grunau.

Những ngày đó hoàng thân bị ốm, bị đánh gục bởi lễ hội cuối cùng và bước lao cuối cùng tới cuộc sống mà ông đã xiết bao yêu quý nhưng lại đã hoàn toàn phá hỏng nó.

Tất cả ý nghĩ của chúng tôi xoay quanh ông ấy, ông chủ già của chúng tôi,

người đã chia sẻ số phận của chúng tôi trong nửa thế kỷ.

Ông ấy đã làm loá mắt cả đảo bằng những cảnh huyền hoặc của ông, nhưng những cảnh đó là một thú vui buồn thảm đối với chúng tôi cũng như đối với ông ấy. Bao giờ nó cũng gợi lên những ham muốn điên rồ. Không ai ở đây quên thời gian ông hối hận lúc đầu. Ông ấy đã yêu mọi người như một ngư dân nghèo khổ chứ không phải như một người gây dựng nên tội lỗi. Grunau quyến rũ ông ấy, cũng như hấn đã quyến rũ tất cả chúng ta, nhưng ông ấy đã phải trả giá cho sự yếu mềm trong cuộc đời của ông ấy.

Bác sĩ Hagedorn xấu hổ vì bị sa ngã lại tìm bước trên lối đi của bốn phận nghề nghiệp (ông được phái đến đảo vì phạm tội) đã chung thuỷ đến thăm hoàng thân, nhưng cũng cho chúng tôi ít hy vọng. Cái thân già cỗi, khô héo vì gió buốt của đảo và những thiếu thốn không thể nào chống đỡ được sự đổi mới của dòng nhựa bị bỏ quên này.

Ông nằm bên cái cửa sổ thấp mở ra đường để còn có thể "chia sẻ cuộc sống của người khác", như lời ông nói, và "theo dõi những cuộc đi lại của chúng tôi". Nét mặt của ông đã lấy lại vẻ uy nghi vương giả. Hào quang của đôi mắt uớt đã tái nhợt đi, cái cằm bé và nhẽo nằm trên ngực ông.

Khi đi qua thấy khuôn mặt đóng khung trong mớ tóc bạc trắng, chúng tôi thấy hình như nhìn rõ bộ mặt của hòn đảo chúng tôi với những cảnh quanh hiu buồn bã, vẻ khắc nghiệt của những quả đồi bao bọc bởi bọt sóng trắng. Vậy vì sao hòn đảo lại là nhà tù đối với ông ấy? Tù nhân đã có dáng dấp của nhà tù. Ông chủ của đảo cũng đồng nhất với chính hòn đảo. Ông ấy bị nắm giữ bởi cái chết cũng như hòn đảo bị nắm giữ bởi biển cả. Ông ấy cũng như hòn đảo chăm chăm nhìn vào đất liền không thể nào tới được. Mắt ông có nhìn thấy tổ quốc hay bến bờ của giải thoát không?

Một hôm khuôn mặt sau cửa sổ biến mất. Ông vua và người tù của đảo không còn nữa.

Chúng tôi hôn đôi bàn tay chắp lại lạnh cóng của ông, đôi bàn tay yếu đuối và bất lực đã lấy lại sức và khép lại trên tài sản của ông. Vàng trán mà những cách chữa trị đáng buồn của ông làm nhẵn lại cũng như bão tố làm nhẵn cát của đảo, đã nằm nghỉ trong yên lặng. Thân thể long khớp từng lão đảo trước làn gió nhẹ đã cứng lại trong bộ áo giáp của cái chết. Người tù đã được giải thoát và đã rũ bỏ xiềng xích ra xa mình.

Ông Hans Hofman già như một con vật bị đánh chết, tựa đầu vào xác của chủ. Ông chỉ còn đi theo hoàng thân đến những đất săn mới mà thôi. Nước mắt của ông ứa ra dưới cặp kính đen giống như hai cốc rượu trong đám tang.

Hoàng thân Philippe Gebhard 29, người cuối cùng của dòng họ Bernburg Lippe được chôn thật sâu trên đảo, bên bờ hoang mạc, dưới một ngôi mộ bằng đá màu xám như cát của chúng tôi.

Trong khi lâm bệnh ông đã gửi đơn lên đức vua, có lẽ ít ra là lá đơn thứ năm mươi. Lần này ông không xin cuộc sống nữa, mà ông cầu mong cái chết sẽ giải thoát ông khỏi đảo. Và đó là lần đầu tiên ông được chấp thuận..Nhưngkhi ông già Hans đã nhận vượt biển trong mùa đông để đưa đơn và đem trả lời về cho chủ, thì ông này mỉm cười. Ông đã đi đến sự tự do mà không một vị vua nào có thể cướp đi được.

- Cảm ơn Hans! – ông nói – nhưng chính ở đây tôi sẽ để chiếc giường của tôi. Và lại, làm sao Chúa Trời tìm được tôi ở kia? Như thế là khi sống ông là tù nhân trên đảo, ông vẫn là tù nhân ở đó khi chết. Nhờ có ông, chúng tôi có được niềm tin rằng mảnh đất của chúng tôi không phải là một nhà tù như mọi nhà tù khác, và người ta ngủ giấc ngủ cuối cùng tốt hơn ở nhà mình. Chính ở nhà sẽ tìm chúng tôi hơn cả. Ông Hans già còn sống sáu tháng nữa, rồi người ta chôn ông dưới chân quan tài chủ ông, cho con chó trung thành đi theo đến bên bờ của sự phục sinh.

Ngay trong ngày chúng tôi đặt hoàng thân nằm trong ngôi mộ chờ ông, cái ngày tối sầm lại vì bão cát, Grunau và Malene cập bến vào đảo. Họ với mới kết hôn xong và vội vã trở về nhà họ, đóng cửa lại ở trong ấy.

Cái gì đã thúc đẩy họ sum họp với nhau? Ý định của hấn chẳng mấy chốc chúng tôi đã biết tòng tòng tong.

Gói thư tín chờ ở Copenhagen để được đưa đến đảo trong mùa xuân, và ông già Hans nhận trách nhiệm chuyển cùng một lúc với giấy phép cấp cho hoàng thân, có một bức thư gửi cho Grunau.

Mẹ hấn, một người đàn bà tể nhị và bất hạnh, mà hấn là nguyên nhân mọi đau khổ của bà, vừa mới chết và các anh em hấn giảm bớt trợ cấp cho hấn đi bảy phần tám. Sự phạt tù sẽ thay thế mọi tiền góp nếu hấn cả gan rời khỏi đảo. Thế là hấn đã tìm được sự bồi thường trong đồng vàng của ông già Schwarzflugel. Nhưng còn cô ấy, Malene? Vậy thì cô ấy bị bản cùng hóa chẳng? Sự ôm ấp lạnh lẽo của đảo phải chẳng đã hoàn toàn dập tắt ngọn lửa xưa kia bốc cháy trong người Malene khiến cô phải sưởi ấm bên cạnh một người nước ngoài?

Chúng tôi nhớ lại khi cô còn trẻ và đốt nóng tất cả chúng tôi. chúng tôi giơ ra với cô những bàn tay lạnh giá của chúng tôi và, cô ấy hào hiệp chia sức nóng của cô cho mọi làn gió.

Và bây giờ? Không ai trong chúng tôi lo lắng cho cô, nghĩ đến cô từ ngày Schwarz flugel giam cô ở nhà ông ấy như là tài sản riêng của ông ấy.

Tôi nhớ lại ngày mất của ông mục sư già. Đó là mùa hè và Malene thờ dài, quay về phía cửa sổ mở ra phía mặt trời.

Ồi! Liệu cô ấy có biết rằng khi thoát khỏi vòng ôm của ông già thì cô vẫn tiếp tục mang họ của ông ấy không? cô ấy là vợ của mục sư, vĩnh viễn cách

xa với những người ngang hàng, cô đơn như những viên chức khác trên đảo này, cô đơn ngay giữa những người mình như một con chim lọt vào tay con người.

Và thế kia, cô ấy lại bị một người bầy chim ngoại quốc bắt được! Đột nhiên hình như hòn đảo nhớ lại cô ấy là người con của đảo, thấy rằng cô ấy là con cừu bị hy sinh cho con sói mà suýt nữa chúng tôi đều là nạn nhân. Thù hận hẳn gây ra ngày một tăng. Những người như tôi, không sinh ra ở đây nhìn thấy điều đó trong môi trường, trong im lặng. Càng ngày người ta càng sống cho riêng mình...

Nhưng năm tháng qua đi và tôi điều khiển cái trường học bé nhỏ của tôi dưới thời giáo chức của một mục sư mới mà chúng tôi cũng có được.

Ông ấy tên là Florentius Flak, và ngay từ khi nhìn thấy ông trên chiếc thuyền đưa ông đến, chúng tôi đã biết vì sao ông đến chỗ chúng tôi. Ông đến để ngủ.

Cao khoảng hơn 2 mét, và to bề ngang, ông đúng là một khối thịt khổng lồ với đôi mắt ti hí ngái ngủ trên một khuôn mặt có cằm kép và đôi má to bành. Giọng ông khàn. Ông có vẻ như đau đớn trong từng cử động. Cái nhìn của ông chói ra một ánh sáng âm ỉ, buồn bã và những bàn tay dị dạng của ông hình như cầu xin đặc ân cho ngủ được.

Thực ra tôi không lo ông ấy cho tôi nghỉ việc. Ông còn cảm ơn tôi đã loại bỏ cho ông ấy cái công việc mục mà, cũng như khi ông chọn đến đảo, là chỉ để tránh phải cố gắng lớn.

Khi chúng tôi chia tay nhau trên vịnh kho, nơi tất cả chúng tôi chạy đến xem đệ tử này của Chúa Jesus đã có lòng thương chúng tôi bị bỏ rơi, chúng tôi đã hiểu rằng hễ người ấy còn sống thì chúng tôi sẽ không bị bỏ rơi. Ông ấy đã chuẩn bị một cái giường nghỉ cho lâu dài trên sự bình yên không bị xâm phạm của những chiếc gối bằng cát của chúng tôi.

Còn ở đâu người ta có thể ngủ tốt như ở chỗ chúng tôi?

Tôi ở bên cạnh ông khi ông ấy chết, hai năm sau đó. Tôi ngồi bên cạnh ông, tôi nhìn ông ngủ, như ông đã luôn luôn ngủ trong căn nhà tối tăm và, trống rỗng, nói đúng chữ là căn phòng bảo hoà giấc ngủ.

Ba mươi năm đã qua đi từ ngày ông đến đây, nhưng tôi không nhận ra có thể nói là một thay đổi nào trên khuôn mặt nặng nề buồn bã và nhẵn nhụi lấp lánh những hạt mồ hôi.

Ngay cả những lông tơ cũng không chịu mọc ở ông.

Trong khi ngắm nghía những nét thất vọng của con người nghỉ ngơi trong ánh sáng chiều vàng lợt qua những cửa sổ thấp, tôi thấy những nét đó giống như hoang mạc của chúng tôi và tôi hiểu vì sao ông ấy đã tìm nơi nương thân và giấc ngủ ở chỗ chúng tôi. Nơi nương thân chống lại những đòi hỏi của một công việc ông không thể hoàn thành và giấc ngủ để thoát khỏi nỗi

buồn của ông. Hòn đảo này là mảnh ván cứu nạn với ông cũng như với tôi. Ông khó nhọc giương mí mắt đỏ lừ, mím nụ cười mệt mỏi với tôi, vừa giờ bàn tay ẩm ướt ra cho tôi vừa thì thầm:

- cuối cùng, tôi sắp sửa có thể ngủ thực sự.

Rồi cái cảm của ông rơi xuống ngực, đôi mắt ông không động đậy, ông ấy đã chết.

Buột tiếng thở dài cảm ơn, tôi cảm thấy giấc ngủ là một cái hay và giấc ngủ của tôi cũng đã đến gần. Các bạn thử xem hiện giờ chúng tôi đã gần nó biết bao.

Tuy nhiên tôi cũng phải trở lại đằng sau – nhưng cũng sẽ là để gặp các ngôi mộ. Chắc các bạn đã nhận xét câu chuyện tôi kể quá lâu, dài dòng và đã đến đoạn chót.

Rồi đến một ngày không thể nào tưởng tượng đối với chúng tôi, những người đã quen biết Malene Tambor trong hồi thanh xuân của cô, một ngày mà chúng tôi xúm quanh một chiếc quan tài mở. cô ấy nằm trong đó giữa những tấm vải phủ liệm màu trắng, lạnh lẽo và đông cứng như một cây nến tắt.

Vâng, cô ấy vừa mới chết, Malene, sau gần hai năm trong cuộc sống vợ chồng với Sivert Grunau, vừa mới chết đột ngột, trong một đêm, không hề đau ốm gì hết, ở tuổi ba mươi sáu.

Và chúng tôi phải cảm ơn Chúa vì xưa kia trên hòn đảo băng giá này, cô ấy là sức nóng và ánh sáng của ngọn lửa cho tất cả chúng tôi.

Cô Malene mà c tôi thấy hôm nay chính là cô gái hoang dã xinh đẹp và tốt bụng, cô gái đầu tiên đón tôi trên bãi biển để tỏ cho tôi biết rằng không phải là ngọn lửa của cái chết mà là ngọn lửa giấu kín của cuộc sống trên cát lạnh của chúng tôi mà cô ấy biết làm cho nó loé ra.

Trên tuyết trắng của gôi, cô ấy có vẻ nhìn chúng tôi một cách ngạc nhiên và hai bàn tay xưa kia giờ ra với biết bao độ lượng, đã quắp lại sát liền nhau.

Trong những bàn tay nửa giấu dưới những đăng ten áo sơ mi của cô, cô cầm một bức thư.

Tất cả chúng tôi đều thấy lá thư. Jacobus Uz và tôi đứng ở đầu quan tài, các ngư dân dọc hai bên, mục sư Flak ở cuối quan tài, và Sivert Grunau ngồi trên chiếc ghế ngay gần đó, hai cánh tay vòng quanh lưng ghế, mắt nhìn dán vào chúng tôi.

Chúng tôi ở đây, im lặng xung quanh cô cũng chẳng khác nào chúng tôi đọc bức thư qua phong bì niêm phong bởi vì chúng tôi biết Sivert Grunau đã giết vợ sau khi hút hết giọt máu cuối cùng mà Schwarzflugel để lại cho Malene. Mặc dù các cửa đóng và các bức tường kín của ngôi nhà, chúng tôi đã thấy cuộc sống của họ rõ ràng như hôm nay chúng tôi đọc được lời thú nhận chứa đựng trong thư.

Chúng tôi nín thở, nhưng mọi người siết nắm đấm sẵn sàng nhảy vào con ma cà rồng hút máu, tên đao phủ, tên giết người đang ngồi rình trên ghế.

Liếc nhìn trộm những khuôn mặt gầy, cứng và tái dưới những chòm râu đen, bất động như những đầu người chết bao quanh quan tài, tôi bỗng thấy hoảng sợ, biết đâu người ta không chỉ tìm cách báo thù hấn, mà cả tôi và những người ngoại quốc từ bao thế kỷ nay sống nhờ vào bờ biển và bị bỏ rơi và bị phản bội. Nỗi sợ hãi làm tôi chóng mặt một lúc. Liệu người ta có tóm cả tôi và ném cùng với hấn xuống cái biển khơi đã đưa chúng tôi đến đây?

Tôi nhận thấy trên trán mục sư Flak những giọt mồ hôi hình như tỏ ra cùng chung nỗi lo lắng. Môi ông mấp máy, có vẻ như ông muốn bắt đầu nghi lễ. Nhưng ông không rời mắt khỏi bức tước và hai bàn tay ông lỏng ngóng tìm chỗ dựa vào nhau.

Ngay trong lúc Flak sắp đàn hát tiếng thì Jacobus Uz bước ra khỏi hàng tôi, và tôi nhận thấy khuôn mặt nghiêm khắc và trắng của ông sao mà giống khuôn mặt những người khác đến thế, nhưng cũng lại nhận thấy rằng cái nhìn long lanh của ông mở ra với toàn thế giới thì cái nhìn của họ chỉ nghiêng vào hòn đảo.

- Sivert Grunau, thay mặt tất cả những người có mặt ở kia, tôi hỏi anh, lá thư vợ anh cầm trong tay là cái gì vậy?

Grunau ngược mắt nhìn chúng tôi như một con nai nhìn những con chó vây quanh. Nhưng hấn không trả lời, Jacobus Uz tiến đến gần thêm một bước, và cất cao giọng nói tiếp:

- Sivert Grunau, có phải tự anh viết bức thư này không?

Hấn đột ngột cúi đầu xuống, người ta có thể nói người ta đã đánh hấn.

- Thế cô ấy phải đưa bức thư cho ai?

Tôi nghe những người khác thở hổn hển, giống như những con chó chỉ chờ một dấu hiệu là lao vào con mồi để xé nó ra.

Grunau thêm thường nhìn về chúng tôi và hai bàn tay hấn bám vào lưng ghế.

- Mang đến cho Chúa – hấn thì thầm.

- Thôi được.

Jacobus lùi lại một chút và khuôn mặt ông hình như sáng chói lên.

- Bắt đầu thôi, ngài mục sư, để cho Malene có thể đưa đến nơi mà nó được gửi đi.

Hai hàng người đang cúi mặt về phía trước run rẩy như những ngọn sóng sẵn sàng nhảy vào cơn bão. Nhưng Jacobus Uz giờ bàn tay lên và nhìn họ. Uy lực ông tác động vào họ quá lớn khiến cả đám người lắc lư lùi về phía sau và đứng im xung quanh quan tài.

Nhưng vừa đi ra khỏi nhà một tí, mọi người liền vây quanh Uz.

Ông đứng trên bậc thềm, lại một lần nữa giờ tay lên để ra lệnh cho họ im, và ông nói:

- Có ai trong các người dám mở lá thư đó không?

Flak lắc đầu. Nửa ngất đi, ông dựa vào khung cửa và lau trán.

- Sao? – Jacobus Uz liếc mắt nhìn hết người nọ đến người kia – Các người không tin rằng Grunau đã tự giao nộp cho Người Phán Xử đích thực, Người Báo Thù đích thực à?

Tất cả im lặng, rồi cùng một hành động đồng loạt, họ bước xuống thành nhóm sát nhau đi về làng từng người một khuất vào dưới những mái nhà bằng tảo dạt.

Nhưng Jacobus Uz bỏ mũ và đưa tay qua lông mày, mỉm cười lên bầu trời mây.

- Ông mục sư và ông Bek, các ông có biết là tất cả các nơi khác trên thế giới này đều buộc Grunau phải viết bức thư đó không?

Ông im lặng một lúc rồi nói tiếp:

- Và có lẽ cũng không có ở nơi nào khác, hắn không bị dồn đến hành động đó. vậy là hắn đã tìm được người phán xét đích thực, người tạo ra hắn và tạo ra hòn đảo. Còn chúng ta – ông nói thêm, và cái nhìn đượm buồn của ông dừng lại ở ông mục sư, rồi ở tôi – chúng ta cần phải học sống với đất liền và đất liền phải học sống với đảo không phá hoại lẫn nhau và trong mối thù qua lại của chúng ta. Con người đã thích Malene và rồi lại giết cô ấy, hắn không thể làm khác được, cũng như là cuối cùng hắn phải nộp mình vào tay Chúa.

Tôi nhớ lại nhất những lời đó bởi vì nó là giá cuộc đời cho người đã phát biểu ra. Sau khi đã có ngày cứu được người mình khỏi hàm răng của chó sói, ông đã giật con sói ra khỏi tay họ. nhưng không phải để trả thù họ, vì việc trả thù đó đã được thực hiện trong vòng chưa đầy một năm. Không đợi đến sự can thiệp của Chúa mà Grunau đã cầu xin, hắn đã hoàn toàn thay đổi trong năm đó. hắn đã tự đóng kín cửa sau khi thất bại trong trò chơi và trong việc kết hôn với Malene, bỗng bất thành linh xuất hiện giữa chúng tôi, không phải còn dưới bề ngoài là một kĩ sĩ thanh lịch mà trong những quần áo nghèo khổ bình thường, tức là mặc áo chật như ngư dân và chân đi guốc gỗ. hắn tìm cách giấu mình lẫn vào trong những người dân đảo, để trở thành một người trong số họ, để giấu mình khỏi Malene, để cô ấy và Chúa không nhận ra hắn nữa.

Nhưng sự im lặng chung đã trả hắn lại với hai người đó. Bất kỳ chỗ nào hắn đi đến cũng là chỗ trống không, hắn trốn khỏi nhà hắn để đến gần một người hắn đi qua trước cửa, nhưng chẳng con mắt nào nhìn hắn, chẳng lỗ tai nào nghe hắn.

Nhọt nhạt như một xác chết, lão đảo đi đôi guốc gỗ mà hắn không quen, lưng còng xuống dưới sự cải trang mà hắn muốn làm cho hắn khác đi trong con mắt của hắn và của những người khác, hắn theo gót các ngư dân, bắt

chuyện, hỏi han, xin xỏ, hứa hẹn vàng của hắn.

Nhưng không một cái nhìn, không một lời nói, không một nụ cười đáp lại hắn. Hắn ở lại đằng sau, trên bờ đường, ở bìa sa mạc, cái nhìn dán vào họ đi cứ như hắn tự hỏi không biết tất cả cái đó có thật không, không biết hắn có nói chuyện, có xin, có hứa không, có phải hắn không tồn tại nữa không. Một đêm hắn đến chỗ tôi, lúng túng, tái nhợt. tiếng gõ cửa của hắn lôi tôi ra khỏi giường, hắn chạy bỏ vào phòng tôi, lao vào tôi, hai tay nắm cánh tay tôi và bắt tôi phải khẳng định là hắn thực sự có tồn tại.

Nhưng tôi là người ngoại quốc, mà hắn lại tìm câu trả lời cho câu hỏi của hắn ở trong dân đảo cơ. Đêm đó hắn kêu khóc với tôi rằng không phải hắn đã giết Malene, mà chính là họ, những người dân ở đây. Từ ngày Jacobus Uz đuổi hắn ra khỏi sân chơi, họ đã bắt hắn phải sống với cô ấy.

Hội đã áp đặt cho Malene một sự cô đơn khiến hắn phải lấy cô ta rồi giết cô để được giải thoát, để trả thù.

Hắn ngã quy xuống đất, van nài tôi cứu hắn khỏi Malene, khỏi Chúa. Và tôi chẳng có lấy một lời an ủi, một sự giúp đỡ nào hiến cho hắn, bởi vì tôi biết rõ hòn đảo và dân đảo. Tôi chỉ có thể trả lời rằng hắn thực tế có tồn tại và không có một sự phủ nhận nào về sự tồn tại của hắn có thể tiêu diệt hắn.

Nhưng những lời nói của tôi chỉ làm cho nỗi sợ hãi của hắn tăng thêm, nếu hắn sống thì sai lầm của hắn cũng sống.

Từ nhà tôi hắn chạy ra chỗ những ngư dân đi qua lúc sáng sớm để đến Sonderstand thăm mẹ lưới ban đêm. Rồi rời những ngư dân, Grunau trốn vào hoang mạc như thể hắn là con ma mà người ta nghĩ chính là hắn. năm ấy tôi thì gãy tay chân, Jacobus Uz thì chết. Ông yêu cầu những người khác đừng đọc bức thư niêm phong đó và để cho nó vẫn giữ kín đến với Chúa. Ông yêu cầu nhân danh sự tha thứ, lòng thương hại, nhân danh người phụ nữ đã chết. nhưng lời yêu cầu của ông gặp phải những khuôn mặt cũng đóng kín, những đôi môi cũng câm lặng như là với những nài nỉ của Grunau. Cuối cùng ông cố làm cho Grunau phải ra đi nhưng gửi hắn đi đâu? Đi đến nhà tù ư? Nếu hắn rời khỏi đảo, hắn sẽ không thoát khỏi đó đâu. Ông muốn lấy hắn ra khỏi đảo để nộp hắn hoàn toàn vào bàn tay của Chúa. Làm cho hắn thoát khỏi sự trừng phạt của con người để bỏ nó cho ơn huệ của Chúa. Ông đã đấu tranh cho hắn cũng như đấu tranh cho chính ông, cho tội lỗi của chính thời trai trẻ của ông, cho sự đoán chắc của việc chuộc mọi tội lỗi và khả năng của việc đứng dậy. Tất cả những cái đó đã kết thúc đúng như nó đã bắt đầu ở Chúa.

Đêm cuối cùng của năm đó chúng tôi tụ họp tất cả ở nhà ông, trong cái phòng lớn, nơi xưa kia đã sinh ra những kế hoạch hành động toàn cầu, nơi tổ tiên của Jacobus vạch ra những bản đồ biển, bày ra trước mặt họ những con đường tội ác mà các tàu thuyền của họ phải đi theo để cho các thuyền trưởng

của họ nghe. Bây giờ người hậu duệ cuối cùng của họ đấu tranh cho tội lỗi của họ, cho tội lỗi của mình, cho tội lỗi của Grunau. Những cánh tay dai của ông gơ lên phía trần nhà, ông khấn khoản các bạn bè của ông nhận Grunau vào cộng đồng của họ, để cho hắn sống, thừa nhận hắn và sẽ mở bức thư c hắn, Chúa, Người phán xử duy nhất. Ông cầu xin đừng làm cho Grunau chết trong cô đơn trên đảo. Nhưng những khuôn mặt chéo ném vào ông những cái nhìn bướng bỉnh. Cuối cùng khi những ánh đèn nhạt đi trước bình minh, Jacobus Uz ngã xuống bất tỉnh trên chiếc ghế lãnh chúa của tổ tiên ông. Nhưng ông đã thắng, mọi người thề vâng lời ông và nhận Grunau vào trong cộng đồng, để mặc sự phán xét cho Chúa.

- Clémens! – ông bạn thân thì thầm khi tôi cúi xuống – tôi thấy hình như tôi đã được Chúa tha thứ khi được Người cho một cuộc sống nhân loại ngay tại nơi có cuộc sống mà tôi đã phá hỏng. Ôi! Tôi tin rằng tôi đã chiến thắng mọi cái xấu, chiến thắng tính kiêu căng của con người tưởng mình ngang hàng với Chúa, Người phán xử của chúng tôi. Tiếc thay! Khi mọi người thất bại và chịu khuất phục xiết chặt hàng đi về phía đầm lầy và nhà của Grunau, đập cửa để gọi hắn trở về với cuộc sống thì thấy cửa và bàn ghế lỏng chỏng, như trong một cuộc chạy trốn điên cuồng. Chẳng ai trông thấy Sivert Grunau.

Về sau người ta cũng không tìm thấy hắn. Hắn đã bị ngã vì tuyết trong đêm khi Jacobus Uz tiến hành cuộc chiến cho Grunau, cho bản thân, cho Chúa. Và các dấu vết đã bị gió đêm xóa hết.

- Các dấu vết đó phải đi ra biển – tôi tự nhủ.

Nhưng ai nấy đều im lặng lắc đầu, bởi vì không bao giờ hắn trở lại, mặt nnta đã trải qua mấy đêm sau đó để khám phá bờ biển, để biết xem ai có lý, dân chúng hay Jacobus, và xem Chúa sẽ đưa hắn lại hòn đảo để tha thứ hay Người sẽ lấy hắn đi khỏi họ mãi mãi. Hắn đã không về. ngày hôm nay nữa, mọi người tin chắc họ đã không nhầm. Chính bàn tay Chúa đã bắt hắn để trừng phạt. Jacobus Uz không đứng lên khi ông được biết thắng lợi của ông là vô ích và Grunau đã chứng tỏ rằng những người khác có lý khi ông công nhận rằng hắn đã chết trong đêm đó.

- Vậy là Chúa đã không nhận sự sám hối của chúng tôi – Jacobus nói. Ông nằm trên giường của ông, trong ngôi nhà của tổ tiên ông, hai tay dài của ông khoanh lại trên ngực và đôi mắt ông nhìn chòng chọc rất xa trên biển.

- Vậy là Grunau và tôi sẽ cần phải ở trên một hòn đảo mới trong một cuộc đời mới. Nhưng tôi chưa bị mệt mỏi vì cuộc sống và vì đấu tranh, nhưng chúng tôi chỉ đấu tranh bên cạnh Chúa, bàn tay chúng tôi trong bàn tay Người.

Chẳng có gì ngạc nhiên rằng toàn dân đảo đi theo đám tang Jacobus Uz, có đám tang nào mà chúng tôi không cùng đi tất cả! Và cũng chẳng có gì ngạc

nhân khi người gác đèn pha, chồng của Madeleine, lại đi đầu quan tài, nếu hia người có thể tiêu diệt nhau trên cái nhà tù tức là hòn đảo này thì họ cũng lại trao cho nhau nụ hôn hoà bình. Không, cái kỳ lạ là ở Jacobus Uz, lời của Kinh Thánh xác nhận, ông ấy không chết, mà ông ấy sống.

Ông ấy sống như chỉ những người vĩ đại sống, mà sự hiện diện của họ không thiếu với chúng tôi như một người bạn thân đã mất, người ta không khóc ông như khóc một người chết, bởi vì ông sống. Ông ấy sống bởi kỷ niệm, bởi những lời nói, bởi tấm gương của ông. Ông sống, ông là cứu tinh của hòn đảo này, vị cứu tinh đã thắng lợi vì cái chết của ông. Tôi đã biết môi trường của đảo trước lúc ông chết, tôi đã biết nó về sau. Và mỗi lần tôi đều nhận thấy hơi thở của tinh thần ông.

Trong các ngăn kéo mà ông giao cho tôi sắp xếp lại, tôi không tìm thấy một dòng nào của sử thi ông viết về hòn đảo. Nhưng bản thân ông là sử thi của hòn đảo này, nó bị ép rất chặt bởi những ngọn sóng phải vọt đứng lên giữa bầu trời.

Bằng giá trị tài sản ccoo để lại, dân đảo đã mua lại quyền tự do của họ với những người thừa kế của hoàng thân. Họ đã được giải phóng khỏi cái ách lâu đời của họ.

Người Hùng

Dịch giả: Hồ Thiệu

Chương 2

Họ cùng bước ra khỏi túp lều. Erik Lange, Ellen, Honorius và một quý bà nhiều tuổi, thân hình cao to, tựa rất nặng nề xuống cánh tay mục sư và xuống một cây gậy. Gió xuân làm bay xung quanh bà những khăn tang dài. Một cô gái mặt xanh xao đội khăn tang đen đi theo bà, hai bàn tay ôm bó hoa hồng Noel. Họ dừng lại trên nền đất đắp cao rọi nắng để ngắm nghía ở ngoài kia đầm lầy xanh lục dưới chân núi Sonderbjaerg, mặt biển màu tím dưới bầu trời nơi đang trôi đi những làn sương trắng.

- Nhưng cũng đội ơn Chúa! Dù rằng mãi hôm nay dì mới đến, dì Dorete ạ - Honorius nói rất khẽ, vừa nắm chặt trong tay mình bàn tay đeo đầy nhẫn của một bà cụ già nua.

Dorete Colbfjornson, goá phụ của linh mục, tì mạnh lên cánh tay người cháu.

- Khi nhận được thư cháu, dì đã nghĩ là gì không quen ông ấy và dì không nhớ ra ông ấy – bà nói, mắt nhìn xa xăm.

- Và dầu sao dì đã đến đây, dì Dorete – giọng Honorius run run.

Bà trương đôi mi mắt nặng trập, quay nghiêng đầu sang phía cô con gái. Rồi bà gật đầu đồng ý, vừa mỉm cười.

Nhưng cô gái hơi rùng mình, rồi cúi đầu xuống bó hoa, quay lại và khuất đi sau đám bụi vàng của rêu phủ trên mái nhà.

- Cô ấy đã rất hiểu dì – Honorius nói tiếp, vừa mỉm cười.

- Ủ! Đúng – bà Colbjornson thọc gậy xuống cát – Đó là đứa bé nhất và duy nhất dì giữ lại, chúng tôi luôn sống với nhau. Nó hiểu dì.

Honorius cúi xuống và hôn tay bà, nhưng đôi mắt nâu nhìn chăm chú vào đám lầy và những ngọn sóng bằng cái nhìn bất động.

- Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên – bà thông thả nói – Chỉ có Chúa biết tất cả. Thế là tốt cho chúng ta.

Bỗng một con chiền chiện cất tiếng hót trên cao giữa bầu trời xanh nhợt. Và tiếng hát véo von trên toàn đảo.

Ellen ghé đầu vào vai Erik:

- Ô, Erik, Erik, khi nào em nghĩ đến chúng ta, đến thằng bé đang nhìn thấy lúc này, là em lại nghe chiền chiện hót. Em nghĩ đến cụ ấy, đến cuộc đời cụ ấy, một con người thua thiệt.

Nhưng Erik Lange nâng đầu vợ lên, và nhìn vào đôi mắt Ellen anh mỉm cười:

- Ellen ạ, hy vọng của em đã được thực hiện bởi mùa xuân, phải chăng hy vọng của cụ ấy cũng thế. Còn cuộc đời cụ ấy? Em có nhớ đoạn văn của Sainte Thérèse mà cụ ấy đã đọc cho chúng ta nghe hôm nào đó. "Thế giới sẽ ra sao nếu không có những thầy tu".

Dorete thông thả cúi đầu xuống, trầm ngâm.

- Chúng ta sẽ thành như thế nào, tất cả, nếu không có những người nghèo, người thua thiệt như ông ấy.

Hết

Nguồn: Nhà xuất bản Văn Học - công ty Văn hóa và truyền thông Võ Thị

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 01/03/2009 1:02:17 SA